

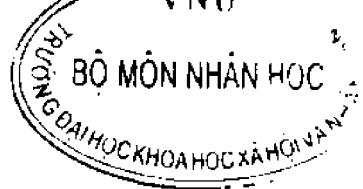
Ngô Thị Phương Lan và Trương Thị Thu Hằng dịch

Viết các  
**GHI CHÉP**  
**ĐIỀN DÃ**  
**DÂN TỘC**  
**HỌC**



NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

*Viết các ghi chép điện đã dan tộc học*



ROBERT M. EMERSON – RACHEL I. FRETZ – LINDA L. SHAW

# *Viết các ghi chép diễn dã dân tộc học*

Ngô Thị Phương Lan và Trương Thị Thu Hằng *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

**VIẾT CÁC GHI CHÉP ĐIỀN DÂN TỘC HỌC ||**  
**Robert M. Emerson, Rachel I. Fretz, Linda L.Shaw**

Bản tiếng Việt © 2014 Nhà xuất bản Tri thức.  
Cuốn sách được xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Tri thức và The University of Chicago Press.  
Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử mà không có sự cho phép của NXB Tri thức là vi phạm luật.

**Writing Ethnographic Fieldnotes, Second edition/**  
**Robert M. Emerson, Rachel I. Fretz và Linda L. Shaw**  
Copyright © 1995, 2011 by The University of Chicago.  
All rights reserved.

# MỤC LỤC

Lời nói đầu cho lần tái bản thứ nhất	7
Lời nói đầu cho lần xuất bản đầu tiên	11
Chương 1: <b>Ghi chép điền dã trong nghiên cứu dân tộc học</b>	
Tham dự dân tộc học	29
Khác ghi các thực tại được trải nghiệm/quan sát	43
Ý nghĩa đối với việc viết các ghi chép điền dã	46
Suy ngẫm: Viết ghi chép điền dã và thực hành miêu tả dân tộc học	52
Chương 2: <b>Tại thực địa: Tham dự, quan sát và ghi chép nhanh</b>	
Tham dự để viết	61
Ghi nhanh là gì?	68
Ghi chú nhanh: Như thế nào, ở đâu và vào lúc nào	75
Suy ngẫm: Việc ghi chép và tính ngoại vi dân tộc học	86
Chương 3: <b>Viết ghi chép điền dã I: tại bàn viết, tạo cảnh trên trang viết</b>	
Chuyển từ thực địa sang bàn viết	94
Nhớ lại để viết	99
Viết các ghi chép chi tiết: miêu tả các bối cảnh	106
Kể lại để mục của một ngày: các chấn lược tổ chức	128
Các cách viết phân tích trong tiến trình: nhận xét ngẫu nhiên và bình luận	135
Suy ngẫm: các phương thức “viết” và “đọc”	142
Chương 4: <b>Viết ghi chép điền dã II: các mục đích phức hợp và lựa chọn phong cách viết</b>	
Vị trí viết và đọc giả trong việc viết các ghi chép điền dã	147
Lựa chọn bối cảnh kể chuyện	151

Các câu chuyện từ ghi chép điển dã:	
viết các phân đoạn kể chuyện mở rộng	172
Cách viết phân tích: các ghi nhớ trong quá trình	190
Suy ngẫm: ghi chép điển dã là sản phẩm của việc lựa chọn cách viết	194

**Chương 5:  
Theo đuổi ý nghĩa của các thành viên**

Áp đặt các ý nghĩa ngoại sinh	199
Thể hiện ý nghĩa của các thành viên	205
Các thể loại đang sử dụng của thành viên: quá trình và vấn đề	229
Chủng tộc, giới, giai tầng và ý nghĩa của các thành viên	238
Các sự kiện địa phương và nguồn lực xã hội	248
Suy ngẫm: sử dụng ghi chép thực địa để khám phá/tạo ra ý nghĩa của các thành viên	250

**Xử lý các ghi chép thực địa: mã hóa và ghi nhớ**

Đọc các ghi chép điển dã như một hệ thống dữ liệu	257
Mã hóa mở	259
Viết các ghi nhớ mã hóa	272
Lựa chọn chủ đề	276
Mã hóa tập trung	280
Các ghi nhớ hợp nhất	282
Một số suy ngẫm: đưa ra lý thuyết từ những ghi chép điển dã	288

**Chương 7:  
Viết một tác phẩm miêu tả dân tộc học**

Phát triển một câu chuyện có chủ đề	293
Chuyển các ghi chép điển dã vào văn bản miêu tả dân tộc học	298
Tạo ra một văn bản miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh	328
Suy ngẫm: giữa các thành viên và các độc giả	343

**Chương 8:  
Kết luận**

# Lời nói đầu cho lần tái bản thứ nhất

Trong khoảng hơn hai mươi lăm năm qua, miêu tả dân tộc học đã dần trở thành cách tiếp cận được công nhận và phổ biến rộng rãi trong nghiên cứu xã hội định tính. Nhưng trớ trêu thay, kể từ sau lần đầu tiên xuất bản tác phẩm *Viết các ghi chép điền dã dân tộc học* (*Writing Ethnographic Fieldnotes*) vào năm 1995, chúng tôi thấy mối quan tâm về cách viết ghi chép trong dân tộc học dường như đã giảm đi. Các nhà xã hội học và nhân học không còn quan tâm nhiều đến sự phức tạp của tính đại diện trong miêu tả dân tộc học như những năm 1980 và 1990; họ ít chú ý hơn đến bản chất và các ảnh hưởng của việc viết ghi chép trong nghiên cứu dân tộc học so với những thập kỷ đó, mặc dù vấn đề này vẫn còn rất được chú trọng trong các nghiên cứu cộng đồng và các chương trình dạy viết. Nhưng mối quan tâm trước đây đối với quá trình viết các ghi chép điền dã, tương phản với các bài báo và các chuyên khảo dân tộc học được trau chuốt, đã ghi những dấu ấn quan trọng trong thực hành miêu tả dân tộc học: Một số nhà miêu tả dân tộc học hiện nay đã xuất bản các bài báo nói về những vấn đề và quá trình viết các ghi chép điền dã, như Warren (2000) và Wolfinger (2002). Ngoài ra, có lẽ khá quan trọng là một số hợp tuyển dân tộc học (chẳng hạn như công trình *Cẩm nang về miêu tả dân tộc học* (*Handbook of Ethnography*) của Atkinson, Coffey, Delamont, Lofland và Lofland) và các hướng dẫn nghiên cứu định tính (chẳng hạn như công trình *Phân tích các bối cảnh xã hội* (*Analyzing Social Settings*), tái bản lần thứ tư, của nhóm tác giả Lofland, Snow, Anderson, và Lofland; công trình *Khám phá các phương pháp định tính: Nghiên cứu thực địa, phỏng vấn, và phân tích* (*Discovering Qualitative Methods: Field Research, Interview, and Analysis*), tái bản lần thứ hai của các tác giả Warren và Karner),

các tác phẩm này đã thảo luận rất tỉ mỉ về việc làm thế nào để viết và xử lý các ghi chép thực địa. Quá trình phát triển này là một chỉ báo cho thấy các chính sách và việc thực hành viết ghi chép thực địa ngày càng trở thành một phần quan trọng trong hoạt động đào tạo miêu tả dân tộc học cho nhiều nhà khoa học xã hội.

Những sự phát triển đó phần nào là động lực cho lần tái bản đầu tiên tác phẩm *Viết các ghi chép điền dã dân tộc học*. Nhưng kinh nghiệm của chúng tôi khi dạy điền dã dân tộc học cho một thế hệ sinh viên mới còn góp một phần lớn hơn trong quyết định này. Khi làm việc với các sinh viên đại học và sau đại học trong các khóa dạy điền dã, chúng tôi luôn nhận thấy vai trò quan trọng của việc viết các ghi chép điền dã khi giảng dạy về miêu tả dân tộc học, cũng như khi định hình và đào sâu các kinh nghiệm nghiên cứu của sinh viên. Và cách sinh viên sử dụng những cách viết khác nhau trong các vấn đề mà họ phải cố gắng giải quyết, để có được những đoạn ghi chép điền dã chính xác về thế giới xã hội họ tìm hiểu, khiến chúng tôi cảm thấy rất thú vị.

Việc sử dụng giáo trình *Viết các ghi chép điền dã dân tộc học* trong giảng dạy, còn có một hiệu quả khác nữa: Do sinh viên vẫn thường thắc mắc và nhầm lẫn một số vấn đề trong giáo trình nên chúng tôi đã xem xét lại cẩn thận những điểm hạn chế đó. Chúng tôi đã sửa đổi một số điểm trong giáo trình, mặc dù luôn cố gắng giữ ý tưởng càng giống với lần xuất bản đầu tiên càng tốt. Cụ thể, chúng tôi đã sắp xếp lại khá nhiều trong Chương 3 và Chương 4 về các chiến lược và chiến thuật viết các ghi chép điền dã nhằm làm rõ hơn trình tự các giai đoạn mà một nhà miêu tả dân tộc học mới khởi nghiệp phải trải qua khi học cách viết ghi chép điền dã. Trong những chương này, chúng tôi thảo luận sâu hơn về quan điểm, cụ thể là tập trung vào những chuyển đổi từ ngôi thứ nhất thành ngôi thứ ba, cũng như cho thấy lợi ích của việc viết tập trung vào ngôi thứ ba. Chúng tôi cũng làm rõ nhiều cách thể hiện viết các ghi chép điền dã như một loại kể chuyện, kể cả viết những chuyện thường ngày có cấu trúc lỏng lẻo và cách ghi chép các câu chuyện điền dã có cấu trúc chặt chẽ hơn. Chúng tôi cũng sửa đổi chút ít ở các chương khác, mặc dù chúng tôi đã đưa ra một thảo luận đầy đủ hơn về các vấn đề chung tộc, giai tầng và giới, cũng như mối quan hệ của các ghi chép thực địa và miêu tả dân tộc học với các dạng thức và cấu trúc xã hội.

rộng lớn hơn. Trong suốt công trình, chúng tôi đã cập nhật tài liệu tham khảo để phản ánh những đóng góp cho thực hành dân tộc học kể từ lần xuất bản đầu tiên và đưa vào các đoạn trích ghi chép điền dã mới của sinh viên để minh họa cho các vấn đề và khuyến nghị của chúng tôi.

Về bản chất thực sự của những thay đổi này, giờ đây khi giảng dạy chúng tôi đặt trọng tâm vào việc bắt đầu phân tích càng sớm càng tốt. Phát triển lý thuyết từ ghi chép thực địa và dữ liệu phòng vấn không phải là quá trình dễ dàng hay đơn giản, do đó nên được bắt đầu sớm nhằm cho phép nhà điền dã tìm kiếm và viết ra những quan sát giúp thúc đẩy sự phân tích ấy. Trong lần tái bản này, chúng tôi sẽ nói đến mối quan tâm đó: hiện nay, chúng tôi khuyến khích viết các ghi chú ngắn, các nhận xét chi tiết từ ngày đầu tiên ở thực địa, viết một đoạn tóm tắt nhận xét cuối mỗi ngày ghi chép ở thực địa và các ghi nhớ dài hơn mỗi tuần. Chúng tôi sẽ phân biệt các hình thức phân tích và cách viết các phân tích cùng với hướng dẫn cách tốt nhất để mã hóa và ghi chép lại các ghi nhớ sau khi đã thu thập một số lượng đáng kể dữ liệu thực địa.

Chúng tôi muốn cảm ơn sự giúp đỡ và ủng hộ của sinh viên trong các khóa học mà tôi giảng dạy. Họ đã đóng góp những nhận xét cho lần xuất bản đầu tiên và/hay các ghi chép điền dã mà chúng tôi đã đưa vào trong lần tái bản thứ nhất này. Các sinh viên đó là Diego Avalos, Caitlin Bedsworth, Stefani Delli Quadri, Marie Eksian, Katie Falk, Christy Garcia, Graciella Gutierrez, Blaire Hammer, Brian Harris, Heidi Joya, Eric Kim, Jaeeun Kim, Norma Larios, Grace Lee, Nicole Lozano, Miles Scoggins, Sara Soell và Jennifer Tabler.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn gia đình, bạn bè, và đồng nghiệp sau vì đã đóng góp tri thức và ủng hộ công trình này: Bruce Beiderwell, Sharon Cullity, Amy Denissen, Sharon Elise, Shelley Feldman, Bob Garot, Jack Katz, Leslie Paik, Mary Roche, Garry Rolison, Bob Tajima, Erin von Hofe và Carol Warren.



## Lời nói đầu cho lần xuất bản đầu tiên

Những năm gần đây, nhiều nhà miêu tả dân tộc học đã nhấn mạnh vị trí trọng tâm của giai đoạn *viết* (writing) trong công trình của họ. Miêu tả của Geertz (1973) về “sự ghi khắc” (inscription) như là trung tâm của “sự miêu tả dày đặc” (thick description) có tính dân tộc học, và phần mở xé của Gusfield (1976) về nền tảng tu từ của khoa học đã đưa ra những phát biểu có ảnh hưởng sâu xa vào những năm 1970. Sau đó, tuyển tập do Clifford và Marcus biên tập, *Viết về văn hóa: Thi pháp và chính trị của tác phẩm dân tộc học* (*Writing Culture: The Poetics and Politics of Ethnography*) (1986), *Những câu chuyện thực địa* (*Tales of the Field*) (1988) của Van Maanen, và *Trí tưởng tượng dân tộc học* (*The Ethnographic Imagination*) (1990) của Atkinson đã thúc đẩy sự quan tâm đến vấn đề viết miêu tả dân tộc học.

Tuy nhiên, các tác phẩm khảo sát về cách viết miêu tả dân tộc học vẫn còn phân tán về quy mô, tất cả bắt đầu với những ghi chép điền dã *đã được viết ra* và tiến đến khảo sát những vấn đề như đặc điểm tu từ của những ghi chép điền dã này hay cấu trúc khái quát hơn của công trình mà từ đó hình thành các tác phẩm miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh. Khi làm như vậy, họ bỏ qua phần quan trọng nhất của việc viết miêu tả dân tộc học, đó là viết các ghi chép điền dã. Vì thế, họ bỏ qua vấn đề then chốt khi tạo ra các tác phẩm miêu tả dân tộc học, đó là hiểu được cách một nhà quan sát hay nhà nghiên cứu đã ngồi xuống và chuyển một phần trải nghiệm sống của mình thành một đoạn văn viết lần đầu tiên như thế nào.

Thật vậy, đa số các phân tích về “thi pháp của tác phẩm miêu tả dân tộc học” (Cliffors và Marcus, 1986) đã lấy các đoạn văn được viết một cách trau chuốt về đời sống xã hội, trích từ các chuyên khảo đã xuất bản, làm chủ đề

phân tích. Nhưng những đoạn văn hoàn chỉnh như vậy được kết hợp và xây dựng từ các ghi chép điền dã ít mang tính cố kết hơn, nhiều ghi chép trong số đó được viết khá lâu trước khi phát triển bất kỳ quan điểm miêu tả dân tộc học toàn diện nào. Ngoài ra, các ghi chép điền dã trong các tác phẩm miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh được sắp xếp và viết lại, chọn lọc và định hình cho một mục đích phân tích nào đó. Vì thế, chúng xuất hiện với các dạng thức rất khác và có các hàm ý rất khác so với những ghi chép điền dã ban đầu mà nhà dân tộc học đã viết ra ở thực địa. Với những lưu tâm này, chính việc viết các ghi chép điền dã, chứ không phải việc viết các tác phẩm miêu tả dân tộc học đã được trau chuốt, mới nằm ở vị trí trung tâm trong cấu trúc các văn bản miêu tả dân tộc học.

Ở cấp độ phương pháp luận thực tiễn, các nhà nghiên cứu thực địa giống nhau ở chỗ đều bỏ qua những vấn đề của việc làm thế nào để thực hiện các ghi chép điền dã. Các sổ tay hướng dẫn *Làm điều đó như thế nào* về công tác thực địa đưa ra rất nhiều lời khuyên về việc làm thế nào để tiếp cận và xây dựng các mối quan hệ với những người không quen biết ở những nền văn hóa và bối cảnh khác nhau. Nhưng các loại sổ tay này chỉ thính thoảng đưa ra những lời bình luận phi thể thức về việc làm thế nào để thực hiện ghi chép điền dã, ghi cái gì vào, v.v.<sup>1</sup> Các nhà nghiên cứu thực địa nói chung vẫn chưa chú ý một cách kỹ càng và có hệ thống đến việc các ghi chép điền dã được viết như thế nào trong các công trình cụ thể. Họ cũng không xem xét việc làm thế nào để đào tạo cách ghi chép điền dã tinh tế, hữu ích và thú vị hơn cho những người học làm điền dã. Thay vào đó, các sổ tay hướng dẫn điền dã thường tập trung đưa ra những lời khuyên thực tế cho việc làm thế nào để xử lý những ghi chép điền dã có sẵn để tập hợp chúng lại và viết thành các tác phẩm miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh. Chẳng hạn như Strauss (1987) và các đồng sự của mình (Strauss và Corbin, 1990) đã

<sup>1</sup> Xem phần xử lý của Shatzman và Strauss về "Chiến lược Ghi âm" trong công trình của họ về *Nghiên cứu thực địa: Các chiến lược cho một ngành Xã hội học tự nhiên* (Field Research: Strategies for a Natural Sociology) (1973:94-101). Đây là một lời khuyên tốt về những vấn đề như khi nào ghi chép và khi nào không ghi chép ở thực địa, những thuận lợi tương đối của việc đánh máy so với việc ghi âm đầy đủ các ghi chép, và lợi ích của sự phân biệt các ghi chép quan sát, phương pháp luận, và lý thuyết. Tuy nhiên, công trình này không đề cập đến việc người ta thực sự viết về cái gì và như thế nào, về việc học hỏi các kỹ năng viết, hay hệ quả của các phong cách viết khác nhau.

hướng dẫn chi tiết về cách mã hóa các ghi chép và xử lý các mã đó để cho ra tác phẩm miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh. Nhưng tập trung vào việc mã hóa nghĩa là đã giả định rằng các nhà miêu tả dân tộc học đã hoàn thành các ghi chép điền dã một cách có hệ thống và giờ đây chỉ phải đổi mặt với nhiệm vụ phân tích, tổ chức và làm cho chúng có ý nghĩa. Những hướng dẫn này không nói gì đến việc làm thế nào các nhà miêu tả dân tộc học thực hiện những ghi chép điền dã này lần đầu tiên hay về cách họ thực hiện các ghi chép khác nhau như thế nào. Tương tự, ba công trình hướng dẫn thực tế về nghiên cứu thực địa của Fetterman (1989), Richardson (1990) và Wolcott (1990) chủ yếu tập trung vào việc phát triển và viết các bài phân tích dân tộc học hoàn chỉnh theo những cách phỏng đoán về sự hiện hữu của một hệ thống các ghi chép điền dã.

Tuy nhiên, trong vài năm qua, một số nhà miêu tả dân tộc học đã bắt đầu điều chỉnh lại vấn đề này, họ chú ý nhiều hơn đến bản chất và việc sử dụng các ghi chép điền dã. Công trình do Sanjek biên tập năm 1990, *Ghi chép điền dã: Sự hình thành ngành nhân học* (*Fieldnotes: The Making of Anthropology*), tập hợp các bài viết theo lời kêu gọi của hội thảo “để xem các nhà nhân học đã làm gì với những ghi chép điền dã, họ sống với chúng như thế nào, và các thái độ hướng đến việc xây dựng và sử dụng những ghi chép điền dã có thể thay đổi như thế nào thông qua nghề nghiệp chuyên môn của cá nhân” (Sanjek, 1990b:xii). Tuyển tập bao gồm phần lịch sử mở rộng các “thực hành ghi chép điền dã” trong nhân học phương Tây (Sanjek, 1990d) cũng như phân tích về việc nghiên cứu, sử dụng và ý nghĩa mang tính cá nhân của các ghi chép điền dã đối với nhà nhân học (Jackson, 1990b; Sanjek, 1990c; Ottenberg, 1990), phân tích các ghi chép điền dã như phương tiện để miêu tả và đại diện cho các nền văn hóa (Cliffors, 1990; Lederman, 1990), đọc và sử dụng các ghi chép điền dã của người khác (Lutkehaus, 1990).

Cùng lúc đó, công trình *Trí tưởng tượng dân tộc học* (*The Ethnographic Imagination*) (1990) của Atkinson cũng bắt đầu khảo sát những thuộc tính văn bản của các tác phẩm miêu tả dân tộc học cổ điển và xã hội học đương thời. Mặc dù tập trung vào cấu trúc tu từ của các tác phẩm miêu tả dân tộc học, nhưng Atkinson cũng chú ý đến tầm quan trọng của việc phân tích các ghi chép điền dã. Nhấn mạnh tại thời điểm “các ghi chép điền dã là những

tài liệu riêng tư”, không sẵn có để phân tích, tác giả đề xuất nghiên cứu kỹ “đặc điểm phong cách của các ghi chép điền dã từ những tác giả cụ thể hay những trường phái xã hội học” (1990:57), do xác định điều này có tầm quan trọng trong tương lai, và tác giả đã bước đầu đi theo hướng này bằng cách phân tích hai trích đoạn ghi chép điền dã đầu tiên được xuất bản trong công trình *Điền dã: Nhập môn khoa học xã hội* (*Field Work: An Introduction to the Social Sciences*) (1960) của Junker.

Có một vài yếu tố nằm sau sự quên lãng dài lâu mà có thể giờ đây đã chấm dứt, về các ghi chép điền dã dân tộc học. Khi bắt đầu, các nhà miêu tả dân tộc học thường băn khoăn, bối rối về các ghi chép điền dã. Nhiều người dường như xem các ghi chép điền dã như một loại viết lách vội vàng, sẽ không được xuất bản, có chút sơ bẩn và hoài nghi, nó không phải là cái gì đó để nói đến một cách quá công khai, cụ thể. Các ghi chép điền dã dường như bộc lộ tính cá nhân quá nhiều, quá lộn xộn và chưa hoàn chỉnh, nên không thể trình bày cho bất cứ độc giả nào. Vì những vấn đề này khác, các học giả không sẵn sàng tiếp cận những ghi chép điền dã gốc chưa được biên tập mà chỉ làm việc với các tác phẩm miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh, trong đó có các ghi chép điền dã được chọn lọc và sắp xếp lại. Kết quả là, việc các nhà miêu tả dân tộc học viết các ghi chép điền dã như thế nào phần lớn đều bị che giấu và vẫn còn là một điều bí ẩn.

Ngược lại, các giai đoạn sau của quá trình viết miêu tả dân tộc học, tập trung vào việc cho ra những chuyên khảo miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh, thì lại bị chi phối nhiều về lý thuyết, và rõ ràng ít mang tính cá nhân. Khi thu thập được một số lượng ghi chép điền dã, nhà miêu tả dân tộc học rút khói địa bàn thực địa để cố gắng gắn kết một số mạch này thành câu chuyện miêu tả dân tộc học. Ở thời điểm này, nhà miêu tả dân tộc học xử lý các ghi chép điền dã đơn giản như những dữ liệu về đối tượng nghiên cứu, tham khảo và tái sắp xếp chúng khi phát triển thành câu chuyện dành cho độc giả. Các vấn đề và quá trình đánh dấu giai đoạn viết miêu tả dân tộc học này như: mã hóa, phát triển một tâm điểm phân tích, v.v., gần hơn với sản phẩm hoàn tất được xuất bản, và vì vậy, dễ tuân theo sự trình bày của những người khác.

Ngoài ra, các nhà nghiên cứu thực địa cũng không thống nhất về cách viết cho “các ghi chép điền dã”, khi nào nên viết và viết như thế nào, giá trị

của chúng đối với nghiên cứu miêu tả dân tộc học ra sao. Những quan điểm về vấn đề này rất khác nhau và đôi lúc trái ngược về bản chất và giá trị của các ghi chép điền dã, điều này đã cản trở việc tự giác tìm hiểu xem làm thế nào để viết các ghi chép điền dã.

Đầu tiên, các nhà nghiên cứu thực địa có hàng loạt cách viết khác nhau trong đầu khi đề cập đến “các ghi chép điền dã”. Một bài viết tóm tắt gần đây (Sanjek, 1990c) cho thấy là các nhà miêu tả dân tộc học nói đến tất cả các điều sau đây: “Ghi chú trong đầu” (headnotes), “ghi chú linh tinh” (scratch note), “ghi chép điền dã đích thực” (fieldnotes proper), “các hồ sơ ghi chép điền dã” (fieldnote records), “các văn bản” (text), “sổ ghi chép hàng ngày và nhật ký” (journals and diaries) và “thư từ, báo cáo, bài viết” (letters, reports, papers). Ở đây, các nhà miêu tả dân tộc học cho là các ghi chép điền dã rất đa dạng. Chẳng hạn như, một số nhà nghiên cứu thực địa xem ghi chép điền dã là phần ghi chép lại những gì họ học hỏi và quan sát về các hoạt động của người khác và cả những hoạt động, câu hỏi, suy ngẫm của riêng họ. Số khác thì lại cho là có sự khác biệt rõ nét giữa phần ghi lại những gì người khác nói, làm “dữ liệu” của điền dã, với những ghi chú kết hợp suy nghĩ và phản ứng của riêng họ. Tuy nhiên, cũng có điểm khác biệt sâu sắc trong số những người nhấn mạnh đến sự phân biệt giữa những phần viết về người khác và phần viết về bản thân: Một số người chỉ coi phần viết về người khác mới là các ghi chép điền dã, còn phần viết về bản thân là “sổ ghi chép hàng ngày” hay “nhật ký”; số khác “[xem] các ghi chép điền dã là *tương phản* với dữ liệu, nói đến các ghi chép điền dã như là phần ghi lại các phản ứng của một người, một danh mục khó hiểu về các mục cần phải tập trung vào, một cỗ găng mở đầu ở giai đoạn phân tích, v.v.” (Jackson, 1990b:7).

Thứ hai, các nhà nghiên cứu thực địa có thể viết các ghi chép điền dã theo nhiều cách khác nhau. Có người viết các ghi chép điền dã chỉ như “một nhật ký liên tục được viết vào cuối mỗi ngày làm việc” (Jackson, 1990b:6). Nhưng những người khác thì lại xem “những ghi chép điền dã đích thực” như vậy là tương phản với “những hồ sơ ghi chép điền dã”, bao gồm “các thông tin được tổ chức trong những hệ thống tách biệt khỏi các ghi chép điền dã theo trình tự” (Sanjek, 1990c:101). Ngoài ra, một số nhà nghiên cứu thực địa cố gắng viết những ghi chép chi tiết ngay khi có thể, sau khi chứng

kiến một sự kiện thích hợp, còn điển hình là ngồi viết lại những quan sát hoàn chỉnh và chi tiết vào mỗi buổi tối. Một số nhà nghiên cứu khác lúc đầu thực hiện những bản ghi ít chi tiết, điền vào trong sổ những ghi chép viết tay, rồi sẽ viết chi tiết hơn và “hoàn tất” ngay khi rời khỏi thực địa. Và còn có những người chờ đến khi rời khỏi thực địa mới bắt đầu viết và vật lộn để viết một bản miêu tả dân tộc học mạch lạc.

Cuối cùng, các nhà miêu tả dân tộc học không đồng ý với nhau ở điểm phải xem các ghi chép điền dã là một động lực hay là rào cản cho sự hiểu biết. Trong khi một số người xem chúng như là tâm điểm của công trình nghiên cứu, thì một số người khác lại cho rằng chúng không làm được gì hơn ngoài việc làm chỗ dựa, giúp cho nhà nghiên cứu thực địa giải quyết những áp lực và sự lo lắng của việc sống ở một thế giới khác, trong khi phải cố gắng để hiểu nó từ bên ngoài. Thực vậy, một số người cho rằng các ghi chép điền dã ngăn cản chúng ta hiểu biết sâu hơn. Jackson đã trích dẫn một nhà nhân học khác, cho rằng (1990b:13): “[Nếu không có các ghi chép thì có] nhiều cơ hội để khai quát, để sắp xếp theo khái niệm... không có những ngoại lệ gây khó chịu, những bản tường thuật nửa sự thật ám đạm mà bạn tìm thấy trong dữ liệu riêng của mình.”

Tóm lại, các nhà miêu tả dân tộc học đã không thành công trong việc xem xét kỹ lưỡng quá trình viết ghi chép điền dã. Sự thất bại này phần nào là do họ quan niệm khác nhau khi xác định ghi chép điền dã là gì, nó cũng xuất phát từ những bất đồng về các kỹ năng cần có để quan sát và viết miêu tả dân tộc học và về việc làm thế nào để có thể có được các kỹ năng cần thiết. Ở một thái cực nào đó, nhiều nhà nghiên cứu thực địa cho rằng bất cứ người nào được học hành và có máu phiêu lưu cũng đều có thể đi đến thực địa và làm điền dã; những kỹ năng mang tính kỹ thuật, nếu có, có thể được học hỏi ngay tại chỗ trong tình huống “tự bơi hay chết chìm”. Ở một thái cực khác, một số người lại cho rằng muốn nghiên cứu miêu tả dân tộc học, đặc biệt là viết các ghi chép điền dã, thì phải có năng lực và sự nhạy cảm trời cho, không thể chỉ dạy được. Chẳng hạn chỉ những ai có khả năng đặc biệt như Erving Goffman thì mới có thể trở thành nhà nghiên cứu thực địa sâu sắc. Đào tạo không phải là một vấn đề đối với những ai có kỹ năng bẩm sinh.

Vẫn có những người dường như thừa nhận rằng các khía cạnh của nghiên cứu thực địa nên và có thể học hỏi được, nhưng họ lại không xem

viết các ghi chép điền dã là một kỹ năng có thể dạy được. Họ cho rằng ghi chép điền dã liên quan quá nhiều đến phong cách riêng và tính cách cá nhân, cho nên không thể chỉ dạy một cách chính thức. Những điều nhà điền dã làm với những người được nghiên cứu, cách họ tìm hiểu và tường thuật lại những sự kiện này sẽ khác nhau giữa những người khác nhau. Vì thế, các nhà nghiên cứu ghi chép rất khác nhau, tùy theo định hướng của ngành, các mối quan tâm về lý thuyết, tính cách, tâm trạng và các cam kết về phong cách viết. Người ta cho rằng viết các ghi chép điền dã không tuân theo hướng dẫn chính thức, vì cảm giác và ý nghĩa của bất cứ điều gì nhà miêu tả dân tộc học viết ra cũng đều dựa trên “kiến thức sách lược” và những trải nghiệm trực tiếp vốn không được đưa vào các ghi chép điền dã một cách rõ ràng.

Chúng tôi bác bỏ phương pháp “tự bơi hay chết chìm” khi đào tạo các nhà miêu tả dân tộc học và thái độ cho là [để viết] tác phẩm miêu tả dân tộc học thì không cần có kỹ năng nào đặc biệt hay không cần có các kỹ năng, ngoại trừ những kỹ năng mà một cá nhân tốt nghiệp cao đẳng đã có. Chúng tôi cho rằng viết các ghi chép điền dã không đơn thuần là sản phẩm của sự nhạy cảm và hiểu biết bản năng mà còn cần có những kỹ năng phải học hỏi và rèn luyện qua thời gian. Thật vậy, chúng tôi thiết nghĩ các nhà miêu tả dân tộc học cần phải mài giũa các kỹ năng này, và chất lượng của tác phẩm miêu tả dân tộc học sẽ hoàn thiện hơn với sự tự ý thức trong việc viết các ghi chép điền dã như thế nào.

Ngoài ra, chúng tôi cho là các nhà miêu tả dân tộc học có thể vượt qua giới hạn do sự phân hóa trong khái niệm ghi chép điền dã tạo nên, bằng cách đưa ra những giả định rõ ràng và các cam kết về tính chất của tác phẩm miêu tả dân tộc học, như là một hệ thống các nghiên cứu thực tiễn và viết về các hoạt động. Những giả định và cam kết như vậy có ý nghĩa trực tiếp trong việc làm thế nào để hiểu và viết các ghi chép điền dã. Chẳng hạn, nếu một người xem tác phẩm miêu tả dân tộc học như một sự thu thập thông tin có thể được bắt cứ nhà nghiên cứu nào “tìm thấy” hay “phát hiện ra” theo cùng một cách, thì người đó có thể tách “những phát hiện” này ra khỏi quá trình tạo ra chúng và tách “dữ liệu” ra khỏi “các phản ứng cá nhân” một cách hợp lý. Tương tự, có quan điểm cho rằng các ghi chép điền dã đi vào con đường của hiểu biết trực giác, và những kiến thức phân tích

sâu hơn phản ánh một cam kết mang tính lý thuyết, để nắm bắt một "bức tranh rộng lớn" và xác định những dạng thức hành động lớn hơn là việc tìm hiểu các lệ thường và các quá trình hằng ngày. Quan điểm này đến lượt nó lại cho rằng việc đạt được những đặc tính này có thể bị lạc lối do có "quá nhiều sự kiện" hay "quá nhiều chi tiết."

Vì vậy, trong các hướng dẫn phổ thông về cách viết ghi chép điền dã không thực tế, người ta có thể phát triển các hướng dẫn cụ thể, phù hợp với cách hiểu cụ thể về nghiên cứu miêu tả dân tộc học. Nhưng trong giáo trình này, chúng tôi dựa trên sự hiểu biết liên tương tác (interactionist) và diễn giải (interpretive) về tác phẩm miêu tả dân tộc học, xuất phát từ các truyền thống tương tác biểu trưng và phương pháp luận dân tộc học để chiết hóa hướng tiếp cận với các ghi chép điền dã và với quá trình viết chúng. Rõ ràng là, chúng tôi chỉ đưa ra một trong số nhiều hướng tiếp cận có thể có; các nhà nghiên cứu thực địa khởi đầu với những cam kết thực chứng hay chịu ảnh hưởng bởi những truyền thống miêu tả dân tộc học sẽ tiếp cận nhiều vấn đề và quy trình mà chúng tôi thảo luận rất khác biệt. Tuy nhiên, chúng tôi mong là nhiều phần trong số những gì chúng tôi đưa ra sẽ hữu ích và có tính khơi gợi cho bất cứ ai bắt đầu làm nghiên cứu thực địa và học cách ghi chép điền dã.

Trong giáo trình này, chúng tôi theo đuổi một mục tiêu xa hơn: làm rõ việc ghi chép điền dã, đặc biệt chú ý đến các quá trình biến những quan sát và trải nghiệm thành văn bản có thể kiểm tra được. Để làm được như vậy, điều quan trọng là phải nhìn vào công việc thực sự, những ghi chép điền dã "chưa hoàn chỉnh" thay vì nhìn vào những ghi chép điền dã đã xuất bản, được trau chuốt, cần phải xem các ghi chú như vậy được biên soạn, viết lại và đưa vào các văn bản hoàn chỉnh ra sao. Vì thế, chúng tôi tập trung vào chính việc viết các ghi chép điền dã, bằng cách xem xét một loạt các vấn đề về kỹ thuật, tương tác, cá nhân và lý thuyết xuất hiện cùng với nó. Chúng tôi cũng xem xét các quá trình và vấn đề thực tế khi làm việc với các ghi chép điền dã để viết ra những ghi nhớ (memo) có tính phân tích và những lý giải mang tính dân tộc học cuối cùng cho nhiều độc giả cùng đọc.

Mục đích của chúng tôi không chỉ là về thực tiễn. Chúng tôi cũng muốn lấp đi khoảng cách giữa những suy ngẫm về các văn bản miêu tả dân tộc học với cách thực hiện tác phẩm miêu tả dân tộc học trên thực tế. Bằng cách

xem xét những cách thực sự được sử dụng để thực hiện các ghi chép điền dã, chúng tôi hy vọng sẽ thúc đẩy sự hiểu biết về bản chất của tác phẩm miêu tả dân tộc học khi kêu gọi sự chú ý đến các quá trình cơ bản cần có trong việc chuyển lời nói, quan sát và các trải nghiệm thành văn bản viết. Sẽ là sai lầm nếu chỉ nhìn vào các tác phẩm miêu tả dân tộc học và các ghi chép điền dã đã được hoàn thiện khi chúng ta cố gắng nắm bắt sự biến đổi các trải nghiệm thành văn bản. Các vấn đề và quá trình viết ra những lý giải ban đầu chưa được gọt giũa về những gì quan sát và trải nghiệm được sê rết khác với những vấn đề và quá trình liên quan đến việc xem xét, chọn lựa, biên tập và sửa chữa các ghi chép điền dã để cho ra một tác phẩm miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh. Các ghi chép điền dã được xuất bản không chỉ được gọt giũa mà còn được chọn lựa kỹ càng bởi chúng phải liên quan đến những chủ đề cụ thể được sử dụng để dựng thành một tác phẩm miêu tả dân tộc học. Trái lại, các ghi chép điền dã chưa hoàn chỉnh, được viết ít nhiều cùng lúc với các sự kiện được miêu tả, về mặt lý thuyết không được chú ý hay hợp nhất, không phù hợp với tiếng nói hay mục đích, thậm chí cũng luôn không rõ ràng hay không hấp dẫn về văn phong.

Việc chúng tôi chú ý tới những vấn đề khi ghi chép điền dã phát triển từ các trải nghiệm của chúng tôi khi dạy nghiên cứu thực địa cho sinh viên đại học và sau đại học. Vào đầu những năm 1980, hai người chúng tôi, Robert Emerson và Linda Shaw, bắt đầu dạy một khóa cho bậc đại học ở UCLA về các phương pháp nghiên cứu thực địa. Vì được tổ chức như một khóa kiến tập, tập trung vào các ghi chép điền dã và trải nghiệm thực địa được miêu tả trong các ghi chép đó, nên khóa học yêu cầu tất cả sinh viên phải thâm nhập vào một bối cảnh thực địa và bắt đầu thực hiện các ghi chép điền dã về những gì họ thấy và nghe được ngay lập tức. Ngoài các buổi thảo luận nhóm nhỏ tích cực về các ghi chú của sinh viên, chúng tôi cũng dành thời gian trên lớp để xem xét một trang photocopy hay hai bản “ghi chú tuần” của sinh viên, các đoạn trích được chọn lọc để minh họa cho các vấn đề chính về các mối quan hệ thực địa, các chiến lược viết, hay tập trung vào lý thuyết. Trong suốt khóa học, sinh viên đưa ra hàng loạt câu hỏi về cách ghi chép điền dã, bắt đầu với những vấn đề như “Tôi sẽ viết về cái gì?”, và kết thúc là “Tôi sẽ viết lại tất cả trong bài viết cuối cùng như thế nào đây?” Hai chúng tôi đã cố gắng tìm hiểu kinh nghiệm của các giảng viên trong “Các chương trình dạy

viết” (Writing Programs) ở UCLA về vấn đề này. Chúng tôi gặp Richael Fretz, một nhà nghiên cứu văn hóa dân gian đã có những trải nghiệm thực địa sâu sắc ở châu Phi. Sau khi trao đổi, chúng tôi đi đến quyết định cùng hợp tác thực hiện một khóa dạy cách ghi chép điền dã miêu tả dân tộc học cùng với khóa học về phương pháp nghiên cứu thực địa đang có.

Bản thảo này bắt đầu định hình khi nhóm tác giả đang dạy những khóa học nói trên như một phần của chương trình Học kỳ thâm nhập (Immersion Quarter) ở UCLA, vào giữa những năm 1980. Các sinh viên trong chương trình tham gia thực tập khi đăng ký vào một nhóm ba khóa học: phương pháp nghiên cứu thực địa, viết miêu tả dân tộc học và một khóa quan trọng về các chủ đề có thể thay đổi (bệnh tâm thần; kiểm soát tội phạm; giới, chủng tộc, và tộc người trong các trường học). Các khóa học về phương pháp thực địa và phương pháp viết luôn kết hợp chặt chẽ với nhau, với những bài tập phối hợp, bài đọc và bài tập thực địa. Là những người giảng dạy, chúng tôi thường xuyên gặp nhau để thảo luận về những vấn đề và thành quả của sinh viên. Chúng tôi rút ra những kinh nghiệm và cách giải quyết các vấn đề, cùng cho ý kiến để có cách làm việc tốt hơn với sinh viên và đưa những kinh nghiệm trong thế giới thực vào phân tích xã hội học. Các ý tưởng cốt lõi của bản thảo này được phát triển rất sớm, là kết quả của những cuộc gặp gỡ này và quá trình làm việc tập thể.

Tác phẩm *Điền dã: Nhập môn khoa học xã hội* (*Field Work: An Introduction to the Social Sciences*) (1960) của Junker cung cấp cho chúng tôi một khuôn mẫu để tập hợp và trình bày các dữ liệu của mình. Cuốn sách là một tuyển tập bài viết “Các trường hợp trong điền dã”, hình thành ở Đại học Chicago trong một dự án do Everett C. Hughes thực hiện, “Điền dã về điền dã” (Hughes, 1960:v). Dự án này bao gồm việc “kết hợp những gì chúng tôi đã học từ [việc giảng dạy các phương pháp cho] vài trăm sinh viên về học hỏi và thực hiện điền dã” (vii). Tương tự, để minh họa cho các cách thực hành khả hữu và những cách khác nhau để thực hiện các ghi chép điền dã, chúng tôi cũng đưa vào các ghi chép điền dã “thô” trong các chương sau.

Chủ yếu chúng tôi dựa vào các ghi chép điền dã và những đoạn trích miêu tả dân tộc học do sinh viên bậc đại học và sau đại học đã theo học các khóa về nghiên cứu thực địa và viết miêu tả dân tộc học mà chúng tôi giảng dạy ở UCLA, Đại học bang California, San Marcos, và Đại học Cornell. Một số

người có thể không đồng ý với việc sử dụng các ghi chép điền dã của sinh viên, bởi họ cho rằng những ghi chép đó không phải là sản phẩm của nhà nghiên cứu được đào tạo chuyên nghiệp. Phần nào việc chúng tôi thích sử dụng các ghi chép của sinh viên đã phản ánh cách chúng tôi bắt đầu viết giáo trình này, đọc và nhận xét những phần viết như vậy, nói rõ những ghi chép nào hiệu quả và lý thú, gây ấn tượng cho chúng tôi, thu thập ví dụ cho các vấn đề cụ thể của mục tiêu giảng dạy. Nhưng ngoài ra, chúng tôi cũng muốn làm rõ các ghi chép điền dã, có được kết quả tốt hơn bằng cách cho sinh viên, cũng như những người sẽ đọc và dùng giáo trình này, thấy họ có thể làm gì. Và cuối cùng, sau mỗi học kỳ, chúng tôi lại thấy ấn tượng bởi tính chất, sự lý thú và tươi mới trong các ghi chép điền dã của sinh viên, nói về những sự kiện thông thường và đặc biệt trong những bối cảnh xã hội khác nhau.

Ngoài những ghi chép điền dã của sinh viên, chúng tôi còn lấy ví dụ từ các ghi chép điền dã chưa xuất bản của mình. Các ghi chép này nằm trong một số dự án nghiên cứu khác nhau. Chúng bao gồm nghiên cứu của Robert Emerson về những người đi kiện nộp đơn xin lệnh của tòa án yêu cầu không được bạo hành gia đình, được thực hiện vào cuối những năm 1980, đầu những năm 1990<sup>2</sup>; chương trình điền dã dân tộc học của Rachel Fretz về kể chuyện của người Chokwe ở Zaire vào năm 1976, 1977, 1982, 1983, và ở Zambia vào giai đoạn 1992-1993<sup>3</sup>; nghiên cứu thực địa của Linda Shaw được thực hiện với các bệnh nhân ở bệnh viện tâm thần vào đầu những năm 1980.

Quyển sách của chúng tôi về các vấn đề trong ghi chép điền dã dành cho hai giới độc giả phổ biến. Một giới độc giả gồm những người quan tâm đến miêu tả dân tộc học và nghiên cứu thực địa, chủ yếu phục vụ cho mục đích nghiên cứu có tính học thuật. Ở đây, chúng tôi sẽ cố gắng hướng dẫn cách viết ghi chép điền dã một cách thực tiễn, sẽ có ích cho các sinh viên bậc đại học và sau đại học trong một số ngành học thuật. Những ngành này bao

<sup>2</sup> Nghiên cứu này được Quỹ Khoa học Quốc gia tài trợ SES-8713255, "Người đi kiện tự bào vệ: Việc tự đại diện trong các vụ án dân sự có hậu quả" (The Pro Se Litigant: Self-Representation in Consequential Civil Cases) Robert M. Emerson và Susan McCoin đồng Chủ nhiệm, 1988 - 1989.

<sup>3</sup> Nghiên cứu của Rachel Fretz về việc kể chuyện của người Chokwe ở Zaire năm 1982 được Fullbright - Haye tài trợ và nghiên cứu về Zambia sau đó vào năm 1992 được Fullbright tài trợ cho một nghiên cứu sâu hơn.

gồm xã hội học, nhân học, văn hóa dân gian, dã sử, giáo dục và âm nhạc dân tộc học, những ngành mà nghiên cứu thực địa và các phương pháp miêu tả dân tộc học chiếm một vị trí nổi bật; và những ngành khoa học, chẳng hạn như khoa học chính trị, quản trị kinh doanh, truyền thông, nghiên cứu sáng tác, an sinh xã hội và y tế công, trong những ngành này, miêu tả dân tộc học và nghiên cứu thực địa có thể được giảng dạy như là các lựa chọn phương pháp luận thứ cấp.

Nhưng trong giáo trình này, chúng tôi cũng hướng tới các độc giả có những mối liên hệ với miêu tả dân tộc học, những người này gắn với giáo dục thông qua trải nghiệm và hoạt động phục vụ học tập. Khi khuyến khích học hỏi thông qua thực hành, thì giáo dục thông qua trải nghiệm đặt sinh viên vào hoạt động phục vụ cộng đồng hay vào vai trò thực tập sinh ở một số cơ quan. Ở những vị trí này, sinh viên sẽ gặp phải những thách thức trong thực tiễn khi làm việc; sau đó, nhiệm vụ của họ là phải liên hệ những trải nghiệm này với các mối quan tâm học thuật truyền thống.

Tới bây giờ, chìa khóa cho sự kết hợp này là nhật ký những sự việc quan trọng (Batchelder và Warner, 1977). Nhưng các nhật ký phục vụ học tập khuyến khích viết về nhận thức và cảm giác của sinh viên hơn là về những gì người khác làm và nói. Những nhật ký như thế thường không khuyến khích sinh viên viết dài hay chi tiết về các quan sát của họ. Chúng có khuynh hướng “tập trung vào sự khủng hoảng”, chú ý vào những sự việc kịch tính và nổi bật hơn là những điều thông thường hằng ngày; vì thế dẫn đến các miêu tả chung chung hay miêu tả về “các sự việc quan trọng” đã được giải bối cảnh. Điều này gây cản trở cho việc suy ngẫm và tìm hiểu sâu các quá trình hằng ngày.

Chúng tôi cho rằng chính việc viết các ghi chép điền dã miêu tả dân tộc học, chứ không phải các mục viết trong nhật ký, mới nhấn mạnh và đào sâu sự kết hợp giữa trải nghiệm với kiến thức trong lớp học. Việc viết các ghi chép điền dã sẽ giúp đào tạo sinh viên thông qua trải nghiệm quan sát một cách tinh vi và có hệ thống hơn, xem xét cả cái tầm thường lẫn cái kịch tính và chú ý vào hoạt động, cùng những mối quan tâm của người khác, kỹ càng như là của chính họ. Ngoài ra, các ghi chép điền dã có hệ thống được viết cùng lúc là một phương tiện để nắm bắt các giai đoạn hay các bước thích nghi của người thực tập trong một bối cảnh cụ thể. Những ghi chép như

vậy là minh chứng sát sao bằng tài liệu để biết phải hướng dẫn cho thực tập sinh một cách rõ ràng và hàm súc rằng những điều gì là quan trọng và nên làm như thế nào. Những sự hướng dẫn đó là cơ chế xã hội hóa chính cho người mới thâm nhập vào bất cứ bối cảnh nào; các hướng dẫn cho thấy các kỹ năng lắn kiến thức làm việc cũng như các ưu tiên, giả định và cam kết thực sự của những người trong bối cảnh.

Rõ ràng là vẫn còn các quan điểm căng thẳng giữa thực hành nghiên cứu thực địa miêu tả dân tộc học và giáo dục thông qua trải nghiệm. Chẳng hạn khi nhà nghiên cứu thực hiện các ghi chép điền dã có phạm vi rộng, có thể cần nhiều cam kết về nghiên cứu hơn so với sinh viên giáo dục qua trải nghiệm là những người ít nhất từ ban đầu đã được thôi thúc bởi mong muốn phục vụ người khác hay đánh giá sự hấp dẫn của một nghề nghiệp cụ thể. Tuy nhiên, nghiên cứu miêu tả dân tộc học có thể thuyết phục ở chỗ nó giúp hiểu biết sâu sắc hơn về các quá trình cá nhân, công việc và tổ chức có khả năng gặp phải khi nghiên cứu. Vì thế, tiếp cận tham dự dân tộc học và viết miêu tả dân tộc học được phát triển ở đây sẽ mở ra nhiều điểm chung cho hai truyền thống vốn từ lâu đã đi theo hai con đường riêng; cách tiếp cận này làm được như vậy là nhờ cung cấp một phương tiện để truyền tải các trải nghiệm vào các dạng thức văn bản có thể mang vào lớp học và được xem xét kỹ lưỡng về khả năng hàm chứa các vấn đề rộng lớn của đời sống xã hội và học thuật (xem Bleich, 1993).

Chúng tôi đã đặt ra cho mình một nhiệm vụ rất cụ thể trong giáo trình này: xem xét các quá trình viết liên quan đến việc tạo ra và sử dụng các ghi chép điền dã miêu tả dân tộc học. Vì thế, chúng tôi không có ý định biến cuốn giáo trình này thành một hướng dẫn thực hành nghiên cứu thực địa miêu tả dân tộc học. Cụ thể là chúng tôi không xử lý chi tiết những nền tảng lý thuyết sâu sắc của miêu tả dân tộc học hay các vấn đề phức tạp và nan giải khi thực hiện một công trình điền dã thực sự. Thay vào đó, chúng tôi bổ sung vào những quan điểm tổng quan hiện có về các nền tảng và quy trình nghiên cứu miêu tả dân tộc học<sup>4</sup> bằng cách xem xét thật cụ thể các vấn đề thực tiễn

<sup>4</sup> Xin xem, chẳng hạn như: Burgess 1982, 1984; Denzin và Lincoln 1994; Ellen 1984; Emerson 1988; Hammersley 1992; Hammersley và Atkinson 1983; Lofland và Lofland 1995; Schatzman và Strauss 1973; Schatzman và Jacobs 1979, Spradley 1980; Taylor và Bogdan 1984.

quan trọng, liên quan đến việc thực hiện và sử dụng các ghi chép điền dã. Ngoài ra, chúng tôi cũng xem xét việc thực hiện các ghi chép điền dã gắn bó chặt chẽ với các nhiệm vụ phương pháp luận và lý thuyết như thế nào.

Các chương được sắp xếp làm sao để phản ánh được mối quan tâm song song của chúng tôi về việc học cách ghi chép điền dã và hiểu được sự thích hợp của những thực hành này đối với những nghiên cứu miêu tả dân tộc học rộng hơn. Chúng tôi [muốn] sử dụng kinh nghiệm và thực hành của các sinh viên đang học cách ghi chép điền dã như quan điểm khởi đầu hơn là sử dụng một phiên bản được lý tưởng hóa hay theo quy tắc quy định các ghi chép điền dã “phải được viết ra” như thế nào. Sau phần tổng quan về bản chất và vị trí của ghi chép điền dã trong nghiên cứu miêu tả dân tộc học, những chương tiếp theo nói về từng bước trong quá trình thực hành viết và cách làm việc với các ghi chép điền dã. Mỗi chương kết thúc với “những suy ngẫm” về ý nghĩa của các thực hành và các quá trình mà chúng tôi đã xem xét đối với những vấn đề chung, hơn là về lý thuyết và phương pháp miêu tả dân tộc học.

Chúng tôi bắt đầu Chương 1 bằng việc xem xét tầm quan trọng của các ghi chép điền dã đối với nghiên cứu miêu tả dân tộc học, xác định rõ những giả định và cam kết trong cách tiếp cận của chúng tôi. Chương 2 xem xét những vấn đề quan trọng của miêu tả dân tộc học, đó là quan sát và tham dự vào cuộc sống đang diễn ra trong một bối cảnh tự nhiên để miêu tả các sự kiện quan sát được ở đó dưới dạng văn viết; sau đó nói đến cách ghi nhanh các cụm từ hay các ghi chú trong khi đang ở địa bàn. Chương 3 khảo sát về quy trình viết ra những ghi chép điền dã, từ trí nhớ hay các ghi nhanh trước đó. Chương 4 nói về các chiến lược viết khác nhau để hình dung ra các cảnh trên một trang giấy, miêu tả các sự kiện quan sát được, sắp xếp các miêu tả mở rộng và viết các ý tưởng phân tích về những cảnh này. Ở Chương 5, chúng tôi nói về cách ghi chú, phát triển các phân tích để nắm bắt và truyền tải một cách hiệu quả những sự kiện có ý nghĩa đối với những người tham gia. Chương 6 quay lại với các hệ thống ghi chép điền dã “hoàn chỉnh” dài dòng, xem sé đọc, phân loại, mã hóa các ghi chú như thế nào và bắt đầu phân tích ra sao. Chương 7 trình bày các lựa chọn của nhà miêu tả dân tộc học về việc làm thế nào để tổ chức và viết các tác phẩm miêu tả dân tộc học chặt chẽ và trau chuốt hơn, dành cho nhiều độc giả hơn. Cuối cùng, trong Chương 8, chúng tôi nói đến nhu cầu cân bằng những yêu cầu và mối

quan tâm thường là mâu thuẫn giữa lòng trung thành với những người được nghiên cứu và nghĩa vụ với độc giả tương lai khi viết các công trình miêu tả dân tộc học, giữa sự suy ngẫm tự giác và việc viết lên trang giấy, và giữa sự nhạy cảm với những ý nghĩa bản địa và tính thích hợp để phân tích.

Chúng tôi muốn thể hiện lòng biết ơn của mình với Chương trình Nghiên cứu Thực địa (Field Studies) ở UCLA vì đã khuyến khích và ủng hộ chương trình Học kỳ Thâm nhập mà kết quả của nó là giáo trình này. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn Jane Permaul, Rob Shmer, và Parvin Kassaie về điều này. Chúng tôi cũng xin cảm ơn các đồng nghiệp đã nhận xét và cho ý kiến về bản thảo: Timothy Diamond, Dianne Dugaw, Shelley Feldman, Jan Frodesen, George Gadda, Dwight Giles, Claudia Ingram, Michael O. Jones, Jack Katz, Susan McCoin, Anita McCormick, Melvin Pollner, Anita Pomerantz, Amanda Powell, Judith Richlin-Klonsky, Mike Rose, Ruth M. Stone, Carol Warren, Randy Woodland, và hai nhà phê bình giàu tên của Nhà xuất bản Đại học Chicago. Và chúng tôi cũng muốn cảm ơn biên tập viên, Richard Allen, người đã hứa là sẽ “gây cho chúng tôi một khoảng thời gian khó khăn” và đã làm đúng như vậy bằng cách thúc đẩy chúng tôi phải làm rõ những mối quan tâm và xác định rõ các luận điểm của mình.

Cuối cùng, chúng tôi xin được cảm ơn sinh viên của những khóa học nghiên cứu thực địa mà chúng tôi giảng dạy, họ đã rộng lượng cho phép chúng tôi sử dụng các phần ghi chép điền dã và miêu tả dân tộc học để làm ví dụ minh họa: Karin Abell, Teri Anderson, Jim Angell, Erin Artigiani, Ben Beit-Zuri, Nancy S. Blum, Paul Brownfield, Jennifer Cheroske, Rebecca Clements, Cabonnia Crawford, John Cross, Maria Estrada, Julie Finney, Robert Garot, Mauricio A. Gormaz, Heather W. Guthrie, David Hillyard, Suzanne Hirsch, Ronald X. Kovach, Shawn Lemone, Wendy Lin, Storm Lydon, Francisco “Chuck” Martinez, Martha Moyes, Deanna Nitta, Phil Okamoto, Blair Paley, Krüstin Rains, Lisa Ravitch, Joanna Saporito, Kristin D. Schaefer, Joe Scheuermann, Cliff Spangler, Lakshmi Srinivas, Martha Stokes, Kathryn L. Taitar, Laura Miles Vahle, Linda Van Leuven, Karina Walters, David Whelan, Nicholas H. Wolfinger, và Terri Young. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn Lisa Holmes và Martha Millison vì họ không chỉ cho phép chúng tôi sử dụng các đoạn trích trong ghi chú thực địa của mình, mà còn cho chúng tôi “nhận xét của sinh viên” sau khi đọc bản thảo đầu tiên của giáo trình này.



## Chương I

# Ghi chép điền dã trong nghiên cứu dân tộc học

Nghiên cứu điền dã dân tộc học gắn liền với việc tìm hiểu về các nhóm người và các tộc người trong cuộc sống hàng ngày của họ. Việc nghiên cứu như vậy liên quan đến hai hoạt động khác nhau. Thứ nhất, nhà nghiên cứu thực địa bước vào một bối cảnh xã hội và bắt đầu làm quen với những con người gắn với bối cảnh ấy; thường thì trước đây người ta chưa biết rõ về bối cảnh này. Nhà nghiên cứu sẽ tham dự vào nhịp điệu cuộc sống thường nhật, phát triển các mối quan hệ lâu dài với con người trong bối cảnh ấy và quan sát tất cả những gì đang diễn ra. Trên thực tế, thuật ngữ “quan sát tham dự” thường được dùng để nêu lên đặc điểm nổi bật của cách tiếp cận nghiên cứu cơ bản này. Thứ hai, nhà nghiên cứu sẽ viết lại một cách đều đặn và có hệ thống những gì mình quan sát và học hỏi được khi tham dự vào chu kỳ cuộc sống thường nhật của người khác. Thông qua việc này, nhà nghiên cứu sẽ tạo ra ngày càng nhiều dữ liệu thành văn về các quan sát và trải nghiệm ấy. Hai hoạt động có liên quan với nhau này tạo thành cốt lõi của nghiên cứu điền dã: ban đầu tham dự trực tiếp vào một thế giới xa lạ, sau đó viết các báo cáo thành văn về thế giới đó dựa trên sự tham dự ấy. Trong các phần sau, chúng tôi sẽ xem xét chi tiết mỗi hoạt động nói trên, sau đó đưa ra ý nghĩa của chúng đối với việc ghi chép điền dã.

Tuy nhiên, các nhà dân tộc học có cách nhìn nhận lợi ích cơ bản của việc quan sát tham dự và cách trình bày dưới hình thức viết những gì họ đã thấy và trải nghiệm tại thực địa rất khác nhau. Cách chúng tôi hiểu và trình bày về quá trình viết và phân tích các ghi chép điền dã trong chương này và

các chương kế tiếp phản ánh định hướng lý thuyết riêng của chúng tôi. Ở đây, chúng tôi muốn trình bày thật ngắn gọn nhận định và theo đuổi lý thuyết cơ bản của mình; chúng tôi sẽ nêu cụ thể và triển khai chúng khi đề cập đến các quá trình viết và phân tích ghi chép điền dã ở những chương sau.

Chúng tôi tiếp cận dân tộc học như là một phương thức để tìm hiểu và miêu tả thế giới xã hội, rút ra từ truyền thống lý thuyết tương tác biểu tượng và phương pháp luận dân tộc học. Điểm chung của hai truyền thống này là quan điểm cho rằng thế giới xã hội được diễn giải như là các thế giới: “Hiện thực xã hội là một thế giới được diễn giải, không phải là thế giới theo nghĩa đen, luôn luôn trong [quá trình - ND] xây dựng có tính biểu tượng” (Altheide và Johnson, 1994:489). Các thế giới xã hội này cũng được tạo ra, duy trì và thông qua sự tương tác với những thế giới xã hội khác, trong khi các quá trình diễn giải ý nghĩa luôn giữ vị trí trung tâm. [Lý thuyết] tương tác có tính biểu tượng cho rằng “hành động của con người luôn diễn ra trong một tình huống mà người hành động gặp phải và rằng anh ta hành động dựa trên nền tảng xác định tình huống gặp phải” (Blumer, 1997:4). Tương tác này tập trung vào “các hoạt động của con người trong các mối quan hệ mặt đối mặt” khi những quan hệ này tác động và gắn liền với việc xác định các tình huống (Rock, 2001:26). Kết quả là mối quan tâm riêng với quá trình, nghĩa là chuỗi những tương tác và diễn giải tạo ra ý nghĩa và những kết quả, vừa không dự đoán được vừa có tính phát sinh. Phân tích của Schutz (1962, 1964) phần nào khơi gợi nên phương pháp luận dân tộc học, về các ý nghĩa và giả định được coi là đương nhiên tạo ra các tương tác và phương pháp này có thể hiểu là để xuất ra một “xã hội bao gồm các giao dịch không ngừng nghỉ, luôn gợi mở, thông qua đó các thành viên gắn kết với nhau và với các sự vật, chủ đề, mối quan tâm mà họ thấy có liên quan” (Pollner và Emerson, 2001:120). Các giao dịch như vậy phụ thuộc và được rút ra từ một số “tiến trình và thực hành mang tính con người”, bao gồm “sự hiểu biết nền tảng” không ăn khớp, một loạt các “thực hành có tính diễn giải” riêng biệt, và các tiến trình “tự duy mang tính thực tiễn” của các cá nhân (Pollner và Emerson, 2001:122). Những điểm nhấn mạnh chung về sự diễn giải và tương tác, sự kiến tạo xã hội và khả năng hiểu biết về ý nghĩa trong những nhóm người và tình huống khác nhau, làm nổi bật cách tiếp

cận của chúng tôi đối với tham dự dân tộc học, miêu tả, khắc ghi và ý nghĩa cụ thể mà chúng tôi rút ra được từ những tiến trình này cho việc thực hiện viết ghi chép điền dã.<sup>1</sup>

## THAM DỰ DÂN TỘC HỌC

Nhà dân tộc học buộc phải rời xa cuộc sống của mình và tiếp cận với cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của những người khác. Việc “tiếp cận” đòi hỏi tối thiểu phải có sự tiếp xúc về mặt sinh học và xã hội với chu kỳ cuộc sống, sinh hoạt hằng ngày; nhà nghiên cứu điền dã phải có khả năng hiện diện ở những địa điểm và quang cảnh trọng yếu trong cuộc sống của người khác để quan sát và hiểu họ. Nhưng do chúng ta nhấn mạnh đến việc diễn giải, nên có một thành tố khác quan trọng hơn rất nhiều trong cách tiếp cận: đó là nhà dân tộc học sẽ tìm kiếm một sự *hòa nhập* sâu hơn vào thế giới của người khác nhằm nắm bắt những gì mà họ trải nghiệm như là một thứ đầy ý nghĩa và quan trọng. Bằng cách hòa nhập như thế, nhà nghiên cứu điền dã có thể quan sát từ bên trong cách người ta sống, cách họ thực hiện chu kỳ sinh hoạt hằng ngày của mình, những gì họ cho là có ý nghĩa và họ làm điều đó như thế nào. Theo đó, sự hòa nhập cho phép nhà điền dã thâm nhập vào sự biến đổi trong đời sống con người, mở rộng cảm quan của anh ta với các tương tác và các quá trình.

Hơn thế nữa, sự hòa nhập cho phép nhà nghiên cứu điền dã trải nghiệm trực tiếp và mạnh mẽ cả nhịp điệu cuộc sống thường nhật và những hoàn cảnh sống, cùng những căng thẳng, áp lực mà con người phải chịu đựng. Goffman (1989:125) đặc biệt nhấn mạnh rằng nghiên cứu điền dã gắn liền với việc “đặt chính mình, cơ thể, tính cách, con người và cả địa vị xã hội của mình vào một loạt biến cố có thể đổ ập lên một cộng đồng người, sao cho mình có thể thâm nhập qua được cái vòng phản hồi với tình huống xã hội, hoặc tình huống công việc, tình huống dân tộc của họ.” Vì thế, sự hòa nhập trong nghiên cứu dân tộc học gắn với việc sống cùng

<sup>1</sup> Về các phân thảo luận rộng hơn trong kiến tạo luận xã hội (social constructionism) và về các khung lý thuyết tương tác và diễn giải trong xã hội học, xin xem Corbin và Strauss (2008:1-17); Emerson (2001: 1-53); và Gubrium và Holstein (1997).

người khác để xem cách thức họ phản ứng lại các sự kiện đang diễn ra và tự mình trải nghiệm các sự kiện đó trong chính bối cảnh mà chúng này sinh.

Rõ ràng là để có thể hòa nhập trong điền dã dân tộc học, người nghiên cứu điền dã không được tách biệt và quan sát một cách thụ động; họ chỉ có thể tiếp cận với đời sống của những đối tượng nghiên cứu bằng cách tham dự một cách chủ động vào trong công việc hằng ngày của những người đó. Hơn thế nữa, việc tham dự như vậy không thể không kéo theo sự *tái xã hội hóa* (resocialization) ở một mức độ nào đó. Khi chia sẻ cuộc sống thường nhật với một nhóm người, nhà nghiên cứu điền dã sẽ bắt đầu “bước vào một ma trận các ý nghĩa của đối tượng được nghiên cứu, tham dự vào hệ thống các hoạt động có tổ chức và cảm nhận được việc mình trở thành đối tượng chịu ảnh hưởng của các quy tắc đạo đức của họ” (Wax, 1980:272-3). Bằng cách tham dự vào một lối sống khác càng nhiều càng tốt, nhà điền dã dân tộc học sẽ có thể học hỏi những gì cần thiết để trở thành một thành viên của thế giới ấy, để trải nghiệm các sự kiện và ý nghĩa bằng cách thức tương tự như *trải nghiệm của các thành viên*<sup>2</sup>. Trên thực tế, một số nhà nghiên cứu điền dã đã cố gắng tiến hành nghiên cứu điền dã thông qua việc thực hiện và trở thành bất cứ điều gì mà họ quan tâm tìm hiểu càng nhiều càng tốt. Ví dụ như các nhà dân tộc học đã trở nên thành thực trong các hoạt động nghề nghiệp mà họ tìm hiểu (Diamond, 1992; Lynch, 1985; Wacquant, 2004) hoặc gia nhập vào nhà thờ và các nhóm tôn giáo (Jules-Rosette, 1975; Rochford, 1985), dựa trên nền tảng cho rằng thông qua việc trở thành thành viên, họ sẽ có được cái nhìn và sự hiểu biết nội tình thấu đáo hơn về các nhóm này, cũng như hoạt động của chúng. Hoặc dân làng có thể ấn định một vai trò gì đó cho nhà dân tộc học, chẳng hạn như một người chị (em) hoặc người mẹ trong một gia đình mở rộng, điều này sẽ giúp nhà nghiên cứu gắn kết với việc tham dự và tái xã hội hóa cho phù hợp với các chuẩn mực địa phương.

Khi tìm hiểu về người khác thông qua việc tham dự tích cực vào đời sống và hoạt động của họ, nhà nghiên cứu điền dã không thể và không nên

<sup>2</sup> Thuật ngữ “thành viên” được rút ra từ phương pháp luận dân tộc học và mối quan tâm của ngành này với việc “tinh thông ngôn ngữ tự nhiên” của con người và sau hết là với “kiến thức chung về các hoạt động hằng ngày” hay “các khả năng” được phản ánh trong việc sử dụng ngôn ngữ ấy (Garfinkel và Sacks, 1970:339). Cũng nên xem thêm Have (2004).

cô tả ra mình chỉ là một con ruồi đậu trên bức tường.<sup>3</sup> Không có nhà nghiên cứu thực địa nào lại có thể là một người quan sát hoàn toàn cách ly, trung lập, đứng bên ngoài và độc lập với những hiện tượng được quan sát cả (Emerson và Pollner, 2001). Thật ra, do nhà nghiên cứu điền dã sẽ tham dự vào đời sống và các mối quan tâm của những người được nghiên cứu, cho nên quan điểm của anh ta sẽ “bị gắn chặt vào hiện tượng nghiên cứu vốn không có các đặc điểm khách quan, độc lập với quan điểm và phương pháp của nhà quan sát ấy” (Mishler, 1979:10). Tuy nhiên, nhà nghiên cứu thực địa không thể tiếp nhận mọi thứ; mà đúng hơn, anh ta sẽ phát triển những quan điểm nhất định trong mối liên hệ với các cá nhân ở bối cảnh ấy, bằng cách tham dự vào một vài hoạt động và một số mối quan hệ, chứ không phải tất cả. Hơn nữa, những mối quan hệ với người được nghiên cứu sẽ kéo theo những ranh giới chính trị đầy thiêu sót trong bối cảnh nghiên cứu, đẩy nhà nghiên cứu vào những ưu tiên và quan điểm khác nhau một cách có chọn lọc. Kết quả là nhiệm vụ của nhà nghiên cứu sẽ không phải xác định “chân lý” mà là phơi bày các sự thật đa dạng, nổi bật trong đời sống của người khác.<sup>4</sup>

Hơn thế nữa, sự hiện diện của nhà nghiên cứu điền dã tại một bối cảnh không thể tránh khỏi việc tạo ra hàm ý và hậu quả cho những việc đang diễn ra, nhà nghiên cứu cần phải tương tác với các cá nhân được nghiên cứu và vì vậy sẽ có vài tác động lên họ.<sup>5</sup> “Sự hiện diện có tác động”, thường gắn liền với

<sup>3</sup> Ở đây, chúng tôi đang giả định rằng nhà nghiên cứu điền dã là “một nhà nghiên cứu được biết đến” trong bối cảnh hay cảnh tượng được quan tâm nghiên cứu. Nhiều nhà dân tộc học hiện nay tránh sự phân biệt kinh điển giữa nghiên cứu thực địa “công khai” và “giấu diếm,” thay vào đó là xem xét các biến thể tinh tế và phức tạp hơn và giữa vai trò nghiên cứu “được biết đến” và “không được biết đến” (Emerson, 2001; Fine, 1993; Lofland và các cộng sự, 2006: 40-47; Schwartz và Jacobs, 1979; Waren và Karner, 2010: 50-53)

<sup>4</sup> Như Mishler (1979:10) đã nói: “[bất kỳ hiện tượng nào] cũng chứa đựng nhiều sự thật, mỗi một sự thật sẽ được phơi bày bằng sự thay đổi trong quan điểm, phương pháp, hoặc mục đích... Nhiệm vụ ở đây không phải là làm cạn kiệt ý nghĩa đơn lẻ của một sự kiện mà là phơi bày tính đa dạng về mặt ý nghĩa, và... những ý nghĩa này sẽ xuất hiện qua sự tương tác giữa nhà quan sát với sự kiện”.

<sup>5</sup> Thỉnh thoảng nhà nghiên cứu có thể sẽ cảm thấy như thế là “sự hiện hữu của mình sẽ không gây ra hệ quả gì”, tức họ “chỉ là một nhà quan sát” tự nhiên và không có vấn đề gì. Nhưng cảm giác này thực tế là một thành quả đầy nỗ lực và phụ thuộc vào sự hợp tác có tính tương thông của người được quan sát (Pollner và Emerson, 2001). Nhà nghiên cứu thực địa dựa vào các hoạt động tương tác khác nhau để đạt được và giữ vững vai trò của

các tác động có tính phản ứng (reflective effect) (tức là việc tham dự của nhà nghiên cứu tác động lên cách các thành viên nói và hành xử ra sao), không nên bị xem là “làm vẫn đục” cái được quan sát và tìm hiểu vì thật ra những tác động này chính là cội nguồn của sự tìm hiểu và quan sát (Clarke, 1975:99). So với các ràng buộc và nền tảng mà nhờ đó người ta hình thành nên các mối quan hệ xã hội ban đầu, thì những mối quan hệ giữa nhà nghiên cứu thực địa với người dân tại bối cảnh nghiên cứu ít nhiều dễ phá vỡ hay làm biến đổi các dạng thức tương tác xã hội đang diễn ra hơn. Ví dụ như trong một ngôi làng có các mối quan hệ xã hội dựa trên quan hệ thân tộc, người ta có thể sẽ tiếp nhận nhà nghiên cứu điền dã vào một gia đình và ấn định cho cô ta một thuật ngữ thân tộc mà sau đó sẽ tạo nên quyền và nghĩa vụ của cô ta đối với những người khác. Vì vậy, các mối quan hệ ban đầu này chẳng những không tách rời nhà nghiên cứu khỏi những người mà cô ta tìm hiểu, mà còn có thể sẽ cung cấp cho cô ta những gợi ý để tìm hiểu về những giả định nhỏ bé hơn ẩn chìm bên dưới mà bình thường không thể tiếp cận được nếu chỉ thông qua phương pháp quan sát hoặc phỏng vấn.<sup>6</sup> Kết quả là, thay vì xem sự phản ứng là một thứ khiếm khuyết cần phải được kiểm soát cẩn thận hay loại bỏ, thì nhà nghiên cứu cần phải nhạy cảm và mẫn cảm hơn với việc anh/cô ta được người khác nhìn nhận và đối xử ra sao.

Việc coi trọng những tác động không thể tránh khỏi do sự hiện diện của nhà nghiên cứu sẽ tước bỏ hết những ưu điểm của việc quan sát với độ cách ly cao, “phi thâm nhập” và đứng bên ngoài, vốn từ lâu đã nắm giữ một vị thế lý tưởng ngầm trong nghiên cứu điền dã. Nhiều nhà nghiên cứu thực địa ngày nay chấp nhận vai trò tham dự (Adler, Adler, và Rochford, 1987), trong đó nhà nghiên cứu sẽ thực sự tiến hành những hoạt động có vị trí quan trọng trong đời sống của những người được nghiên cứu. Theo quan điểm này, trách nhiệm thật sự từ việc thực hiện những chức năng và nhiệm vụ chủ chốt, ví dụ như vừa học nghề vừa làm, sẽ cung cấp cho nhà nghiên

một “nhà quan sát” trước nhiều lôi kéo và cám dỗ, tham gia đầy đủ hơn vào các sự kiện mờ và vì vậy, theo một nghĩa nhất định, anh ta sẽ bù luộn cả sự khác biệt sâu sắc giữa “nhà quan sát” và “đối tượng được quan sát.”

<sup>6</sup> Georges và Jones (1980) miêu tả nhiều ví dụ về những nhà nghiên cứu thực địa có công trình nghiên cứu được phát triển trực tiếp từ mối quan hệ mà họ có được với những người mà họ tiếp xúc tại thực địa.

cứu những cơ hội đặc biệt để tiếp cận gần hơn, tham dự và trải nghiệm đời sống trong các bối cảnh trước đây anh ta chưa hề biết đến. Việc vừa học nghề vừa làm việc thật sự hoặc tham gia vào cuộc sống của làng sẽ giúp nhà nghiên cứu gắn bó một cách tích cực với các hoạt động tại địa phương, được hòa mình vào đời sống xã hội và có được sự thấu cảm với phương thức hành xử và cảm nhận của người địa phương.

Cuối cùng, sự tham dự liên tục và gần gũi vào đời sống của người khác sẽ khuyến khích nhà nghiên cứu trân trọng hơn đời sống xã hội, vốn được hình thành từ các quá trình liên tục và đầy biến động. Thông qua việc tham dự, nhà nghiên cứu thực địa sẽ được nhìn thấy một cách trực tiếp và cận cảnh cách người dân vật lộn với những bất ổn và rủi ro, cách ý nghĩa hiện ra qua những cuộc trò chuyện và hành động tập thể, những cách hiểu và diễn giải biến đổi theo thời gian ra sao. Trong tất cả những phương thức trên, sự gần gũi của nhà nghiên cứu thực địa với đời sống và hoạt động thường nhật của người khác sẽ giúp nâng cao khả năng cảm thụ của anh ta về đời sống xã hội như một diễn trình.

Tuy nhiên, cho dù có sự tham dự sâu vào cộng đồng thì nhà nghiên cứu điền dã cũng sẽ không bao giờ trở thành một thành viên theo đúng nghĩa là các thành viên sống “một cách tự nhiên” trong bối cảnh nghiên cứu. Nhà nghiên cứu phải lập kế hoạch rời khỏi bối cảnh nghiên cứu sau khi ở đó một thời gian tương đối ngắn và trải nghiệm của anh ta về đời sống địa phương sẽ mang sắc thái của sự nhất thời này. Kết quả là “sự tham dự mà nhà nghiên cứu thực hiện không phải là một sự gắn kết lâu dài cũng không phải là gượng ép so với sự tham gia của người bản xứ” (Karp và Kendall, 1982:257). Hơn nữa, nhà nghiên cứu sẽ hướng đến rất nhiều sự kiện tại địa phương, không phải như “cuộc đời thực”, mà có thể là đối tượng anh ta muôn nghiên cứu và là những sự kiện anh ta chọn ghi chép lại, lưu giữ trong ghi chép điền dã. Bằng cách này, sự dần thân vào trong nghiên cứu và ghi chép sẽ quyết định chất lượng của sự hòa nhập nghiên cứu dân tộc học, làm cho nhà nghiên cứu thực địa ít ra cũng là một kiểu người ngoài, và ở một mức độ cực đoan, là một kẻ xa lạ về mặt văn hóa (cultural alien).<sup>7</sup>

<sup>7</sup> Geertz (1976) và Bittner (1988) khám phá rất nhiều ý nghĩa có được từ việc nhận ra rằng về mặt không gian, một nhà dân tộc học ít nhất phải giữ vững vị trí là một người bên ngoài. Thứ nhất, việc “đã ở đó” và “đã tự mình nhìn thấy” không thể cho anh ta một

### Sự phức tạp của việc miêu tả

Từ việc ghi chép các trải nghiệm và quan sát khi tham dự với một cách thức sâu sắc và toàn tâm toàn ý, nhà dân tộc học tạo ra các ghi chép điền dã có tính *miêu tả*. Nhưng việc thực hiện các ghi chép có tính miêu tả về các trải nghiệm và quan sát không đơn thuần chỉ là vấn đề lưu giữ một cách chính xác càng gần với thực tiễn càng tốt, hay vấn đề “ghi ra thành chữ nghĩa” những câu chuyện ta nghe được và các hoạt động ta chứng kiến. Nếu xem việc viết các bản miêu tả đơn giản chỉ là tạo ra các văn bản *tường thuật* chuẩn xác cái đã quan sát được thì tức là ta đã giả định rằng có duy nhất một bản miêu tả “hay nhất” về một sự kiện nào đó. Nhưng trên thực tế, không có một cách viết “tự nhiên” hay “chuẩn xác” nào về cái chúng ta quan sát được. Thay vào đó, do việc miêu tả gắn liền với vấn đề cảm nhận và diễn giải, nên có các miêu tả khác nhau về “cùng” một tình huống hay sự kiện là chuyện có thể xảy ra.

Chúng ta hãy xem xét các ví dụ miêu tả việc xếp hàng tính tiền tại quầy tính tiền nhanh của ba siêu thị khác nhau ở Los Angeles của ba sinh viên sau. Các bản miêu tả này có cùng một số đặc điểm như: tất cả đều miêu tả các sự kiện từ quan điểm của người mua sắm/quan sát viên, khi xếp hàng tính tiền ở quầy tính tiền nhanh; đều cung cấp các miêu tả về đặc điểm sinh học của những đối tượng quan trọng tại quầy tính tiền - là nhân viên thu ngân, những người mua sắm - và ít ra cũng miêu tả vài món hàng mà họ mua: và đều chú ý kỹ đến những chi tiết nhỏ trong các hành vi tại các quầy tính tiền này. Tuy nhiên, các bản miêu tả này được viết từ những quan điểm khác nhau, chúng định hình và thể hiện những gì đã diễn ra tại dãy tính tiền nhanh theo những cách thức khác nhau. Sự khác biệt phần nào xuất phát từ việc mỗi nhà nghiên cứu đã quan sát các cá nhân và hoàn cảnh khác nhau; nhưng sự khác nhau cũng phản ánh cả định hướng và sự định vị

thẩm quyền mạnh mẽ để viết về một thế giới khác, với điều kiện là trải nghiệm của nhà nghiên cứu đó về thế giới khác chỉ là tương đối, chứ không phải là mô phỏng tuyệt đối các trải nghiệm của các thành viên. Hãy xem thêm trong tác phẩm của Marcus và Cushman (1982) thảo luận về “hiện thực dân tộc học”. Thứ hai, sự cam kết và thừa nhận có giới hạn về các căng thẳng của nhà nghiên cứu sẽ thúc đẩy sự hiểu biết về thế giới khác như đã được cảm nhận và xây dựng một cách chủ quan, do đó sẽ không có “những đặc điểm về chiều sâu, sự ổn định, và sự cần thiết mà con người nhận ra như một bản chất cố hữu thật sự trong các trạng thái và tình huống tồn tại của họ” (Bittner, 1988:155).

riêng của các nhà quan sát, cách trình bày khác nhau về chính nhà quan sát trong việc “viết về người khác” (Warren, 2000) và cũng phản ánh sự lựa chọn cách viết khác nhau khi tạo ra và định khung những loại hình “chuyện kể” khác nhau về những gì xảy ra mà nhà nghiên cứu đã quan sát được.

### Dãy tính tiền nhanh ở chợ Mayfair

Có bốn người đang xếp hàng với những món đồ mà họ mua được phân cách bởi một thanh nhựa đen hình chữ nhật dài khoảng 45,7cm. Tôi đặt các túi đồ đông lạnh của mình xuống “dây băng chuyền có bề mặt làm bằng những lô tròn nhỏ ly ti” và tôi với tay lên trên máy tính tiền rút ra một thanh nhựa đen để phân cách hàng hóa của tôi. Nhân viên thu ngân là một phụ nữ vào tầm 30 tuổi, cao khoảng 1,57m, da ngăm đen với mái tóc xoăn màu nâu đen. Tôi không thể nghe thấy cô ấy đang nói gì, nhưng nhận thấy vài dấu trọng âm pha tạp trong giọng nói của cô. Cô mặc một chiếc áo dài trắng, tay ngắn, với một chiếc tạp dề phủ qua vai dài đến giữa đùi. Cô đeo một chiếc nơ bướm màu hạt dẻ, nhưng không giống như nơ của đàn ông, nó rủ và mềm mại hơn. Bảng tên của cô gắn trên ngực trái với hàng chữ màu đỏ, ghi là “Candy”.

[Miêu tả về người phụ nữ và ba người đàn ông đứng đầu hàng]... Candy tồn rất ít thời gian cho mỗi khách hàng, với tất cả mọi người cô đều chào, rồi nói cho họ biết số tiền, nhận tiền, rồi trả lại tiền thừa ở chỗ kệ ngay trước mặt khách hàng. Trước khi Candy trả lại tiền thừa cho người phụ nữ tóc sẫm màu, tôi chú ý thấy một gã mặc áo thun màu hồng đã dịch vào khu vực “khách hàng” của cô kia, chắc chắn là ngay sát chân cô ấy, và đứng vào vị trí vốn dành cho những người đến lượt, ngay trước cái kệ “viết séc trả tiền”. (Tôi nghĩ rằng cũng thú vị khi người ta dường như quan tâm đến việc phân tách rõ ràng hàng hóa, thực phẩm của mình với của người khác hơn là vị trí đúng của mình).

Phản ghi chép này đưa ra vị trí trung tâm của người tính tiền, đầu tiên là cung cấp một số miêu tả về vẻ ngoài và phục sức của một phụ nữ, sau đó tóm tắt về các bước cô tiến hành khi giao dịch với khách hàng. Ghi chép này cũng tập trung vào việc xếp hàng ở chỗ tính tiền, lưu ý đến người đàn ông mặc áo màu hồng đã di chuyển đến vị trí được “phục vụ kế tiếp” - chỉ cách một bước chân với người phụ nữ đứng trước anh ta - ngay trước khi cô ấy nhận tiền thừa của mình. Thật sự thì bản miêu tả này nhấn mạnh khía cạnh *không gian* của dãy tính tiền, sự tương phản giữa việc cẩn thận khi phân chia hàng hóa

với việc dường như không quan tâm đến khôn gian cá nhân riêng tư khi một người mua hàng di chuyển vào ngay chỗ của người sắp rời khỏi.

Ngược lại, trong bài trích dẫn dưới đây, người quan sát tập trung vào vị trí và trải nghiệm trong dây xép hàng tính tiền của mình, nhấn mạnh các mối quan tâm xã hội và tương tác của cô ta trong mối quan hệ với những người đứng ngay trước hay sau cô.

### Dây tính tiền nhanh ở Ralph, sáng ngày lễ Phục Sinh

Tôi hướng về phía đông của dây xép hàng tính tiền, mang theo mớ rau xà lách xoăn dùng để trang trí cho món salad trộn cơm mà tôi sẽ mang theo ăn trưa và chai rượu Gewurztraminer, loại rượu yêu thích mới của tôi, sẽ phải ướp lạnh trong nửa giờ tới. Khi tiền đến chỗ tính tiền, tôi nhận thấy rằng hàng dành cho những người "chỉ mua dưới mười món hàng trả bằng tiền mặt" có lẽ là lựa chọn tốt nhất của tôi. Tôi để ý thấy Boland đang đứng sau quầy tính tiền - anh ta luôn rất thân thiện với tôi - "Chào, cô thế nào?"

Tôi đứng vào sau người phụ nữ đã có mặt ở đó từ trước. Bà đã để một thanh nhựa chắn hàng hóa phía sau những món đồ bà sẽ mua, một trong những hành động cá nhân thân thiện hiếm hoi ở một dây tính tiền xoay vòng cao như thế này. Tôi thật sự trân trọng việc này và lẽ ra đã cảm ơn bà ấy (bằng một nụ cười, có thể lầm chút), nhưng bà ấy đang nhìn về phía trước, tôi áng chừng là sắp tính tiền. Tôi đặt chai rượu và rau xuống. Phía sau lưng tôi đã có ai đó rồi. Tôi muốn cho họ thấy việc làm tốt bụng của tôi là đặt thanh nhựa phân cách giúp họ. Tôi chờ cho đến khi đồng đồ thực phẩm phía trước tôi dịch chuyển lên phía trước rồi mới lấy thanh nhựa xuống, lúc đó đang nằm ở vị trí đặt các thanh nhựa (có từ riêng nào dùng cho nó không? Hộp đựng thanh nhựa chẳng hạn?), để không phải nhoài người ngang qua những món đồ không phải của tôi, tránh thu hút sự chú ý của người khác về phía mình. Tôi chờ, và rồi, sau cùng thanh nhựa cũng nằm trong tầm tay. Tôi nhặt lấy, sau đó đặt nó ở phía sau các món hàng của tôi, nhìn người phụ nữ xép sau tôi, vừa làm vừa cười với cô ta. Cô ấy có vẻ vừa lòng, nhưng hơi ngạc nhiên một chút, và tôi mừng là đã có thể làm giúp cô ấy chuyện nhỏ nhặt này. Cô ấy có mái tóc bạch kim xinh đẹp, cô mua một chai rượu champagne (có lẽ là dành cho bữa trưa Phục Sinh?). Cô ấy mặc một chiếc áo trông giống như là áo dành cho lễ Phục Sinh - làm bằng cotton, xinh xắn và có nhiều bông hoa. Cô ấy trông thật trẻ trung, có lẽ cùng độ tuổi với tôi. Cô ấy khá cao so với chiều cao trung bình của phái nữ, có lẽ là tầm 1,75m.

Người quan sát này miêu tả từng chút một, rằng cô đã đặt hàng của mình lên trên quầy tính tiền, ra dấu hiệu phân biệt với hàng hóa của người trước và sau cô ấy. Phong cách miêu tả này sẽ làm nổi bật suy nghĩ và cảm giác của cô khi tham gia vào những hoạt động có tính lặp đi lặp lại này; cho nên, vì xem không gian là một vấn đề, nên cô thể hiện bằng cách lưu ý đến ý nghĩa của nó đối với chính mình và cảm nhận của cô (ví dụ như tránh không “nhoài người qua các món hàng không phải của tôi”).

Trong bài trích dẫn thứ ba sau đây, người viết chuyển sự tập trung từ bản thân mình sang người khác, làm nổi bật hành động của một nhân vật đặc biệt cởi mở, người đã biến dây tính tiền nhanh thành ra một tiểu cộng đồng:

### Dây tính tiền nhanh ở Chợ Của Các Chàng Trai

... Tôi đứng vào một hàng dài. Mặc dù cửa hàng khá yên tĩnh, nhưng quầy tính tiền nhanh lại có rất đông người xếp hàng. Có nhiều người chỉ mua vài món lặt vặt ngày hôm nay. Tôi đứng sau một người đàn ông chỉ mua một cái bánh mì. Bên cạnh ông ấy có một chiếc xe đầy hàng, tôi nghĩ rằng ai đó đã bỏ nó ở đó (bên trong có vài món hàng). Một phút sau, một người đàn ông tiến đến và “nhận lại” nó bằng cách nắm lấy chiếc xe. Ông ta thậm chí còn chẳng thèm thể hiện rằng ông ta định quay lại xếp hàng - rõ ràng là ông ta để đó rồi đi lấy vài món còn thiếu nhưng ông ta không thèm đứng vào sau lưng tôi. Tôi thấy mình nên hỏi xem liệu ông ta có phải ở trong hàng không, để tôi không chen ngang trước ông ta. Ông ta nói là có, và tôi cố dịch ra sau ông ta - chúng tôi đứng gần như song song - và ông ta nói: “Vậy được rồi. Tôi biết anh đứng đâu mà.”

Đúng lúc đó cái gã mà tôi nói chuyện, cái gã đứng ngay trước tôi, gương mặt lộ vẻ ngạc nhiên và vượt qua tôi, tiến đến chiếc xe hàng bỏ chỏng chơ cuối hàng. Hắn ta đang nhìn xem có gì bên trong chiếc xe, nhặt lên một vài món mà hắn cần và rồi lại đặt xuống. Tôi nghĩ là hắn ta đã nhìn thấy vài món đồ mà hắn cần hoặc quên lấy. Hắn quay trở lại chiếc xe của mình, nhưng một nhân viên của siêu thị đi ngang qua và hắn gọi người đàn ông đó lại, bước đến chiếc xe cuối hàng và chỉ vào đó: “Ở đây ông còn có nhiều món hàng giống như thế này không?” Người nhân viên hơi lưỡng lự, không có vẻ gì là hiểu câu hỏi và nói là không. Hắn ta nói tiếp: “Thấy gì đây không? Đây là một công thức [các hộp thực phẩm có công thức cho trẻ nhỏ]. Nó là thực phẩm của người nghèo. Và thấy cái này [một máy lọc hơi đốt bằng nồi đồng] không? Họ dùng nó để xông khói.” Vẻ mặt của anh thanh niên rất ngạc nhiên. Gã đàn ông nói: “Tôi chỉ đang suy nghĩ. Cái đó cho thấy rất rõ về vùng này.” Người nhân viên: “Tôi sống ở

đây và không biết chuyện đó." Gã đàn ông: "Anh không xem Kênh 28 tối qua sao?" Anh nhân viên: "Không." Gã: "Họ chiếu một phóng sự về những vấn đề của nội đô." Anh nhân viên, vừa bước đi khỏi vừa nói: "Tôi chỉ xem National Geographic, Giờ nói chuyện của MacNeil-Lehrer và NPR" [chương trình tường thuật tin tức chính trị quốc gia - ND]. Anh ta đi khỏi...

Trong khi đó người đàn ông có râu đã trả tiền xong. Khi ông ta chờ trả tiền thừa, "gã" kia nói: "Chờ dài cổ vì một cái bánh mì." Người đàn ông đáp: "Ừ" và sau đó gật gật đầu, nói đùa (trong khi nhìn thẳng vào nhân viên thu ngân, như để khêu khích xem phản ứng của người đó): "Mấy tay thu ngân này chậm như rùa mà". Nhân viên thu ngân không có vẻ gì là đã nghe thấy mấy lời đó. Người đàn ông với chiếc bánh mì rời đi, đến lượt gã đứng trước tôi tính tiền. Hắn ta nói với người thu ngân: "Vụ gì đây, cuối buổi làm à? Chẳng còn chút hài hước nào sao?" Người thu ngân đáp: "Chẳng còn. Tôi mệt bã ra đây." Gã nói: "Nghe rồi." Tiếp đó gã liền nói với người xếp hàng hóa vào giờ cho khách: "Cho tôi túi giấy và túi nhựa được không, Jacok (hắn ta nhấn mạnh tên của người xếp hàng hóa)?" Người này làm theo, nhưng không có biểu hiện gì là đã nghe thấy lời của gã. Gã chờ cho việc mua bán hoàn tất. Gã ngồi lên trên thanh rào chắn và hát theo lời bài hát phát ra từ cái máy chơi nhạc Muzak. Một bài gì đó của Feabo Bryson. Việc mua bán của gã đã xong. Gã cảm ơn người xếp hàng hóa cho khách và người này chúc gã một ngày tốt lành.

Trong phần ghi chép này, người quan sát chọn lọc và nêu bật câu chuyện phiếm giữa các khách hàng đang chờ tính tiền. Anh chú mục vào một nhân vật đặc biệt cởi mở đã nhận xét với một nhân viên cửa hàng về ý nghĩa của xe hàng bị bỏ lại, thể hiện sự đồng cảm với người đàn ông xếp hàng phía trước về chuyện chờ quá lâu chỉ để mua một cái bánh mì (một cử chỉ mà người khách hàng này dùng để chỉ trích trực tiếp nhưng thận trọng về tốc độ phục vụ của nhân viên thu ngân) và sau đó lại trò chuyện với nhân viên thu ngân này. Với tác giả, chỗ xếp hàng chờ tính tiền là một nơi đầy sự trao đổi liên tục giữa những người đang xếp hàng chờ đến lượt, thỉnh thoảng thu hút sự chú ý của những nhân viên khác trong cửa hàng đi ngang qua và đạt cao trào ở tương tác giữa nhân vật trung tâm, người kiểm soát hàng và người xếp hàng hóa cho khách.

Viết miêu tả điền dã không phải là viết y chang một cách thụ động "các sự kiện" về "chuyện đã xảy ra". Mà đúng hơn các miêu tả này lựa chọn và nhấn mạnh một số yếu tố và hành động khác nhau trong khi lại bỏ qua

hoặc dẩy ra ngoài lề những yếu tố và hành động khác. Một số nhà điền dã theo thói quen tham gia vào những khía cạnh nhất định của cuộc sống và những tình huống mà người khác không làm, họ sẽ miêu tả thật tỉ mỉ trang phục, tóc tai, thái độ ứng xử, hay là sự ngập ngừng trong lời nói, những việc mà người khác sẽ bỏ qua hoặc không ghi lại quá chi tiết. Bằng cách này, các miêu tả sẽ khác biệt ở chỗ người sáng tạo ra chúng ghi chép lại điều gì và xem cái gì là “quan trọng”, không quá trực tiếp ở cách mà nhà nghiên cứu ghi chép nhưng lại bỏ qua các sự việc “không quan trọng” và ở những thứ quan trọng mà nhà nghiên cứu có thể đã bỏ sót. Nhưng sự khác biệt trong các miêu tả trong ghi chép điền dã không chỉ là kết quả của cách lựa chọn hoặc lọc ra những sự kiện khác nhau đã được quan sát hay được trải nghiệm; mà còn do chúng được dựa vào các lăng kính khác nhau để diễn giải, đóng khung và tái hiện các vấn đề trên. Do đó, ghi chép điền dã có tính miêu tả là sản phẩm của các quá trình tích cực diễn giải và tạo ra ý nghĩa, các quá trình này không chỉ đóng khung những gì được viết ra mà còn cả cách chúng được viết ra. Cho nên, miêu tả dựa vào các quá trình có tính diễn giải/kiến tạo có thể mang lại cho các ghi chép điền dã những hình thức và cảm nhận riêng.

Điều không thể tránh khỏi là *các miêu tả điền dã thậm chí là về cùng một “sự kiện”, chưa nói đến cùng loại sự kiện, sẽ khác nhau, tùy vào lựa chọn, vị trí, độ nhạy cảm của cá nhân và mối quan tâm tương tác của người quan sát*. Chúng ta hãy xem xét các ghi chép điền dã sau, nói về phần đầu của một phỏng vấn với thân chủ tên là Emily, một phụ nữ Uganda có con nhỏ 7 tuổi, đang đẻ đơn xin lệnh cấm với chồng bà ta. Đây là bản ghi chép được thực hiện bởi hai sinh viên thực tập cùng làm việc tại một phòng trợ giúp pháp lý về bạo hành gia đình, chuyên giúp mọi người điền đơn xin lệnh cấm tạm thời.<sup>8</sup> Trong cuộc phỏng vấn này, thực tập sinh thứ nhất dùng máy tính điền vào một bản tường thuật “tuyên bố” chi tiết, theo yêu cầu của tòa án, một “vụ lạm dụng cụ thể” diễn ra gần đây; trong khi đó thực tập sinh thứ hai đóng vai trò là người quan sát/thợ học việc, ngồi bên cạnh và cung cấp sự hỗ trợ về mặt tinh thần cho thân chủ.

---

<sup>8</sup> Chúng tôi biết ơn Caitlin Bedsworth và Nicole Lozano đã chuẩn bị sẵn các tài liệu này.

### Bản miêu tả của CB

[Paul, nhân viên có nhiều kinh nghiệm hơn nói với Emily rằng:] Trong bản ghi nhận của mình, cô nói rằng vụ lạm dụng gần đây nhất là vào ngày 1/4. Tại sao cô không nói cho Caitlin biết chuyện gì đã xảy ra vào ngày hôm đó vậy? Emily trả lời: Hắn ta nói là tôi nợ tiền hắn khi hắn cưới tôi, rằng gia đình tôi đã không đưa tiền hồi môn cho hắn. Paul hỏi lại chuyện gì đã xảy ra vào ngày hôm đó? Hắn gọi tôi là "con quỷ cái" và "con đĩ." Tôi đánh máy hai chữ này vào. Cô ấy tiếp tục nói rằng hắn ta cầm một cái chai và cô đánh tôi, nhưng anh trai tôi và bạn của anh tóm lấy tay hắn và giằng cái chai ra. Khi cô ấy kể chuyện này, cô nâng tay mình lên như thể có một cái chai trong tay thật và diễn tả như là ông chồng cô đưa tay lên và quật vùn vụt. Tôi hỏi cô đó là chai thủy tinh hay chai nhựa? Emily lắp bắp "t-t-h-u-ý t-t-i-nh." (Có vẻ như cô phải nghĩ lại vụ việc đó để nhớ rõ hơn). Tôi viết: "ĐP [đối phương] cố đánh tôi bằng một chai thủy tinh, nhưng anh trai tôi đã giữ lấy tay hắn ta và giằng cái chai ra."

Emily nói tiếp, họ đưa hắn ta ra xe và nhốt tôi lại trong nhà. Paul hỏi, chuyện gì gây ra vụ này? Emily trả lời, tôi bảo hắn ta là tôi không muốn cuộc hôn nhân này nữa, và hắn ta nóni cầu lén. Paul hỏi lại cho rõ: Vậy cô bảo anh ta cô không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này và chuyện đó làm anh ta phát điên lên? Emily đồng ý. Cô nói rằng đã đến đồn cảnh sát hai ngày sau đó, họ cho cô lệnh bảo vệ khẩn cấp và Paul yêu cầu cô ấy cho anh xem. Paul nheo mắt nhìn tờ lệnh (tờ giấy không giống như thứ chúng ta thường thấy) và đột ngột, Paul mở to mắt ra. Paul hỏi: Cô đã ở Uganda vào lúc đó à? Vâng, Emily trả lời. Gia đình tôi họp lại để cỗ vun đắp cho cuộc hôn nhân của chúng tôi.

### Bản ghi chép của NL

Chúng tôi đã sẵn sàng tuyên bố. Caitlin hỏi E cô đã kết hôn với ĐP bao lâu rồi. Cô trả lời lý nhí rằng chúng tôi đã sống cùng nhau được 9 năm rồi nhưng kết hôn mới được 4 năm thôi. Rồi Caitlin yêu cầu cô ấy kể lại cho chúng tôi nghe về vụ lạm dụng gần đây nhất mà theo như giấy tờ cô đã diễn là vào ngày 1/4. Hắn cố đánh tôi, cô nói. Paul hỏi: Chính là bằng cái chai giống như cô kể tôi nghe lúc ở bên ngoài phải không. Chuyện gì đã xảy ra vậy? Giọng nói của cô to trở lại khi cô nói là gia đình cô nghĩ rằng cô và ĐP nên nói chuyện với nhau về cuộc hôn nhân của hai người ở nhà của hai vợ chồng (ở chỗ này tôi nghĩ là cô đang nói về nhà của cô ở California). Paul hỏi: Bạn bè và gia đình của ai đã ở đó? Của cô, của

anh ta, hay là của cả hai người? Cô trả lời thật nhanh là của hắn. Paul hỏi: Vậy bạn bè của cô không có mặt ở đó à. Cô ngập ngừng một chút và nói có bạn tôi. Paul hỏi: Vậy cả hai người bạn của cô cũng có mặt à? Cô gật đầu. Nhìn Caitlin, sau đó nhìn sang Paul, cô kể rằng ĐP trở nên giận dữ khi cô yêu cầu hắn ly hôn. Hắn có đánh cô bằng một cái chai thủy tinh. Cô tóm lấy cánh tay tôi và nhìn thẳng vào tôi khi cô cho kể tôi nghe rằng “các anh trai” tóm lấy tay hắn ta, kiềm hắn lại, và đưa hắn ra xe của hắn. Paul hỏi: “Anh trai của ai?” Cô trả lời là anh trai tôi và bạn của anh ấy. Họ nhốt tôi trong nhà để ĐP không thể làm tổn thương tôi, cô nói trong khi một lần nữa nắm lấy tay tôi một cách nhẹ nhàng.

Cô lấy ra một tờ giấy từ xấp giấy tờ của mình, nhìn nó và nói rằng cảnh sát cho cô tờ này hai ngày sau đó. Paul hỏi: “Cái gì thế?” Cô nhìn tờ giấy một vài giây và tôi nhìn tờ giấy từ phía sau cô. Tôi nhìn lại Paul và hỏi anh liệu nó có phải là một lệnh bảo vệ khẩn cấp không. Cô nhìn lên và nói: “Vâng, chính là nó! Một - Một” - Cô cử động bàn tay về hướng tôi khi cô tìm từ mà tôi vừa nói. Paul nhìn tờ giấy và nói rằng nó tương đương như một lệnh bảo vệ khẩn cấp của Uganda (giờ thì tôi hiểu ra là vụ việc này xảy ra ở Uganda).

Các phần trích dẫn này bao gồm nhiều yếu tố chung. Cả hai bài ghi chép đều nói rõ rằng vụ việc này sinh từ các khác biệt trong gia đình đối với cuộc hôn nhân của thân chủ, và cô báo cáo rằng chồng cô cố ý đánh cô bằng một cái chai thủy tinh, anh trai cô và bạn của anh ta đã ngăn không cho chồng cô làm thế, và rằng cô đã đến đồn cảnh sát và nhận được một lệnh bảo vệ khẩn cấp. Thêm nữa, cả hai ghi chép bộc lộ rằng các nhân viên lúc đầu cho rằng vụ việc này diễn ra ở California nhưng đã thay đổi diễn giải khi nhận ra rằng lệnh bảo vệ của cảnh sát được cấp ở Uganda.

Nhưng hai bản miêu tả cũng khác nhau ở một số điểm. Thứ nhất, có sự khác biệt trong việc đưa điều gì vào từng ghi chép. Ví dụ, CB tường thuật sự khiếu nại của Emily rằng “Hắn gọi tôi là “con chó cái” và “con đĩ”, rằng vụ việc này bùng phát khi “Tôi nói với hắn là tôi không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa và hắn ta nổi cáu lên.” Trong khi NL không đề cập đến cả hai chuyện này, mà ghi nhận rằng người chồng bị kiềm chế và bị anh trai và bạn của anh trai Emily đưa ra ngoài và họ đã nhốt cô ở trong nhà để bảo vệ cô khỏi người chồng đang nổi xung. Thứ hai, có sự khác biệt trong chi tiết và ý nghĩa của việc cái gì được báo cáo về các chủ đề cụ thể. Ví dụ như CB đã trích dẫn gián tiếp lời Emily nói rằng: “Hắn ta nói là tôi nợ tiền hắn khi

hắn cưới tôi, rằng gia đình tôi đã không đưa tiền hồi môn cho hắn”; NL thì lại không nêu rõ lời phàn nàn cụ thể này mà thay vào đó lại trích dẫn gián tiếp lời nói của Emily là: “Gia đình cô nghĩ rằng cô và ĐP nên nói chuyện với nhau về cuộc hôn nhân của hai người ở nhà của hai vợ chồng.” Thứ ba, hai ghi chép phản ánh các lựa chọn khác nhau về việc liệu có nên báo cáo giản đơn về cái được xem như một “sự kiện” hoặc một “kết cục” cụ thể, hay là kể chi tiết các quá trình đặt câu hỏi và trả lời, thông qua đó “sự kiện” hoặc “kết cục” được quyết định. Ví dụ như CB đã làm nổi bật khoảnh khắc cụ thể khi hiểu ra bằng cách tường thuật lại câu hỏi của Paul về lệnh bảo vệ khẩn cấp: “Cô ở Uganda vào lúc đó phải không?” Ngược lại NL ghi lại quá trình này thật chi tiết, miêu tả thân chủ và việc lúc đầu cô không chắc tờ giấy đó là gì, một câu hỏi tương tự từ Paul (“Cái gì vậy?”, câu kết luận của anh là “nó tương đương như một lệnh bảo vệ khẩn cấp của Uganda,” và việc chính cô phát hiện ra rằng toàn bộ vụ việc này “xảy ra ở Uganda.”)

Trong khi rất nhiều cách viết miêu tả có tính tự ý thức và thận trọng, thì các cách viết khác lại phản ánh những quá trình đơn giản, cụ thể hơn của nhà nghiên cứu định hướng và gắn liền với các cảnh quan và tương tác đang diễn ra. Ở đây CB chịu trách nhiệm chuyển từ ngữ của thân chủ thành các ghi chép thích hợp về mặt luật pháp với mục đích là tuyên bố, nên miêu tả của cô cho thấy định hướng về sự chặt chẽ giữa nội dung và tường thuật và cô ghi chú rất nhiều điểm về việc cô quyết định đưa điều gì vào máy tính (“con chó cái”, “con đĩ”, “ĐP đang cố đánh tôi bằng một cái chai thủy tinh, nhưng anh trai tôi và bạn của anh ấy đã tóm lấy tay hắn ta và giằng cái chai ra”). Ngược lại, NL không có trách nhiệm thực hiện phỏng vấn chính thức nên đã trở thành người ủng hộ, đồng cảm; ghi chép của cô dường như đồng điệu với tình cảm của thân chủ (“nhỏ giọng”) và cử động cơ thể (cách cầm giấy bảo vệ khẩn cấp), cô tường thuật hai khoảnh khắc tương tác căng thẳng rất cụ thể, khi thân chủ “nắm nhẹ nhàng” cánh tay và bàn tay cô. Tuy cả hai nhà nghiên cứu đều hiện diện tại “cùng một sự kiện” nhưng mỗi người lại tham gia theo một phong cách khác nhau và sự khác biệt về tâm trạng dẫn đến sự khác biệt nhỏ nhưng quan trọng trong cách họ viết về chuyện gì đã xảy ra.

## KHẮC GHI CÁC THỰC TẠI ĐƯỢC TRẢI NGHIỆM/QUAN SÁT

Các ghi chú miêu tả điền dã gắn liền với *các khắc ghi* (inscription) về đời sống xã hội và diễn ngôn xã hội rất quan trọng. Các khắc ghi này không thể tránh khỏi việc phải biến những thứ hồn độn, lộn xộn và mơ hồ về thế giới xã hội thành tài liệu văn bản để chúng ta có thể xem xét, nghiên cứu, và suy tư nhiều lần. Geertz (1973:19) đã nói về tiến trình miêu tả dân tộc học then chốt này như sau: "Khi nhà dân tộc học "khắc ghi" diễn ngôn xã hội, anh ta viết lại nó. Làm như vậy, anh ta biến nó từ một sự kiện không còn nữa, chỉ tồn tại vào khoảnh khắc nó diễn ra, thành một bản miêu tả, sẽ tồn tại trong bản khắc ghi đó và có thể được xem đi xem lại."

Là những bản khắc ghi lại nên các ghi chép điền dã phản ánh và là sản phẩm của sự thỏa thuận ngầm trong việc *chuyển đổi* các sự kiện, con người và nơi chốn đã được quan sát thành từ ngữ trên giấy. Một phần, sự chuyển đổi này gắn với quá trình *chọn lọc* không thể tránh được; nhà dân tộc học viết về những thứ nhất định và vì vậy cần phải "loại bỏ" những thứ khác. Nhưng quan trọng hơn, các ghi chép điền dã có tính miêu tả cũng không thể tránh khỏi việc *trình bày hay dựng lên* các sự việc trong những cách thức nhất định, "bỏ lõi" những cách khác có thể dùng để trình bày hay dựng lên các sự kiện. Sự trình bày này phản ánh và hợp nhất các cảm nhận, ý nghĩa, hiểu biết mà nhà nghiên cứu điền dã đã lượm lặt được từ việc tiếp cận và tham dự vào các sự kiện được miêu tả đó.

Có nhiều cách khác nhau để giản lược diễn ngôn xã hội thành văn bản viết. Ví dụ như các bảng hỏi ghi lại "các ứng đáp" cho những câu hỏi đã ổn định sẵn, có khi giản lược các câu trả lời thành con số, cũng có khi ghi lại bằng chính ngôn từ của người trả lời. Các bản ghi âm và ghi hình, vốn dường như nắm giữ hầu hết mọi thứ diễn ra trong một tương tác, thật ra chỉ nắm bắt được một lát cắt của đời sống xã hội đang diễn ra. Điều này có nghĩa là cái được ghi lại ngay từ đầu sẽ phụ thuộc vào thời điểm, địa điểm và phương thức máy móc được định vị và hoạt động ra sao, có thể lưu lại những gì về mặt kỹ thuật, và những người được ghi âm/ghi hình phản ứng với sự hiện diện của các thiết bị này như thế nào.

Hơn nữa, sự giản lược còn diễn ra trong việc tái hiện lát cắt ghi nhận lại diễn ngôn được truyền tải ấy thành một chuỗi văn bản tiếp nối nhau trong một bản “gõ băng”. Do việc chuyên trò trong bối cảnh xã hội là một “sự kiện đa kênh”, việc ghi chép “có tính đơn tuyển về mặt bản chất và chỉ có thể xử lý một lúc một kênh, cho nên phải nhặt ra và chọn lựa trong số các lời nói có được để tái hiện lại” (Walker, 1986:211). Do đó, một bản gõ băng sẽ chọn lọc một số phương diện và nội dung nhất định của các diễn ngôn để đưa vào và bỏ qua những khía cạnh và nội dung khác; ví dụ những cách trò chuyện phi ngôn ngữ nhưng có ý nghĩa tại địa phương như nháy mắt, điệu bộ cử chỉ. Các nhà nghiên cứu tìm hiểu việc trình diễn ngôn từ đã dành nhiều tâm huyết để phát triển một hệ thống chú giải có thể ghi nhận lại lời nói và ít nhất là một số trao đổi phi ngôn ngữ; chất lượng của các “văn bản văn học dân gian” được gõ băng rất đáng xem xét vì nó “tái hiện cuộc trình diễn bằng một trung gian khác” (Fine, 1984:3). Tuy nhiên, bản gõ băng không bao giờ biểu hiện “nguyên văn” diễn ngôn, vì nó “tái hiện... sự diễn giải và chọn lọc có tính phân tích” (Psathas and Anderson, 1990:75) các phát ngôn và hành động. Nghĩa là, bản gõ băng là sản phẩm từ một quyết định có tính phân tích và diễn giải đang diễn ra của người gõ băng về nhiều vấn đề đáng tranh cãi khác nhau: làm thế nào để chuyển lời nói đang diễn ra thành ra một số từ ngữ cụ thể một cách thật tự nhiên (trước việc nuốt từ trong cách nói tự nhiên); làm sao quyết định được khi nào thì cần dừng lại để biểu thị cho một cụm từ hay một câu nói đã hoàn tất (trong điều kiện thiếu sự kết thúc rách ròi trong phát ngôn thông thường); quyết định nên hay không nên tái hiện những chuyện như không gian hay sự im lặng, những phát ngôn đồng thời, tạp âm, trọng âm, cường độ giọng nói và những âm thanh hay từ ngữ không thành tiếng và vô nghĩa.<sup>9</sup> Nói tóm lại, cho dù những phương tiện ghi âm/ghi hình mà nhà nghiên cứu sử dụng được cho là đã tiến đến gần nhất sự tái hiện một “phản ánh khách quan”, thì nó cũng nhất định sẽ giản lược phức hệ đời sống xã hội, mà về nguyên tắc cũng tương tự như cách chúng ta giản lược khi viết ghi chép điền dã.<sup>10</sup>

<sup>9</sup> Tất cả những vấn đề này phải được giải quyết thông qua việc phát triển một loạt truyền thống viết. Xin xem Psathas và Anderson (1990) để có một tóm lược về “các ký hiệu gõ băng” quan trọng được sử dụng trong việc gõ băng các phân tích đối thoại.

<sup>10</sup> Khi so sánh các ghi chép điền dã với bản gõ băng từ các bản ghi âm và ghi hình, như

Với sự giản lược về phương thức khắc ghi lại trong các ghi chép điền dã, việc lựa chọn phương pháp sẽ phản ánh các nhận định của nhà nghiên cứu về đời sống xã hội và cách anh ta tìm hiểu nó. Công tác điền dã và sau cùng là ghi chép điền dã dựa trên quan điểm cho rằng đời sống xã hội liên tục được tạo ra thông qua các nỗ lực của con người trong việc tìm tòi và thể hiện ý nghĩa cho các hành động của chính họ và của những người khác. Theo quan điểm này, việc phỏng vấn và ghi nhận có tác dụng riêng. Một cuộc phỏng vấn có thể chứng tỏ nó là một công cụ giá trị hay không tùy thuộc vào mức độ sẵn lòng và khả năng miêu tả các yếu tố đời sống xã hội của người tham gia. Tương tự, một đoạn băng ghi hình sẽ cho ta một bản ghi quý giá về những từ ngữ đã thực sự được thốt ra và cử chỉ thực tế của mọi người. Nhưng theo đạo đức của người làm công tác điền dã thì để hiểu biết đầy đủ và trân trọng các hành động từ quan điểm của người tham gia, một nhà nghiên cứu phải tiếp cận và tham dự vào một bộ phận xuyên suốt dàn trải các hoạt động thường nhật của cộng đồng đó trong một khoảng thời gian dài. Dân tộc học miêu tả, như Van Maanen (1988:ix) khẳng định, là "thực hành đặc biệt tái hiện nén hiện thực xã hội của những người khác thông qua việc phân tích trải nghiệm của chính mình trong một thế giới của người khác." Chắc chắn rằng ghi chép điền dã là một phương pháp để nắm bắt và lưu giữ những cái nhìn bên trong và sự hiểu biết được tạo ra từ những trải nghiệm gần gũi và lâu dài này. Do vậy, các ghi chép điền dã đã khắc ghi lại những hiểu biết đôi lúc còn manh nha và những cái nhìn từ bên trong mà nhà nghiên cứu có được thông qua việc hòa nhập thật sự vào một thế giới khác, bằng cách quan sát những hoạt động thường nhật và khung hoảng đầy giằng xé, bằng cách trực tiếp lao vào những chuyện bất ngờ và những căng thẳng trong đời sống thường nhật của người khác. Trên thực tế, chính việc hòa nhập sâu này và cảm nhận về nơi chốn mà sự thâm nhập

---

các phương pháp khác nhau đối với việc giản lược đời sống xã hội đang tiếp diễn thành các văn bản, chúng tôi không có ý đề xuất một mô hình nghiên cứu dân tộc học chỉ vận dụng mỗi việc ghi chép. Mà sự thật là hầu hết các nhà nghiên cứu thực địa đương đại đều dựa vào *cá* ghi chép thực địa và ghi âm (ghi hình). Các hướng dẫn nghiên cứu thực địa giờ đây thường xuyên thảo luận các phương pháp khác nhau trong sao lưu nghiên cứu, nhấn mạnh cả việc ghi âm (ví dụ như Goldstein, 1964; Ellen, 1984; Jackson, 1987; Stone và Stone, 1981; Wilson, 1986), ghi hình và chụp hình (Ball and Smith, 2001; Harper, 2005; Warren và Karner, 2010).

như vậy tạo ra và gia cố thêm dã cho phép nhà dân tộc học khắc ghi lại những chi tiết tì mỉ, cảm quan - bối cảnh và những ghi chép điền dã được thành hình từ địa phương, mà Geertz (1973) gọi là "miêu tả dày đặc."<sup>11</sup>

Đặc điểm có tính trải nghiệm này của các ghi chép điền dã cũng được phản ánh trong sự thay đổi về nội dung và mối quan tâm theo thời gian. Các ghi chép điền dã phát triển bằng cách tăng dần lên và cộng dồn ghi chép của ngày hôm sau vào ngày hôm trước. Nhà dân tộc học viết ghi chép điền dã cụ thể theo những cách thức không được định trước hay cụ thể hóa sẵn; do vậy ghi chép điền dã không phải là một tập hợp hay các bản mẫu theo kiểu các bản ghi âm được định trước dựa theo các tiêu chí đã thiết lập sẵn. Việc lựa chọn viết lại cái gì không phải là một quá trình tạo mẫu dựa vào những nguyên tắc ẩn định sẵn. Thật ra thì nó vừa có tính cảm tính, phản ánh cảm nhận luôn thay đổi của nhà dân tộc học về chuyện cái gì hấp dẫn hoặc có thể quan trọng đối với độc giả tương lai của mình, lại vừa có tính đồng cảm, phản ánh cảm nhận của nhà dân tộc học về chuyện cái gì hấp dẫn hoặc quan trọng đối với những người anh ta đang quan sát.

## Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC VIẾT CÁC GHI CHÉP ĐIỀN DÃ

Chúng tôi rút ra được bốn ý nghĩa, từ những hiểu biết có tính diễn giải - tương tác của chúng tôi rằng dân tộc học miêu tả là khắc ghi trải nghiệm có tính tham dự, như sau: (1) cái được quan sát và sau đó được xem là "tư liệu"

<sup>11</sup> Tuy nhiên, nhấn mạnh tương đối về việc viết ghi chép thực địa như một sự đối lập với ghi âm/hình khác với bản chất của ngành học và dự án của các nhà nghiên cứu thực địa. Ví dụ như nhiều nhà dân tộc học thường ghi âm các cuộc phỏng vấn phi chính thức cũng như viết các ghi chép dài - một thực hành cơ bản khi làm việc với một ngoại ngữ, và thường rất có giá trị khi làm việc trong chính môi trường ngôn ngữ và văn hóa của nhà nghiên cứu. Tương tự như vậy, các nhà nghiên cứu thực địa khác cũng bổ sung các ghi chép thực địa của họ bằng việc ghi âm một cách có hệ thống trong các trường hợp quan trọng, hay các sự kiện tái diễn có vị trí trọng tâm trong sự quan tâm lý thuyết của họ. Ngược lại, các nhà nghiên cứu thực địa nghiên cứu các cuộc chuyện trò, hình thức biểu lộ, và truyền thống truyền khẩu, chẳng hạn như nhà xã hội học ngôn ngữ, văn hóa dân gian, lịch sử qua lời kể thường chú trọng đến ghi âm, nhưng dù vậy họ cũng vẫn sẽ viết các ghi chép thực địa chi tiết để bổ sung vào các tư liệu ngôn ngữ bằng các chi tiết văn bản.

hay “khám phá” không thể tách rời khỏi quá trình quan sát; (2) trong việc viết các ghi chép điền dã, nhà nghiên cứu điền dã nên đặc biệt chú ý đến ý nghĩa và mối quan tâm của người bản xứ về những con người mà mình đang nghiên cứu; (3) các ghi chép điền dã được thực hiện ngay tại chỗ là nền tảng cơ bản và là nguồn tư liệu cho việc viết ra những ghi chép bao quát, mạch lạc hơn về đời sống và mối quan tâm của những người khác; (4) những ghi chép điền dã như vậy nên miêu tả chi tiết các tiến trình có tính xã hội và tính tương tác, vốn tạo nên đời sống và sinh hoạt thường nhật của con người.

### Nối kết “phương pháp” và “phát hiện”

Các phương thức tham dự và khám phá đời sống hằng ngày của người khác là những bộ phận trọng yếu của phương pháp dân tộc học. Những “phương pháp” này quyết định cái mà nhà nghiên cứu điền dã sẽ nhìn thấy, trải nghiệm và học hỏi được. Nhưng nếu như những điều đúc kết được (“dữ liệu”, “phát hiện”, “sự thật”) là sản phẩm của các phương pháp đã được dùng, thì chúng không thể được xem là độc lập với phương pháp đó; cái mà dân tộc học khám phá ra gắn kết chặt chẽ với *cách thức* anh ta tìm ra nó (Gubrium và Holstein, 1997). Vì thế không nên xem nhẹ những phương pháp này, mà đúng ra nên xem chúng là một bộ phận quan trọng của các ghi chép điền dã. Do đó, nhà dân tộc học cần phải ghi nhận lại hoạt động của chính mình, các hoàn cảnh và phản ứng về mặt tình cảm, vì những yếu tố này sẽ định hình quá trình quan sát và ghi chép về cuộc sống của người khác.<sup>12</sup>

Theo quan điểm này, điểm phân biệt giữa “dữ liệu” ghi chép điền dã với “phản ứng cá nhân”, giữa “các hồ sơ ghi chép điền dã” (fieldnote records) và “nhật ký” hay là “sổ ghi chép hằng ngày” (journal) (Sanjek, 1990c) là cực kỳ rõ rắm. Dĩ nhiên nhà dân tộc học có thể phân biệt cái mà

<sup>12</sup> Một số nhà nghiên cứu thực địa chủ trương viết “các lịch sử tự nhiên” trong quá trình nghiên cứu để nối kết phương pháp và các phát hiện (Altheide và Johnson, 1994; Athens, 1984; Becker, 1970). Nhiều nhà nghiên cứu thực địa đã xem xét cụ thể về việc làm thế nào các mối quan hệ giữa các cá nhân trong nghiên cứu điền dã lại có ảnh hưởng đến các phát hiện nghiên cứu sau cùng: đọc các trường hợp nghiên cứu trong các công trình của Duneier (1999:333-57), Ellis (1991), Fine (1996: 233-53), và Kleinman (1991), và các nhận xét của Emerson (2001:113-31), Georges và Jones (1980), và Lareau và Shultz (1996).

anh ta nói và làm với cái anh ta quan sát người khác nói và làm, cho rằng việc người khác nói và làm không bị chi phối bởi cái anh ta nói và làm.<sup>13</sup> Nhưng sự phân chia như vậy sẽ làm méo mó các quá trình tìm hiểu và ý nghĩa của “tư liệu” điền dã theo nhiều cách. Thứ nhất, sự phân chia này xem tư liệu là “thông tin khách quan”, có ý nghĩa nhất định, độc lập với *cách thức* mà thông tin đó được tìm ra hay thiết lập nên và ai làm những điều ấy. Theo cách này, những hành động của riêng nhà dân tộc học, bao gồm cả những tình cảm “riêng tư” và phản ứng của anh ta, đều được xem là độc lập, không liên quan gì với các sự kiện và hiện tượng gắn với những con người đã tạo ra “các phát hiện” hay “điều quan sát được” trong ghi chép điền dã. Thứ hai, sự tách biệt này giả định rằng các phản ứng và nhận thức “chủ quan” có thể và nên được kiểm soát bằng cách tách khỏi những ghi chép “khách quan”, phi cá nhân. Và sau hết, sự kiểm soát như vậy được cho là cơ bản vì các trải nghiệm và tình cảm cá nhân bị xem thường, chỉ tạo nên “những thứ pha tạp” cho dữ liệu khách quan, chứ không được xem là những cách nhìn xuyên thấu các quá trình quan trọng diễn ra trong bối cảnh nghiên cứu.

Việc kết nối phương pháp với những điều đúc kết được trong các ghi chép điền dã sẽ có một số thuận lợi sau: Nó khuyến khích việc nhìn nhận “các phát hiện” không phải là tuyệt đối và bất biến mà phụ thuộc vào hoàn cảnh nhà dân tộc học “phát hiện” ra chúng. Hơn nữa, nó sẽ giúp ngăn chặn, hoặc ít ra cũng không khuyến khích, nhà nghiên cứu thu nhận một phiên bản do một cá nhân cung cấp về những gì đã xảy ra một cách quá nhanh chóng; hay điều gì là quan trọng đối với phiên bản “hoàn thiện” hoặc “chính xác” của các vấn đề đó. Thay vào đó, “cái đã xảy ra” chỉ là một ghi nhận do một cá nhân cụ thể đưa ra cho một người cụ thể khác tại một thời gian và địa điểm cụ thể với một mục đích cụ thể. Theo tất cả những phương cách trên, thì việc kết nối phương pháp và những điều đúc kết được sẽ xây dựng nên tính cảm quan về hiện thực đa diện, có tính tình huống của

<sup>13</sup> Như một số nhà nghiên cứu (Clifford, 1983; Stoddard, 1986) đã cho thấy, dường như tính khách quan và “thẩm quyền” của các tư liệu dân tộc học (và “tư liệu khoa học” nói chung) có được phần nào, nói một cách chính xác, là do không nói đến hoặc bỏ qua sự phụ thuộc của nó vào cá nhân nhà nghiên cứu, phương pháp điều tra và viết lách của người đó.

những người mà chúng ta nghiên cứu, trong chính cốt lõi của việc thực hành công tác điền dã.

### *Tìm kiếm ý nghĩa bản địa*

Đối lập với các phong cách nghiên cứu thực địa tập trung vào hành vi của người khác mà không xét một cách hệ thống đến việc hành vi như thế mang ý nghĩa gì với những người có liên quan, chúng ta xem dân tộc học miêu tả như là một phương pháp riêng biệt dành cho việc theo đuổi, vạch trần và lột tả các ý nghĩa bản địa. Điều quan trọng tối thượng là nhà dân tộc học tham dự sẽ tìm cách tiếp cận với những người được nghiên cứu nhằm hiểu được và viết lại ý nghĩa của các trải nghiệm và hoạt động *đối với những người ấy*<sup>14</sup>.

Nhà dân tộc học nên cố viết ghi chép điền dã theo những cách nào giúp nắm bắt và lưu giữ các ý nghĩa bản địa này. Để làm được như vậy, nhà nghiên cứu cần phải học cách nhận biết và hạn chế dựa vào những tiên kiến về đời sống và hoạt động của các thành viên trong cộng đồng nghiên cứu. Nhà nghiên cứu phải trở nên nhạy bén với những gì người khác quan tâm, bằng chính suy tư của những người đó. Nhưng trong khi ghi chép điền dã là về người khác, về các mối quan tâm và hành động của họ đã được nhặt nhạnh ra nhờ sự thâm nhập mang tính đồng cảm, các ghi chép này cần phản ánh và thể hiện được sự hiểu biết của nhà nghiên cứu về những mối quan tâm và hành động ấy. Do vậy, ghi chép điền dã là các ghi nhận thành văn gạn lọc các trải nghiệm và mối quan tâm của các thành viên cộng đồng nghiên cứu thông qua cá nhân con người và quan điểm của nhà nghiên cứu; ghi chép điền dã là ghi nhận của chính nhà nghiên cứu, chứ không phải của các thành viên cộng đồng, về trải nghiệm, ý nghĩa và mối quan tâm của các thành viên đó.

<sup>14</sup> Tuy nhiên, việc cố gắng nắm bắt ý nghĩa bản địa trong ghi chép điền dã bỏ ngỏ một số vấn đề, đó là có hay không và làm thế nào để đưa ý nghĩa bản địa này vào trong bài phân tích dân tộc học hoàn chỉnh. Một số nhà dân tộc học cho là các ý nghĩa bản địa không nên hướng đến và cũng cố phân tích xã hội học (chẳng hạn như Burawoy, 1991, 1998; Wacquant, 2002). Một số nhà tương tác biểu tượng và phương pháp luận dân tộc học trong ngành xã hội học (Pollner và Emerson, 2001) và các nhà nhân học quan tâm đến việc cung cấp “các lý giải thế giới khác từ bên trong” (Marcus và Fischer, 1986:26), cố gắng hợp nhất và thể hiện cách hiểu của các thành viên trong phân tích cuối cùng của họ.

Thoạt trông thì có vẻ như các loại hình dân tộc học miêu tả quan tâm đến “đa giọng nói” (polyvocality) (Clifford và Marcus, 1986:15), lịch sử truyền miệng hay dân tộc học nữ quyền (Stacey, 1991), thường cố gắng để cho các thành viên “nói lên bằng chính tiếng nói của họ”, sẽ có thể tránh được sự trung gian của nhà nghiên cứu trong toàn bộ miêu tả đó. Nhưng ngay cả với những loại hình này, nhà nghiên cứu vẫn sẽ chọn lựa cái mà anh ta quan sát, đặt câu hỏi, hay xác định bản chất và mục đích của cuộc phỏng vấn nói chung, theo những cách thức không thể tránh được ảnh hưởng trung gian của anh ta (xem thêm Mills, 1990).

### *Viết ghi chép điền dã ngay tức thời*

Trái ngược với quan điểm cho rằng nếu ghi chép điền dã tốt thì sẽ là trụ cột chống đỡ, còn tệ nhất thì cũng là tấm vải che mắt thế gian, chúng tôi cho rằng ghi chép điền dã cung cấp các phương tiện cơ bản giúp ta trân trọng hơn cách nhà nghiên cứu thực địa tiếp cận, nắm bắt, diễn giải các hành động và mối quan tâm của người khác. Theo đó, ghi chép điền dã trao cho chúng ta các hiểu biết chi tiết và phức tạp về cuộc sống của người khác, các sinh hoạt thường nhật và ý nghĩa của chúng.

Như chúng tôi đã nói ở trên, nhà nghiên cứu thực địa đến để tìm hiểu những phương thức sống của người khác bằng cách trở thành một phần trong đời sống thường nhật của họ và học hỏi để diễn giải và trải nghiệm các sự kiện một cách sâu sắc như những người đó. Việc ghi nhận thật kỹ những tiến trình tì mỉ khi học hỏi và tái xã hội hóa sẽ giúp chúng *giống như thật sự diễn ra*. Một phần, những tài liệu này hạn chế sự lệch lạc trong ký ức khi hồi tưởng những sự kiện xưa cũ. Nhưng hơn thế nữa, thời gian kéo dài ở tại thực địa có xu hướng làm phai nhạt những cái nhìn bên trong được hình thành từ nhận thức ban đầu, khi chúng ta tìm cách thích nghi và khám phá xem cái gì là quan trọng đối với người khác; nó làm mòn đi những sự nhạy cảm ban đầu đối với các dạng thức nhỏ nhặt và cảng thẳng tiềm ẩn. Nói tóm lại, nhà nghiên cứu thực địa không phải học hỏi về các mối bận tâm và ý nghĩa của người khác ngay lập tức, mà đó là trong một quá trình liên tục, bất biến, trong đó anh sẽ tạo nên cái nhìn bên trong và hiểu biết mới mẻ dựa trên những cái nhìn bên trong và hiểu biết đã có trước đó. Nhà nghiên cứu nên ghi nhận cách thức các quá trình này sinh và các giai

đoạn này bộc lộ ra sao chứ không phải là cố dựng lại chúng ở một thời điểm về sau, dưới sự soi rọi của những cách diễn giải hoàn chỉnh về ý nghĩa và tầm quan trọng của chúng. Ghi chép điền dã cung cấp cho chúng ta một nguồn tư liệu đặc biệt nhằm lưu giữ các trải nghiệm gần sát với thời điểm mà nó xảy ra và vì vậy giúp cho sự phản ánh và hiểu biết về các trải nghiệm ấy sâu sắc hơn.

Chúng tôi cũng có cách nhìn nhận tương tự khi xem xét “các phát hiện” của nhà dân tộc học về những người được nghiên cứu và hoạt động thường nhật của họ. Sản sinh ra một ghi chép về những hoạt động này càng gần với thời điểm nó diễn ra sẽ càng lưu giữ được đặc điểm riêng, tính ngẫu hứng, bất ngờ của chúng trong bối cảnh thường có các xu hướng thống nhất hóa khi nhớ lại sau này. Trong các ghi chép điền dã được viết ngay lập tức, chất lượng và đặc điểm riêng sẽ được đưa ra một cách sắc bén, gợi ra các ký ức và hình ảnh sống động (Katz, 2001c; 2002) khi nhà nghiên cứu đọc lại các ghi chép này để mã hóa và phân tích. Hơn nữa, đặc trưng của các ghi chép điền dã như vậy, một khi được đưa vào phân tích sau cùng, sẽ tạo nên sự đan xen và đa dạng, tránh được sự nhàn nhạt vốn sẽ xuất hiện từ những cái chung chung.

### *Tầm quan trọng của các chi tiết có tính tương tác*

Nhà nghiên cứu thực địa tìm cách tiếp cận với người khác nhằm tìm hiểu lối sống của họ. Để lưu giữ và truyền tải sự gần gũi đó, họ phải miêu tả các tình huống và sự kiện họ quan tâm một cách thật chi tiết. Dĩ nhiên, sẽ không thể có các chuẩn mực tuyệt đối quyết định lúc nào là “đủ chi tiết”. Nhà nghiên cứu quan sát và miêu tả gần bao nhiêu là tùy thuộc vào cái được “quan tâm” là gì, mà điều này lại rất đa dạng bởi các tình huống và cá tính, định hướng và chuyên ngành của nhà nghiên cứu. Nhưng dù sao, hầu hết các nhà dân tộc học đều tham dự vào những sự kiện mà anh ta quan sát với một tác phong gần gũi hay “vi tiếu” (microscopic) (Geertz, 1973:20-23) và khi viết lại các ghi chép điền dã đều tìm cách ghi nhận “điều đã xảy ra” thật chi tiết.

Vượt khỏi sự dán thân “vi tiếu” chung này thì lối tiếp cận theo trường phái tương tác cụ thể của chúng tôi thúc đẩy chúng tôi khuyên người viết nên xem trọng các báo cáo gần gũi, chi tiết về các tương tác. Thứ nhất, những chi tiết có tính tương tác giúp chúng ta trở nên nhạy cảm khi truy tìm và phân tích những mối liên kết giữa phương pháp và điều đúc kết

được. Bởi vì nhà nghiên cứu thực địa phát hiện ra những chuyện về người khác bằng cách tương tác với họ, nên việc quan sát và ghi nhận tường tận quy trình và điều kiện đánh dấu các tương tác ấy rất quan trọng. Thứ hai, khi lưu giữ các chi tiết của sự tương tác, nhà nghiên cứu sẽ có khả năng xác định và theo kịp *các quá trình* tại các sự kiện mà anh chứng kiến tốt hơn, và vì vậy, sẽ có thể phát triển và duy trì các diễn giải mang tính quá trình về những gì đã diễn ra tại thực địa (Emerson, 2009). Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng nghiên cứu thực địa đặc biệt thích hợp với việc ghi nhận về đời sống xã hội như một quá trình, do các ý nghĩa này sinh sẽ được thiết lập bên trong và thông qua tương tác xã hội (Blumer, 1969). Việc tham dự vào các chi tiết của sự tương tác sẽ giúp nhà nghiên cứu nâng cao tầm nhìn, vượt ra khỏi các chính thể cố định, cứng nhắc, để nắm bắt được “cái đang thực hành” một cách năng động của đời sống xã hội. Ghi chép điền dã càng sớm và càng đầy đủ càng tốt, nên thực hiện ngay sau khi sự kiện mà nhà nghiên cứu quan tâm vừa diễn ra, cố gắng miêu tả chi tiết các quá trình tương tác mà thông qua đó những thành viên trong bối cảnh xã hội ấy tạo ra và duy trì các hiện thực xã hội tại địa phương, mang tính đặc thù.

## SUY NGÂM: VIẾT GHI CHÉP ĐIỀN DÃ VÀ THỰC HÀNH MIÊU TẢ DÂN TỘC HỌC

Miêu tả dân tộc học là một công việc năng động và giúp liên kết chặt chẽ các sức đẩy kép. Một mặt, nhà dân tộc học phải tìm lối thâm nhập vào các thế giới mới và những mối quan hệ mới. Mặc khác, anh ta phải học hỏi để tái hiện thành văn cái mà anh ta đã thấy và hiểu biết từ các trải nghiệm ấy.

Thật dễ dàng để chúng ta phân định rõ ràng sự tương phản giữa các hoạt động này, giữa việc tiến hành công tác thực địa và viết ghi chép điền dã. Sau cùng, khi sống tại thực địa, nhà dân tộc học phải thường xuyên chọn lựa giữa việc “tham gia vào các cuộc chuyện trò ở những địa điểm không quen thuộc” (Lederman, 1990:72) với việc rút lui vào một nơi riêng tư hơn để ghi lại những cuộc trò chuyện này và các sự kiện anh ta đã chứng kiến. Do xác định làm “dân tộc học thật sự” là vào những lúc chuyện trò và lắng nghe những người mà mình nghiên cứu, nên nhiều nhà dân tộc học

không những phản đối mà còn cho rằng việc viết các ghi chép không phải là thành tố trọng yếu của nghiên cứu thực địa. Thế nhưng không nên xem “tiến hành công việc” và “ghi chép” là những hoạt động tách rời, riêng biệt, mà đúng hơn nên xem chúng là những công việc phụ thuộc lẫn nhau, xây dựng cho nhau và có quan hệ biện chứng. Các bản ghi chép lại những gì đã xảy ra trong suốt các cuộc tiếp xúc trực tiếp với những người ở thực địa cũng chính là một bộ phận của công tác dân tộc học; như Geertz đã nhấn mạnh, “nhà dân tộc học ‘khắc ghi’ các diễn ngôn xã hội; anh ta ghi chép lại” (1973:19). Quá trình khắc ghi này, nghĩa là thực hiện các ghi chép điền dã, giúp nhà nghiên cứu thực địa hiểu được cái mà anh ta đã quan sát được lúc đầu, do vậy sẽ cho phép anh tham dự bằng những cách thức mới, lắng nghe với sự chú tâm lớn hơn và quan sát với lăng kính mới hơn.

Khi các nhà dân tộc học ngày càng nhận ra được tầm quan trọng của việc ghi chép trong nghề của mình, thì họ lại thường xuyên phân biệt cách thức làm sao để nêu lên được đặc điểm của việc ghi chép ấy và mối quan hệ của nó với nghiên cứu dân tộc học. Một số nhà nhân học đã phê phán quan điểm của Geertz về “sự ghi khắc” là thiên về tính kỹ thuật và đơn giản hóa, là bỏ qua việc nhà dân tộc học không phải viết về “sự kiện đã qua” mà là về “diễn ngôn hay tri thức đã được định khung, cố định” và vì vậy sự khắc ghi lê ra phải được gọi là “ký âm” (transcription) (Clifford, 1990:57). “Sự khắc ghi” còn bị phê phán là đã quá sa đà vào giả định về “dân tộc học man di” (savage ethnography), khởi thủy từ việc Franz Boas quyết tâm “ghi lại” các nền văn hóa truyền miệng trước khi chúng, cùng với ngôn ngữ và phong tục tập quán của chúng biến mất (Clifford, 1986:113). Sự thật thì các nhà dân tộc học đã đề xuất một số giải pháp thay thế để làm nên đặc trưng của việc ghi chép trong dân tộc học. Các nhà nhân học thường dùng từ “chuyển ngữ” (translation) (hay là “chuyển ngữ văn hóa” - cultural translation) để nhìn nhận công việc viết ra một phiên bản về một nền văn hóa, giúp cho các lớp độc giả sống trong một nền văn hóa khác có thể hiểu được nó. Richardson (1990), Richardson và St. Pierre (2005) và các nhà xã hội học khác đã cho rằng cốt lõi của việc viết lách dân tộc học là “tường thuật.” Clifford (1986) và Marcus (1986) dùng một thuật ngữ trừu tượng hơn là “văn bản hóa” (textualization) để ám chỉ các quá trình căn bản mà nhà dân tộc học dùng để “chuyển ngữ trải nghiệm thành văn bản” (Clifford, 1986:115).

Tuy nhiên, nhìn chung thì những cách tiếp cận này đã đánh đồng việc viết các bản miêu tả dân tộc học sau cùng và việc thực hiện các ghi chép dân tộc học; do đó chúng không thể làm rõ các quá trình và đặc điểm chủ đạo của việc tạo ra các ghi chép điền dã một cách xác đáng. Tuy vậy, mỗi cách tiếp cận cũng có những đóng góp cho việc viết lại ngay tức thời các sự kiện được chứng kiến tại thực địa. Thứ nhất, *chuyển ngữ* kéo theo sự tái thiết lập một tập hợp các khái niệm và thuật ngữ thành một tập hợp khác; nghĩa là, nhà dân tộc học phải tìm kiếm những khái niệm và thuật ngữ đồng nghĩa tương đương. Theo nghĩa đó, khi tạo ra các ghi chép điền dã, một nhà dân tộc học luôn phải diễn giải và chuyển ngữ thành văn bản những gì mà anh ta nhìn thấy, thậm chí ngay cả khi viết các ghi chú cho chính bản thân anh ta. Lê dì nhiên, khi biên soạn các bản miêu tả dân tộc học sau cùng, tác giả không chỉ chuyển ngữ các khái niệm mà còn toàn bộ một lối sống cho những độc giả tương lai, là những người có thể không thân quen với cái thế giới mà tác giả miêu tả. Thứ hai, việc *tường thuật* thường có thể nêu lên được đặc trưng của quá trình viết các trải nghiệm của một ngày thành một đơn vị ghi chép điền dã. Tuy nhiên, không phải tất cả các trải nghiệm của đời sống đều có thể tái hiện thành những câu chuyện mạch lạc: Một bản tường thuật có thể đầy các tương tác khép - mở hay bị xô lệch thành một chuỗi sự kiện có liên quan với nhau chặt chẽ, vốn sẽ làm lệch lạc trải nghiệm thật sự của tương tác ấy. Do đó, trong khi nhiều ghi chép điền dã kể về một ngày làm việc theo lối kể chuyện, nhớ lại cái đã xảy ra theo trình tự thời gian, thì hầu hết các ghi chép như vậy lại thiếu cấu trúc tổng thể để kết nối các sự kiện trong ngày hôm đó thành mạch câu chuyện có điểm nhấn. Kết quả là chức năng kể chuyện của các ghi chép điền dã nhìn chung thường rời rạc và có tính chương hồi. Sau cùng, *sự văn bản hóa* rõ ràng sẽ tập trung vào sự chuyển đổi các trải nghiệm thành văn bản khái quát hơn, không chỉ trong các bản miêu tả dân tộc học sau cùng, mà đặc biệt còn trong các ghi chép ban đầu và đa dạng tại thực địa, và những ghi chép này thường sẽ định hình cấu trúc từ trước cho các văn bản sau cùng!

Nói tóm lại, các quá trình linh hoạt, khép-mở trong việc viết các ghi chép điền dã cộng hưởng hình ảnh của tất cả những cách tiếp cận trên, lại khác biệt với các hình ảnh này theo những cách thức khá quan trọng. Miêu tả thế giới chưa bao giờ là một vấn đề đơn giản, các ghi chép điền dã đóng

vai trò còn hơn cả ghi nhận về những cuộc quan sát. Theo một nghĩa cơ bản, chúng tạo dựng nên một lối sống thông qua chính sự lựa chọn cách viết của nhà dân tộc học và các câu chuyện mà anh ta kể lại; vì thông qua điều này, anh ta sẽ thể hiện sự hiểu biết và những cái nhìn bên trong của mình cho các độc giả tương lai, vốn không quen biết với đời sống, con người và các sự kiện ấy. Khi tạo ra một ghi chép điền dã, nhà dân tộc học không đơn thuần biến những gì đã diễn ra thành các từ ngữ. Chính xác hơn thì đó là một quá trình diễn giải: nó chính là thao tác đầu tiên của việc văn bản hóa. Thật ra, công việc thường là "vô hình" này - *thực hiện các ghi chép điền dã* - lại là sự văn bản hóa, ban đầu sẽ tạo nên một thế giới trên từng trang sách, và sau cùng sẽ định hình nên tác phẩm dân tộc học được xuất bản.



## Chương 2

# Tại thực địa: Tham dự, quan sát và ghi chép nhanh

Ở bước cuối cùng, nhà dân tộc học sẽ tạo ra một tác phẩm thành văn về những gì anh ta đã thấy, đã nghe, và trải nghiệm tại thực địa. Nhưng các nhà dân tộc học khác nhau, thậm chí cùng một nhà dân tộc học tại những thời điểm khác nhau, sẽ biến trải nghiệm và quan sát của mình thành các văn bản viết theo những cách khác nhau. Nhiều người sẽ tối đa hóa sự hòa nhập của họ vào các hoạt động tại địa phương và các trải nghiệm của họ về cuộc sống của người khác, cố gắng trì hoãn một cách có chủ đích việc tạo ra các ghi nhận thành văn về những sự kiện này. Ở đây, nhà nghiên cứu thực địa quyết định nơi sẽ đi, những gì sẽ quan sát, hỏi và nói, nhằm trải nghiệm đầy đủ một lối sống khác cùng với những mối quan tâm của nó. Anh ta tham dự các sự kiện gần như không có định hướng nhằm “viết lại” hay thậm chí là “quan sát” theo kiểu đứng tách ra xa. Thật sự thì một nhà dân tộc học phải sống tại một thực địa, chứ không phải là thăm viếng nơi đó thường xuyên, đặc biệt là tại những nền văn hóa phi phương Tây, là nơi mà anh ta không quen với ngôn ngữ và nhịp sống thường nhật, anh ta không có lựa chọn nào khác ngoại trừ việc đơn giản là tham dự đầy đủ và trì hoãn các mối quan tâm ghi chép ngay lập tức. Chẳng hạn, một nhà dân tộc học là nữ tìm hiểu về phụ nữ địa phương ở châu Phi sẽ giúp họ nhặt rau và trông trẻ, không còn thời gian nào cho việc ghi chép. Tuy vậy, trong quá trình tham dự vào đời sống đó, có lẽ cô ấy sẽ học hỏi được cách thức những người phụ nữ này vừa làm việc cùng nhau vừa sinh hoạt xã hội và chăm sóc con cái một cách rõ ràng nhất. Chỉ trong các nhận xét sau đó thì cô ấy mới

hoàn toàn nhận ra các thay đổi nho nhỏ trong bản thân mình khi học hỏi cách làm và nhìn những hoạt động này như chính các phụ nữ kia.

Nhà nghiên cứu thực địa sử dụng cách tiếp cận này đều mong muốn nối kết một cách tự nhiên với những người mà họ tiếp xúc tại thực địa; nhà nghiên cứu tập trung mọi cố gắng vào việc lý giải - một cách toàn diện và cảm tính - những người này làm vậy để làm gì. Bất kỳ dự định viết các ghi chép điền dã nào cũng bị trì hoãn (và trong những trường hợp cực đoan, tối thiểu hóa hoặc là né tránh hoàn toàn), thay thế bằng những cái nhìn bên trong có tính trải nghiệm và cảm tính mà sự thâm nhập vào một thế giới xã hội khác có thể đem lại.<sup>1</sup> Sau đó, nhà nghiên cứu dân tộc học mới quay về với nhiệm vụ hồi tưởng và xem xét các trải nghiệm của mình để viết lại chúng.

Nhưng nhà dân tộc học cũng có thể tham dự vào các sự kiện đang diễn ra theo những cách thức gắn liền một cách trực tiếp và ngay lập tức với sự khắc ghi. Ở đây, người làm công tác điền dã quan tâm tới việc “thâm nhập vào tận nơi” để quan sát các sự kiện thú vị, quan trọng nhằm tạo ra một ghi chép thành văn chi tiết về các sự kiện ấy. Kết quả là, sự tham dự diễn ra một cách tự nhiên đó có thể được định hướng rõ rệt nhằm vào việc ghi chép điền dã. Cực đoan hơn, nhà nghiên cứu có thể sẽ chỉ nhìn những sự kiện mà anh ta muốn viết lại vì mục đích nghiên cứu của mình một cách có ý thức; anh ta có thể sẽ tự đặt mình vào những sự kiện mờ này để có thể quan sát và viết; và anh ta cũng có thể hướng đến các sự kiện nào thỏa mãn tiêu chí “cái quan trọng cần nhớ để tôi có thể viết lại sau đó” một cách rõ ràng.

Hai cách tham dự này đều có những điểm mạnh và điểm yếu. Cách thứ nhất cho phép một sự thâm nhập sâu vào nhịp điệu hằng ngày và những quan tâm thường nhật, làm tăng tính mờ đồi với lối sống của người khác. Cách thứ hai có thể tạo ra một ghi chép chi tiết, gần hơn với thời điểm diễn ra trong cuộc sống. Trên thực tế, hầu hết các nhà nghiên cứu điền dã đều áp

<sup>1</sup> Chẳng hạn Jackson (1990b:23) đã trích dẫn rất nhiều nhà nhân học nhấn mạnh việc “thực hiện” tác phẩm miêu tả dân tộc học thuần khiết như sau: “Các ghi chép điền dã đã gây cản trở. Chúng chen vào những việc mà công tác điền dã đang làm - thực hiện [nghiên cứu - ND].” Và “Đây là cái mà tôi gọi là công tác thực địa. Nó không phải là việc ghi chép tại thực địa mà là sự tương tác giữa nhà nghiên cứu và cái gọi là đối tượng nghiên cứu.”

dụng cả hai cách tiếp cận vào lúc này hay lúc khác, có khi tham dự mà không nghĩ gì đến việc ghi chép lại những gì đang diễn ra, có khi lại tập trung thật gần với sự kiện để ghi lại. Thực ra, nhà nghiên cứu điền dã có thể sẽ trải qua một sự chuyển đổi từ phương thức này sang phương thức kia khi sự kiện diễn ra tại thực địa. Ví dụ như khi bị kẹt cứng trong một khoảnh khắc xã hội nào đó, nhà nghiên cứu có thể sẽ nhận ra được sự liên quan về mặt lý thuyết sâu sắc trong một trải nghiệm hay thực hành vụn vặt hằng ngày. Ngược lại, một nhà nghiên cứu, khi đang quan sát theo cách thức tách xa ra để viết lại, cũng có thể đột nhiên bị cuốn hút một cách trực tiếp và tham dự vào trung tâm của hoạt động ấy<sup>2</sup>.

Trong cả hai cách tiếp cận này, nhà nghiên cứu dân tộc học đều viết các ghi chép điền dã ít nhiều đồng thời với các trải nghiệm và quan sát về sự kiện mà anh ta quan tâm, giống như một nhà dân tộc học đã viết như sau: "Nhà nhân học là những người viết lại mọi thứ vào cuối ngày hôm đó" (Jackson, 1990b:15). Trong cách trải nghiệm này, việc ghi chép có thể được trì hoãn hàng giờ hoặc thậm chí là nhiều ngày liền, cho đến khi nhà nghiên cứu rút khỏi địa bàn, họ sẽ hoàn toàn dựa vào ký ức, ngồi vào bàn hay vào máy vi tính để tái dựng các sự kiện quan trọng<sup>3</sup>. Trong cách tiếp cận "tham dự để viết", việc ghi chép hay ý định ghi chép bắt đầu từ rất sớm, khi nhà nghiên cứu vẫn đang ở địa bàn nghiên cứu, có lẽ là ngay lúc cuộc nói chuyện và hành động mà anh ta muốn ghi khắc xuất hiện. Nhà dân tộc học có lẽ sẽ không chỉ ghi nhớ trong đầu, hay còn gọi là "ghi chú trong đầu" (headnotes)<sup>4</sup>, tất cả những sự kiện nhất định sẽ được ghi lại trong ghi chép

<sup>2</sup> Jackson (1990b:25) cho chúng ta một ví dụ của loại thứ nhất, dẫn lại từ nguồn của một nhà nhân học có được "cái nhìn bên trong đối với chủ nghĩa biểu tượng của thổ dân Úc về đất khi tiếp xúc với đất": "Bạn sẽ chú ý trong bất kỳ cuộc nói chuyện dài hơi nào, người ta ngồi xổm, hoặc nằm lăn ra đất. Tôi đã khá tò mò vì điều đó, một phần bởi vì tôi lê ra cũng phải làm như vậy... cát bụi vô tận." Pollner và Emerson (1988:244) trình bày ví dụ về loại thứ hai, khi một người quan sát trước đó đứng bên ngoài và tách biệt lại đột nhiên bị đưa vào làm tâm điểm cho một đánh giá tâm thần tại trung tâm.

<sup>3</sup> Một số nhà dân tộc học toàn tâm toàn ý với sự thâm nhập trải nghiệm có lẽ sẽ bỏ việc viết có hệ thống sang một bên gần như vô thời hạn, thường là cho đến khi rời khỏi thực địa. Giả sử chúng ta cam kết các ghi chép sẽ được viết ít nhiều cùng lúc với trải nghiệm, cho nên chúng tôi không nên lên các bước để viết ghi chép điền dã sau khi sự kiện đáng quan tâm đã diễn ra được một thời gian dài.

<sup>4</sup> Thuật ngữ này được trích từ Jackson (1990b:5), vốn trích lại từ Simon Ottenberg.

điền dã đầy đủ, mà anh còn có thể đã viết lại, với hình thức ghi chú nhanh hay những ghi chép rời rạc, những từ và cụm từ viết tắt dùng để đựng nên ghi chép điền dã đầy đủ sau đó.

Hơn nữa, ở cả hai cách trên, nhà nghiên cứu điền dã đều quan tâm sâu sắc đến chất lượng của mối quan hệ mà họ phát triển với những người họ tìm cách làm quen và hiểu biết. Khi coi trọng những trải nghiệm mở, tự nhiên hơn về thế giới và hoạt động của người khác, nhà nghiên cứu thực địa sẽ tìm cách giữ cho việc ghi chép không xâm phạm và tác động đến các mối quan hệ ấy. Họ làm vậy không chỉ để tránh bị cô lập khỏi trải nghiệm đang diễn ra về một thế giới khác, mà còn bởi vì việc ghi chép thiên về nghiên cứu nhìn chung có thể sẽ tạo nên cảm giác phản bội với những người mà anh ta đang cùng sống và chia sẻ những điều riêng tư thầm kín. Ngược lại, những nhà nghiên cứu tham dự để viết lại theo đuổi và tuyên bố các mối quan tâm nghiên cứu của mình một cách công khai hơn, điều đó trở thành một yếu tố trong mối quan hệ với những người mà anh ta nghiên cứu. Nhưng những nhà nghiên cứu thực địa này thường trở trên rất nhạy cảm với những cách thức gây nổi bật hành động ghi chép và có thể ảnh hưởng đến chất lượng mối quan hệ của họ với những người được nghiên cứu. Và họ cũng có thể sẽ trải qua những khoảnh khắc mơ hồ, hoang mang, không biết có nên gộp luôn cả những chuyện riêng tư hay đáng xấu hổ vào ghi chép điền dã hay không.

Trong phần tiếp theo của chương này, chúng tôi sẽ tập trung vào cách tiếp cận điền dã “tham dự để viết lại”, đối diện với các vấn đề ghi chép trực tiếp và ngay lập tức tại thực địa. Cách tiếp cận này trước hết đem lại sự tương kết giữa việc viết, tham dự, và quan sát, như là phương tiện để tìm hiểu một lối sống khác; nó tập trung vào việc học hỏi cách thức quan sát để viết lại, trong khi cũng thừa nhận việc quan sát tự bản thân nó sẽ bị định hình và gò ép bởi cảm giác về việc viết cái gì và viết như thế nào. Chúng ta bắt đầu xem xét quá trình tham dự để viết ra chi tiết bằng việc đánh giá một số thực hành mà nhà dân tộc học thấy là hữu ích cho việc dẫn dắt và định hướng quan sát, được thực hiện dưới các tình huống tham dự này. Sau đó, chúng ta sẽ đề cập đến những vấn đề ghi chép thật sự với sự hiện diện của những người chúng ta nghiên cứu, bằng cách ghi nhanh những gì chúng ta thấy và nghe được, thậm chí là trong lúc các tương tác này đang diễn ra. Ở đây, trước hết chúng

tôi sẽ trình bày các minh họa về ghi chú nhanh đã được thực hiện tại những bối cảnh thực địa khác nhau và sẽ thảo luận các đánh giá có thể giúp hướng dẫn quá trình thực hiện các ghi chép nhanh. Tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét một vài lựa chọn của các nhà diên dã khi phải quyết định cách thức, lúc nào và ở đâu nên ghi chép nhanh khi đang ở thực địa.

## THAM DỰ ĐỂ VIẾT

Khi tham dự vào các cảnh tượng, sự kiện và tương tác đang diễn ra, nhà nghiên cứu thực địa sẽ ghi chú trong đầu về các chi tiết và ấn tượng nhất định. Hầu hết những ấn tượng này sẽ chỉ là “những ghi chép trong đầu” cho đến khi nhà nghiên cứu ngồi xuống ghi chép đầy đủ về những cảnh tượng và sự kiện ấy. Nhưng trong sự bắt định của bối cảnh nghiên cứu, những sinh viên mới chập chững vào nghề thường do dự và không chắc chắn về những gì có thể trở thành vấn đề tiềm năng cho việc ghi chép, để họ chú ý đến chúng. Chúng tôi đã tìm ra rất nhiều bước hữu ích trong việc hướng dẫn sinh viên cách thức nhìn để viết ngay từ đầu.

Trước tiên, nhà dân tộc học nên ghi chép về *những ấn tượng ban đầu* của mình. Các ấn tượng này có thể bao gồm những thứ thuộc về các giác quan - vị, mùi, âm thanh của môi trường vật chất, quan điểm, cảm nhận về địa phương và con người sống ở đó. Những ấn tượng ấy có thể bao gồm các chi tiết về khung cảnh vật chất: kích thước, không gian, tiếng động, màu sắc, trang thiết bị và chuyển động; hoặc về con người trong bối cảnh nghiên cứu, chẳng hạn như số lượng, giới tính, chủng tộc, v.v ngoài, trang phục, cử chỉ, lối ứng xử và ngữ điệu cảm xúc. Việc ghi lại những ấn tượng này sẽ cung cấp cho chúng ta một cách thức để bắt đầu trong một bối cảnh đường như quá choáng ngợp. Bước vào một nền văn hóa khác, với ngôn ngữ và phong tục tập quán chúng ta đều chưa hiểu rõ, chúng ta có thể sẽ phải đổi mặt với những thách thức cụ thể. Tuy vậy, nhà dân tộc học vẫn có thể bắt đầu đồng hóa những dấu hiệu và âm thanh xa lạ bằng cách viết về chúng.<sup>5</sup>

<sup>5</sup> Gottlieb và Gramham (1993) miêu tả các quá trình ghi chép khi kể chuyện về quá trình nghiên cứu dân tộc học của họ ở châu Phi.

Hơn nữa, việc ghi chép này sẽ giúp lưu giữ những ấn tượng ban đầu, thường đầy ắp cái nhìn sâu sắc từ bên trong, vì người quan sát thường có xu hướng đánh mất sự nhạy cảm với những phẩm chất đặc trưng của bối cảnh khi chúng trở nên cũ rích đối với anh ta. Nhà nghiên cứu quen thuộc với bối cảnh nghiên cứu, có thể là đã có một vị trí trong bối cảnh ấy trước đó với tư cách là một công dân, sẽ đánh mất con đường tiếp cận với những ấn tượng ban đầu này. Tuy vậy, những nhà nghiên cứu như thế có thể gián tiếp tìm cách nhớ lại các ấn tượng ban đầu của mình bằng cách quan sát những người mới đến bối cảnh ấy, chú ý đặc biệt đến cách thức họ học hỏi, thích ứng và phản ứng.

Thứ hai, nhà nghiên cứu thực địa có thể tập trung vào cảm nhận của riêng họ về *những gì quan trọng* hoặc *bất ngờ* nhằm ghi lại các sự kiện hoặc sự việc then chốt trong một thế giới hoặc bối cảnh xã hội cụ thể. Cụ thể là lúc đầu nhà nghiên cứu điền dã có thể đã dựa vào trải nghiệm và cảm giác của chính mình để lựa chọn những sự việc đáng để lưu tâm trong dòng chảy các hoạt động đang diễn ra. Ví dụ như ở đây, nhà nghiên cứu này đã quan sát kỹ một chuyện làm cô ấy ngạc nhiên hoặc trái ngược với suy tính của cô ấy, chú tâm đến các sự việc, các giọng điệu đầy cảm xúc, ấn tượng và các tương tác, cả bằng lời nói và không bằng lời nói.

Tương tự, nhà nghiên cứu thực địa có thể sẽ dùng trải nghiệm cá nhân về các sự kiện đã làm họ hài lòng, bị sốc, hoặc thậm chí nổi giận để xác định những vấn đề đáng viết lại. Phản ứng mạnh mẽ của một nhà nghiên cứu điền dã đối với một sự kiện cụ thể nào đó có thể là tín hiệu rằng những người khác tại bối cảnh nghiên cứu cũng sẽ phản ứng tương tự. Hoặc giả, một nhà nghiên cứu có thể cùng lúc trải nghiệm qua những tình cảm tương phản lẫn lộn sâu sắc - ví dụ như vừa cảm thấy đồng cảm sâu sắc lại vừa kinh tởm về những gì mà anh ta quan sát được ở thực địa. Những cảm xúc này có thể cũng phản ánh những bức xúc trong các tình cảm đối lập mà người dân tại bối cảnh nghiên cứu cũng đã trải nghiệm.

Tuy nhiên, để sử dụng các phản ứng cá nhân một cách hiệu quả thì cần phải có sự cẩn trọng và cân nhắc kỹ lưỡng. Chúng ta cần phải chú ý kỹ đến cách những người khác tại bối cảnh nghiên cứu phản ứng lại các sự kiện này; điều quan trọng là chúng ta phải ý thức được sự phản ứng và cảm giác của một thành viên khác với những thành viên khác khi nào và như thế nào.Thêm vào đó, khi ghi chú về trải nghiệm của người khác, rất nhiều nhà

nghiên cứu có xu hướng phán xét hành động của những người tại bối cảnh nghiên cứu, tốt hoặc xấu, bằng chính chuẩn mực và giá trị của họ chứ không phải của những người kia. Việc áp đặt định kiến bằng suy nghĩ của người bên ngoài sẽ gây khó khăn cho việc nuôi dưỡng sự hiểu biết đồng cảm và khám phá những gì người dân địa phương cho là quan trọng (xem Chương 5). Nhà nghiên cứu thực địa nên tinh táo trước khả năng của người địa phương, đặc biệt là những người có văn hóa rất khác với họ, có thể sẽ phản ứng với các sự kiện theo những phương thức đối lập gay gắt. Ví dụ, một nhà nghiên cứu dân tộc học tại một ngôi làng người Chokwe có thể cuống lên khi thấy một người đàn ông ngất xỉu sau khi uống một loại thức uống bằng thảo mộc gì đó trong phiên tòa xét xử phù thủy, sau đó phát hiện ra rằng những người khác đang cười ầm lên trước cảnh tượng đó vì biết rằng anh ta sẽ nhanh chóng tỉnh lại.

Cho dù vậy, nhà nghiên cứu cũng đừng nên quá cự đao và cô kìm nén những phản ứng cá nhân mãnh liệt bằng cách chối bỏ hay đơn giản là phớt lờ nó trong các ghi chép điền dã. Mà đúng ra, chúng tôi cho rằng nhà nghiên cứu dân tộc học trước tiên nên ghi lại các cảm xúc của mình, sau đó lùi lại và sử dụng trải nghiệm này để hỏi xem người dân ở địa bàn đã thấy và trải nghiệm những chuyện này ra sao. Có phải người dân địa phương cũng cảm thấy kinh ngạc, sốc, hài lòng, hay giận dữ bởi một sự kiện tương tự như ta không? Nếu như thế, thì những phản ứng đó xảy ra dưới điều kiện, hoàn cảnh nào và làm sao những người chịu tác động có thể thích ứng với sự việc và những người có liên quan? Dù nhà nghiên cứu làm việc trong một nền văn hóa thân quen hay xa lạ, anh ta cũng cần phải tránh giả định rằng người khác sẽ phản ứng như mình.

Thứ ba, nhà nghiên cứu nên vượt ra khỏi những phản ứng cá nhân để có được sự nhạy cảm phóng khoáng về *những gì người dân tại bối cảnh nghiên cứu trải nghiệm và phản ứng “trọng yếu” hay “quan trọng”*. Những loại hành động, tương tác và sự kiện nào thường thu hút sự chú ý của con người tại bối cảnh có thể sẽ cung cấp các gợi ý về những điều quan trọng ấy. Cụ thể là: Họ dừng lại để xem cái gì? Họ chuyện trò và tán gẫu với nhau về chuyện gì? Cái gì tạo ra các phản ứng tình cảm mãnh liệt đối với họ? Những điều “phiền não” hay các “vấn đề” thường sẽ gây ra sự bận tâm và cảm xúc sâu sắc. [Vậy thì] loại phiền não hoặc vấn đề gì sẽ xảy ra tại thực địa? Người dân tại địa bàn hiểu,

diễn giải, và ứng phó với những phiền não hay vấn đề ấy ra sao? Những "sự việc" và "phiền toái" như thế sẽ đầy nhà nghiên cứu đến chỗ phải ghi chú lại "ai đã làm điều đó" và "những người khác phản ứng thế nào."

Tuy nhiên, thường thì một nhà nghiên cứu không quen thuộc với bối cảnh lúc đầu sẽ có thể không hiểu được hoặc thậm chí là không xác định được các ý nghĩa mang tính địa phương và tầm quan trọng của chúng. Do vậy, nhà nghiên cứu phải viết lại những gì mà người địa phương nói và làm dù không hoàn toàn hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của chúng. Hãy xem ví dụ về ghi chép của một thực tập sinh dân tộc học khi lần đầu đến thăm một chương trình tại gia nhỏ dành cho các cô gái đã từng là gái bán dâm như sau:

Chúng tôi bước vào trong và đi dọc theo hành lang, dừng lại ở nhà bếp. Một trong số các cô gái đang ở đó, và Ellen [giám đốc chương trình] dừng lại để giới thiệu tôi với cô. Bà nói, Catherine này, đây là nhân viên tình nguyện mới của chúng ta. Catherine trả lời: "Ôi, thật vui được biết chị", và cảm ơn tôi đã chịu làm tình nguyện viên. Chúng tôi bắt tay nhau và tôi nói rằng tôi cũng rất vui khi biết cô ấy. Ellen nói thêm: "Mọi người ai cũng gọi cô ấy là Cathy nhưng tôi lại thích âm thanh của từ Catherine nên tôi gọi cô ấy như thế đó." Catherine mặc một chiếc quần soóc thể thao màu xanh nước biển, rộng thùng thình và một chiếc áo màu đen cũng rộng rãi. Mái tóc xoăn dày của cô được búi lên một bên đầu. Cô đi chân trần. Cô quay sang Ellen và vừa cười vừa nói: "Julie đã cắt tóc". Ellen nhận xét là tóc của Julie đã ngắn rồi và hỏi: "Có xù không?" Catherine trả lời là không, rằng nó được cắt theo "phong cách bé trai và trông rất dễ thương." Ellen nhíu mày và hỏi vậy Julie có vui không? Catherine cười và nói rằng: "Có, cô ấy thích lắm." Ellen đáp lời là "Ồ, nếu cô ấy vui thì tôi cũng vui" và bảo rằng cô ấy sẽ tiếp tục dẫn tôi đi xem xung quanh nhà. Tôi chào Catherine: "Hẹn gặp lại."

Ở đây, lời đối đáp của vị giám đốc chương trình với các tường thuật của Catherine về việc Julie cắt tóc, rằng đây chỉ đơn giản là một quyết định về phong cách và vẻ ngoài cá nhân - "Cô ấy có vui không?" Thoạt nghe thì dường như đây không có vẻ gì là một câu nói quan trọng hay thiết yếu gì, và có thể dễ dàng bị bỏ ra ngoài các ghi chép về sự tương tác này.<sup>6</sup>

<sup>6</sup> Tuy nhiên, việc đặt nhận xét này của Catherine vào phần giới thiệu cho thấy cô ấy xem đây là "tin tức" quan trọng nên cần được thông báo cho Ellen đúng lúc, và nhận xét cũng

Nhưng các sự kiện sau sự tương tác này đã cho thấy rõ rằng chuyện cắt tóc của Julie có ý nghĩa quan trọng cho cả nhà này và cả chương trình. Chia tay Catherine, vị giám đốc tiếp tục dẫn nhà dân tộc học đi xung quanh nhà:

[Trong một phòng ngủ ở tầng trên] Ellen bảo tôi ngồi chờ cô “gọi một cuộc điện thoại”. Cô bắt đầu cuộc trò chuyện: “Nghe này, tôi vừa đến nhà và Catherine bảo tôi rằng Julie đã cắt tóc”. Cô lắng nghe một lúc và giọng nói của cô trở nên nghiêm trọng hơn: “Ừ, tôi biết. Chỉ là tôi nghĩ cô ấy đã điên khùng lần vừa rồi.” [Sau đó, trong văn phòng của cô ấy] Ellen giải thích với tôi rằng Julie từng là thành viên của nhà mờ này nhưng đã bỏ đi và quay trở lại con đường bán phẩn buồn hương. Khi Julie muốn quay lại nhà, “chúng tôi đồng ý cho cô ấy quay lại với một điều kiện, rằng cô ta sẽ không để tâm đến vẻ bề ngoài nữa, mà thay vào đó phải quan tâm đến con người bên trong.” Đó là lý do tại sao Ellen đã quá quan tâm đến việc cắt tóc: “Như thế cô ta sẽ lại quay lại là con người cũ trước đây vậy”, bởi vì đây là dấu hiệu cho thấy nó bắt đầu như thế nào.

Cuộc điện thoại của vị giám đốc chương trình, ngay lập tức báo cáo chuyện cắt tóc của Julie cho ai đó có liên quan, thể hiện tầm quan trọng nội bộ của sự kiện này. Sau đó, vị giám đốc giải thích với người quan sát rằng, khi xem xét đến quá khứ của Julie trong chương trình, chuyện tóc tai của cô ta là một chỉ báo rất rõ của một trạng thái tâm lý đang gặp trắc trặc và sự cam kết yếu ớt đối với chương trình.

Ở sự việc này, nhà nghiên cứu điền dã quan tâm đến ý nghĩa của nội bộ địa phương, không phải bằng việc hỏi trực tiếp người hành động về việc điều gì là quan trọng đối với họ, mà bằng cách gián tiếp và tham khảo thông qua việc tìm kiếm các quan điểm và mối quan tâm được ẩn giấu và thể hiện trong các tương tác diễn ra tự nhiên. Thông qua việc lượm lặt ý nghĩa nội bộ địa phương ẩn trong các tương tác, nhà dân tộc học tiến đến chỗ hiểu được ý nghĩa này, không chỉ đơn thuần như các phạm trù tĩnh, mà đúng hơn là như các vấn đề có liên quan đến hành động và tiến trình. Điều này không chỉ đòi hỏi nhà dân tộc học phải miêu tả các tương tác, mà cô ta còn phải tham dự liên tục, “khi nào, ở đâu, và theo ai nói”, nhằm định hình nên tất cả các miêu tả điền dã. Những người ở các vị trí tổ chức khác nhau (ví dụ như

---

có thêm nội dung vì nó có sự thay đổi chủ đề rõ ràng, bỏ qua người mới đến bằng cách đề cập đến người khác mà cô ấy không biết).

nhân viên và thân chủ) có thể đánh giá khách hàng theo những cách khác nhau, là đang thực hiện “chương trình” tốt hay kém, và họ có thể làm vậy bằng cách lập ra các tiêu chí đánh giá khác nhau. Ý nghĩa nội bộ địa phương ít khi được chia sẻ bởi toàn bộ ban bệ của tổ chức, mà thực ra, nó phản ánh các vị trí cụ thể và quan tâm riêng cần được nắm bắt trong miêu tả điền dã.

Thứ tư, nhà dân tộc học có thể bắt đầu nắm bắt bối cảnh mới bằng cách ghi chú càng hệ thống càng tốt, tập trung vào việc *các hành động lặp đi lặp lại trong bối cảnh được tổ chức và diễn ra như thế nào*. Bám sát vào việc chuyện gì đó diễn ra “như thế nào” sẽ khuyến khích và giúp tạo ra “các miêu tả minh bạch, rõ ràng” (Katz, 2001c), giúp cụ thể hóa các hoàn cảnh sống thực sự và các sự kiện bất ngờ trong đời sống xã hội. Kiên trì với quan điểm tương tác của chúng ta, cách đặt câu hỏi “như thế nào” cũng sẽ giúp tập trung sự chú ý của nhà nghiên cứu vào các tiến trình xã hội và tương tác, mà thông qua đó các thành viên của một xã hội thiết lập, duy trì và biến đổi thế giới xã hội đó. Điều này có nghĩa là nhà nghiên cứu thực địa nên chống lại cảm dỗ muốn tập trung vào các miêu tả về việc *tại sao* các sự kiện hay hành động xảy ra; vì tập trung vào câu hỏi “tại sao” ngay từ đầu sẽ cản trở và làm lệch hướng những miêu tả đầy đủ về các ẩn tượng cụ thể, các sự kiện và tương tác bởi quyết định “tại sao” là một quá trình phức tạp và không chắc chắn, đòi hỏi sự giải thích, và do vậy cần được so sánh với các ví dụ hay trường hợp khác. Hãy xem xét sự khác nhau trong hiểu biết mà Katz phát triển nên giữa việc hỏi *tại sao* một người quyết định đổ xăng cho xe của mình và *cách thức* người ta làm việc đó:

Tôi có thể miêu tả cách tôi làm chuyện này trong một tình huống cụ thể, nhưng lý do tại sao tôi làm thì không hề đơn giản như những lời giải thích nằm sẵn trong đầu, ví dụ như “bởi vì xe tôi còn ít xăng” hay “bởi vì tôi cần thêm xăng”. Tôi cần thêm xăng trước khi tôi bước vào trạm đổ xăng; tôi không chạy vội đến trạm xăng ngay khi thấy dấu hiệu bình xăng hạ thấp; và thường thì tôi đến trạm xăng mà không phải đẩy xe do nó đã chạy hết sạch xăng rồi. Trong tất cả các trường hợp, việc tôi “cần thêm” xăng sẽ không giải thích được mức độ tôi sẽ đổ xăng, cũng không giải thích được tại sao tôi trả tiền bằng thẻ tín dụng thay vì tiền mặt, cũng không giải thích trạm xăng nào tôi sẽ chọn, hoặc tôi chấp nhận chuyện đổ xăng tự động ngắt hay tự thả tay bơm. Khi việc miêu tả tiến trình của hành động được cải thiện thì câu trả lời rõ ràng ban đầu cho câu hỏi “tại sao” sẽ càng ít thuyết phục hơn (Katz, 2001c:446).

Sau cùng, định hướng của nhà nghiên cứu đối với các sự kiện có thể viết lại sẽ thay đổi theo thời gian họ ở thực địa. Khi mới lần đầu đặt chân đến một bối cảnh nghiên cứu, nhà nghiên cứu nên “quăng một mẻ lưới” thật rộng; anh ta nên quan sát với một đôi mắt mờ to để viết về một loạt sự việc và tương tác. Tuy vậy, không nên xem việc thâm nhập vào thực địa là một tình huống rời rạc, tách biệt, có rất ít hoặc không chứa đựng điều gì khả dĩ sẽ được ghi nhận ở lần sau. Thật ra, sự quan sát và ghi chép về những loại hình sự kiện nhất định đã báo hiệu cho điều sẽ được chú ý và miêu tả ở lần sau. Xác định một sự việc là đáng lưu tâm sẽ dẫn đến việc xem xét những sự việc khác tương tự, đáng để ghi chú. Khi cuộc nghiên cứu tiến triển và trở nên tập trung hơn vào một tập hợp các vấn đề, nhà diên dã thường sẽ ghi nhận lại một loạt sự việc và tương tác “cùng loại” một cách tự ý thức và tìm kiếm các quy tắc hay mô hình trong đó.

Thậm chí khi tìm kiếm thêm các ví dụ về cùng một sự kiện, nhà nghiên cứu cũng sẽ mở lòng và thực tế là tìm *các hình thức khác* của sự kiện đó, nhằm phát hiện ra *các biến thể* hoặc *ngoại lệ* từ *một dạng thức đang hiện ra*. Một số nhà nghiên cứu mới khởi nghiệp thường bị chùn bước trước những khám phá như vậy, vì lo sợ rằng các ngoại lệ của một dạng thức mà họ đã lưu ý sẽ gây nên sự nghi ngờ đối với hiểu biết của họ về thực địa. Ví dụ như nhà nghiên cứu có lẽ sẽ muốn xem xét và khám phá những nguyên nhân hoặc điều kiện khả dĩ giải thích cho sự khác biệt hay biến thể: Các hành động khác có phải là kết quả của ý thích và tính cách của những người có liên quan, hay đó là kết quả của việc họ hiểu về tình huống khác nhau vì có vị trí khác nhau trong bối cảnh địa phương? Hoặc nhà dân tộc học có lẽ sẽ bắt đầu đặt nghi vấn về cách cô xác định sự tương đồng và dị biệt ngay từ đầu ra sao, sau đó cô ấy sẽ thấy rằng một sự kiện lúc đầu tưởng như là khác biệt lại thật sự tương đồng ở một mức độ sâu hơn thế nào. Theo những cách thức này, việc khám phá ra cái ban đầu dường như dị biệt và biến thể sẽ dẫn đến các miêu tả phong phú, chặt chẽ hơn và khuyến khích các phân tích chắc chắn, tỉ mỉ hơn trong bản miêu tả dân tộc học sau cùng (xem Chương 7).

Tóm lại, mỗi quan tâm dân tộc học gắn liền với sự thăng bằng giữa hai định hướng khác nhau. Đặc biệt, ngay khi bắt đầu bước vào thực địa, nhà nghiên cứu sẽ xác định các đặc điểm trọng yếu dựa vào những ấn tượng và

phản ứng cá nhân ban đầu của mình. Khi tham dự nhiều hơn vào thế giới xã hội địa phương, nhà nghiên cứu sẽ trở nên nhạy cảm hơn với các mối bận tâm và quan điểm của những người tại bối cảnh nghiên cứu. Anh ta ngày càng trân trọng hơn cách thức người dân vạch săn cái thế giới của họ bằng chính ngôn từ của họ, vì các mục tiêu, dự án và kế hoạch của chính họ. Một nhà nghiên cứu dân tộc học nhạy cảm sẽ dựa vào các phản ứng của chính mình để xác định các vấn đề có thể là quan trọng đối với những người ở địa bàn nghiên cứu, nhưng cũng sẽ ưu tiên các miêu tả và phân loại “người trong cuộc” của họ so với quan điểm “người ngoài cuộc” của anh ta.

## GHI NHANH LÀ GÌ?

Khi ở thực địa và tham gia vào các quang cảnh, sự kiện và tương tác đang diễn ra, nhà nghiên cứu điền dã đôi khi có thể quyết định rằng một số sự kiện và ấn tượng nào đó nên được viết lại nhằm lưu giữ tính chính xác và chi tiết. Trong trường hợp này, nhà nghiên cứu vượt khỏi chuyện “ghi chú bằng đầu” đơn thuần, chuyển sang ghi chép nhanh - một sự ghi chép ngắn gọn về các sự kiện và ấn tượng được nắm bắt trong các cụm từ và từ khoá quan trọng. Ghi nhanh các quan sát cần được ghi nhớ thành văn bản, viết các dòng chữ nguệch ngoạc trên giấy về các hành động và lời thoại. Một, hai từ được viết ở ngay thời điểm này hay sau đó một chút vào cuối ngày sẽ giúp nhà nghiên cứu nhớ lại các chi tiết của hành động quan trọng và cho phép xây dựng các miêu tả sống động về quang cảnh ấy. Hoặc ta có thể ghi nhận một cuộc đối thoại đang diễn ra hay một tập hợp câu trả lời cho các câu hỏi trong các ghi chú nhanh mở rộng hơn.

Để minh họa cho việc các nhà nghiên cứu điền dã đã thực sự viết và sử dụng cách ghi nhanh như thế nào, chúng tôi sẽ đưa ra hai ví dụ sau đây. Mỗi ví dụ minh họa xác lập các bối cảnh cụ thể, hành động quan sát được và đối thoại chứ không đưa ra các đánh giá hoặc diễn giải về mặt tâm lý. Nhưng mỗi nhà nghiên cứu lại tiếp cận sự tương tác trong bối cảnh của mình theo những cách thức khác nhau, họ ghi chú các chi tiết diễn giải và cảm nhận khác nhau. (Chúng ta sẽ tiếp tục xem xét các ghi chép đầy đủ được viết ra từ hai cách ghi chép nhanh này trong Chương 3).

### *"Quá nhiều ám chỉ tình dục"*

Một thực tập sinh nghiên cứu viết nhanh những dòng này khi đang ngồi tham dự một cuộc họp nhân viên của trường sau giờ học, cuộc họp có sự tham dự của một hiệu trưởng, bốn giáo viên và một tư vấn viên của trường:

Quá rối tình dục

Ancy - quá nhiều ám chỉ tình dục

Trò chơi đùa PE "Đội này có quá nhiều xúc xích"

Reynaldo - (Carlos - ở tù vì trộm cắp xe đạp, 18 tuổi) [khoanh tròn]

Laura → muôn đề xuất đơn quấy rối tình dục

Nglī về việc phạt ở lại trường sau giờ học đối với những học sinh này nhưng đã có quá nhiều việc phải theo dõi về đi học muộn/trốn học/khuynh hướng bạo lực

Ở cây, người quan sát bắt đầu bằng cách đánh dấu một trong các chủ đề xuất hiện trong buổi họp - "quấy rối tình dục." Ghi nhanh của anh ta sau đó xác định một học sinh - Andy - bị buộc tội gây ra "quá nhiều ám chỉ tình dục". Dòng kế tiếp ghi lại một vụ việc cụ thể: khi đặt vào trong một đội hầu như chỉ toàn con trai ở một trận đấu Ultimate Frisbee tại sân thể dục, Andy đã bình luận rằng "đội này có quá nhiều xúc xích." Sau đó là tên một học sinh khác - Reynaldo - nhưng không chỉ dẫn là anh ta nói hay làm gì. Bên cạnh cái tên này là một cụm từ được khoanh tròn, trong đó có một cái tên khác là "Carlos" và một ghi chú "đã ở tù vì tội trộm xe đạp, 18 tuổi". Phần còn lại của ghi nhanh là tên của một giáo viên - Laura - và phác họa đề xuất của cô là tạo ra "các mẫu đơn quấy rối tình dục" để ghi vào khi học sinh có các cuộc nói chuyện tình dục "không thích hợp". Phạt cầm túc được đề cập đến như là một hình phạt khá dã cho những học sinh phạm tội như thế, nhưng ý tưởng này bị phản đối vì người ta thấy rằng các nhân viên đã có quá nhiều công việc giấy tờ phải làm đối với học sinh bị phạt.

### *"Ngoài có thẻ điện cho bác sĩ của anh ta"*

Ngoài với chuyện tập trung vào các cá nhân có tên gọi và một loạt sự kiện liên kết với các cá nhân đó, ghi nhanh dưới đây nhấn mạnh vào đối thoại, ghi chép lại các mẫu trò chuyện trong một phiên xét xử chính thức ở tòa án. Trường hợp này liên quan đến một người phụ nữ xin lệnh cấm tạm thời đối với hai chủ nhà của cô ta, một trong hai người đó hiện diện tại tòa. Vị chủ

nha có mặt phản bác lại lời khai của người phụ nữ là người chủ nhà vắng mặt kia “đủ khỏe để đi”, và vì vậy, lê ra nên có mặt ở tòa:

Ngài có thể gọi cho bác sĩ của ông ta tại UCLA và  
Ông ta có thể xác minh tất cả chuyện này  
Tôi chỉ không gọi cho người khác  
Qua điện thoại - tòa án không làm việc kiểu đó -  
Phải trên giấy tờ hoặc  
(có mặt đương sự)<sup>7</sup>

Ở đây chỉ có lời nói được ghi lại; người nói cụ thể không được nói rõ nhưng có thể xác định được thông qua nội dung - bào chữa cho chủ nhà ở hai dòng đầu và quan tòa ở bốn dòng sau. Các từ ngữ đại diện cho các trích dẫn trực tiếp, được viết lại như khi chúng được nói ra càng chính xác càng tốt; một ngoại lệ xuất hiện trong dòng cuối khi người quan sát lỡ quên mất từ ngữ chính xác của quan tòa khi kết thúc câu nói (vì bận ghi nhanh lại câu thoại trước đó), nên đã điền vào một từ diễn lại, “có mặt đương sự” (thể hiện bằng dấu ngoặc). Như trong ví dụ minh họa trước đó, không có ám chỉ nào về việc nhà nghiên cứu có gì trong đầu khi ghi chép lại những mảnh nhỏ này của dòng chảy đời sống xã hội; chúng “tự nói lên”, không ám chỉ đến việc tại sao chúng được ghi lại hay về các ý nghĩa khả dĩ của chúng.

Mỗi một ghi nhanh trong hai minh họa này là “một từ hay là cụm từ gợi nhớ [được viết] cho một quan sát hoặc là gợi lại những gì người nào đó vừa nói” (Clifford, 1990:51). Như là tiền đề cho các ghi chép đầy đủ, ghi nhanh nắm bắt các mẩu trò chuyện và hành động mà từ đó nhà điền dã có thể bắt đầu vẽ nên quang cảnh xã hội, các sự việc lặp đi lặp lại, cách thể hiện và từ ngữ địa phương, cách phân loại và chú giải của người dân địa phương, cuộc đối thoại giữa những người hiện diện và cả những chuyện trò của nhà nghiên cứu.

Tuy nhiên, ghi nhanh không chỉ là một hoạt động viết; nó còn là một sự thiết lập suy nghĩ. Việc học cách ghi nhanh các chi tiết luôn sắc bén và dễ dàng chuyển thành những miêu tả sống động trên trang viết phần nào là do quang cảnh được nhìn thấy khi viết tạo ra. Việc ghi nhanh khơi gợi trí

<sup>7</sup> Những phần ghi nhanh này lúc đầu được viết theo thể loại tốc ký mà không phải người nào cũng hiểu được. Chúng ta phải chuyển sang dạng đọc dễ hiểu hơn.

nhớ, yêu cầu học xem có thể được viết cái gì và viết như thế nào. Chúng tôi đề xuất một số điều hữu ích sau đây cho việc ghi nhanh, giúp cho ghi chép diễn dã trở thành những miêu tả sống động và có tính liên tưởng.<sup>8</sup>

Trước tiên, việc ghi nhanh những chi tiết về cái bạn cảm nhận được sẽ là nền tảng then chốt cho các quang cảnh, sự kiện hay tương tác mà bạn quan sát được. Nhà nghiên cứu diễn dã ghi nhận các mảnh vụn của hành động và câu nói nhằm làm điểm tập trung cho các ghi chép sau này về các sự kiện mà nhà nghiên cứu có thể nhớ ra càng chi tiết càng tốt. Chẳng hạn, nhà nghiên cứu tìm hiểu cuộc họp của nhân viên trường học đã dựa vào tên của hai học sinh được ghi nhanh lại, bổ sung bằng một trích dẫn trực tiếp, để nhớ lại hai câu chuyện về các nhận xét tình dục “không thích hợp” của học sinh theo lời than phiền của các giáo viên. Bằng cách này, các ghi nhanh giúp nhà nghiên cứu nhớ lại những gì đã xảy ra tại một thời điểm cụ thể, làm mốc để tập trung gợi nhớ các sự kiện khác xung quanh. Nhưng nhà nghiên cứu không cần phải có lý do cụ thể hay có sẵn ý tưởng trong đầu để ghi nhanh những gì anh ta đã thấy hoặc nghe. Ví dụ, một nhà nghiên cứu diễn dã dạy trong chương trình Headstart đã miêu tả một loạt sự kiện diễn ra khi giám sát trẻ em chơi trong một thùng cát. Cụm từ “Ba túi cát được chuyển vào thùng cát” xuất hiện trong số ghi nhanh của cô nhưng lại không được đưa vào ghi chép đầy đủ. Sau này, khi thảo luận về phần ghi chép nhanh ấy, cô ấy nhận xét rằng: “Tôi không cho là chuyện tôi ghi chú điều đó lại quá quan trọng vì tôi nghĩ nó chỉ là - tôi viết nó lại để nhắc tôi nhớ hơn về việc ngày hôm đó ra sao, chuyện gì đã xảy ra thôi.”<sup>9</sup>

Thứ hai, hãy ghi nhanh lại các chi tiết cảm tính nhất định về những quang cảnh và tương tác mà bạn quan sát được. Các chi tiết cảm tính sau này sẽ giúp tái tạo cảm giác về những chuyện đã xảy ra. Chú ý đặc biệt đến các chi tiết mà bạn có thể dễ dàng quên mất. Bởi vì ghi nhanh về sau phải giúp bạn gợi lại được trí nhớ, nên mỗi nhà nghiên cứu phải học cách nhận

<sup>8</sup> Wolfinger (2002) lưu ý là nhà diễn dã chủ yếu dựa vào kiến thức xã hội ngầm và các quan điểm được cho là đương nhiên khi họ quyết định quan sát cái gì và nhớ lại cái gì, vào lúc viết các phần ghi nhanh và các ghi chép diễn dã. Những quyết định rõ ràng và theo tình huống này khác với các mối quan tâm và khuynh hướng cá nhân của nhà diễn dã.

<sup>9</sup> Đoạn trích này và các đoạn trích khác trong các chương tiếp theo dựa trên các phỏng vấn của Linda Shaw, trong đó sinh viên diễn dã được khuyến khích “nói to lên” khi ngồi trước máy tính để viết ghi chép diễn dã từ các phần ghi nhanh và ghi nhớ trong đầu.

biết loại chi tiết nào họ có thể nhớ tốt nhất và ghi nhanh những đặc điểm, phẩm chất mà họ có thể dễ quên. Vì vậy, nhà nghiên cứu thực địa sẽ tự phát triển phong cách ghi nhanh của chính mình, phản ánh đặc điểm gợi nhớ riêng của họ, cho dù là hình ảnh, chuyển động, hay âm thanh. Một số người tập trung vào việc cố nắm bắt các mảnh ký ức gợi nhớ đến các quang cảnh rộng lớn, trong khi những người khác ghi lại hầu như hoàn toàn các trao đổi; còn số khác lại ghi chép các biểu hiện phi ngôn ngữ của giọng điệu, cử chỉ và cử động; trong khi những người khác nữa thì ghi chú các chi tiết thị giác về màu sắc và hình dạng. Thông qua việc thử nghiệm và gặp sai lầm, nhà nghiên cứu sẽ rút ra được điều gì giúp họ nhớ lại các trải nghiệm ở thực địa khi ngồi thực hiện các ghi chép điền dã đầy đủ.

Thứ ba, hãy tránh néu đặc điểm của quang cảnh hay những việc người khác làm một cách khai quát hoặc tóm tắt. Nhiều nhà nghiên cứu điền dã non tay lúc đầu có xu hướng ghi lại những từ ngữ ẩn tượng, có chủ đích khiến họ rơi vào việc viết các tóm tắt có tính đánh giá chứ không phải tạo ra các bản miêu tả chi tiết, sống động. Ví dụ, một nhà nghiên cứu gọi cách thức người ta làm việc là “không hiệu quả” thì quả thật là có vấn đề. Những ghi nhanh mang tính đánh giá, khó hiểu như thế rất có khả năng sẽ tạo ra một ký ức mơ hồ khi nhà nghiên cứu cố viết lại một bản miêu tả đầy đủ về cảnh quan xã hội sau đó. Việc ghi nhanh như vậy cũng không nói lên được điều gì về cách những người tại một bối cảnh trải nghiệm và đánh giá thực hành của người khác. Tương tự, cách một nhà nghiên cứu ghi nhanh rằng một nhân viên quản thúc “thuyết giảng về trường học” và rằng một thanh niên “rất phục tùng - luôn luôn tán thành” trong suốt cuộc phỏng vấn quản thúc là quá chung chung; những câu tóm tắt như thế không giúp ích gì để sau này miêu tả lại việc nhân viên quản thúc và người thanh niên kia đã thực sự nói và hành xử như thế nào trong suốt cuộc gặp mặt đó.

Thứ tư, nhà nghiên cứu có thể ghi nhanh để nắm bắt các khía cạnh chi tiết của quang cảnh, lời nói và tương tác; các lời trích dẫn ngắn hay trực tiếp và dài hơn sẽ cực kỳ hữu dụng cho việc nắm bắt các chi tiết đó, như đã phản ánh trong hai minh họa trên. Nhìn chung, nhà nghiên cứu điền dã ghi chú các chi tiết nhất định mà cuộc sống hằng ngày *cho thấy*, chứ không phải là nói ra, cách hành xử của con người (xem Chương 3). Thông qua việc kết hợp những chi tiết như thế, nhà nghiên cứu có thể ghi nhanh những từ, cụm từ

hay đổi thoại thật sự mà họ muốn lưu giữ dưới hình thức càng chính xác càng tốt. Sẽ là không đầy đủ nếu chỉ miêu tả một sự bùng nổ về cảm xúc đơn giản là “những từ ngữ đầy giận dữ”. Thay vào đó, nhà dân tộc học nên ghi nhanh lại những từ mà người ta đã thật sự nói ra, cùng với các chi tiết biểu cảm như cử chỉ và biểu lộ qua nét mặt, để chỉ ra rằng trải nghiệm tình cảm của người nói ấy gắn liền với “sự giận dữ.” Việc ghi nhanh cần phải gợi lên được không chỉ chi tiết về chuyện đã xảy ra, mà còn những tình huống hay bối cảnh cụ thể có liên quan: ai hiện diện, họ nói hay làm gì, điều gì đã xảy ra trước và sau thời điểm đó, v.v. Bằng cách này, ghi nhanh có thể được dùng để tái tạo trật tự hay thứ tự thực sự của một cuộc nói chuyện, chủ đề hay hành động trong một dịp nào đó.

Thứ năm, hãy dùng ghi nhanh để ghi lại các chi tiết về biểu lộ tình cảm và trải nghiệm; ghi chú các cảm xúc như nóng giận, buồn bã, vui mừng, hài lòng, khó chịu, hay cô đơn mà những người ở bối cảnh đó đã bộc lộ ra. Những nhà nghiên cứu mới vào nghề đôi khi cố gắng xác định động cơ hay là trạng thái bên trong của người được nghiên cứu khi ghi nhận các hành động quan sát được. Chẳng hạn khi chứng kiến một cuộc trao đổi đầy giận dữ, người ta sẽ thường có khuynh hướng tập trung vào nguồn cơn hay “nguyên nhân” của sự bùng nổ cảm xúc này, diễn hình là đưa vào ghi chép các động cơ (ví dụ như tình cảm “bất an”) của một hoặc hai bên tham gia tương tác. Nhưng các giải thích tâm lý như thế chỉ nêu bật được một trong số nhiều trạng thái bên trong có thể kèm theo hay đóng góp vào hành động mà nghiên cứu quan sát được. Ví dụ, giận dữ có thể là kết quả của sự bức bối, mệt mỏi, bộc lộ sự đấu tranh quyền lực ở địa phương hay là các nhân tố tiềm ẩn khác; cho nên nhà nghiên cứu chỉ đơn thuần chứng kiến một cảnh tượng sẽ không thể biết được nhân tố nào có liên quan đến vụ việc ấy.<sup>10</sup> Khi

<sup>10</sup> Dĩ nhiên có thể *phỏng vấn* những người có liên quan trong xã hội đang nghiên cứu, hỏi trực tiếp về tâm trạng và động cơ riêng của họ cũng như đánh giá của họ về các vấn đề này đối với những người khác. Tuy nhiên, những cuộc phỏng vấn như vậy không có được câu trả lời chắc chắn cho vấn đề này, mà chỉ là một hệ thống các quan sát khác nhau mà nhà dân tộc học còn phải quyết định và đánh giá. Xem các cân nhắc của Emerson và Pollner (1988) về các diễn giải ngẫu nhiên có rất nhiều vấn đề trong việc đánh giá các phát biểu trong cuộc phỏng vấn với một nhân viên ở đường đường tâm thần, được hỏi để đánh giá các phản viết dân tộc học miêu tả các tình huống công việc và các quyết định của anh ta.

chứng kiến các cảnh tượng trong xã hội thì nhiệm vụ của nhà dân tộc học là sử dụng cảm quan và phản ứng của chính bản thân để biết được người khác hiểu và đánh giá chuyện đã xảy ra như thế nào, cách người ta đánh giá trạng thái tinh thần và cách họ quyết định động cơ tâm lý. Một ghi nhanh hữu ích cần phải phản ánh một cách tương thích và thúc đẩy quá trình viết các miêu tả chi tiết và sống động về những tương tác này, chứ không phải là gán cho thuộc tính của động cơ cá nhân.

Thứ sáu, hãy dùng ghi nhanh để ghi lại ấn tượng và cảm giác chung của bạn, thậm chí ngay cả khi bạn không chắc chắn về tầm quan trọng của chúng vào lúc đó. Trong vài trường hợp, nhà dân tộc học có thể chỉ có một cảm giác mơ hồ, cảm tính về cách thức và lý do tại sao một chuyện gì đó lại là quan trọng. Những cảm giác như thế có thể đánh dấu một yếu tố chủ đạo mà trong tương lai sẽ cho phép nhà nghiên cứu thấy được các sự kiện “khớp với nhau” theo các dạng thức có ý nghĩa ra sao. Chẳng hạn, vào thời điểm một nhà dân tộc học thuộc Chương trình Headstart ghi nhanh về một học viên, “Nicole bày tỏ lòng tin ở tôi”, nhưng cô lại quyết định không ghi vào trong ghi chép đầy đủ: “Nó chỉ là một cảm giác chung chung mà tôi có trong ngày hôm đó mà thôi; ... vào lúc tôi ghi nhanh những điều này, tôi không thể nhớ ra một sự việc cụ thể nào.” Nhưng việc ghi nhanh đó đóng vai trò như một ghi nhớ, sau này sẽ kích thích cô đánh giá (và ghi lại) việc dưới đây, như là một minh họa cho việc “tré em tin tưởng giáo viên”:

Một ngày nọ, Nicole ngồi lên xích đu mà không đi giày và kêu tôi đẩy cô bé. Tôi nói là tôi sẽ đẩy khi nào cô bé đi giày vào. Nicole ngập ngừng và nhìn tôi. Tôi nhắc lại lời nói của mình, nói với cô bé là tôi sẽ để dành cái xích đu cho cô bé khi bé đi lấy giày. Sau đó Nicole nhảy xuống xích đu và đi giày vào. Khi cô bé quay trở lại xích đu, tôi khen bé biết nghe lời và ôm bé vào lòng. Sau đó tôi đẩy xích đu cho bé. Tôi thấy chuyện này là một thành tích quan trọng đối với Nicole, vì thường thì cô bé không nghe lời thầy cô.<sup>11</sup>

<sup>11</sup> Sinh viên dân tộc học này đã đưa ra những nhận xét về quá trình này: “Trước đó, tôi không thể viết về nó. Tôi không thể nhớ được chúng [các sự kiện cụ thể]. Đường như rất nhỏ bé và tầm thường vì mọi thứ diễn ra với những đứa trẻ này theo từng bước nhỏ, và thật sự không có sự kiện gì nổi bật, nhưng thực sự là nó ở trong đầu tôi, và tôi rất muốn nhớ lại. Vào lúc đó, tôi tự nhủ rằng ‘Phải nhớ lại điều đó’”.

Khi nghĩ đến việc có nên đưa ghi nhanh này vào ghi chép đầy đủ hay không, nghiên cứu sinh này đã phát triển sự nhạy cảm về vấn đề "tin tưởng". Đoạn ghi nhanh này sau đó đóng vai trò như là một tác nhân kích thích người ta quan sát và ghi lại những "sự việc nhất định" có liên quan đến "lòng tin" như thế.

Tóm lại, bằng cách luôn để tâm đến việc ghi nhanh khi tham dự vào một bối cảnh, nhà nghiên cứu sẽ trải nghiệm các sự kiện được xem là chủ đề tiềm năng để viết lại. Giống như những tác giả khác, nhà dân tộc học học hỏi cách nhận ra các tư liệu viết tiềm năng và sẽ lắng nghe, quan sát nó dưới góc độ miêu tả thành văn. Vì thế, việc học cách quan sát để ghi nhanh là chìa khoá cho cả sự kiện lắn bài viết. Nhà nghiên cứu cần đã học cách trải nghiệm các sự kiện trong khi đang mường tượng về việc ghi chép, họ nhớ lại các cảnh tượng và tương tác đã quan sát giống như một phóng viên; họ nhớ các đối thoại và cử động giống như một diễn viên; họ nhìn màu sắc, hình dạng, cấu trúc và quan hệ không gian như một họa sĩ hay nhiếp ảnh gia; và họ cảm nhận nhịp điệu, tâm trạng, và giọng nói giống như một nhà thơ. Các chi tiết được trải nghiệm thông qua cảm giác sẽ chuyển thành ghi nhanh với các động từ chủ động, chứ không phải bị động, tính từ cảm giác chứ không phải đánh giá; và đúng nguyên văn chứ không phải là đối thoại được tóm lược.

## GHI CHÚ NHANH: NHU THẾ NÀO, Ở ĐÂU VÀ VÀO LÚC NÀO

Ghi chú nhanh không chỉ đơn thuần là viết các từ ngữ ra một tập giấy hay máy tính xách tay. Bởi vì ghi nhanh thường được viết ngay bên cạnh hay

---

Những ghi chép này cũng phản ánh *các cam kết* nổi bật của một sinh viên đang đi thực địa và là người thực tập trong bối cảnh này thể hiện rõ trong quan điểm khi viết. Cô ấy không chỉ xác định sự việc vừa mới diễn ra là "lắng nghe người giáo viên" và sự thay đổi dạng thức hành vi trước đó của Nicole. Nhưng khi thể hiện các nhiệm vụ giảng dạy thực sự của mình, cô ấy cũng đánh giá *sự thay đổi này* một cách tích cực như là một "thành tựu", như một điều gì đó mà Nicole *nên* học hỏi. Nhà dân tộc học không có trách nhiệm công việc nào trong bối cảnh có thể khắc họa tốt sự việc này theo một cách khác (ví dụ như hành vi thẩm quyền của nhân viên) và rút lại ngay đánh giá rằng điều Nicole làm là "tốt" hay "xấu".

thậm chí là sát kề bên những người mà từ ngữ và hành động của họ đang là vẫn đề được quan tâm, nên việc tạo ra ghi nhanh là một quá trình xã hội và mang tính tương tác. Cụ thể là, bằng cách nào và khi nào một nhà dân tộc học tạo ra những ghi nhanh có thể có ý nghĩa quan trọng với cách nhìn người khác, hiểu được họ là ai và họ đang hướng đến điều gì. Không có các quy tắc cứng nhắc và nhanh chóng nào về việc liệu có nên ghi chép nhanh hay không, và chẳng, nếu có đi nữa thì cũng không có quy tắc về chuyện viết khi nào và như thế nào. Nhưng với thời gian đã trải qua ở bối cảnh thực địa và bằng những kinh nghiệm đã học được thông qua việc thử nghiệm và thất bại, một nhà nghiên cứu điền dã có thể tạo nên những thực hành riêng làm cho việc viết ghi nhanh trở nên phù hợp với tình huống và giới hạn của bối cảnh ấy.

Một lựa chọn ban đầu sẽ liên quan đến việc chọn lọc vật liệu để viết. Theo truyền thống, nhà dân tộc học dựa vào bút và giấy. Nhiều người sử dụng các tập giấy nhỏ đựng vừa trong túi áo hay ví tay. Có người thích các phương tiện ít lộ liêu hơn, nên họ dùng các mảnh giấy gấp nhỏ để ghi nhanh về những chủ đề khác nhau. Người viết cũng sẽ thường xuyên có những sở thích riêng về loại bút bi hay là bút chì. Nhưng cùng với sự lan rộng và phổ biến việc sử dụng kỹ thuật điện tử và vi tính tại nhiều bối cảnh nghiên cứu, nhiều nhà nghiên cứu giờ đây đã hoàn toàn không còn dùng bút và giấy nữa mà ghi nhanh trực tiếp vào máy tính xách tay, điện thoại thông minh hay máy ghi âm.

Các nhà nghiên cứu viết các ghi chú nhanh theo những cách khác nhau. Sẽ rất tốn thời gian và phiền phức nếu chúng ta cứ viết đầy đủ từng từ một. Nhiều nhà dân tộc học dùng các hệ thống viết tắt và ký hiệu chuẩn (đối với nhà dân tộc học sử dụng bút - viết thì đó là hệ thống ghi chép chính thức như tốc ký hay viết tắt; đối với những người dùng dụng cụ điện tử thì sẽ xuất hiện bộ mã văn bản). Có người còn phát triển hệ thống từ vựng riêng theo hình thức viết tắt phù hợp với bối cảnh nghiên cứu cụ thể; ví dụ khi nghiên cứu bộ phận hòa giải tòa án có công nghệ cao, Burns (2000:22) “đã phát triển một hệ thống tốc ký và viết tắt đối với những thuật ngữ được sử dụng phổ biến”, nó giúp cô tạo ra các ghi chép biên bản chi tiết về các sự kiện này. Hệ thống ký hiệu và cách viết tắt riêng không những cho phép viết lại từ ngữ trên giấy nhanh hơn; mà còn giúp làm cho những kẻ ưa

nhòm ngó, muốn xem nhà nghiên cứu viết gì, sẽ không hiểu được những bản ghi chú nhanh này, vì thế đây là một phương tiện bảo mật cho các bài viết.

Nhà nghiên cứu điền dã cũng phải quyết định rằng sẽ ghi chú nhanh khi nào, ở đâu và như thế nào. Rõ ràng là việc nhìn vào tập giấy hay là bàn phím để ghi nhanh lại sẽ làm họ xao nhãng (dù chỉ trong vài giây), vì thế họ sẽ rất khó quan sát được cận cảnh và liên tục các hành động phức tạp, diễn biến nhanh, và không dễ miêu tả. Nhưng hơn cả sự chú ý có giới hạn này, việc nhà nghiên cứu quyết định ghi nhanh có thể sẽ tác động lớn đến mối quan hệ với những cá nhân tại thực địa. Nhà nghiên cứu phải làm việc rất vất vả mới thiết lập được mối quan hệ gần gũi với những người tham dự, để có thể được chấp nhận vào những hoạt động là trung tâm của đời sống cộng đồng. Tuy nhiên, trong vòng vây của những hoạt động như vậy, nhà nghiên cứu có thể sẽ trải qua sự mơ hồ sâu sắc: một mặt nhà nghiên cứu muốn giữ lại tính thời sự trong thời điểm sự việc xảy ra bằng cách ghi nhanh lại một vài chữ và các chi tiết về bối cảnh; mặt khác, cô ta cũng có thể cảm thấy là việc lôi cuốn sổ ghi chú ra và viết vài dòng sẽ phá hỏng khoảnh khắc ấy và gieo mầm móng của sự mất lòng tin. Những người tham dự giờ đây có thể xem cô ta như một người có mục đích chủ yếu là khám phá ra các bí mật của họ và biến những trải nghiệm thầm kín và đáng trân trọng nhất của họ thành đối tượng truy vấn khoa học.<sup>12</sup>

Hầu như tất cả các nhà dân tộc học đều cảm thấy bị giằng xé giữa việc dân thân nghiên cứu với ước vọng được tham gia một cách thật tự nhiên vào thế giới của những con người mà họ đang tìm hiểu. Quyết tâm giải quyết những vấn đề về mối quan hệ và đạo đức đầy gai góc này, nhiều nhà nghiên cứu bám vào ý kiến cho rằng việc tiến hành nghiên cứu trên mọi khía cạnh không cần có sự nhận biết đầy đủ, công khai và tán thành của những đối tượng nghiên cứu là vi phạm chuẩn mực đạo đức. Theo quan

<sup>12</sup> Thực vậy, Everett Hughes (1971:505) đã nhấn mạnh rằng các bài viết được công bố ít gây cho người ta sự phản nộ đối với nhà nghiên cứu thực địa hơn so với việc nhà nghiên cứu giữ quan điểm xa cách với những việc cá nhân và riêng tư: "Sự căm giận đôi lúc xảy ra với nhà sử học đang làm sáng tỏ mọi việc, người gần như hàng ngày đều báo cáo về hành vi của những người anh ta sống cùng; và nó không phải là việc viết các báo cáo, mà chính hành động tự duy bằng những thuật ngữ khách quan như thế đã làm phiền lòng những người được quan sát."

điểm này, các trợ lý người địa phương phải được biết đến như những đồng sự, là người làm việc tích cực cùng với nhà nghiên cứu để làm cho thế giới bên ngoài biết về đời sống và văn hóa của họ. Mỗi quan hệ đồng sự tương hỗ như vậy đòi hỏi nhà nghiên cứu phải xin phép để viết lại những sự kiện và phải tôn trọng ý kiến của những ai không muốn tiết lộ đời sống của mình.

Những nhà nghiên cứu thực địa khác thì cảm thấy ít bị ràng buộc khi phải xin phép tiến hành nghiên cứu hay nói cho những người tham gia vào cuộc nghiên cứu biết về ý định ghi lại các sự kiện và trải nghiệm của họ. Một số thì biện minh cho lập trường này bằng cách khẳng định rằng nhà nghiên cứu thực địa không có bốn phận phải khai báo những ý định của mình; tất cả đời sống xã hội đều liên quan đến các yếu tố bị che đậy, vì chưa ai từng phơi bày hoàn toàn tất cả các ý đồ ẩn sâu và các hoạt động riêng tư của mình cả. Các nhà nghiên cứu khác thì chỉ ra rằng việc ghi chú nhanh và các ghi chép điền dã chỉ được viết ra cho bản thân, vì vậy một bộ lưu giữ riêng sẽ không làm phương hại trực tiếp đến ai cả. Dĩ nhiên tiếp cận này làng tránh việc gộp chung các vấn đề đạo đức và cá nhân đầy khó khăn lại với nhau, mãi cho đến khi nhà nghiên cứu đối diện với những quyết định tiếp theo rằng liệu có nên công bố hoặc đưa những ghi chép này ra công chúng hay không. Sau hết, có một số nhà nghiên cứu thì cố súy cho việc giấu giếm mục đích nghiên cứu của họ với người địa phương với lý lẽ rằng thông tin thu được sẽ tốt hơn. Ví dụ, nhà nghiên cứu chỉ có thể miêu tả và công khai hoàn cảnh của những công nhân nhà máy không có hợp đồng lao động hoặc của người già đang sống ở nhà dưỡng lão, nếu như nhà nghiên cứu đó đã giấu ý đồ nghiên cứu của mình không cho những người nắm quyền tại những bối cảnh nghiên cứu ấy biết được.

Rất nhiều nhà nghiên cứu trẻ, muốn tránh né việc vi phạm tráng trộn lòng tin và sự cẩn thảng, khó chịu, đã chủ tâm dùng những thủ đoạn che đậy, cố giấu giếm sự thật rằng họ đang tiến hành nghiên cứu và chờ mãi cho đến khi rời khỏi thực địa mới viết các ghi chú nhanh. Bởi vì những quyết định này có liên quan đến cả lương tâm của nhà nghiên cứu và các đánh giá thực tế, chúng tôi đề xuất cách giải quyết chung là nhà nghiên cứu thực địa nên báo cho người dân tại bối cảnh biết về cuộc nghiên cứu, đặc biệt là những người mà anh ta sẽ thiết lập mối quan hệ cá nhân. Bên cạnh

việc làm cho những mối quan hệ này trở nên trực tiếp và trung thực hơn, sự cởi mở còn tránh được những rủi ro và cảm giác tương tự như phản bội, vốn có thể xuất hiện một khi người ta phát hiện ra điều mà nhà nghiên cứu đang thực sự theo đuổi. Những bận tâm đến hậu quả - cả về sự phát hiện và sự giả tạo - của bí mật nhỏ về kế hoạch nghiên cứu thôi cũng đủ để nặng và quấy nhiễu nhà nghiên cứu khi các mối quan hệ trở nên sâu nặng hơn theo thời gian.

Đĩ nhiên, các mối quan hệ căng thẳng và sự tiến thoái lưỡng nan về mặt đạo đức không thể hoàn toàn tránh khỏi chỉ bằng việc thông báo cho người khác biết về mục tiêu nghiên cứu của mình. Mặc dù người tham gia có lẽ sẽ tán thành cuộc nghiên cứu, nhưng họ cũng có thể sẽ không hiểu một cách chính xác nghiên cứu đó liên quan đến chuyện gì hay là nhà nghiên cứu đang cố tiến hành cái gì.<sup>13</sup> Họ có thể nhận ra rằng nhà nghiên cứu đang viết các ghi chép điền dã vào cuối ngày, nhưng họ cũng sẽ trở nên quen dần với sự hiện diện của anh ta và “quên mất” rằng việc ghi chép vẫn đang diễn ra. Hơn thế nữa, những thành viên ngoài lề và mờ nhạt của bối cảnh nghiên cứu cũng có thể không nhận ra được danh tính và mục đích của nghiên cứu mặc dù nhà nghiên cứu đã cố nói cho họ biết.

Bằng cách tiến hành nghiên cứu điền dã một cách công khai, nhà nghiên cứu sẽ có được sự linh hoạt trong việc anh sẽ viết ghi chú nhanh khi nào, ở đâu và ra sao. Trong nhiều tình huống tại thực địa, có thể viết ghi chú một cách công khai. Khi làm vậy, nhà nghiên cứu nên hết sức thận trọng, cố tránh việc bị phân tâm hay chen ngang bởi các quan hệ thông thường và sự việc đang diễn ra tại thực địa. Nếu có thể, anh ta nên viết ghi chú từ khi mới bắt đầu tiếp xúc với đối tượng nghiên cứu. Nếu anh ta tạo được vai trò của một “người ghi chú”, thì việc ghi chú sẽ trở thành một bộ phận trong những điều mà một nhà nghiên cứu nên có. Ở đây, nó giúp đưa ra các giải thích ban đầu về nhu cầu ghi chú; một nhà dân tộc học có thể

<sup>13</sup> Sự thiếu hiểu biết về những gì nhà nghiên cứu thực địa đang làm có thể một phần là do các mục tiêu và mối quan tâm phân tích đang tiến triển của nhà nghiên cứu không được hình thành từ trước mà thay đổi khi đã tham gia vào bối cảnh (Wax, 1977). Như Thorne (1980:287) đã nhấn mạnh, “nhà nghiên cứu thực địa thường bước vào địa bàn với một cảm giác không xác định về mục tiêu nghiên cứu; họ có xu hướng làm việc theo cách quy nạp và có thể chuyển đổi mối quan tâm nghiên cứu cũng như quan điểm khi cuộc nghiên cứu tiến triển thêm; thực tế có thể buộc phải thay đổi kế hoạch hoàn toàn”.

nhấn mạnh tầm quan trọng của sự chính xác, của việc ghi lại một cách chính xác những gì người ta nói ra. Người ta thường sẽ hiểu rằng những hoạt động như vậy là bắt buộc đối với sinh viên, và vì vậy, họ sẽ thông cảm và tạo điều kiện hỗ trợ cho nhu cầu của nhà nghiên cứu, là người mà họ cho rằng cần phải tái hiện một cách trung thực sự kiện đang diễn ra. Khi học ngôn ngữ mới trong một nền văn hóa khác, nhà nghiên cứu thực địa có thể giải thích rằng anh ta đang viết lại những từ ngữ địa phương nhằm học thuộc nó. Bằng cách nói lại từ mà mình đang viết, người ta có thể sẽ cung cấp thêm cho nhà nghiên cứu những từ mới và trở nên hứng thú hơn trong việc dạy cho anh ta.

Mặc dù viết các ghi chú nhanh lúc đầu có vẻ như lạ thường hay kỳ cục, nhưng sau một thời gian thì nó sẽ trở nên bình thường và được trông đợi về cái mà nhà nghiên cứu thực địa nên làm. Trong phần trích dẫn dưới đây từ văn phòng Housing and Urban Development [HUD] (Phát triển nhà và đô thị), vị quản lý văn phòng và một nhân viên đã xem nhà nghiên cứu thực địa như khán giả của một màn tự nhại lại về việc muốn “giúp đỡ” khách hàng như sau:

Một lúc sau, tôi đang ở trong văn phòng của Jean thì Ramon bước vào và vẩy tay liên hồi. Viết lại cái này đi, anh ta bảo tôi. Jean ra hiệu cho tôi viết, vì vậy tôi lôi cái sổ ghi chép ra. “Tôi tiếc là tôi chỉ có tám tiếng để giúp”... Anh ta bắt đầu hát “Giấc mơ bắt khả thi” bằng giọng vùng Brooklyn nặng nề, ngu ngốc của mình... “Hãy thoái mái tham gia đi,” anh ta nói...

Ở đây, nhà nghiên cứu dân tộc học và việc ghi chép của mình đã cung cấp nguồn tư liệu cho một màn trình diễn tự trào ngẫu hứng.<sup>14</sup>

Tuy nhiên, thậm chí là khi đã trở nên quen với việc viết công khai, thì có một số người cũng sẽ phát bực khi nhà nghiên cứu lôi sổ tay ra và bắt

<sup>14</sup> Tương tự như vậy, những người được quan sát thường dùng các câu nói dừa để nhận xét về vai trò của nhà nghiên cứu đang ghi chép mọi việc. Thêm một ví dụ từ Văn phòng Phát triển nhà và đô thị: “Các công nhân đang nói chuyện và cười dừa khi Sam quyết định nơi sẽ đặt bàn làm việc trong văn phòng mới của anh. Tôi nghe một nhân viên nói rằng: “Tôi mong rằng Bob không viết về vụ này”. Tôi đi đến và hỏi: “Cái gì thế?” “À, tôi chỉ nói Sam rằng thật là tốt vì anh ấy có một chỗ để đặt con dao sau bàn làm việc của anh ấy thôi mà”. Họ cười phá lên.”

đầu ghi chép lại lời nói và hành động của họ. Nhà nghiên cứu có thể cố tránh các vấn đề như thế này và tạo thuận lợi cho việc viết ghi chú công khai, kín lưỡng bằng cách đặt mình vào vị trí bên ngoài các tương tác. Dù vậy đi nữa thì nhà nghiên cứu vẫn có thể vấp phải sự nghi vấn, như được phản ánh trong phần trích dẫn dưới đây của một nhà nghiên cứu điền dã quan sát các cuộc hòa giải ly hôn:

Tôi đã cố ghi chú càng hoàn chỉnh càng tốt trong suốt các cuộc hòa giải. Việc tôi ngồi phía sau thân chủ chắc chắn có liên quan với việc muốn có thật nhiều các ghi chú thành văn nhưng không được quấy rầy thân chủ, chứ không phải là vì các lý do về mặt phương pháp đầy giá trị. Trong khi tôi ghi chú được một lượng không lồ (khoảng 50 trang một cuộc) và không gây phiền hà đến các thân chủ, thì có một số người trong buổi hòa giải lại tỏ vẻ khá khó chịu. Một nhân viên hòa giải đã muốn biết tôi “quyết định viết cái gì và không viết cái gì” ra sao. Trong những cuộc họp của đội công tác hòa giải, người này đã ngồi kế bên tôi và cố liếc xem tôi viết gì vào sổ ghi chép.

Với sự tể nhị của tình huống trên và những tình huống tương tự, nhà nghiên cứu thực địa phải luôn luôn dựa vào các kỹ năng tương tác và khéo léo phán đoán xem liệu ghi chú nhanh vào lúc nào đó thì có thích hợp hay không.<sup>15</sup>

Hơn nữa, khi trở nên quen thuộc với việc ghi chép công khai, người ta có thể phát triển những mong đợi nhất định về sự kiện và chủ đề nào nên được ghi lại. Người ta có thể hỏi tại sao nhà nghiên cứu ghi chép hay không ghi chép về một sự kiện nào đó, và một mặt họ có lẽ sẽ cảm thấy bị coi nhẹ

<sup>15</sup> Ở đây này sinh vấn đề phức tạp hơn về việc liệu nhà dân tộc học có viết ghi chép điền dã về những vấn đề mà cô ấy đã tránh ghi nhanh hay được yêu cầu dừng ghi chép tại chỗ. Một mặt, nhà thực địa có thể cảm thấy ghi chép điền dã của mình là sự lưu giữ cá nhân (cũng như khoa học) của riêng cô ấy, và cô ấy có thể viết bất kỳ thứ gì mà cô ấy muốn trong ghi chép. Nếu làm như vậy sẽ không cần quyết định nên hay không nên dùng các phần viết ghi chép điền dã cụ thể này trong một bài viết mà bất kỳ một độc giả bên ngoài nào cũng có thể đọc được. Mặt khác, nhà dân tộc học cũng sẽ cảm thấy bị gò bó bởi một thỏa thuận ngầm là sẽ không ghi chép về một sự kiện cụ thể nhằm tránh viết ghi chép điền dã đầy đủ về sự kiện ấy, không cần tính đến việc liệu người khác sẽ đọc được tài liệu đó hay không. Ở đây, nhà nghiên cứu đã tôn trọng mối ràng buộc cá nhân, đạo đức với những người được quan sát hơn so với việc cam kết ghi chép điền dã để lưu trữ nghiên cứu.

nếu nhà nghiên cứu không ghi chép những gì họ đang làm hay điều mà họ cho là quan trọng; mặt khác, họ có thể sẽ kinh ngạc hay căm phẫn khi thấy nhà nghiên cứu ghi nhanh về những tình huống rõ ràng mang tính cá nhân. Chúng ta hãy xem xét cuộc trao đổi dưới đây, một lần nữa được miêu tả bởi nhà nghiên cứu thực địa về hòa giải ly hôn, diễn ra khi cô ấy ghi chú công khai trong suốt cuộc phỏng vấn một nhân viên về cuộc hòa giải vừa kết thúc:

Vào một lần sau khi kết thúc buổi phỏng vấn... [người hòa giải] bắt đầu lô vẽ đôi mắt của cô ấy trong khi tôi đang kết thúc việc viết lại một số quan sát. Cô ấy liếc xéo tôi một cái sắc lẹm và nói: "Cô đang viết lại *chuyện này* luôn à!", ám chỉ hành động với cây chì kẻ mắt của cô ta.

Viết ghi chú công khai cũng cần phải được tính toán tùy vào bối cảnh mà các tương tác đang diễn ra.<sup>16</sup> Ghi chú công khai không chỉ có thể gây cản thăng cho mối quan hệ với những người để tâm đến chuyện viết lách của nhà nghiên cứu, mà các ghi chú còn làm cho nhà dân tộc học mất tập trung với việc chú ý sát sao đến các cuộc nói chuyện và hoạt động đang diễn ra tại bối cảnh nghiên cứu. Nhà nghiên cứu thực địa sẽ không thể tránh khỏi việc bỏ lỡ các biểu hiện thoáng qua, cử chỉ nhỏ nhặt hay thậm chí là nội dung chủ chốt trong các tương tác nếu như anh ta chỉ chui mũi vào cuốn sổ ghi chép của mình.

Viết ghi chú công khai không phải lúc nào cũng được khích lệ vì những lý do khác nữa. Tại một vài bối cảnh nghiên cứu, sự tham dự của nhà nghiên cứu trong mỗi tương tác kéo dài có thể chặt chẽ đến nỗi không có khoảng thời gian nghỉ ngơi nào để ngồi viết cả; và trong những trường hợp như vậy, anh ta có lẽ sẽ phải dựa nhiều hơn vào trí nhớ, tập trung vào các sự kiện và cụm từ chủ đạo mà sau đó sẽ giúp cho anh ta tập hợp lại đầy đủ hơn về sự kiện hay quang cảnh đó. Ví dụ, trong một bối cảnh mà chỉ có rất ít người viết và nếu có thì cũng chỉ là một số trường hợp hiếm hoi, nhà dân

<sup>16</sup> Do vậy, việc ghi chép nhanh "lệch pha", do Goffman (1989:130) đề xuất như một phương tiện để giảm thiểu các tác động ngược (đó là, "đừng viết các ghi chép về hành động mà bạn đang quan sát vì như vậy người ta sẽ biết bạn đang lưu giữ điều gì") có lẽ sẽ gây ra rủi ro vì làm người khác khó chịu khi tiêu điểm của việc ghi nhanh là hành động hay chủ đề *hiện thời* [đang diễn ra - ND].

tộc học ngồi viết thay vì tham dự vào một cuộc nhảy múa suốt đêm của làng có lẽ sẽ bị đánh giá là không duy trì được các quan hệ xã hội - một nhận định gay gắt trong một ngôi làng khép kín.

Kết quả của những vấn đề này là thậm chí nhà dân tộc học thường xuyên viết ghi chú công khai vào những trường hợp nào đó cũng sẽ viết các ghi chú một cách riêng tư, ngoài tầm mắt của những đối tượng nghiên cứu. Chờ đợi cho đến khi một cảnh tượng, một sự việc, hay một cuộc nói chuyện kết thúc, nhà nghiên cứu dân tộc học lúc đó có thể đi đến một nơi kín đáo riêng tư để viết nhanh các ghi chú về một cụm từ đáng nhớ nào đó. Ở đây, thông thường sẽ rất hữu ích đối với một nhà công tác điền dã nếu anh ta tiếp thu cách những thành viên tại địa bàn dùng khi "xả hơi" hay là "đi ra ngoài một lát." Các nhà nghiên cứu điền dã miêu tả rằng họ đã rút vào những nơi riêng tư như là nhà vệ sinh (Cahill, 1985), phòng ăn bô trống, cầu thang, hay là kho chứa đồ để ghi chép lại những ghi chú giấu giếm đó. Tùy thuộc vào các hoàn cảnh khác nhau, nhà nghiên cứu thực địa có thể rút vào các nơi đó trong một khoảng thời gian nhất định, thường là nửa giờ, hay là ngay sau một sự việc quan trọng đặc biệt nào đó. Một lựa chọn khác là xác định không gian "nghi giải lao" tự nhiên mà người dân tại địa bàn nghiên cứu cũng sử dụng như là nơi để nghỉ ngơi và xả hơi, ở một mình, v.v. Cho nên một nhà nghiên cứu điền dã thường đi đến phòng cà phê của cơ quan hay là quán cà phê, ra ngoài khu vực ngồi nghỉ ở bên ngoài văn phòng, hoặc thậm chí là sảnh chờ hay tiền sảnh để ghi nhanh về các sự kiện vừa diễn ra. Các nhà nghiên cứu khác thì tránh hoàn toàn việc viết lén lút tại nơi nghiên cứu; nhưng ngay sau khi rời khỏi thực địa, họ sẽ lôi cuốn sổ tay hay máy tính xách tay ra và ghi chú thật nhanh các ghi nhớ về những sự việc chủ chốt, các từ ngữ, hay phản ứng mà họ muốn đưa vào trong ghi chép điền dã đầy đủ. Một cách tương tự là ghi âm lại hoặc ghi chú đầy đủ vào trong các thiết bị ghi âm khi lái xe về nhà từ địa bàn nghiên cứu xa xôi. Bước này cho phép nhà nghiên cứu đánh dấu những điều anh ta không muốn quên mà lại không bị xem là người quấy nhiễu.

Cuối cùng, một nhà dân tộc học có thể viết ghi chú theo các cách thức trung gian giữa phong cách công khai và lén lút, đặc biệt khi việc ghi chép trở thành một phần của công việc hay vai trò của anh ta. Tại bối cảnh nơi mà ghi chép - bằng giấy bút hoặc bằng máy tính xách tay - là

một hoạt động bắt buộc hay được chấp nhận, nhà nghiên cứu sẽ có thể ghi nhanh mà không thu hút bất kỳ sự chú ý đặc biệt nào. Do vậy, phòng học, phòng họp nơi mà chuyện viết lách là dĩ nhiên, hay là những cuộc gặp gỡ mà ở đó cần phải điền vào các mẫu hồ sơ (ví dụ như tại phòng trợ lý pháp luật chống bạo hành gia đình), hay trong bối cảnh công cộng như là quán cà phê hay nhà ăn, mà chuyện dùng máy tính xách tay là bình thường, thì việc ghi nhanh có thể ít nhiều được thực hiện công khai. Những người tại thực địa có thể biết hoặc không biết một cách rõ ràng rằng nhà công tác thực địa đang viết ghi chú cho mục đích nghiên cứu. Mặc dù trong nhiều hoạt động, việc ghi chép nhanh không thể thực hiện dễ dàng, nhưng nhà nghiên cứu vẫn có thể tìm ra các phương pháp tự nhiên để tranh thủ ghi chép nhanh. Ví dụ, nhà nghiên cứu thực địa thường học hỏi về bối cảnh nghiên cứu bằng cách trở thành thành viên của nơi đó. Đối với những nhà nghiên cứu tiếp nhận vai trò của một người mới, thì các ghi chép mà với tư cách là người mới đó, anh ta được cho phép hoặc khuyến khích viết, sẽ có thể trở thành những ghi chú cho các ghi chép điền dã đầu tiên của mình.

Các chiến lược về cách thức, thời gian và địa điểm để ghi chú sẽ thay đổi theo thời gian nhà nghiên cứu ở tại thực địa và theo những mối quan hệ khác nhau được hình thành giữa nhà nghiên cứu và những người dân tại thực địa. Thậm chí là cho dù sau khi nhà nghiên cứu dân tộc học có tạo ra được các mối liên kết cá nhân mạnh mẽ, cũng sẽ có nhiều tình huống này sinh trong nghiên cứu điền dã, khi mà việc ghi chép công khai về điều gì đó bị xem là không thích hợp hoặc không đúng chỗ; và trong những tình huống này, lôi một cuốn sổ ghi chép ra có thể sẽ tạo nên sự khó chịu cho cả nhà nghiên cứu và các cá nhân khác tại bối cảnh.<sup>17</sup> Một sinh viên dân tộc học nghiên cứu tại nhà sách của một trường đại học đã khá thân thiết với các nhân viên nhà sách - những người cô có thể nói chuyện một cách cởi mở về cuộc nghiên cứu của mình - nhưng cũng đã tường thuật lại một sự việc như sau:

---

<sup>17</sup> Ví dụ như, việc ghi chép nhanh trong suốt buổi lễ thành đình của người Chokwe (*mwadi*), trong đó những phụ nữ lớn tuổi đang dạy một cô gái trẻ cách thức “nhảy múa với một người chồng” bằng các hành động kích thích tình dục, có vẻ không thích hợp và sẽ bị những người tham dự chỉ trích ngay lập tức.

Một nhân viên thu ngân tré đến gặp tôi sau khi trông thấy tôi trong suốt hai cuộc quan sát vừa rồi của tôi. Cô ấy tiến đến chỗ tôi một cách ngập ngừng với một câu hỏi liệu tôi có phải là “gián điệp” của một hiệu sách khác tại khuôn viên trường đại học không, hay là rất có thể tôi đến từ phòng hành chính quản trị của trường. Cô xoa dịu tình thế bằng một câu nói đùa, tôi bảo với cô ấy rằng tôi chỉ là một tên gián điệp vì mục đích của ngành xã hội học. Nhưng cô ấy không hiểu câu nói đùa của tôi, và nó làm cho tình hình thêm xấu đi.

Đôi lúc người ta có thể không thoải mái với một nhà nghiên cứu đang viết ghi chú vì họ gần như không có kinh nghiệm gì với chuyện ghi chép mà lại đóng vai trò như một phần của cuộc sống hằng ngày. Đặc biệt trong những nền văn hóa truyền miệng thì quan sát và viết về người khác có thể là một hành động kỳ lạ thật sự. Trong các ví dụ khác, người ta ác cảm với việc ghi chép và họ sẽ thấy là việc viết ghi chú sẽ khiến họ bị quấy rầy và có nguy cơ gây hại. Có trường hợp một người già trong một ngôi làng ở Zambia đã trở nên lưỡng lự, không muốn tiếp tục nói chuyện sau khi nhà nghiên cứu viết nhanh tên của ông ấy xuống một mẩu giấy, chỉ đơn thuần là để ghi nhớ tên ông ấy. Sau đó, nhà nghiên cứu biết được rằng các nhân viên chính phủ vào thời thực dân đã từng đến và ghi chép họ tên mọi người vì mục đích đánh thuế và lập danh sách người dân trong các chương trình của chính phủ.

Sau hết, thậm chí là với việc được phép viết công khai, một nhà nghiên cứu đầy chiến lược sẽ cần phải luôn nhạy cảm và tránh ghi chú những vấn đề mà đối tượng nghiên cứu xem là bí mật, xấu hổ, quá phơi bày, hay những điều sẽ đặt họ vào tình thế nguy hiểm. Trong một ví dụ khác, người dân tự họ có lẽ không phản đối và thật sự thì họ khuyến khích nhà nghiên cứu ghi chép về những vấn đề nhạy cảm. Mặc dù nữ nghiên cứu viên nghĩ rằng những chuyện này có thể gây xấu hổ hay gây hại cho người dân nếu cô công khai chúng, nhưng cô cũng đã ghi chú lại rồi quyết định không dùng chúng trong bài viết sau cùng của cô.

Tóm lại, đó là một khoảnh khắc quyết định trong các quan hệ tại thực địa khi một nhà nghiên cứu lôi cuốn sổ tay ra và bắt đầu viết lại những gì người ta đang nói hay đang làm ngay trước mặt họ. Do vậy, nhà nghiên cứu thực địa đã áp dụng rất nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với việc ghi chú, chiến lược của họ vừa định hình và được định hình bởi bối cảnh và các mối

quan hệ của nhà nghiên cứu. Vì vậy, quyết định về thời điểm và cách thức ghi chú phải được xem xét trong bối cảnh của một tập hợp lớn hơn trong các mối quan hệ với những người tại nơi nghiên cứu. Trong một số tình huống và quan hệ, viết ghi chú công khai rõ ràng không phải là một việc nên làm. Trong tình huống khác, nhà nghiên cứu quyết định ghi chú nhưng phải dựa vào những phương tiện độc đáo riêng của chính mình để tránh hay giảm thiểu các tương tác xấu có thể nảy sinh về sau. Cho nên chuyện quyết định thời điểm và địa điểm viết ghi chú rất ít khi mang lại ích lợi gì hay có thể được lường trước một "cách tốt nhất." Điểm này, như trong các khía cạnh khác của công tác thực địa, một quy tắc hàng đầu là luôn giữ sự công khai và linh hoạt, sẵn sàng thay đổi cách tiếp cận nếu nó có tác động ngược lên người dân.

## **SUY NGÂM: VIỆC GHI CHÉP VÀ TÍNH NGOẠI VI DÂN TỘC HỌC**

Dù cho mục tiêu chủ yếu của dân tộc học là hòa nhập vào trong thế giới đời sống và trải nghiệm hằng ngày của một nhóm người, thì nhà dân tộc học vẫn không thể tránh khỏi vị thế là người ngoài đồi với thế giới của những con người được nghiên cứu theo nhiều cách thức đáng kể. Cô nghiên cứu sinh dân tộc học trong ví dụ trên đây khi nghiên cứu tại một hiệu sách đã chú ý thấy sức ép này:

Có lần tôi muốn được rảnh rang để nghe người khác nói chuyện và quan sát các hành động của họ, nhưng bạn bè và người quen "làm [tôi] phân tâm" vì cứ đến gặp và muốn nói chuyện đến nỗi tôi không thể làm được điều mình muốn. Ngoài ra, về phần mình, tôi có một mối bận tâm là khi tôi bắt đầu thân thiết hơn với một số nhân viên, họ chỉ là những con người bình thường, quá là dễ thương đến nỗi tôi lo sẽ đánh mất quan điểm xã hội học của mình - tôi không muốn cảm thấy rằng khi tôi đang nghiên cứu họ thì tôi đồng thời cũng đang bóc lột họ.

Số khác thì thấy mình không thể nào giữ vững một lập trường quan sát bất biến, cách xa những con người mà họ bị cuốn hút và những sự kiện lôi cuốn

họ một cách đầy thuyết phục.<sup>18</sup> Trên thực tế, một số nhà nghiên cứu sau cùng đã quyết định hoàn toàn từ bỏ nhiệt huyết vì cuộc nghiên cứu (một khả năng từ lâu đã mang lại sự căng thẳng, lo lắng cho nhà nhân học quan tâm về mối nguy “hòa tan”). Số khác thì từ bỏ cam kết nghiên cứu theo kiểu tình huống, hạn chế hơn, và sẽ quyết định không ghi nhanh các sự việc hay cá nhân cụ thể, trên nền tảng là việc ghi chép như vậy có thể sẽ đi liền với sự phản bội hay việc bị phát hiện mà nhà nghiên cứu thấy rằng không thể dung hòa về mặt cá nhân hay/và về mặt đạo đức (Warren, 2000:189-90).

Nhưng phổ biến hơn là nhà nghiên cứu điền dã sẽ cố duy trì một thái độ xa cách, có tính quan sát ngay cả với những người mà họ thích và tôn kính, tìm cách giữ cho sự toàn tâm nghiên cứu có đôi chút tách bạch khỏi sự dính líu cá nhân theo nhiều cách khác nhau.<sup>19</sup> Một cách thức để làm chuyện này là thỉnh thoảng nghỉ giải lao, không quan sát và/hoặc viết ghi chép điền dã về những phần đã được chọn lọc trong trải nghiệm thực địa dù cho vẫn đang tiếp tục viết về những phần khác. Khi sống tại một ngôi làng trong một thời gian dài chẳng hạn, thì một nhà dân tộc học có thể sẽ cảm thấy bị cuốn vào các mối quan hệ gần gũi, thường nhật ví dụ như hàng xóm láng giềng hay thậm chí là một phần của một gia đình. Trong trường hợp như thế, nhà nghiên cứu có thể sẽ tham gia “một cách tự nhiên” - mà không có định hướng viết hay phản ánh mang tính phân tích gì khác - vào đời sống xã hội đang tiếp diễn. Nhưng trong hoàn cảnh khác, nhà nghiên cứu sẽ tham gia vào các cảnh tượng địa phương theo những cách thức được định

<sup>18</sup> Sự cám dỗ của thực địa, sự cám dỗ phổ biến các tính chất “ngưỡng” hay “lưng chừng và trung gian” trong các ghi chép điền dã và các trải nghiệm để viết ra chúng được thể hiện ẩn tượng qua cuộc phỏng vấn của Jackson (1990a) với các nhà nhân học. Nhiều người cho biết họ có khuynh hướng buông lỏng các ghi chép điền dã khi bắt đầu hòa nhập với nhịp điệu của đời sống xã hội. Chẳng hạn như: “Tôi chậm lại. Quan tâm nhiều hơn đến thời gian. Bạn quên cả việc ghi chép vì bạn cảm thấy nó đã thực sự hiện hữu trong cuộc sống của bạn” (Jackson, 1990a:18).

<sup>19</sup> Các nhà nghiên cứu thực địa thường sử dụng một loạt sách lược để giữ khoảng cách nghiên cứu khi đối mặt với áp lực của việc những người họ đang nghiên cứu tham gia ngày càng nhiều (Emerson và Pollner, 2001). Những thực hành này gồm “một loạt thực hành tạo khoảng cách để có thể kiểm soát các đề nghị tham gia sâu hơn”, “các nỗ lực tương tác để mở đầu, làm cho thích hợp và từ chối” những lời đề nghị như vậy và “những nhắc nhở có tính nhận thức để giữ lại khung “nghiên cứu” trong sự trải nghiệm của một người ở thực địa.” (Emerson và Pollner, 2001:248).

hướng nhằm quan sát và thu thập tài liệu. Ở đây, hành động của nhà nghiên cứu hòa lẫn với cam kết ghi chép và chuyển hóa sau cùng thành ‘dữ liệu’ về những điều vụn vặt và nhíp điệu của cuộc sống đó.

Nhiều mâu thuẫn viết thực tế nảy sinh từ các áp lực, trái ngược với việc tham gia và tự cô lập mình của nhà nghiên cứu. Việc khăng khăng phải trải nghiệm các sự kiện hằng ngày hoặc là như một người tham dự “tự nhiên” hay như một nhà nghiên cứu sẽ phơi bày trong trang giấy khi sự chuyển đổi quan điểm cũng như các loại hình chi tiết khác nhau được coi là quan trọng đối với sự lưu giữ lại. Thậm chí là địa điểm và thời điểm ghi nhanh cũng sẽ phụ thuộc vào sự tham dự của một người; vào một lúc nào đó, là một người tham dự hoặc như là một nhà quan sát. Cho dù là một nhà nghiên cứu có vai trò như hàng xóm trong làng hay là một nhà nghiên cứu đang học việc, thì nhà nghiên cứu cũng sẽ trải qua sự căng thẳng giữa vai trò định hướng hiện tại, ngày qua ngày và danh phận định hướng tương lai như là một tác giả; và sự căng thẳng này sẽ định hình các chọn lựa thực tiễn mà họ đưa ra trong việc viết cả ghi nhanh lẫn ghi chép hoàn chỉnh.

Trong khi mục tiêu cơ bản của miêu tả dân tộc học là hòa nhập vào thế giới đời sống và trải nghiệm hằng ngày của người khác, nhà dân tộc học vẫn không thể tránh khỏi việc chỉ là một người ngoài đối với các thế giới đó. Hòa nhập không phải là “hòa tan”; nhà nghiên cứu thực địa tìm cách “tiếp cận” với những người khác thường thì sẽ không trở thành một người trong số họ. Tùy thời điểm và tùy vào mức độ nhà nghiên cứu muốn theo đuổi dự án nghiên cứu và tìm hiểu về cuộc sống của người khác từ bên ngoài, đối lập với dự án sống một cuộc sống theo mọi cách như là người bản xứ, mà nhà nghiên cứu ít nhất sẽ phải là một người lạ đối với thế giới ấy, bất chấp anh ta có chia sẻ nhiều điều về các khía cạnh thường nhật của cuộc sống mà người khác đã trải qua và phản ứng ra sao đi chăng nữa (Bittner, 1988; Emerson, 1987).

Viết ghi chép điền dã tạo ra và làm nổi bật vị thế gần gũi về mặt xã hội nhưng lại tách biệt về mặt trải nghiệm này. Thực hành ghi chép điền dã của nhà dân tộc học - viết nhanh lại cái mà người khác đang làm trước mặt họ, quan sát nhằm viết lại, thực hiện các ghi chép điền dã dài hơi bên ngoài bối cảnh trực tiếp của thực địa - sẽ đặc biệt tạo ra và duy trì sự tách biệt, ngoại vi, và khoảng cách giữa sự tiếp xúc xã hội và cá nhân ấy. Viết ghi chép

nhanh công khai sẽ nhắc nhớ người khác (và chính nhà nghiên cứu) rằng anh ta có các ưu tiên và theo đuổi khác với những người khác. Quan sát nhằm viết lại sẽ tạo ra các khoảnh khắc nổi bật khi nhà nghiên cứu tự thức mình là một người ngoài đang theo đuổi nhiệm vụ và mục đích khác với người dân ở địa bàn.<sup>20</sup> Và khi về lại lều, nhà, hay văn phòng để viết ghi chép diễn dã, nhà dân tộc học sẽ được nhắc nhớ rằng anh không chỉ làm những việc người dân đang làm mà anh còn có các mục tiêu khác nữa.

Tóm lại, trong hầu hết các bối cảnh xã hội, việc ghi chú nhanh lại những sự việc đang diễn ra như nó thật sự diễn ra là một hành động lạ, đầy người viết ra ngoài rìa, đánh dấu việc người viết là một người quan sát chứ không phải là một người tham dự đầy đủ, bình thường. Nhưng khi tách biệt với phản ứng của người khác, thì việc tham dự để viết lại sẽ đưa một người tiếp cận gần hơn với tâm thế của người quan sát, một tâm thế trong đó người ta sẽ luôn luôn bước ra ngoài khung cảnh và sự kiện để đánh giá phẩm chất “có thể ghi chép lại” của các khung cảnh và sự kiện ấy. Có lẽ vì lý do này mà nhiều nhà dân tộc học cố đặt việc viết lách ra khỏi đầu óc bằng cách chọn lựa phong cách diễn dã có tính trải nghiệm đầy đủ hơn. Nhưng chiến lược này chỉ đẩy lùi, chứ không tránh khỏi các tác động ngoại vi hóa của việc ghi chú, vì dù sao thì những trải nghiệm mà nhà nghiên cứu đã tiếp nhận sau cùng cũng phải được chuyển thành các quan sát và quy nạp thành hình thức văn bản.

---

<sup>20</sup> Nhiều nhà dân tộc học cũng tạo ra một thái độ tách biệt tương tự bằng cách chụp hình hay quay phim các sự kiện. Xin xem Jackson (1987).



### Chương 3

## **Viết ghi chép điền dã I: tại bàn viết, tạo cảnh trên trang viết**

Sau hàng giờ tham dự, quan sát và ghi chú nhanh về những sự kiện đang diễn ra trong một bối cảnh xã hội, đa số các nhà điền dã quay về với bàn làm việc và máy vi tính của họ để bắt đầu viết lại các quan sát thành ghi chép điền dã đầy đủ. Ở thời điểm này, việc ghi chép trở thành điểm tập trung rõ ràng và là hoạt động chủ yếu của nghiên cứu dân tộc học: Tạm rời khỏi địa bàn nghiên cứu, nhà nghiên cứu ngồi xuống bàn làm việc, hay một địa điểm ưa thích nào đó, để ghi chép chi tiết về các trải nghiệm và quan sát với mục đích lưu giữ càng nhiều càng tốt những gì họ đã lưu ý đến và cảm thấy quan trọng. Thoạt nhìn, việc ghi chép như vậy tưởng chừng là một quá trình đơn giản đối với nhà điền dã. Dường như khi có đủ thời gian và công sức, cô ấy có thể chỉ cần ghi lại đầy đủ các quan sát mà không cần chú ý nhiều đến quá trình viết của mình. Trong khi việc làm sao có đủ thời gian và công sức để viết những sự việc mình nhớ ra giấy là một vấn đề quan trọng, thì chúng tôi cho rằng nhà nghiên cứu thực địa có thể làm tốt hơn bằng cách xem xét một số lựa chọn cơ bản về cách viết.

Việc viết ghi chép thực địa chỉ là vấn đề viết ra trên giấy những gì nhà nghiên cứu đã nghe và chứng kiến cho thấy đây là một quá trình rõ ràng. Theo quan điểm này, nhà dân tộc học “phản ánh” thực tại quan sát được vào trong ghi chép của mình; họ hướng tới việc viết mà không có những phép ẩn dụ phức tạp và phép tu từ trau chuốt, hay lối kể chuyện phức tạp đầy kịch tính. Quan điểm này cho rằng để viết một mục chuyện chi tiết chỉ cần một trí nhớ tốt và nỗ lực hết mình.

Một quan điểm tương phản khác cho rằng tất cả các kiểu viết, thậm chí cả cách viết đơn giản có tính miêu tả cũng là một sự dàn dựng. Thông qua việc chọn lựa từ ngữ, phong cách câu và các phương pháp tổ chức, tác giả trình bày một phiên bản khác của thế giới. Như một hoạt động chọn lọc và sáng tạo, việc ghi chép luôn đóng vai trò như một bộ lọc hơn là một chiếc gương phản ánh “thực tại” của các sự kiện. Tuy nhiên, nhà dân tộc học dần dần đã nhận thức sâu sắc hơn và trân trọng quan điểm này; họ thấy việc làm thế nào các miêu tả dân tộc học “mang tính hiện thực” là những kiến tạo dựa vào một loạt các quy ước văn phong đa dạng khác nhau. Van Maanen (1988:47) kêu gọi các nhà dân tộc học hướng đến một sự chuyển đổi từ “tính trung lập trong nghiên cứu” khi viết sang một sự kiến tạo thông qua các quy ước kể chuyện. Ông xác định tính trung lập trong nghiên cứu là một quy ước cốt lõi trong miêu tả dân tộc học có tính chất thực tế; thông qua quy ước này, người kể chuyện “thể hiện như một người dẫn dắt khách quan; không giống như các nhà truyền giáo, nhà quản lý, nhà báo, hay những thành viên không mất tự chủ trong văn hóa của họ, người này sẽ chuyển các dữ liệu ít nhiều mang tính khách quan theo một phong cách trí thức có thể đo lường và không bị ảnh hưởng bởi các định kiến cá nhân, mục đích chính trị, hay đánh giá đạo đức” (1988:47).

Trong khi những phân tích về cách viết miêu tả dân tộc học này tập trung chủ yếu vào văn bản miêu tả dân tộc học được hoàn thành trước đó thì ghi chép điền dã cũng dựa vào một loạt các quy ước viết. Các nhà dân tộc học tạo ra ghi chép thực địa từ những ký ức mà họ nhớ lại và được coi là quan trọng mang tính chọn lọc. Dù cho nó có thể là một sự việc, sự kiện, thông lệ, tương tác hay hình ảnh có thể nhìn thấy, thì nhà dân tộc học cũng sẽ tạo ra mỗi khoảnh khắc từ các chi tiết và trình tự được chọn lọc mà họ nhớ lại hay đã ghi lại: từ ngữ, cử chỉ, chuyển động cơ thể, âm thanh, bối cảnh nền tảng, v.v. Khi viết, họ tiếp tục nhấn mạnh đến những hành động và phát biểu nhất định để miêu tả trải nghiệm. Nói cách khác, nhà dân tộc học tạo ra bối cảnh trên một trang giấy bằng cách kể lại tỉ mỉ các chi tiết quan sát và nhớ được. Những cảnh này - tức những khoảnh khắc được tạo ra trên trang viết - thể hiện nhận thức và trí nhớ của nhà dân tộc học về những lát cắt của cuộc sống, được cung cấp hay làm lu mờ đi bằng các kỹ năng kể chuyện và miêu tả của họ khi viết. Phong cách viết của một nhà

dân tộc học (dù là miêu tả, tường thuật/kể lại, hay phân tích) chắc chắn phải dựa vào các quy ước để thể hiện và giao tiếp một cách dễ hiểu với độc giả, dù cho họ là nhà dân tộc học hay những người thuộc ngành nghề khác.

Chương này khảo sát mối quan hệ giữa các mối quan tâm của nhà dân tộc học với những gì đối tượng nghiên cứu làm và nói, các quá trình nhớ lại những khoảnh khắc này và việc lựa chọn cách viết để trình bày và phân tích chúng. Dĩ nhiên, không có kỹ thuật viết nào cho phép một nhà dân tộc học viết về cuộc sống chính xác như những gì đã xảy ra hay thậm chí chính xác như cô ấy đã nhớ. May mắn lắm thì nhà dân tộc học cũng chỉ có thể “tái tạo” những điều mình nhớ thành các cảnh miêu tả xác thực đời sống của đối tượng nghiên cứu thông qua các chi tiết được hợp nhất và có chọn lọc. Nhưng khi đã đạt được các kỹ thuật miêu tả và kể chuyện nào đó, nhà nghiên cứu có thể viết ra các ghi chép của mình dễ dàng hơn so với lần đầu tiên, và cô ấy có thể miêu tả hiệu quả hơn những cảnh nào mà trực giác của cô cho là đặc biệt quan trọng. Dù cho cô ấy viết ra những cảnh chủ chốt đầu tiên hay quay lại để điền vào các chi tiết thì sự nhận thức và tìm hiểu rõ các chiến lược viết giúp cô ấy có thể làm cho những cảnh này sống động và đầy đủ hơn trên trang viết.

Trong chương này, chúng tôi tập trung vào việc làm thế nào nhà dân tộc học giải quyết được các nhiệm vụ phức tạp của việc gợi nhớ, phân tích chi tiết và bình luận về các ghi chép điền dã để tạo thành một bài viết có đầy đủ những cảnh tượng và sự kiện đã chứng kiến. Chúng tôi bắt đầu bằng việc thảo luận quá trình ghi chép điền dã đầy đủ khi nhà dân tộc học chuyển từ môi trường thực địa sang bàn viết và biến các ghi chép nhanh của họ thành các câu chuyện chi tiết. Kế đó, chúng tôi giải thích các chiến lược viết khác nhau mà nhà nghiên cứu thực địa thường sử dụng khi miêu tả các lát cắt của cuộc sống trong ghi chép điền dã và sắp xếp chúng theo trình tự sử dụng các quy ước kể chuyện và miêu tả. Mặc dù chúng tôi thảo luận các chiến lược miêu tả và sắp xếp tách biệt nhau, nhưng trong việc ghi chép thực địa thực sự, người ta làm cả hai việc đó cùng lúc. Cuối cùng, chúng tôi sẽ thảo luận về một vài lựa chọn phân tích để làm rõ các ghi chép điền dã thông qua việc tạo ra các *ghi chú ngẫu nhiên* (*asides*) và/hay các *bình luận* (*commentaries*) mở rộng hơn ở giữa hay ở cuối một câu chuyện. Trong khi các chiến lược để “cố được bối cảnh trên trang viết” tạo ra một cảnh tức thì

cho phép người đọc - dù đó là bản thân tác giả hay những người khác - hình dung ra một thế giới phản ánh sự hiểu biết của nhà dân tộc học thông qua các chiến lược phân tích, nhưng không miêu tả nó. Vì vậy, những chiến lược này bổ sung cho nhau, giúp nhà dân tộc học nhớ lại các sự kiện và làm rõ chúng.

Trong toàn chương, chúng tôi đưa ra các đề nghị và ví dụ để nâng cao nhận thức của nhà điền dã về các lựa chọn của họ khi viết. Chẳng hạn, nhà điền dã lần đầu thường không gặp nhiều khó khăn khi viết các mẫu thông tin về những tương tác ngắn; tuy nhiên, họ thường bối rối trong việc làm thế nào để viết về các cảnh quan trọng và phức tạp hơn theo trình tự các tương tác, tạo ra các nhân vật, tường thuật các đối thoại và trình bày bối cảnh một hành động hay sự việc với những chi tiết sống động đầy cảm giác. Mặc dù đưa ra nhiều đề nghị và ví dụ cụ thể, nhưng chúng tôi sẽ không cố gắng quy định một phong cách “đúng đắn” hay bao trùm lên tất cả các phong cách viết mà nhà dân tộc học có thể sử dụng. Tuy nhiên, chúng tôi cho là phong cách viết của một người ảnh hưởng đến cách người ta nhận thức những gì họ có thể viết ra. Việc học cách hình dung các cảnh tượng sẽ được viết ra chi tiết là cơ sở cho một phong cách viết sống động cũng như một sự trung thực học thuật khi ghi lại các sự kiện một cách đầy đủ và chính xác.

## CHUYỂN TỪ THỰC ĐỊA SANG BÀN VIẾT

Trong phần này, chúng tôi nói đến một vài vấn đề thực tiễn xoay quanh việc chuyển bối cảnh từ thực địa sang bàn viết (hay địa điểm viết ưa thích khác). Ở đây, chúng tôi trả lời một số câu hỏi cơ bản nhất của nhà dân tộc học tập sự: Nên dành bao nhiêu thời gian cho việc viết ghi chép điền dã? Nên ở thực địa bao lâu trước khi viết ghi chép điền dã? Thời gian hiệu quả nhất để viết ghi chép điền dã sau khi trở về từ thực địa là lúc nào? Cần những công cụ và thiết bị viết hỗ trợ gì? Mục tiêu “viết ra giấy” nhanh chóng trước khi quên đi sẽ định hình phong cách viết như thế nào?

Việc viết đòi hỏi phải tập trung trong một quãng thời gian. Đôi lúc, những sự việc kéo dài vài phút có thể khiến cho nhà dân tộc học mất vài

tiếng để viết lại; anh ta cố gắng nhớ lại ai đã làm gì và nói gì, theo trật tự nào và xếp tất cả những điều đó thành các từ ngữ và đoạn văn có tính liên kết. Thật vậy, một câu châm ngôn của ngành dân tộc học đã nói rằng mỗi giờ quan sát cần thêm một giờ để viết ra.

Theo thời gian, nhà điền dã dân tộc học phát triển một nhịp điệu cân bằng giữa thời gian ở thực địa và thời gian viết các ghi chép. Trong một số tình huống, nhà nghiên cứu thực địa có thể giới hạn thời gian quan sát để dành nhiều thời gian cho việc viết khi rời khỏi địa bàn. Giới hạn thời gian ở thực địa theo cách này làm giảm khả năng quên đi những gì đã xảy ra hay trở nên bị quá tải bởi viễn cảnh phải mất hàng giờ để viết các ghi chép điền dã. Chúng tôi khuyên các nhà dân tộc học mới vào nghề, nếu có thể, sau khi ở địa bàn ba bốn tiếng đồng hồ thì nên rời khỏi địa bàn để bắt đầu viết các ghi chép điền dã.

Ở các tình huống khác, nhà điền dã có thể thấy khó khăn hơn khi rút lui để viết. Nhà nhân học nghiên cứu ở các nền văn hóa khác thường mất nhiều ngày để quan sát và nhiều đêm để viết. Các nhà nghiên cứu thực địa đóng vai công nhân, thường ngày phải làm đủ một ngày công mới có thể rời khỏi địa bàn để viết các ghi chép. Trong cả hai trường hợp, việc kéo dài sự quan sát sẽ làm mất nhiều thời gian hơn để viết và có lẽ cần có các chiến lược khác nhau hơn nữa để quản lý việc viết ghi chép hơn. Chẳng hạn, khi đã miêu tả các thói quen cơ bản và nhịp điệu hằng ngày trong các tập hợp ghi chép đầu tiên, thì nhà dân tộc học đã tồn tại nhiều thời gian ở thực địa có thể không cần làm việc này nữa để tập trung ghi chép các sự việc quan trọng xuất hiện trong ngày. Ở giai đoạn này, thời gian ở thực địa càng lâu thì nhà nghiên cứu càng có nhiều thuận lợi, họ sẽ có được nhiều cơ hội lớn hơn để quan sát các sự việc đáng lưu ý.

Mặt khác, nhà nghiên cứu thực địa phải làm việc hằng ngày có thể thích dành một số giờ nhất định trong ngày để quan sát và ghi chú nhanh, họ ưu tiên cho những quan sát này khi viết ghi chép đầy đủ. Tách các giai đoạn quan sát được phân bổ ra sẽ cho phép khám phá các dạng thức khác nhau của hoạt động trong ngày. Dĩ nhiên, trong khi sử dụng chiến lược này, nhà nghiên cứu thực địa vẫn nên viết các ghi chép về các sự việc quan trọng xuất hiện ở các điểm thời gian khác nhau.

Việc hoạch định thời gian để viết ra ghi chép điền dã quan trọng hơn việc nhà dân tộc học ở thực địa bao lâu. Theo thời gian, người ta sẽ quên đi và đơn giản hóa các kinh nghiệm; các ghi chép được biên soạn vài ngày sau khi quan sát có khuynh hướng tóm tắt và bỏ qua các chi tiết mang sắc thái và phong phú. Vì thế, chúng tôi khuyến khích nhà nghiên cứu ngồi xuống và viết các ghi chép đầy đủ ngay khi có thể sau khi ngày (hay đêm) nghiên cứu kết thúc. Viết các ghi chép *ngay* sau khi rời khỏi bối cảnh sẽ giúp người viết hồi tưởng chi tiết và rõ rệt hơn khi đem sự tham gia và tâm trạng phản khích với các sự kiện trong ngày của nhà dân tộc học vào bài viết. Thật vậy, viết các ghi chép *ngay* khi rời khỏi địa bàn là một cách trút bỏ gánh nặng của những gì nhà nghiên cứu vừa mới trải nghiệm. Việc tập trung suy nghĩ và sức lực để xem xét và nhớ lại sẽ rất mệt mỏi nên viết ra *ngay* sẽ giúp bạn cảm thấy dễ dàng hơn. Ngược lại, những người chậm trễ trong việc viết ghi chép điền dã cho biết là khi thời gian trôi qua, tính tức thời của các trải nghiệm sống phai nhạt đi và viết ghi chép điền dã trở thành một gánh nặng, thậm chí là một trải nghiệm kinh hoàng.

Tuy nhiên, thường thì nhà dân tộc học không thể sắp xếp thời gian để viết ra các ghi chép *ngay* khi rời khỏi địa bàn. Chẳng hạn đã quá khuya và nhà nghiên cứu rất mệt mỏi nên không thể viết ghi chép. Trong những tình huống như vậy, cần phải ngủ một đêm ngon giấc và điều đầu tiên phải làm vào buổi sáng là bắt đầu viết. Đôi lúc, nhà nghiên cứu không thể nghỉ ngơi: Một sự kiện của làng có thể kéo dài mấy ngày đêm, nhà dân tộc học phải lựa chọn giữa việc ngủ bên ngoài cùng với dân làng hay đôi lúc dành thời gian để ngủ một mình và viết ghi chép.

Khi nhà nghiên cứu ở thực địa dài ngày và có ít thời gian để có thể viết các ghi chép điền dã đầy đủ *ngay* thì cô ấy sẽ có thể chọn cách khác. Cách đầu tiên, cô ấy có thể ghi chú nhanh bằng tay thật chi tiết về các sự kiện trong ngày, và dựa vào các chi tiết của ghi chú này, cô ấy có thể hoàn việc ghi chép điền dã đầy đủ, thường là đến một thời điểm nhất định.<sup>1</sup> Cách thứ hai, cô ấy có thể đọc các ghi chép điền dã vào máy thu âm. Người ta có thể “nói các ghi chú điền dã” khá nhanh chóng và có thể đọc trong khi lái xe từ

<sup>1</sup> Chẳng hạn, Sanjek (1990b) cho biết phải mất một năm để anh ấy chuyển từ sổ ghi chép sang các ghi chép điền dã đầy đủ; rõ ràng là anh ấy đã tồn rất nhiều thời gian và sự chăm chút để viết ra các miêu tả và sự kiện trong những quyển sổ viết tay này.

thực địa về. Nhưng nếu điều này giúp giữ được các ấn tượng và quan sát sống động ngay khi rời khỏi địa bàn, thì sau đó bạn lại phải gỡ băng các ghi chú, một công việc tốn nhiều thời gian và tiền bạc. Và trong lúc đó, nhà nghiên cứu thực địa không thể tiếp cận các ghi chú được thu âm này để xem lại hay hoạch định các bước tiếp theo ở địa bàn.

Nếu muốn viết ngay lập tức hay ngay sau khi quay trở về từ địa bàn, nhà điền dã nên đi thẳng đến máy tính để bàn hay máy tính xách tay, đừng nói chuyện với người quen về những gì đã xảy ra cho đến khi hoàn thành các ghi chép điền dã đầy đủ. Cuộc nói chuyện về “những gì đã xảy ra hôm nay” có thể làm cho việc ghi chép mất đi yếu tố tâm lý tức thì và giải tỏa mất cảm xúc; vì thế, việc viết ra các sự kiện trong ngày lúc này lại trở thành một công việc tường thuật nhạt nhẽo hơn là một sự thở lộ giúp nhẹ nhõm.<sup>2</sup>

Nhà dân tộc học sử dụng các phương tiện đa dạng khác nhau để viết các ghi chép điền dã đầy đủ. Trong khi máy đánh chữ là công cụ chuẩn cho nhiều nhà dân tộc học truyền thống thì một số khác lại viết các ghi chép đầy đủ của họ vào những tập giấy hay sổ tay. Các nhà dân tộc học ngày nay rất thích dùng máy vi tính có chương trình xử lý văn bản chuẩn. Đánh máy các ghi chép với chương trình xử lý văn bản không chỉ có lợi là tốc độ nhanh hơn (người đánh máy chậm sẽ sớm nhận ra những lợi ích lớn lao về tốc độ và độ chuẩn xác), mà còn cho phép sửa chữa các từ ngữ và câu cú trong quá trình viết mà không tạo ra những trang viết lộn xộn và khó đọc. Các ghi chép điền dã được đánh bằng máy vi tính có thể được sắp xếp dễ dàng; chẳng hạn, người ta có thể chèn vào những sự việc hay một cuộc đối thoại mà họ nhớ lại sau đó vào vị trí thích hợp. Cuối cùng, soạn thảo bằng chương trình xử lý văn bản cho phép mã hóa và phân loại các ghi chép điền dã khi người ta chuyển sang viết các ghi chép dân tộc học hoàn chỉnh.

Khi ngồi xuống bàn viết, nhiệm vụ cấp thiết nhất hay mục đích viết của nhà dân tộc học là ghi lại các trải nghiệm trong khi chúng vẫn còn mới mẻ. Vì thế, các nhà dân tộc học viết vội vã, ghi nhanh các từ “ra giấy.” Các ghi chép của họ đọc giống như một mạch tuôn chảy, không như những đoạn

<sup>2</sup> Về những việc này, Goffman (1989:127) khuyên không nên đem theo vợ hay chồng đi thực địa vì “sẽ làm cho bạn sao nhãng. Bạn có thể nói chuyện với người đó, và tất cả chỉ có vậy, và không có cách nào để tạo ra một thế giới [viết ghi chép - ND].”

trích được trau chuốt, có thể xuất bản được. Vì biết là một sự kiện được nhớ lại sẽ phai nhạt và bị nhầm lẫn với những sự kiện khác sau một khoảng thời gian, nhà điền dã sẽ sử dụng bất cứ cụm từ và cách sắp xếp nào mà họ dễ có nhất, thuận tiện nhất, và có thể thực hiện được vào lúc đó. Nhà điền dã không quan tâm đến tính nhất quán và có thể chuyển từ một phong cách, một chủ đề, hay một ý tưởng này sang ý tưởng khác nhanh như trở bàn tay. Ở phần viết ban đầu này, nhà nghiên cứu thực địa tập trung vào cảnh tượng được nhớ lại hơn là các từ hay câu. Nếu nhà dân tộc học tập trung quá sớm vào cách diễn đạt, nhà điền dã sẽ tạo ra một “nhà biên tập tiềm ẩn”, điều này sẽ khiến anh ta bị phân tán sự chú ý khỏi cảnh đang gợi nhớ và làm ngưng mạch tuôn trào của trí nhớ. Mục tiêu là viết thật nhiều ra giấy, càng chi tiết và càng nhanh càng tốt, hoãn lại bất cứ sự đánh giá và biên tập nào. Nhưng trong quá trình này, nhà dân tộc học cố gắng cân bằng giữa việc miêu tả đầy đủ và viết ra những sự việc quan trọng. Một sinh viên giải thích nỗ lực của cô ấy khi miêu tả một sự việc như sau:

“Tôi chuẩn bị dừng lại ở đây và sẽ quay trở lại sau vì tôi chưa nói ra được những gì mình muốn nói... Vì có cái này nhiều hơn cái kia một chút nên tôi phải suy nghĩ xem nói như thế nào, do vậy tôi chỉ có cách là dừng ở đây. Khi ghi chép điền dã, tôi chỉ cố gắng viết tất cả ra và sau đó sẽ xem xét và chỉnh sửa lại, bỏ nó đầy và sau đó quay lại và xem xét, liệu đó có thật sự là những gì tôi định nói hay liệu tôi có thể trình bày điều đó một cách tốt hơn và rõ ràng hơn không.”

Nhà điền dã có thể viết ra tất cả những từ xuất hiện trong đầu, sau đó chọn cách diễn đạt có tính khơi gợi và dùng từ thích hợp hơn. Nhiều tác giả ban đầu viết rất nhanh vì biết là sau đó họ sẽ bổ sung, trau chuốt từ ngữ, hay sắp xếp lại những cụm từ. Vì thế, lúc đầu khi viết nhanh như vậy, người viết không quan tâm đến việc tìm ra những từ hay cụm từ tốt nhất để thuyết phục độc giả tương lai, bởi việc đó sẽ làm chậm mạch viết.

Nhà dân tộc học mới vào nghề không nên quá ngạc nhiên khi trải nghiệm sự mâu thuẫn trong tư tưởng lúc tạo ra các ghi chép điền dã. Một mặt, sự tuôn trào các tư tưởng và ấn tượng khi tác giả xem xét và trải nghiệm lại sự hứng khởi và tươi mới của các sự kiện trong ngày có thể đem đến sự giải tỏa xúc cảm và thấu hiểu suy tư. Nhìn thấy và nghe được những sự việc hấp dẫn và bắt ngờ cả ngày dài, nhà điền dã cuối cùng có thể ngồi

xuống, suy nghĩ và hồi tưởng lại các sự kiện khi chuyển chúng thành bản ghi chép vĩnh viễn. Mặt khác, sau khi làm việc trong một quãng thời gian dài ở địa bàn, cảm thấy phấn khởi, hay kiệt sức, lịch làm việc bận rộn có thể khiến nhà nghiên cứu không đủ thời gian để ghi chép, làm cho quá trình viết trở thành một gánh nặng buồn tẻ. Trải nghiệm này thường xuất hiện sau khi nhà dân tộc học ở lại hàng tuần hay hàng tháng tại địa bàn; viết các ghi chép một cách chọn lọc hơn và/hay tập trung vào các hướng phát triển mới, những điều bắt ngờ không được miêu tả trong phần viết trước, có thể giúp giảm nhẹ phần nào những cảm giác này.

## NHỚ LẠI ĐỂ VIẾT

Ngồi xuống để viết các ghi chép điền dã theo phong cách tuôn trào, “viết ra thật nhanh”, nhà dân tộc học sẽ tìm cách để nhớ lại càng chi tiết càng tốt những gì đã quan sát và trải nghiệm trước đó. Quá trình nhớ để viết gồm có việc hồi tưởng và xem lại trong đầu những cảnh tượng và sự kiện đánh dấu ngày hôm đó, tích cực hồi tưởng và tái dựng những sự kiện đã được chứng kiến để viết chúng ra giấy. Đôi lúc, việc nhớ lại và tái dựng có vai trò then chốt đối với các phần ghi nhạnh hay các chủ đề được viết trước đó; vào những lúc khác, nhà dân tộc học chỉ làm việc với những “ghi chú trong đầu” (headnotes) và các phần gợi nhớ khác để tái dựng bản viết chi tiết về sự kiện của ngày. Trong cả hai trường hợp, các miêu tả mang lại kết quả là các chuỗi sự việc và trải nghiệm có tính lôgic và hợp lý, thậm chí chỉ với một độc giả là chính bản thân nhà điền dã.

Các nhà dân tộc học thường sử dụng hỗn hợp các thực hành chuẩn để nhớ lại chuỗi sự kiện trong ngày nhằm sắp xếp và biên soạn ghi chép điền dã một cách chi tiết và toàn diện hơn. Một trong các chiến lược viết là đi theo những hoạt động và quan sát của bản thân họ theo trình tự thời gian, nhớ lại những sự kiện nổi bật theo trình tự quan sát và trải nghiệm chúng. Một chiến lược khác bắt đầu với “điểm cao trào” nào đó hoặc một sự việc hay sự kiện đã xuất hiện, đặc biệt quan trọng, sống động để phân tích chi tiết sự kiện đó kỹ nhất có thể, và sau đó xem xét lại những sự kiện, sự việc hay những trao đổi quan trọng khác theo một kiểu chủ đề nào đó. Hoặc nhà

điền dã dân tộc học có thể tập trung một cách hệ thống hơn vào những sự việc liên quan đến chủ đề được quan tâm để nhớ lại những sự kiện quan trọng. Các nhà dân tộc học thường kết hợp hay thay đổi giữa các chiến lược, chuyển đổi theo thời gian theo kiểu dòng ý thức.

Như đã nói, nhà dân tộc học thường biên soạn các ghi chép điền dã đầy đủ mà không cần có bắt cứ ghi chép nào trước đó, lấy trực tiếp từ trí nhớ và hồi tưởng những gì đã thấy và nghe ở địa bàn. Trong những trường hợp khác, họ có thể viết ra từ những phần ghi nhanh ở địa bàn hay ngay sau đó. Một số nhà dân tộc học thích viết ra một danh mục các chủ đề - các tham chiếu vẫn tắt những sự kiện quan trọng của ngày hay trình tự hành động của một sự việc quan trọng - khi chuẩn bị chuyển sang việc ghi chép rồi sử dụng danh mục đó để bắt đầu và sắp xếp các ghi chép về những sự kiện này. Trong những ví dụ sau, nhà điền dã bổ sung, mở rộng và hợp nhất những đoạn viết ngắn và các mẫu thông tin bằng cách hình dung, xem lại các sự kiện, sự việc, và những trải nghiệm mà họ đề cập tới. Các phần viết nhanh và danh mục các chủ đề có thể định hình quá trình viết, cung cấp các liên kết với địa bàn, nhà điền dã chỉ việc quay trở lại nơi bắt đầu các phần viết nhanh hay chủ đề của ngày và đi theo trình tự đã ghi lại, bổ sung và kết nối các phần lại với nhau dựa vào trí nhớ.

Để khảo sát quá trình sử dụng trí nhớ và các phần viết tắt để tạo thành ghi chép điền dã đầy đủ, chúng tôi xem xét việc làm thế nào nhà điền dã viết từ các phần ghi nhanh ngắn gọn thành bản văn mờ rộng. Xem xét giữa các phần ghi nhanh và hồi tưởng đầy đủ, phong phú hơn các sự kiện trong ghi chép điền dã cuối cùng là cơ sở để xem xét các quá trình khái quát trong việc hồi tưởng để viết. Ở đây, chúng tôi quay lại hai minh họa của phần viết nhanh đã đưa ra ở Chương 2, khảo sát xem cách mỗi cái được sử dụng để tạo ra các ghi chép điền dã đầy đủ.

### 1.“Có quá nhiều ám chỉ tình dục”

#### A. Phần ghi nhanh

**Quấy rối tình dục**

**Andy - có quá nhiều ám chỉ tình dục**

Trò chơi giáo dục thể chất ném đĩa (frisbee) “Đội này có quá nhiều xúc xích”

Reynaldo - (Carlos - ở tù vì ăn trộm xe đạp, 18 tuổi) [khoanh tròn]

Laura - Muốn đưa ra các hình thức quấy rối tình dục

Suy nghĩ về việc giam giữ những học sinh này nhưng đã có quá nhiều công việc để theo dõi như đi muộn/ trốn học/ các khuynh hướng

### B. Các ghi chép điền dã đầy đủ

Kể đến Laura mở đầu chủ đề và đề cập rằng một số học sinh cứ đưa ra các nhận xét tình dục “không thích hợp”. Cô ấy nói là Andy rất xấu và kể lại một trường hợp khi cả lớp ra ngoài sân thể dục và cô đã chia lớp thành các đội để chơi trò ném đĩa. Tôi đã chia nam nữ đều nhau nhưng bạn biết không các cô gái muốn đổi đội chơi để họ là một nhóm. Đa số các cậu con trai vào một đội, và đội kia, đội có Andy, có rất nhiều con trai. Andy nói, “Jezz, đội này có nhiều cu quá!” ngay trước mặt tôi! Sau đó, Laura tập trung vào Raynaldo. Ai đó đã dùng sữa dưỡng thể ở bàn tôi và nó bắn tung tóe trên chiếc bàn trước bàn của tôi. Raynaldo bước vào và nói: “Ô, ai đó gấp nạn ở đây! Đừng lo, Laura, Tôi sẽ lau cho.” Và cậu ấy làm, cậu ấy lấy ít giấy Kleenex và lau sạch nó, nhưng vẫn còn, bạn có thật sự nghĩ là nói với tôi, một người ở tuổi 50, là ai đó đã xuất tinh lên bàn của tôi là thích hợp không?! Ý tôi là, tôi ở tuổi 50, tôi đã có ba con trai, và tôi có bằng thạc sĩ!

Các giáo viên khác gật đầu và đồng ý điều này là sai. Marie nói, tôi cảm thấy đúng y như vậy. Cô ấy muốn nói điều gì đó khác nhưng cô Diaz ngắt ngang: “Hôm kia tôi đang cố gắng dạy Jerry điều gì đó và cậu ấy hét vào mặt tôi: “Đồ giàn dở!” các thầy cô có tin điều đó không?” Vị hiệu trưởng nói: “Ô đúng, tôi nhớ cô đi xuống kể cho tôi nghe chuyện đó”. Laura nói tiếp: “Chúng ta cần một hệ thống để kiểm soát điều này. Tôi nghĩ là chúng ta nên đánh máy chính xác câu chúng nói và bắt học sinh vi phạm ký vào và ghi ngày. Nếu chúng có ba lần như vậy, chúng ta phạt chúng bằng cách nào đó.” Các giáo viên tranh luận lợi ích của phương pháp này và hỏi loại hình phạt nào họ có thể thi hành. Laura nói là họ có thể phạt học sinh ở lại trường sau khi tan học. Rose nói rằng: “Được, nhưng hãy nhìn đồng công việc giấy tờ chúng ta đã phải làm với số học sinh bị phạt, vì thế có muôn thêm việc nữa cho tất cả chúng ta không? Không, chúng ta không thể phạt học sinh, phải làm cái gì đó khác”. Cuối cùng, thống nhất là phương pháp này tốt nhưng còn vài vướng mắc phải giải quyết (Việc phạt học sinh phụ thuộc vào khối lượng công việc của giáo viên.)

Chú ý các tương phản về nội dung, kết cấu, và sự dễ hiểu giữa các phần ghi nhanh ban đầu và các ghi chép điền dã đầy đủ. Người nghiên cứu thực địa đề cập đến Andy và Raynaldo để hồi tưởng và tái dựng các lý giải của giáo viên về “các ám chỉ tình dục” không thích hợp của các cậu bé gần đây.

Trong phần ghi nhanh không viết gì về việc Carlos bị bỏ tù vì trộm xe đạp; giả sử một giáo viên đề cập đến điều này như một vấn đề phụ trong cuộc nói chuyện. Việc những từ này được khoanh tròn cho thấy chúng đã được đưa vào chỗ nào đó trong phần ghi chép, có lẽ để ghi lại kế hoạch của tập thể giáo viên đuổi học các học sinh mười tám tuổi hay lớn hơn, mà trường học về mặt pháp lý không được quyền cầm túc. Đoạn thứ hai bổ sung phần thảo luận của Laura khi đưa ra đề xuất tạo ra “các mẫu quấy rối tình dục” và phạt những học sinh có ba mẫu như vậy. Chú ý là chỉ ở đây giáo viên của trường học mới sử dụng thuật ngữ “quấy rối tình dục”, mặc dù nhà dân tộc học đã dùng tiêu đề này để đánh dấu và nhớ lại những trao đổi này trong phần ghi nhanh của mình.

Ngoài ra, sự khác biệt giữa phần ghi nhanh và ghi chép đầy đủ đã thể hiện rõ: trong phần ghi nhanh, Andy được cho là đã nói “có quá nhiều xúc xích”, trong khi ở ghi chép đầy đủ Laura trích Andy đã nói “có quá nhiều cu”. Sinh viên dân tộc học này giải thích về điều đã xảy ra ở đây (giao tiếp cá nhân) rằng: “Raynaldo nói với tôi Andy đã sử dụng từ ‘có quá nhiều cu.’ Tôi bị lẩn lộn khi viết các ghi chép điền dã. Lê ra, Laura nói ‘có quá nhiều xúc xích và Raynaldo nói có quá nhiều cu.’”<sup>3</sup>

## 2. “Bạn có thể gọi bác sĩ của anh ta ở UCLA”

**Các phần ghi nhanh:**

[vụ số]

Snow, Marcia

Thomas

luật sư

- AIDS Mike

Murphy

Người bảo trợ hợp pháp

**Có phải ông đã chuẩn bị kiện**

**Cá nhân — (cả hai)**

<sup>3</sup> Nguyên tắc chung là nên giữ lại các báo cáo trái ngược nhau về cùng một sự kiện để tránh đi đến quyết định cái gì “thật sự đã xảy ra” khi chấp nhận quan điểm này mà không chấp nhận quan điểm kia. Chẳng hạn như ở đây, chúng ta có thể hiểu được sự khác biệt là kết quả có thể có của trạng thái bức bối mà Laura thể hiện ra bằng cách nói về tình dục thẳng thừng và thô lỗ.

### Liều hóa trị lớn

Tôi không nghĩ anh ta sẽ vào đây  
 Tôi biết anh ta đủ khỏe mạnh để đi được —  
 đi vào (trả lại máy sưởi) — khi nào?  
 Ông có thể gọi bác sĩ của anh ta ở UCLA và  
 ông ta có thể xác nhận tất cả điều này  
 tôi không gọi người khác qua  
 điện thoại - tòa án không làm kiểu như vậy - phải làm việc trên giấy tờ hay (trực tiếp cá nhân)

---

Ông M trả lại tôi máy sưởi —  
 đang đị

---

Hãy làm cho tôi rõ  
 Ông không muốn kiện  
 chỉ một trong những người này phải không?  
 Tôi muốn kiện (không, nhưng)  
 --- nếu ông ấy là người giám hộ cả hai - nhưng

---

làm sáng tỏ nó  
 Phòng 10 - Thẩm phán Berkoff  
 Bà S, ngừng một chút

### Ghi chép điền dã đầy đủ:

Marcia Snow (MS) có một mái tóc màu nâu xám, xoăn và hơi dài, khoảng hai mươi mốt tuổi, ăn mặc giản dị với quần dài và áo cánh màu xanh. Không đeo nhẫn cưới, nhưng đi với một thanh niên đeo kính nhìn có vẻ trẻ. Robert Thomas (RT) khoảng bốn mươi mốt tuổi, tóc màu nâu nhạt, râu ria bờm xòm, mặc áo khoác với những đường kẻ đỏ đen.

Thẩm phán (J) bắt đầu bằng câu hỏi RT là anh ta có luật sư hay không; anh ta có nhưng luật sư không có ở đây. Anh ta giải thích là đối tác kinh doanh của anh ta, Mike Murphy (MM), người còn có tên là TRO, hôm nay không có ở đây; anh ta bị AIDS và rất yếu. "Tôi là người giám sát hợp pháp của anh ta," vì thế tôi có thể đại diện cho lợi ích của anh ta. J hỏi MS: "Có phải cô đang chuẩn bị kiện chỉ một người này?" MS trả lời là cô ta muốn kiện cả hai người. RT sau đó giải thích là MM bị nhiễm AIDS ba năm rồi và trải qua "hàng loạt đợt hóa trị", và

thêm vào: "Tôi không nghĩ anh ta sẽ đến đây." J hỏi MS là từ đâu cô ta biết là MM bị bệnh như vậy. MS lưỡng lự sau đó trả lời: "Tôi biết anh ta đủ khỏe để đi lại." Tôi thấy anh ta đi lại khi anh ta đem trả cái máy sưởi mà họ đã ăn cắp. J: "Chuyện đó xảy ra khi nào?" (Tôi không thể nghe cô ta trả lời.) RT: Anh ta bị bệnh AIDS đã ba năm. Anh ta rất ốm. Ông có thể gọi bác sĩ của anh ta ở UCLA và xác nhận điều này." J: "Tôi không gọi người khác qua điện thoại. Tòa án không làm việc kiểu như vậy. Phải làm việc trên giấy tờ" hay khai trực tiếp trước tòa. RT lặp lại là MM rất yếu, vì thế anh ta phải chăm sóc cho anh ấy, và anh ấy sẽ không khỏe hơn. Nhưng MS một lần nữa chống lại nói là: "Ông Murphy đã trả lại máy sưởi cho tôi - lúc đó anh ta đi được..."

J sau đó quay sang MS, hỏi: "Nói cho tôi rõ - Cô không muốn kiện chỉ một trong hai người này phải không?" MS: Không, tôi muốn kiện cả hai. Nhưng nếu anh ta là người giám hộ của hắn," thì hôm nay tôi có thể tiếp tục. J đồng ý, nói là ông ta sẽ để một vị thẩm phán khác "giải quyết nó", và chuyển vụ này sang bộ phận số 10, thẩm phán Berkoff. MS và RT định đi nhưng J nói là "Cô Snow, chờ một chút để thư ký lấy hồ sơ của cô." MS chờ một chút, sau đó lấy hồ sơ và đi ra với anh chàng đi cùng cô ấy.

So sánh phần ghi nhanh viết tắt, không đầy đủ và được chọn lựa rất cẩn thận thì ghi chép điền dã đầy đủ kể lại một câu chuyện chặt chẽ, từng bước từng bước những gì quan sát được trong phòng xử án. Phần lớn câu chuyện này bao gồm những chi tiết được nhớ lại. Chẳng hạn như "nền tảng" vẫn tắt của vụ xử án từ phần ghi nhanh đã được bổ sung vào thành những miêu tả tương đối đầy đủ về hai người kiện cáo (nhưng không có phần miêu tả về vị thẩm phán hay những nhân viên thường trực khác của phòng xử án). Ngoài ra, những ghi chép về một câu chuyện với chủ đề cụ thể - các vấn đề nảy sinh từ sự vắng mặt của một người cùng bị kiện, những câu hỏi vị thẩm phán đưa ra về sự vắng mặt này và trình tự các câu trả lời cho vấn đề này của người đi kiện và người bị kiện. Tuy nhiên, câu chuyện thiếu những yếu tố quan trọng (chẳng hạn như, vụ kiện này liên quan đến một cuộc tranh chấp giữa chủ cho thuê và người thuê nhà) và có những nghĩa không rõ (chẳng hạn, câu nói của Marcia về việc bị cáo vắng mặt "đã trả lại cái máy sưởi mà họ lấy cắp").

Cũng nên xem xét việc xử lý những trích dẫn trực tiếp khi chuyển từ phần ghi nhanh thành ghi chép điền dã. Chỉ những từ nào thực sự được viết ra vào lúc đó mới được đặt trong dấu ngoặc kép; một phần của câu nói

trực tiếp bị bỏ lỡ ở thời điểm đó sẽ được diễn giải bên ngoài dấu trích trực tiếp. Vì thế, phần ghi nhanh nhận xét của vị thẩm phán, “phải làm việc bằng giấy tờ hay (trực tiếp)” được viết thành dạng ghi chép điền dã là: ‘phải làm bằng giấy tờ’ hay khai trực tiếp trước tòa.” Cách thực hành chung là câu nói không được viết lại từng từ tại lúc đó nên thể hiện trong trích dẫn gián tiếp hay được diễn giải lại (xem Chương 4).

Nhà dân tộc học dựa vào các từ và cụm từ khóa trong ghi chép nhanh của họ để nhớ lại. Nhưng viết các ghi chép điền dã từ các phần ghi nhanh không phải là việc nhớ lại và bổ sung đơn giản; thay vào đó, đây là một quá trình chủ động hơn nhiều trong việc xây dựng các trình tự hành động và khơi gợi khá chặt chẽ về những cảnh tượng và nhân vật (xem dưới đây). Trong việc chuyển các phần ghi nhanh và ghi nhớ trong đầu thành những ghi chép đầy đủ, nhà điền dã đã bước đầu phân tích được, nhờ đó họ có thể sắp xếp trải nghiệm, cả việc tạo ra và phát hiện những dạng thức của sự tương tác. Quá trình này không chỉ bao gồm việc ra quyết định xem nên bao gồm cái gì mà còn loại bỏ cái gì, từ cả những ghi chú trong đầu được nhớ lại và từ những phần có trong ghi chú nhanh. Vì thế, khi viết những ghi chép điền dã đầy đủ, nhà dân tộc học có thể nhớ lại rõ ràng hay có những phần ghi nhanh về sự việc hay án tượng đặc biệt nhưng lại quyết định không đưa chúng vào trong các ghi chép đầy đủ vì một số lý do. Phần dữ liệu có thể bao gồm những vấn đề ngẫu nhiên của các hoạt động chính trong bối cảnh, các hoạt động mà đối tượng nghiên cứu thấy có vẻ không quan trọng hay là những việc mà nhà dân tộc học không quan tâm tới.

Tuy nhiên, khi tiếp tục viết những ghi chép điền dã của một ngày hay ở một thời điểm nào sau đó trong quá trình điền dã, nhà điền dã dân tộc học có thể nhận thấy tầm quan trọng của các phần ghi nhanh hay phần ghi chú trong đầu mà dường như không quan trọng và không thú vị để đưa vào các ghi chép điền dã đầy đủ. Sinh viên điền dã dân tộc học khi viết các ghi chép điền dã đầy đủ, lúc đầu đã bỏ qua một phần viết nhanh về việc “giao ba bao cát mới” đến thùng cát ở một Chương trình Headstart (Chương 2), đã thấy rõ ý nghĩa của việc này khi hoàn tất và suy ngẫm về những quan sát trong ngày:

Giờ đây tôi đang suy nghĩ lại, khi chúng tôi có được cát, ngày hôm đó nóng đến nỗi mà phần ghi nhanh đã thật sự giúp tôi nhớ lại, do trời quá nóng nên cô giáo Karen đã nói là bọn trẻ có thể bỏ giày ra trong thùng cát. Đây thật sự là một quy định khó thực thi do trẻ con không được phép bỏ giày ra ở bất cứ nơi nào. Chúng chạy ra khỏi thùng cát và đi vào chỗ đỗ xe, và do vậy đây thật sự là một việc khó chấp nhận. Và tôi có một tình tiết về điều đó.

Trong những nhận xét này, người sinh viên cuối cùng đã hiểu rõ (và tạo ra) một mối liên hệ giữa ba túi cát mới có nói đến trong phần ghi nhanh của cô ấy và những vấn đề cô ấy cho là quan trọng trong việc thi hành nguyên tắc và kiểm soát trong bối cảnh đó. Do hiểu rõ như vậy, cô ấy quyết định đưa việc giao cát vào ghi chép của mình. Ngoài ra, sự tập trung vào việc thi hành quy định và kiểm soát đã khiến cô ấy nhớ lại những sự kiện hay “những tình tiết” “có liên quan”; ở đây cô nhớ lại “một tình tiết về việc đó”, báo hiệu ý định của cô ấy sẽ viết về tình tiết này trong ghi chép của mình.

Dưới ánh sáng của cách chuyển đổi và xuất hiện “quan trọng” trong quá trình ghi chép và suy nghĩ về việc đưa chúng vào, chúng tôi khuyến khích sinh viên viết về những sự kiện “nhỏ” này càng nhiều càng tốt, ngay cả khi chúng có vẻ chẳng quan trọng gì hay không thích hợp lắm. Chúng có thể báo hiệu những quá trình quan trọng thích hợp với những tình tiết khác hay với chủ đề đang phân tích theo cách mà nhà điền dã dân tộc học có thể chỉ nhận thấy ở một thời điểm sau đó. Thậm chí khi viết về một sự kiện khá chặt chẽ, người viết cũng nên đưa vào những hoạt động và nhận xét không liên quan lắm đến chủ đề lúc đó, vì chúng có thể cung cấp những kiến thức quan trọng cho hoạt động chính sau này.

## VIẾT CÁC GHI CHÉP CHI TIẾT: MIÊU TẢ CÁC BỐI CẢNH

Mục đích quan trọng của nhà dân tộc học là miêu tả một thế giới xã hội và con người của thế giới ấy. Nhưng các nhà nghiên cứu mới vào nghề thường tạo ra các ghi chép thực địa thiếu chi tiết sống động và không đầy đủ. Qua việc tóm tắt thiếu thận trọng và diễn giải mang tính đánh giá, nhà nghiên

cứu thực địa không miêu tả được đầy đủ những gì đã quan sát và trải nghiệm được. Các chiến lược sau đây - gồm miêu tả, đối thoại, và đặc điểm hóa - cho phép người viết có thể miêu tả chặt chẽ một khoảnh khắc quan sát được thông qua những chi tiết nổi bật. Như được thể hiện rõ trong những đoạn trích đưa vào đây, các nhà dân tộc học thường pha trộn một số chiến lược. Ở phần này, chúng tôi sẽ giải thích và đưa ra các ví dụ về các chiến lược viết này; ở phần tiếp theo, chúng tôi sẽ thảo luận về việc lựa chọn cách sắp xếp các câu chuyện trong ngày.

### *Miêu tả*

“Miêu tả” là một thuật ngữ được sử dụng theo nhiều cách. Cho đến lúc này, chúng tôi đã nói rằng viết ghi chép điền dã là cách viết miêu tả tương phản với cách viết tranh luận có tính phân tích.<sup>4</sup> Ở đây, chúng tôi đề cập cụ thể hơn đến việc miêu tả như là một phương tiện hình dung các cảnh tượng, bối cảnh, đồ vật, con người, và hành động mà nhà nghiên cứu quan sát được thông qua các chi tiết có tính cảm giác cụ thể. Theo nghĩa này, viết ra các hình ảnh có tính miêu tả chỉ là một phần trong việc kể chuyện của nhà dân tộc học về các sự kiện trong một ngày.

Như là một chiến lược viết, việc miêu tả cần có những chi tiết cụ thể hơn là sự khái quát hóa trừu tượng, cần có hình ảnh trực giác hơn là những nhận mác có tính đánh giá, và cần có sự gần gũi qua những chi tiết được trình bày ở phạm vi gần. Goffman (1989:131) khuyên các nhà thực địa viết “một cách gợi cảm”, thường xuyên sử dụng các tính từ và trạng từ để truyền tải chi tiết. Chẳng hạn, các chi tiết thể hiện màu sắc, hình dáng, và kích cỡ để tạo ra những hình ảnh dễ hình dung; các chi tiết khác về âm thanh, âm sắc, độ mạnh và âm lượng gợi nên những hình ảnh thuộc về thính giác; các chi tiết miêu tả mùi vị, hương thơm tái tạo những hình ảnh thuộc về khứu giác; và các chi tiết miêu tả cử chỉ, chuyển động, dáng điệu, nét mặt truyền tải những hình ảnh động. Trong khi các hình ảnh thị giác có khuynh hướng

<sup>4</sup> Miêu tả thường được đề cập đến như một trong bốn thể loại chính của việc biên soạn cùng với tranh luận, bình luận và kể chuyện. Nhưng ở đây chúng tôi xem miêu tả như chiến lược chính để miêu tả các bối cảnh, con người, sự vật và hành động như một phần của tự sự dân tộc học rộng lớn hơn mà nhà dân tộc học kể lại trong suốt các ghi chép điền dã của cô ấy, bắt đầu từ ngày đầu tiên bước vào thực địa và kết thúc khi cô ấy rời đi và viết những ghi chép cuối cùng.

chiếm ưu thế trong nhiều miêu tả, các nhà dân tộc học thấy là họ thường kết hợp những hình ảnh đa dạng khác nhau này vào trong một miêu tả hoàn chỉnh.

Khi miêu tả một cảnh, người viết chọn những chi tiết nào có thể sẽ tạo ra các hình ảnh sống động và rõ ràng nhất trên trang viết; kết quả là, người viết chỉ thành công nhất khi miêu tả các chi tiết theo những mục đích nào đó và từ một quan điểm nhất định. Chẳng hạn, người viết cần một cái nhìn rõ ràng hơn về những chi tiết sẽ được nhấn mạnh trong khi miêu tả, không phải bối cảnh văn phòng nói chung mà là môi trường văn phòng như một nơi làm việc lộn xộn, có lẽ từ bối cảnh của một thư ký vật lộn với sự bừa bãi của sếp mỗi ngày. Tuy nhiên, thường thì nhà điền dã viết về một bối cảnh anh ta chưa thực sự hiểu hết. Thực vậy, nhà dân tộc học mới vào nghề thường gặp phải vấn đề nan giải là không biết cho cái gì là quan trọng nhất; trong những tình huống này, mục đích của anh ta chỉ là ghi lại cảm giác có được vào lúc đó. Muốn nhớ lại các đặc điểm vật chất và các ấn tượng thuộc về cảm giác của trải nghiệm, nhà thực địa thường miêu tả bối cảnh và các tình huống xã hội, diện mạo của các nhân vật và thậm chí là một số việc làm thường ngày.

Nhà dân tộc học thường chọn các chi tiết để miêu tả không khí của một bối cảnh hay một môi trường quan trọng nào đó để hiểu được các hành động tiếp theo. Ví dụ, trong cuộc điền dã đầu tiên ở một ngôi làng phía đông nam Congo (trước đây là Zaire), nhà dân tộc học có thể nói về cách sắp đặt không gian và các mối quan hệ xã hội đã quan sát được cho đến lúc đó. Trong ghi chép điền dã của mình, cô ấy có thể miêu tả các ngôi nhà đều hướng ra một không gian mở và trống trải như thế nào; việc gian nhà lớn của làng là nơi đàn ông hội họp nằm ở trung tâm; việc phụ nữ nấu bằng củi phía trước nhà họ, thường địu con trên lưng khi làm việc và được các cô gái trẻ hơn phụ giúp; và việc một số người đàn ông và các cậu bé ngồi dưới bóng cây trên sân bên cạnh hai người đàn ông đang đan rổ. Việc cô ấy hiểu được những chi tiết này như thế nào và cách sắp xếp chúng khi bối cảnh hóa các quan hệ xã hội sẽ quyết định một phần các chi tiết cô ấy đã chọn để tạo ra các hình ảnh có thể hình dung ra về một ngôi làng nhỏ vào một buổi xế chiều.

Một nhà dân tộc học cũng nên miêu tả diện mạo của các nhân vật vốn là một phần trong các cảnh được miêu tả để bối cảnh hóa các hành động và

lời nói. Chẳng hạn, khi xem xét cách các cư dân thích nghi với điều kiện ở một viện chăm sóc bệnh nhân tâm thần, Linda Shaw miêu tả một người nào đó mà những người khác sống trong viện này nghĩ là thật “điên rồ”:

Robert và tôi đang ngồi nói chuyện gần chỗ mục sư vào trưa này khi một người mới tên Bruce đi qua lại vài lần. Anh ấy là một người đàn ông cao ráo và rất gầy với mái tóc màu xám, lưa thưa, dài ngang vai với một bộ râu dài và rậm rạp. Tôi nghe nói anh chỉ khoảng ba mươi tuổi, mặc dù anh nhìn già hơn so với tuổi của mình theo kiểu khiến tôi liên tưởng đến một loại trạm thu phí bạc màu sương gió thu tiền khách đi đường. Anh ta mặc một cái áo khoác dài, màu nâu xám cát bẩn với một phần vải hình cầu vòng được may ở phía sau gần bờ vai trùm lên, một cái quần jean màu xanh bạc phếch và một áo thun trắng có vẻ như có những vết ố cà phê phía dưới phần áo trước. Ngoài diện mạo nhêch nhác, Bruce dường như rất xúc động và bồn chồn khi đi lại từ đầu này đến đầu kia. Dáng anh ta đi đó về phía trước, sai những bước dài, đầu cúi gầm xuống ngực và gương mặt vô cảm như thể được làm bằng cao su khi cánh tay vung vẩy yếu ớt trong không khí tạo thành một hình vòng cung rộng. Khi Bruce đi qua một vòng, Robert nói: “Gã này thật sự điên rồ. Đừng nói với tôi là hắn sẽ được tái sinh trong xã hội này nữa nhé.”

Ở đây, nhà điền dã dân tộc học miêu tả chi tiết về một người mới đến viện để đưa ra bối cảnh cần thiết nhằm hiểu được nhận xét của một cư dân cho là người này quá điên rồ đến nỗi không thể sống bên ngoài. Thật ra, nhận xét cuối cùng “Đừng nói với tôi là hắn sẽ được tái sinh trong xã hội này nữa nhé” có vai trò như điểm nút kịch tính nối kết phần miêu tả chi tiết của người quan sát về một cư dân mới với các nhận thức và mối quan tâm của một cư dân cũ.

Việc miêu tả diện mạo lúc đầu có thể dường như rất dễ dàng nhưng thật ra nhiều người quan sát đã gặp khó khăn khi làm cho nó sinh động và lôi cuốn. Một phần của vấn đề xuất phát từ việc khi quan sát những người chúng ta không biết rõ, lúc đầu chúng ta chỉ nhìn họ theo những cách rất khuôn mẫu: chúng ta thường chú ý và miêu tả người lạ theo giới, tuổi, chủng tộc cùng với những đặc tính khác về diện mạo hình thể<sup>5</sup>. Vì thế,

<sup>5</sup> Lofland (1985:15) đã đưa ra thuật ngữ “sự hiểu biết có tính phân loại” này, trong đó “người ta biết người khác là ai chỉ khi anh ta được đặt vào trong một phân loại nào đó”, đặc biệt là về giới, tuổi tác, và chủng tộc, vì những phân loại này có thể dễ dàng nhận diện từ diện mạo bên ngoài. Ngược lại “sự hiểu biết cá nhân” bao gồm sự hiểu biết ít nhất về một vài khía cạnh tiêu sứ thực sự của người khác.

những nhà điền dã mới vào nghề luôn xác định đặc điểm theo giới tính. Họ thường thêm một hay hai đặc điểm có thể quan sát được: "một phụ nữ trẻ", "một chàng trai trẻ mặc áo sơ mi hoa", "hai phụ nữ Latin với một cậu bé", "một phụ nữ vào độ tuổi bốn mươi", "một người đàn ông da trắng với mái tóc màu nâu/màu vàng hơi dài." Thật vậy, những ghi chép điền dã về con người thể hiện những đặc điểm *rập khuôn có thể nhìn thấy được* (visual clichés), phụ thuộc vào những chi tiết được sử dụng thường xuyên và không hấp dẫn để miêu tả những người khác, thường bằng cách tạo ra những khuôn mẫu chung: một thủ thư độ tuổi trung niên được miêu tả đơn giản là "một người đàn ông đầu hói đeo mắt kính dày", một thanh niên trong phiên tòa dành cho tuổi vị thành niên có "bộ tóc phía sau bóng mượt", một vị luật sư "mặc bộ com lê sọc nhỏ" và "mang một cái cặp". Những khuôn mẫu như vậy không chỉ làm cho phần viết trở nên nhảm chán mà nguy hiểm hơn là làm cho người viết không nhận ra được các thuộc tính đặc biệt của người đứng trước mình.

Miêu tả diện mạo của một nhân vật thường có tính "phân loại" và khuôn mẫu vì một lý do nữa là: nhà dân tộc học dựa vào những khuôn mẫu này không phải để truyền tải diện mạo của một người khác cho độc giả tiềm năng mà là để dán nhãn (và vì thế nói rõ ràng về) việc ai đang làm cái gì trong ghi chép điền dã. Ví dụ, một nhà điền dã sử dụng cụm từ "gã mặc áo sơ mi hoa" một số lần để xác định nhân vật tác giả đang nói đến khi miêu tả kẻ đến người đi xuất hiện trong khung cảnh con đường của người Mỹ Latin. Vì thế, miêu tả đầu tiên không đưa ra nhiều chi tiết về diện mạo nhân vật này mà chỉ là định vị anh ta để chúng ta có thể xác định và dõi theo anh ta trong lời kể sau đó.

Tuy nhiên, nhà dân tộc học phải tự rèn luyện, chú ý nhiều hơn đến những chỉ báo thông thường này, về những thể loại xã hội tổng quát và cả việc nắm bắt được những thuộc tính sẽ giúp cho những độc giả tương lai có thể (dù cho bản thân nhà điền dã khi đọc lại ghi chép hay những người khác đọc các phần trích dẫn) hình dung được thật nhiều điều mà nhà điền dã đã thấy và trải nghiệm. Để hình dung ra *hình ảnh sống động* thì hình ảnh đó phải được dựa trên một sự quan sát thực tế, miêu tả những chi tiết cụ thể về con người và bối cảnh. Chẳng hạn, một nhà điền dã miêu tả một người đàn ông ở một nhà mờ dành cho người cơ nhỡ là "một người đàn ông ở

phía cuối, không có cái răng cửa nào và phải nói thì thào". Một người khác miêu tả một cậu bé lớp ba "ngúng nguẩy cái móng và nhăn nhó gương mặt để gây chú ý" khi vào lớp trễ. Những hình ảnh như vậy sử dụng chi tiết để tô vẽ những chân dung cụ thể, sống động hơn và tránh những đặc điểm mơ hồ, khuôn mẫu càng nhiều càng tốt.

Nhà dân tộc học cũng có thể miêu tả sống động hơn bằng cách miêu tả các nhân vật ăn mặc như thế nào. Đoạn trích dưới đây miêu tả trang phục của một phụ nữ qua hình tượng cụ thể và trực giác:

Hôm nay, Molly, một người phụ nữ da trắng, mặc áo khoác có các họa tiết châu Phi. Áo có các ô vuông nhỏ phía trước có in hình lục địa châu Phi với màu đỏ, vàng, xanh và đen. Nằm trên cùng là một con sư tử Judah vàng (biểu tượng của Hoàng tộc Ethiopia). Tay áo có những sọc đỏ sáng, vàng và xanh. Lưng của áo khoác có hình của Bob Marley đang cầm micrô hát. Ca sĩ là một người đàn ông da đen với những lọn tóc đen dài và một chòm râu. Phía trên là dòng chữ "Rastafari."

Miêu tả này hướng mối quan tâm của nhà điền dã dân tộc học đến bản sắc và ý thức tộc người. Câu đầu tiên, "Hôm nay, Molly, một phụ nữ da trắng, mặc áo khoác có họa tiết châu Phi," tạo ra một sự tương phản bất ngờ: Molly là một người da trắng, tuy nhiên lại mặc trang phục mà nhà nghiên cứu cho là gắn liền với văn hóa Mỹ gốc Phi. "Họa tiết châu Phi" hướng sự chú ý đến những thuộc tính cụ thể của áo khoác (màu sắc, vật tượng trưng cho uy quyền, các biểu tượng) và bỏ qua những đặc điểm quan sát được của cái áo khoác, ví dụ như chất liệu, phong cách, độ sạch sẽ, hay nguồn gốc. Kết quả là, miêu tả này khẳng định cái áo khoác như là một vật thể tuyên bố công khai người mặc thuộc về văn hóa Mỹ gốc Phi.<sup>6</sup>

<sup>6</sup> Theo nghĩa này, sự miêu tả có thể là sản phẩm, cũng như sự thúc đẩy, mối quan tâm lý thuyết của nhà dân tộc học về bản sắc tộc người. Đó là người quan sát có thể đi đến cảnh đó với sự quan tâm có từ trước về việc làm thế nào các sinh viên da trắng hòa nhập với người Mỹ gốc Phi, sự nhạy cảm này dẫn anh ta đến việc trân trọng chủ nghĩa biểu tượng châm biếm và đi đến việc viết về cái áo khoác một cách quá sinh động. Một lựa chọn khác, sự miêu tả về một điều gì đó lập tức gây ấn tượng có thể khiến cho anh ta bắt đầu suy nghĩ về những vấn đề của sự kết hợp xuyên văn hóa. Trường hợp nào cũng vậy, trong những ghi chép điền dã sau này, nhà dân tộc học tiếp tục tập trung vào người phụ nữ này và các sinh viên da trắng khác đi chơi với những người da đen, miêu tả những ví dụ khác về trang phục đặc trưng tộc người, việc người da trắng sử dụng các phong cách nói chuyện của người da đen, v.v.

Hơn thế nữa, thay vì đơn thuần *kể* (telling) cho độc giả những gì nhà dân tộc học suy luận ra thì đoạn văn này lại *cho thấy* sự thuộc về văn hóa Mỹ gốc Phi trong các chi tiết trực tiếp, qua các hành động và hình tượng. So sánh chiến lược miêu tả này với sự miêu tả trừu tượng và mang tính đánh giá (có tính giả thuyết) với sự miêu tả khái quát thay vì định rõ các chi tiết: "Hôm nay, Molly, một cô gái da trắng, *cương quyết* mặc chiếc áo khoác *châu Phi màu sáng* của cô ấy. Cô ấy luôn *gây ấn tượng* với những bộ trang phục này và *khệnh khặng đi lại* xung quanh *giống như một người da đen*." Tóm tắt này không chỉ phụ thuộc vào một tính từ mơ hồ (sáng), mà nó còn làm cho những hành động khó hiểu với những trạng từ và động từ có tính đánh giá (một cách *cương quyết*, *khệnh khặng đi lại*, và *gây ấn tượng*) và những quy chụp phân loại (như *một người da đen*).

Do nhà dân tộc học muốn miêu tả một cảnh tượng cho độc giả nên họ không cố đọng các chi tiết lại, tránh những tính từ và động từ có tính đánh giá, và không bao giờ dùng sự quy chụp thay cho miêu tả. Mặc dù tất cả những cách viết đều đòi hỏi sự gộp nhóm và nhận dạng các chi tiết nhưng nhà dân tộc học đã chống lại sự bốc đồng khi quy chụp những cái khác một cách vô thức theo các kiến thức có sẵn của mình. Tuy nhiên, nếu chỉ tránh những miêu tả diễn đạt sự đánh giá thì chưa đủ, giọng điệu của tác giả không thể không bộc lộ thái độ cá nhân của họ đối với người được miêu tả. Thái độ tốt hơn người khác hay vật thể hóa người khác (như sự kỳ quặc, một khách nước ngoài, từ giai cấp thấp hơn, từ nơi kém văn minh) luôn "thể hiện" theo những cách rất khó phát hiện: giọng điệu, giọng như lỡ lời, xuất hiện trong việc chọn từ, so sánh ngầm và thậm chí nhịp điệu như sự ngắt giọng khi gạt ngang. Một nhà dân tộc học có tính phản thân nên thể hiện sự đánh giá của mình trong những nhận xét được viết ra một cách ngẫu nhiên. Nhưng cách giải quyết cho những bốc đồng có tính đánh giá này lại là cần ghi nhớ rằng nhiệm vụ của nhà điền dã dân tộc học là miêu tả để khiến cho người khác hiểu và cảm thông với xã hội của những người khác.

Ngoài việc miêu tả con người, nơi chốn và đồ vật, một nhà dân tộc học cũng có thể miêu tả một cảnh chủ yếu thông qua hành động. Chẳng hạn, họ có thể miêu tả cuộc nói chuyện, cử chỉ, điệu bộ và chuyển động của một nhân vật. Trái với việc miêu tả diện mạo của một con người, chuỗi hành động nhấn mạnh năng lực chủ thể của nhân vật tác động đến thế giới của

họ; một nhân vật hành động trong một tình huống theo cách thông thường hay phản ứng lại hệ thống các điều kiện. Đoạn trích ghi chép điền dã dưới đây của người chất hàng tạp hóa làm việc ở một cửa hàng đã gần hết hàng cho thấy các chi tiết cảm giác về hành động có thể tạo ra một miêu tả sống động về bối cảnh:

Khi tôi kết thúc “vòng” đầu tiên của mình [quanh cửa hàng] và bắt đầu sang vòng thứ hai, tôi chậm chạp đi về phía dây hàng thực phẩm đông lạnh, đi ngang qua một cô “chất hàng”. Cô ấy dường như khá trẻ (độ tuổi đại học), người mảnh dẻ với viền mắt được kẻ đậm. Mặc dù kẻ mắt đậm đen nhưng phần trang điểm không làm cho cô ấy giống molt gothic (trang điểm đậm và dày, sử dụng tông màu tối để tạo điểm nhấn - ND). Mái tóc nâu được buộc lỏng phía sau bằng sợi chun, và cô ấy đang bò thêm phần ăn tối đông lạnh hiệu TV (TV dinners) vào trong tủ đông. Cô ấy giống như một người máy: cô ấy dường như đứng tại chỗ khi mở cửa tủ đông và dùng cơ thể mình chống đỡ để mở cửa. Sau đó, cô ấy lấy một vài phần thức ăn đông lạnh TV ra khỏi hộp đã được đóng gói, phân loại và đưa vào chỗ thích hợp trong tủ đông. Khi cô ấy xoay người lại để lấy hàng, cô ấy không thể dùng cơ thể mình đỡ lấy cánh cửa. Điều này khiến cho cánh cửa tủ vô tình đóng lại khi cô ấy xoay mình để lấy thêm các hộp. Hành động này khiến cho cánh cửa đóng sập lại với một tiếng “tách” lớn. Cũng có vẻ lạ là, tiếng cánh cửa đóng như thế cái tủ đông đang trêu chọc cô gái chất hàng. Nhưng điều này không làm cô gái nản lòng vì cô gái vẫn cứ xoay người và lặp lại toàn bộ quá trình, hết lần này đến lần khác.

Ở đây, nhà dân tộc học sắp đặt cảnh miêu tả, sử dụng một hình ảnh có tính khơi gợi (viền mắt tối nhưng phần trang điểm không giống molt gothic) để khiến cho người đọc có thể hình dung được diện mạo của người chất hàng. Chú ý việc cô ấy dùng phép so sánh như thế nào, chẳng hạn như “người máy” như là điểm bắt đầu để tạo ra một hình ảnh có thể hình dung được, nhưng cô ấy tránh tạo ra một nhân vật khuôn mẫu qua việc đưa ra các chi tiết của hành động để tạo ra một bức tranh chi tiết và đầy đủ hơn về những gì người chất hàng đang làm. Cô ấy sử dụng các hình ảnh gợi hình về chuyển động cơ thể của người chất hàng (sử dụng cơ thể mình để giữ cửa mở), cũng như các hình ảnh gợi thanh (cánh tủ đóng chặt lại với một âm “tách” lớn), làm cho cánh cửa tủ có tính cách giống như con người (khả

năng trêu chọc người chất hàng). Vì vậy, cô ấy đã miêu tả hiệu quả nỗ lực thân thể và cảm xúc cần có để xếp các phần ăn đông lạnh hiệu TV vào tủ đông. Khi nhà dân tộc học thỉnh thoảng sử dụng phép so sánh, chẳng hạn như hình ảnh so sánh người máy này, họ nên luôn luôn bổ sung cho hình ảnh ẩn dụ này với các chi tiết miêu tả như nhà dân tộc học trên đã làm. Nếu không làm như vậy, về sau khi đọc ghi chép điền dã của mình, cô ấy có thể không nhớ được tại sao lại chọn hình ảnh so sánh đó hay nó thể hiện cho những hành động nào.

### *Đối thoại*

Nhà điền dã dân tộc học cũng dựng lại cuộc đối thoại - các cuộc nói chuyện khi họ hiện diện hay được các thành viên kể lại khi nói chuyện với những người khác - càng chính xác càng tốt. Họ dựng lại cuộc đối thoại dựa vào những trích dẫn trực tiếp và gián tiếp, thông qua lời nói tường thuật và bằng cách diễn giải lại. Chúng tôi cho là chỉ những đoạn thật sự được trích dẫn từng từ một thì mới nên được đặt trong ngoặc kép; tất cả những đoạn khác được ghi lại như những trích dẫn gián tiếp hay diễn giải.

Ví dụ sau minh họa việc trích dẫn trực tiếp, gián tiếp và lời nói tường thuật đi với nhau như thế nào để truyền tải cuộc hội thoại đang diễn ra:

Trong khoảng một phút hay đại loại như thế trước khi tôi đi, tôi đã nói chuyện với Polly, người phụ nữ da đen gác cổng trước cửa trường. Khi chúng tôi đang nói chuyện, một cô bé da đen mặc áo lạnh màu xanh đậm đi ngang qua. Polly chỉ cô bé đó. Bà ấy hỏi tôi "Cô có thấy cô gái đó không?" Tôi nói với bà ấy là tôi có thấy, và Polly kể cho tôi nghe là cô gái đó đã gây phiền toái cho bà ta. Polly nói là cô gái đó đã cố gắng trốn ra khỏi trường và đã cãi nhau. Bà ấy nói là vị hiệu trưởng đi ngang qua và ông ta đã cố gắng giải quyết chuyện rắc rối đó. Và cô gái đã trả lời: "Đây là trường của tôi. Các người không thể kiểm soát tôi!" và sau đó cô gái gọi vị hiệu trưởng là một "MF da trắng." Polly nói với tôi là "Thường MF là da đen nhưng cô ấy đã đổi nó." Bà ấy nói là cô gái có "một thái độ xấu" và lắc đầu.

Viết lại cuộc đàm thoại này chủ yếu theo cách trích dẫn gián tiếp đã giữ được mạch chuyển đổi của sự tương tác trong lời nói. Xen kẽ là các đoạn trích làm cho cuộc hội thoại trở nên sống động và có cảm giác trực tiếp.

Bằng cách đánh dấu rõ phần trích dẫn trực tiếp, trích dẫn gián tiếp và lối nói tường thuật, chúng ta có thể thấy chúng kết hợp với nhau như thế nào:

Trực tiếp: "Cô có thấy cô gái đó không?"

Gián tiếp: Tôi nói với bà ấy là tôi có thấy...

Gián tiếp: ... và Polly kể cho tôi nghe là cô gái đó đã gây phiền toái cho bà. Polly nói là cô gái đó đã cố gắng trốn ra khỏi trường và đã cãi nhau. Bà ấy nói là vị hiệu trưởng đi ngang qua và ông ta đã cố gắng giải quyết chuyện rắc rối đó.

Lối nói tường thuật, trực tiếp:

Và cô gái đã trả lời: "Đây là trường của tôi. Các người không thể kiểm soát tôi!" và sau đó cô gái gọi vị hiệu trưởng là một "MF da trắng."

Trực tiếp: "Thường là MF da đen nhưng cô ấy đã đổi nó."

Gián tiếp: Bà ấy nói là cô gái có một

Trực tiếp: "Thái độ xấu"...

Trích dẫn gián tiếp gần với cuộc đối thoại hơn là lối diễn giải. Diễn giải cuộc đối thoại này với Polly có thể giữ được nội dung cơ bản. Nhưng khi diễn giải, người viết chuyển các lời nói thành từ ngữ của riêng họ và tóm tắt. Ví dụ như, nếu đoạn cuối của đoạn trích viết theo lối diễn giải thì có thể sẽ như thế này: "Cô gái trả lời vị hiệu trưởng và gọi tên ông ấy... Cô ấy có một số vấn đề về thái độ." Cách diễn giải này làm mất đi sắc thái của cuộc trò chuyện và sự khẳng định chắc chắn là nó không nói lên được nhận xét của người học sinh với vị hiệu trưởng

Rõ ràng, nhà dân tộc học này có một phong cách sống động trong việc chuyển đổi dễ dàng vì ghi chép điền dã khác với cách diễn giải và chỉ sử dụng "cô ấy nói" khi cần thiết. Khi viết theo lối trích trực tiếp hay gián tiếp, nhà dân tộc học không cần phải lặp lại "cô ấy nói là..." mỗi khi họ giới thiệu một cuộc đối thoại. Thay vào đó, người ta có thể giữ nhịp điệu của cuộc đối thoại bằng cách nói ngay vào phần diễn giải đã được nhớ lại gần hết theo từng từ hay cụm từ. Chẳng hạn, "Polly nói là cô gái đã gây phiền toái cho bà ấy", cũng có thể được viết là, "Polly trả lời, cô gái đã gây phiền toái cho tôi", hay đôi lúc khi biết rõ ai đang nói, đơn giản như là "cô gái đã gây phiền toái cho tôi." Lặp lại quá nhiều "cô ấy nói" hay "anh ta nói" sẽ làm giảm sự liền mạch của cuộc đối thoại.

Những miêu tả của bản thân đối tượng nghiên cứu và “những câu chuyện” về các trải nghiệm của họ là thước đo giá trị về quan điểm, nhận thức của họ về thế giới (xem Chương 5) và nên được trích càng nguyên văn càng tốt. Việc viết lại cuộc trao đổi này như một “câu chuyện” được kể lại từng từ giúp nhà điền dã giữ được hai loại thông tin khác nhau. Thứ nhất, nó cho thấy là “có một điều gì đó đã xảy ra” giữa một học sinh, một người bảo vệ, và vị hiệu trưởng. Thứ hai, nó cho thấy trải nghiệm của người bảo vệ về một điều gì đó. Như là câu chuyện của người bảo vệ, phần ghi chép dân tộc học này truyền tải về người kể chuyện và mối quan tâm của bà ấy nhiều hơn là đối với cô gái và rắc rối của cô ta.

Việc viết lại cuộc đối thoại sẽ phức tạp hơn so với việc chỉ nhớ lại cuộc nói chuyện hay nghe lại từng chữ. Người ta nói không liền mạch và bộc phát. Họ nhấn mạnh hay thậm chí hoàn tất một cụm từ bằng một cử chỉ, nét mặt, hay điệu bộ. Họ gửi đi những thông điệp phức tạp bằng lời nói hay không bằng lời nói không phù hợp, dường như có tính mâu thuẫn và sự mâu mai như trong những lời châm chọc hay sự xúc phạm lịch sự. Vì thế, nhà điền dã dân tộc học phải ghi lại các ý nghĩa họ hiểu được từ những biểu đạt của cơ thể cùng với những từ ngữ - cử chỉ, chuyển động, nét mặt, giọng nói. Ngoài ra, con người không đối đáp một cách trôi chảy trong cuộc đối thoại: họ chen ngang vào lời nói của nhau, nói lướt từ, nói cùng lúc và trả lời bằng những nhận xét và tiếng lầm bầm liên tục. Việc nói chuyện như vậy có thể được đưa vào một trang giấy liền mạch bằng cách bỏ vào trong ngoặc và chia thành những lời nói lên nhau.

Mặc dù việc ghi nhanh và cả việc ghi chép điền dã đầy đủ về cuộc hội thoại một cách chính xác đòi hỏi một nỗ lực khá lớn, nhưng nhà điền dã dân tộc học có một số lý do để thêm hương vị cho ghi chép của họ bằng những lời nói được trích nguyên văn. Cuộc đối thoại như thế sẽ truyền tải những đặc điểm nhân vật, thúc đẩy hành động, đưa ra manh mối về địa vị xã hội, bản sắc, phong cách cá nhân và các mối quan tâm của người nói. Cuộc đối thoại cho phép nhà nghiên cứu điền dã nắm bắt được những từ ngữ và cách diễn đạt của các thành viên khi thực sự sử dụng trong những tình huống cụ thể. Ngoài ra, cuộc đối thoại có thể hướng đến những đặc điểm quan trọng của một thế giới quan văn hóa. Đoạn trích dưới đây là từ một cuộc thảo luận trong một khóa học về lịch sử Mỹ gốc Phi:

Deston, một người đàn ông da đen với tóc quăn kiểu Jheri, hỏi cô Dubois: "Kẻ phản bội là sao? Tôi nghe nói là nếu bà nói chuyện với một người da trắng - thì có nghĩa là bà phản bội. Nếu bà đi ra ngoài với một cô gái da trắng - thì tức là bà đã phản bội." Cô Dubois trả lời là "một số người đã đẩy nó lên đến cực đoan." Cô nói là một người phản bội thậm chí có thể là một giáo viên hay một người nào đó làm việc tại cửa hàng McDonalds. Sau đó, bà định nghĩa một người phản bội là "một người quan tâm nhiều đến việc này... người không trung thành về sắc tộc, không có lòng trung thành với người khác."

Người viết sử dụng lối trích dẫn trực tiếp để nắm bắt được việc trao đổi qua lại về bản sắc tộc người và cũng để giữ lại một thuật ngữ quan trọng của người nói.

Việc sử dụng cách trích dẫn gián tiếp bên cạnh cách trích trực tiếp cũng cho phép nhà dân tộc học thể hiện đặc điểm chuyển đổi qua lại của sự tương tác hằng ngày một cách chính xác và hiệu quả. Chẳng hạn, trong đoạn trích dưới đây ở một khu chợ trời, việc trích dẫn trực tiếp các cuộc thương lượng giá cả thực sự nhấn mạnh và hướng sự tập trung của người đọc đến khía cạnh này của sự tương tác.

Cô ấy (người bán hàng ở khu chợ) có nhiều thứ khác nhau gồm một máy nước nóng lạnh hiệu Sparkletts, một số đèn trang trí Giáng sinh ngoài trời, một cái chǎn, đôi guốc gỗ Trung Quốc, đồ rắc muối và rắc tiêu, một máy hút bụi, mặt lò sưởi nhỏ bằng gỗ, quần áo, các đồ đặc nhỏ và giày dép. Tôi nhìn thấy một tấm màn sáo bằng hạt nầm lắn lộn trên tấm vải dầu và đi về phía đó. Tôi chỉ nó và hỏi người bán hàng giá bao nhiêu. Cô ấy suy nghĩ một lúc và nói: "Ummm, năm đô." Cô ấy chậm rãi đứng dậy và đi về phía nó. Cô ấy cầm nó lên. Cô ấy cho chúng tôi thấy là nó còn tốt bằng cách cầm nó đưa lên cao để cho các dây hạt rủ xuống. "Ba đô được không?" Tôi hỏi khi nhìn bao quát tấm màn sáo. Nó có phần phía trên lật nơi treo các dây hạt. Nó có một màu - màu ngà hay nâu nhạt. "Bốn đô được không?" cô ấy nói. Tôi nói: "Được rồi, tôi lấy nó." Cô ấy nói với tôi là cô ấy sẽ bỏ vào túi cho tôi và quay sang lấy một cái túi nhựa phía trong xe. Tôi lục hết túi quần tìm các tờ một đô. Tôi chỉ còn ba tờ một đô và một tờ năm đô. Tôi đưa cô ấy tờ năm đô và cô ấy đưa tôi cái túi. Cô ấy đút tờ năm đô vào trong một cái túi nhìn vui mắt và rút ra tờ một đô. Cô ấy đưa nó cho tôi và nói cảm ơn. Tôi nói cảm ơn và quay đi.

Ngoài việc miêu tả sống động một cảnh mua bán ở khu chợ trời, việc trình bày cuộc đối thoại thúc đẩy sự nhạy cảm đối với các quá trình tương tác mà qua đó các thành viên tạo dựng ý nghĩa và xã hội địa phương trong những trao đổi thường ngày như vậy.

Những vấn đề và sự lựa chọn khi viết đoạn hội thoại này sẽ trở nên phức tạp hơn khi ngôn ngữ địa phương khác với ngôn ngữ của nhà nghiên cứu. Việc nhà nghiên cứu thông thạo ngôn ngữ đến đâu chắc chắn sẽ quyết định mức độ trích nguyên văn của cô. Khi nhà dân tộc học nghe tiếng lóng, thứ tiếng Anh không quy chuẩn, hay về mặt ngữ pháp được diễn đạt không đúng, cô ấy sẽ không sửa phần diễn đạt này mà thay vào đó sẽ đặt những lời nói đó trong ngoặc trích dẫn. Ngoài ra, khi một nhà điền dã nghiên cứu bằng ngôn ngữ thứ hai, anh ta sẽ không chỉ thường xuyên bỏ qua những gì người ta nói do cô ấy không hiểu một từ cụ thể nào đó, mà còn gặp khó khăn khi ghi lại nguyên văn mạch đối thoại dù cô ấy có hiểu đi chăng nữa. Để giảm khó khăn, nhà nghiên cứu nên làm việc với một trợ lý địa phương để đảm bảo sẽ hiểu chính xác những gì người ta đang nói. Những vấn đề tương tự cũng xảy ra khi làm việc bằng tiếng Anh trong một bối cảnh có nhiều thuật ngữ kỹ thuật hay những từ ngữ trong nội bộ nhóm, chẳng hạn như tiếng lóng. Không thể theo đuổi mọi chi tiết trong câu chuyện, nhà nghiên cứu diễn giải càng nhiều càng tốt và thỉnh thoảng đưa vào những đoạn nói nguyên văn mà họ nghe được và nhớ rõ.

Để đối phó với những khó khăn về ngôn ngữ, nhiều nhà điền dã dân tộc học đã bổ sung cho ghi chép điền dã bằng việc ghi âm. Họ cũng có thể ghi âm để giữ lại nội dung câu chuyện đang diễn ra một cách tự nhiên càng chi tiết càng tốt để có thể theo đuổi những vấn đề lý thuyết cụ thể nào đó. Chẳng hạn, các nhà nghiên cứu thực địa quan tâm đến những dạng thức tương tác có tính định kỳ giữa nhân viên và khách hàng có thể cố gắng hết sức để ghi âm lại ít nhất một số những cuộc gặp mặt như vậy.<sup>7</sup> Đa số các

<sup>7</sup> Việc kết hợp các quan sát thực địa và ghi âm các tương tác cụ thể có trong nhiều nghiên cứu dân tộc học về các thiết chế, chẳng hạn như dưỡng đường y khoa (Maynard, 2003), văn phòng luật sư (Sarat và Felstiner, 1995), các trường công (Garot, 2010). Tuy nhiên, một số nhà dân tộc học thấy rằng việc ghi âm làm kiềm chế và sao nhãng cuộc nói chuyện trong bối cảnh, cũng như sự trò chuyện thân mật; chẳng hạn, xem Desmond (2007: 291-93) về các vấn đề khi nỗ lực ghi âm lại các hoạt động thường ngày của những người chưa lứa vùng hoang dã.

nhà điền dã dân tộc học vẫn không xem ghi âm là hình thức dữ liệu chủ yếu hay riêng biệt; thay vào đó, họ sử dụng chúng như là một trong những cách để xem xét cẩn thận ý nghĩa của các sự kiện và trải nghiệm đối với người được nghiên cứu.

Để minh họa, hãy xem xét cách Rachel Fretz đã ghi âm những buổi kể chuyện của người Chokwe tại Bandundu, Congo (trước đây là Zaire). Bà đã ghi âm và gỡ băng cẩn thận tất cả những lời nói của người kể chuyện và khán giả do người nghe cũng tham gia tích cực vào phần kể chuyện. Sau đây là đoạn trích phần đầu của một trong những buổi biểu diễn như thế; người kể chuyện (N), một thanh niên, trình diễn cho khán giả (A) nữ, nam và trẻ em vào một buổi tối quanh đống lửa (Fretz, 1995a).

N: Ngày xưa ngày xưa, có một số thanh niên, gồm có tôi, Fernando, Funga và Shamuna.

A: Có phải đó là một câu chuyện kèm theo một bài hát hay không?

N: Có bốn người. Họ nói, "À, chúng ta đi săn đi."

Pia họ đi khắp nơi. Pia họ đi khắp nơi.

A: Hay lắm.

N: Họ đi lối này và lối đó, lối này và lối đó. Không có con thú nào. "Hãy quay lại. Nào đi thôi." Họ nhìn thấy một túp lều lớn. Bên trong có một chén mật.

"Bạn của tôi, mật này, ai đặt ở đây?"

Anh ta nói: "Ai?"

Người khác nói: "Ai?"

[Người khác nói] "Đi nào. Chúng ta không thể ăn mật này."

Sau đó, *fwapu*, Funga tiến vào phía trước và nói: "Ah! Anh phiền phức quá. Dù cho có đói anh cũng sẽ không ăn mật này ư?"

"Nhóc à. Người đẻ mật ở đây không có mặt. Em thấy là ngôi nhà này được xây bằng xương sườn người, và em quyết ăn mật này."

Anh ta [Funga] nói là: "Đi ra đi. Tôi sẽ ăn. Tiếp tục đi đi. Đi nào." Anh ta lấy một ít mật, anh ta đã ăn nó.

"Chúng ta có nên chờ anh ta không?" "Chúng ta sẽ chờ anh ta."

Anh ta đến ngay. "Nào đi."

*Liata, liata, liata*, họ đi tiếp. "Chúng ta đang đi trên một quãng đường dài. Chúng ta từ xa tới." Họ tới nơi và nhìn thấy, ah! Kayanda [thánh thần ơi], một con sông lớn.

"Các bạn tôi ơi, chuyện gì vậy?"

"Các bạn ơi, một con sông thật lớn. Nó từ đâu tới vậy?"

Anh ta nói, "Ah! Ai có thể giải thích nó?"

"Chúng ta không thể thấy nguồn của nó và nơi nó chảy."

"Hãy băng qua sông. Tôi sẽ đi trước."

### Bài hát đầu tiên

N: Ô, Cha ơi, Edd, Cha, chính con là người ăn mệt.

A: Con sông lớn này Thượng đế đã tạo ra, tôi phải băng qua nó.

N: Cha ơi! Eee, Cha, con đang đi xuống sông.

A: Con sông lớn này Thượng đế đã tạo ra, tôi phải băng qua nó.

N: Cha ơi! Eee, Cha, con không ăn mệt.

A: Con sông lớn này Thượng đế đã tạo ra, tôi phải băng qua nó.

N: Cha ơi! Eee, Cha, con băng qua bờ bên kia.

A: Con sông lớn này Thượng đế đã tạo ra, tôi phải băng qua nó.

Gõ băng một buổi trình diễn gồm có việc nắm bắt tất cả những từ ngữ của người kể chuyện và đối đáp của khán giả (thường cần có sự giúp đỡ của một người địa phương) mặc dù có những âm thanh xen ngang như tiếng chó sủa và trẻ con khóc. Muốn gõ băng chính xác thì cũng cần phải chú ý kỹ tới nhịp điệu và sự ngắt quãng khi nói để việc chấm câu và xuống dòng thể hiện được phong cách của người kể chuyện (xin xem Hymes, 1991; Tedlck, 1983).

Nhưng việc gõ băng và dịch đoạn băng chỉ là một phần nỗ lực của nhà điền dã để học hỏi và hiểu được câu chuyện trong buổi trình diễn. Cô ấy còn viết những ghi chép điền dã mở rộng miêu tả tình huống và những người tham gia.<sup>8</sup> Chẳng hạn, cô ấy chú ý là phần kể chuyện diễn ra quanh đống lửa ở khoảng sân nhà của vị trưởng làng trong một buổi hội họp gia đình thân mật gồm có vị trưởng làng, bảy người vợ và con cháu của họ. Cô ấy quan sát thấy phụ nữ tham dự chủ yếu bằng cách hát và trả lời dựa vào những nhận xét và từ cảm thán. Nhà dân tộc học cũng ghi lại cuộc hội thoại giữa cô ấy với những người tham gia này và nhận xét chung của người Chokwe về việc kể những câu chuyện như vậy, được gọi là *yishima*. Cô ấy

<sup>8</sup> Thường thì ghi chép điền dã của cô ấy được viết bằng tiếng Anh, mặc dù cô ấy nghe bằng một ngôn ngữ khác; vì thế cô ấy đưa vào nhiều thuật ngữ không phải tiếng Anh để lưu giữ các ý nghĩa địa phương.

thấy trong buổi trình diễn này, người nghe biết là ngôi nhà làm bằng xương sườn người có thể là của một vị phù thủy, việc ăn mật ong của vị phù thủy rất nguy hiểm do nó bị bỏ bùa, con sông từ đâu xuất hiện chấn ngang đương họ là do vị phù thủy tạo ra và Funga - người ăn mật ong - có khả năng sẽ chết đuối do không nghe lời của anh trai. Cô ấy biết là bài hát lặp đi lặp lại, hát bốn lần trong buổi biểu diễn, đã tạo ra sự căng thẳng giữa niềm hy vọng và nỗi sợ hãi về hậu quả của việc ăn mật, giữa việc tin đó là một con sông tự nhiên do Thượng đế tạo ra ("Con sông lớn này Thượng đế đã tạo ra") và nỗi sợ đây là tác động của vị phù thủy ("Eee, Cha ơi, chính con đã ăn mật ong.")

Vì vậy, gỡ băng cuộc nói chuyện được ghi âm lại không phải là việc dễ làm và đơn giản để ghi lại một sự kiện. Nhà điền dã cần quan sát và lắng nghe nhiều hơn là chỉ chú ý vào các từ ngữ; cần hỏi nhiều câu hỏi hơn và viết lại những gì đã biết. Kết quả là, nhiều nghiên cứu thực địa sử dụng nhiều quá trình ghi âm và mã hóa, kết hợp các ghi chép điền dã với việc ghi âm và ghi hình.<sup>9</sup>

### Tính cách hóa (characterization)

Nhà dân tộc học miêu tả những người họ gấp gỡ bằng một chiến lược được gọi là *tính cách hóa*. Ngoài việc miêu tả đơn thuần về trang phục và các chuyển động của người truyền tải một ý nghĩa tối thiểu nào đó về cá nhân đó, tác giả còn mô tả đầy đủ hơn thông qua việc cho biết người ấy nói, hành động và quan hệ như thế nào với những người khác. Nhà dân tộc học miêu tả các cá nhân hiệu quả nhất trong bối cảnh khi họ thực hiện các hoạt động hằng ngày hơn là chỉ đơn thuần liệt kê những tính cách của họ. Miêu tả những đặc điểm của con người hiệu quả nhất là cho thấy họ sống như thế nào. Điều này đòi hỏi phải mô tả các nhân vật như là những thực thể xã hội đầy đủ thông qua việc miêu tả trang phục, ngôn từ, cử chỉ và nét mặt, điều này cho phép độc giả suy ra những đặc điểm của nhân vật. Các đặc điểm và

<sup>9</sup> Quan tâm đến những thảo luận về việc các nhà nghiên cứu làm việc bằng ngôn ngữ thứ hai hay tập trung vào cách sự thể hiện bằng lời nói kết hợp và hợp nhất những phương pháp này như thế nào, xin xem Stone và Stone (1981). Một số nhà nghiên cứu thực địa xã hội học ủng hộ việc sử dụng các loại quy trình "tam giác" tương tự - chẳng hạn như, thực hiện các cuộc phỏng vấn sau đó với những người tham gia về những gì họ nghĩ và làm trong suốt cuộc trao đổi được ghi âm lại; xin xem Cicourel (1974:124ff).

tính cách vì thế cũng xuất hiện nhiều trong tương tác và thông qua tương tác với người khác hơn là được trình bày như những đặc tính đơn độc của các cá nhân. Vì thế, việc khắc họa nhân vật phải dựa vào kỹ năng miêu tả, tường thuật hành động, và trình bày cuộc đối thoại của tác giả.

Trong phần ghi chép điền dã sau đây, Linda Shaw miêu tả cuộc gặp gỡ với cặp vợ chồng sống tại khu nhà bếp của một căn hộ trong một viện chăm sóc tâm thần. Người phụ nữ đặc biệt nhẫn mạnh đến những nỗ lực của họ để tạo ra một môi trường sống “bình thường” và sự vô vọng mà họ cảm thấy khi làm như vậy:<sup>10</sup>

Hôm nay, tôi đi với Terri và Jay khi họ muốn cho tôi thấy “căn hộ” họ đã tạo ra từ một khu nhà bếp nhỏ được cải tạo lại thành phòng của họ. Terri đi cùng tôi từ chỗ này sang chỗ khác, rất tự hào khi chỉ cho tôi họ đã làm thành phòng ngủ như thế nào ở đầu này, một phòng khách bên cạnh và một nhà bếp kế tiếp. Họ đã làm giống như một căn hộ tổng thể trong không gian nhỏ bé này, và bà ấy đã chỉ cho tôi chi tiết đặc điểm của mỗi “căn phòng”. Họ nói, cái giường có một cái nệm thật không giống như những tấm xốp ở tất cả những cái giường khác. Có một cái thảm ở sàn phòng khách và một cái ti vi ở cuối chân giường. Sau đó, Terri mở tủ đựng đồ. Bà ấy chỉ cái kệ gia vị và đếm to những cái ly. Bà ấy thật tự hào dùng bình cà phê để chuẩn bị cà phê sáng cho Jay và một cái lò hâm mà họ thích thoảng hâm nóng pizza đem về nhà ăn.

Terri rất cố gắng để chứng minh tất cả những gì họ đã làm để cho căn hộ của họ trở thành niềm mơ ước mà bất cứ cặp vợ chồng nào có thể có; tuy nhiên, càng cố gắng, thì căn hộ càng trở nên khác biệt với cuộc sống thật sự của họ. Terri nói đến sự thất vọng bà cảm thấy mặc dù đã rất nỗ lực: “Tất cả những tiếng ồn, tiếng la hét, sự căng thẳng làm tôi bức bối. Tôi đã có chồng, và tôi thậm chí không thể trở thành một người vợ bình thường ở đây. Tôi muốn thức dậy vào buổi sáng, chuẩn bị bữa sáng cho chồng - một tách cà phê, trứng, thịt muối, nước cam - trước khi ông ấy đi làm, tôi sẽ lau nhà, chăm sóc con, chuẩn bị một bữa tối và thức uống ngon lành hay bắt cứ thứ gì ông ấy muốn khi ông ấy về nhà. Ở đây, tôi thức dậy và chỉ có thể chuẩn bị cho ông ấy một tách cà phê

<sup>10</sup> Shaw (1991) khảo sát một số biểu hiện khác nhau của cảm giác không có được một cuộc sống “bình thường”, và cảm giác ngập tràn dấu hiệu bệnh tật là kết quả của điều đó, làm cho các bệnh nhân từng bị tâm thần khổ sở khi phải đối phó với những người bình thường hơn.

uống liền. Anh biết không, chỉ đơn dẹp căn hộ thì không hay gì, nhưng sau đó thì tôi không có gì khác để làm."

Terri xuất hiện hoàn toàn như một cá nhân, với những hành động và lời nói thể hiện rõ tính cách bản thân. Bà đã cố gắng hết sức để tạo ra một cách sống bình thường như bà mong đợi nhưng không thể duy trì trong bối cảnh giống như bị kiểm soát này. Thông qua hành động và từ ngữ của mình, chúng ta thấy được sự đấu tranh vô vọng của bà để tạo nên một không gian riêng như là một nơi trú ẩn khỏi các thế lực của cuộc sống đầy áp lực dễ làm cho người ta suy nhược.

Khi cố gắng hoàn tất các ghi chép, tác giả có thể dễ dàng sử dụng sự gán ghép thuận tiện ("một người chậm phát triển", "một người vô gia cư", "một người da đen/da trắng/châu Á", v.v.) thay vì quan sát kỹ diện mạo và hành vi thực sự của người đó. Tuy nhiên, việc tính cách hóa vội vã như vậy sẽ tạo ra một nhân vật khuôn mẫu sẵn có ở mức độ tốt nhất là chưa đầy đủ và ở mức độ xấu nhất thì là một khuôn mẫu tiêu cực. Chẳng hạn một sinh viên, khi miêu tả người ở một khu mua sắm, đã tính cách hóa một phụ nữ lớn tuổi như là một "bà già lang thang" sau khi nhận thấy bà ta lầm bầm một mình và lẩn mờ một cách đáng trí cái ví quá khổ đã sờn rách. Những phác họa gán ghép như vậy chỉ là một thể loại mờ nhạt và khép lại sự chú ý của tác giả đối với những chi tiết và hành động có liên quan khác.

Mặc dù nhà điền dã dân tộc học cố gắng tránh tính cách hóa con người bằng những khuôn mẫu sẵn có nhưng họ lại đưa vào những nhận xét và hành động của các thành viên một cách phiến diện hay có tính chế giễu người khác. Trích đoạn dưới đây miêu tả một sinh viên đã bắt chước những cử chỉ và điệu bộ điển hình của một người "cholo" Mỹ Latin và chế giễu trước các bạn cùng lớp:

Khi một người đàn ông da trắng và bạn anh ta bước đi, anh ta nói "ra khỏi nhà" [Ê! các bạn] bằng một giọng nhái tiếng Tây Ban Nha. Sau đó, anh ta cường điệu dáng đi của mình: anh ta thò đôi giày ra theo đường chéo, gấp khuỷu tay lại, và dựa ra sau... Một người đứng xem nói: "Đúng là trò hề".

Trong nhóm các thanh niên đang đùa giỡn này thì chính người thanh niên da trắng diễn trò châm biếm lố bịch một người "cholo" Latin. Nhà dân tộc

học cẩn trọng sẽ phân biệt được việc tính cách hóa các thành viên so với quan điểm của riêng họ bằng cách đưa ra các chi tiết đã bối cảnh hóa rõ ràng lời nói và hành vi như được thể hiện từ chính quan điểm của một thành viên.

Một nhà điền dã thường tính cách hóa chi tiết những người có vị trí trung tâm trong một khung cảnh. Mặc dù bức tranh đầy đủ về bất cứ ai cũng sẽ phát triển theo thời gian trong một loạt ghi chép điền dã, nhưng mỗi phần miêu tả lại thể hiện các chi tiết sống động và quan trọng cho thấy nhân vật chính có thể được hoàn chỉnh tối đa nhất thông qua diện mạo, điệu bộ, cử chỉ, từ ngữ và hành động. Ngược lại, nhân vật phụ có thể được đề cập tới chỉ đơn giản với một vài chi tiết cần thiết để có thể thấy được vai trò nhỏ của người đó trong bối cảnh hiện tại.

Có một số tiêu chí chi phối quyết định của nhà nghiên cứu thực địa về việc ai là trung tâm và ai là ngoại vi. Đầu tiên, mỗi quan tâm về lý thuyết của nhà nghiên cứu sẽ tập trung vào những người cụ thể. Chẳng hạn, những nhân vật chính trong nghiên cứu về làm việc nhóm thuộc “đội ngũ hỗ trợ” ở tòa án là thư ký và chấp hành viên tòa án, thay vì đoàn luật sư, nhân chứng, hay thẩm phán. Thứ hai, những chiến lược phương pháp luận cũng tập trung được sự chú ý của nhà điền dã. Chẳng hạn, chiến lược miêu tả một thế giới xã hội thông qua việc miêu tả những dạng thức tương tác nổi bật có thể giúp định hình quyết định của nhà điền dã tập trung vào một người vốn có thể là minh họa sống động và cụ thể cho dạng thức như vậy. Cuối cùng, nếu các thành viên trong một bối cảnh hướng đến một người thì người viết sẽ tập trung vào việc miêu tả sao cho người đó trở thành trung tâm. Ngược lại, những người thậm chí là nhân vật chính trong một cảnh sẽ có thể ít được nhà nghiên cứu thực địa chú ý nếu họ cũng ít được những người trong khung cảnh đó chú ý. Chẳng hạn, trong cảnh tập trung vào các sinh viên đứng nói chuyện ở sân trường vào giờ ăn trưa, “vị hiệu trưởng đi ngang qua sân và nhìn từ bên này sang bên kia” sẽ không được miêu tả nhiều nếu không ai chú ý đến ông ấy.

Vấn đề thực tế là, một cá nhân khi đã được biết rõ qua những đề mục trước đó sẽ không cần phải giới thiệu đầy đủ mỗi lần xuất hiện trong một khung cảnh nữa. Thậm chí đối với nhân vật chính, người ta cũng chỉ miêu tả những hành động và đặc điểm nào thích hợp với tương tác hiện

thời hay những điều mà trước đây chưa được nói tới. Nhưng tiếp xúc liên tục với mọi người sẽ giúp cho nhà nghiên cứu thực địa có nhiều nguồn hơn để có thể khắc họa nhân vật một cách phong phú và đầy đủ; hiểu biết nhiều hơn cho phép nhà nghiên cứu ghi chép và viết về các đặc tính khó phát hiện. Tuy nhiên, nhiều nhà dân tộc học thậm chí thường miêu tả các nhân vật chính chỉ dựa trên lần đầu gặp gỡ, giữ mãi tính cách đầu tiên dù cho sau đó biết nhiều hơn về nhân vật này. Vì thế chúng tôi đề nghị nhà dân tộc học hãy nghiên cứu thư thả từng giai đoạn để miêu tả và cố gắng nắm bắt dựa trên nội dung bài viết, cảm giác về các nhân vật chính mà giờ đây được biết đến như những người có đặc điểm duy nhất và những đặc tính cụ thể. Mỗi đề mục chỉ là một phần ghi chép và khi các ghi chép đã đầy đủ hơn, nhà điền dã chú ý là họ đã tập hợp đủ các quan sát để thể hiện một số người như là những cá nhân toàn diện (nhân vật "hoàn chỉnh"), số khác là những nhân vật ít được biết đến (những nhân vật "mờ nhạt") và một vài nhân vật kiểu như tài xế xe buýt hay cảnh sát ("các nhân vật khuôn mẫu sẵn có").

Nên đưa nhà dân tộc học vào các ghi chép điền dã như một nhân vật trong các tương tác. Sự hiện diện của nhà nghiên cứu, người đứng ngoài quan sát chỉ được chú ý đến khi cần xác định vị trí quan sát sự kiện. Nhưng nhà điền dã dân tộc học - vốn trực tiếp tham gia vào các hành động - sẽ trở thành một nhân vật liên quan đến ghi chép điền dã, đặc biệt là khi có một thành viên tương tác thực sự với họ. Thật vậy, một nhà nghiên cứu có thể hành động như một nhân vật trung tâm trong câu chuyện theo những cách không thể đoán trước. Họ có thể chuyển từ vị trí người quan sát bên ngoài thành người tham dự hoàn toàn vào những tương tác. Trong đoạn trích sau, các sinh viên trong lớp học của người khiếm thính khích nhau nói chuyện khi đang chơi một trò chơi có tính giáo dục. Nhà điền dã có vấn đề về nói lắp rõ ràng thông cảm với các học sinh hơn. Mặc dù bản chất là một người bên ngoài lớp học nhưng nhà điền dã đã trở thành một nhân vật quan trọng trong một góc độ:

Lynn cứ nói với Caesar là hãy trả lời bằng cách nói ra (thay vì bằng ngôn ngữ dấu hiệu). Người giáo viên nói: "Tốt lắm Lynn... Được rồi, Caesar, em cũng nên cố gắng nói ra các câu trả lời để mọi người có thể hiểu được em." Caesar nhìn sang tôi với một gương mặt nhỏ nhắn ứng đó và cúi gầm xuống bàn và cười

mim. Thầy giáo hỏi cậu ấy (trong khi chỉ sang tôi): "Có phải em sợ nói vì có người này ở đây không?" Lynn, Jackie và Caesar tắt cả đường như trả lời đồng loạt bằng dấu hiệu là cậu ấy sợ tôi nghe cậu ấy nói. Tôi nói với Caesar: "Em đừng sợ tôi nghĩ gì. Tôi cũng đã có thời gian học nói rất khó khăn."

Caesar dường như quan tâm đến lời tôi nói và chỉ một ngón tay vào tôi có tính chất dò hỏi. Người giáo viên nói: "Vậy, được rồi, em nói tốt lắm. Em không phải sợ người khác nghĩ gì về em. Chỉ cần nói một câu và chú ấy sẽ cho em biết chú ấy có hiểu em không."

Caesar lưỡng lự nói điều gì đó và sau đó nhìn tôi, đầu vẫn hơi cúi xuống và gương mặt vẫn đỏ. Một nụ cười e thẹn trên môi khi chờ tôi trả lời. Tôi không hiểu một từ nào và cảm thấy tuyệt vọng. Nếu chẳng may họ yêu cầu tôi lặp lại những gì cậu ấy vừa nói thì sao? Tôi trả lời: "Vâng, hay quá. Tôi hiểu cậu." Người giáo viên nhanh chóng quay sang Caesar và ra dấu riêng về câu trả lời của tôi, và nói luôn là cậu ấy không nên quá sợ hãi về những gì người khác nghĩ. Caesar nhìn tôi và mỉm cười. Trò chơi tiếp tục, Caesar bắt đầu trả lời cả bằng dấu hiệu và ngôn ngữ. Và tôi bắt đầu hiểu một số điều họ nói.

Rõ ràng, những kinh nghiệm trong quá khứ và hiện tại của nhà dân tộc học này đã đóng vai trò trung tâm trong cảnh này và những câu trả lời đầy sự đồng cảm của anh ta làm cho phần miêu tả phong phú thêm một cách cần thiết. Nếu nhà điền dã chỉ viết những ghi chép này mà không đưa bản thân mình vào - những tương tác và cảm nhận riêng của anh ta - thì cảnh miêu tả sẽ bị sai lệch rất nhiều.

Khi miêu tả sự tham gia của bản thân mình vào các bối cảnh, nhà nghiên cứu thực địa thường viết ở ngôi thứ nhất (xem Chương 4). Nếu người quan sát miêu tả sự việc ở ngôi thứ ba, nói đến bản thân bằng tên thì sẽ mất đi nhiều ý nghĩa:

Caesar lưỡng lự nói một điều gì đó và nhìn vào Paul, đầu của cậu ấy vẫn hơi cúi xuống và gương mặt vẫn còn đỏ. Một nụ cười e thẹn trên môi khi cậu ấy chờ đợi câu trả lời của anh... Anh ta trả lời: "Đó, được rồi. Tôi hiểu cậu." Người giáo viên nhanh chóng chuyển sang Caesar và ra dấu hiệu riêng cho câu trả lời của Paul và nói luôn là cậu ấy là không nên quá sợ về việc người khác nghĩ gì. Caesar nhìn Paul và mỉm cười. Trò chơi tiếp tục và Caesar bắt đầu trả lời bằng cả ngôn ngữ và dấu hiệu.

Trong phần ghi chép gốc, người viết thận trọng chú ý đến hành vi quan sát được của Caesar ("nhìn sang tôi với một gương mặt ứng đở", "cúi gầm xuống bàn, mỉm cười") và không đưa vào sự căng thẳng. Nhưng trong lời nói ở ngôi thứ ba, chúng ta mất đi phần quan trọng đó là nỗ lực để nói của Caesar. Nỗ lực này được truyền tải qua những nhận xét có tính chất đồng cảm và tự sự, "Tôi không hiểu nổi một từ..." và bằng việc quan sát chi tiết, "Và tôi bắt đầu hiểu một số điều họ đang nói". Thông qua sự quan sát cẩn thận của tác giả về những chi tiết hành vi và lời nói cũng như thông qua các cảm giác cá nhân, người đọc có thể cảm nhận được nỗi sợ hãi và sau đó là sự nhẹ nhõm khi nói ra và được người khác hiểu của Caesar.

Cuối cùng, cùng với việc viết ở ngôi thứ nhất, chúng tôi cũng khuyên các nhà dân tộc học sử dụng các động từ chủ động thay vì bị động. Một số nhà nghiên cứu sử dụng các động từ bị động vì họ nghĩ là cách viết này sẽ khiến cho bài viết của họ khách quan hơn (Booth, Colomb, và Williams, 2008). Tuy nhiên, nhà dân tộc học thích các động từ ở thể chủ động vì nó cho thấy mọi người hành động với nhau như thế nào để xây dựng thế giới xã hội của họ (Becker, 2007). Chẳng hạn, hãy xem xét việc mất đi những chi tiết quan trọng về sự tương tác giữa các chủ thể hành động trong cảnh lớp học ở trên nếu nhà dân tộc học sử dụng thể bị động thay vì thể chủ động.

Một điều gì đó được Caesar nói cho Paul, đầu của cậu ấy vẫn hơi cúi xuống và gương mặt vẫn còn đỏ. Trên môi nở một nụ cười khi cậu chờ đợi câu trả lời của anh ấy... Anh ta trả lời: "Đó, được rồi. Tôi hiểu cậu." Caesar được đưa ra một dấu hiệu thích hợp và được bảo là cậu ấy không nên quá sợ về những gì người khác nghĩ. Một nụ cười được cậu ấy nhận. Trò chơi được tiếp tục và các câu hỏi được trả lời bằng cả ngôn ngữ và dấu hiệu.

Việc sử dụng các động từ bị động làm mờ đi năng lực chủ thể của những người xuất hiện trong bối cảnh và cảm giác rõ ràng theo từng khoảnh khắc về việc ai đã làm gì với/cho ai mà nhà dân tộc học đã khắc họa rất hiệu quả trong đoạn trích ban đầu. Vì thế, chúng tôi khuyên là nên dùng các động từ chủ động để bài viết sống động, rõ ràng hơn, trực tiếp hơn về việc ai đang tham gia vào hoạt động, ý nghĩa mà những người khác trong bối cảnh gán cho nó, và làm thế nào họ dùng các ý nghĩa để định hình các tương tác sau đó.

## KẾ LẠI ĐỀ MỤC CỦA MỘT NGÀY: CÁC CHIẾN LƯỢC TỔ CHỨC

Khi lần đầu từ thực địa trở về bàn viết, nhà dân tộc học lo lắng về việc viết ra mọi thứ, viết một cách bộc phát, hối hả và rời rạc. Nhưng cùng lúc đó, để miêu tả các cảnh và hành động một cách có hiệu quả, cô ấy cần cân bằng giữa tốc độ và sự rõ ràng bằng cách sắp xếp phần viết của mình thành các *đơn vị viết* (units), tạo ra sự mạch lạc và đánh dấu phần bắt đầu và kết thúc. Trong khi một số nhà dân tộc học xem những đơn vị này là phần viết miêu tả (tương phản với viết phân tích), chúng tôi thấy việc thảo luận những đơn vị này như việc kể lại hay nhớ lại các trải nghiệm của ngày hôm đó là rất có ích. Bằng cách dựa vào các truyền thống kể chuyện, nhà dân tộc học có thể duy trì trí nhớ của mình bằng việc nhóm lại và sắp xếp trình tự các chi tiết và tương tác thành các đơn vị liên kết với nhau. Khi hình dung ra các tương tác quan sát được, như một chuỗi các thời điểm được kể, họ có thể dễ dàng duy trì ký ức đó như là một tổng thể hay đơn vị được nhận thức.

Có lẽ, đơn vị phổ biến nhất của việc ghi chép thường là đề mục của một ngày, đó là phần kể của nhà dân tộc học về các trải nghiệm và quan sát của ngày hôm đó trên thực địa. Cố gắng ghi chép đầy đủ tất cả các tương tác được nhớ lại trong khi không có điểm chốt hay chủ đề cụ thể nào trong đầu, nhà dân tộc học thuật lại các trải nghiệm của mình ở thực địa, rõ ràng phải dựa vào các quy ước kể chuyện. Theo nghĩa này, đề mục của một ngày là một câu chuyện có chương hồi với nhiều phần khác nhau - có lẽ kể về một sự tương tác, kế đến là chuyển tiếp sang một vị trí khác, giờ đây miêu tả một bối cảnh mới, rồi kể lại một đoạn khác của hành động - cứ tiếp tục như thế cho đến lúc hoàn tất công việc ở thực địa khi câu chuyện kết thúc. Trong cách kể chuyện tổng thể về đề mục của một ngày, nhà dân tộc học cũng có thể tạo ra các câu chuyện khác mà các trình tự được chú ý hơn việc các hành động và chương hồi được nối kết với nhau (xem Chương 4).

Đơn vị cơ bản nhất của đề mục trong một ngày là *đoạn văn*, được sử dụng một cách chặt chẽ để miêu tả một khoảnh khắc hay ý tưởng ngắn gọn. Theo truyền thống, một *đoạn văn* (paragraph) có kết cấu chặt chẽ do người

viết chỉ tập trung vào một ý tưởng hay sự hiểu biết.<sup>11</sup> Khi tác giả thấy được một số hành động như một dạng cấu trúc và tập trung vào chúng, anh ta viết lại thành một đoạn văn. Khi tiếp tục viết, tác giả cũng chuyển hướng tập trung từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc khác, chẳng hạn từ một người hay hành động này sang một người hay hành động khác trong lớp học. Những chuyển hướng nhẹ nhàng như vậy thường được thể hiện qua các ngắt đoạn.

Khi kể lại một đề mục, nhà dân tộc học làm việc với một số đơn vị tổ chức khác nhau dựa trên đoạn văn. Các phác họa và chương hồi có thể là những đoạn văn khác nhau, tạo ra các đơn vị lớn hơn về bối cảnh và tương tác chi tiết trong ghi chép điền dã của ngày hôm đó. Theo cách này, tác giả sắp xếp theo trình tự các khoảnh khắc một cách chặt chẽ - đó là những tương tác được nhớ lại và các bối cảnh cụ thể. Mặc dù những đơn vị hay những phân đoạn này không liên kết rõ ràng với nhau nhưng nhà nghiên cứu dân tộc có thể viết một số câu chuyển ý, tóm tắt ngắn gọn những gì đã xảy ra trong phần chuyển tiếp hay giải thích là anh ấy đã chuyển hướng tập trung sang quan sát hoạt động hay người khác.

### *Các phác họa*

Trong một phác họa, nhà điền dã, có một cảm giác ẩn tượng sống động, miêu tả một cảnh chủ yếu nhờ vào những hình ảnh chi tiết. Rất giống với việc chụp hình, trình tự của các hành động không có ảnh hưởng lớn. Thay vào đó, người viết, với tư cách là người quan sát từ xa, miêu tả những gì họ cảm nhận, tạm ngừng chốc lát khi kể lại hành động tạo ra một bức ảnh chụp nhanh miêu tả về một nhân vật hay một bối cảnh. Kết quả là, các phác họa có thể là các đoạn văn ngắn hay một vài câu trong phần kể tổng thể. Những bức ảnh chụp nhanh có tính chất tinh như vậy giúp định hướng người đọc tới những chi tiết liên quan trong bối cảnh mà các hành động diễn ra.

Dù thuật ngữ “phác họa” thể hiện một hình ảnh ẩn dụ nhưng dạng thức tổ chức viết này không nhất thiết chỉ dựa vào những chi tiết hình ảnh mà nó cũng có thể dựa vào những chi tiết âm thanh hay chuyển động đi kèm. Chẳng hạn, dù không xuất hiện nhưng khứu giác có thể là tiêu chí chủ

<sup>11</sup> Các chi tiết phân nhóm không chỉ khiến cho việc viết ra dễ dàng hơn, mà thói quen đánh dấu các phân đoạn cũng thúc đẩy việc đọc và hiểu các ghi chép điền dã sau này.

yếu để nhớ lại và truyền tải sự xuất sắc của một món đặc sản. Khi miêu tả con người, bối cảnh, đồ vật, và những điều giống như thế, tác giả phải khơi lên tất cả những cảnh giúp gợi nhớ lại khoảnh khắc khi họ nhận thức nó. Tuy nhiên, thị giác thường có vai trò nổi bật, đơn giản là do nhà điền dã quan sát từ xa nhằm đưa ra một cái nhìn khái quát về bối cảnh. Một phần có vai trò nổi trội là do ngôn ngữ tiếng Anh về thị giác có nhiều chi tiết và phát triển hơn so với những giác quan khác.<sup>12</sup> Vì thế, tác giả bài miêu tả dân tộc học có thể phải thật cẩn gắt để khơi gợi và viết về những hình ảnh mang tính cảm giác, không thể hình dung được.

Một phác họa điển hình là một phần tóm tắt tập hợp những chi tiết miêu tả về một bối cảnh, một cá nhân hay sự việc riêng biệt. Do phác họa chủ yếu có tính tinh nênnó thiếu cảm giác hành động theo trình tự (về cốt truyện) và bắt cứ sự tính cách hóa đầy đủ nào về một con người. Hãy xem phác họa dưới đây về một khu chợ đường phố của người Latin thể hiện một bức tranh cận cảnh về hành vi nhất thời của một nhân vật duy nhất ở gian hàng đồ chơi:

Một phụ nữ Latin lớn tuổi cúi xuống nhìn vào đống đồ chơi bày trên nền đất. Bà ta cầm đằng sau hai túi nhựa đựng cái gì đó mà bà dùng nó để giữ cân bằng khi cúi xuống. Bà chọn một vài món đồ chơi lần lượt từ nền đất, nhắc chúng lên cao khoảng vài chục centimet lật qua lật lại trên tay và sau đó đặt chúng xuống. Chỉ một lát là bà đứng thẳng lên và chậm chậm bước đi.

Sắp xếp các chi tiết thành một phác họa theo cách này cho phép tác giả có thể cảm nhận nhanh bối cảnh qua việc trình bày một bức tranh cận cảnh về sự tham gia của một nhân vật cụ thể trong đó.

Thông thường, các phác họa sẽ bối cảnh hóa những tương tác tiếp theo, đặt chúng vào một khung cảnh lớn hơn với các sự kiện hay sự việc, cho phép độc giả hình dung ra được bối cảnh hay những người tham gia có liên quan. Tuy nhiên, trong một số tình huống, những đề mục này có thể đứng

<sup>12</sup> Stoller (1989) cho là nhiều nhà dân tộc học, phản ánh văn hóa phương Tây của họ, chỉ quan tâm đến chi tiết thị giác mặc dù các thành viên có thể tham gia nhiều hơn vào những ấn tượng giác quan khác, chẳng hạn như khứu giác, âm thanh hay chuyển động. Ở khía cạnh này, các loại chi tiết giác quan nổi trội khác nhau từ nền văn hóa này sang nền văn hóa khác.

riêng như những đơn vị viết độc lập. Chẳng hạn, trong phác họa dưới đây, một tác giả khác miêu tả khung cảnh của trường trung học trong giờ ăn trưa, vắng lặng và yên bình, theo cách ghi nhận lại việc các học sinh đã tụ tập thành nhóm lại với nhau như thế nào:

Mặc dù trời lạnh và vẫn có gió nhưng có khoảng một trăm học sinh da đen tụ tập ở khoảng sân chính. Ở xa xa về phía bên trái, một thanh niên da đen thấp người mặc một cái áo khoác thể thao màu đen đang đập bóng lên xuống. Kế bên anh ta, có bảy thiếu nữ và hai thanh niên da đen đang ngồi trên ghế dài. Xa về phía bên phải là một nhóm tập trung khoảng ba mươi hay bốn mươi học sinh da đen. Tôi đếm có khoảng hai mươi người mặc các loại áo khoác thể thao khác nhau. Xa về phía đầu khoảng sân có một nhóm khác khoảng mười lăm học sinh đa phần là nữ. Ở cuối sân, xa về phía bên phải là một nhóm khác có khoảng hai mươi học sinh da đen với khoảng một nửa là nam, một nửa là nữ. Một số đang đứng trong khi số khác ngồi trên một bức tường bê tông thấp dựa vào hội trường. Phía bên phải nhóm đó, tôi chú ý có một thanh niên nghe máy nghe nhạc walkman màu vàng, đang tự nhún nhảy. Hai tay vung vẩy, đang kéo như thể trượt tuyết trong khi hai chân chạy tại chỗ.

Nhà điền dã này đặc biệt quan tâm đến mối quan hệ chủng tộc và muốn hiểu các học sinh giao du với nhau như thế nào, khi nào, ở đâu và với ai. Thậm chí khi không thể nghe hay thấy chính xác những gì các học sinh đang làm, anh ta vẫn có thể miêu tả những nhóm này theo kiểu chụp ảnh nhanh; mặc dù đoạn văn bao gồm những chi tiết hình ảnh và vận động nhưng nó lại tạo ra cảnh tượng như một cuộc sống tĩnh lặng hơn là một sự kiện trong đó những hành động có thể được xếp theo trình tự.

Nói chung, việc phác họa rất có ích khi tạo ra một cảm nhận chung về nơi chốn và con người, mà đôi lúc có vai trò là nền tảng cho những miêu tả ghi chép điền dã khác. Chẳng hạn các phác họa miêu tả về những người đang đứng xung quanh hay về một biểu hiện và điệu bộ của một người khi cô ấy nhìn vào người khác có thể cho thấy tính chất của các quan hệ xã hội ngay cả khi rõ ràng là có không ít sự kiện diễn ra.

### *Các chương hồi*

Khác với phác họa, vốn miêu tả một “cuộc sống tĩnh” ở một nơi chốn cụ thể, chương hồi kể lại hành động và chuyển động theo thời gian nhằm cho thấy

một lát cắt của cuộc sống. Trong một chương, tác giả tạo dựng một sự việc ngắn như những miêu tả ít nhiều thống nhất về một hành động hay tương tác tiếp diễn liên tục. Kết quả là, khi nhớ lại một sự việc ngắn và không có nhiều nhân vật, nhà dân tộc học thường viết lại phần hồi ức đó như một chương hồi khoảng một hay hai đoạn văn.<sup>13</sup>

Đoạn trích dưới đây về một chương hồi gồm có một đoạn văn trong đó tác giả miêu tả sự tương tác giữa hai học sinh vào đầu giờ học:

Một nữ học sinh da đen bước vào. Cô ấy mặc một cái áo khoác có hình chú chó con màu trắng, đeo mắt kính, mái tóc đen mượt và suôn. Cô ấy ngồi xuống bên phải tôi. Robert và một nam học sinh (cả hai đều da đen) bước vào và ngồi xuống. Họ ăn gà rán Kentucky lấy ra từ những cái hộp nhỏ màu trắng và đỏ. Bạn của Robert cứ tiếp tục đập vào cô học sinh da đen, cố gắng tát cô ta. Cô ấy cứ nói với anh ta bằng một giọng khó chịu là hãy để cô yên. Sau một lúc đôi co, người giáo viên da đen nói với cậu thanh niên đó: "Hãy để cô bé yên nào, anh bạn." Cậu ta trả lời cô Dubois với nụ cười nhăn nhó: "Đừng lo. Nó là em tôi." Cô gái trả lời: "Chhh", mắt liếc cậu thanh niên. Cậu ta quay trở lại và tiếp tục ăn gà.

Ở đây, những hành động của học sinh và giáo viên được trình bày theo trình tự, cái này là tiền đề cho cái kế tiếp; cô gái phản ứng lại cái tát của cậu thanh niên và người giáo viên phản ứng lại cậu thanh niên, v.v. Vì thế, những hành động này được nối kết và xuất hiện như một sự tương tác liên tục, tạo ra một chương hồi thống nhất.

Không phải mỗi chương hồi đều nhất thiết phải có một cao trào như đoạn trích ở trên. Nhiều chương hồi ghi chép điền dã thuật lại tóm tắt những hành động hằng ngày của một nhân vật. Thật vậy, trong nhiều đề mục, các nhà điền dã chỉ viết về những công việc bình thường. Như đoạn trích dưới đây chẳng hạn, nhà điền dã thuật lại cách các học sinh trong lớp học tiếng Anh như một ngoại ngữ thứ hai (ESL), làm việc với nhau để hoàn tất một hoạt động nhóm:

<sup>13</sup> Lederman (1990:84) nhấn mạnh các đơn vị chẳng hạn như "các sự kiện" có "tính tổng thể" rõ ràng đã khiến cho chúng là "những phương thức tốt để đi vào các ghi chép điền dã" và các đơn vị phân tích hữu ích trong tác phẩm dân tộc học của cô ấy. Người ta có thể viết ra một sự kiện bằng một đoạn văn ngắn gọn hay miêu tả nó đầy đủ hơn trong một câu chuyện.

Một nhóm gồm có sáu người: hai nữ sinh và một nam sinh Hàn Quốc, hai nam sinh Mexico và một nữ sinh Nga. Giống như những nhóm khác, họ xếp ghế thành một vòng tròn nhỏ để thực hiện bài tập được giao. Ishmael, cậu nam sinh người Mexico, giữ mảnh giấy viết câu hỏi trong tay và đọc cho cả nhóm nghe: "Hãy liệt kê năm điều mà bạn có thể làm trong một cuộc hẹn với 10 đô la ở Los Angeles." (Tiếng Anh của cậu ấy nặng nề với giọng Mexico nhưng mọi người vẫn có thể hiểu.) Tay chống xuống bàn, nhìn thẳng vào nhóm và nói: "Thế nào?" Cậu ấy quan sát họ một lát; sau đó đề nghị có thể trả lời là đi uống cà phê ở quán Hard Rock Café. Mọi người đồng ý bằng cách gật đầu. Ishmael một lần nữa chờ ý kiến khác của nhóm. Cậu thanh niên Mexico kia đề nghị là "đi ra biển chơi" và cô gái người Nga thì nói "đi trượt patanh đi". Nhóm Hàn Quốc gật đầu nhưng không có đề nghị gì khác (Tôi nghĩ là Ishmael chờ những người khác trả lời cho dù dường như cậu ấy đã biết trước các câu trả lời.)

Khi miêu tả cảnh lớp học này, nhà điền dã đã viết một loạt những chương hồi dài sáu trang giấy miêu tả những việc xuất hiện trong giờ học đó. Vì thế, cô ấy đã có thể trình bày được cùng một lúc nhiều nhóm nhỏ đang thực hiện các hành động khác nhau. Các chương hồi có liên quan với nhau chỉ vì chúng xảy ra trong cùng một lớp học tại cùng một thời gian. Các nhà điền dã dân tộc học thường viết ra những hành động đồng thời như vậy, được nối kết lỏng lẻo về không gian và thời gian, như một loạt các chương hồi riêng biệt.

Do các chương hồi trình bày hành động tiến triển theo thời gian, vì thế tác giả nên định hướng độc giả với những bước chuyển về thời gian, nơi chốn và con người khi hành động diễn ra, đặc biệt trong những cảnh dài hơn hay cảnh không có những hành động được liên kết rõ ràng với nhau. Các tác giả sắp xếp trình tự hành động theo một trật tự (chẳng hạn như, thứ nhất, thứ hai, thứ ba) và đánh dấu sự thay đổi trong hành động bằng những từ chuyển ý (ví dụ: bây giờ, sau đó, kế tiếp, rồi sau đó, buổi sáng tiếp theo). Họ cũng định vị hành động bằng những từ đánh dấu tình huống (ví dụ: ở đây, ở đó, bên kia, đằng sau). Trong đoạn trích sau đây, một người đang nghiên cứu cách chữa trị bệnh tâm thần ngoại trú liên kết với các hành động bằng những cụm từ chuyển ý ("khi anh ta tiếp tục nói") và những từ chuyển ý ("sau đó," "khi mà"):

Tôi ngồi xuống băng ghế dài ở giữa khán phòng. Và khi tôi ngồi đợi xem có gì đáng để chú ý không thì tôi nghe vị giám đốc quát: "Cởi quần áo ra tắm đi!". khi ông ta đóng sập cửa phòng tắm lại... Đứng ngoài cửa phòng tắm, vị giám đốc nói chuyện với Roberta, một nhân viên có nhiệm vụ chăm sóc bệnh nhân. Sau đó, Karen tiến về phía họ cùng với búp bê Smurf [một nhân vật phim hoạt hình - ND] dơ bẩn, nhỏ bé mà cô ta tìm thấy bên ngoài. "Nhìn nè, dễ thương chưa, hôn đi," cô ta nói với vị giám đốc nhưng ông ta không chú ý gì đến. Ông ấy tiếp tục nói chuyện với Roberta, ông liếc xéo qua và chú ý là tôi đang quan sát họ. Khi hai ánh mắt gặp nhau, ông ta giơ hai tay về phía Karen và đòi ôm, Karen vẫn lối rụt rè như thường lệ, cười khúc khích đáp lại cái ôm đó.

Trong chương hồi này, tác giả tập trung vào sự chuyển động - ngồi, đóng sập cửa, tiến đến, liếc nhìn, mở - xen lẫn với lời nói: "Vị giám đốc quát, 'Cởi quần áo ra tắm đi!'" Khi quan sát và tường thuật lại các hành động, nhà điền dã dân tộc học vốn quan tâm đến các tương tác xã hội đã xem hành động và lời nói như những đặc điểm có liên quan với những gì người ta "làm". Họ viết về "lời nói" như một phần hành động của con người.

Nhà dân tộc học thường viết theo kiểu chương hồi hơn là các đề mục mở rộng bởi vì họ không thể đi theo một chuỗi hành động và biết tất cả kết quả trong vòng một ngày. Họ có thể viết một chương hồi về một tương tác đơn giản là vì nó có liên quan đến chủ đề họ quan tâm. Họ thường viết mà không biết là liệu phần ghi chép điền dã đó có quan trọng với quá trình phân tích đầy đủ sau này hay không. Tuy nhiên, viết các chương hồi này theo thời gian sẽ giúp cho nhà dân tộc học tìm thấy các dạng thức hành vi và sự kết nối giữa hành động của mọi người thông qua các ghi chép điền dã khác nhau.

Nhiều chương hồi ghi chép điền dã đứng riêng rẽ, ít gắn kết với những cái khác. Đặc biệt trong các đề mục đầu tiên được sắp xếp như các phần kể về hoạt động và quan sát của nhà nghiên cứu cho ngày hôm đó thì *các tóm tắt chuyển ý* có thể liên kết các chương hồi khác nhau. Tóm tắt chuyển ý là phần kết nối ngắn gọn giữa các chương hồi chi tiết giúp cho người đọc có thể hiểu làm thế nào một nhà dân tộc học chuyển từ một sự kiện hay chương hồi này sang một sự kiện hay chương hồi khác. Chẳng hạn như làm thế nào nhà dân tộc học chuyển từ văn phòng trường học đến lớp học, ngừng chốc lát ở phòng tắm có thể được ghi chép theo kiểu tóm tắt nếu có

nhu cầu muốn tiếp tục. Dĩ nhiên, nếu có điều gì thú vị xuất hiện trong khi đang di chuyển - một sinh viên chặn cô ta lại để nói về một cuộc đánh lộn trong trường - thì nên viết các ghi chép chi tiết.

## CÁC CÁCH VIẾT PHÂN TÍCH TRONG TIỀN TRÌNH: NHẬN XÉT NGẦU NHIÊN VÀ BÌNH LUẬN

Khi nhà nghiên cứu thực địa dần thân vào địa bàn nghiên cứu, họ chắc chắn sẽ bắt đầu xem xét và diễn giải những gì đã trải nghiệm và quan sát được. Viết các ghi chép điền dã sẽ làm tăng thêm sự chú trọng tới các quá trình diễn giải và phân tích này; viết ra các quan sát của một ngày tại thực địa sẽ tạo ra sự đánh giá mới và sự hiểu biết sâu sắc về các bối cảnh và sự việc đã chứng kiến. Khi viết, nhà nghiên cứu thực địa cảm nhận một cách sâu sắc và qua đó bắt đầu hiểu được trải nghiệm. Cô ấy hiểu về khoảng thời gian đó thông qua việc chọn lựa, nhấn mạnh, và sắp xếp theo trực giác các chi tiết, và qua việc bắt đầu đánh giá cao những mối liên hệ hay sự tương phản với những trải nghiệm quan sát được và phần ghi chép trước đó. Ngoài ra, cô ấy có thể suy nghĩ về việc thể hiện và sắp xếp các sự kiện và hành động trong các ghi chép của mình như thế nào, đọc lại những chương hồi và câu chuyện được chọn và chú ý đến những tác động cấu trúc của chúng.

Để nắm bắt những suy ngẫm, suy nghĩ và sự hiểu biết này đồng thời chuẩn bị sẵn sàng cho việc tư duy và phân tích sâu hơn, nhà nghiên cứu thực địa sử dụng một số cách phân tích hoàn toàn tương phản với cách viết miêu tả mà chúng ta đã tập trung cho đến lúc này. Kết quả của cách viết như vậy là nhà nghiên cứu có thể đưa ra một cái nhìn thăm dò cho việc quan sát và cách viết miêu tả sau này và kết quả là miêu tả của họ trở nên được chọn lọc và sâu sắc hơn.

Các hình thức trực tiếp nhất của cách viết phân tích là nhận xét ngẫu nhiên và bình luận, các phần viết có tính diễn giải được viết ra khi nhà dân tộc học tích cực ghi chép điền dã.<sup>14</sup> Nhận xét ngẫu nhiên và bình luận bao

<sup>14</sup> Schatzman và Strauss (1973:99-101) khuyến khích nên đặt cho mỗi phần ghi chép điền dã một cái nhãn ban đầu, hoặc là “Các ghi chú có tính quan sát” (ON), “Các ghi chú có tính lý thuyết” (TN), hay “Các ghi chú có tính phương pháp” (MN). Nhiều nhà nghiên

gồm các câu hỏi, ý tưởng hay phản ứng ngắn được nhà nghiên cứu viết vào trong khối ghi chép khi anh ấy nhớ lại và viết ra giấy các chi tiết của một sự việc hay một sự quan sát cụ thể (Chúng ta sẽ xem xét một hình thức phân tích bước đầu phức tạp hơn, đó là các ghi nhớ trong quá trình ở Chương 4). Ranh giới giữa hình thức viết ngẫu nhiên, bình luận và ghi nhớ trong quá trình thường mờ nhạt; chúng tôi đưa ra như những công cụ tự tìm tòi có thể giúp cho nhà nghiên cứu trở nên nhạy cảm hơn với việc tập trung trong chốc lát hay lâu dài khi viết phân tích trong lúc vẫn đang tích cực viết các ghi chép điền dã.

*Nhận xét ngẫu nhiên* là những mẫu phân tích ngắn gọn, có tính phản ánh làm rõ, giải thích, diễn giải hay đưa ra những câu hỏi súc tích về một sự việc cụ thể đang xảy ra hay quá trình được miêu tả trong một ghi chép điền dã. Nhà điền dã ghi nhanh những nhận xét ngẫu nhiên khi đang viết miêu tả, dành một khoảng thời gian để tự mình suy ngẫm về điều gì đó họ vừa kể lại trên giấy, và sau đó quay lại ngay lập tức với công việc miêu tả. Những ghi chú này có thể được đưa vào những đoạn miêu tả và bắt đầu bằng dấu ngoặc đơn. Trong ví dụ dưới đây, nhà dân tộc học sử dụng một ghi chép ngẫu nhiên có tính cá nhân để diễn tả lại cảm giác khó chịu khi bị người khác quan sát:

Tôi quay đi, ra khỏi văn phòng, và gặp phải một người phụ nữ có mái tóc hoe vàng đang mỉm cười. (Tôi không thể rũ bỏ cảm giác là cô ấy nhìn chằm chằm vào tôi). “Tôi sẽ gặp cô vào thứ sáu”, tôi nói với cô ấy khi tôi đi ngang qua và ra khỏi cửa trước.

Nhà điền dã thường viết các nhận xét ngẫu nhiên chi tiết hơn, dài vài câu, được khơi nguồn từ những ghi chép nhanh và gắn chặt với những sự kiện hay cảnh tượng được miêu tả trong phần viết đó. Trong ghi chép điền dã dưới đây, nhà điền dã miêu tả khoảnh khắc trong ngày đầu tiên của mình ở trung tâm tư vấn tâm lý không cần hẹn trước, và sau đó miêu tả lại trải nghiệm đó trong một nhận xét ngẫu nhiên mở rộng hơn:

---

cứu thực địa cảm thấy quy trình này hữu ích trong việc đánh dấu những đoạn chuyển khi viết tập trung và chăm chú. Chúng tôi thường tránh sử dụng những nhãn này bởi vì chúng tôi nghĩ sự phân biệt này không chỉ có vấn đề về lý thuyết mà trên thực tế rất khó áp dụng trong một số trường hợp.

Bước lên cầu thang đến văn phòng trung tâm, tôi để ý thấy hầu như mỗi bước chân đi đều kêu cót két hay rền rì. Ở cuối cầu thang có một cái giá treo áo khoác bằng gỗ thông đã cũ, chất chồng đống áo khoác. Phía sau nó là một cái bảng tin có nhiều tờ bướm với các thông tin về các tổ chức và dịch vụ đủ loại (Nghỉ đến cảnh khi leo lên những bậc thang đó, tôi nghĩ nếu tôi là một bệnh nhân bị khủng hoảng, quẫn trí, tôi sẽ thấy rất khó khăn để tìm được thông tin hữu ích trong đống hỗn độn, vô tổ chức đó.)

Khi đưa ra “cảm giác sống động” của bản thân về văn phòng, người sinh viên miêu tả cảm giác của bản thân về không gian địa lý cho phép người khác có thể cảm nhận được nét khác biệt của nó. Các nhận xét ngẫu nhiên còn có thể được sử dụng để giải thích những sự việc không rõ ràng, hay đưa ra một hình thức suy nghĩ cá nhân hoặc nhận xét có tính chất diễn giải về một vấn đề vừa mới được xem xét. Nhà điền dã thường sử dụng những nhận xét ngẫu nhiên để truyền tải “cảm giác” rõ ràng hay cảm xúc của họ về các sự kiện; đưa những nhận xét này vào các dạng nhận xét ngẫu nhiên sẽ làm cho chúng tách biệt với phần giải thích miêu tả.

Nhà dân tộc học cũng có thể sử dụng các nhận xét ngẫu nhiên ngắn để đưa ra những linh cảm khi chưa hiểu rõ ý nghĩa của một sự việc đối với các thành viên hay chỉ mới dừng ở mức suy luận. Trong đoạn trích dưới đây, nhà dân tộc học đặt các câu hỏi về ý nghĩa và nội dung của một câu chuyện xảy ra ở cửa hàng thực phẩm cho người nghèo, trong đó một người đi chọn thức ăn đã từ chối việc bỏ món đồ được đưa vào xe đầy hàng chứa đầy thức ăn đã được chọn lựa:

Cô ấy cầm trong tay một gói thịt gà tây viền đồng lạnh và nói là cô ấy không lấy vì đã hết hạn sử dụng. Rõ ràng là các viên thịt gà đã hết hạn cách đây hai ngày và cô ấy nói là không thích đem hàng hết hạn về nhà (Tại sao lại nhẫn nại “nhà của tôi?” Tự trọng? Có phải là nếu cô ấy lấy gói thịt viền đã hết hạn sử dụng bằng cách này hay cách khác cô đã chấp nhận món hàng thừa? Việc cô không phải trả tiền đầy đủ không có nghĩa là cô không thể nhận được thực phẩm có chất lượng trung bình?)

Sử dụng câu hỏi trong nhận xét ngẫu nhiên ngắn này sẽ thể hiện ý nghĩa có thể có của câu chuyện, giúp nhà dân tộc học tránh được các kết luận thiếu

chín chắn hay vô căn cứ. Nhận xét ngẫu nhiên này cũng đánh dấu tầm quan trọng của sự việc, nhắc nhở cô ấy tìm thêm các ví dụ giúp làm rõ và đào sâu hiểu biết của mình về các ví dụ tương tự hay tương phản với nó.

*Bình luận* là suy nghĩ chi tiết hơn về một sự kiện, vấn đề cụ thể nào đó hoặc về các trải nghiệm và ghi chép điền dã của một ngày. Các bình luận tập trung vào loại đầu tiên [sự kiện hay vấn đề - ND] được đặt ngay sau phần ghi chép điền dã về sự kiện hay vấn đề đó trong một đoạn văn riêng và được cho vào ngoặc đơn. Đoạn văn bình luận tóm tắt về loại thứ hai [trải nghiệm và ghi chép điền dã - ND] là kết luận cho mỗi phần ghi chép điền dã, suy nghĩ, nêu lên vấn đề và các câu hỏi về phần quan sát của ngày hôm đó. Cả hai dạng bình luận bao gồm việc chuyển sự chú ý từ những sự kiện ở thực địa sang độc giả được hình dung như có mối quan tâm về những sự việc mà nhà điền dã đã quan sát được và viết ra. Mặt khác, khác với ghi chép điền dã miêu tả, các bình luận có thể tìm hiểu những vấn đề về sự dân thân hay phản ứng cảm xúc về những sự kiện ở địa bàn, tiếp tục thăm dò các mối liên hệ khả dĩ với các sự kiện khác, hay đưa ra những diễn giải tạm thời. Đưa bình luận vào đoạn văn riêng giúp tránh được việc viết các chi tiết như những bằng chứng cho những thể loại hay diễn giải tiên kiến.

Các bình luận tập trung có thể nêu ra những vấn đề về thuật ngữ và sự kiện có ý nghĩa với các thành viên, tạo ra kết nối ban đầu giữa sự quan sát hiện thời với các ghi chép điền dã trước đó, đưa ra các thời điểm hay nơi chốn để quan sát tiếp, như trong đoạn trích sau:

M gọi với Richard. Anh ta nói, “Lại đây nào, Homey bé nhỏ.” Richard bước tới và ngồi gần lại M. Anh ta hỏi Richard về điều mà Richard đã nói trước đó (Tôi không thể nghe được hết)... điều gì đó về cử tạ. Richard đáp lại: “Ô, tôi có thể nói về nó hàng giờ...” M hỏi Richard có nơi nào anh ta có thể tập cử tạ trong trường không. Richard nói có một phòng nâng tạ, nhưng chỉ có “tui bóng rổ” (hoops) mới được sử dụng nó ngày hôm nay. Sau đó, M hỏi Richard “hoops” nghĩa là gì. Richard trả lời là “hoops” là bóng rổ. (Có phải từ *homey*, có thể xuất phát từ *homeboy* (cậu bé nhà lành), một người khiêm nhường (down) hay tuyệt vời (cool) so với người khác? Đôi với tôi thì có vẻ M, người rõ ràng là không biết Richard, muốn nói chuyện với anh ta. Để làm được như vậy, anh ta có gắng làm cho Richard nghĩ anh ta là một người chơi được (cool)? “Homey” được dùng cho bất cứ dân tộc nào... Tương tác của họ dường như được sếp xếp để tập

trung vào mối quan tâm đến hoạt động chung là cử tạ. Đánh giá kích cỡ thì cơ bắp của M khá vượt trội.)

Nhà điền dã này chú ý đến cách người da đen sử dụng từ “cool” and “down” để nói đến việc đưa những người không phải da đen vào nhóm của họ. Trong bình luận này, nhà điền dã thể hiện những thuật ngữ khác cũng được đưa vào trong nhóm.

Các bình luận có thể được tập trung lại để tạo ra một loạt các hoạt động, trải nghiệm và phản ứng của riêng nhà điền dã khi đi thực địa, cả trong giai đoạn quan sát tham dự và giai đoạn viết. Một nhà nghiên cứu, học việc trong một cơ quan dịch vụ xã hội, sau khi miêu tả sự việc xảy ra giữa các nhân viên, đã viết bình luận sau đây như một cột mốc quan trọng trong mối quan hệ với các nhân viên:

Bước vào nhà bếp, nơi các nhân viên thường đến trao đổi trò chuyện riêng, tôi bắt đầu chuẩn bị bữa trưa của mình. Ngay sau đó, một vài nhân viên đi vào, họ bắt đầu nói chuyện với nhau. Tôi đứng ngượng nghịch lúng túng, không biết làm gì cả. Tôi chỉ nói một chút cho đến khi D, vị giám đốc, hỏi với giọng kịch tính điển hình của cô ấy đủ lớn để mọi người có thể nghe: “Đoán xem A (một nhân viên cũng có mặt ở đó) làm sinh nhật ở đâu?” Căn phòng im lặng. Quay về phía cô ấy, tôi nhận ra là cô ấy đang nói với tôi. “Ở đâu?” Tôi hỏi, hơi ngạc nhiên là cô ấy đang nói chuyện với tôi. “Tôi công viên Hershey!” cô ấy thốt ra. Tôi nói “Thật không!” và cảm thấy bối rối, tôi bắt đầu cười. D thốt ra “Yeah”, “Cô ấy chuẩn bị những cá nhân vào sô cô la để R (người yêu) có thể ăn cô ấy!” Căn phòng tràn ngập tiếng cười, và tôi, cũng cười khúc khích.

(Với sự việc đó, khi nhóm giải tán, tôi quay trở lại bàn làm việc, tôi bắt đầu cảm thấy đây là lần đầu tiên tôi tham gia tích cực vào một trong những cuộc tụ tập của họ ở nhà bếp. Trải nghiệm này làm tôi tin mình không còn bị xem là người ngoài cuộc nữa. Tôi cố gắng suy nghĩ xem làm thế nào để thuộc về nơi này và điều chắc chắn là phải tham dự vào những buổi tụ tập thỉnh thoảng được tổ chức ở nhà bếp chứ không phải xuất hiện ở những sự kiện lớn nào khác.)

Trong bình luận này, nhà nghiên cứu không chỉ tường thuật lại cảm giác được chấp nhận ngày càng tăng trong cảnh này mà còn phản ánh tầm quan trọng của “những buổi tụ tập” thân mật, đôi lúc hài hước để tạo ra cảm giác thân thuộc trong tổ chức.

Khi viết một bình luận tóm tắt, nhà điền dã đôi lúc ngừng lại để nghĩ về các trải nghiệm của ngày hôm đó, lựa chọn vấn đề quan trọng nhất, đáng nhớ hay khó hiểu nhất để nêu ra và thăm dò nhanh. Ở đây, nhà điền dã dân tộc học cảm thấy rất hữu ích khi tự hỏi các câu hỏi sau: Mình đã biết được điều gì trong ngày hôm nay? Mình đã quan sát được điều gì đặc biệt thú vị hay quan trọng? Điều gì làm mình cảm thấy khó hiểu hay chưa chắc chắn? Sự việc diễn ra hôm nay tương tự hay khác biệt so với những gì mình đã quan sát trước đó? Trong đoạn trích sau đây, nhà dân tộc học sử dụng phần bình luận vào cuối ngày thực địa để thể hiện sự hiểu biết về các tương tác giữa người lao động công nhặt chủ yếu nói tiếng Tây Ban Nha với người chủ trong nỗ lực có được công việc.

Tiếng Anh dường như là một năng lực quan trọng để có được việc làm, nhưng thú vị hơn nữa là *đó* *tưởng* *biết* *tiếng* *Anh* vì mặc dù Jorge không nói được tiếng Anh nhưng anh ấy vẫn cố gắng thể hiện với người chủ như thế anh ta biết [tiếng Anh] để tăng cơ hội được thuê làm. Người chủ đang tìm thuê lao động công nhặt có giấy phép. Tuy nhiên, đa số lao động công nhặt đều mang tiếng là không đăng ký nhập cư, nhưng chủ thuê lao động lại biết nhiều người có đăng ký... Jorge tin là khi không đăng ký, các chủ thuê sẽ lấy Sở Nhập cư ra đe dọa họ. Jorge dường như đang bất đồng với động thái này vì là một người có giấy tờ đăng ký, anh ta được giao trách nhiệm [bởi người chủ] thông báo cho những ai không đăng ký. Và do có giấy tờ, anh ta dường như có cảm giác được phép [làm việc] vì có vị trí hợp pháp.

Nhà dân tộc học viết bình luận trong ngày dựa trên sự hiểu biết ngày càng tăng về các chiến lược sử dụng kỹ năng của các lao động công nhặt mà chủ lao động mong muốn để cạnh tranh việc làm lẫn nhau, và cảm giác của người lao động công nhặt về việc đó là địa vị hợp pháp cùng với quyền được làm việc.

Các bình luận tóm tắt cũng có ích khi so sánh và tương phản các sự việc xuất hiện cùng một ngày hay trước đó trong trải nghiệm điền dã. Trong bình luận sau đây, nhà dân tộc học so sánh hai sự việc xuất hiện trong phần quan sát của ngày hôm đó để hiểu thêm các tương tác giữa cha mẹ và con cái trong bối cảnh công cộng, ở trường hợp này là cửa hàng tạp hóa:

Cả hai sự việc này giúp minh họa cho việc hai phụ huynh đã chọn cách đối xử với con mình như thế nào trong bối cảnh công cộng. Cả hai đứa trẻ đều thể hiện thái độ “mè nheo” theo hai cách khác nhau: đứa đầu thể hiện sự không bằng lòng khi bị bắt đi mua sắm trong khi cậu ấy thích ở nhà hơn và đứa trẻ thứ hai đòi mua đồ trong cửa hàng quen biết. Trong cả hai trường hợp, các bà mẹ cố gắng phớt lờ con mình đi với hy vọng là chúng sẽ nhận ra đây là nơi công cộng và cuối cùng sẽ thôi ngay hành vi của mình. Tuy nhiên, không phải như vậy. Tôi tin là khi các bà mẹ biết họ đang ở địa điểm nơi mà các tác động bên ngoài (chẳng hạn như giới hạn trong cách họ kiểm soát con mình ở bối cảnh cửa hàng công cộng) ảnh hưởng đến khả năng trừng phạt hành vi của con họ, bọn trẻ cũng biết chuyện này. Tất cả chỉ là giả thuyết nhưng bọn trẻ dường như cũng biết chúng có thể tiếp tục mè nheo vì biết cha mẹ không thể phạt mình ở nơi công cộng. Phản ứng “không thể tin được” của người mẹ thứ nhất đối với con trai của mình là một chỉ báo cho thấy bà ấy biết rõ các bối phận làm mẹ đã bị giới hạn khi cân nhắc đến môi trường này và các lực tác động trong đó.

Nhà dân tộc học sử dụng phần bình luận để đưa ra các dạng thức tương tác giữa cha mẹ và con cái có thể có ở nơi công cộng, nên tránh “diễn giải quá mức” và đưa ra kết luận quá nhanh dựa vào những ý nghĩa cô ấy đã gán cho hai ví dụ. Sự hiểu biết có được từ những sự việc này có thể gợi ý về nơi diễn ra nghiên cứu và so sánh.

Cuối cùng, các bình luận tóm tắt hằng ngày có thể xác định được vấn đề phát sinh khi đang ghi chép điền dã và đưa ra các bước thực hiện có tính phương pháp luận thực tiễn để khám phá vấn đề này trong những quan sát tiếp theo. Thật vậy, sẽ rất có ích khi đặt câu hỏi: mình cần biết gì thêm sau một vấn đề hay một sự kiện cụ thể? Đặt những câu hỏi như vậy đã giúp nhà nghiên cứu ở nhà mở dành cho phụ nữ bị ngược đãi xác định được khoảng trống trong hiểu biết của mình về việc làm thế nào các nhân viên nhín nhận và hoàn thành công việc của họ:

Mục đích các nhân viên đã nói từ trước đến giờ đó là “truyền tải sự quan tâm tích cực vô điều kiện” đến các khách hàng và “làm tăng lòng tự trọng của họ” dường như khá mơ hồ. Làm thế nào các nhân viên biết họ đã đạt được sự quan tâm tích cực vô điều kiện? Có phải nó được dựa trên sự tương tác của họ với khách hàng hay bằng việc kiểm chế đánh giá hoặc chỉ trích họ trong các cuộc họp của nhân viên? Tôi sẽ cố gắng tìm hiểu xem làm thế nào họ xác định và có

gắng đạt được mục tiêu “làm tăng lòng tự trọng của một phụ nữ.” Rõ ràng là mục tiêu này không thể được xem là đã đạt được khi phụ nữ không còn bị ngược đãi. Nếu việc bỏ người chồng ngược đãi là chỉ báo quan trọng cho việc đạt được lòng tự trọng như đã nêu ra, tổ chức sẽ thất bại vì đa số các phụ nữ đều quay trở lại với mối quan hệ bị ngược đãi của họ. Tuy nhiên, khi tôi dường như biết được điều làm tăng lòng tự trọng thì lại không phải như thế.

Trong loạt nhận xét và câu hỏi này, nhà điền dã xác định được hai vấn đề mà các nhân viên nhà mở nhẫn mạnh là mục tiêu trong mối quan hệ của họ với khách hàng: “truyền tải sự quan tâm tích cực vô điều kiện” và gia tăng “lòng tự trọng” của khách hàng. Sau đó, cô ấy xem xét việc mình có thể tìm hiểu xem các chính sách/giá trị chung này được thực hiện như thế nào và làm sao đánh giá được rằng chúng thành công hay thất bại trong các mối tương tác ở khu nhà mở. Những câu hỏi và trả lời thử nghiệm này giúp tập trung sự chú ý của nhà dân tộc học, tập trung và định hướng các quan sát và phân tích trong tương lai.

## SUY NGÂM: CÁC PHƯƠNG THỨC “VIẾT” VÀ “ĐỌC”

Ban đầu, việc xem ghi chép điền dã như các phần miêu tả làm chúng ta nghĩ đến một quá trình viết đơn giản và dễ thực hiện. Nhưng khi chúng ta nhận ra rằng miêu tả không chỉ bao gồm sự tương tác qua lại giữa phần được viết và những gì đang diễn ra thì việc viết ghi chép điền dã sẽ có nhiều vấn đề phức tạp và rắc rối hơn. Các miêu tả dựa trên sự tham gia của người quan sát/người viết vào bối cảnh nhưng không có chuyện hai người tham dự và trải nghiệm cùng một bối cảnh sẽ theo cùng một cách giống nhau. Ngoài ra, sự kiện đang diễn ra luôn phong phú hơn những gì nhà điền dã chú ý đến, và không thể ghi lại được tất cả. Miêu tả phải bao gồm các lý thuyết, mục đích, mối quan tâm và quan điểm khác nhau. Vì thế, ghi chép điền dã bao gồm các miêu tả hơi giống với một loạt câu chuyện miêu tả các lát cắt của cuộc sống với những chi tiết sống động hơn là một bản dịch đầy đủ, hay khách quan.<sup>15</sup>

<sup>15</sup> Mặc dù không tập trung cụ thể vào các ghi chép điền dã, nhưng Wolf (1992) đã đưa ra một minh họa có tính khơi gợi về sự biến đổi tiềm năng trong việc làm thế nào tác phẩm

Tuy nhiên, nhà điền dã dân tộc học cần tránh bị lôi cuốn vào những miêu tả ghi chép điền dã phức tạp trong khi đang thực hiện các ghi chép điền dã. Đầu tiên, họ phải làm việc theo một *phương thức viết*, viết ra giấy những gì đã thấy và nghe được thành từ ngữ càng nhanh và hiệu quả càng tốt. Trong phương thức tạo ra văn bản này, nhà dân tộc học cố gắng “viết lại” chính xác và hoàn chỉnh nhất có thể, tránh suy nghĩ quá nhiều trong quá trình viết. Nhà nghiên cứu ở gần những sự kiện đang nghiên cứu, gợi lại sự phản khích của bản thân về những sự kiện này, tiến hành nhiệm vụ ghi chép lại trước khi trí nhớ phai mờ đi. Nhà dân tộc học đang viết cố gắng “nắm bắt những gì đang diễn ra ngoài đó” hay chính xác hơn, xây dựng văn bản chi tiết về những quan sát và trải nghiệm của bản thân về cái gì “ở ngoài đó”. Ở thời điểm này, suy nghĩ quá nhiều sẽ khiến họ bị phân tâm hay thậm chí bị gián đoạn; họ phải cố gắng viết mà không cần biên tập, để miêu tả chi tiết mà không phải lo lắng về việc đưa vào những phân tích và liên kết, để miêu tả những gì đã xảy ra mà không cần suy nghĩ quá nhiều.

Chỉ sau đó, khi đã thực sự có được bản ghi chép thì nhà nghiên cứu mới có thể quay lại và bắt đầu xem xét những điều phức tạp trong miêu tả điền dã; chỉ với những ghi chép thật chi tiết thì nhà điền dã mới có thể dùng *phương thức đọc* và bắt đầu suy ngẫm làm thế nào để biết những văn bản này, sản phẩm của chính anh ta, thường là tiềm ẩn về việc quyết định tham dự và miêu tả các sự kiện như thế nào. Vậy, chỉ khi có những ghi chú đầy đủ trong tay thì mới thấy ý nghĩa khi xem những phần viết này như những văn bản - là sản phẩm mang phong cách riêng của tác giả được rút gọn, có tính cục bộ và tính phôi cá nhân về sự tham gia, sự định hướng và việc ghi chép. Chính tại thời điểm này, nhà thực địa có thể bắt đầu xem những ghi chép điền dã như sự tạo dựng, đọc chúng theo cách mà họ đã *tạo ra* hơn là chỉ đơn thuần ghi lại thực tại.

Sự khác biệt quan trọng giữa ban đầu làm việc theo phương thức viết và sau đó theo phương thức đọc phản chiếu là ở chỗ làm thế nào nhà điền dã hướng tới những vấn đề về “sự chính xác” hay “sự tương ứng” giữa bản viết và bản được ghi chép. Khi viết, nhà điền dã phải cố gắng tạo ra sự tương

---

dân tộc học có thể miêu tả những lát cắt khác nhau của cuộc sống; cô ấy trình bày một loạt sự kiện “giống nhau” theo ba cấu trúc truyện khác nhau, các ghi chép điền dã gốc, một văn bản phân tích chính thức hơn, và một câu chuyện ngắn có tính tiểu thuyết.

ứng gần gũi giữa văn bản viết với những trải nghiệm và quan sát của anh ta về “những việc đã xảy ra”. Nhiệm vụ tức thời khi thực hiện các ghi chép điền dã là tạo ra một lý giải chi tiết, chính xác và toàn diện về những gì được trải nghiệm. Nhưng một khi các ghi chú đã được viết ra thì tiêu chuẩn tương ứng này có thể bị mất đi tính nổi bật. Sự thay đổi này xuất hiện “việc đã xảy ra” là vì con người và việc viết ra giấy của người quan sát đã chọn lọc. Văn bản được tạo ra “cố định” một thực tại xã hội vào nơi chốn, nhưng theo cách khó có thể xác định mối quan hệ của nó với thực tại bên ngoài. Người đọc có thể làm như vậy bằng cách viện đến những gì họ biết từ việc “đã ở đó” hay từ trải nghiệm trong thực tế tương tự. Nhưng người đọc bị hạn chế năng nề bởi những gì đã được viết ra trên giấy; họ luôn thiếu những phương tiện hiệu quả để có thể đi sâu vào “những gì đã thực sự xảy ra” một cách độc lập không phụ thuộc vào những gì được viết. Theo phương thức đọc như vậy thì tư duy phản chiếu tự nhận thức và tự đánh giá về việc làm thế nào phong cách viết giúp tạo ra những văn bản cụ thể và thực tế theo đúng nguyên bản có thể tồn tại và trở nên thích hợp.

## Chương 4

# Viết ghi chép điền dã II: các mục đích phức hợp và lựa chọn phong cách viết

Nhà dân tộc học có nhiều mục đích khi viết ghi chép điền dã; các mục đích này vừa định hình vừa thể hiện lựa chọn phong cách viết của nhà dân tộc học. Cho đến chương này, chúng ta chỉ mới tập trung vào mục đích đầu tiên: đưa những quan sát ban đầu và trải nghiệm mới mẻ của nhà dân tộc học vào bài viết một cách nhanh chóng nhất. Nhưng khi “đặt bút”, nhà nghiên cứu thực địa cũng phải quyết định làm thế nào để thể hiện một cảnh, một sự kiện hay sự tương tác cụ thể, và đưa ra các quyết định hàm chứa việc lựa chọn chiến lược viết. Họ phát triển một loạt các phong cách viết để thực hiện một số mục đích phức tạp hơn, đó là nắm bắt đặc tính của con người và sự kiện thông qua các chi tiết mà trước đây họ chưa nhận ra; để thể hiện những hình thức viết dựa trên các quá trình và vấn đề mà lúc đầu họ chưa hiểu rõ; để diễn tả các đặc điểm và mối ràng buộc được coi là hiển nhiên trong cuộc sống và sự tương tác hằng ngày; và để đưa ra các lý giải có thể hiểu được về đời sống xã hội vốn thường mất trật tự hay thậm chí là hỗn loạn. Là tác giả nên họ ngày càng biết nhiều hơn về chiến lược và phong cách viết để thực hiện những mục đích này.

Khi nói về “các mục đích” viết phức hợp, về “sự lựa chọn” phong cách và chiến lược viết, chúng tôi mạo hiểm nhấn mạnh đến việc sử dụng có ý

thúc các cách viết<sup>1</sup>. Đúng hơn là, chúng tôi quan tâm tới các chiến lược viết - thường được đề cập đến như là "các quy ước" viết hay việc viết - và với những tác động khác nhau mà các quy ước này tạo ra. Mặc dù nhà dân tộc học đôi lúc dựa vào các quy ước một cách có chủ ý và nhắm đến những tác động nào đó khi sử dụng chúng, nhưng có khi họ sử dụng các chiến lược viết gần như không cần suy nghĩ gì, chỉ như là một phản xạ và thói quen viết. Khi sử dụng các thuật ngữ, chẳng hạn như "các lựa chọn", "các mục tiêu" và "các mục đích", chúng tôi tìm cách gia tăng sự nhận thức về các cách thể hiện đời sống xã hội trong văn bản viết khác nhau, để gia tăng khả năng khơi gợi cách viết của nhà điền dã, những người có thể nắm bắt hiệu quả các quá trình tinh tế và vẫn đề phức tạp mà họ muốn ghi lại. Nói tóm lại, chúng tôi cho rằng sự nhận thức và hiểu biết về chiến lược viết sẽ giúp cho nhà điền dã có thể dễ dàng lựa chọn các cách viết để hiện thực hóa mục tiêu dân tộc học của họ hơn.

Trong chương này, chúng tôi khảo sát các phong cách và quy ước viết để thực hiện những mục tiêu phức tạp hơn cả việc nhanh chóng "nắm bắt chúng trên trang viết". Chúng tôi bắt đầu bằng việc xem xét các vị thế hay định hướng khác nhau đối với việc nghiên cứu và đối với các độc giả mục tiêu trong tương lai ảnh hưởng thế nào đến quá trình ghi chép điền dã. Sau đó, chúng tôi sẽ thảo luận về vấn đề lựa chọn bối cảnh của các tác giả bằng cách xem xét làm thế nào "quan điểm" quyết định cách nhìn của ai đó sẽ được thể hiện đầy đủ hơn trên trang viết và làm thế nào bối cảnh thời gian ("thời gian thực tại" hay "điểm kết") định hình những gì sẽ được thể hiện ra. Tiếp đến, chúng tôi chuyển sang các khả năng và mối ràng buộc khi viết ra những câu chuyện có tính cố kết hơn, đó là những phần kể chuyện mở rộng việc miêu tả một trải nghiệm hay sự kiện đang diễn ra. Cuối cùng, chúng tôi kết chương bằng việc xem xét các ghi nhớ trong quá trình mà qua đó nhà dân tộc học phản ánh các trải nghiệm và sự kiện quan sát được theo hướng có phân tích.

---

<sup>1</sup> Như Flower (1988) đã nhấn mạnh, mục đích của người viết không phải là một ý định thống nhất và nhận thức rõ ràng mà là một hệ thống các mục tiêu được liên kết với nhau; trong quá trình viết, các tác giả thường xuyên điều chỉnh và dành ưu tiên cho những mục tiêu này.

## VỊ TRÍ VIẾT VÀ ĐỘC GIẢ TRONG VIỆC VIẾT CÁC GHI CHÉP ĐIỀN DÃ

Khi ngồi xuống để viết các ghi chép điền dã đầy đủ, nhà dân tộc học phải quyết định: viết cái gì, theo trật tự nào và làm thế nào để thể hiện những gì họ muốn nói. Trong khi một số quyết định khá trực tiếp, thì một số khác lại tiềm ẩn hơn, xuất hiện từ một vị thế cụ thể được sử dụng khi viết các ghi chép điền dã. Ở mức độ cơ bản, vị thế của nhà nghiên cứu tại thực địa và việc ghi chép xuất phát từ quan điểm của cô ấy về cuộc sống. *Sự trải nghiệm, đào tạo và các cam kết trước đó ảnh hưởng đến vị thế này, dẫn dắt nhà điền dã đến chỗ cảm nhận, suy nghĩ, và hành động hướng đến con người theo những cách ít nhiều bị rập khuôn.* Dù là từ một vị thế hay định hướng xã hội thuộc về giới, mang tính văn hóa chính trị hay lý thuyết cụ thể nào đó thì nhà điền dã không chỉ tương tác và phản ứng với mọi người trong bối cảnh từ định hướng riêng của cô ấy mà còn viết các ghi chép điền dã bằng cách nhìn nhận và đóng khung các sự kiện theo định hướng đó. Tác động của vị thế nền tảng này xuất hiện rất tinh tế khi viết các ghi chép điền dã. Từ việc làm thế nào cô ấy gần gũi (hay cách xa) với những người được nghiên cứu và viết về họ một cách cảm thông (hay không cảm thông), cho đến việc bị thu hút bởi các hoạt động tại địa phương và kết quả là miêu tả sẽ chi tiết hơn, cho tới việc cô ấy ưu tiên đưa vào một chủ đề nào đó và ghi chép đầy đủ hơn về bất cứ sự kiện nào cô ấy xem là có liên quan hay nổi bật (Wolfinger, 2002).

Bằng việc nhìn nhận một cách tự ý thức định hướng nền tảng của mình, nhà điền dã có thể thực hiện những ghi chép điền dã nêu bật lên các vấn đề và kiến thức có được từ định hướng đó. Sự nhận thức này cũng có thể khiến cho anh ta nhạy cảm hơn trong cách mà định hướng của anh ta định hình những tương tác quan trọng với người khác. Ví dụ, khi viết các ghi chép điền dã về một trường học dành cho người đồng tính, một nam giới có sở thích giới tính bình thường đã viết về cách các sinh viên ép anh ta tiết lộ khuynh hướng giới tính của mình và quan sát phản ứng của anh ta đối với những trò đùa của họ. Nhưng một nhà nghiên cứu nam công khai đồng tính ở cùng thời điểm nghiên cứu sẽ trở nên nhạy cảm hơn với việc các sinh viên trong những câu chuyện mà họ đã trải nghiệm khi tạo dựng bản sắc giới tính trong các cuộc nói chuyện hằng ngày. Thật vậy, sau đó anh

ta bắt đầu hỏi và ghi lại những cuộc nói chuyện của sinh viên về hoạt động tình dục, như trong ghi chú điền dã dưới đây:

"Chờ đâ", tôi nói, cắt ngang câu chuyện của anh ta. "Ở đâu vậy?" Adam trả lời: "Ở phía trên gần hiệu sách Circus". "Và anh ta làm gì ở đó?" Tôi hỏi khi ngả người về phía trước cười nhẹ. Adam trả lời: "Anh ta đang đi kiểm khách" ... Tôi hỏi: "Cái gì?"... John trả lời: "Đó là một nơi gặp gỡ". Tôi nói to, hơi chút bối rối: "Nhưng đó là hiệu sách". "Đúng rồi", cả hai nói một cách chắc chắn.

Nhà nghiên cứu thực địa biết càng nhiều về yếu tố tác động đến vị thế nền tảng của họ đối với con người trong một bối cảnh nhất định, thì càng có thể kiểm tra và sử dụng những kiến thức cùng với sự đánh giá do vị thế đó đem lại khi ghi chép điền dã. Ngoài ra, anh ta có thể nhận biết bất cứ sự khuôn định quan trọng và vô thức nào của sự kiện tốt hơn - chẳng hạn bằng cách tránh những từ có tính chất đánh giá hay bằng việc tập trung vào quan điểm của các thành viên về các sự kiện.

Khi công tác điền dã tiến triển, vị thế của nhà nghiên cứu đối với con người và các vấn đề có thể thay đổi. Trong lúc học hỏi thông qua việc tương tác với các cá nhân trong một bối cảnh để quan sát các hoạt động, sự kiện và vấn đề theo những cách mới, họ có thể điều chỉnh quan điểm trước đó và tái định hướng bản thân đối với những người khác. Khi đã tái điều chỉnh vị thế của mình đối với người khác trong một bối cảnh, nhà dân tộc học thường sẽ viết ghi chép điền dã theo những cách không chỉ nêu bật quan điểm của các thành viên mà còn cho thấy sự tái hòa nhập đang diễn ra của họ. Theo thời gian, quan điểm cá nhân của nhà điền dã và các định hướng lý thuyết thường thay đổi; vị thế của nhà nghiên cứu khi thực hiện các ghi chép điền dã cũng thay đổi theo, đặc biệt là khi cô ấy thường xuyên nhìn nhận và phản ứng với các sự kiện như một thành viên của cộng đồng.

Một thành tố quan trọng khác quyết định vị thế hiện khi viết ghi chép điền dã là *độc giả dự định hay có khả năng (hướng tới)*. Cách một nhà nghiên cứu thực địa viết về các sự kiện quan sát được sẽ liên quan đến các giả định, thường không được thừa nhận, về việc họ sẽ viết cho ai. Đầu tiên chúng ta sẽ xem xét những độc giả dã được đoán trước và sau đó sẽ chuyển sang tinh thích hợp khó phát hiện nhưng lại quan trọng của các độc giả mà chúng ta khó mường tượng ra hơn.

Trong đa số các tình huống, nhà nghiên cứu thực hiện các ghi chép điền dã cho chính bản thân họ, với tư cách là một độc giả tương lai. Việc không có một độc giả thực sự cho phép nhà nghiên cứu viết theo phong cách thoải mái và dễ thay đổi, chuyển từ vị thế này sang vị thế khác, từ độc giả này sang độc giả khác mà không phải lo lắng về tính nhất quán hay tính chặt chẽ (tại thời điểm đó). Nhờ đó, ghi chép điền dã sẽ “thoải mái” và liền mạch. Nếu và chỉ khi nào các ghi chép điền dã được trình bày cho những độc giả khác - thường trong một bài báo hay một bài viết khoa học mang tính toàn diện hơn - nhà nghiên cứu thực địa mới phải kiểm soát quá trình này; họ có thể chọn lựa, tập trung và hiệu chỉnh bất cứ ghi chép nào trước khi cho người khác đọc. Là người trong tương lai sẽ đọc các ghi chép thực địa của chính mình, nhà nghiên cứu biết trước là sẽ phải đọc kỹ để mã hóa và phân tích các ghi chép cho một bài báo hay bài viết khoa học.

Tuy nhiên, trên thực tế, tác giả - nhà nghiên cứu có thể nghĩ đến các độc giả thực sự khác ngoài bản thân mình. Đặc biệt, các nhà nghiên cứu là sinh viên thường phải nộp ghi chép điền dã cho người hướng dẫn và họ ghi chép cho đối tượng độc giả này. Tương tự, các nhà nghiên cứu thực địa làm việc trong các dự án nhóm (Douglas, 1976) sẽ viết các ghi chép cho các đồng sự và đồng nghiệp đọc. Ở đây, các nhà nghiên cứu thực địa có thể tự nhận thức trong đầu ai là độc giả thực thụ, cách ghi chép rõ ràng hướng đến kiến thức và mối quan tâm của những độc giả này. Một ảnh hưởng thường thấy của việc viết cho những độc giả như thế là phải có nhiều chi tiết về nền tảng và bối cảnh để độc giả đó có thể nắm bắt các ghi chép điền dã dễ dàng hơn. Tuy nhiên, nhà dân tộc học nên cố gắng duy trì cách tiếp cận thoải mái, liền mạch và uyển chuyển, đừng nên cố gắng viết theo kiểu cố định về phong cách và ngữ điệu.<sup>2</sup>

Ảnh hưởng của các độc giả được dự đoán trước đối với việc ghi chép điền dã sẽ tinh vi và phức tạp hơn so với ảnh hưởng của các độc giả thực

<sup>2</sup> Ngoài ra, nhà nghiên cứu thực địa có những độc giả thực sự, có thể không muốn cho những độc giả này biết điều gì mà nhà nghiên cứu cho là mang tính tiết lộ hay những sự việc có tính chất cá nhân, cho dù các độc giả này là người hướng dẫn, đồng nghiệp hay bạn học (Warren, 2000). Chúng tôi khuyên nên ghi chép những điều này vào một văn bản khác và văn bản này chỉ nhà nghiên cứu mới có thể đọc. Vào một lúc nào sau đó, nhà nghiên cứu có thể sẽ cảm thấy cần đưa phần viết này vào bản phân tích cuối cùng; hay anh ấy có thể quyết định là nó quá riêng tư và giữ lại cho mình.

thụ.<sup>3</sup> Vị thế của nhà dân tộc học khi viết các ghi chép điền dã hàm chứa việc cố gắng truyền tải một điều gì đó về thế giới họ đã quan sát được cho các độc giả bên ngoài, gồm cả những người không biết gì về thế giới đó. Nhờ đó, các ghi chép điền dã hoàn toàn được định hướng cho những người bên ngoài. Thật vậy, chính ở khía cạnh này mà ghi chép điền dã khác với nhật ký cá nhân. Các ghi chép điền dã không chỉ đơn thuần là phản ứng của cá nhân tác giả, định hướng cho việc nâng cao sự tự nhận thức và tự hiểu biết; mà thay vào đó, về cơ bản chúng thường là những giải thích được khuôn định và sắp xếp cho một bộ phận độc giả rộng lớn khác có thể đọc.

Nhiều nhà điền dã dân tộc học hình dung và viết các ghi chép điền dã cho giới độc giả chuyên môn và dự định sẽ xuất bản. Những loại ghi chép này có thể cần được trau chuốt và chỉnh sửa cho mượt mà hơn, nhưng do dự định viết sao cho các chuyên gia khác, những người không quen biết với con người và phong tục trong bài viết, cũng có thể hiểu được nên không cần phải điều chỉnh gì thêm. Khi tác giả là nhà nghiên cứu nhận thức được việc phải viết cho độc giả rộng lớn hơn đọc thì các ghi chép phải phong phú hơn; chúng sẽ cung cấp nhiều bối cảnh, khung cảnh và chi tiết.

Giới độc giả chuyên môn hay những người không chuyên khác không thể lập tức hiểu được các ghi chép điền dã ở dạng “thô”. Các ghi chép điền dã là phần viết được tích lũy trong đó ý nghĩa của các phần sau vốn phụ thuộc vào những gì đã viết trước đó. Chẳng hạn như con người hay các sự kiện được miêu tả trong những ghi chép trước đó không cần phải được miêu tả ở các phần sau. Và như vậy, người đọc không chuyên sẽ không biết rõ những người xuất hiện trong các sự việc cụ thể do tên của họ được viết tắt và thiếu các thông tin nhận diện mang tính xã hội.<sup>4</sup> Chỉ bằng việc bổ sung vào và bối cảnh hóa thì một ghi chép điền dã mới thực sự trở nên dễ hiểu đối với những người khác, trừ tác giả. Vì thế, các mục ghi chép điền dã đang được tích lũy thường có một kết thúc mở để cho phép bổ sung những

<sup>3</sup> Như Ông (1975) đã chỉ ra, các tác giả hình dung người đọc bằng cách tưởng tượng ra các thể loại độc giả sẽ đọc các phần viết giống nhau. Vì thế, những lựa chọn về phong cách của người viết là một phương tiện thể hiện việc hình dung ra độc giả như đã nói ở trên.

<sup>4</sup> Như một nhà dân tộc học đã nhận xét: “Điều đó có thể giống với định nghĩa về một ghi chép thực địa: một điều mà người khác không thể dễ dàng hiểu được” (Jackson, 1990b:20)

thông tin và kiến thức mới, đồng thời để hiệu chỉnh một tính chất chưa hoàn thiện.

Khi viết các ghi chép điền dã, đa số các nhà dân tộc học có thể chuyển đổi giữa hai vị trí, đó là bản thân họ và những người được hình dung là độc giả tương lai. Chẳng hạn, khi viết ở ngôi thứ nhất về việc tham gia trực tiếp vào các sự kiện tại thực địa, hay khi thể hiện những tương tác tình cảm hay trực giác cá nhân về những bước kế tiếp sẽ thực hiện ở thực địa, nhà điền dã dân tộc học có thể cho là chỉ có bản thân họ mới đọc những lý giải này, vì thế chỉ cần viết sao cho mình hiểu là được. Ngược lại, khi viết về một sự kiện thật sự “quan trọng” đối với những người trong bối cảnh và có khả năng được trích dẫn trong tác phẩm miêu tả dân tộc học cuối cùng thì tác giả phải cố gắng hoàn thiện và viết thật chi tiết.

Tóm lại, yếu tố vị thế của nhà nghiên cứu và độc giả được đoán trước đã chi phối rất nhiều đến cách một nhà nghiên cứu thực hiện các ghi chép điền dã, thậm chí cả hai yếu tố này đều sẽ có vị trí nổi bật khi nhà nghiên cứu thực địa tự ý thức về việc chuẩn bị các bản ghi chép cho giới độc giả rộng lớn hơn. Viết các ghi chép điền dã bao gồm một loạt lựa chọn phức tạp tùy thời điểm trong khi khái quát và phân tích các kinh nghiệm. Những lựa chọn này không chỉ là việc xem xét những gì có thể được ghi nhanh lại mà còn bao gồm cả việc viết *cho ai*. Những đối tượng độc giả mục tiêu này cùng với những cam kết lý thuyết họ thể hiện đang đè nặng lên vai của mỗi nhà dân tộc học.

## LỰA CHỌN BỐI CẢNH KỂ CHUYỆN

Khi sử dụng những chiến lược kể chuyện, nhà dân tộc học không chỉ dựa trên các quy ước để sắp xếp thứ tự các phân đoạn (xem Chương 3) mà còn phải chọn lựa bối cảnh. Trong cách tiếp cận với miêu tả dân tộc học, chúng tôi không bỏ qua sự hiện hữu của nhà dân tộc học như một người quan sát thường tham dự vào các tương tác xuất hiện ở địa bàn thực địa. Chúng tôi cũng không cố gắng che giấu các ảnh hưởng có tính hệ quả của sự hiện hữu ấy trong ghi chép điền dã và nhận thức được sự hiện diện của nhà dân tộc học, vừa rõ ràng như một nhân vật tương tác với con người ở địa bàn thực

địa, vừa tiềm ẩn trong việc lựa chọn phong cách thể hiện hơn là che lấp đi bối cảnh của tác giả. Vì thế, cách tiếp cận của chúng tôi với miêu tả dân tộc học đã định hình những đề xuất được đưa ra sau đây về *các quan điểm khác nhau* (khi một giọng nói hay quan điểm nào đó được miêu tả nhiều hơn) và về bối cảnh thời gian (viết theo “thời gian thực tại” hay từ định hướng “điểm kết thúc”).

### *Da giọng điệu và điểm nhìn:*

Khi viết các ghi chép điền dã, nhà dân tộc học không chỉ nhớ lại và hình dung ra một khung cảnh mà anh ta còn trình bày khung cảnh đó từ một góc độ đã được chọn lựa và sẽ chỉ nhấn mạnh một số đặc điểm của nó. Như đã nói khi thảo luận về vị thế của nhà nghiên cứu ở phần trên, góc độ này xuất hiện một phần là do những mối quan tâm lý thuyết mà nhà nghiên cứu đang theo đuổi; và một phần là do bản chất của việc tham dự ở thực địa - chẳng hạn từ vị trí có tính chọn lọc hay việc gắn bó với trải nghiệm của thành viên nào đó. Vì thế, khi viết, nhà dân tộc học tái hiện ký ức từ các phần tốc ký và ghi chú trong đầu, chỉ ưu tiên một số bối cảnh quan sát, những trải nghiệm và giọng nói của một số thành viên nào đó.

Các khuynh hướng chọn lọc khi tham dự ở thực địa và tái dựng ký ức là điều cần thiết cho nhà dân tộc học, như việc tất cả các tác giả khi nhớ lại các sự kiện, bắt buộc phải kể lại câu chuyện của họ thông qua “một điểm nhìn” cụ thể. Theo quy ước, “quan điểm” nói đến các kỹ thuật viết thể hiện bối cảnh của người kể chuyện (ở đây là nhà điền dã dân tộc học), đó là các sự kiện được xem xét dựa trên cách nhìn của một người và được miêu tả thông qua cách nói của người đó. Điểm nhìn là bối cảnh viết (và kỹ thuật) mà một câu chuyện được kể lại dựa trên điểm nhìn của một người, trong đó các nhân vật, hành động, bối cảnh và sự kiện sẽ được trình bày cho độc giả.<sup>5</sup> Mặc dù các tác giả đã phát triển những cách thức đa dạng, phức tạp để kể về một câu chuyện nhưng khác biệt chung nhất là giữa điểm nhìn ngôi thứ

<sup>5</sup> Nói đúng ra, quan điểm là góc độ từ đó một người xem xét các hoạt động và các sự kiện cũng như cách góc độ đó được thể hiện khi viết. Tuy nhiên, Beiderwell và Wheeler (2009:389) đã cho thấy: “Nói rộng hơn, quan điểm báo hiệu bối cảnh kể chuyện - cách một câu chuyện được kể. Suy nghĩ theo quan điểm bao gồm việc xem xét ai là người kể chuyện cũng như làm thế nào các mối quan tâm, tính cách, động cơ và nền tảng của người kể chuyện ảnh hưởng đến việc sẽ quan sát và tường thuật cái gì.”

nhất, ngôi thứ ba và điểm nhìn thấu hiểu (Abrams và Harpham, 2009:144-48). Mỗi một điểm nhìn này ưu tiên cho “những cách nói” khác nhau: Ngôi thứ nhất không chỉ nhấn mạnh bối cảnh mà còn là cách xưng hô “tôi” của người kể chuyện; còn ngôi thứ ba nêu bật bối cảnh và giọng nói của những người khác ở thực địa.<sup>6</sup>

Trong phần thảo luận sau, chúng tôi sẽ giải thích và điều chỉnh lại các quy ước về điểm nhìn cho phù hợp với mục tiêu ghi chép điền dã từ vai trò một người quan sát tham dự. Khi viết các ghi chép điền dã, nhà dân tộc học *bắt buộc phải* ghi lại các sự kiện từ bối cảnh này, và theo nghĩa đó, luôn phải viết ở ngôi thứ nhất, được thể hiện qua cách xưng hô “tôi”. Tuy nhiên, vì mục tiêu chính của nhà dân tộc học là thuật lại các hoạt động của người khác trong một bối cảnh và thể hiện ý nghĩa của chúng nên khi viết cô cũng thường sử dụng các kỹ thuật của điểm nhìn ngôi thứ ba. Chúng tôi cho rằng qua sự nhận thức về các quy ước bối cảnh (các kỹ thuật thường được nối kết với mỗi điểm nhìn) nhà dân tộc học có thể chọn một điểm nhìn để thể hiện mục đích viết của cô ấy bất cứ lúc nào. Chúng tôi cho là các nhà dân tộc học phải thường xuyên linh hoạt và có thật nhiều lựa chọn khi viết.

*Điểm nhìn ngôi thứ nhất.* Trong ghi chép điền dã, việc kể chuyện hằng ngày ở ngôi thứ nhất “tôi” là của bản thân nhà dân tộc học. Phương thức ngôi thứ nhất “giới hạn chủ đề kể chuyện dựa trên những gì tác giả biết, trải nghiệm, luận ra, hay tìm thấy bằng cách nói chuyện với những nhân vật khác” (Abrams và Harpham, 2009:274). Vì bối cảnh này đa phần khuyến khích tác giả kể lại những trải nghiệm, phản ứng và bình luận của chính anh ta cũng như những hành động và lời nói của người khác, vì vậy chúng tôi cho rằng một nhà dân tộc học nên thường xuyên viết ở ngôi thứ nhất. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, chúng tôi không đồng ý khi cho rằng các ghi chép thực địa cũng giống với tạp chí hay tờ hướng dẫn du lịch, vốn không thể hiện sự hiểu biết, quan điểm và kinh nghiệm của cá nhân; thay vào đó,

<sup>6</sup> Ở đây, chúng tôi dùng “giọng nói” khi thể hiện một phong cách nói đặc đáo và bối cảnh đặc biệt, hay “đặc tính” của một cá nhân (Abram và Harpham, 2009; Beiderwell và Wheeler, 2009). Vì vậy, nếu nhà dân tộc học, cũng là tác giả, muốn thể hiện sự đa giọng điệu và đa quan điểm trong ghi chép điền dã của mình thì anh ấy/cô ấy phải nhạy cảm với các bối cảnh và giọng nói của nhiều loại người khi ở thực địa. Bằng cách này, việc viết ghi chép điền dã dân tộc học có tính phản thân, minh họa cho việc làm thế nào viết lách có thể tác động lại và ảnh hưởng đến những gì nhà dân tộc học đã làm ở thực địa!

các ghi chép điền dã ở ngôi thứ nhất tập trung vào “bản thân nhà dân tộc học như một công cụ” để tìm hiểu về cộng đồng được nghiên cứu.

Cách viết ở ngôi thứ nhất sẽ đặc biệt có hiệu quả khi nhà điền dã cũng là một thành viên trong nhóm người mình đang nghiên cứu. Việc người nghiên cứu tận mắt chứng kiến các sự việc cho phép độc giả thấy được quan điểm của người trong cuộc về những hành động đã được sàng lọc qua những mối quan tâm của cô ấy ở vị thế của một nhà dân tộc học. Ngoài ra, cách nhìn ở ngôi thứ nhất cho phép nhà dân tộc học trình bày tính tự nhiên của trải nghiệm khi xem xét từ quan điểm một người tham dự. Ghi chép điền dã sau đây được viết ở ngôi thứ nhất sẽ minh họa cho những tính chất này. Trong đoạn trích, người quan sát vào làm ở một cửa hàng mắt kính cao cấp đã kể lại một sự việc khó chịu khi bị một trong những người chủ cửa hàng quấy rối tình dục:

Khoảng giữa trưa, tôi đang đứng ở khu vực sảnh trước với Richard, một trong những người chủ còn người quản lý Al đang làm việc ở phía cửa. Tôi cúi xuống lấy một cặp kính râm đeo vào và nói: “Ô, cái kính này tuyệt quá”, khi tôi lôi ra những cái gọng kính nhựa hình tròn. Richard làm bầm điều gì đó giống như “không”, ý nói là chúng không hợp với tôi. Tôi để ý những cặp kính này là của Lunettes, nhà sản xuất mắt kính VVO, ngạc nhiên hơn là tôi chưa bao giờ thấy chúng và Richard đã đưa ra kết quả quá nhanh. Tôi đeo chúng vào và hỏi Richard: “Ông nghĩ sao?” Ông ta nhìn tôi và nói: “Em có bộ ngực thật tuyệt phải không”. Tôi nghĩ ông ta đã nói là: “Em cảm thấy tuyệt phải không”, vì thế tôi nói: “Đạ, chúng thật tuyệt” khi ngầm mình trong gương. (Tôi nghĩ là khi tôi không đeo kính thì tôi không thể thấy gì và cũng không thể nghe gì. Tôi đã nhớ lại từng từ Richard nói, từ câu giải thích sau đó của ông, và không phải chỉ đưa vào cách diễn giải của mình). Tôi nhìn Richard. Ông ta nói: “Bộ ngực thật đẹp”. Tôi hạ giọng lầm bầm: “Hả?” (Giờ đây tôi nhớ lại câu nói đầu tiên và hiểu là tôi đã nghe nhầm câu nói của ông ta về cảm giác thật tuyệt khi đeo kính. Có lẽ, ở mức độ nào đó lúc đầu tôi nghe đúng những gì ông ta nói nhưng lại hiểu nó theo nghĩa khác; sự tự phủ nhận để lấy lại trạng thái cân bằng.) Ông tiếp tục: “Thật là chắc và cao - thật sự chắc”, diễn tả cử chỉ lúc đó bằng tay như thể ông ta đang sờ bộ ngực. Tôi choáng váng và khoanh tay ngang ngực (Tôi đã làm như vậy một cách vô thức, mãi khi Richard nói câu tiếp theo thì tôi mới nhận ra tôi đang làm cử chỉ bảo vệ này). Ông ta tiếp tục: “Em che hả em”. Ông khoanh tay

lại: "Trước đây chưa bao giờ thấy em xấu hổ". Sau đó ông ta ưỡn ngực lên vênh váo (như thể cho tôi thấy những gì tôi thường làm, hay những gì ông ta mong đợi tôi thường làm). Tôi nói nhẹ nhàng: "Như vậy thật khiêm nhã."

Khi viết ở ngôi thứ nhất, nhà dân tộc học này không chỉ có thể trình bày những gì người phạm tội, Richard, nói và những gì cô ấy nói và làm để phản ứng lại; mà cô ấy còn có thể cho thấy bản thân cảm thấy như thế nào và suy nghĩ gì về trải nghiệm đó: "Tôi choáng váng..." Trong ví dụ về những nhận xét bị lạm dụng được đưa vào trong một cuộc đối thoại vô thường vô phạt, cách nhà dân tộc học biểu hiện cảm giác của mình về sự rút lui và tự vệ cho thấy điều này đầy đủ hơn bất cứ ghi chép đơn thuần nào về những từ ngữ ông ta đã nói, những lời nói của ông ta xúc phạm và thật sự ghê tởm đối với cô ấy như thế nào. Nếu được viết ở ngôi thứ ba, ghi chép điền dã sẽ mất đi những suy nghĩ và cảm giác sâu kín của cô ấy và cách chúng thay đổi khi sự việc được phơi bày. Ghi chép điền dã cũng tiết lộ cách mà người chủ cứ lặp đi lặp lại các từ mang tính xúc phạm đã làm thay đổi suy nghĩ ban đầu của cô ấy về lời nhận xét và khiến cho cô ấy phải "khoanh tay trước ngực" như một "cử chỉ bảo vệ."

Ngoài ra, bằng việc sử dụng cách xưng hô ở ngôi thứ nhất, ghi chép điền dã vừa có thể miêu tả trải nghiệm của tác giả như là một thành viên cộng đồng và cả những suy nghĩ của cô ấy khi viết ở vị thế của một nhà dân tộc học. Chẳng hạn, cô ấy tái dựng và trình bày trải nghiệm của mình khi bị quấy rối tình dục để chúng ta có thể thấy cô ấy lúc đầu đang ở vị thế một người bán hàng nói chuyện với ông chủ cửa hàng, nghe nhầm ông ấy nói: "Em cảm thấy tuyệt phái không" một câu nói phù hợp với quan hệ công việc của họ và phù hợp với việc bán kính cho khách hàng. Nhưng chúng ta cũng nghe cô ấy bình luận về trải nghiệm của mình, đưa vào ghi chú bên lề khi cô ấy ghi chép điền dã, giải thích tại sao lúc đầu cô ấy nghe nhầm lời nói xúc phạm của ông ấy: "Có lẽ, ở mức độ nào đó lúc đầu tôi đã nghe đúng những gì ông ta nói nhưng lại hiểu nó theo nghĩa khác; sự tự phủ nhận lây lại trạng thái cân bằng."

*Điểm nhìn ngôi thứ ba.* Mặc dù những ghi chép điền dã theo ngôi thứ nhất cho phép nhà nghiên cứu thể hiện những suy nghĩ và cảm giác của mình nhưng mục đích của miêu tả dân tộc học lại là miêu tả những gì người khác làm và nói. Cách viết theo điểm nhìn của người thứ ba đặc biệt có hiệu

quả khi truyền tai từ ngữ và hành động của những người khác. Khi sử dụng ngôi thứ ba, tác giả kể lại với vai trò là một người quan sát, tập trung hoàn toàn vào người khác và đề cập đến tất cả các nhân vật như là “anh ấy”, “cô ấy”, và “họ”. Đôi lúc được gọi là *người kể chuyện không ngôi*, tác giả viết ở ngôi thứ ba “từ bên ngoài tường thuật lại những gì đã thấy nhưng không nỗ lực tìm hiểu sâu suy nghĩ của bất cứ nhân vật nào” (Beiderwell và Wheeler, 2009:393). Các kỹ thuật khi viết ở ngôi thứ ba nhấn mạnh đến các hoạt động của người khác và những mối quan tâm của họ bằng cách tham gia vào các tương tác của họ nhưng không ngụ ý (hay bình phẩm) động cơ và suy nghĩ của họ. Chúng tôi cho rằng, bên cạnh ngôi thứ nhất, nhà dân tộc học cũng nên viết nhiều phần ghi chép điền dã từ bối cảnh ngôi thứ ba để tường thuật những gì người khác làm và nói.

Khi sử dụng bất cứ dạng viết nào ở ngôi thứ ba, người kể chuyện - là tác giả trích lời những người khác khi kể chuyện - trong thực tế sẽ làm lu mờ đi sự có mặt của cô ấy với vai trò là tác giả bằng cách không bao giờ sử dụng đại từ ngôi thứ nhất là “tôi” hay đưa ra diễn giải của mình. Một nhà dân tộc học tập sự đang thực tập với một viên quản giáo đã nhận xét là khi viết ở ngôi thứ ba, cô ấy “có thể tập trung nhiều hơn vào những gì các thành viên đang thấy và cách họ đối phó với các tình huống xuất hiện trong cuộc phỏng vấn với khách hàng... Tôi có thể thấy mình lùi lại một bước và chú ý đến các chi tiết và từ ngữ theo một cách rất khác [với ngôi thứ nhất]. Cách viết của tôi gần như trở nên tinh ý hơn.” Khi nhà dân tộc học này viết về một viên quản giáo đang phỏng vấn một người có khả năng bị quản chế và mẹ cô ấy, nhà nghiên cứu đã sử dụng ngôi thứ ba.

Bà Brown bắt đầu cuộc phỏng vấn và nói với cả hai là bà ấy sẽ phải quản chế cô gái 17 tuổi này. Sau đó, bà ấy bắt đầu hỏi Taquesha là đã phạm tội gì. Cô bé giải thích là cô ấy đi vào một cửa hàng với hai người bạn để chọn một số món đồ và lấy đi mà không trả tiền. Khi Taquesha đi ra khỏi cửa hiệu, cô bé bị nhân viên cửa hàng bắt giữ, và khi hai cô gái kia thấy vậy, họ bỏ lại các món đồ và đi ra khỏi cửa hàng mà không bị sao cả. Tới đây, người mẹ bắt đầu nói với bà Brown là một trong hai cô kia đã 23 tuổi và quay sang nhìn con gái mình, rồi nói: “Tôi không biết con bé làm gì khi giao du với những đứa 23 tuổi.” Bà Brown hỏi người đó là ai, và Taquesha trả lời là chị em họ của bạn cô bé. Sau đó, bà Brown nói với cô bé: “Ô, vậy con là người duy nhất bị bắt phải không?” Taquesha gật đầu và cười mỉm.

Mẹ có bé bắt đầu nói cô ấy bị bắt vì cô ấy là “đứa con của Chúa Trời” và Thượng Đế làm điều này để uốn nắn cô bé. Bà Brown hỏi cô bé với giọng nghiêm trọng: “Đây có phải là điều con muốn không? Cuộc sống của một tên tội phạm? Một đứa ăn cắp?” Cô bé quay sang nhìn bà ấy và nói: “Không”. Sau đó, Bà Brown hỏi học kỳ vừa rồi cô bé học lớp mấy, và cô trả lời là cô không thể nhớ. Bà Brown hỏi cô bé có dùng thuốc phiện hay thứ gì khác không, bởi vì đó có thể là nguyên nhân duy nhất khiến cô bé không nhớ được. Cô gái cười phá lên.

Việc nhà dân tộc học chú ý đến việc giao tiếp giữa viên quản giáo, người mẹ và có con gái, thể hiện rõ ở lời kể của ngôi thứ ba. Tác giả tập trung vào những gì người khác đang làm và nói, nắm bắt được các sắc thái của sự trao đổi qua lại giữa các nhân vật. Nhờ không bị ngắt ngang bởi các nhận xét ở ngôi thứ nhất của tác giả, điểm nhìn của người thứ ba đã tạo ra cảm giác tức thì và dòng trao đổi mang tính tương tác.

*Cách nhìn tập trung vào người thứ ba.* Các nhà nghiên cứu thực địa có thể viết một cách tự ý thức theo kiểu việc truyền tải quan điểm của một người có liên quan trực tiếp đến cảnh tượng hay hành động sau đó. Họ có thể làm như thế bằng cách miêu tả một sự kiện từ vị trí cụ thể của người đó, bằng cách tập trung vào điều người đó thấy, làm và nói, bằng cách chọn lọc những chi tiết người đó chú ý tới và sử dụng chính ngôn ngữ của người đó để miêu tả sự kiện. Cách kể chuyện như vậy được viết theo cách nhìn tập trung vào người thứ ba. Chẳng hạn, khi kể về một cuộc cãi vã của cha mẹ từ quan điểm của đứa con, tác giả có thể chỉ kể chuyện chủ yếu bằng cách dùng từ ngữ của người con và miêu tả chỉ những chi tiết mà một đứa trẻ có thể chú ý đến, chẳng hạn như sự lớn giọng, những lời đe dọa và mức độ của các cuộc cãi vã đó. Mặc dù nhà nghiên cứu có thể suy ra các ý nghĩ và cảm giác nhưng anh ta phải dựa trên những biểu hiện để có thể quan sát được nét mặt, cử chỉ, lời nói và miêu tả những điều này từ bối cảnh của đứa con.<sup>7</sup>

Nhà dân tộc học viết về một trung tâm trợ giúp pháp lý về bạo hành gia đình thường chọn cách viết tập trung vào người phụ nữ được nhân viên

<sup>7</sup> Vì thế, một nhà nghiên cứu đã lưu ý rằng: “Tôi theo dõi một sinh viên đang tranh luận với giáo viên của mình. Tôi không thể nào đọc được ý nghĩ của sinh viên đó, nhưng dựa trên các dấu hiệu nhìn thấy được từ cách anh ta đi, cách anh ta nói, và qua ngôn ngữ cơ thể của anh ta [của người khác], tôi có thể hiểu được anh ta cảm giác như thế nào và những suy nghĩ nào thoáng qua trong đầu anh ta.”

tiếp nhận phòng vấn. Trong đoạn trích sau, cô ấy đã sử dụng hiệu quả việc tập trung vào ngôi thứ ba để thể hiện cảnh khốn cùng của người phụ nữ, Graciela, đang phải đấu tranh nội tâm khi kể cho Meredith, nhân viên tiếp nhận, về lần bị ngược đái mới nhất.

Graciela ngừng một chút và vân vê dài tai của mình. Cô ấy ngược nhìn Meredith và bắt đầu nói: "Vào ngày 21 tháng 1 năm 2010, Robert gọi điện thoại cho tôi và nói là anh ta muốn gặp con trai. Tôi nói anh ta có thể gặp con vào ngày 21 chứ không phải vào cuối tuần..." Sau đó, anh ta gọi tôi là "Con Q đần độn" và dập máy. Meredith ngắt lời, nhìn Graciela và nói: "Được rồi, tôi cần cô nói thật cụ thể những gì anh ta đã gọi cô một cách chính xác." Graciela mím cười, bật cười nho nhỏ, và nói là cô ấy muốn tránh việc dùng "ngôn ngữ bẩn thỉu" trước mặt con trai vì cậu bé có xu hướng "lặp lại những gì tôi nói". Meredith gật đầu và nói: "tôi hiểu". Cô lấy một tờ giấy màu xanh, một cây bút từ ngăn kéo ra và đặt lên bàn. Meredith nói: "Cô viết ra đi, đó là cách tôi có thể biết anh ta nói gì - thật chính xác." Graciela cầm lấy cây bút và viết: "Con quỷ cái đần độn". Cô ấy chỉ vào tờ giấy và nói: "Anh ta đã gọi tôi như vậy", vừa thở dài vừa lắc đầu. Meredith nói: "Được rồi, tiếp tục thôi". Robert gọi lại ngay sau đó và "khăng khăng bắt tôi phải đổi kế hoạch cho anh ta" trong khi nói anh ta chửi, Graciela lấy cây bút và viết: "Mẹ kiếp"... Robert đến nhà tôi vào ngày hôm đó để gặp con trai và khi đi, anh ta nói: "Tôi sẽ gặp cô ở tòa, đồ con Q đần độn". Một lần nữa, cô ấy lại chỉ vào tờ giấy và viết.... Graciela đưa cho con trai đang ngồi trong xe tập đi một con thú nhồi bông lấy từ túi đựng tã. Cô ấy tiếp tục nói là cô đã yêu cầu Robert ra khỏi nhà sau khi anh ta nói bậy, nhưng anh ta tiếp tục ở lại và "cứ gọi tôi là kẻ bịp bợm". Graciela kể tiếp, chớp mắt vài lần: "Tôi quyết định gọi cảnh sát vì tôi muốn anh ta ra khỏi nhà. Anh ta sợ hãi và đi ra." Cô ấy nói là khi cảnh sát đến "họ nói tôi nên đi xin một lệnh bắt giữ."

Nhà dân tộc học này sử dụng cách tập trung vào ngôi thứ ba để hướng vào Graciela, các lời nói và cử chỉ của cô ấy: nụ cười mỉm căng thẳng và bật cười, tiếng thở dài, sự do dự khi phải lặp lại những từ ngữ bẩn thỉu mà người chồng nói với cô ấy. Những chi tiết này được nhấn mạnh bằng cử chỉ lấy ra một con thú nhồi bông cho con trai, miêu tả người phụ nữ như là một bà mẹ đau khổ. Mặc dù Meredith hiện diện trong cảnh này, nhưng các câu hỏi của cô ấy không làm phân tán hướng tập trung của nhà nghiên cứu trong suốt cuộc phỏng vấn. Việc sử dụng cái nhìn tập trung vào ngôi thứ ba đã giúp

truyền tải hiệu quả tâm trạng giằng co và căng thẳng của Graciela khi yêu cầu kiện chồng.

Nhiều nhà dân tộc học thấy việc sử dụng cách viết theo cách nhìn tập trung vào ngôi thứ ba giúp cho họ cảm nhận được hoàn toàn quan điểm của một cá nhân và giúp họ theo sát các câu hỏi và vấn đề quan tâm của người đó. Ví dụ, khi nghiên cứu các phương pháp chữa trị truyền thống trong văn hóa châu Phi, nhà nghiên cứu có thể đi theo tham dự các hoạt động trong ngày của vị thầy lang: đi với ông ta khi chế biến thuốc, ngồi cạnh khi ông ta chữa bệnh và cùng nghỉ với ông ta khi xong việc (xem thêm Yoder, 1982). Bằng cách gần gũi khi tham gia các hoạt động với thành viên và miêu tả lại những gì người đó chú ý, làm và nói, nhà dân tộc học có khả năng cảm nhận được tâm trạng của ông ta. Ngoài ra, thông qua việc có các vị trí quan sát khác nhau và tham dự một cách đồng cảm với những người khác, nhà dân tộc học có thể ghi chép dựa trên cái nhìn tập trung vào ngôi thứ ba một cách hiệu quả và dẫn chứng với nhiều giọng điệu trong cùng bối cảnh. Chẳng hạn khi nghiên cứu về các phương pháp chữa trị truyền thống, nhà nghiên cứu có thể chuyển đổi các vị trí và điểm tập trung, đi theo những trải nghiệm và lời nói của các bệnh nhân cụ thể.<sup>8</sup>

*Quan điểm thấu hiểu.* Khi viết theo *một quan điểm thấu hiểu*, người viết/người kể chuyện “biết tất cả mọi điều cần biết về các chủ thể, hành động, sự kiện và có đặc quyền tiếp cận với những suy nghĩ, cảm nhận và động cơ của các nhân vật; người kể chuyện cũng có thể tự do di chuyển tùy thích trong không gian và thời gian, chuyển từ nhân vật này sang nhân vật khác và tường thuật (hay che giấu) lời nói, việc làm và trạng thái ý thức của họ” (Abrams và Harpham, 2009:272). Nhà điền dã dân tộc học viết từ quan điểm này sử dụng phong thái và giọng nói “khách quan” để kể lại những sự việc giống như “những câu chuyện có thật” (Van Maanen, 1988), một phong cách phổ biến trong các công trình miêu tả dân tộc học trước đây.

Tuy nhiên, viết theo tư thế thấu hiểu thường làm sai lệch nghiêm trọng các ghi chép điền dã. Chẳng hạn, nếu Rachel Fretz nghiên cứu các nghi lễ

<sup>8</sup> Tương tự, khi viết các ghi chép về một dòng người xếp hàng để tính tiền ở cửa hàng tạp hóa, nhà nghiên cứu thực địa có thể miêu tả các hoạt động, ở những thời điểm khác nhau, từ vị trí và bối cảnh của người tính tiền, người gói hàng, khách hàng được phục vụ và khách hàng đang xếp hàng chờ.

*mukanda* (lễ thành đình cho các bé trai) ở Zambia theo quan điểm thấu hiểu, cô ấy sẽ phải thuật lại chi tiết việc nhảy múa điên cuồng và dữ dội, việc đánh trống và ca hát của cả làng vào suốt đêm trước. Sau đó, cô ấy có thể phải miêu tả cảm giác của các cậu bé - có lẽ sợ hãi và phấn khích - chờ bị dồn vào trại để cắt bao quy đầu vào buổi hoàng hôn. Dĩ nhiên, nhân vật đeo mặt nạ nhảy theo nhịp trống cũng sẽ thu hút sự chú ý của nhà điền dã và cô ấy phải miêu tả trang phục làm từ sợi cọ của ông ấy cũng như cách trang trí đen đỏ trên mặt nạ. Từ bối cảnh không giới hạn của mình, cô ấy cũng có thể miêu tả việc cắt bao quy đầu của các cậu bé diễn ra ở một cái trại trong rừng cây bụi, với sự tham dự của cha, anh trai và chú bác (miêu tả về nơi chỉ toàn là nam giới, việc miêu tả theo giới sẽ dựa trên các cuộc phỏng vấn). Kế tiếp, cô ấy có thể phải chuyển sang những người mẹ, những người phụ nữ khác và những đứa trẻ quay về làng, cô ấy phải kể lại không chỉ việc ca hát và nghi lễ đổ nước lên đầu các bà mẹ mà còn phải miêu tả những suy nghĩ - dù là căng thẳng hay vui vẻ - khi họ chờ nghe vị thủ lĩnh khu trại thông báo là con trai của họ đã được cắt bao quy đầu thành công. Kể những sự kiện này từ quan điểm thấu hiểu, cô ấy sẽ phải tạo ra một câu chuyện như thật với giọng kể khách quan nhưng với cái giá phải trả là chúng ta sẽ không hiểu được các hoạt động và ý nghĩa của những việc này được các thành viên thể hiện như thế nào và làm thế nào cô ấy hiểu được chúng. Chắc chắn là nhà dân tộc học không thực sự ghi chép điền dã theo cách thức thấu hiểu như vậy.

Tóm lại, cách tiếp cận tương tác và diễn giải cùng với sự xuất hiện của chúng ta trong các ghi chép điền dã thường cản trở việc sử dụng cái nhìn thấu hiểu khi thực hiện các ghi chép điền dã. Một cách nhìn thấu hiểu sẽ cho ra đời những ghi chép thực địa kết hợp giữa trải nghiệm tham dự của nhà điền dã với lời kể của những người khác; ẩn đi các quá trình phức tạp của việc khám phá ra những hiểu biết khác nhau về nội dung của một sự kiện; giảm thiểu và pha trộn các bối cảnh đa dạng thành những lời giải thích theo một giọng nói duy nhất; bỏ qua những giải thích mang tính ngẫu nhiên cao cần có để hòa hợp và/hay ưu tiên những lối giải thích khác nhau về sự kiện đó. Thật vậy, do quan điểm này định vị người viết như một người quan sát tách biệt hay ở bên ngoài sự kiện nên sẽ khuyến khích cô ấy miêu tả các nhân vật và hành động với kiến thức gần như là tuyệt

đổi và đưa ra những kết quả cuối cùng. Vì những lý do này chúng tôi không khuyến khích dùng quan điểm thấu hiểu khi viết các ghi chép điền dã.<sup>9</sup>

*Chuyển đổi các cách nhìn giữa ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.* Như đã nhấn mạnh ở phần trước, ghi chép điền dã không thể hiện một bức tranh đầy đủ về đời sống và các mối quan tâm hằng ngày mà chỉ là một bức tranh về cuộc sống và những mối quan tâm này được nhà dân tộc học nhìn nhận, hiểu và truyền tải sau quá trình quan sát. Kết quả là nhà dân tộc học có khuynh hướng viết dựa trên việc thừa nhận cái tôi như một lăng kính để xem xét và tập trung vào việc miêu tả người khác. Nhà nghiên cứu thực hiện vị thế phân đôi này trong thực tế bằng cách di chuyển qua lại giữa việc kể về trải nghiệm quan sát được khi tham dự ở ngôi thứ nhất và việc quan sát người khác ở ngôi thứ ba. Nhưng khi di chuyển giữa hai điểm nhìn ở ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba, nhà dân tộc học gặp phải một khó khăn khi phải giải quyết mối quan hệ căng thẳng của hai vị trí này. Một mặt, anh ta tham dự và viết về những sự kiện hằng ngày thường xuyên xuất hiện trong bối cảnh đó bằng cách chú ý xem các sự kiện có ý nghĩa gì đối với các thành viên, thường sử dụng quan điểm tập trung vào ngôi thứ ba và thường xuyên trích dẫn lời nói của các thành viên để có thể nghe được tiếng nói của họ. Mặt khác, nhà điền dã không thể bỏ qua việc tham gia quan sát những sự việc đang diễn ra khi viết. Việc chuyển đổi sự chú ý qua lại từ bản thân sang người khác là sự chuyển đổi quan trọng về cách nhìn nhận, đánh dấu bằng việc thường xuyên sử dụng đại từ “tôi” hay các đại từ “cô ấy”, “anh ấy” và “họ”, sau đó thì quay lại với “tôi”. Trong khi những chuyển đổi này dựa trên

<sup>9</sup> Nhiều quan điểm chống lại quan điểm thấu hiểu bị suy yếu hay thậm chí biến mất hoàn toàn khi chúng ta chuyển từ phần viết các ghi chép điền dã sang viết các tác phẩm dân tộc học cuối cùng. Thật vậy, tất cả các phần thảo luận hiện nay về tính thấu hiểu trong bài viết dân tộc học đều đề cập đến các tác phẩm dân tộc học chứ không phải các ghi chép điền dã. “Những câu chuyện thực tế” của Van Maanen (1988:45-72) chẳng hạn là những miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh bao gồm nhiều đặc điểm sâu sắc - sự vắng mặt của tác giả trong văn bản, những phần miêu tả, tổng quan chi tiết cặn kẽ và “quyền năng tuyệt đối có tính diễn giải”. Tương tự vậy, Brown (1977) xem quan điểm thấu hiểu như là đặc tính của nhiều tác phẩm dân tộc học cổ điển; nhà dân tộc học áp dụng một quan điểm thấu hiểu, chẳng hạn khi anh ta chọn tiếng nói của thành viên nào để thể hiện và chuyển từ quan điểm của người này sang quan điểm của người khác.

việc quan sát tham dự thì nhà dân tộc học - và cũng là tác giả - có thể lựa chọn quan điểm viết nhấn mạnh đến chi tiết và tiếng nói họ trải nghiệm được trong thực địa.<sup>10</sup>

Tuy nhiên, cách tiếp cận phân đôi này thực sự không nhất thiết phải dẫn đến sự phân chia rạch ròi giữa các quan điểm đó thành các phần viết ở ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba; thay vào đó, nhà dân tộc học như là một tác giả có thể chuyển từ ngôi thứ nhất sang ngôi thứ ba và quay trở lại chỉ trong một phần viết hay phân đoạn. Cách viết chủ yếu từ quan điểm của người thứ ba không bắt buộc nhà nghiên cứu hoàn toàn phải tránh đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất và luôn tách bản thân ra khỏi các ghi chép thực địa của mình. Chẳng hạn, trong ghi chép điền dã về người khác chủ yếu ở ngôi thứ ba, nhà nghiên cứu có thể để mình trở thành người ngoài cuộc, người khuôn định cảnh đó; hay như một người chứng kiến, cô ấy có thể đưa vào các phản ứng của mình đối với các hành động bằng những nhận xét ở ngôi thứ nhất. Nếu tác giả có chú ý chuyển sang thể hiện quan điểm đầy đủ hơn trong một bối cảnh khác thì phần viết phải thể hiện rõ ràng điều đó chứ không phải là một mớ hỗn độn cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

Ví dụ, một người thực tập nghiên cứu ở nhà mở dành cho gái mại dâm đang hoàn lương nhận xét là viết ở ngôi thứ ba giúp cho cô ấy có được "cảm nhận tốt hơn về cảnh tượng và nội dung của cuộc đối thoại" đối với các phụ nữ trẻ; tuy nhiên, cô ấy không thể tránh khỏi sự hiện hữu của bản thân trong phần viết chủ yếu từ ngôi thứ ba vì ngôi nhà chỉ có sáu người và sự tương tác của cô là một phần quan trọng trong các cuộc đối thoại. Trong ghi chép điền dã sau đó, cô ấy bắt đầu bằng cách nói về sự hiện diện của mình

<sup>10</sup> Viết các quan điểm khác nhau bao gồm việc chuyển đổi sự chú ý của tác giả. Một sinh viên cho biết khi cô ấy chuyển đổi giữa các quan điểm một cách có ý thức, cô thực sự thấy rằng bản thân điềm tập trung của mình cũng có sự thay đổi: "Khi tôi xem qua các phần viết nhanh và bắt đầu viết thành các ghi chép điền dã đầy đủ, tôi cũng có suy nghĩ khác giữa điềm nhìn ở ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba. Khi viết các ghi chép điền dã ở điềm nhìn ngôi thứ nhất, tôi thấy là mình viết nhiều về những người xung quanh, tôi thực sự nghĩ về các sự kiện từ bối cảnh của mình. Khi viết các ghi chép điền dã ở điềm nhìn ngôi thứ ba, tôi nghĩ nhiều hơn về các thành viên khác, những gì họ đang làm, và điều đó khiến tôi chú ý đến họ nhiều hơn là những gì tôi đang làm". Như người sinh viên này đã cho thấy việc chuyển đổi giữa các quan điểm đem lại một hậu quả, đó là sự định hình cũng như cách người ta nhận và tường thuật những sự việc chứ không phải chỉ là vấn đề về sở thích hay kỹ thuật.

với các phụ nữ ở đó, những người đang nói chuyện với nhau trong nhà để xe, nhưng sau đó chuyển sang tập trung hoàn toàn vào họ.

Silvia, Kelly, Sandra và tôi ngồi trong nhà để xe... Silvia đang cầm một con búp bê đội mũ và nói: "Xem cái này đi". Silvia mặc áo lạnh màu xanh với một chiếc áo không tay cổ chữ V bên trong.. Tuần này, cô ấy có màu tóc mới, một sắc tím. Cái áo không tay cổ chữ V làm lộ vết xăm của cô ấy. Cái tên "Mookie" chạy ngang ngực với một ngôi sao ở phía trên. Cô ấy trông thấp hơn đáng dấp trung bình của một phụ nữ Mỹ Latin, với đôi môi rộng màu hồng. Cô ấy nhìn trẻ (hơn những người khác) ở độ tuổi gần ba mươi. Kelly nhìn con búp bê, cười và nói: "Nhìn giống cô lắm!" Silvia nói: "Tôi biết, nó là em tôi mà." Kelly hỏi: "Ở đâu cô ấy có nó?" Silvia nói với cô ấy là Julie tìm thấy nó trong đồng quà tặng và cho tôi... Họ hút thuốc, và Sandra hỏi: "Ngày hôm nay thế nào, Silvia?" Silvia trả lời: "Ồ, tôi phải làm một đồng chuyện và tôi mất mười đô". Sandra nói: "Chết tiệt, tôi xin lỗi." Kelly mở to mắt, nhướng chân mày lên và nói: "Cô mất mười đô hả?" Silvia gật đầu. Cô ấy làm bầm nho nhỏ: "Tôi mất tiền cứ như thể tiền tự nhiên mà có vậy á." Cô ấy nhìn xuống đất và nghịch diều thuốc trên tay.

Ghi chép điền dã tiếp tục với câu chuyện giữa những người phụ nữ, miêu tả quần áo, cử chỉ của họ và cuộc nói chuyện ngắn khi họ nghỉ ngơi trong nhà để xe. Chỉ khi cuộc nói chuyện chuyển sang phản cảm mặt của cô ấy thì sự hiện diện của nhà dân tộc học mới trở nên rõ ràng trong ghi chép điền dã. Chẳng hạn, khi các phụ nữ rời khỏi nhà để xe và quay lại với những người khác trong nhà, người quản lý dịch vụ<sup>11</sup> nhờ nhà nghiên cứu tính toán giúp vụ tiền bạc phúc tạp của một cư dân:

Jennifer, người quản lý dịch vụ, quay trở lại phòng và nói, "Catherine, cô có tính được chuyện tiền bạc của mình không?" Catherine trả lời là cũng được. Jennifer nhìn tôi và hỏi: "Cô có thể giúp chúng tôi giải quyết vài vụ không?" Tôi trả lời: "Xin lỗi, Tôi không có nhiều kinh nghiệm về công việc đó." Jennifer gật đầu và quay lại phòng nhân viên.

---

<sup>11</sup> Là người có bằng cấp về công tác xã hội và tư vấn sức khỏe tinh thần. Nhiệm vụ của người quản lý tình huống là điều phối các dịch vụ cần thiết, kết nối khách hàng với các dịch vụ mà họ cần, chẳng hạn như về tài chính, y tế, hay trợ giúp xã hội [ND].

Những ghi chép điền dã viết từ ngôi thứ ba tập trung vào những người khác và chỉ đưa nhà nghiên cứu vào khung cảnh mang tính chất của sự *khuôn định lúc mở đầu và lúc kết thúc*: cô ấy ngồi trong nhà để xe và nghe những người phụ nữ khác nói; cô ấy quay vào nhà cùng với họ và trả lời câu hỏi của người quản lý dịch vụ. Chủ yếu chú ý đến các phụ nữ; cách cô ấy dùng ngôi thứ ba tập trung vào những người khác đầy đủ hơn so với bối cảnh ngôi thứ nhất và miêu tả hoạt động của các thành viên trong cộng đồng nhiều hơn so với trải nghiệm của riêng cô ấy.<sup>12</sup>

Đôi lúc nhà dân tộc học tập trung vào lời lý giải như *một sự kiện chứng kiến được*, nhấn mạnh cách nhìn và sự tham gia cận cảnh mặc dù cô ấy không phải là nhân vật trong đó. Vì thế, sự tập trung được hướng vào những người khác, đưa ra những hoạt động mà lúc đầu dường như là một bản tường thuật chủ yếu ở ngôi thứ ba. Tuy nhiên, vì cô ấy thỉnh thoảng đưa ra những nhận xét ngẫu nhiên (chẳng hạn “tôi thấy khiếp sợ”), người đọc có cảm giác đang chứng kiến cảnh đó cùng với cô ấy. Chiến lược tu từ này kéo người đọc đến gần hơn và thuyết phục họ là điều này “thật sự đã xảy ra chính xác như tôi đã thấy”. Nhà dân tộc học có thể đưa vào các đặc điểm và những việc đã xảy ra một cách bất ngờ, tương phản với những gì nhà nghiên cứu đã quen thuộc, hay tạo ra những phản ứng xúc cảm mạnh mẽ. Khi viết ra những ghi chép điền dã như vậy, nhà nghiên cứu thường xen vào các nhận xét bên lề ở ngôi thứ nhất khi cô ấy tập trung phản ứng của mình vào các sự kiện và con người. Ví dụ, khi quan sát và tham dự vào các nghi lễ *mukanda* ở Zambia, Rachel Fretz thường thực hiện các ghi chép điền dã miêu tả hoạt động của những người khác.<sup>13</sup> Trong đoạn trích sau, cô

<sup>12</sup> Beiderwell and Wheeler giải thích là mặc dù người kể chuyện ở ngôi thứ nhất nói từ “bối cảnh của một người đứng bên trong câu chuyện, người kể chuyện xưng là “tôi”, nhưng kỹ thuật viết này không chỉ giới hạn ở cái nhìn của người kể chuyện. Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất có chức năng tường thuật về những người khác (2009:383). Kỹ thuật viết ở ngôi thứ nhất nói về người khác này thường thấy khi viết các ghi chép điền dã, nơi nhà dân tộc học nói bằng giọng của mình để kể về những hoạt động cùng nhân vật trung tâm trong sự kiện. Cách sử dụng này làm giảm đi sự khác biệt kỹ thuật giữa việc viết từ điểm nhìn của người thứ nhất và từ điểm nhìn của người thứ ba.

<sup>13</sup> Trong công trình này, Rachel Fretz thực hiện nhiều quan sát cùng với sự hợp tác của hai nhà nghiên cứu khác làm việc trong cùng một làng, nhà lịch sử nghệ thuật Elisabeth Cameron và Manuel Fordan. Các nhà nghiên cứu làm việc với nhau ở cùng một địa điểm có thể ghi lại và đại diện cho những tiếng nói và quan điểm khác nhau của các thành viên đa dạng khác nhau.

Ấy để ý đến việc người khác đang làm, và thỉnh thoảng đưa vào những câu phát biểu với đại từ “tôi” khi nhớ lại lúc tích cực tham dự và trong khi miêu tả các phản ứng của chính mình.

Buổi trưa có, chúng tôi nghe các phụ nữ và trẻ em reo hò như thế một *lyishi* đã đến và chúng tôi (một nhà nghiên cứu khác và tôi) chạy xuống (đến trung tâm làng) đem theo máy ảnh. Đó là Kalulu, đeo mặt nạ thỏ. Ông nhỏ người, linh hoạt, mặc một chiếc xà rông bằng cỏ và quấn quanh cổ một cái áo cũng bằng cỏ. Ông đeo các phục sức bằng sợi thường ở tay và chân, một “áo khoác” có dạng lưới vừa vặn với thân hình, và mặt nạ của ông là một khuôn mặt nhỏ nhắn được sơn trắng đỏ với hai cái lỗ tai to bằng vải. Ông nói bằng giọng mũi: “Wha, wha”. Nghe như tiếng trẻ con khóc. Ông nhảy lò cò quanh sân và chạy gần tới lũ trẻ. Sau đó, vị thủ lĩnh yêu cầu các phụ nữ ra nhảy với ông; vì vậy D, con gái của ông, gọi một số phụ nữ và trẻ em lại và họ quay lưng lại với ông Thỏ, Kalulu, vừa hát vừa nhảy... Thỉnh thoảng Kalulu mệt mỏi đuổi theo phụ nữ và trẻ em. Và sau đó bắt thình linh, ông sử dụng cái roi nhỏ và chạy ngay đến một cô gái và đánh cô ta. Lũ trẻ chạy tán loạn và kêu inh ỏi còn ông Thỏ chạy lướt qua nhà cửa J. Không lâu sau ông quay lại.

Và sau đó dường như vị thủ lĩnh gọi John lại và chỉ hướng cho cậu ấy vì lát sau John đ và tìm thấy Kianze, bé gái tám tuổi sống với N (bé ấy là cháu gái của bà), giữ chặt cô bé và kéo cô bé đang la hét đi về phía Kalulu, ông Thỏ, người đang đến bắt cô bé.

Cô bé la hét chạy về hướng khác và John lại đuổi sau cô bé, túm và kéo cô bé về phía ông Thỏ. Kianze, quay lại dǎng sau dường như vô cùng khiếp sợ và hét lên trong khi nước mắt tuôn trào trên gương mặt (Tôi cảm thấy khiếp sợ khi nhìn thấy điều đó.) Lần này, ông Thỏ đánh mạnh vào cô bé và cô bé vừa chạy vừa kêu, hoảng hốt vào nhà mình. Và người đeo mặt nạ đuổi theo sau cô bé cũng chạy luôn vào nhà. Nhưng sau đó tôi nghe kể là cô bé đã xoay sở trốn được dưới gầm giường.

Sau đó, Kalulu đuổi theo Jinga, ông ta bắt cô bé và nâng bổng trên tay. Jinga cùn; thét lên nhưng cô bé dường như không quá sợ và không khóc. Có người sau đó kể là N [bà của cô bé] quát vào mặt ông để giằng cô bé lại, vì người leo mặt nạ đã chuẩn bị đem cô bé xuống con đường dẫn đến trại *mukanda*.

Lần này, người tôi chú ý tới là Ana [cô bé nhỏ tuổi hơn] đã biến mất (Một người kể là cô ấy chạy vào bụi rậm để trốn.) Đường như ông Thỏ nghĩ là cô bé

đang trốn trong nhà vì thế ông bắt đầu đuổi theo mẹ cô bé, Nyana, chạy nhanh vào nhà và sập cửa lại. Vì cửa làm bằng gỗ chắc chắn và được đóng chặt, ông Thỏ không thể mở được...

(Thật sự, ông Thỏ *Kalulu* là một người lừa phỉnh, người vừa chơi vừa nhảy nhưng ngay sau đó lại quay sang bắt cóc mọi người.) Ngày hôm sau, tôi đã hỏi John tại sao anh ta bắt Kianze và Jinga; anh ta nói là do lẽ ra chúng phải đi học mỗi ngày, nhưng chúng ra khỏi nhà mà lại không đi học. Một lúc sau, người đeo mặt nạ chạy xuống con đường *mukanda* và tôi đi về nhà, vẫn bị sốc vì cách người đeo mặt nạ đối xử với hai cô bé.

Mặc dù nhà điền dã dân tộc học khi viết những ghi chép điền dã này tập trung chủ yếu vào những người khác - người nhảy múa đeo mặt nạ, những cô bé la hét, người bà - cô ấy đôi lúc lại đưa vào phản ứng của mình với những cô bé sợ hãi như việc sử dụng đại từ "tôi" trong miêu tả của mình. Nếu cô ấy trích những tiếng la hét của các cô bé và của người bà gọi ai đó đến cứu cháu gái thì cô ấy có thể đã làm tăng thêm cảm giác khi quan sát cuộc rượt đuổi một cách cận cảnh và trực tiếp hơn. Tuy nhiên, vì cô đang làm nghiên cứu bằng tiếng Chokwe trong một vùng đa ngôn ngữ và những người này cụ thể đang nói tiếng Lunda và Luvale, nên cô ấy không thể đưa ra những trích dẫn trực tiếp. Miêu tả của cô thuật lại những hành động, tiếng la hét và những điều mà người nói tiếng Kichokwe nói với cô ấy. Vì thế, sự hiện diện và nhận xét của cô ấy trong ghi chép điền dã tạo thêm cảm giác trực tiếp.

Theo quy ước, việc đưa vào từ "tôi" làm cho câu chuyện này ở ngôi thứ nhất, được kể thông qua trải nghiệm của người kể chuyện. Nhưng đây không phải là cách sử dụng ngôi thứ nhất mà chúng tôi đã đề cập ở phần trên, qua đó chúng ta biết được cảm giác và kiến thức ở ngôi thứ nhất của nhà dân tộc học với vị thế của một người trong cuộc tham gia vào cuộc trao đổi. Thay vào đó, nó là cách sử dụng khác của ngôi thứ nhất khi người nói cũng chính là người chứng kiến các nhân vật trung tâm khác, và vì thế các phần viết xuất hiện ở ngôi thứ ba. Người kể chuyện - là tác giả "tôi" - chuyển đổi giữa các phản ứng của mình và sự quan sát kỹ lưỡng của cô ấy về những người khác, các nhân vật trung tâm; kết quả, người kể chuyện - cũng là người chứng kiến - hiện hữu một cách thuyết phục trong các ghi chép điền dã. Việc để các giọng nói gần nhau - ở đây là giọng nói của nhà

dân tộc học - như một người chứng kiến - và những người chạy trốn người đeo mặt nạ - có hiệu ứng tu từ thuyết phục (Atkinson, 1990:82-103).

Tóm lại, chúng tôi cho rằng mức độ gắn kết của nhà nghiên cứu với công việc của mọi người rõ ràng đã định hình bối cảnh anh ta viết về các sự việc. Các lựa chọn về bối cảnh đi sâu hơn trong việc sử dụng các đại từ; cách một người ghi chép sẽ tạo ra ấn tượng chung về sự hiểu biết và đánh giá của nhà dân tộc học về thế giới khác. Ví dụ, sự gắn kết có thể cho phép nhà dân tộc học viết từ một bối cảnh "gần" và thể hiện các chi tiết bằng việc quan sát với vị thế của một thành viên và bằng cách trích dẫn, để thể hiện tiếng nói của một thành viên. Trái lại, thậm chí khi viết ở ngôi thứ nhất, một vị thế vật lý hay cảm xúc có khoảng cách thường dẫn đến các miêu tả khái quát hơn được thể hiện theo một giọng điệu báo cáo và bâng quơ. Cuối cùng, các chuyển đổi về quan điểm cũng đánh dấu bản chất của các ghi chép, công việc ghi chép đang tiếp diễn và liên tục phát triển chứ không phải là một công trình đã được trau chuốt và biên tập với một quan điểm nhất quán hướng tới một hiệu quả nhất định. Vì thế, mặc dù một nhà dân tộc học có thể viết các phần cụ thể khác nhau từ một quan điểm duy nhất nhưng các ghi chép điền dã lại là một sự chuyển đổi tổng thể. Nhà điền dã chuyển từ miêu tả các sự kiện quan sát được ở một địa điểm, thời gian, và bối cảnh sang ghi chép điền dã được xây dựng từ các quan điểm khác.

### *Bối cảnh “thời điểm thực” và “thời điểm kết thúc”*

Khi viết các phần miêu tả, nhà dân tộc học gấp phải một chọn lựa nữa: miêu tả một sự kiện “ở tại thời điểm thực”, đó là việc chỉ biết một phần kiến thức và chưa hoàn chỉnh, hay miêu tả nó từ điểm cuối của một lượng kiến thức hoàn chỉnh hơn.

Trong các miêu tả ở thời điểm thực, người viết tìm cách mô tả các sự kiện chỉ sử dụng vốn hiểu biết của mình tại các thời điểm khác nhau khi sự kiện diễn ra; vì thế, người viết cố gắng tránh sử dụng những thông tin sẽ xuất hiện nhưng chưa sẵn có để miêu tả những gì đã xảy ra ở thời gian trước đó. Để minh họa, chúng ta hãy xem xét cách tiếp cận trong đoạn miêu tả sau đây tại một khu nhà mờ dành cho người cơ nhỡ, chưa có được những ý nghĩa quan trọng cho đến khi người viết ra chúng:

Toàn bộ khu vực xung quanh khu nhà mờ, gồm cả hành lang, đều dày đặc người, nhiều hơn so với các khu nhà xung quanh. Có lẽ 80% những người này là da đen; khoảng 90% là nam giới. Người ta nằm, ngồi hay đứng đọc theo các bức tường sơn màu nước của khu nhà... Những người ở bên trái cửa đứng xếp hàng rất ấn tượng: tất cả họ đứng theo khoảng cách khá đều nhau, và đứng nguyên như thế suốt mấy giờ đồng hồ. Tôi đi vòng quanh khu nhà. Sau đó, khi đọc thông báo của khu nhà, tôi mới biết là những người này đang xếp hàng để chờ được phép ngủ đêm tại khu nhà. Thông báo ghi là "vé ngủ" sẽ được phát vào lúc 12:30 trưa và do vậy người ta xếp hàng từ sớm. Thật thú vị, tôi thấy có nhiều người ở phía sau khu nhà xếp hàng để có bữa trưa hơn là xếp hàng để được ngủ.

Giải thích theo thời gian thực đảm bảo được trải nghiệm quan sát của người viết khi ghi chép về một cộng đồng vốn chưa được biết đến trước đây. Nhà nghiên cứu lúc đầu không sử dụng việc họ "đang xếp hàng" vì mục đích cụ thể là miêu tả cảnh đó mà còn trình bày một sự việc đang được khám phá; người viết đã nỗ lực miêu tả những thông tin ban đầu này cho thấy những người "đang xếp hàng", chẳng hạn như "khoảng cách đều nhau", diễn tiến theo thời gian. Sau đó khám phá ra "mục đích" của những hoạt động này - để có một "vé ngủ" cho phép họ qua đêm tại khu nhà mờ - được miêu tả rõ ràng khi nhà dân tộc học khám phá ra điều này; chỉ khi đó những người này mới được miêu tả là "xếp hàng để được ngủ".

Ngược lại, những nhà nghiên cứu thực địa cũng có thể miêu tả những sự kiện này bằng việc sử dụng hết tất cả vốn hiểu biết của mình. Quy trình này kết hợp "các dữ kiện" hay những hiểu biết được hình thành sau đó để miêu tả hay khắc họa những gì đã diễn ra ở giai đoạn đầu. Chẳng hạn để miêu tả một buổi họp kinh doanh trọng trang theo cách này thì người quan sát sẽ miêu tả tên và vị trí của những người tham gia ngay từ đầu các ghi chép dù cho người quan sát chỉ có thể biết được điều này trong tiến trình họp.

Khi quan sát những cảnh mới, chúng ta thường sử dụng những gì mà sau cùng ta mới biết để miêu tả sự kiện và ý nghĩa mà lúc đầu chúng ta không hiểu, hay chỉ hiểu một phần hoặc hiểu không đúng. Thật ra, khi người quan sát định hình rõ hơn những sự việc còn mờ nhạt, mơ hồ hay hoàn toàn khó hiểu ở phút ban đầu, việc quan sát sẽ bao gồm quá trình tái

*diễn giải cách nhìn ngược về từ quá khứ liên tục* (Garfinkel, 1967). Chẳng hạn, một nhà điền dã khi quan sát trên một chuyến xe buýt có thể chú ý tới một “phụ nữ bị điên” leo lên xe và nói chuyện với tài xế. Nếu “sự điên dại” của người phụ nữ này chỉ biểu hiện rõ khi bà ta nói chuyện với người tài xế và những hành khách khác thì nó rõ ràng là sự đánh giá được suy luận ra từ một sự tương tác: Nếu nói bà ấy “điên” ngay từ đầu thì sẽ không thấy được những quá trình [tương tác] này và sẽ không có những phần viết chưa đựng bắt cứ mối quan tâm nào về chuyện người quan sát dần hiểu rõ hành vi lệch lạc của bà ta ra sao.

Nhưng diện mạo thể hiện và thái độ ban đầu của bà ta có thể làm cho “tính điên dại” của vị khách này trở nên rõ ràng đối với nhà điền dã “với cái nhìn thoáng qua” (và có lẽ là đối với bất cứ thành viên nào biết về văn hóa xã hội đô thị Mỹ). Trong trường hợp này, nếu miêu tả con người này là “điên” ngay từ đầu thì sau đó sẽ phải có thêm phần miêu tả đầy đủ thay vì một sự diễn giải nhìn ngược về từ quá khứ; “điên” là một thuật ngữ có tính đánh giá cao, theo sau nó phải là phần miêu tả về bất cứ đặc điểm nào có thể quan sát được làm cơ sở cho sự đánh giá đó. Nói chung, những ghi chép điền dã miêu tả có hiệu quả cho phép độc giả ngay từ đầu phân biệt được sự hiểu biết với sự tái diễn ngược về từ quá khứ.

Trong nhiều tình huống, sự tái diễn ngược về từ quá khứ là điều cần thiết và bắt buộc. Vì nhiều mục đích, chúng tôi không quan tâm đến các diễn giải ban đầu về con người mà một người quan sát có được dựa trên thông tin hoàn toàn thiếu hụt hay cũng không quan tâm đến việc làm thế nào người quan sát khám phá ra những người này là ai, họ làm nghề gì và họ đang làm gì. Trong nhiều trường hợp, chỉ cần quyết định của các nhà dân tộc học cũng đủ để miêu tả các vấn đề mang ý nghĩa thật sự và đúng đắn cuối cùng; việc đi tìm xem việc này xuất hiện như thế nào thường quá nặng nề và tốn thời gian, ít hiểu biết hay không hiểu gì về các hành động và mối quan tâm chính của các thành viên.

Tuy nhiên, có những lúc và những dịp nhà nghiên cứu thực địa muôn giữ lại vốn hiểu biết ban đầu - thậm chí dù nó có sai - và ghi lại quá trình đi tìm ý nghĩa. Thực tế mà nói, “nhớ lại” các sự kiện trong ngày và viết về chúng đúng với thời gian thực khi chúng diễn ra có thể giúp nhà dân tộc học nhớ lại các chi tiết và kết quả là sẽ có phần miêu tả sống động và đầy đủ

về con người cũng như các sự kiện trong cùng một bối cảnh. Về vấn đề tự nhận thức trong các mặt của một phương pháp luận, miêu tả theo thời gian thực cho phép nhà dân tộc học xác định và giải thích các quá trình của riêng họ để khám phá và gửi gắm ý nghĩa vào đó. Ví dụ, nhà điền dã trong một buổi họp về kinh doanh có thể chỉ tập trung miêu tả những thông tin và mâu chốt về vấn đề mà cô ấy tham dự, ngoài ra còn có thể xác định bản sắc và vị thế của những người hiện diện, ghi chép mà vẫn còn thiếu sự xác thực ban đầu về vấn đề này. Những miêu tả này không chỉ là tài liệu ghi lại các quá trình đánh giá người khác của cô ấy mà còn cho thấy những người tham gia bình thường trong buổi họp thể hiện những ý nghĩa này ra sao. Quy trình miêu tả sẽ cho phép người đọc chia sẻ ít nhất là phần trải nghiệm thực sự của người quan sát - tác giả - và của các thành viên để khám phá ra ý nghĩa. Nó cũng đặt người quan sát - tác giả - vào vị trí trung tâm của quá trình hình thành ý nghĩa và vì vậy đã "giải khách quan hóa" việc miêu tả; miêu tả về cách "xếp hàng để ngủ" bên ngoài một nhà mở dành cho người cơ nhỡ được khám phá theo đúng nghĩa của nó cho thấy người quan sát - tác giả - là người diễn giải chủ động về thế giới xã hội đó.

Tương tự, nhà dân tộc học có thể sử dụng cách miêu tả theo thời gian thực để nhấn mạnh quá trình các thành viên tìm hiểu và suy luận để xác định "sự thật" cũng như sự gán nghĩa, giúp nhận diện các quá trình hệ quả tinh tế đã được đánh bóng hay bị che phủ trong các phần viết theo phong cách từ thời điểm kết thúc. Ví dụ, diễn tả theo thời gian thực cung cấp các công cụ hữu ích để miêu tả các tình huống mà trong đó các thành viên/nhà nghiên cứu vẫn chưa xác định được hay còn mơ hồ về các ý nghĩa. Hãy xem đoạn văn dưới đây do nhà dân tộc học viết về việc xem xét sự tương tác với một người lạ trên chuyến tàu:

Tôi dịch chuyển đồ của tôi ở ghế kế bên để dành chỗ ngồi cho người đàn ông, nhưng anh ta chỉ nhìn tôi và cười. Sau đó anh ta nói: "Mọi chuyện thế nào?" Tôi trả lời: "Tốt, cảm ơn". Anh ta xách một cái túi hàng bằng nhựa màu đen và hỏi tôi: "Anh có muốn một quả lựu không?" Khi lấy quả lựu ra khỏi túi đưa cho tôi, anh ta nói: "Tôi vừa mới hái trong vườn nhà." Tôi trả lời: "Chắc rồi, cảm ơn!" Tôi hỏi: "Anh là người ở đây hả?" Anh ta trả lời: "Ừ, tôi đi đến San Marcos thăm một người bạn." Anh ta bắt đầu nói về việc sẽ xem một vở kịch ở Trung tâm cộng đồng. Tôi cố hết sức để theo dõi những gì anh ta đang nói (Tôi bị áp đảo

bởi lượng thông tin dồn dập. Anh ta nói với tôi giống như thế tôi biết hết tất cả những người anh ta đang nói tới.) Anh ta nói về hai người trong vở kịch... Tôi chú ý là anh ta đã rụng vài cái răng và một số răng bị vàng và mọc khắp khểnh... Anh ta đi xăng-dan và tôi thấy chân anh ta bị chai. Anh ta đang kể chuyện về hai người bạn tham gia đóng kịch ở Trung tâm cộng đồng. Tôi hỏi: "Họ bao nhiêu tuổi?" Anh ta nói: "Cô gái 18 tuổi và chàng trai thì 16 tuổi." Tôi hỏi: "Vậy là anh đi đến đó để xem kịch hả?" Anh ta trả lời: "Đúng rồi, tôi đã xem hôm qua. Tôi ấn tượng về họ đến nỗi hôm nay tôi sẽ dài họ bánh pizza tôm sau buổi diễn của họ." Khi đang nói chuyện, anh ta có nói đến tuổi của mình so với bạn trẻ: "Tôi 49 tuổi". Anh ta bắt đầu nói cho tôi biết số xe buýt, như "302", "309"... tuyến xe buýt mà anh ta thường đi. Anh ta tiếp tục nói và không ngừng hỏi tôi; tôi thường lặp lại một số từ chính của anh ta trong câu chuyện để cho thấy là tôi đang nghe anh ta nói.

Con tàu đang đi vào ga tôi sẽ xuống, tôi đứng lên, đi về phía cửa mở, người đàn ông đi xuống chỗ thấp hơn. Anh ta xuống ở Trung tâm cộng đồng như đã nói, nhưng anh ta chỉ ngồi đó trên chiếc ghế và hai tay ôm đầu, thể hiện sự khổ sở (Điều này khiến tôi thắc mắc không biết có phải anh ta dựng nên câu chuyện về việc đi thăm bạn hay không. Sau đó, tôi nhìn lên lịch diễn của Trung tâm cộng đồng San Marcos để xem có vở kịch vào cuối tuần không, nhưng đúng là không có vở kịch nào đang diễn cả. Đôi lúc chúng ta không biết chúng ta tin được bao nhiêu phần trong cuộc nói chuyện. Chúng ta không biết về những người lạ mà chúng ta giao tiếp mãi cho đến khi chúng ta nói chuyện với họ và đặt câu hỏi, nhưng thậm chí sau đó, rất khó để biết và đánh giá hay diễn giải ý nghĩa của họ. Ai biết được - người đàn ông này rất có thể là một người bị rối loạn tâm thần, tự vẽ nên những kịch bản này cho bản thân. Tôi không biết.)

Khi diễn ra cuộc gặp mặt với người đàn ông trên chuyến tàu, nhà dân tộc học trình bày lần lượt các khía cạnh về diện mạo và cách nói của người đàn ông này khiến cho câu chuyện của ông ấy trở nên đáng tin nhưng sau đó lại hơi nghi ngờ về những gì ông ta nói về mục đích của chuyến đi. Bằng cách viết theo thời gian thực tại và cho thấy nỗ lực xâu chuỗi các mẫu chuyện trái ngược nhau của người đàn ông để làm cho câu chuyện có nghĩa, cô ấy tạo ra cảm giác nghi ngờ cho độc giả, từ trải nghiệm của bản thân mình (Điều này có vẻ hợp lý nhưng tôi có nên tin anh ta không? Làm thế nào tôi biết được?). Khi người đàn ông xuống tàu ở trạm muôn dừng nhưng lại ngồi đó ôm đầu trong đau khổ, nhà dân tộc học vẫn tiếp tục diễn giải và nhận ra ý

nghĩa của sự việc đã xảy ra vẫn chưa rõ ràng. Thay vì kết luận người đàn ông bị tâm thần dựa trên sự khác biệt và không nhất quán trong câu chuyện của ông ấy, cô ấy lại nắm lấy cơ hội trong nhận xét ngẫu nhiên để đưa ra câu hỏi tiếp theo khi tiếp tục quan sát, để có thể hiểu biết sâu hơn về cách giao tiếp giữa những người không quen biết. Nói chung, chúng tôi đề nghị các nhà dân tộc học nên tránh sự cảm dỗ phải đi đến quyết định “cái gì đã xảy ra” vì mục đích kết thúc. Vì thế, miêu tả theo thời gian thực có thể quan trọng, chẳng hạn như nó cho thấy cách các thành viên cũng như nhà nghiên cứu đôi lúc đã giằng co như thế nào để hiểu được hay đưa ra một ý nghĩa - một tình huống hay một người có ý nghĩa như thế này hay như thế kia? - cũng như cho thấy sự mơ hồ và không chắc chắn vốn là các khía cạnh quan trọng của tương tác xã hội.

Tóm lại, các miêu tả cô đọng và rõ ràng từ điểm kết là cách hiệu quả để kể lại những gì diễn ra trên thực địa vốn tồn tại nhiều thời gian. Tuy nhiên, các miêu tả như vậy có khuynh hướng bỏ qua hay không cho phép các quá trình tương tác quan trọng xuất hiện và vì vậy chúng ta không thấy được cách hiệu quả nhất để tìm ra ý nghĩa hay giả định mà ban đầu mâu thuẫn, khó hiểu, chưa đầy đủ hay chưa chắc chắn. Ngược lại, miêu tả theo thời gian thực ghi lại các quá trình mà qua đó các thành viên đạt tới được những gì họ cho là một sự hiểu biết chắc chắn về ý nghĩa, sự việc hay trình tự của sự kiện. Để làm được vậy, những miêu tả này phải thể hiện tính mơ hồ và không xác định vốn là đặc trưng của đời sống xã hội.

## CÁC CÂU CHUYỆN TỪ GHI CHÉP ĐIỀN DÃ: VIẾT CÁC PHÂN ĐOẠN KỂ CHUYỆN MỞ RỘNG

Khi nhà dân tộc học sắp xếp các ghi chép đã có thành đề mục của một ngày bao gồm các phân đoạn được nối kết lỏng lẻo thì việc kể chuyện chủ yếu dựa vào bối cảnh của người viết - như những điều mà cô ấy thấy hay nghe được (xem Chương 3). Nhưng ngay từ lúc bắt đầu công tác thực địa, nhà dân tộc học cũng nhận thấy một số hành động gắn kết chặt chẽ với nhau về bản chất, không phải chỉ do sự tập trung của cô ấy mà phần nhiều là do những tương tác này đã gắn kết các thành viên lại với nhau. Khi ghi chép

thực địa về những hoạt động như vậy - đa phần chúng kéo dài cả buổi hay thậm chí vài ngày, giống như các vụ kiện ở tòa hay các nghi lễ trình diễn - nhà nghiên cứu vẫn phải viết các phác thảo và các phân đoạn sinh động như một phần của sự thể hiện tập trung và thống nhất hơn về dòng chảy của đời sống xã hội. Cô ấy viết một phân đoạn như vậy theo một trình tự chặt chẽ, tạo ra một câu chuyện liên tục, ghi lại “những gì đã xảy ra” từ đầu cho đến cuối hoạt động hay sự kiện. Những phần kể chuyện mở rộng như vậy đôi lúc được gọi là “các câu chuyện ghi chép thực địa” (Van Maanen, 1988), kể lại trình tự của những phân đoạn được liên kết với nhau và phụ thuộc nhiều vào các quy ước kể chuyện.

Viết một câu chuyện trong ghi chép điền dã cho phép nhà dân tộc học trình bày một sự kiện hay hoạt động khi nó diễn tiến theo thời gian và xuất hiện qua sự tương tác của các thành viên. Các nhà dân tộc học thường bắt đầu để mục của một ngày bằng cách viết một phần chuyện kể như vậy, hứng thú nối kết một sự việc hay sự kiện xuất hiện rất hấp dẫn hay là tâm điểm của các thành viên. Vì là một phần trong ghi chép điền dã hằng ngày nên những phần kể chuyện này dễ dàng trở thành các phần viết mở rộng nhất gắn với một đề mục. Đôi lúc, một câu chuyện điền dã như vậy được mở rộng để trở thành một đề mục đầy đủ; hiếm khi có một câu chuyện có thể trải dài qua vài đề mục của các ngày khác nhau.

Khi biên soạn các câu chuyện trong ghi chép điền dã, nhà dân tộc học tìm thấy (và tạo ra) các nối kết, không sử dụng nhiều trải nghiệm của bản thân để hình thành cách kể chuyện mà thay vào đó, bằng cách tạo ra một câu chuyện tập trung vào những khoảnh khắc quan trọng trong các hoạt động sống của người khác. Dĩ nhiên, câu chuyện không nói lên được bản thân chúng; rõ ràng là nhà dân tộc học - với tư cách là người kể chuyện - tạo nên những câu chuyện này và kết nối chúng, thậm chí khi họ miêu tả các sự kiện trong cuộc sống của những người khác. Nhà nghiên cứu có thể xác định và tạo ra một sự kết nối khi kể chuyện theo hai cách biệt nhưng liên quan với nhau. Đầu tiên, họ có thể xây dựng các câu chuyện mở rộng trực tiếp theo trình tự tương tác khi các thành viên ở thực địa hướng tới các hành động. Ví dụ, trong bối cảnh liên quan đến luật pháp và dịch vụ xã hội, “vụ kiện” sẽ là một đơn vị “tự nhiên”; tất cả những tương tác trong các phiên điều trần ở tòa, phòng vấn lấy lời khai ban đầu và giám sát quản chế

đều được sắp xếp xung quanh việc xử lý các cá nhân tâm điểm. Tương tự, trong bối cảnh trường học, “giờ học” như là một đơn vị mà các giáo viên và sinh viên hướng tới khi phân chia ở các đơn vị khác ngoài lớp học, chẳng hạn như giờ nghỉ “dinh dưỡng”, bữa trưa, cuộc họp toàn trường, v.v. Thứ hai, nhà dân tộc học có thể tạo ra những trình tự cố kết bằng cách tập trung một cách chọn lọc vào một loạt sự kiện liên quan đến các nhân vật hay hoạt động tương tự theo thời gian mà không trực tiếp cho biết cách các thành viên tổ chức hay đề cập đến những vấn đề này. Ví dụ, nhà nghiên cứu có thể sắp xếp các câu chuyện quanh phần “thú vị hơn” của “ngày làm việc”, cho thấy hành động của các thành viên tiến triển theo thời gian như thế nào và đôi lúc dường như dẫn đến “điều đang xảy ra”. Nhưng nhà nghiên cứu không bỏ đi tất cả mối quan tâm dành cho “các đơn vị tự nhiên” của những thành viên trong đơn vị. Mặc dù anh ta chọn lọc và liên kết các hoạt động đã chọn để kể, nhưng anh ta làm như vậy với một phạm vi hiểu biết rộng lớn hơn của cách phân loại được các thành viên nhùn nhặn. Ví dụ, anh ta có thể kể lại hành động dẫn đến mâu thuẫn của một sinh viên nào đó; hay anh ta có thể kể về giờ nghỉ định kỳ của công nhân trong một ngày.

Về cơ bản, cách kể chuyện chặt chẽ, phân chia rạch ròi giữa “điểm bắt đầu” và “điểm kết thúc”: Một “vụ kiện” bắt đầu khi thư ký tòa án tuyên bố bắt đầu vụ xử và yêu cầu những bên liên quan ngồi vào vị trí tương ứng trong phiên tòa, và kết thúc khi những người này rời khỏi vị trí; một tiết học bắt đầu và kết thúc bằng tiếng chuông hay tiếng còi. Những điểm bắt đầu và điểm kết thúc tương đối rõ ràng nếu phần kể chuyện trực tiếp thể hiện đơn vị được thành viên sử dụng, chẳng hạn như “vụ kiện” hay “tiết học”. Những điểm bắt đầu và kết thúc dễ thay đổi hơn khi nhà dân tộc học chọn đi theo một mạch chủ đề và chủ động hơn trong việc tạo ra tính liên kết của câu chuyện, như chọn lúc nào thì bắt đầu kể về công việc hay ngày làm việc của các thành viên. Nhưng thậm chí khi chủ động vạch ra những đơn vị mà các thành viên đã sử dụng thì sự “bắt đầu” và “kết thúc” của câu chuyện cũng không bao giờ là tuyệt đối. Chẳng hạn như từ bối cảnh của người bị kiện, “điểm bắt đầu” trong trường hợp của anh ta có thể là sự tham vấn chính thức với luật sư bào chữa được chỉ định ở tiền sảnh ít phút trước phiên tòa; “điểm kết thúc” có thể là bàn báo cáo với luật sư của anh ta, cuộc gặp gỡ với người quản chế, hay trả tiền phạt sau quyết định của tòa án. Vì

vậy, điểm bắt đầu và điểm kết thúc đánh dấu các câu chuyện mở rộng là những công cụ tự tìm tòi, cho phép nhà nghiên cứu sắp xếp và hợp nhất các trình tự tương tác trong câu chuyện sẽ được viết thành sách. Thật vậy, thông qua việc tìm hiểu những gì sẽ xuất hiện trước điểm bắt đầu và sau điểm kết thúc, nhà dân tộc học có thể tìm thấy các chiến lược hữu ích để mở rộng và đào sâu các câu chuyện trong ghi chép điền dã.

Kết quả của hai chiến lược kể chuyện này - chiến lược sử dụng đơn vị do thành viên vạch ra hay đi theo một mạch chủ đề để tạo ra câu chuyện - các câu chuyện ghi chép thực địa sẽ gồm có các phần kể chuyện trong đề mục của một ngày, được hợp nhất từ chặt chẽ đến lỏng lẻo. Rõ ràng, đa số câu chuyện trong ghi chép thực địa có cấu trúc lỏng lẻo; tác giả chỉ tường thuật những gì anh ta thấy và theo khả năng ghi nhớ của mình. Ví dụ, khi đã chọn được một số đặc tính nào đó của ngày làm việc, nhà dân tộc học có thể kể một loạt phân đoạn nhấn mạnh vào một vài nhân vật hay tập trung vào các hoạt động tương tự. Anh ta sắp xếp các hoạt động theo câu chuyện có tính phân đoạn vì anh ta cho là các hành động liên kết lỏng lẻo với nhau. Anh ta viết một phân đoạn này sau một phân đoạn khác, bao gồm tất cả những hành động mà anh ta quan sát và nhớ được, mặc dù anh ta có thể không thấy chúng phù hợp như thế nào trong khi đang viết. Anh ta tạo ra các liên kết mà bản thân có được vào lúc đó theo cảm giác điều gì thuộc về câu chuyện, và “cái gì đi với cái gì”. Thông thường, việc đưa vào một chi tiết hay một phân đoạn “không liên quan” chỉ trở nên rõ ràng hơn sau đó khi đọc lại câu chuyện.

Đôi lúc, nhà dân tộc học có khuynh hướng viết câu chuyện trong ghi chép điền dã theo một cấu trúc chặt chẽ hơn - vì những lý do tốt mang tính dân tộc học. Cam kết với cách hiểu sự kiện của các thành viên, nhà dân tộc học viết về các mối liên hệ và trình tự của sự kiện được những thành viên thực hiện hay thể hiện bằng một loạt hành động thống nhất với nhau: ví dụ, như những hành động có điểm mở đầu ít nhiều rõ ràng, các hành động đang tiến triển, trong đó hành động này dẫn đến hành động kế tiếp và cuối cùng dẫn đến điểm kết. Như đã thấy, nhiều cuộc điều trần của tòa án xét xử tội phạm ở xã hội Mỹ được kết cấu theo một trình tự, vì thế nhà nghiên cứu có thể viết một câu chuyện chặt chẽ về chúng. Tương tự, nhà nghiên cứu có thể nghe người ta kể cho nhau về những trải nghiệm hàng ngày của họ, nói

về những chuyện trong quá khứ khi nhà nghiên cứu yêu cầu, hay kể lại thần thoại và truyền thuyết mà những người già đã kể cho họ.

Khi viết ra những sự kiện và câu chuyện có kết cấu chặt chẽ như vậy, nhà dân tộc học thực hiện những ghi chép điền dã thích hợp mang một cấu trúc thống nhất, trong đó hành động này dẫn đến hành động khác và tạo ra một kết quả. Rõ ràng là việc viết những câu chuyện trong ghi chép điền dã hay phần kể chuyện mở rộng sẽ rất khác so với việc viết một câu chuyện đầy kịch tính mà người kể phải có chủ đích gì đó. Các câu chuyện được viết tốt không chỉ kể lại những hành động để độc giả có thể theo dõi mà chúng còn tạo ra sự hồi hộp chờ đợi trong những hành động đang diễn ra.<sup>14</sup> Cách kể chuyện với cốt truyện dẫn dắt như vậy làm cho “điều gì đó xảy ra”. Các nhân vật hành động và linh hậu quả, dẫn đến một kết quả giáo dục đầy kịch tính, giúp cho người đọc rút ra một ý tưởng có chủ đề. Nhưng đa số các sự việc và sự kiện hằng ngày không diễn ra theo cách kể chuyện kịch tính đó mà phải khéo léo hành động để tạo ra một hành động kế tiếp và dẫn đến các hậu quả rõ ràng; thay vào đó, đa phần cuộc sống diễn ra khá vô định. Việc khiến cho tất cả các trải nghiệm phù hợp với yêu cầu của một câu chuyện có cốt truyện sẽ làm cho các trải nghiệm đó trở nên sai lệch. Vì thế, nhà dân tộc học cần cẩn trọng - cảnh giác với việc áp đặt một cấu trúc kể

<sup>14</sup> Johnstone (1990:18) định nghĩa câu chuyện là “*chuyện kể* (nó trình bày một trình tự các sự kiện) với một *quan điểm* (một lý do để được kể mà không cần phải tách biệt với bất cứ nhu cầu nào để tường thuật các sự kiện)”. Tuy nhiên, cách những người kể chuyện dựng lên các chuyện kể để truyền tải những ý tưởng khác nhau từ truyền thống kể chuyện này sang truyền thống kể chuyện khác (Johnstone, 1990; Riessman, 1987; và Stahl, 1989). Chẳng hạn như trong các câu chuyện về những người anh hùng của phương Tây, nhân vật chính lên đường chinh phục, vượt qua nhiều khó khăn, và chiến thắng được quái vật hay tìm thấy chén thánh. Câu chuyện là một thành công dựa trên cuộc chinh phục của cá nhân. Ngược lại, trong nhiều nền văn hóa, người ta ít tập trung vào thành công của một cá nhân và sự phát triển của một cá nhân, mà chủ yếu nhìn vào cách mở rộng mối quan hệ giữa con người với kết quả dành cho cộng đồng và gia đình mở rộng. Ở những truyền thống kể chuyện như vậy, người nghe chú ý xem các nhân vật thương thảo với các mối quan hệ của họ như thế nào và xem hành động của họ có phù hợp với các mối quan hệ họ hàng và bạn bè hay chưa. Vì vậy, người kể chuyện về một nhân vật có thẩm quyền và một người trẻ tuổi đang được dạy những bài học có thể quan tâm đến tác động giữa hành động của nhân vật trong câu chuyện với gia đình của anh ta, quan tâm đến sự kính trọng của người học đối với người có thẩm quyền, và quan tâm đến ý kiến của người chấp hành kỷ luật về họ hàng của những người đang học.

chuyện theo kiểu thắt - mở vào tất cả các sự kiện - tránh không chi phối mạnh đến sự liên kết giữa các hành động và sự chuyển động của chúng hướng đến một kết quả.

Miêu tả cuộc sống theo dạng thức kể chuyện chặt chẽ là cách viết có tính điền giải cao. Tuy nhiên, khi kể về các trải nghiệm và việc quan sát, các truyền thống kể chuyện đưa ra các cách hiệu quả - có lẽ là tốt nhất - trong việc thấy được các tương tác khi chúng diễn ra và khi chúng trở thành bối cảnh cho các tương tác tiếp theo, vì thế cho phép người ta truy ra được ý nghĩa của một thành viên xuất hiện thông qua các tương tác. Chúng tôi cho rằng nhà dân tộc học kể chuyện khi họ đi theo các sự kiện và sự việc đang diễn ra thông qua sự tương tác giữa các thành viên và trải dài trong một khoảng thời gian. Nhưng ghi nhận rằng kể chuyện có tính điền giải cao (giống các dạng thức khác của cách ghi chép mang tính cố kết), chúng tôi đề xuất như sau: Nhà dân tộc học nên tránh áp đặt cảm nhận riêng về cấu trúc và động thái kể chuyện lên từ ngữ và hành động của người khác; khi ghi lại những câu chuyện mà thành viên cộng đồng kể về các sự kiện địa phương, nhà dân tộc học nên tuân theo cách sắp xếp trình tự của người kể chuyện và tường thuật kỹ các liên kết mà người kể chuyện tạo ra giữa các hành động. Ngoài ra, nhà dân tộc học không nên miêu tả các sự kiện thành một trình tự phức tạp và đầy kịch tính hay thành các câu chuyện nghe có vẻ hay ho và thuyết phục hơn: Họ không nên sửa chữa hay sắp xếp lại các hành động để dẫn đến (chắc chắn) một kết cục nào đó hay một kết cục mang tính cao trào; và họ không nên xây dựng kiểu thắt - mở trong các sự kiện mà bình thường vốn không có tính chất này. Thay vào đó, nhà dân tộc học nên kể lại các tương tác như chúng đã diễn ra, kể lại sự kiện như họ đã thấy. Khi kể chuyện, họ nên kiềm chế những cơn bốc đồng của một "người kể chuyện vĩ đại" để tạo ra các câu chuyện đầy kịch tính, thắt mở, mang tính sáng tạo cao. Kết quả là, các câu chuyện trong ghi chép điền dã có tính phân đoạn, là một chuỗi các đoạn hành động được lần lượt đưa vào trang giấy, một trình tự các phân đoạn thường được nối kết lỏng lẻo với nhau vốn sê cho thấy các tương tác đang diễn ra và ý nghĩa có thể xuất hiện thông qua việc kể chuyện.

Ở các trang tiếp theo, chúng tôi đưa ra hai câu chuyện ghi chép điền dã mở rộng. Cả hai câu chuyện thể hiện một loạt phân đoạn khi nhà nghiên cứu nhìn thấy và nhớ lại. Mặc dù các hành động trong cả hai câu chuyện

được trình bày như chúng đã diễn ra, nhưng lại minh họa cho hai khuynh hướng khác nhau khi kể chuyện mà chúng ta sẽ thảo luận trong phần này: theo dấu các hoạt động của cùng một nhân vật và của những thành viên khác. Khi kể câu chuyện đầu tiên, nhà dân tộc học kể lại hoạt động của một nam và một nữ cảnh sát trong một khoảng thời gian, do tác giả quan tâm đến hoạt động của hai viên cảnh sát; đó là các phân đoạn được nối kết với nhau theo một chủ đề xuyên suốt. Ngược lại, khi kể câu chuyện thứ hai, nhà dân tộc học lại theo dấu một sự việc dựa vào mối quan tâm của một nhân vật, giám thị một trường học, đang tìm cách để định tội và xử phạt một học sinh. Sự việc diễn ra khi một thành viên xem xét cách vị giám thị xử lý học sinh vi phạm quy định của trường học. Vì thế, câu chuyện này có cấu trúc kể chuyện chặt chẽ hơn nhờ nối một loạt các phân đoạn về vị giám thị và người học sinh, trong đó một hành động này dẫn đến một hành động khác, và cuối cùng, dẫn đến một giải pháp nào đó.

### *Câu chuyện ghi chép điền dã 1: Hoạt động của các viên cảnh sát trong một ca tuần đêm*

Trong câu chuyện đầu tiên này, một sinh viên ngành dân tộc học viết về những sự kiện anh ta quan sát được khi đi tuần ban đêm cùng với hai cảnh sát, Sam và Alisha. Anh ta kể lại một loạt phân đoạn liên tiếp nhưng khá rời rạc với nhau; mặc dù tất cả những phân đoạn này đều liên quan đến những hành động của cảnh sát nhưng chúng chỉ nối kết lỏng lẻo và chưa đựng một vài “điều đã xảy ra”. Để thảo luận những phân đoạn này, chúng tôi đặt chúng từ *a* đến *e*.

- (a) Khi chúng tôi đang đi trên xe, Alisha kể cho Sam nghe về các nữ cảnh sát ở bộ phận khác. “Tôi không thể tin được chuyện một vài nữ cảnh sát và nhân viên tập sự đã làm và tôi ghét điều này vì nó cho thấy phụ nữ luôn làm những điều ngu xuẩn nhất. Và do vậy nữ cảnh sát mới bị mang tiếng xấu. Vì thế —”

Sam nói: “Cô biết gì không?” “Phụ nữ tư duy ở phần trái của bộ não.”

“Cái gì?”

“Họ tư duy từ phần trái của bộ não.”

Alisha phá ra cười: “Hay bởi vì chúng tôi không có cửa quý để suy nghĩ?”

“Khô ông!”

"Đó là những gì anh nghĩ hà Sam?"

"Không. Tôi sẽ kể cho vợ tôi nghe chuyện đó. Cô ấy sẽ thích lắm." Chúng tôi dừng lại ở một con hẻm và đi ngang qua một gã gốc Tây Ban Nha khoảng 20 tuổi. "Gã đó đã ăn cắp bánh xe ở dưới kia."

"Xe đẹp của tụi nhỏ hả?"

"Ừ"

"Có thể"

"Ừ, chắc vậy. Mấy cái bánh xe đã ở đó và giờ chúng không còn nữa."

"Tôi không biết"

"Chúng nằm ở đó đêm qua, gắn vào chiếc xe đẹp."

"Ồ, vậy chúng ta nên đi lấy lại?"

"Không, chúng đã ở đó mãi đó chứ."

(b) Chúng tôi đi ra khỏi ngõ hẻm và đợi để rẽ phải. "Tôi chuẩn bị dừng xe đó."

Tôi nhìn lên và thấy có một chiếc xe jeep trắng không bật đèn. Chúng tôi phóng lên phía trước và tiến sát sau cái xe đó. Chiếc xe cũng đi vào làn xe chuẩn bị rẽ như chúng tôi. Sau khi đèn chuyển và chúng tôi đi thẳng qua ngã tư, Sam bật đèn lên. Chiếc xe jeep ngừng ở một trạm xăng... Sam di lại chỗ chiếc xe, Alisha đi tới và chiếu đèn pin vào các ô cửa sổ. Cô ấy quay lại và đứng cạnh tôi. Những người ở trạm xăng đều nhìn chúng tôi. Cô gái (da trắng) ra khỏi xe, bước về phía sau và nhìn vào đèn đuôi xe. Sam nói với cô ấy rồi sau đó quay lại xe. Chúng tôi đi vào và Sam nói là đèn đầu xe có bật nhưng đèn sau xe thì không. Anh ấy cảnh cáo rồi để cô ta đi.

(c) Chúng tôi quyết định đi đến tiệm 7-11 để mua cà phê. Chúng tôi đi vào, cô thu ngân quen Sam và Alisha. Cô ấy đưa cho họ mấy cái ly to và Sam đi rót cà phê. Tôi đến gần, chưa bao giờ nhìn thấy cái ly nào to như thế và tôi chộp lấy một cái ly cà phê to nhất mà họ có, rót cà phê vào đầy ly của tôi. Alisha đang nhìn xuống phía bên trong lối đi có rất nhiều thuốc. Tôi nói cô ấy nên mua thuốc Tums cho dạ dày của cô ấy. Sam đi đến và nói vài câu. Alisha đáp lại là cô ấy có một cái dạ dày dẻo dai và không cần phải thuốc thang gì cả. Sam lấy một thanh kẹo Mounds. Chúng tôi tự trả tiền rồi đi về phía xe và bắt đầu lái xe đi vòng vòng tiếp. Khi đang đi, Sam kéo cửa sổ xuống và giả vờ vứt giấy bọc kẹo ra ngoài cửa sổ. Alisha kêu lên: "Anh không làm vậy đó chứ?" Sam cười to và trả lời: "Không" và cho cô ấy thấy vỏ kẹo. Alisha tiếp tục giải thích là cô ấy có lý do thực sự để không xả rác, đặc biệt là khi đang

làm việc. "Tôi nghĩ chúng tôi cần phải là những tấm gương. Sẽ ra sao nếu ai đó nhìn thấy một cái vỏ kẹo bay ra từ cửa sổ của một xe cảnh sát?"

(d) Khi chúng tôi lái xe qua một khu vực dân cư thì nghe "rắc! rắc!" Tôi lập tức nghĩ ngay là pháo hoa? Nghĩ lại thì đó đúng là một suy nghĩ ngắn nhưng vì chưa bao giờ nghe tiếng súng nổ gần như vậy nên tôi không quen nghĩ đó là tiếng súng. Sam nói điều gì đó về một chiếc xe tôi chưa thấy và nó chỉ bật đèn sau. Anh ấy vượt xe lên, phóng thật nhanh và chúng tôi như bay xuống đường. Alisha vứt ly cà phê ra khỏi cửa sổ và cả cô ấy lẫn Sam đều rút súng ra. Cô ấy nói với tôi: "Sẵn sàng cúi xuống nếu tôi bảo nhé." Sau đó, cô ấy nói là chúng tôi sẽ đi vào khu vực có tiếng súng nổ. "Thật là ngu xuẩn." Chúng tôi lao nhanh xuống đường. Ở một đầu chúng tôi thấy một chiếc xe đang đi tới và gặp chiếc xe đó khi nó chạy ngang một khoảng hẹp giữa những chiếc xe đậu hai bên lề đường. Sam đạp phanh, những cái bánh xe kêu rít lên và chúng tôi đã làm được. Sam lùi xe lại một lần nữa và chúng tôi lại lao nhanh xuống phố. Chúng tôi bị va mạnh và tôi bay ra khỏi chỗ ngồi. Tôi nghe mọi thứ trong cổp xe đụng mạnh vào trần cổp. "Tôi muốn tìm cái xe đó, Alisha!"

"Anh có nhìn thấy ai trong xe không?"

"Không. Chúng là đồ con lừa và nó chỉ có cái đèn đuôi xe chết tiệt, tôi thậm chí còn không biết đó là loại xe gì nữa." Chúng tôi lái xe lòng vòng một lúc và không tìm kiếm nữa. "Chết tiệt. Tôi muốn có một tên tội phạm trong đêm nay. Chúng ta phải tìm được một tên, Alisha. Tôi muốn chia súng vào ai đó. Mấy tên tội phạm đâu hết rồi? Có một tiếng kêu khá gần đó."

"Ù, nhưng tôi tin tài lái xe của anh, Sam à. Dù tôi đã vứt cà phê của mình ra ngoài. Có thể chúng ta quay lại xem nó còn ở đó không." (Sam chọc Alisha vì đã vứt ly cà phê ra ngoài cửa sổ.)

"Làm thế nào tôi lấy súng ra được trong khi tay cầm ly cà phê hả?"

"Tôi làm được đó và tôi đang lái xe."

"Đó bởi vì anh là Sam, anh là một con ngựa giống."

"Tôi giữ đồ của tôi rồi." Tôi nói điều và họ cười vang.

"Cô nói với tôi đừng vứt rác và cô đã vứt nguyên ly cà phê ra ngoài cửa sổ."

"Thật sự xin lỗi, tôi đã nhận ra lỗi của mình ngay sau đó, và tôi xin anh quay lại để tôi có thể lấy ly cà phê của mình."

"Không, cô nói là: "Quay lại lấy cà phê của tôi!", là câu cô nói mà." Chúng tôi đều cười.

"Nhưng cà phê phải ở trong ly để tôi có thể lấy."

"Anh có vui lòng làm việc và chạy xe đi không?" (Hơi ngạc nhiên về không khí chuyển biến khá nhanh. Từ cảng thẳng chuyển sang nói đùa thoải mái trong vài phút).

(e) Sam bắt đầu bám theo một chiếc xe hơi Mỹ bạc màu sương gió. Anh ta tăng tốc và nói Alisha gọi xe đó lại để kiểm tra. Khi anh ta tiến tới gần hơn, tôi thấy giấy đăng ký xe vào năm 1991 [bây giờ là tháng 1 năm 1993]. "Thôi nào. Trở lại Luật 36 Charles." Sam nói, hy vọng chiếc xe sẽ quay lại với kẻ tội phạm truy nã trên đó. Chiếc xe đó rõ ràng là hết hạn đăng ký. Chiếc xe sang bên trái con đường chính và khi chúng tôi quay lại đuổi theo nó, Sam bật hết đèn lên. Tài xế là một người đàn ông da đen. Alisha chiếu đèn pin vào ghế sau và Sam bước đến cửa sổ tài xế. Tài xế đưa Sam bằng lái và giấy đăng ký. Sam nói với người đàn ông một chút và sau đó quay lại xe. Khi quay vào anh ta nói: "Đó là một người cha có trách nhiệm. Tôi không thể báo cáo về một người cha có trách nhiệm. Anh ta để số tiêm phòng của con mình trong hộp đựng bao tay trong xe. Đó không phải là kẻ buôn súng."

"Chỉ vì là một người cha thì không có nghĩa là không đi buôn."

"Đó không phải là điều tôi nghĩ. Những người cha có thể là kẻ buôn thuốc, nhưng những người cha có trách nhiệm thì không phải là những kẻ buôn thuốc."

Trong câu chuyện ghi chép điền dã này, khi hai cảnh sát tuần tra lái xe đi tuần, họ phản ứng với những sự kiện quan sát được bên ngoài chiếc xe và với những chủ đề nêu ra khi nói chuyện trong xe. Các phân đoạn cho thấy mối quan hệ công việc của họ lúc thì trêu chọc nhau, lúc thì hỗ trợ nhau. Câu chuyện cũng truyền tải tiền trình chung của công việc tuần tiễu hằng ngày của cảnh sát - nói về những chuyện thường ngày đang diễn ra, lái xe suốt, đôi lúc nghỉ - ngắt quãng bằng những khoảnh khắc cảm xúc khi rượt đuổi sẽ biến mất khi các viên cảnh sát quay lại với những hoạt động công việc bình thường. Rõ ràng là sự chuyển biến nhanh chóng thu hút sự quan tâm của người viết vốn là người nhận xét ngẫu nhiên việc các viên cảnh sát đột ngột chuyển từ cảm xúc căng thẳng sang đùa giỡn thân mật.

Những hành động này rõ ràng là nguồn tư liệu tốt cho một câu chuyện, hay chính xác hơn là có thể cho vài câu chuyện. Một câu chuyện có thể kể về công việc ban đêm của hai vị cảnh sát đi tuần; một câu chuyện khác có thể là về nhà dân tộc học đi cùng với hai vị cảnh sát, nỗ lực của anh ta để

hiểu được lý do và những gì họ làm, và hy vọng của anh ta khi được các vị cảnh sát cho phép về một điều gì đó. Nhưng nó không rõ ràng chút nào về việc đây là những câu chuyện mà nhà dân tộc học định kể vào lúc viết. Thay vào đó, mỗi quan tâm của anh ta là viết về “những gì đã xảy ra” khi anh ta nhớ lại. Anh ta làm thế bằng cách dựng lại một loạt phân đoạn.

Không phải tất cả phân đoạn này đều liên quan chặt chẽ với nhau. Rõ ràng là tác giả nối kết một số hành động trong một phân đoạn với hành động trong những phân đoạn sau đó: chẳng hạn như, cà phê mua ở cửa hàng 7-11 trong phân đoạn (c) đóng vai trò quan trọng trong phân đoạn (d) rượt đuổi sau đó. Nhưng không có các liên hệ rõ ràng nào hiện ra giữa những phân đoạn khác. Mặc dù vị cảnh sát ngăn hai xe hơi nhưng không đưa ra được chỉ báo gì cho thấy việc dừng chiếc xe hơi thứ hai có liên hệ với việc dừng chiếc xe đầu tiên, mặc dù độc giả có thể đoán ra những liên hệ (ví dụ, người cha da đen trong chiếc xe thứ hai đã được cho đi với một lời cảnh cáo vì người phụ nữ da trắng khi dừng chiếc xe thứ nhất cũng đã được cảnh cáo.)

Khi viết câu chuyện này, nhà điền dã dân dắt câu chuyện theo thời gian bằng cách nhóm hành động thành các phân đoạn riêng rẽ; thật vậy, anh ta không cần phải sử dụng một thuật ngữ chuyển tiếp rõ ràng (“sau đó”, “ngay lập tức”, “tiếp theo”) để đánh dấu việc chuyển sang một phân đoạn mới. Anh ta cũng tránh sử dụng các chuyển ngữ nguyên nhân, chẳng hạn như “bởi vì”, “kết quả là” hay “mặc dù” để đưa hành động đi xa và rõ ràng hơn là hình thành những liên kết để tạo một kết quả. Những chuyển ngữ có tính diễn giải chi phối quá mức nguyên nhân của các hành động; chẳng hạn như, nhà điền dã này không biết tại sao mỗi con người hành động theo cách của họ. Để tránh những diễn giải như thế, anh ta chỉ đặt những hành động có liên quan gần nhau nhằm cho thấy sự tương tác đã phát triển như thế nào. Nói chung, chuyển ngữ chỉ nên định hướng độc giả vào không gian, thời gian và trình tự hơn là nói đến liên hệ nhân quả giữa những hành động chắc chắn sẽ dẫn đến một kết quả, đặc biệt khi viết một câu chuyện có tính phân đoạn với cấu trúc lồng léo trong ghi chép điền dã.

*Câu chuyện ghi chép điền dã 2: Một vị giám thị trường trung học bắt lỗi và xử phạt một học sinh*

Nhà dân tộc học cũng viết những câu chuyện chặt chẽ và cõi kết hơn. Trong những câu chuyện ghi chép điền dã như vậy, tất cả phân đoạn có liên hệ rõ ràng với nhau và hướng tới một kết quả hay hậu quả. Xem xét câu chuyện dưới đây, trong đó nhà điền dã đi theo một sự việc đơn lẻ do ông Jones, giám thị một trường trung học xử lý. Nhà dân tộc học thực hiện ghi chép điền dã này theo trình tự phân đoạn, để phục vụ cho mục đích thảo luận, chúng tôi đã đánh dấu từ *a* đến *i*:

- (a) Quay trở lại văn phòng, ông Jones bắt đầu liếc qua một số giấy tờ để trên bàn. Một đồng giấy để sang bên dành cho những học sinh bị bắt gặp hút thuốc. Theo ông Jones, hút thuốc là hành vi vi phạm nghiêm trọng ở trường học. "Lần đầu tiên bị bắt, anh bị ghi sổ. Lần thứ hai - bây giờ là chính sách của bang - anh bị đình chỉ." Tôi thể hiện sự kinh ngạc. Thầy Jones còn lưu ý thêm với một tiếng thở dài là "tất cả học sinh bị bắt gặp hút thuốc đều nghỉ học hôm nay."
- (b) Khi thầy Jones xem qua các hồ sơ của mình, thầy nói về "tagging" như một chi báo khác của việc phạm tội. Tôi không biết thuật ngữ đó, vì thế tôi hỏi thầy nó có nghĩa gì. Thầy giải thích "tagging" là vẽ tranh trên tường ... "Nếu tôi bắt gặp anh vi phạm lần nào, anh bị bỏ tù. Dĩ nhiên, đó là nếu anh vẫn còn ở mức độ mà chúng tôi có thể phạt anh. Nếu bị lần thứ hai, học sinh hoặc là bị chuyển trường hoặc là phải lao động 15 giờ công ích cho trường. Thường thì việc chúng tôi bắt chúng làm là cao sạch tất cả các bức tường" (mà chúng đã vẽ). Tôi hỏi đã có nhiều học sinh bị chuyển sang trường khác chưa. Ông ta trả lời là họ có chuyển và "chúng tôi có thể gửi chúng đi bắt cứ nơi đâu trong quận. Hạn chế duy nhất là phương tiện đi lại. Chúng tôi đã kéo rất nhiều học sinh ra khỏi các băng nhóm. Đa số chúng đổi sang trường Southside. Nhưng sau đó chúng tôi lại nhận thêm nhiều học sinh như vậy từ phía trên của tỉnh chuyển xuống." Tôi hỏi ông ta: "Vậy có nhiều vấn đề trong việc chuyển tới chuyển lui học sinh giữa các trường không?" Ông trả lời: "À, việc đó là khi một học sinh ở một môi trường mới, cậu ta có thể dễ có khuynh hướng thay đổi hơn. Vì thế nếu chúng tôi không còn làm được gì cho cậu ta ở đây thì chúng tôi chuyển cậu ấy đi đến nơi nào đó mà cậu ta có thể tránh xa một số ảnh hưởng xấu."

- (c) Nhưng lướt qua các hồ sơ của mình, ông ta đã tìm thấy cái đang tìm và dừng lại. "Đây rồi. Vâng, lần thứ hai bị bắt gặp hút thuốc. Điều đó có nghĩa là bị quản thúc." Ông quay sang tôi và nói với giọng tin tưởng: "Anh biết không, việc quản thúc thật sự có thể hủy hoại tương lai của một học sinh vì hậu quả là không nơi nào khác chấp nhận chúng. Chúng tôi cố gắng cho chúng biết là nó nghiêm trọng thế nào." Cậu học sinh tên là Sokoloff (hay đại loại như thế, nghe kiểu rất Nga). Ông nhìn vào thời khóa biểu để xem Sokoloff đang học ở đâu vào tiết thứ hai và chúng tôi đi đến đó.
- (d) Đi vào căn phòng mà chúng tôi nghĩ Sokoloff đang ở đó, tôi nhìn thấy tất cả bọn trẻ nhìn nhau rất căng thẳng. Thầy Jones hỏi giáo viên là một người đàn ông da trắng, khoảng bốn mươi tuổi là có Sokoloff ở đây không. Giáo viên phải hỏi lại lớp học là có ai tên như vậy không. Nhiều học sinh nhìn sang một cậu bé da trắng, thấp người với mái tóc dài và mặc một chiếc áo thun theo phong cách đậm chất rock. Cậu học sinh đứng dậy và nhận là tên mình. Thầy Jones nhìn nghiêm nghị và nói: "Lấy cắp đi, cậu sẽ cần đến 'chúng'". Chúng tôi đi ra khỏi phòng (tôi thật sự chỉ đứng ở lối cửa ra vào, cố gắng không lộ diện.)
- (e) Cậu bé nói giọng Nga. Cậu ấy dường như thấy sợ khi chúng tôi đi trên hành lang. Cậu ấy đi bên cạnh thầy Jones và ngược nhìn ông ấy. Với giọng nài nỉ, cậu bé hỏi ông: "Em đã làm gì?", thầy Jones đáp: "Trò đã bị bắt hút thuốc hai lần. Điều đó có nghĩa là trò sẽ bị quản thúc." Cậu bé thở dài bức túc, hoài nghi và than vãn: "Nhưng đó là học kỳ trước. Em [bây giờ] đâu có hút thuốc. Xin thầy giúp em." Thầy Jones tiếp tục giải thích chính sách của bang và nói với cậu bé là không còn cách nào khác ngoài việc phải quản thúc. Cậu bé bắt đầu nói về cô Loges - người đã "... nói với em là [luật lệ] đó chuẩn bị thay đổi ở học kỳ này. Thầy có thể hỏi Julio [một người bạn cùng lớp]" Thầy Jones dường như thất vọng và nói: "Thầy có nhiều chuyện để lo lắm rồi. Nhìn này! Thầy đang thực thi chính sách của trường." Chúng tôi bước về văn phòng quản giáo.
- (f) (Không dám chắc làm thế nào nên tôi quyết định vị trí của mình là một người không can thiệp vào, tôi ngồi xuống bàn đối diện bàn của thầy Jones và bắt đầu đóng vai như thế khi nhìn vào một số giấy tờ trên bàn. Cậu bé bắt đầu chú ý đến tôi và cứ nhìn vào sổ ghi chép của tôi). Cậu ấy tiếp tục nài nỉ thầy Jones xin một đặc ân. Thầy Jones hỏi: "Em có đọc được là thuốc lá sẽ ảnh hưởng đến em như thế nào không?" Ông ấy nhắc điện thoại và nói với cậu bé: "Thầy sẽ gọi mẹ em. Mẹ em có nói được tiếng Anh không?" Cậu bé trả lời

là có. Khi ông ấy nói với nhân viên tiếp tân nơi mẹ cậu bé đang làm việc, ông vẫn giữ nguyên giọng uy lực khi tự giới thiệu: "Tôi là thầy Jones, Trưởng phòng Ký luật ở trường trung học. Có bà S ở đó không?" Người mẹ vẫn chưa đi làm.

- (g) Cậu bé nài nỉ với giọng điệu bình tĩnh hơn một chút: "Làm ơn đi thầy." Thầy Jones trả lời một cách trích thượng nhưng ít gay gắt hơn: "Thầy không giúp em được. Không phải vì thầy không biết những gì cô Loges đã nói." Đứa trẻ tiếp tục nài nỉ trong khi thầy Jones im lặng một lúc. Cậu ta nói với ông ấy: "Bạn em, Igor, bị quản thúc vào lần thứ ba." Cuối cùng, thầy Jones nói: "Được rồi, đây là một chính sách mới của năm nay, vì thế tôi cho là bà Loges có thể đã thay đổi một số việc rồi."
- (h) Khi ông ấy nói điều này, một người phụ nữ châu Á tuổi trung niên, thấp người bước vào phòng và dường như thích thú về những gì đang diễn ra (Bà ấy thấy tôi ngồi ở bàn và lập tức tôi có cảm giác là bàn của bà ấy. Tôi nhanh chóng đứng dậy, nhìn lại cái bàn và sau đó nhìn sang bà ấy.) Bà ấy dường như biết chính xác những gì đang diễn ra với cậu học sinh. Bà quay sang cậu học sinh và nói: "Trò đã hút thuốc há? Vậy thì trò có biết nó có hại cho trò không?" Bà hỏi cậu bé: "Cha mẹ trò có hút thuốc không?" Cậu bé trả lời: "Đẹc, và cả anh chị em họ em nữa. Cả gia đình em." (Cậu bé dường như bót cảng thẳng thấy rõ và sẵn sàng kể về tác hại đã biết của việc hút thuốc.) Cậu bé nói: "Em đã cố gắng bỏ và em đã làm khá tốt. Nhưng rất khó, thầy cô biết không?" Người phụ nữ châu Á nói: "À, trò chỉ việc quyết tâm với nó thôi. Cô cũng từng hút." Thầy Jones thêm vào: "Thầy cũng vậy. Thầy đã từng hút." Ông ấy gật đầu thừa nhận. Ông ấy nói bằng giọng nhẹ nhàng hơn với bà: "Tôi đã nói với cậu bé là tôi sẽ không quản thúc cậu ấy lần này do cậu ấy đã nghe thông tin sai lệch. Nhưng lần sau thì chấm dứt."
- (i) Sau đó, vị trưởng phòng thả cậu bé ra với cái vây tay qua loa. Cậu bé rời văn phòng.

Khi viết lại câu chuyện này, nhà dân tộc học liên kết những phân đoạn riêng rẽ - đối thoại và hành động - để cho thấy những hành động diễn ra liên tục và phát triển theo trình tự thời gian. Câu chuyện chuyển từ phần mở đầu khởi xướng hành động (vị trưởng phòng xem xét đồng hồ sơ phạm tội hút thuốc), đến đoạn giữa thúc đẩy sự phát triển của các hành động (đi tìm cậu học sinh phạm tội, đe dọa cậu ấy bằng hình phạt), lên đến cực điểm ở bước ngoặt bao gồm một sự thay đổi hành động (cho cậu học sinh một cơ

hội) và đi đến kết thúc khi cho biết một kết quả hay đưa ra các hành động ở điểm kết thúc (cậu học sinh rời văn phòng).

Nhưng không giống với câu chuyện trước đó, câu chuyện này đi đến một kết cục cụ thể, người viết lại không che giấu kết cục này thông qua việc đưa nó vào trong phần viết. Trong các phân đoạn cuối (*h* và *i*), chúng ta biết không chỉ là ông giám thị và bà quản lý làm việc với nhau mà còn biết là bà ấy nói nhiều về thói quen hút thuốc với cậu học sinh. Bà ấy có thể đã tác động đến ông trưởng phòng để làm thay đổi ý định của ông ấy, đơn giản chỉ bằng sự có mặt của mình vì ông ấy đã thay đổi khi bà ấy bước vào. Nhưng chúng ta chưa rõ là tại sao ông giám thị lại dịu đi hay dường như là dịu lại: Cuối cùng thì ông ấy chỉ định dọa cậu bé chứ không thực sự muốn quản thúc cậu ấy. Phần kết thúc chỉ viết một kết cục cho câu chuyện ghi chép điền dã và hầu như bị kéo xuống từ cực điểm: cậu học sinh chỉ đơn giản thoát khỏi cảnh đó. Nhưng một kết thúc dứt khoát hơn việc đưa ra sự lý giải (về kỷ luật hay về những hành động của ông giám thị và cậu học sinh) sẽ làm méo mó đi sự việc, thêm vào tầm quan trọng mà những người liên quan không có, hay giả thuyết về những hậu quả có thể xuất hiện hoặc không xuất hiện. Duy trì tính xác thực trong quan sát của mình, tác giả bỏ qua ngay bất cứ khuynh hướng nào có thể tạo ra một kết thúc rõ ràng hơn.

*Các câu chuyện ghi chép điền dã là những câu chuyện tạm thời và có điều kiện*

Việc biên soạn những câu chuyện này thường khiến nhiều nhà điền dã mắc phải chứng căng thẳng thường gặp khi ghi chép điền dã. Nhà nghiên cứu muốn viết về những hành động mà họ cảm nhận được vào thời điểm quan sát và đưa vào càng nhiều chi tiết càng tốt. Tuy nhiên, viết là một cách nhìn, một cách làm tăng sự hiểu biết, và cuối cùng là một cách để tạo ra các tình huống. Thật vậy, viết ra giấy là một quá trình sắp xếp có trình tự; tác giả chắc chắn là chọn cái này mà không phải cái khác, sắp xếp các chi tiết theo trình tự này mà không phải trình tự khác, và tạo ra một mô thức từ những chi tiết rời rạc hay lộn xộn.

Kể chuyện là một cách nhìn nhận và sắp xếp cuộc sống theo một cấu trúc đặc biệt, kết quả là có thể làm tăng thêm sự căng thẳng giữa việc cố gắng viết “mọi thứ” và tạo ra một lát cắt cuộc sống dễ hiểu trên trang giấy. Tác giả hình

dung cách viết càng thống nhất và theo lối cao trào thì họ càng cảm thấy bị ép buộc phải liên kết những hành động có liên quan đến nhau và loại bỏ bất cứ chi tiết nào không dính dáng nhiều với mạch truyện đang xây dựng hay không thích hợp. Chẳng hạn như, trong câu chuyện về vị giám thị kỷ luật cậu học sinh, chỉ có đoạn *b* về tranh vẽ trên tường là không có liên quan trực tiếp đến mạch truyện về việc phạm tội hút thuốc. Nếu nhà điền dã viết ra những chi tiết khác càng xa lạ với mạch truyện này thì câu chuyện sẽ càng bị tách đoạn và không có sự nhất quán bên trong. Chẳng hạn như câu chuyện có thể đưa vào cuộc đối thoại không có liên quan đó là người thư ký nói sau khi cô ta bỏ máy: "Vợ ông gọi để nói là ông quên bữa trưa", hay hành động vô tình chẳng hạn như một học sinh đang đứng chờ ở cửa văn phòng, tay cầm một quả bóng. Tuy nhiên, tác giả đã không đưa vào những chi tiết không thích hợp đó; câu chuyện của anh ta có một vài khoảng trống.

Khi kể một câu chuyện trong ghi chép điền dã, nhà dân tộc học phải sắp đặt lại những cơn bốc đồng mâu thuẫn này: thậm chí đưa vào những hành động phụ và tạo ra một tiến trình có trật tự kể về "điều gì đó đã xảy ra". Nếu cô ấy thật sự viết ra tất cả "mọi thứ", cô ấy có khả năng sẽ tạo ra một chủ đề vô nghĩa trên trang viết; nhưng nếu cô ấy quá tập trung vào những mối liên hệ trong câu chuyện của mình thì cô ấy sẽ không tiếp cận được với những diễn giải khác. Đôi mặt với nan đề này, chúng tôi cho là nhà điền dã đã hướng tới việc viết những câu chuyện ghi chép điền dã có cấu trúc lồng lèo hơn. Một câu chuyện như thế có khuynh hướng phân đoạn: nó dường như đang miêu tả những hành động ngoài lề khi kể lại một sự việc; có thể có khoảng cách giữa những phân đoạn liên hệ không rõ ràng dẫn dắt từ một hệ hành động này đến một hệ hành động khác; hay nó thường bắt đầu ở giữa hành động và kết thúc mà không cần thiết phải đi đến bắt cứ một kết cục hay giải pháp nào.

Câu chuyện ghi chép điền dã như vậy phản ánh trải nghiệm nhận thức được của nhà dân tộc học vào lúc viết. Nó kể lại câu chuyện như cách anh ta hiểu vào ngày hôm đó. Nhưng mỗi câu chuyện ghi chép điền dã được đưa vào không chỉ ở trong phạm vi đề mục của ngày hôm đó mà còn nằm trong bối cảnh của cuộc điền dã và việc ghi chép. Nhà nghiên cứu quay lại địa bàn vào ngày kế tiếp để khám phá thêm những linh cảm của mình về sự kiện của ngày hôm trước. Anh ta thấy một nhân vật trong các tình huống khác

nhau theo thời gian và đào sâu sự hiểu biết của mình về các mối quan hệ cũng như phương thức hành động của người đó. Vì thế, khi tiếp tục viết và tích lũy các ghi chép điền dã, nhà dân tộc học có thể bắt đầu cảm nhận được những câu chuyện trước đó khác đi so với khi anh ta viết chúng. Anh ta có thể xem xét lại những mối liên hệ tiềm ẩn, khoảng trống anh ta không hiểu, kết thúc anh ta suy ra và kết quả là anh ta tự đặt cho mình những câu hỏi, đòi hỏi một cái nhìn sâu sắc hơn khi anh ta quay lại địa bàn nghiên cứu.

Sự cố kết của những câu chuyện trong ghi chép điền dã có tính tạm thời và có điều kiện: Hiểu biết của nhà điền dã về những sự kiện được kể lại có thể sẽ thay đổi khi tiếp tục công việc thực địa. Nhờ quan sát các hoạt động liên quan và nhân vật xuất hiện lại, nhà điền dã có thể đánh giá lại những mối liên hệ đứt quãng giữa những phân đoạn trong một câu chuyện ghi chép điền dã. Chẳng hạn như sau khi quan sát vị giám thị nhiều lần, tác giả của câu chuyện này cuối cùng có thể nhận ra cách nói của vị giám thị về việc vẽ tranh trên tường là một đơn vị phân tích quan trọng, dường như tiềm ẩn trong đó một câu chuyện có liên quan hơn: vị giám thị nói về việc vẽ tranh trên tường như là một tội nghiêm trọng để nhấn mạnh bản chất của việc phạm tội hút thuốc là nhẹ. Sau đó, anh ta hiểu là câu chuyện sẽ theo dạng thức chung này: Một người có uy quyền đe dọa trừng phạt kẻ phạm tội; cậu học sinh thể hiện hành vi hoàn toàn lê phép, đưa ra một cái cớ và hứa làm tốt hơn; người có uy quyền sẽ dịu lại và để cậu học sinh đi với một lời cảnh cáo. Trong phiên bản này của câu chuyện, người học sinh sẽ không bị quản thúc nếu cậu ta hợp tác.

Khi xem lại câu chuyện, nhà điền dã không chỉ phải nghĩ đến những mối liên hệ tiềm ẩn anh ta đã đưa ra mà còn cần xem xét lại những khoảng trống giữa (và trong) những phân đoạn. Khoảng cách rõ ràng trong câu chuyện của vị trưởng phòng - giữa mỗi đe dọa quản thúc và sự tha thứ - có thể có những cách diễn giải đa dạng khác nhau. Chẳng hạn như nhà điền dã có thể suy ra những điều sau: (a) vị giám thị tha thứ cho các học sinh hút thuốc nếu chúng tỏ ra lê phép; (b) vị giám thị thường chiều theo ý kiến của phụ nữ, ở đây là vị quản lý người châu Á; (c) vị quản lý người châu Á thường can thiệp giúp đỡ cho những học sinh nước ngoài. Để định vị cơ sở chọn lựa cho những khả năng này, nhà điền dã sẽ quan sát vị giám thị thêm khi ông ta phạt các học sinh.

Cuối cùng, việc điền dã tiếp tục và việc viết ghi chép có thể sẽ dẫn đến xem xét lại kết thúc của câu chuyện vì có yếu tố độc đoán ở cả phần mở đầu và kết thúc. Tác giả mở đầu câu chuyện khi họ bắt đầu quan sát một sự kiện, những nhân vật chính, hay một tình huống thú vị. Tác giả kết thúc câu chuyện khi sự việc đó kết thúc (vị trưởng phòng cho cậu học sinh đi) hoặc ngay khi tác giả chuyển sự chú ý sang những nhân vật, hoạt động hay tình huống khác. Lúc đầu, kinh nghiệm và sự chú ý của tác giả tạo ra những giới hạn trong câu chuyện ghi chép điền dã đó. Nhưng khi tác giả đọc lại câu chuyện và suy nghĩ, họ có thể nhận ra là câu chuyện này gắn kết chặt chẽ với câu chuyện khác về cùng một nhân vật. Các kết thúc cụ thể chỉ là những điểm dừng. Chẳng hạn, mặc dù câu chuyện về người cảnh sát đi tuần đã kết thúc, Sam và Alisha vẫn tiếp tục đi tuần vài giờ nữa vào tối đó và trong suốt những quan sát khác sau đó; câu chuyện tiếp tục qua nhiều trang giấy hơn.<sup>15</sup> Ở khía cạnh này, những câu chuyện ghi chép điền dã có những kết cục tạm thời vì câu chuyện về cuộc sống của con người sẽ tiếp tục vào ngày kế tiếp và xuyên suốt các ghi chép điền dã.

Tóm lại, nhà dân tộc học viết các câu chuyện ghi chép điền dã phản ánh những trải nghiệm hằng ngày thay vì tạo ra câu chuyện một cách nghệ thuật, hồi hộp và ly kỳ. Họ dựa vào những truyền thống kể chuyện mà sắp đặt các hành động để độc giả có thể hình dung được, tuy nhiên vẫn giữ được cảm giác thật của họ về các sự việc. Nhưng cách hiểu của nhà nghiên cứu về một sự kiện hay thay đổi bất thường và phát triển khi anh ta tiếp tục viết và đọc lại các ghi chú. Bằng cách xem xét những diễn giải khác về một câu chuyện theo kiến thức của việc nghiên cứu, nhà điền dã khám phá câu chuyện bằng những câu hỏi sắc sảo. Vì thế, nhà điền dã chỉ tạm thời hài lòng với bản ghi chép của ngày hôm nay, vì “điều đã xảy ra” có thể thay đổi nhiều. Do đó, mỗi câu chuyện ghi chép điền dã nối kết các phân đoạn, bình

<sup>15</sup> Phần kết thúc hiện tại của câu chuyện về các viên cảnh sát xuất phát từ quyết định biên tập của chúng tôi và phản ánh sự tìm kiếm của chúng tôi để có được một câu chuyện với cấu trúc lồng lèo và tương đối ngắn hơn. Nếu chúng tôi cắt ngay từ điểm đầu tiên hay kết thúc ở một điểm nào sau đó thì cảm giác của độc giả về mạch truyện có thể sẽ khác. Hay, nếu chúng tôi làm cho ngắn hơn nữa, bắt đầu bằng việc dừng ở cửa hàng 7-11 và kết thúc ở lần dừng xe thứ hai thì chuyện kể dường như sẽ súc tích và rõ ràng hơn khi kể về chuyện công việc thường ngày của cảnh sát bị phá vỡ bởi những giây phút phấn khích.

luận các phân đoạn và câu chuyện khác trong nội bộ một hệ thống các ghi chép điền dã. Theo nghĩa đó, mỗi câu chuyện - như một phiên bản trong nhiều phiên bản - có kết thúc mở.

## CÁCH VIẾT PHÂN TÍCH: CÁC GHI NHỚ TRONG QUÁ TRÌNH

Như đã trình bày ở Chương 3, khi viết ghi chép điền dã bằng cách miêu tả chi tiết, nhà dân tộc học bắt đầu viết các phần ngắn gọn tập trung vào phân tích - đó là những nhận xét ngẫu nhiên và bình luận - để xác định, thăm dò các hướng và khả năng lý thuyết ban đầu. Nhưng bên cạnh việc tạo ra các bình luận và chỉ dẫn mang tính phân tích này giữa lúc viết ra một hệ các ghi chép điền dã, nhà điền dã cũng nên dành thời gian và công sức để phát triển một cách hệ thống hơn các chủ đề phân tích từ dữ liệu của họ. Nhà điền dã dân tộc học thường cố gắng thu thập và phân tích dữ liệu cùng một lúc, cho phép các phân tích được tạo ra bởi việc quan sát và phỏng vấn ban đầu định hướng, tập trung vào phần thu thập dữ liệu mới (Charmaz, 2001).<sup>16</sup> Phát triển các phân tích tiềm năng đòi hỏi: Nhà dân tộc học chuyển từ ghi nhớ trong đầu và nối kết lý thuyết sang việc chuyển đổi các ý tưởng này thành dạng viết. Khi kiến thức chỉ được suy nghĩ hay trao đổi bằng lời nói thay vì được viết ra thì chúng vẫn chỉ là một chuỗi những rời rạc và lồng leo. Như Becker đã nói: "Lúc đầu là một điều, sau đó điều khác sẽ đến với suy nghĩ của bạn. Vào lúc bạn nghĩ đến điều thứ tư thì cái đầu tiên đã biến mất" (2007:55). Ngược lại, "một suy nghĩ được viết ra... sẽ cố định, không thay đổi, có thể được so sánh với các suy nghĩ khác theo sau nó" (2007:56). Vì thế, các phân tích được viết ra đòi hỏi phải có cấu trúc, chiều sâu và sắc thái.

<sup>16</sup> Những người dựa trên lý thuyết nền tảng (Charmaz, 2001; Strauss, 1987) đặt biệt nhấn mạnh đến việc bắt đầu các phân tích ngay khi thu thập thông tin: khuyến khích các nhà nghiên cứu phân tích các hiện tượng được quan sát rõ ràng theo các thể loại lý thuyết, xác định một cách hệ thống các đặc điểm và khía cạnh của các thể loại này, hình thành các giả thuyết hay câu hỏi tạm thời về điều đang xảy ra hay mối quan hệ giữa các thể loại này, sau đó tìm kiếm trên thực địa các dữ liệu mới đặc biệt phù hợp với các vấn đề đã được trau chuốt hay tập trung này.

*Viết các ghi nhớ trong một quá trình* cho phép nhà điền dã phát triển những dẫn dắt và kiến thức phân tích xuất hiện sớm trong quá trình điền dã. So sánh với nhận xét ngẫu nhiên và bình luận thì các ghi nhớ trong quá trình này đòi hỏi nhiều thời gian suy nghĩ hơn là chủ động ghi chép điền dã để duy trì việc phân tích; lui lại một chút từ các sự kiện đã quan sát và các công việc thường ngày trên thực địa, đến việc nhà điền dã chuyển sự chú ý sang các độc giả bên ngoài, hình dung rõ độc giả tương lai để xác định, hình thành các chi tiết trong nội dung lý thuyết hay hàm ý của những sự kiện và các hoạt động thường ngày.

Mục đích viết các ghi nhớ trong quá trình không phải là viết ra một hệ thống phân tích cuối cùng mà là đưa ra những kiến thức, phương hướng và hướng dẫn công tác điền dã.<sup>17</sup> Suy nghĩ thận trọng và các phân tích thăm dò ban đầu có thể giúp đưa ra những khía cạnh được trau chuốt hơn về các tương tác cần được tập trung, các cảnh và chủ đề mới để khảo sát, câu hỏi thêm vào để hỏi và theo đuổi, các so sánh thú vị cần được chú ý. Viết ra những ghi nhớ như vậy sẽ rất hữu ích khi nhà nghiên cứu xem xét một số câu hỏi sau: Những sự di chuyển và thay đổi ý nghĩa nhấn mạnh một sự kiện quan trọng điền hình hay cụ thể nào đó thì có trình tự như thế nào? Trong hàng loạt các sự kiện hay tương tác có một dạng thức nhất quán tương đối nào không? Có sự khác biệt nhưng chỉ ít và tinh tế đối với các sự việc hay trường hợp mà thoạt nhìn có vẻ giống nhau hay không? Có một sự tương đồng giữa các sự kiện mà ban đầu dường như không liên quan với nhau hay khác nhau không?

Mặc dù các ghi nhớ sau này dựa vào việc mã hóa một cách hệ thống các ghi chép điền dã (xem Chương 6) nhưng nhiều ghi nhớ trong quá trình xuất phát từ một sự kiện, sự việc, khoảnh khắc hay nhận xét cụ thể cộng hưởng với những điều mà nhà dân tộc học trước đây quan sát được. Sự cộng hưởng này hướng nhà nghiên cứu suy nghĩ về các mối liên kết và/hay để so sánh giữa các vấn đề hiện thời và tương tự (hay khác biệt) khác. Thật vậy, có một ghi chép điền dã “phong phú” cụ thể và khám phá ra được các hàm ý lý thuyết của nó là điều hữu ích. Một nhà dân tộc học nghiên cứu về việc các

<sup>17</sup> Xem Chương 6, thảo luận về các ghi nhớ có liên quan đến mã hóa và phân tích khi chuyển từ thực địa sang viết văn bản miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh.

thành viên gia đình chăm sóc cho những người bị bệnh Alzheimer chẳng hạn đã ghi nhớ một loạt “quan sát” trong đoạn trích ghi chép điền dã đơn lẻ, ngắn gọn, nhưng “có tính gợi ý” sau:

*Ghi chép điền dã:* Trong khi nhóm hỗ trợ Fumiko nhận xét về hành vi của chồng bà ấy: “Đôi lúc ông ấy là một con mèo con” (cười phá ra), “nhưng lại là một con bò hung dữ khi VNA đến tắm cho ông ta.” Bà ấy thêm vào là gần đây ông ấy đã chống cự không cho bà cạo râu nhưng “sáng nay ông ấy để cho tôi làm.”

*Ghi nhớ:* Chú ý cách mà miêu tả này cho thấy người chăm sóc nhận ra là đối với những người bị bệnh Alzheimer, *sự hợp tác* có thể khác nhau và không phụ thuộc vào khả năng hay điều kiện. Vì thế, một vấn đề là liệu người bị bệnh Alzheimer có thể tự ăn, tắm, hay tự cạo râu... hay không; thái độ của người bị bệnh Alzheimer đối với sự giúp đỡ/chăm sóc này trong các hoạt động lại là một vấn đề khác.

Cũng cần lưu ý rằng đối với người chăm sóc, những vấn đề này *khó dự đoán* như thế nào; đôi lúc, việc tắm và cạo râu diễn ra suôn sẻ nhưng đôi lúc lại có những rắc rối lớn. Và người chăm sóc thường như không thể tìm ra một lý do hay sự giải thích nào cho việc khi nào và tại sao lại có kết quả thế này thay vì một kết quả khác.

Ngoài ra, có thể sự bất hợp tác hay *chống cự* nằm ở vấn đề chăm sóc chứ không phải là số lượng hay bản thân phương pháp giúp đỡ sẽ tạo ra các vấn đề quan trọng và là gánh nặng cho người chăm sóc. Trong khía cạnh này, điểm cốt lõi của cơ chế quản lý là việc chăm sóc có thể dựa vào những công cụ và thực hành nào có khả năng kiềm chế, vượt qua hay né tránh sự kháng cự. Với những người bị bệnh Alzheimer hợp tác (hay không kháng cự) - trong hầu như tất cả các vấn đề - người chăm sóc có thể nói: “Tôi vẫn còn có thể chăm sóc được cho ông ấy.” Tương tự, một người bị bệnh Alzheimer hợp tác là người có thể “nói chuyện được”, đó là việc thuyết phục thay đổi cuộc sống hằng ngày của ông ấy hay bà ấy ít nhiều “một cách tự nguyện.”

Trong ghi nhớ này, nhà điền dã xác định hai vấn đề trong ghi chép điền dã lúc đầu ít có liên hệ với nhau: Một số người chăm sóc nói là *sự hợp tác* của bệnh nhân có thể thay đổi, không phụ thuộc vào điều kiện thể lý và *sự hợp tác* đó có khi nhiều khi ít, không thể dự đoán được. Trong đoạn văn cuối, cô ấy suy xét tính thích hợp của một trong những vấn đề này - *sự hợp tác* (và cái tương phản, sự chống cự) - trong việc định hình dạng thức và quá trình rộng lớn hơn của việc chăm sóc tại gia cho người mắc bệnh Alzheimer.

Các ghi nhớ trong quá trình cũng hữu ích cho việc khám phá những mối liên hệ giữa các sự kiện và quá trình khác nhau hay phát triển các diễn giải mới về những gì đã quan sát và hiểu biết trước đó. Trong ghi chép điền dã sau đây, một sinh viên đã làm rõ lúc nào thì các nhân viên sẽ xem những cuộc gọi ban đêm đến đường dây hỗ trợ khủng hoảng là “các cuộc gọi phiền toái”:

Cách đây vài tuần, tôi viết về một người mà các nhân viên cảm thấy khá bức mình và “khó chịu” do bà ấy liên tục gọi đường dây nóng suốt cả buổi sáng. Vào lúc đó, tôi có ấn tượng là nhân viên thấy các cuộc gọi đó không cần thiết trừ phi chúng liên quan đến những thông báo về thương vong. Qua cuộc nói chuyện diễn ra hôm nay (đã nói trong các ghi chú trước), tôi nhận ra đây là một nhận định chính xác nhưng đơn giản quá. Mặc dù các nhân viên thấy là các cuộc gọi nóng vào đêm khuya khá trầm trọng nhưng họ cũng biết cần phải duy trì lựa chọn đó để giải quyết những chuyện tức thời và có liên quan đến tai nạn thân thể. Nhưng mặc dù tình huống người gọi không phù hợp với loại việc trầm trọng đó thì bà ấy cũng không nhất thiết bị gọi là một “người phiền toái” trừ phi bà ấy cứ gọi đi gọi lại và cơ quan này cũng đã quá biết về bà. Mỗi người gọi đường như được xem là một trường hợp cá nhân và được đối xử theo một cách thức tương ứng. Chỉ khi các vấn đề của họ trở nên quá mất thời gian hay đã thành thói quen thì mới bị gọi là những người gọi điện quấy rối.

Ở đây, người sinh viên đã phát triển một phân tích phức tạp bằng việc điều chỉnh và mở rộng tuyên bố được phân tích trước đó. Việc viết ra giúp cho cô ấy làm rõ các ý tưởng và rút ra những khác biệt tinh tế khi cô ấy xem xét một cách có hệ thống những thông tin mới theo những gì cô đã hiểu trước đó.

Dù có giá trị nhưng việc viết các ghi nhớ trong quá trình mang tính phân tích có thể chiếm nhiều thời gian và công sức cần có để viết ra những ghi chép điền dã có tính miêu tả cốt lõi. Nhà nghiên cứu thực địa có thể gặp phải sự mơ hồ và căng thẳng khi phải quyết định lúc nào thì tập trung viết các ghi chép điền dã và lúc nào thì ghi lại và phát triển những phân tích đó. Không có giải pháp dễ dàng nào: Các ý tưởng mới, giống như những chi tiết miêu tả tạo ra những ghi chép điền dã sống động, xuất hiện thoáng qua; nếu không được viết ra ngay lập tức, chúng có khuynh hướng “lạc mất” hay

không được phát triển. Vì thế, nhà nghiên cứu thực địa thường xuyên phải cân bằng giữa sự thôi thúc viết ra những ý tưởng và sự hiểu biết sâu sắc khi chúng xuất hiện với sự ép buộc phải “viết lại tất cả” thật nhanh và hoàn chỉnh mà không bị ngắt ngang.

Nói tóm lại, suy nghĩ và phân tích diễn ra liên tục, thậm chí khi nhà điền dã vẫn còn đang tiếp tục quan sát ở thực địa và tích cực thực hiện các ghi chép điền dã quan trọng trong nghiên cứu dân tộc học. Viết các ghi nhớ trong tiến trình này giúp nhà nghiên cứu thực địa tạm thời đưa ra trước những phân tích cùng với sự thu thập các dữ liệu thực địa. Cách viết có suy nghĩ như vậy khuyến khích nhà nghiên cứu chú ý kỹ hơn tới những gì cô ấy thấy và dựa trên điều đó để viết ra những miêu tả chi tiết và sống động hơn. Cách viết những phân tích trong quá trình này làm tăng khả năng thực hiện các loại hình quan sát cần có để phát triển và củng cố nền một phân tích cụ thể. Các chủ đề phân tích càng được xác định rõ ràng thì nhà thực địa càng có thể “kiểm tra” được nhiều khả năng khác nhau hơn, tạo ra và ghi lại các quan sát có thể khẳng định, điều chỉnh, hay bác bỏ những diễn giải khác nhau. Theo những cách này, nhà điền dã đặt nền tảng cho việc phát triển các phân tích vừa phức tạp, vừa dựa vào các dữ liệu.

## SUY NGÂM: GHI CHÉP ĐIỀN DÃ LÀ SẢN PHẨM CỦA VIỆC LỰA CHỌN CÁCH VIẾT

Khi viết các ghi chép điền dã, mục đích chính của nhà dân tộc học là để miêu tả hơn là phân tích. Một nhà nghiên cứu viết các ghi chép với một mục tiêu cụ thể trong đầu: ghi lại một lát cắt của cuộc sống trên trang giấy. Nhưng những thuật ngữ tương phản này - miêu tả và phân tích - đều cập đến các thể loại viết được ghi nhận hơn là tách bạch các hoạt động nhận thức. Theo nghĩa đó, tất cả miêu tả có tính chọn lọc, mục đích, có góc cạnh và tiếng nói vì chúng được tác giả viết ra. Để “viết ra cuộc sống”, theo nghĩa này, nhà dân tộc học sử dụng các quy ước ngôn ngữ để tạo nên một cảnh tượng được hình dung ra. Các lý giải được viết ra từ một quan điểm cụ thể và như các miêu tả tại thời điểm thực hay điểm kết thúc, được hình thành và sắp xếp theo trình tự trong những câu chuyện mở rộng, tạo ra một bức

tranh chi tiết về bối cảnh, con người và hành động hơn là đưa ra các giải thích nguyên nhân hay xây dựng các tranh luận rõ ràng.

Theo định nghĩa, tất cả các cách viết là một quá trình trừu tượng hóa và sắp xếp có trật tự: Cách viết rõ ràng luôn có một kết cấu chặt chẽ về bản chất, đây là kết quả cho sự chú ý của tác giả với chủ đề nghiên cứu cũng như những độc giả tiềm năng. Nhà dân tộc học tạo dựng các ghi chép điền dã trong một quá trình được diễn đạt chính xác với cụm từ “viết nên” (writing up) hơn là “viết xuống” (writing down, getting down) những gì người ta làm và nói. Các tác giả không chỉ ghi lại thế giới. Nhà dân tộc học cũng là người quan sát tham gia cùng với các thành viên trong việc kiến tạo nên thực tại xã hội, vì thế nhà dân tộc học cũng là tác giả dùng ngôn ngữ để tạo ra thế giới.

Trong chương này, chúng ta đã thấy mặc dù bị giới hạn bởi những chi tiết trong quan sát thực và bởi lời nói của các thành viên nhưng một nhà dân tộc học luôn “tạo ra” hành động được miêu tả hay sự kiện được kể lại. Ghi chép điền dã xử lý các trải nghiệm không chỉ dựa vào sự chú ý của nhà nghiên cứu trên thực địa mà còn dựa vào trí nhớ và việc lựa chọn cách viết của tác giả. Nhà dân tộc học nhận thức được các tương tác và sự lựa chọn các chi tiết quan trọng thế nào; khi viết, họ đã nhóm những chi tiết này lại thành các phần cố định theo các chiến lược viết truyền thống.<sup>18</sup>

Tuy nhiên, nhận thức được các cách viết truyền thống không có nghĩa là sẽ dẫn dắt tác giả sáng tạo một cách mưu mẹo thông qua việc sử dụng các kỹ năng tu từ mang tính thuyết phục. Thay vào đó, việc nhận thức này khiến cho nhà dân tộc học ý thức hơn khi tạo ra các ghi chép điền dã khắc họa thế giới xã hội như cách những người khác đã trải nghiệm và nhận thức. Xem xét hiệu ứng của việc viết: Không chỉ vị trí lý thuyết của tác giả

<sup>18</sup> Một số nhà dân tộc học xem các ghi chép điền dã của họ như là sự thay thế nghèo nàn cho những gì họ đã trải nghiệm và quan sát thực sự ở thực địa. Jackson (1990a:19), chẳng hạn, trích nhận xét của một người: “Tôi thật vọng là chúng không kỳ diệu như tôi đã nhớ... có rất nhiều đặc điểm trí nhớ của tôi hình dung được, trong khi đó các ghi chép điền dã lại không khác một loại bản dịch thuần túy là mấy”. Trong khi các ghi chép điền dã có thể không bao giờ nắm bắt được hoàn toàn trải nghiệm sống ở thực địa thì việc cải tiến các kỹ năng viết sẽ làm cho các ghi chép có ít nhất một vài “sự kỳ diệu” này. Chúng ta thấy rằng khoảng trống khá lớn giữa trí nhớ và ghi chép điền dã là bằng chứng của việc không chú ý đầy đủ đến việc viết lách.

ánh hưởng đến việc lựa chọn cách viết mà còn ngược lại. Thậm chí bằng việc bắt chước một cách không có ý phong cách khoa học xã hội “khách quan” chẳng hạn, với việc sử dụng những cách diễn đạt có thể đo lường được, quan điểm thấu hiểu và sử dụng thể bị động, phần miêu tả sẽ thể hiện sự thu hút - mặc dù rất tinh tế - cho định hướng đó. Dĩ nhiên, một phong cách viết có khuynh hướng định hình tầm nhìn của bất cứ nhà nghiên cứu nào. Cách nhà dân tộc học quan sát ở thực địa một phần xuất phát từ những gì họ cho là đáng chú ý và “có thể viết ra” như một ghi chép điền dã. Kết quả là, các sinh viên quan tâm đến toàn bộ công trình nghiên cứu phải chú ý rằng sự lựa chọn cách viết của họ sẽ ảnh hưởng như thế nào đến cả công tác điền dã và việc ghi chép.

Dù viết cẩn thận hay cẩu thả thì mỗi ghi chép điền dã đều thể hiện các lựa chọn của tác giả: đưa vào những chi tiết này thay vì chi tiết khác khi miêu tả các cảnh và nhân vật, nhóm các sự kiện và hành động được chọn lựa thành các phác thảo và phân đoạn, thể hiện lời nói theo dạng trực tiếp hay gián tiếp và diễn giải, trình bày trong một trình tự theo cách này hay cách khác. Kết quả của những lựa chọn này của tác giả đầy tiềm ẩn, là các miêu tả trong một trang viết với những loại chi tiết, *được tổ chức và sắp đặt theo những cách cụ thể*, thể hiện và đan cài nhiều giọng nói khác nhau. Việc trình bày các phân cảnh chồng chất nhau từ ngày này qua ngày khác và việc lựa chọn cách viết có một hiệu quả cao: Các ghi chép khắc họa thế giới đó qua cái nhìn của tác giả cụ thể. Vì thế, khi lựa chọn cách viết, nhà nghiên cứu dân tộc ghi chép điền dã như thế nào thì sẽ trở thành kết quả cho độc giả và những người được miêu tả như thế ấy. Dù cho là tài liệu được lưu trữ cá nhân hay các đoạn trích được công bố trong văn bản cuối cùng thì các ghi chép điền dã cũng sẽ có tính thuyết phục.

## Chương 5

# Theo đuổi ý nghĩa của các thành viên

Thoạt nhìn, dường như việc theo đuổi ý nghĩa của các thành viên không phải là vấn đề cơ bản của việc viết lách mà là của những gì người ta làm ở địa bàn, tức là của việc đặt các câu hỏi và định vị bản thân để lắng nghe và quan sát những gì người khác quan tâm. Tuy nhiên, ý nghĩa của các thành viên không phải là những vật thể cổ xưa, đơn giản chỉ cần “phát hiện ra”. Thay vào đó, ý nghĩa này là những tạo dựng có tính diên giải, được nhà điền dã tập hợp lại và truyền tải. Dĩ nhiên, quá trình này bắt đầu với việc đặt câu hỏi và chú ý đến những gì thích hợp với con người ở một nhóm bản địa nào đó. Nhưng điều quan trọng của quá trình này là sự thể hiện tinh tế trong các văn bản viết về những gì dân địa phương xem là có ý nghĩa và quan trọng. Vì vậy, ghi chép điền dã là phương tiện quan trọng để bắt đầu nắm bắt các kiến thức địa phương và cách hiểu của người bản địa.

Trong bối cảnh đầy phức tạp khi nắm bắt ý nghĩa của các thành viên, rõ ràng là nỗ lực của nhà nghiên cứu thực địa để làm điều đó sẽ không hoàn chỉnh hay mâu thuẫn với nhau theo những cách riêng biệt. Đầu tiên, một số nhà nghiên cứu thực địa làm mất đi sự trân trọng đối với ý nghĩa của các thành viên khi đưa vào những thể loại bên ngoài để miêu tả bối cảnh và hành động địa phương. Loại áp đặt này che phủ các ý nghĩa của người bản địa. Thứ hai, một số nhà dân tộc học đưa ra các nguyên tắc phân loại cứng nhắc thuật ngữ địa phương. Tuy nhiên, nhiệm vụ của các nhà điền dã dân tộc học thì phức tạp hơn: cô ấy không chỉ cần hiểu thấu và truyền tải thể loại của các thành viên, mà còn phải giải thích họ sử dụng những thuật ngữ đó trong những tình huống tương tác cụ thể nào và làm thế nào các bên liên quan lại có thể hiểu và đánh giá chúng một cách khác nhau.

Trong chương này, chúng ta sẽ tìm hiểu cách các nhà dân tộc học nắm bắt và thể hiện một phong cách viết đầy sống động, ý nghĩa mà các thành viên đã công nhận. Chúng ta xem việc tạo ra các ghi chép điền dã vốn đã được xác định và thể hiện ý nghĩa của các thành viên như một cam kết dân tộc học chính yếu. Việc các nhà dân tộc học kết hợp những ý nghĩa như vậy thành các phân tích cuối cùng như thế nào lại là một vấn đề khác, một vấn đề khác biệt của các nhà dân tộc học. Nhiều người cho là về cơ bản, các thể loại phân tích không phù hợp với ý nghĩa của các thành viên, rằng phân tích dân tộc học phải vượt qua các thể loại của người bản địa (Burawoy, 1991; Wacquant, 2002). Một số khác mặc dù thừa nhận muốn biến đổi các ý nghĩa địa phương thành các khái niệm phân tích được công nhận, nhưng vẫn cam kết cố gắng hợp nhất những ý nghĩa đó thành các ghi nhớ trong khi viết và hình thành các văn bản dân tộc học được trau chuốt (Charniaz, 2001; Tavory và Timmermans, 2009). Để giữ cam kết hiểu các quá trình xã hội mà qua đó các thành viên xây dựng và hành động dựa trên các ý nghĩa để định hình các tương tác tương lai, chúng tôi cho là các nhà dân tộc học lúc đầu nên viết ghi chép điền dã sao cho miêu tả và nắm bắt được các ý nghĩa địa phương. Dĩ nhiên, chúng tôi biết những gì các nhà nghiên cứu dân tộc viết không phải là một sự thể hiện “tinh túy” hay nguyên văn ý nghĩa của các sự kiện và tương tác theo cách các thành viên trải nghiệm chúng. Thay vào đó, các văn bản viết dân tộc học chắc chắn phải được chắt lọc bằng sự nhận thức, trải nghiệm và các cam kết của nhà dân tộc học. Và cuối cùng, nhà dân tộc học viết về ý nghĩa của các thành viên và quá trình xã hội mà cô ấy đã quan sát được ở thực địa cho giới độc giả cụ thể nào đó ở bên ngoài, những người có mối quan tâm trọng yếu và lý thuyết khác với các thành viên trong bối cảnh. Nhưng, khi viết cho giới độc giả bên ngoài như vậy, nhà dân tộc học thường bắt đầu bằng cách dựa trên ý nghĩa và lý giải của các thành viên hơn là của họ, phát triển các lý thuyết, theo thuật ngữ của Geertz (1983:57-58), “gần với trải nghiệm” (hơn là “xa trải nghiệm”) của các mối quan tâm và những kiểu người họ đang nghiên cứu.

Trong chương này, chúng tôi sẽ minh họa cho các quá trình này bằng cách sử dụng những ghi chép điền dã nguyên gốc của sinh viên và cả những ghi nhớ khi đang viết (ghi chép điền dã - ND) và những bài miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh. Chúng tôi bắt đầu chương này bằng cách xem xét

các lý giải dân tộc học thường làm lu mờ hay che phủ ý nghĩa của các thành viên qua việc áp đặt cách hiểu của người bên ngoài lên các sự kiện như thế nào. Sau đó, chúng tôi đưa ra cách viết về những gì quan trọng đối với các thành viên và tìm hiểu vấn đề có liên quan trong việc truyền tải các ý nghĩa địa phương. Cuối cùng, chúng tôi thảo luận các chiến lược cho phép nhà dân tộc học tập trung vào chủng tộc/người, giới và giai tầng, trong khi vẫn duy trì sự nhạy cảm và dành ưu tiên cho ý nghĩa của các thành viên.

## ÁP ĐẶT CÁC Ý NGHĨA NGOẠI SINH

Tất cả các ghi chép điền dã dân tộc học đều thường không chú tâm xuyên suốt tới ý nghĩa của các thành viên, thay vào đó lại áp đặt các thể loại, các ý nghĩa bên ngoài hay ngoại sinh. Việc áp đặt các thể loại bên ngoài tạo ra những miêu tả ghi chép điền dã không *trân trọng* những ý nghĩa và mối quan tâm của người địa phương (Matza, 1969:15-40), và có khuynh hướng áp đặt các sự kiện vốn *không phải* như vậy (tức là, bằng việc tham khảo các thể loại hay tiêu chuẩn khác với những gì các thành viên nhìn nhận hay sử dụng). Nói chung, các nhà nghiên cứu thực địa nào quan tâm đến ý nghĩa của các thành viên sẽ thận trọng với bất cứ sự phân loại nào không nói đến các thể loại mà dân tộc đó thực sự công nhận và sử dụng cùng nhau.

Người ta không đánh giá đúng sự phân loại của các thành viên là vì một vài nguyên nhân. Đầu tiên là do bị sa vào chủ nghĩa vị chủng tộc cổ điển, các nhà nghiên cứu có thể lấy một cách phân loại, một tiêu chuẩn, ý nghĩa từ một nền văn hóa hay địa phương và sử dụng nó để miêu tả những sự kiện trong một bối cảnh khác. Chẳng hạn, trên cơ sở những mong đợi riêng của mình, người phương Tây đến một rạp chiếu phim hay nhà hát ở châu Phi miêu tả những nhận xét ôn ào của khán giả về các nhân vật như là một “sự quấy rầy”, và vì thế không đánh giá đúng sự tham dự vốn là cách thíc<sup>h</sup> hợp nhất mang tính địa phương để thể hiện sự đánh giá về buổi trình diễn (Srinivas, 2010). Hay một nhà quan sát có thể áp dụng những tiêu chuẩn ngoại sinh để đánh giá các lớp học là “ôn ào” hay “hỗn loạn”, theo đó, sẽ bỏ qua cách hiểu thực sự của giáo viên và sinh viên rằng nên thực hiện các hoạt động của lớp học như thế nào. Cả hai quá trình đều có tính châm biếm hơn là miêu tả hành vi theo nghĩa riêng của nó.

Thứ hai, nhà dân tộc học có thể sử dụng một thuật ngữ, một cách phân loại hay một đánh giá được một nhóm trong một thế giới xã hội cụ thể công nhận, sử dụng và tôn trọng để miêu tả những đặc điểm hay hành vi của một nhóm khác trong thế giới đó. Chẳng hạn, các nhân viên ở bệnh viện tâm thần có thể diễn giải hành vi của các bệnh nhân nào đó là “phản ứng tiêu cực” hay “cự tuyệt” mặc dù các bệnh nhân hiểu rằng những hành động đó là hành vi thông thường hằng ngày, hay thậm chí là sự kháng cự với việc kiểm soát của tổ chức. Thường thì một nhà nghiên cứu thực địa tình cờ tìm ra những cách hiểu khác nhau của các địa phương về cùng một sự kiện sẽ có khuynh hướng chấp nhận một quan điểm như là “chân lý”, vì thế họ sẽ loại bỏ những phiên bản cạnh tranh khác. Trong một tình huống ở Zambia chẳng hạn, một người chữa bệnh bằng bùa phép đã xác định một ông cụ đột nhiên không thể đi được là do bị bỏ bùa và sau một năm chữa trị bằng thuốc và mát xa, ông cụ đã khỏi bệnh. Tuy nhiên, vị bác sĩ ở bệnh viện địa phương, khi nghe kể về chuyện này đã đến gặp ông cụ và kết luận là ông bị đột quy dẫn đến bị liệt. Khi viết ghi chép điền dã, một nhà điền dã phương Tây dù luôn tếu nhị nhưng vẫn có thể muôn thiêng về cách giải thích “khoa học” của vị bác sĩ và miêu tả các diễn giải của người chữa bệnh bằng bùa phép là “niềm tin”, và sẽ ưu tiên rằng cách giải thích của vị bác sĩ là “chính xác” và hoàn toàn có hiệu quả hơn.

Thứ ba, nhà nghiên cứu thực địa có thể có thái độ miệt thị đối với ý nghĩa của các thành viên, xem những ý nghĩa như vậy là không hoàn thiện, đạo đức giả, mâu thuẫn, sai lầm hay chỉ là theo kinh nghiệm. Những ví thế này đặc biệt hấp dẫn khi chúng liên quan đến các vấn đề về niềm tin và thực hành vốn có vẻ xa lạ với xã hội đương đại Mỹ. Chẳng hạn, một nhà dân tộc học đang là sinh viên đi điền dã ở Los Angeles quan sát cuộc họp hàng tuần của một nhóm học tập yêu thích triết học Edgar Cayce. Trong đoạn ghi chép điền dã sau, cô ấy miêu tả sự việc do một thành viên của nhóm kể lại:

Dolores làm mất ví nhưng không lo lắng gì hết. Cô ấy đã chiêu một làn ánh sáng trắng vòng quanh cái ví và cầu xin Chúa bảo vệ nó. Cô ấy cũng đã cầu là sẽ không ai muốn lấy chứng minh, thẻ tín dụng và tiền của cô ấy. Ngày hôm sau khi cô ấy đi làm, cô ấy hỏi người trực là cái ví đã được trả lại chưa. Quả thật người ta đã trả lại và không bị mất cái gì cả.

Người sinh viên lúc đầu diễn giải câu chuyện này như chỉ báo của một hướng tiếp cận cực kỳ “thụ động” đối với những vấn đề của cuộc sống đời thường:

Lời răn dạy của câu chuyện là phó mặc mọi thứ vào bàn tay của Thượng đế... Đối với tôi, hình dung làn ánh sáng trắng và nói chuyện với Thượng đế là những cách rất thụ động khi giải quyết tình huống khẩn cấp so với việc đi báo cảnh sát hay quay lại tìm có thể sẽ là những đáp ứng hiệu quả hơn để giải quyết vấn đề; lý giải của các thành viên cho là chính bởi vì hành động cầu nguyện của cô ấy nên cái ví đã quay lại và không bị mất cái gì. Do tạm thời trì hoãn việc bộc lộ niềm tin của mình mà nhà dân tộc học có thể bắt đầu hiểu được niềm tin và thực hành của một nhóm xã hội riêng biệt, liên quan đến tính hiệu quả của hành động trong cuộc sống hằng ngày.<sup>1</sup>

Tuy nhiên những gì lúc đầu sinh viên ấy nghĩ là thụ động - “chiếu làn ánh sáng trắng” và “nói chuyện với Thượng đế” - có liên quan đến hành động khi rời khỏi từ thế giới quan tôn giáo cụ thể này. Dù là việc đi trình báo cảnh sát hay quay lại tìm có thể sẽ là những đáp ứng hiệu quả hơn để giải quyết vấn đề; lý giải của các thành viên cho là chính bởi vì hành động cầu nguyện của cô ấy nên cái ví đã quay lại và không bị mất cái gì. Do tạm thời trì hoãn việc bộc lộ niềm tin của mình mà nhà dân tộc học có thể bắt đầu hiểu được niềm tin và thực hành của một nhóm xã hội riêng biệt, liên quan đến tính hiệu quả của hành động trong cuộc sống hằng ngày.<sup>1</sup>

Thứ tư, những miêu tả và các ghi chép diễn dã có thể được rập khuôn dưới dạng một tiêu chuẩn của cái “được cho là” xuất phát từ những quy tắc hay hiểu biết chính thức, dùng để chỉ phôi hành động trong một bối cảnh

<sup>1</sup> Nhiều nghiên cứu không tuyên bố trực tiếp niềm tin và tư tưởng của một nhóm là sai lầm mà lại gián tiếp loại bỏ những niềm tin và ý tưởng này bằng cách miêu tả chúng là vị kỷ. Berger (1981) đưa ra khái niệm “công trình hệ tư tưởng” như một cách thay thế để xử lý những vấn đề này. Anh ta cho là nhiều phân tích xã hội học “xem nhiệm vụ của họ là “phơi bày” những mối quan tâm “thực” dựa trên các tư tưởng và “lột tả” hay bóc trần các tư tưởng bằng cách tiết lộ mâu thuẫn giữa những gì mà các tư tưởng thể hiện rõ ràng với hành vi thường ngày của những người thể hiện chúng” (1981:19-20). Nhà dân tộc học lại có một nhiệm vụ khác là “không phơi bày những sự khác biệt hay mâu thuẫn giữa thực tế và sự thuyết giáo” (1981:114), mà thay vào đó là xem xét kỹ và ghi lại những cách con người giải quyết và hòa giải những khác biệt như vậy. Chẳng hạn như, thay vì “lột tả” việc sử dụng cưa máy của những người hip-пи vùng nông thôn như một mâu thuẫn với việc công khai không tin tưởng vào “công nghệ” hiện đại, Berger cẩn thận khảo sát việc làm thế nào những người hip-пи này xem cái cưa máy là một “công cụ” khác biệt với “công nghệ” (116). Những loại hành động có tính diễn giải này “nhằm lắp đi khoảng cách, hòa điệu, và phục hồi (có lẽ chỉ tạm thời) biện pháp để làm cho hòa hợp và nhất quán” giữa thực tiễn và niềm tin, thể hiện “một công việc thuộc hệ tư tưởng có tính liệu pháp” (1981:114).

cụ thể. Chẳng hạn, chú ý sự khác nhau giữa lý giải của người lớn tuổi về ý nghĩa truyền thống, các trình tự của một nghi lễ và việc thực hành nghi lễ đó trên thực tế, một nhà dân tộc học có thể miêu tả nghi lễ này là “đang suy giảm” thay vì do sự thích nghi và biến đổi.<sup>2</sup> Tương tự, một nhà dân tộc học có thể miêu tả và phân tích hành động của cảnh sát trên đường phố theo những quy định chính quy về việc sử dụng vũ lực, vì thế sẽ bỏ qua việc các viên chức cảnh sát thực sự đánh giá những tình huống cụ thể trên đường phố như thế nào, quyết định khi nào sử dụng vũ lực và loại vũ lực nào sẽ được sử dụng.<sup>3</sup> Trong cả hai ví dụ, nhà dân tộc học đều quyết định rõ rằng nên xem những hành động đó là sự tuân thủ hay tách khỏi tiêu chuẩn “truyền thống”, những quy định “chính thức”, vì thế, liệu những hành động này có “thực sự” là những hành vi nghi lễ “xác thực” hay sử dụng vũ lực “hợp pháp” không.

Thứ năm, nhà nghiên cứu có thể khơi gợi các thể loại lý thuyết có từ trước, thường là những lý thuyết rất quan trọng đối với trọng tâm của một ngành cụ thể, để khắc họa các sự kiện và bối cảnh. Chẳng hạn, nhà dân tộc học muốn tránh bắt đầu một cuộc nghiên cứu người vô gia cư bằng việc tìm hiểu cách họ sử dụng “vốn xã hội” trên đường phố, bởi vì bắt đầu với một khái niệm ngoại sinh như vậy sẽ xác định trước tính nổi bật của một số đặc điểm và sự kiện cụ thể, có khuynh hướng bỏ qua sự hiểu biết và việc sử dụng các nguồn thích hợp của các thành viên.

Tương tự, khi nghiên cứu cách kể chuyện truyền thống, các nhà nghiên cứu đi trước hoàn toàn dựa vào cách phân tích về “thần thoại”, “truyền thuyết” và “truyện dân gian”, thậm chí khi giải thích các truyền thống không phải của các nước phương Tây. Do những thể loại này thường áp đặt

<sup>2</sup> Thảo luận của Jordan (1993:41-61) về các truyền thống hóa trang trong nghi lễ cắt bao quy đầu (*mukanda*) của tỉnh Tây Bắc, Zambia giải thích biến thể là đặc trưng của những nghi lễ này; anh ta thấy sự cách tân trong cách trang trí mặt nạ có thể là một phương tiện, thông qua đó con người đương đầu với những thực tại chính trị trong vùng.

<sup>3</sup> Phân tích của Hunt (1985) về việc sử dụng thể lực của cảnh sát minh họa cho một cách tiếp cận khác, tự nhiên hơn việc cố gắng xác định những loại thể lực nào mà bản thân người cảnh sát nhận ra là quá đáng hay “tàn ác” và những loại nào là hợp pháp hay “bình thường”. Hunt kiêm chế không đưa ra những đánh giá của riêng mình để học hỏi xem các sĩ quan áp dụng những phân biệt này vào những ví dụ cụ thể trong việc sử dụng uy lực ở đâu và như thế nào.

các khái niệm trên quan điểm châu Âu trung tâm nên sẽ bóp méo các truyền thống và thực hành kể chuyện của một dân tộc, vì thế các nhà văn học dân gian đương đại mô tả ngày càng nhiều cách kể chuyện theo những thuật ngữ, lý giải địa phương của nhóm được nghiên cứu và miêu tả cách người ta sử dụng những thuật ngữ này như thế nào trong những sự kiện kể chuyện cụ thể.<sup>4</sup>

Thật vậy, một nhà nghiên cứu thực địa hoàn toàn có thể áp đặt cách làm như vậy khi đặt ra các câu hỏi ngoại sinh xuất phát từ một chương trình nghiên cứu hay một khung lý thuyết cấu trúc. Nhà nghiên cứu không chỉ áp đặt các ý tưởng khi phỏng vấn một “người cung cấp thông tin”, mà còn có thể áp đặt một hình thức thể hiện không phù hợp do những bó buộc của nó làm sai lệch câu trả lời. Chẳng hạn, một nhà nghiên cứu thực địa yêu cầu liệt kê các thành phần trong một phương thuốc hay những bước riêng biệt trong một nghi lễ có thể có được những bằng liệt kê tùy hứng chỉ để làm hài lòng nhà nghiên cứu. Hay khi nhà nghiên cứu đặt ra những câu hỏi áp đặt những phân tích bên ngoài và chi tiết cụ thể, thì người ta có thể đưa ra “những câu nói không phải là câu trả lời”, chẳng hạn như “có”, “không” hay “thỉnh thoảng”, đặc biệt nếu họ luôn miêu tả những sự kiện nghi lễ và chữa bệnh này bằng cách nhớ lại câu chuyện trải nghiệm.<sup>5</sup> Trái lại, trong một

<sup>4</sup> Ben - Amos (1982) đặc biệt đã tranh luận về việc xem xét những phân loại bản địa đã bị “sự khác biệt” giữa các hệ thống phân tích và tộc người cản trở, ủng hộ các nhà nghiên cứu ghi lại và giải thích các thuật ngữ cũng như thể loại mà những người được nghiên cứu sử dụng. Tuy nhiên, các học giả nghiên cứu truyền thống truyền khẩu tiếp tục nhấn mạnh đến giá trị tương đối của các thể loại phân tích. Chẳng hạn Okpewho (1992) đề nghị tiếp tục sử dụng các thể loại phân tích để thảo luận, so sánh, thậm chí cả khi anh ấy tán thành việc sử dụng những thuật ngữ bản địa cho những phân loại kể chuyện. Trong phần giới thiệu cho tác phẩm “những chuyện kể dân gian”, Oring (1986) xác định các đặc điểm phân tích thường đi cùng với “thần thoại”, “truyền thuyết” và “chuyện dân gian”. Sự chú ý hiện thời vào tự thuật dân tộc học làm phức tạp thêm sự phân biệt giữa các thể loại phân tích và bản địa; Butz và Besio (2009) tổng kết một số thực hành tự thuật dân tộc học bao gồm việc kể chuyện về các trải nghiệm cá nhân.

<sup>5</sup> Các nhà dân tộc học cũng có thể “không nhận được câu trả lời” khi họ có vẻ như không biết gì về những vấn đề mình đang hỏi, đến mức đáng thương. Diamond (1989) kể lại câu chuyện do một nhà sinh vật dân tộc học nổi tiếng đã ở hàng năm với dân tộc Kalam của vùng cao nguyên New Guinea, làm việc với những người cung cấp thông tin ở địa phương để xác định các thuật ngữ dân gian cho 1.400 loài động thực vật. Tuy nhiên khi anh ta hỏi về những loại đá, những người Kalam cung cấp thông tin cho anh ta khẳng khái cho là họ chỉ có một từ để chỉ tất cả các loại đá. Một năm sau anh ta quay lại với

nghiên cứu dân tộc học xuất sắc thì “cả câu hỏi và câu trả lời phải được khám phá từ những người cung cấp thông tin” (Spradley, 1979: 84).<sup>6</sup>

Cuối cùng, việc miêu tả những bối cảnh hay hoạt động ở địa phương theo những biến phân đôi có thể bao gồm một sự áp đặt thể loại bên ngoài. Chẳng hạn, đối với một nhà dân tộc học, để miêu tả những người hiện diện trong quán bar như “khách thường xuyên” và “không thường xuyên”, có thể bỏ qua những loại khách khác, các khách hàng quen thuộc của quán bar có thể thấy được giữa họ có những khác biệt đa dạng hơn. Nói chung, việc đơn giản hóa đời sống xã hội đang tiếp diễn thành các biến và những sự phân đôi có khuynh hướng sẽ làm hỏng hoàn toàn bối cảnh và các ý nghĩa địa phương.

Trong tất cả những cách này, nhà dân tộc học có khuynh hướng đưa ra những ghi chép điền dã và những ghi chép đang tiến triển, mà bỏ qua, coi nhẹ và che phủ đi những am hiểu địa phương. Trong những phần sau, chúng tôi sẽ đưa ra những quy trình thay thế cho việc viết các ghi chép điền dã để tránh được những áp đặt như vậy và giúp phát triển những miêu tả, phân tích ban đầu nhằm nắm bắt những mối quan tâm, ý nghĩa và phân loại của địa phương.

một người bạn địa chất học. Trong vòng một tiếng đồng hồ người bạn này đã quay lại với một danh sách dài những thuật ngữ tiếng Kalam để chỉ các loại đá. Nhà sinh học dân tộc học đã giận dữ đi gặp các người Kalam cung cấp thông tin, yêu cầu được biết tại sao họ lại nói đối ông là không phân loại các loại đá. Họ trả lời: “Khi ông hỏi tôi về các loại chim và cây cỏ, chúng tôi thấy là ông biết rất nhiều về chúng, và ông có thể hiểu những gì chúng tôi nói với ông. Khi ông bắt đầu hỏi chúng tôi về các loại đá, rõ ràng là ông không biết chút gì về chúng. Tại sao chúng tôi lại mất thời gian kể cho ông nghe điều mà ông không thể nào hiểu được? Nhưng những câu hỏi của bạn ông cho thấy là ông ta hiểu biết về các loại đá” (Diamond, 1989:30). Diamond kết luận là các nhà khoa học dân tộc phải “biết hầu như mọi thứ” tương đương với những điều được hỏi để khám phá ra các thuật ngữ bản địa và các nguyên tắc phân loại của họ.

“Đặc biệt các nhà nhân học nhận thức (chẳng hạn như Agar, 1982; Frake, 1964; Spradley, 1979) đã tìm cách để đưa ra những kỹ thuật nhằm tránh áp đặt những phân loại bên ngoài bằng cách “phát hiện ra” những câu hỏi phù hợp và có ý nghĩa trong một nền văn hóa khác.

## THỂ HIỆN Ý NGHĨA CỦA CÁC THÀNH VIÊN

Một số giai đoạn thời gian nổi bật trong đời sống nhóm nhấn mạnh đến việc làm thế nào các thành viên thể hiện, hướng tới và tạo ra ý nghĩa địa phương. Các nhà dân tộc học bắt đầu tạo ra ý nghĩa của các thành viên bằng cách xem xét kỹ *những gì các thành viên nói và làm* trong những khoảng thời gian đó, chú ý đặc biệt đến từ ngữ, cụm từ và thể loại mà thành viên sử dụng trong các tương tác hằng ngày của họ.

### *Các thuật ngữ xưng hô và chào hỏi của các thành viên*

Việc xưng hô và chào hỏi lẫn nhau giữa các thành viên là một trong những cách nói chuyện có tính chất dễ bộc lộ và dễ nhận thấy ngay lập tức. Các nhà dân tộc học thường bắt đầu bằng cách ghi chú và học những thuật ngữ chính xác về cách xưng hô, đặc biệt khi phải làm việc với một ngôn ngữ và văn hóa xa lạ. Trong nhiều cộng đồng, cách người ta xưng hô với nhau phản ánh vị thế, họ hàng của họ; chẳng hạn như khi nói đến sự khác biệt giữa việc quen dùng tên và thể hiện sự tôn kính qua các chức danh trang trọng như bác sĩ/tiến sĩ (Dr.) hay ông (Mr.), bà (Ms.). Ngoài ra, cách mọi người chào nhau như thế nào - bằng cả ngôn từ và ngôn ngữ cử chỉ - thường nói lên được sự gần gũi, kính trọng, tôn kính, hay thù nghịch của mối quan hệ đó.<sup>7</sup>

Chẳng hạn như trong tiếng Chokwe, người ta xưng hô với nhau bằng những thuật ngữ thân tộc, chẳng hạn như *tata* (cha), *mama* (mẹ), *yaya* (anh/chị ruột cùng giới với người nói), *mwakwethu* (em cùng giới với người nói), hay *ndumbwami* (anh/chị/em khác giới với người nói) (Fretz, 1987:58-65). Cách các dân tộc khác xưng hô với nhau thể hiện mối quan hệ thân tộc và giúp cho nhà nghiên cứu biết được người địa phương mong đợi những lời nói và hành vi thích hợp nào. Chẳng hạn, thế hệ ông bà người Chokwe và cháu của họ có thể biểu lộ tình cảm công khai và nói đùa với nhau về các vấn đề về tình dục theo những cách được cho là không thích hợp đối với những mối quan hệ khác. Ngược lại, bà con thân thuộc qua hôn nhân chào

<sup>7</sup> Tác phẩm dân tộc học của Frake "Làm thế nào để vào nhà một người Yakan" (How to enter a Yakan House) (1975), có một phân tích chi tiết về những phong tục địa phương trong việc đi ngang qua và chào hỏi lẫn nhau trong xã hội Yakan.

hỏi nhau rất trang trọng từ đằng xa (người trẻ hơn phải nhường đường) và không bao giờ ăn cùng với nhau.

Tương tự, trong xã hội Mỹ, các thuật ngữ xưng hô và chào hỏi có thể bộc lộ những đặc điểm nổi bật về các mối quan hệ xã hội. Chẳng hạn, trong bối cảnh lớp học và bệnh viện tâm thần, việc các sinh viên và bệnh nhân chào hỏi giáo viên và nhân viên bằng tên hay họ là điều quan trọng. Anderson (1990:168-73) quan sát liệu người ta có chào nhau hay không, và cách họ thực hiện điều đó có thể cho thấy những chỉ báo về những gì liên quan và không liên quan đến tộc người ở những người Mỹ gốc Phi. Giống như vậy, Garot (2010:69-91) miêu tả các thành viên băng đảng thành phố châm ngòi cho các cuộc đụng độ trên đường với những thanh niên xa lạ bằng cách hỏi “mày từ đâu tới”. Việc này bắt đầu một quá trình “yêu cầu” nhằm xác định băng nhóm của người khác và có thể dẫn đến bạo lực.

### *Các câu hỏi và trả lời hằng ngày*

Một nhà dân tộc học sắc sảo chú ý đến các loại câu chào hỏi và câu đáp lại thông thường của người địa phương. Chẳng hạn như, ở nhiều xã hội châu Phi, người ta chào và hỏi nhau những câu hỏi cơ bản phù hợp nhiều lần một ngày. Chẳng hạn như người Chokwe hỏi nhau về sự sáng khoái, của cả gia đình người được hỏi (*Kuci ku nzuwo?* [Ở nhà sao rồi?]); họ cũng hỏi về sức khỏe của người kia và gia đình (*Unahindvuka, nyi?* [Anh khỏe không?]). Những câu hỏi này có thể mở đầu cho những cuộc nói chuyện về sức khỏe, công việc, các vấn đề tiền bạc, tranh cãi trong gia đình, sinh đẻ, chết chóc, ăn ngon, tìm kiếm thức ăn, hay các buổi lễ kỷ niệm. Vì thế, cách hỏi và trả lời như thế nào cho phù hợp những câu hỏi như thế có thể dẫn đến những buổi trò chuyện về các vấn đề mà người Chokwe xem là quan trọng cho sự thành công hay thất bại hằng ngày của họ.<sup>8</sup>

Trong một số bối cảnh, các nhà dân tộc học có thể gặp phải những câu hỏi bất ngờ. Chẳng hạn, một nhà nghiên cứu điền dã người Hàn Quốc nghiên cứu một nhà thờ Công giáo nhỏ ở Los Angeles ngạc nhiên khi thấy

<sup>8</sup> Dĩ nhiên, chú ý kỹ đến những câu hỏi thường ngày và các câu trả lời phù hợp cũng giúp cho nhà nghiên cứu thực địa học hỏi được cách tham dự vào các cuộc nói chuyện sao cho tự nhiên, và đó là một phần quan trọng của quá trình tái xã hội hóa trong quá trình diền dã.

một nhóm thanh niên (một nhóm người Hàn Quốc đến từ Trung Quốc), ngay lần đầu gặp đã hỏi tuổi của cô ấy: "Cô ấy nói cô ấy sinh năm 1984, và cô ấy có thể gọi tôi là unni (có nghĩa là chị) vì tôi sinh năm 1978". Các thành viên trong nhóm thanh niên không chỉ thường xuyên hỏi những người mới đến câu hỏi này mà còn bắt đầu tự giới thiệu trong các cuộc họp nhóm bằng cách nói năm sinh của họ. Việc này khác với trải nghiệm của nhà nghiên cứu ở Hàn Quốc, nơi mà dù văn hóa có cho phép hỏi tuổi nhưng mọi người lại hiếm khi hỏi tuổi ai đó một cách trực tiếp. Thay vào đó, họ sẽ hỏi là người kia cầm tinh con gì (mặc dù người trẻ hiện nay ít làm điều này) hay năm vào đại học (thay cho tuổi của người được hỏi) hay thậm chí trực tiếp hỏi tuổi của người khác.

Nhà dân tộc học nhạy cảm với những trải nghiệm và quan điểm của các thành viên không chỉ lắng nghe các câu hỏi của họ; mà quan trọng là, họ cũng đặt những câu hỏi với chủ ý tạo ra một kết thúc mở, cho phép các thành viên sử dụng ngôn ngữ và khái niệm của riêng họ khi trả lời. Để làm như vậy, họ hướng câu hỏi tới các chủ đề mà thành viên thấy có ý nghĩa, tức là những chủ đề thú vị, phù hợp với các mối quan tâm hằng ngày, với cách họ hành động và nói. Tương tự, việc định hướng câu hỏi đến với những hành động quan sát được và những câu nói tình cờ nghe được, có thể giúp các thành viên hiểu được câu hỏi của nhà dân tộc học; anh ta có thể đặt câu hỏi về một sự việc mà cả hai cùng chứng kiến, về cách giải thích của thành viên về một thuật ngữ ông ta vừa sử dụng, hay về lời nhận xét một người nào khác đưa ra trong lúc nói chuyện. Những câu hỏi như thế cho phép người ta trả lời bằng những hình thức diễn tả quen thuộc, gắn những câu trả lời vào một bối cảnh có ý nghĩa với bản thân và vì thế cho thấy những khái niệm của riêng họ - đó là *sự định hướng các thành viên* tới "thông tin".

### *Những miêu tả của các thành viên xuất hiện một cách tự nhiên*

Các nhà dân tộc học chú ý kỹ đến việc bản thân các thành viên làm thế nào để khắc họa và miêu tả những hành động cụ thể, các sự kiện và nhóm. Vì biết rằng một sự kiện không chỉ có một ý nghĩa duy nhất, cần thiết hay bất biến, nên nhà nghiên cứu thực địa sẽ không cho rằng mình biết ý nghĩa nào các thành viên gắn cho các sự việc và sự vật đã tạo nên thế giới của họ là quan trọng. Thay vào đó nhà dân tộc học lắng nghe thật kỹ xem các thành

viên nói về và miêu tả các vấn đề này như thế nào ở các thời điểm và trong các tình huống khác nhau.<sup>9</sup>

Các thành viên thường đưa ra những miêu tả xuất hiện một cách tự nhiên về bối cảnh của họ khi giới thiệu hay định hướng cho người bên ngoài. Những miêu tả như vậy có thể được khuôn mẫu rõ ràng để nhấn mạnh đến tính chất mà các thành viên xem là đặc biệt hay duy nhất. Chẳng hạn, trong ghi chép điền dã dưới đây, một nhân viên công tác xã hội HUD [Phát triển nhà và đô thị (Housing and Urban Development)] miêu tả công việc của mình với nhà nghiên cứu, nhấn mạnh là anh ấy luôn không có "sự xa xỉ" để có thể có liên hệ cá nhân với người nộp đơn cho trợ cấp nhà của liên bang:

"Một bộ máy hành chính càng lớn thì chuyên gia làm việc trong bộ máy hành chính đó càng ít xa xỉ cho các giao tiếp. Nếu tôi phải phỏng vấn 20 đến 25 người một ngày, thì tôi sẽ không có đủ thời gian để làm. Tôi phải làm việc và tôi phải làm tiếp công việc khác. Đôi lúc, đó thật sự là trường hợp về các con số, tại sao những người làm trong cơ quan chính quyền lại hành động theo cách như vậy. Chúng tôi chỉ là một cơ quan nhỏ, đôi lúc chúng tôi có sự xa xỉ đó. Những lúc khác, chúng tôi không có."

Miêu tả này không chỉ định hướng nhà nghiên cứu đến bối cảnh; mà còn cho thấy quan điểm của nhân viên xã hội về công việc của anh ấy, khi anh ấy báo hiệu là anh ấy sẵn lòng gặp gỡ với khách hàng nhưng thường không thể làm thế vì một vấn đề thực tiễn, đó là "có quá nhiều khách hàng". Khi nói như vậy, anh ấy cũng "giải thích" cho người ngoài về những gì anh ta xem là công việc tốt và một lý do hợp lý cho việc tại sao anh ta không sống theo tiêu chuẩn đó.

Những miêu tả xuất hiện tự nhiên cũng có thể xuất hiện một cách thân mật trong quá trình nói chuyện về những sự kiện quan trọng trong bối cảnh. Ở đây, chẳng hạn, một nhà nghiên cứu thực địa có thể muốn chú ý kỹ đến việc những người mới đến được giới thiệu ra sao và được dạy "làm mọi

---

<sup>9</sup> Cùng kiểu như vậy, xin xem các quan sát tinh tế của Sudnow (1967:36-42) về những khác biệt có tính khuôn mẫu trong việc làm thế nào một nhân viên y tế mới lại có thể nói về cái chết như những chuyện xảy ra "có thể đếm được".

việc như thế nào". Vì những người mới đến phải học thật kỹ những gì cần làm, nhưng họ chẳng biết gì về chúng nên thường thắc mắc và phạm phải những lỗi liên quan đến kiến thức, kỹ năng tiềm ẩn và các nguyên tắc bắt thành văn mà đa số các thành viên lâu năm thường cho là đương nhiên.

Vì các thành viên thường hội nhập và hướng dẫn cho nhà dân tộc học giống như họ đã làm đối với bất kỳ người mới đến nào khác (hay như đối với chính con cái của họ) nên nhà dân tộc học có thể muốn ghi lại việc làm thế nào họ học được cách thâm nhập và thông suốt một bối cảnh trong những ghi chép chi tiết. Thật vậy, trong nhiều tình huống, sự hội nhập như vậy là điều khó tránh. Chẳng hạn, lúc đầu sống trong một làng người Chokwe, mỗi bước di chuyển của nhà dân tộc học - khi họ học từ cách nấu ăn ngoài trời bằng bếp than cho đến việc làm thế nào để khuấy cái nồi cho đúng cách - đều bị các phụ nữ láng giềng quan sát, cười, nhận xét và chỉnh sửa. Vì mọi người thường làm việc với nhau và thoải mái chọc ghẹo nhau về các nhầm lẫn nên người ta thích thú với sự vụng về của nhà nghiên cứu và nói đùa là nhà điền dã dân tộc học giống như một đứa trẻ. Nhà dân tộc học không chỉ học hỏi những hành vi phù hợp mà còn có thể chú ý đến các cách diễn đạt - tiếng cười, lời khiển trách, sự điều chỉnh - mà qua đó người ta làm cho những người khác hội nhập xã hội.<sup>10</sup>

Nhà nghiên cứu quan sát trực tiếp một sự kiện cụ thể sẽ xuất hiện các vấn đề đặc biệt khi khám phá việc các thành viên miêu tả ý nghĩa của các sự việc và sự kiện như thế nào. Khi nhà nghiên cứu quan sát trực tiếp một sự kiện cụ thể, các vấn đề đặc biệt của việc khám phá cách các thành viên miêu tả về ý nghĩa của các sự việc và sự kiện sẽ xuất hiện, vì những người khác trong bối cảnh có thể cho là do nhà nghiên cứu đã nhìn thấy điều gì đó xảy ra, hay quen thuộc với bối cảnh nên mới biết nó có nghĩa gì. Một cách để giải quyết tình huống này là lắng nghe các thành viên nói chuyện với người khác về sự kiện này. Vì thế, nhà điền dã quan sát một cuộc gặp gỡ giữa viên luật sư quận và điều tra viên liên quan đến việc đệ trình một đơn kiện có thể có được những ghi chép điền dã chi tiết, rằng luật sư đã kể lại "điều gì đã xảy ra" cho một đồng nghiệp, có thể vào lúc đó hay vào giờ ăn trưa sau

<sup>10</sup> Nhiều nhà điền dã khác cũng kể lại chi tiết việc xã hội hóa thông qua sự chọc ghẹo và cười nhạo (xem Yocom, 1990).

đó. Một cách khác, như đã lưu ý ở trên, là có thể thông qua việc đặt câu hỏi gián tiếp hay cẩn trọng để khám phá cách miêu tả và lý giải của các thành viên về một sự kiện đã quan sát. Chẳng hạn, khi quan sát một viên quản chế phỏng vấn một thanh niên phạm tội và phụ huynh của cô ấy, nhà điền dã có thể hỏi nhân viên quản chế điều gì là quan trọng (và tại sao), những câu phát biểu và tư thế nào làm cô ấy ngạc nhiên, hay cuộc phỏng vấn này so với các cuộc phỏng vấn khác thì như thế nào. Những câu hỏi như vậy sẽ nêu bật trải nghiệm và sự thành thạo của thành viên và ngược lại, sẽ làm giảm đi giá trị kiến thức về địa phương của nhà dân tộc học. Tương tự, nhà dân tộc học có thể trực tiếp nói ra họ thiếu kiến thức về một vấn đề cụ thể nào đó khi hỏi các thông tin cơ bản liên quan đến một sự việc hay sự kiện quan sát được. Thật vậy, rõ ràng là đôi lúc nhà nghiên cứu phải lùi lại, nói với người khác những điều như “tôi nghĩ tôi biết nó có nghĩa là gì nhưng tôi muốn chắc chắn là mình đã hiểu đúng. Vậy anh có thể giúp tôi hiểu điều gì vừa mới xảy ra được không?”.

Một thể loại miêu tả quan trọng và nổi bật của các thành viên xuất hiện khi người ta định danh, khắc họa rõ ràng, hay tóm tắt ý nghĩa và nội dung của vấn đề, sự kiện hay sự việc nào đó. Thông qua những *cách hình thành* (formulation) như thế này (Garfinkel và Sacks, 1970; Heritage, 1984), người ta xác định “bản chất” của những gì được nói ra hay thực hiện, nhờ đó có thể khắc họa và miêu tả nó theo một cách riêng biệt. Chẳng hạn, khi nói “anh cắt lời tôi”, một nhân vật và ý nghĩa lời nói trước đó của một người khác được hình thành, rằng lời nói vừa xuất hiện thực sự là “một sự cắt lời”, ám chỉ rằng đây là vấn đề quan trọng và có liên quan đến cuộc đối thoại (Sacks, 1992:637). Do vậy, những cách hình thành này khẳng định ý nghĩa hay sự hiểu biết cụ thể, định hình rằng ý nghĩa của điều gì đó đã xảy ra theo một cách thức mới mẻ và khác biệt tinh tế. Chẳng hạn, trong một cuộc họp giáo viên thường xuyên của trường học đã nói ở phần trước, người giáo viên kể lại hai lần học sinh thoải mái dùng các thuật ngữ tình dục khi nói chuyện với cô ấy và những người khác; sau đó cô ấy xây dựng hai sự việc này (và vấn đề chung chung thể hiện) như là “sự quấy rối tình dục”; cách hình thành này làm thay đổi ý nghĩa của điều hai thành viên đã nói khi nói đùa tục tĩu thành một dạng thức vi phạm pháp lý đáng bị trừng phạt. Nói chung, nhà nghiên cứu thực địa nên ghi chép cả khi các cách thức hình

thành được đưa ra và cả khi chúng tạo ra hay thay đổi ý nghĩa vào những dịp như vậy. Vì bất cứ sự kiện nào cũng có thể được hình thành theo nhiều cách khác nhau, nên một cách thức hình thành cụ thể sẽ cho thấy một điều gì đó về các mối quan tâm và sự liên quan của người tạo ra nó.

Trong bối cảnh hằng ngày và có tổ chức, điều quan trọng là phải nhìn nhận rằng các hình thành này đã kiến tạo nên xã hội chứ không phải chỉ là lời phát biểu của nhà dân tộc học về "các sự kiện" không có gì đáng tranh cãi. Để minh họa, hãy xem xét ghi chép điền dã miêu tả cuộc phỏng vấn của một cán bộ quản giáo với Tom, một vận động viên lướt sóng da trắng, 16 tuổi, đã đăng ký vào một trường quản giáo đặc biệt dưới đây. Sau khi nhìn vào "bản báo cáo thành tích" từ một trường đặc biệt mà cậu thiếu niên này đã học, nhà nghiên cứu viết ghi chép điền dã dưới đây:

Nói chung báo cáo thành tích của cậu ta có chút tiến bộ. Nhưng một ngày kia Tom bị trả về nhà. Shelly đã hỏi cậu ấy về việc này.

Ở đây, nhà nghiên cứu đưa ra nhận xét rằng giai đoạn quản chế gần đây của cậu thiếu niên là "có chút tiến bộ". Khi làm vậy, nhà nghiên cứu rõ ràng lặp lại quan điểm của cán bộ quản giáo vì lát sau phần ghi chép cho thấy người cán bộ quản giáo cũng nói về bản báo cáo tương tự như thế. Nhưng khi lấy ngay miêu tả của thành viên mà không phê phán theo cách đó, nhà nghiên cứu xem việc "có chút tiến bộ" như một sự kiện, mà không nhận ra đặc điểm của nó là một sự hình thành. Nhà nghiên cứu cũng không xem xét việc người cán bộ quản giáo diễn giải "sự tiến bộ", "sự cải tiến" và "những sự kiện" là như thế nào, người cán bộ đã tham dự vào quá trình tiến bộ nào để có thể khẳng định như thế. Ngoài ra, khi xem "có chút tiến bộ" như là một "sự kiện" hơn là một quá trình hình thành, nhà nghiên cứu sẽ bỏ qua các khả năng rằng ý nghĩa này được xây dựng trong một bối cảnh cụ thể và vì một lý do đặc thù nào đó; chẳng hạn, người cán bộ quản giáo có thể đã nhạy cảm với sự hiện diện của cậu thiếu niên, và để theo dõi cách hành xử của cậu ấy, ông ta sẽ đưa ra các khắc họa này dựa trên một sự đánh giá tiêu cực hơn.<sup>11</sup>

<sup>11</sup> Nói chung, việc hình thành "những gì đã xảy ra" không chỉ bao gồm các tóm tắt và bảng "chú giải" mà còn bao gồm cả việc rập khuôn để biết trước hay tác động đến những con người cụ thể. Họ là những người được kể chi tiết về quá trình hình thành này.

Nói chung, nhà nghiên cứu dễ thiên vị những miêu tả trong các văn bản chính thức, xem chúng như là bản ghi chép của “các sự kiện” liên quan được ghi nhận theo những cách rõ ràng và không có khó khăn gì. Nhưng xét theo khía cạnh dân tộc học, việc nhận ra rằng các miêu tả được hợp nhất thành những văn bản như vậy vừa có tính chọn lọc cao, vừa có nhiều quá trình hình thành là rất hữu ích. Chẳng hạn, bản báo cáo và khuyến cáo quản chế không chỉ đơn thuần là bản ghi nhận các sự kiện về hành vi của một thiếu niên, mà còn là sự tóm tắt và diễn giải có tính chọn lọc cao, làm giảm đi tính phức tạp và thường gộp các sự kiện có tính tranh cãi thành một dạng thức duy nhất. Vì thế, thay vì dễ dàng xem các bản báo cáo là những ghi chép khách quan thì nhà dân tộc học nên tìm hiểu xem các văn bản đó được các thành viên tạo ra, đọc và diễn giải như thế nào. Trong thực tế, việc này đòi hỏi phải xem xét kỹ càng những gì các thành viên cho là quan trọng trong một bản báo cáo, họ khắc họa “bản chất” hay “điểm cốt yếu” của nó như thế nào; nó còn đòi hỏi viết các ghi chép điền dã kể lại những chi tiết có trong văn bản (nếu có thể thì cả những gì không được đưa vào) và các thành viên diễn giải, đáp ứng nó ra sao.<sup>12</sup>

### *Câu chuyện của các thành viên*

Người ta có thể trình bày miêu tả mở rộng về những sự kiện họ chứng kiến hay trực tiếp trải nghiệm, hoặc những miêu tả về việc làm của người khác được kể lại (ví dụ, “tán gấu”), được sắp xếp bằng một chiến lược kể chuyện nào đó để trở thành một câu chuyện cá nhân.<sup>13</sup> Những câu chuyện như thế

<sup>12</sup> Trong nghiên cứu thực địa kinh điển của mình, Cicourel (1968) xem xét các cảnh sát và cán bộ quản chế thanh thiếu niên đọc và diễn giải những hồ sơ văn bản khác nhau trong các vụ phạm tội như thế nào, bao gồm các bản báo cáo về việc bắt giữ, điều tra, quản chế hay bản báo cáo của trường học. Anh ta cũng nhấn mạnh các cân nhắc thực tế và chiến lược nổi bật chi phối việc làm thế nào các cảnh sát và cán bộ quản chế lần đầu tiên chuyển các cuộc trò chuyện của họ với thanh niên thành những bản báo cáo (đặc biệt xem vụ của Audrey, 130-66).

<sup>13</sup> Johnstone (1990) thảo luận cách người ta thiết lập cấu trúc và gắn ý nghĩa cho các trải nghiệm thông qua việc kể chuyện, dựa vào các truyền thống kể chuyện của nhóm và cá sự thể hiện bản thân theo phong cách của riêng họ. Stahl (1989) cho thấy là những người kể chuyện thường định hình trải nghiệm của mình cho phù hợp với những giá trị của cộng đồng và các khái niệm của một câu chuyện. Khi diễn giải các câu chuyện, nhà nghiên cứu suy ra những giá trị tiềm ẩn của người kể chuyện. Cashman (2008) lưu ý là mặc dù người kể chuyện ở vùng biên giới phía bắc Ai-len thể hiện các khía cạnh chính trị

của các thành viên có thể cho chúng ta biết thông tin về con người và những sự kiện mà họ miêu tả. Tuy nhiên, người ta luôn kể chỉ một phần, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, được điều chỉnh để thích hợp với các mối quan hệ và tình huống khác nhau. Theo nghĩa này, chúng có thể giúp chúng ta hiểu biết về những mối quan tâm và cảnh huống tạm thời của người kể chuyện. Chẳng hạn, chúng ta sẽ xem xét câu chuyện mở rộng dưới đây, do một cán bộ quản giáo kể cho nhà nghiên cứu:

Jim nói với tôi: "Anh đã bỏ lỡ rồi, anh ơi". Tôi đáp: "Có chuyện gì vậy?" Jim đi tới cái máy bán hàng để lấy gói bánh snack. Sau đó anh ta bắt đầu kể cho tôi là phụ huynh của một thanh niên 21 tuổi đã gọi anh ta hôm nay và muốn người ta bắt con trai họ. Người con trai đã ra khỏi "nhà" [nhà tù] và tuyệt nhiên không xuất hiện trong cuộc hẹn đầu tiên theo chế độ quản chế. Cha của cậu thanh niên nói là cậu ấy đã quay lại với ma túy và "khá nặng". Cả ngày cậu ta không làm gì ngoại trừ hút ma túy, cậu ấy chỉ nằm trên giường... chỉ thức dậy để ăn và đi vệ sinh. Và người cha nói qua điện thoại là con trai của ông ta không nên được phép chọn giữa nhà tù hay trại cải tạo vì cậu ta sẽ chọn ngay nhà tù (Nếu chọn nhà tù, tù nhân có thể quay lại đường phố hút ma túy chỉ trong vòng một tháng.)

Jim tiếp tục kể cho tôi là anh ta đã đi đến đó, bắt cậu thanh niên do cậu ấy đang "sa đà"... Khi anh ta đến, anh ta đã bắt phụ huynh ký vào tất cả giấy tờ pháp lý. Và khi mở cửa để bắt cậu thanh niên, Jim thấy "cậu thanh niên đang ôm trong tay một cô bé" (một gái mại dâm bán thân để lấy thuốc chứ không phải vì tiền). Jim kể là việc bắt bớ đó đã diễn ra suôn sẻ do cậu con trai "đã quá chán nản"; cậu ấy "lúc này đang ở trong nhà quản giáo."

Dù câu chuyện này là về một thanh niên đang trong thời gian thử thách nhưng nó lại cho biết về công việc và các mối quan tâm thường nhật của một cán bộ quản giáo, các bối cảnh nổi bật và những cam kết ẩn chứa trong đó.<sup>14</sup> Theo nghĩa này, các nhà dân tộc học không xem câu chuyện của một

của họ trong những câu chuyện kể, nhưng họ cũng chủ động nhấn mạnh các giá trị cộng đồng thông qua giao thoại về các nhân vật mà cả cộng đồng đều biết.

<sup>14</sup> Dĩ nhiên, câu chuyện này cũng được kể cho nhà nghiên cứu, và có lẽ đã được điều chỉnh theo những mối quan tâm và sở thích của anh ấy cùng những mối quan hệ của anh ấy với người kể chuyện. Kết quả là, nhà dân tộc học không nên chỉ kể "câu chuyện" trong các ghi chép diễn dã mà còn phải miêu tả bối cảnh của việc kể chuyện: những câu

thành viên như một lời giải thích thực sự mà là sự thể hiện trải nghiệm và quan điểm của người nói đúng lúc tại một thời điểm cụ thể, đối với một độc giả cụ thể, để hoàn tất các mục tiêu cụ thể. Nhà dân tộc học đánh giá và ghi lại những câu chuyện này như cách bộc lộ sự trải nghiệm và quan điểm của một thành viên.

Nhà dân tộc học cũng nên tìm kiếm và ghi lại các câu chuyện khác nhau kể về cùng một sự kiện. Những phiên bản khác nhau này có thể dựa trên một số chi tiết giống nhau nhưng mỗi cách lý giải lại có thể có những chi tiết mà câu chuyện khác không có, sắp xếp các hành động theo những cách khá khác nhau, và đưa ra những diễn giải về nguyên nhân lẩn tránh nhiệm khái khác nhau. Vì thế, lý giải của một giáo viên về một vụ đánh nhau trong lớp học “có tính phá phách” kể cho một nhà nghiên cứu thực địa có thể nghe rất khác với phiên bản chính giáo viên đó kể cho các đồng nghiệp của anh ta trong giờ ăn trưa sau đó. Khi viết các ghi chép điền dã, nhà nghiên cứu nên lưu giữ những khác biệt này nếu may mắn nghe được cả hai phiên bản.

Các phiên bản đa dạng cho biết cách các thành viên khác nhau tạo dựng và hiểu về cùng một sự kiện.<sup>15</sup> Chẳng hạn, khi nghiên cứu trải nghiệm

hỏi đáp hay những nhận xét nào mà câu chuyện gợi lên, việc kể chuyện xảy ra ở đâu (ở nhà riêng hay như một phần của các hoạt động khác), và có những người nào khác đang lắng nghe câu chuyện đó.

<sup>15</sup> Mills (1990) lưu ý là những nhà văn học dân gian, với sự quan tâm đến tương tác hằng ngày qua hình thức lời nói, đôi lúc cũng nghiên cứu và miêu tả chi tiết các giọng nói và các bối cảnh khác nhau được thể hiện trong các cuộc biểu diễn. Xem các buổi biểu diễn bằng lời nói là nổi bật và duy nhất, nhiều học giả về kể chuyện bằng lời (chẳng hạn như, Bauman, 1992a, 1992b; Briggs, 1988; Georges, 1981) phân tích chi tiết những động thái của mỗi buổi trình diễn. Họ xem xét cách những nhà kể chuyện định hình phong cách và các chủ đề của họ để đáp ứng với khán giả, tình huống hay những hoàn cảnh cụ thể. Bằng cách giữ lại một vài phiên bản của “cùng” một câu chuyện kể, họ chứng minh là những người kể chuyện thường tạo ra những câu chuyện của riêng họ để thể hiện quan điểm về một chủ đề. Chẳng hạn như Cosentino (1982) trong nghiên cứu của mình về việc kể chuyện của người Mende ở Sierra Leone, ghi chép lại việc ba người phụ nữ tranh cãi với nhau về các phiên bản tương phản của họ về một câu chuyện dân gian: mỗi câu chuyện có những chi tiết nổi bật và các kết quả rõ ràng khác nhau. Yitah (2009) chú ý là phụ nữ dân tộc Kasena ở phía bắc Ghana tranh cãi qua việc pha trò được diễn đạt bằng tục ngữ để thể hiện cảm giác nữ tính của mình cũng như để làm mất đi ý thức hệ phân biệt giới có trong tục ngữ.

cá nhân về các cuộc bạo động ở Los Angeles diễn ra sau khi các viên cảnh sát đánh Rodney King, một sinh viên người Mỹ gốc Phi, được tha bổng, nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh những giọng nói khác nhau của người Mỹ gốc Phi về những trải nghiệm tương tự của họ. Trong câu chuyện dưới đây chẳng hạn, người kể đắc chí với sự thân thiện giữa những chủng tộc khác nhau và “cảm giác cộng đồng” anh ta có được với những người giúp nhau “lấy đồ”:

“Tôi nhớ - khi lời tuyên án được đưa ra, và - lúc đó ở trường học, và - ừm cũng đang ở trong tâm trạng không tin tưởng, mà, ừm họ quay lại không bị tội gì hết, những viên cảnh sát.

“Và, ừm, tôi đi về nhà, và các bạn bè của tôi đến chơi và tôi không biết họ chuẩn bị đi ra ngoài. Vì thế, tôi đi với họ và chúng tôi đi xuống khu trung tâm, và - chúng tôi bắt đầu lấy mọi thứ.

“Và tôi chỉ nhớ là - giống như một sự thống nhất và mọi người đều ở ngoài đường. Và những tay anh chị và mọi điều khác đều giống như đang giúp bạn lấy đồ. Giống như: “Ồ, anh muốn cái đó hả? Đây, tôi sẽ lấy cho anh.” Và nó giống như tôi cảm nhận, một, một, cảm giác cộng đồng ở đây, với các chủng tộc khác nhau. Ý tôi là, đây là những người gốc Tây Ban Nha và mọi thứ khác, và tất cả chúng tôi đang bộc lộ sức mạnh và lấy tất cả những gì chúng tôi muốn. Và, ừm - cơ bản đó là tất cả những gì xảy ra sau khi tôi nghe lần đầu tiên.”

Judy, một phụ nữ đã kết hôn, có tài sản, kể về những sự kiện tương tự và trải nghiệm của bà theo cách khác:

“Tôi nói chuyện với rất nhiều người hàng xóm. Và tôi đã hỏi những người gốc Latin tại sao anh lại lấy tất cả những món đồ này. Anh biết đấy nó xấu, anh biết mà, anh biết mà.

“Và tôi đi bộ cùng chồng. Chúng tôi chỉ đi bộ, anh biết mà, chúng tôi không làm ai tổn thương, vì bạn có thể dễ dàng đi lại trên những con đường và xem cái gì đang diễn ra.

“Và, anh biết không, điều khôi hài nhất, anh biết không, một trong những người láng giềng đã nói: “Anh biết không, quần áo của tôi ở trong những cái máy tẩy quần áo ở đằng đó.” Và vì thế họ bắt đầu đi đến đó xem liệu họ có phá hỏng những cái máy đó chưa. Và khi họ đến đó - “chúng ở chỗ những cái máy tẩy”. Và quần áo của bà ta ở trong đó, một trong những gã người Mexico đã lấy

chúng - Và chồng tôi bảo họ: "Bó đống đồ lại chỗ cũ". Và [người láng giềng] nói: "Anh không nên lấy quần áo của tôi. Anh không nên lấy quần áo của tôi. Anh không nên lấy quần áo của tôi." Vì đó là lý do chính để chúng tôi đi đến góc đường này."

Trong câu chuyện đầu tiên, người kể chuyện vốn là người Mỹ gốc Phi xác định bản thân là một người tham dự tích cực vào việc "lấy đồ", cùng với việc "nhập băng nhóm", "những người gốc Tây Ban Nha và tất cả những người khác". Anh ta kể lại trải nghiệm như là sự ràng buộc giữa mọi người, như là một "cảm giác cộng đồng ở đó, với các chủng tộc khác nhau". Trái lại, ngay từ đầu câu chuyện thứ hai, một người kể chuyện vốn là người Mỹ gốc Phi miêu tả những vị trí đối lập nhau của mọi người trong các hoạt động đường phố: một số ra ngoài đi dạo xung quanh chỉ để nhìn, trong khi số khác chủ động "lấy cắp đồ." Bà ta bắt đầu kể về sự quan sát và quở trách những người Latin vì "lấy cắp tất cả đồ đạc". Sau đó, bà tiếp tục kể lại việc người hàng xóm đi kiểm tra những cái máy tẩy quần áo địa phương và thấy "một trong những gã người Mexico" lấy quần áo của mình; họ buộc gã đàn ông "trả đống đồ lại chỗ đó". Hai câu chuyện này cho thấy sự gắn kết rất khác nhau của người kể chuyện với những người bạo động, và rõ ràng hơn là những cách hiểu khác nhau của họ về bản chất và tầm quan trọng của cuộc bạo động. Khi viết về những câu chuyện này, nhà dân tộc học - bản thân là một người Mỹ gốc Phi thể hiện trong các cuộc bạo động - chỉ ra là cộng đồng tộc người này không phản ứng như một nhóm đồng nhất mà thể hiện một loạt quan điểm khác nhau. Thật vậy, một số người gọi đó là một cuộc "bạo động", nhưng số khác lại gọi là một "cuộc nổi loạn" để thể hiện mạnh mẽ hơn cách diễn giải chính trị của họ về các cuộc nổ súng và cướp phá. Bằng cách cẩn thận ghi lại những câu chuyện đa chiều, nhà nghiên cứu có thể tìm hiểu những cách hiểu khác nhau về một sự kiện cộng đồng.

### *Thuật ngữ, thể loại, và loại hình của các thành viên*

Các nhà dân tộc học nên chú ý kỹ các thuật ngữ hay cụm từ mà các thành viên thường sử dụng để miêu tả con người và sự kiện. Nhiều nhà dân tộc học ít quan tâm đến những thuật ngữ kỹ thuật chính thống phản ánh nhu cầu hành chính, các mối quan hệ công cộng và phép lịch sự cứng nhắc; họ dựa vào các thuật ngữ hằng ngày, thông tục, và thường gọi sự liên tưởng,

các thuật ngữ có thể sinh động hay phàm tục (ví dụ, “công việc dơ bẩn” trong Emerson và Pollner, 1976; “kẻ đê tiện” trong Van Maanen, 1978), điều đó phản ánh và thể hiện những mối quan tâm thực tế và đời thường.

Xem xét một số thể loại được ghi nhận của những người sống ở nơi cư trú dành cho những bệnh nhân trước đây bị tâm thần (Shaw, 1988:282-320). Một mặt, các nhân viên xác định một số người là “hợp tác” hay là “những người có động cơ”, hàm ý là việc chữa trị sẽ có kết quả và cuối cùng những người đó sẽ tìm được việc làm và xây dựng hoàn cảnh sống độc lập. Họ so sánh loại này với “kẻ thất bại” - những bệnh nhân mẫn tính với kỹ năng và nguồn lực tối thiểu, được cho là không bao giờ có khả năng ra khỏi hệ thống chăm sóc sức khỏe tâm thần. Mặt khác, các cư dân nhìn nhận sự phân biệt dựa trên việc người đó nhấn mạnh các mối quan hệ với một số cư dân khác hay là hướng đến việc phát triển các mối quan hệ và nhận những đặc ân từ các nhân viên. Những người thuộc thể loại đầu gồm có “kẻ quấy rối”, “những người trị liệu”, “nhà tâm linh”, “những người tốt,” và những người được biết là có giao du với “nhóm chơi ma túy”. Các cư dân gọi những người mà các nhân viên quan tâm là “nhà máy điện cũ” và “những con chó đầu đàn”. Rõ ràng là sự khác biệt giữa những thuật ngữ này cho thấy sự khác biệt quan trọng giữa mối quan tâm thực tế của các nhân viên và các nhóm cư dân khác nhau.

Nhà dân tộc học khi nghe những thuật ngữ tự nhiên đó không nên cho là chúng có một nghĩa riêng biệt và duy nhất, mà thay vào đó, họ nên xem xét các sắc thái ngữ nghĩa và cách dùng khác nhau của chúng đối với từng thành viên có vị trí khác nhau trong bối cảnh. Chẳng hạn, một sinh viên dân tộc học quan sát một ngôi nhà ở nông thôn dành cho những cô gái phạm tội ở trường Cải tạo Reyes nghe cả nhân viên và những người được cải tạo nói về các tin liên lạc - đó là những bức thư cá nhân do người đang cải tạo này viết cho người đang cải tạo khác, thường bị các nhân viên chính thức cấm vì cho rằng điều đó thể hiện tình trạng thành lập băng nhóm. Trong sự việc được ghi vào ghi chép điền dã dưới đây, nhà dân tộc học thể hiện sự quan tâm của người đi cải tạo đến việc các nhân viên truy tìm “tin liên lạc”:

Sau đó, Kate bắt đầu nói về việc cô ấy đã phấn khích như thế nào khi không có một cuộc lục soát phòng nào vào ngày hôm nay, bởi vì cô ấy nhớ trong lần kiểm tra thứ tư, cô đã có bảy tin liên lạc phi pháp trong phòng của mình.

Nhưng “tin liên lạc” có tầm quan trọng rất khác nhau đối với các nhân viên và những người đi cải tạo. Các nhân viên xem các tin liên lạc như là một hoạt động băng nhóm, có thể làm gia tăng các mối căng thẳng giữa các thành viên nhóm. Các cô gái miêu tả tin liên lạc đơn giản như là “các lá thư tình”, không dính líu gì đến việc gia nhập hay hoạt động băng nhóm. Chẳng hạn, hãy xem những nhận xét được lấy từ một ghi chú phân tích do nhà dân tộc học viết sau đây:

Bà cô gái trong ngôi nhà ở nông thôn miêu tả tin liên lạc theo những cách sau:

Claudia: “Nó giống như một lá thư bình thường... giống như một lá thư tình tựi mình viết cho tựi con trai, hay bọn họ viết cho tựi mình.”

Kate: “Những lá thư phi pháp - không được chuyển qua bưu điện và chúng tôi có 24 tiếng” (24 giờ biệt lập trong phòng).

Dani: “Bất kỳ một ghi chú nhỏ nào được chuyển đến bất cứ người nào khác dưới dạng liên lạc và nếu bị bắt gặp một lần, bạn phải chịu hậu quả, chẳng hạn trong phòng biệt giam 24 giờ.”

Những miêu tả này không đề cập gì đến các băng nhóm mà còn cho thấy là các tin tức liên lạc khá quan trọng đối với các cô gái, bởi vì chúng trở thành tâm điểm tìm kiếm nghiêm ngặt của các nhân viên và những người nào bị bắt sẽ bị phạt quản thúc trong nhà (“24 giờ”).

Để khảo sát và truyền tải những ý nghĩa khái quát hơn thì việc chú ý cách thuật ngữ đó được sử dụng như thế nào, so sánh với việc sử dụng các thuật ngữ liên quan, là rất hữu ích. Chẳng hạn, dân tộc Chokwe có những thuật ngữ cho một vài loại “kể chuyện” khác nhau.<sup>16</sup> Họ phân biệt các hình thức kể chuyện này bằng cách sử dụng các thể loại nhận thức khác nhau, được đánh dấu bằng những thuật ngữ riêng biệt, những đặc điểm diễn cảm, như cách chọn từ, phong cách và các hành vi xã hội thích hợp với những tình huống khác nhau.<sup>17</sup> Chẳng hạn, *kuta pande* là cách nói chuyện thân mật

<sup>16</sup> Thảo luận này được dựa trên nghiên cứu của Rachel Fretz về người Chokwe của tỉnh Bandundu, Zaire, vào năm 1982 và 1983, và tinh Tây Bắc, Zambia, vào giai đoạn 1992 - 1993. Nghiên cứu chi tiết và mở rộng thảo luận trước đó trong công trình Fretz (1987) dựa trên nghiên cứu ở tỉnh Bandundu của Zaire Congo.

<sup>17</sup> Ben - Amos (1982) cho là trong nghiên cứu về các phân loại bản địa nhà nghiên cứu nên miêu tả các biểu hiện theo từng cấp độ nhận thức, diễn tả, và hành vi. Tác giả cho thấy là đôi lúc hệ thống biểu hiện của một dân tộc bao gồm các phân biệt được thể hiện

và kể về những trải nghiệm cá nhân gần đây - thường theo một phong cách cường điệu và kịch tính - như khi người ta thăm hỏi nhau vào các buổi xế chiều và tối. Tuy nhiên, *kulweza sango* là cách kể chuyện về những tin tức hay sự kiện cộng đồng đã xảy ra; thường thì người ta kể những tin tức kiểu đó khi chào hỏi hay viếng thăm nhau. Ngược lại, *kuta yishima* là kể những câu chuyện truyền thống (đôi khi là các câu tục ngữ),<sup>18</sup> được cho là dựa trên những sự kiện có thật mà tổ tiên của họ đã trải qua và tường thuật lại từ xa xưa. Người ta miêu tả *kuta yishima* là “đến từ các vị tổ tiên” và “kể lại để giúp chúng ta trở nên khôn ngoan”, nhưng họ nhận thấy là những cách kể chuyện này là một loại sự thật được tiểu thuyết hóa thường được vận dụng trong các buổi trình diễn với mục đích thay đổi phục vụ người khác.

Thật vậy, các nhà miêu tả dân tộc học nên chú tâm vào việc phân biệt các thuật ngữ tạm thời và theo tình huống cũng như chú ý đến những phân biệt phổ biến. Mặc dù những sự phân biệt này có thể không rõ ràng trong bất kỳ một quan sát hay phỏng vấn nào, nhưng theo thời gian, cùng với quá trình viết các ghi chép điền dã và ghi nhớ thì những phân biệt đó sẽ trở nên ngày càng rõ hơn đối với nhà nghiên cứu. Bằng cách chú ý đến sự phân biệt của các thành viên về những thuật ngữ có liên quan, một nhà dân tộc học sẽ ít có khả năng áp đặt những tư tưởng phân biệt chung tộc của chính bản thân mình. Việc chú ý kỹ đến cách sử dụng các thuật ngữ theo tình huống thường giúp nhà nghiên cứu thấy thêm những phân biệt trong bản thân thể

bằng hành vi, nhưng không được đánh dấu bằng các thuật ngữ riêng, và vì vậy, phải được nhận thức thông qua việc quan sát các hành động trong những tình huống xã hội khác nhau.

<sup>18</sup> Người Chokwe phân biệt hai thể loại *yishima* khác nhau, đó là các câu chuyện dài và các tục ngữ hay châm ngôn ngắn. Mặc dù họ không sử dụng các thuật ngữ riêng biệt cho mỗi loại, nếu cần nhấn mạnh, họ sẽ nói “cái dài” (*yishima yisuku*) để chỉ câu chuyện và “cái ngắn” để chỉ câu tục ngữ hay châm ngôn (*yishima yipinji*). Mọi người thường dùng câu châm ngôn trong các cuộc nói chuyện thân mật và trang trọng (ví dụ như các phiên xét xử) để nói lên quan điểm của mình. Ngược lại, mọi người chỉ kể những câu chuyện dài trong những đêm đến thăm nhau, ngồi quanh đống lửa và vui chơi. Trong những buổi giao lưu như vậy, người kể chuyện rất sáng tạo khi kể một câu chuyện để người nghe có thể tham gia một cách hào hứng; vì vậy, mỗi người sẽ kể các phiên bản khác nhau về cùng một câu chuyện, và câu chuyện của cùng một người kể cũng sẽ khác nhau ở những lần kể khác nhau. Một buổi kể chuyện hay được gọi là *chibema*. Tham khảo nghiên cứu của Van Damme (2003) tổng quan về nghiên cứu thẩm mĩ trong văn hóa châu Phi.

loại dựa trên hiểu biết, mà dường như các thuật ngữ đã biểu thị ngay từ đầu.

### *Bối cảnh và sự tương phản các thành viên tạo ra*

Các nhà dân tộc học có thể hiểu và thể hiện hiệu quả ý nghĩa của các thành viên bằng cách nắm bắt cách thành viên dựa vào các bối cảnh thích hợp để đưa ra những hành động cụ thể và những tương phản thích hợp với một số đặc điểm hay tính chất bối cảnh của họ.

Về phương diện bối cảnh, các thành viên diễn giải một hành động hay một sự kiện gắn kết chặt chẽ với cách họ hiểu bối cảnh của hành động hay sự kiện đó (Schegloff, 1997). Chẳng hạn, cách hiểu và diễn giải phát biểu “cái đó được đầy” của một người sẽ phụ thuộc vào việc cô ấy lấy gì làm bối cảnh cho nhận xét đó (Heritage, 1984:142); “cái đó” có nhiều nghĩa khác nhau khi bối cảnh là “một bức ảnh trong album của gia đình, một cái nhẫn kim cương qua cửa sổ tiệm kim hoàn, hay một bó rau ngon trong một cửa hàng”. Vì thế, thứ được đề cập đến như là “cái đó” và các ý nghĩa cũng như hàm ý có thể có của “được đầy” phụ thuộc vào điều được biết hay được cho là bối cảnh phù hợp; những vấn đề như vậy chỉ có thể “nắm bắt được bằng cách xem ai đang nói, nói khi nào và nói ở đâu, hay bằng điều gì đã được nói trước đó” (Heritage, 1984:142-43).

Trong khi các nhà nghiên cứu thường công nhận ý nghĩa của các hành động phụ thuộc vào bối cảnh xã hội thì họ lại xem một bối cảnh như vậy như là “một hệ cố định các cảnh huống tác động - một hệ các biến số xoay quanh con người, hành động hay các tình huống” (Holstein và Gubrium, 2004:269). Trái lại, cách tiếp cận dân tộc học cho là bối cảnh “không bao giờ cố định mà luôn chứa đựng tính của tiến trình đang diễn ra của đời sống xã hội.” Khi cố gắng xác định và hiểu ý nghĩa của các thành viên, chúng ta cần phải hiểu làm thế nào các thành viên xác định bối cảnh *thích hợp* của hành động và phát biểu cụ thể; vì thế, mục đích của chúng ta là “xem xét bối cảnh được bản thân các chủ thể sử dụng như thế nào” (Holstein và Gubrium, 2004:269).

Ví dụ, đối với những người ra quyết định trong bối cảnh tổ chức, người đề cập đến một vụ việc và trong trường hợp nào thường đưa ra một bối cảnh thích hợp để quyết định cách giải quyết khẩn cấp trong trường hợp đó. Vì thế, người hòa giải ở một trường trung học giải thích:

"Ưu tiên tùy thuộc vào sự khủng hoảng." Một lần, tôi đang dàn xếp một cuộc hòa giải, gửi thư mời hòa giải đến đối tượng, và nhờ học sinh sắp xếp phòng hòa giải thì tôi nhận được một cuộc gọi từ ông Garcia yêu cầu tôi tiến hành một cuộc hòa giải ngay lập tức! Ông ấy nói các cô gái đang ở trong văn phòng của ông ấy và ông ấy không muốn gọi cho cảnh sát, nhưng chúng cần phải được hòa giải ngay lập tức để làm dịu vấn đề khiến chúng đánh nhau... Cô ấy nhìn tôi và nói "nếu tôi nhận cuộc gọi từ một người quản lý và đặc biệt nếu từ ông hiệu trưởng thì tôi chắc chắn phải thực hiện cuộc hòa giải ngay lập tức thôi. Thêm nữa có liên quan đến đánh nhau là ưu tiên số một." Cô ấy thêm vào: "chuyện hòa giải phụ thuộc vào tính khẩn cấp của cuộc khủng hoảng. Nếu nó xảy ra giữa hai người bạn tốt thì tôi có thể sẽ kéo dài thời gian giải quyết."

Ở đây, người hòa giải dành sự ưu tiên cho các trường hợp trên cơ sở hai đặc điểm của bối cảnh: đó là cuộc gọi của một nhà quản lý, đặc biệt là hiệu trưởng, hay của một giáo viên; một sinh viên nói đến vụ việc và "tính tức thời" hay nghiêm trọng của vụ mâu thuẫn, "đánh nhau" cần phản ứng nhanh và nghiêm trọng hơn vẫn đề như "các cuộc cãi vã" giữa "những người bạn tốt."<sup>19</sup>

Tương tự, trong bối cảnh phạm tội và xét xử trẻ vị thành niên phạm tội, việc đánh giá tính nghiêm trọng của lời tố cáo và đặc điểm của người phạm tội thường bị chi phối bởi cách miêu tả bối cảnh thích hợp của một lời tố cáo. Chẳng hạn, trong phòng vấn với một sinh viên dân tộc học, viên cảnh sát có đầu óc thực tế miêu tả những gì ông ta cho là bối cảnh thích hợp để bắt một cậu bé vì đã đem dao đến lớp học:

"Đứa trẻ 13 tuổi. Mập mạp như một anh chàng to béo, lùn, và ngoan cố, đầu tóc rối bù, quần áo không vừa vặn... Ngày nào cậu cũng bị các đứa trẻ khác ché

<sup>19</sup> Holstein và Gubrium cho là cách các thành viên đã khơi gợi ra bối cảnh phải được xem xét cả từ "dưới lên", tức là xem xét cách bối cảnh được dựng nên từng giây từng phút theo trình tự cuộc nói chuyện cùng với tương tác hằng ngày, và từ "trên xuống", tức là xem xét các diễn ngôn và văn hóa địa phương hợp nhất các cấu trúc xã hội và các cách hiểu văn hóa. Cách tiếp cận từ dưới lên xem xét các cách các cấu trúc xã hội và các cách hiểu văn hóa được sử dụng trong bối cảnh địa phương. Chẳng hạn như cách hiểu địa phương về hành động tự cắt tóc của Julie xuất phát từ trải nghiệm trước đó của nhân viên với cư dân này và từ sự công nhận trong văn hóa tổ chức tại chỗ, đó là cách điều trị của tổ chức này gồm có sự ngăn cản và cách ly đủ để các cư dân thường cảm thấy mình phải rút lui khỏi cuộc sống gấp gáp của cảm dỗ và nghiện ngập.

giếu. Quẳng sách của cậu bé xuống đất. Khi cậu nhặt chúng lên, bọn trẻ đá vào đít. Vì ngày nào cũng bị đồi xử như vậy nên một ngày nọ, cậu đem dao đến lớp... vì cậu chán cảnh bị ngược đãi, chán cảnh bị người khác đánh, nói là cậu mập, xô ngã cậu. Vì thế cậu mang dao đến lớp... Tôi hỏi cậu ấy, cậu sẽ làm gì với con dao đó, cậu nói tôi không biết, tôi chỉ muốn họ để cho tôi yên... Cậu bị đánh mỗi ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu, cậu ấy bị chế giễu là béo mập, và cậu ấy - cậu ấy có thể làm điều gì khác hơn? Cậu nói cậu không thể đánh trả vì cậu ấy chậm chạp. Cậu ấy phải cân bằng cuộc chơi và lý lẽ của cậu là nếu cậu có vũ khí, họ sẽ để cậu yên. Đó là điểm tôi có thể xem là cậu bé ngoan chỉ cố gắng làm điều đúng, nhưng cậu bị chế giễu. Đó là lúc tôi xem cậu là một đứa bé ngoan.

Viên cảnh sát kể lại câu chuyện những gì ông đã thấy một cách kịch tính - đã chấp nhận và tôn trọng cách giải thích cho hành động của cậu bé - như là bối cảnh thích hợp cho việc mang vũ khí nguy hiểm ở một trường học: cậu bé thường xuyên bị trêu chọc và ngược đãi, "bị đánh mỗi ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu". Bối cảnh (và nền tảng) này đã vô hiệu hóa lời tố cáo và khả năng nguy hiểm của nó, cho phép viên sĩ quan miêu tả việc đem dao đến lớp như là phản ứng "ngu xuẩn" của một "cậu bé ngoan" bị người ta ép đến mức "vỡ bờ."

Ý nghĩa quan trọng của các thành viên được thể hiện theo một cách khác thông qua các tương phản nội bộ<sup>20</sup> mà người ta đưa ra để giải thích sự khác biệt quan trọng trong những tình huống hiện thời của họ, so với những tình huống họ đã trải qua trước đây. Những tương phản do các thành viên đưa ra có thể cung cấp kiến thức hữu ích để hiểu được sự nhận thức và cách đánh giá của địa phương. Chẳng hạn, khi nói chuyện với một

<sup>20</sup> Ở đây, chúng tôi trực tiếp dựa trên ý tưởng của Moerman (1969:464) về "khế ước trong nội bộ văn hóa". Moerman cho là các phát biểu miêu tả dường như có tính vô thường vô phạt, "người Thái rất ôn ào ở chùa" hoàn toàn là một sự so sánh *liên văn hóa* về trật tự của việc "người Thái tôi đã thấy ở trong chùa thì ôn ào hơn những người thuộc Hội Giám Lý (Methodist) khi ở trong nhà thờ". Sự tương phản trong nội bộ văn hóa thuộc hành vi tôn giáo của người Thái đòi hỏi nhà dân tộc học so sánh các hành vi ở những bối cảnh khác nhau trong xã hội đó, tương phản những dạng thức có tính tổ chức và tương tác trong những bối cảnh đó. Vì thế, người ta có thể so sánh tiếng ồn (và những khía cạnh khác của hành vi xã hội) ở các ngôi đền với tiếng ồn ở các tình huống có thể so sánh theo địa phương khác (ở người Thái, chẳng hạn, những cuộc điều trần về tranh chấp, các cuộc họp làng và các cuộc đối thoại thông thường).

sinh viên dân tộc học, một cán bộ quản giáo dã so sánh trường Cải tạo Reyes và các học viên cải tạo của trường với một vài nơi giam giữ trẻ vị thành niên phạm tội khác:

Trước đây, dù đã làm việc ở nhiều nơi quản giáo trẻ vị thành niên phạm tội, cô ấy vẫn bị sốc bởi những khác biệt ở trường Reyes. Trường Reyes ít nghiêm khắc hơn so với những nơi quản giáo khác. "Chuyện lớn ở đây là các tin liên lạc (buzzes), mà tôi thấy dường như chẳng là gì." Ở những nơi quản giáo khác, họ không cho phép dùng bút và bút chì nhưng ở Reyes thì cho. Không ở đâu cho dùng kim loại; cô ấy lấy một thanh kim loại tìm thấy ở phòng của Kate vì sợ là nó có thể được dùng làm vũ khí...

Cô ấy miêu tả trường Reyes như một "trung tâm bồi trí ăn Ở", nơi bọn trẻ nhận được "sự đối xử". "Chúng không quá phức tạp." Những đứa trẻ ở các nơi quản giáo khác sẽ giấu đồ trong kem cạo râu Noxema hay phần trẻ em, nhưng đó không phải là mối bận tâm lớn ở đây. Ở những nơi quản giáo khác "luôn có những nguy hiểm tiềm ẩn." Ở đây các cô gái đa phần chỉ muốn nói chuyện với các cậu con trai.

Ở đây, nhà nghiên cứu lựa chọn và viết về sự tương phản mà một nhân viên đưa ra giữa trường cải tạo này và nơi giáo huấn trẻ vị thành niên phạm tội khác trong các ghi chép điền dã của mình. Sự tương phản nội bộ này nhấn mạnh một vài khác biệt giữa hai bối cảnh công việc có liên quan đến các nhân viên: họ ít quan tâm đến sự nguy hiểm, mà giám sát thoải mái hơn và nỗ lực "giúp đỡ" bọn trẻ nhiều hơn. Vào những dịp khác, nhân viên ở đó cũng so sánh sự tương đồng giữa trường Reyes với những nơi quản giáo trẻ vị thành niên phạm tội khác, nhấn mạnh đến "tính khoan dung" của trường Reyes trong mối liên hệ với những nơi quản giáo trẻ phạm tội khác.

Tương tự, trong công việc tuần tra của cảnh sát, họ thường đổi chiểu những người "rất tích cực" với "những người hết hơi" (burn-out), chỉ "chờ đến phiên mới làm". Một sinh viên dân tộc học thể hiện chi tiết sự tương phản này trong ghi chép sau:

Thuật ngữ "hustling" được các sở dùng để chỉ những cảnh sát luôn đi tìm kiếm tội phạm, tìm kiếm một "good shake", tức là tìm ai đó để bỏ tù. "Good shake" dùng để chỉ một người nào đó mà sự truy tìm của cảnh sát sẽ dẫn đến một cuộc "bắt giữ tốt". Một "good arrest" thường đề cập đến hầu hết những cuộc bắt giữ tội

phạm nghiêm trọng và một số cuộc bắt giữ người phạm tội nhẹ (ví dụ như tàng trữ vũ khí). Một viên cảnh sát miêu tả một số cuộc bắt giữ tốt gần đây: "Kẻ phạm tội hiếp dâm mà tôi bắt giữ ngày hôm qua khá buồn cười. Cách đây vài tuần, tôi bắt một gã thuộc câu lạc bộ xe mô tô với một khẩu súng tự động 45. Hắn ta còn có áo chống đạn và một ít thuốc phiện. Đó quả là một cuộc bắt giữ khá tốt..."

[Trái lại], những người tích cực miêu tả những người hết hơi là có những cuộc bắt giữ "nhảm nhí"; tức là, anh ta bắt người vì những tội mà người tích cực không cho là nghiêm trọng chỉ vì mục đích "cho đủ số thống kê". "Những con số thống kê" là bảng thành tích hằng tháng về bộ phận nào ở sở cảnh sát có được nhiều cuộc bắt giữ nhất. Những người hết hơi được cho là chỉ quan tâm đến số lượng, chứ không quan tâm đến chất lượng các cuộc bắt giữ. Một viên cảnh sát nhận xét là anh ta không muốn làm việc với viên cảnh sát khác tên Al vì anh ta có cảm giác Al bắt người chỉ vì "chuyện vặt vãnh" - say rượu và vi phạm giao thông.

Việc đưa ra sự tương phản không chỉ để quy gán các ý nghĩa mà còn phục vụ cho các mục đích chính trị vi mô, tức là tìm cách thúc đẩy lợi ích của một nhóm trong bối cảnh so sánh với nhóm khác. Ở đây, các viên cảnh sát đi tuần tương phản với hai định hướng chung của công việc tuần tra - chủ động tìm kiếm những kẻ phạm trọng tội và "cuộc bắt giữ tốt" với các cuộc bắt giữ dễ dãi, vì những "chuyện vặt vãnh" để tạo ra "con số thống kê" hằng tháng. Trong bối cảnh người làm việc tích cực rõ ràng là được trân trọng và người làm việc chiều lệ hiền nhiên bị hạ thấp, thì cái nhìn tương phản chỉ mang tính một chiều và phiến diện, phân biệt giữa "chúng tôi" với "họ". Những tương phản như vậy ít cho chúng ta biết về sự khác biệt giữa các loại cảnh sát đi tuần tra mà cho biết nhiều về những mối quan tâm, bối cảnh và ưu tiên của "những người tích cực".<sup>21</sup> "Hết hơi" hoàn toàn có thể là một loại cảnh sát bị áp đặt, thể hiện ở chỗ những người bị cho là như vậy không xếp bản thân họ cùng cách tiếp cận riêng biệt với công việc tuần tra. Ngoài ra, từ "hết hơi" có thể khắc họa phong cách việc làm của họ như sản phẩm của sự

<sup>21</sup> Như cách thực hành chung, Becker khuyên là khi người ta phân biệt giữa "chúng tôi" và "họ", "xem những phân biệt này như đặc tính của tổ chức đó, những con người đó, cảnh huống và nghề nghiệp của họ" (1998:150). Hay khi anh ấy chú ý quan tâm đến việc các sinh viên y khoa ám chỉ một số bệnh nhân là "ngựa già": "ở mức độ tự phụ nhất, khi thành viên của một loại địa vị đưa ra sự phân biệt gây ác cảm giữa các thành viên của một loại địa vị khác với những người họ thường xuyên gặp gỡ thì sự phân biệt đó sẽ phản ánh mối quan tâm của các thành viên ở thể loại thứ nhất trong mối quan hệ (1993:31).

trai nghiệm và trưởng thành, tương phản với thái độ dễ gây ra bạo lực, quá “hăng hái” của một số sĩ quan trẻ và nồng nở hơn.

Cuối cùng, các thành viên có thể đưa ra những sự tương phản nội bộ nhẫn nại đến sự thay đổi cá nhân và riêng tư theo thời gian. Một sự tương phản như vậy phân biệt giữa cái tôi từng có và cái tôi hiện nay. Chẳng hạn, hãy xem cách một người từng làm gái mại dâm và nghiện ngập đã hoàn lương được vài tháng miêu tả các vấn đề cô ấy gặp phải trong việc liên hệ hiện nay với gia đình mình:

“Mẹ của cô đến thăm cô vào ngày Chủ nhật phải không?” Noel trả lời: “Đúng vậy, tôi thực sự bực mình về chuyện đó”. Cô ấy ngừng lại và sau đó tiếp tục: “À, tôi không phải bực mẹ tôi mà là bực bà chị tôi...” Cô ấy ngừng lại rồi nói: “Hồi trước, khi gặp mẹ tôi vẫn vui vẻ, và đây là lần đầu tiên không vui.” Tôi gật đầu, và Noel nói: “Ba mẹ tôi đã làm cho tôi rất giận dữ, và tôi đối phó với họ bằng cách vui vẻ, nhưng bây giờ tôi không vui được nữa, và thực sự là tôi đang phải đối phó với họ, và điều này thật kỳ lạ đối với tôi”.

Người phụ nữ nói trên đã so sánh giữa cách đối phó với việc gặp gỡ cha mẹ trước đây - bằng cách “vui vẻ” - với những gì cô ấy phải làm bây giờ là không vui vẻ khi gặp họ - “thực sự đối phó” với những áp lực cô ấy cảm thấy khi họ hiện diện. Cô sử dụng phép so sánh này để đánh dấu sự tiến triển trong việc giải quyết vấn đề nghiện thuốc phiện và các vấn đề có liên quan.

Tóm lại, các ý kiến trái chiều nội bộ không đủ tin cậy để khắc họa các khác biệt về bối cảnh, các định hướng, hay những người mà nhà dân tộc học nên hiểu khi thể hiện cái gì là “thực”, “đúng” hay “các sự kiện”. Thay vào đó, những tương phản như vậy có khuynh hướng đưa ra những kiến thức đặc thù về việc một nhóm hay một tập hợp người cụ thể nhận thức và đánh giá cái gì là tâm điểm đối với việc họ là ai và họ làm gì.

### *Sự giải thích và luận điệu của các thành viên*

Mặc dù lúc đầu chúng tôi không khuyến khích nhà nghiên cứu áp đặt các thể loại lý thuyết, nhưng một nhà dân tộc học nên tìm kiếm và cố gắng truyền tải *những giải thích* phức tạp hơn của các thành viên về thời gian, nguyên nhân, hay cách thức những sự việc cụ thể diễn ra. Trên thực tế, nhà dân tộc học có thể bỏ qua những khuynh hướng giải thích khi nào và tại sao

những sự kiện cụ thể xuất hiện của mình nhằm nhấn mạnh các lý giải của thành viên về những sự kiện đó. Bằng cách này, nhà dân tộc học cố gắng khơi ra hay chắt lọc các cách lý giải của thành viên về *nguyên nhân* của những sự việc cụ thể.

Để minh họa, hãy xem xét nghiên cứu về các hoạt động vận động tranh cử đến từng nhà của bộ phận phụ trách địa phương thuộc một ủy ban hành động chính trị vì phụ nữ. Ủy ban này tìm kiếm sự đóng góp và tập hợp chữ ký cho những kiến nghị ủng hộ luật pháp đại diện cho phụ nữ của bang. Những người đi vận động được phân công đến các khu vực theo đoàn từ 4 đến 14 người, dưới sự giám sát của một quản lý thực địa, họ được trả theo tỷ lệ phần trăm của số tiền họ quyên góp được trên định mức tối thiểu định trước. Những người đi vận động thu được những đóng góp rất khác nhau: một số làm việc hết cả phiên nhưng chỉ đem về một ít hay không được gì, trong khi một số người khác làm việc tại cùng khu đó lại thu được hàng trăm đô la một buổi tối.

Những khác biệt này có thể sẽ lôi cuốn nhà nghiên cứu đi đến cách giải thích riêng của mình về việc tại sao những người đi vận động lại thu được kết quả quá khác nhau như vậy. Thật ra, nhà nghiên cứu cố gắng tìm hiểu xem những người có liên quan đến cuộc vận động quan tâm đến những vấn đề gì nhất. Khi đặt câu hỏi này, nhà nghiên cứu chú ý đến những người tham gia cuộc gây quỹ, bản thân họ quan tâm một cách sâu sắc và thực tế đến cách làm việc của những người đi vận động, và những giải thích khác nhau được đưa ra phụ thuộc vào vị trí của họ trong tổ chức. *Những người đi vận động* nhấn mạnh đến sự khác biệt giữa “khu tốt” và “khu xấu”, cho rằng không ai có thể quyên được một số tiền thật sự lớn dù có đi đến từng nhà ở những khu dân cư mà đa số mọi người có khuynh hướng chống lại thông điệp của họ. Nhà nghiên cứu viết về một sự việc:

Thật là một ngày khó nhọc khi đi vận động ở Beach City, không ai đóng góp chút tiền nào. Nhóm đi vận động ca thán, muốn bỏ đi ngay vì đó là một khu “xấu”, và bức bối về việc người quản lý không có phản ứng gì trước tình trạng khổn khổ của họ.

*Những người giám sát* ủng hộ những cách giải thích khác nhau, thường cẩn nhẫn khi có sự thất bại nào đó trong kỹ thuật của người đi vận động. Chẳng

hạn, nhà nghiên cứu trích những nhận xét của một người giám sát về việc làm thế nào để khiến những người đi vận động tập trung làm dày lên “một xấp tiền” mỏng.

“Người ta muốn công kích và đổ thừa cho khu vực vì nó là điều kiện khác nhau nhất. Đây là phản ứng tự nhiên nhất. Nhưng, chúng ta cần làm cho họ nhận ra là có những yếu tố khác nữa khi đi vận động mà họ không thể kiểm soát. Nếu một người xin được nhiều chữ ký và nói chuyện với rất nhiều người nhưng chỉ thu được ít tiền đóng góp thì họ đang nổi tiếng với con người, và vẫn để chỉ là kiểm một xấp tiền.”

Những người giám sát và người vận động ở địa bàn đi đến mâu thuẫn có tính định kỳ về việc chính xác thì cách lý giải nào là đúng nhất và có thể làm gì để giảm nhẹ vấn đề. Chẳng hạn, các chiến lược quản lý đối với những giám sát huấn luyện nhẫn mạnh đến những cách thực tiễn có thể ngăn người đi vận động không “đổ thừa cho khu vực”:

Một nhà tư vấn khuyên một nhà quản lý tương lai tại địa bàn: “Khi người nào đó làm rất tồi thì đừng để họ đổ lỗi cho khu vực ngay cả khi họ đang xúc động. Hãy hành động theo kiểu lật mềm buộc chặt.”

Cán bộ quản lý thúc giục những nhà quản lý thực địa của cô ấy: “Khi đi đón tất cả những người vận động vào buổi tối, anh nên làm cái được gọi là “cuộc nói chuyện quan trọng”. Khi anh dừng lại ở điểm đón một người, hãy dừng cách họ một vài mét và đi ra hỏi thăm họ. Nếu họ làm tốt, hãy hỏi họ xem theo họ thì cái gì đã giúp họ có một buổi tối thành công. Nếu họ làm không tốt, hãy dành thời gian nhìn lại toàn bộ khu vực đó và phân tích nhanh về những gì đang diễn ra ở đó. Điều này sẽ giúp huấn luyện cho họ cách phân tích buổi tối đó, thay vì tự động đổ lỗi cho khu vực.”

Trong ví dụ này, sau đó, nhà dân tộc học tiến hành một cách chính xác bằng cách tìm ra “các cách lý giải của các thành viên” khác nhau. Khi nhà dân tộc học tạo ra bản chất và vị trí khác nhau của những lý giải đang vận hành mà cô tập trung phân tích, thì cô lại tiếp tục khám phá những cách dùng chúng trong thực tiễn, có tính tương tác và tổ chức.

Cuối cùng, nhà nghiên cứu thực địa nêu nhận ra là người ta có thể đưa ra nhiều giải thích cho một sự việc và, thật vậy, dường như đối với nhà

nghiên cứu, chúng có thể biểu hiện là “những cách giải thích mâu thuẫn nhau”. Đặc biệt, trong những cộng đồng đa văn hóa và đa ngôn ngữ, người ta thường chuyển đổi các ngôn ngữ, các mong đợi văn hóa và các khuôn khổ khác nhau để nhận thức và đánh giá hành vi. Ở châu Phi đương đại, sự linh hoạt này rất phổ biến. Chẳng hạn, ở vùng Tây Bắc tỉnh Zambia, các dân tộc Lunda, Luvale, Chokwe, Luchazi và Mbunda sống và kết hôn với nhau. Ngoài ra, có nhiều thanh niên đã học xong lớp văn phạm được dạy bằng ngôn ngữ quốc gia chính thức là tiếng Anh. Trong bối cảnh đa ngôn ngữ này, người ta thường cần đến những khuôn khổ văn hóa tương phản. Chẳng hạn, khi nói về bệnh tật và cái chết do *wanga* (phù thủy) gây ra, các thanh niên thường bị dao động giữa quan điểm dựa trên truyền thống và cách giải thích sinh học được học ở trường. Khi nói bằng tiếng Ki-Chokwe với nhà dân tộc học và vài người láng giềng, một người đàn ông đồng ý với tuyên bố của thầy bói địa phương rằng cái chết yếu của một cô gái trẻ là do *wanga*. Sau đó, khi giải thích chi tiết về cuộc đời của cô gái này với nhà dân tộc học và một trong những người anh trai của anh ta bằng tiếng Anh, người đàn ông đó nói về các triệu chứng lâu dài của bệnh “TB” (bệnh lao - ND) và “AIDS” của cô bạn. Vì anh ta không cho rằng những cách giải thích này loại trừ nhau, nên khi nói đến tầm quan trọng của cái này anh ta không phủ nhận cái kia: *wanga* là nguyên nhân của cái chết, mặc dù TB hay AIDS là loại bệnh. Chúng ta phải công nhận là tùy theo bản sắc xã hội, tình huống hay cách chuyển ngữ, mà con người sẽ sẵn sàng điều chỉnh các giải thích của mình, vì thế nhà dân tộc học nên cẩn thận lưu lại trong các ghi chép điền dã những thông tin như người ta giải thích những khung hoảng của họ khi nào, với ai và như thế nào.<sup>22</sup>

---

<sup>22</sup> Trong ví dụ này, những gì được cho là lời giải thích “chính thức” thỏa đáng thay đổi khi người nói thay đổi ngôn ngữ, nhưng không có lời giải thích nào miêu tả đầy đủ những gì người ta đã làm với bệnh AIDS hay những căn bệnh do ma thuật gây ra. Nhà dân tộc học cần nhận ra là cách giải thích thường là các hướng dẫn cho thấy người ta lúc đó nhìn nhận những sự kiện như thế nào và họ muốn chúng ra sao. Những giải thích không tạo ra trải nghiệm hay thực tại. Jackson (1982:30-31) trong nghiên cứu của mình về người Kuranko ở Tây Phi cho rằng con người hay viện dẫn những giải thích chính thức bằng lời vào những lúc khung hoảng khi phải công nhận một phát biểu nào đó, nhưng ông cũng cho là trải nghiệm hằng ngày của con người ít khi phù hợp với những giải thích như vậy. Giải thích bằng lời và hành động là hai loại trải nghiệm khác nhau.

## CÁC THỂ LOẠI ĐANG SỬ DỤNG CỦA THÀNH VIÊN: QUÁ TRÌNH VÀ VẤN ĐỀ

Miêu tả, câu chuyện, thể loại và cách lý giải của các thành viên, dù có phong phú và nhiều liên tưởng đến đâu đi nữa, thì cũng chỉ cung cấp được điểm khởi đầu cho các ghi chép điền dã miêu tả dân tộc học. Những ghi chép và phân tích sâu hơn, đầy đủ hơn trong tác phẩm miêu tả dân tộc học cuối cùng cần phải xem xét không chỉ đơn giản là các thành viên đang sử dụng thuật ngữ gì, mà là họ sử dụng chúng khi nào, ở đâu, như thế nào, trên thực tế họ phân loại hay xếp loại các sự kiện và sự vật trong những tình huống cụ thể ra sao.

Để minh họa, hãy xem ghi chép điền dã sau đây của một sinh viên dân tộc học về trải nghiệm thể thao mở rộng, trong đó cậu ấy đã xác định các thuật ngữ đối với những người tham gia một “đêm thể thao mở rộng” ở khu trường đại học địa phương:

Ở những đêm thể thao mở rộng có nhiều loại và tiểu loại người tham gia. Các loại chính bao gồm những người thường xuyên tham gia, khách mời và khách vãng lai. Những loại này được phân thành nhiều tiểu loại. Trong loại những người thường xuyên tham gia có những người mới tập, cựu huấn luyện viên (những người kỳ cựu), và những người nghiệp dư có tiền bộ. Những người mới tập là những người chưa bao giờ tham gia tập một môn thể thao, lớp học hay bài học nào, họ là những người chỉ mới tham gia một ngày do sở thích. Những người nghiệp dư có tiền bộ là những người chưa bao giờ theo đội thể thao nào nhưng đã tham gia các lớp hay bài học hoặc đã từng là khách vãng lai. Cuối cùng thì những người kỳ cựu là những người đã tranh tài hoặc ở trường trung học hay cao đẳng... Khách vãng lai là các sinh viên đã có mối quan tâm đến thể thao từ lâu và muốn học hỏi từ những người kỳ cựu.

Miêu tả này đưa ra một hệ thống các loại người đến với thể thao: “những người thường xuyên” (chia thành ba loại phụ là “những người mới tập”, “những người nghiệp dư có tiền bộ” và “những người kỳ cựu”), “khách mời” và “khách vãng lai.” Nhưng như nó thể hiện, hệ thống loại hình này chỉ xác định các thể loại do nhà dân tộc học nhìn nhận; không rõ là những người trong bối cảnh đó có thực sự áp dụng cách phân loại này cho người

khác (và bản thân họ) hay không, và, nếu làm như vậy, thì họ làm khi nào, ở đâu, và trong những tình huống nào. Vì vậy, vấn đề với hệ thống loại hình này có hai mặt: chúng ta không biết liệu các thành viên có nhìn nhận và sử dụng những thuật ngữ như “thường xuyên” và “vãng lai” hay không; và cơ bản hơn, chúng ta không biết họ có sử dụng những thuật ngữ này không, chính xác như thế nào, khi nào và vì những mục đích gì.

Khi quyết tâm xem xét cách sử dụng những thuật ngữ hay thể loại cụ thể theo tình huống thật sự của các thành viên, thì vấn đề không phải là “tính giá trị” hay “thực tại” của những thể loại này theo nghĩa truyền thống. Thay vào đó, bắt cứ sự vật hay sự kiện nào cũng có thể được phân loại theo nhiều cách đa dạng (Heritage, 1984:144-50); và thật sự là một số sự vật/sự kiện có thể được phân loại theo cách này hay cách khác (chẳng hạn như trên nền tảng có đặc điểm, thuộc tính này hay đặc điểm khác giống nhau), không phải nền tảng đủ để đưa đến một phân loại cụ thể, mà vì chúng ta luôn có thể khơi gợi hay tưởng tượng ra những đặc điểm khác giúp tạo ra những cách phân loại khác nhau.<sup>23</sup> Những người tham gia thể thao thật ra có thể, ở những thời điểm và vì các mục đích nào đó, nhìn nhận “những người thường xuyên,” “khách mồi,” và “khách vãng lai” là những thể loại có ý nghĩa. Nhưng chúng ta không thể nói được gì từ miêu tả này, vì nó không cố gắng tìm hiểu xem các thành viên thực sự xác định và nói về người khác như thế nào vào những dịp cụ thể; tức là, các thể loại được đưa ra mà không có bối cảnh tương tác, như thể chúng luôn thích hợp mọi lúc mọi nơi. Thay vào đó, khi cảnh giác với những thể loại địa phương có thể thích hợp, nhà dân tộc học nên quan sát kỹ xem các thành viên thực sự phân loại các sự kiện như thế nào vào những dịp cụ thể và vì những mục đích cụ thể.

<sup>23</sup> Vậy, những phân loại không nên được xem là do những đặc tính cụ thể của những sự vật được phân loại quyết định (tức không phải là “do đặc điểm quy định”), mà thay vào đó là do các “mục đích thực tiễn hiện có” của chủ thể quy định (Schutz, 1964). Vị trí này không hướng sự chú ý tập trung vào những phân loại nhận thức bên trong các chủ thể, mà hướng vào những tương tác thực sự và “những mục tiêu sẵn có” thực tiễn mà các chủ thể theo đuổi trong bối cảnh xã hội; những thuộc tính có sự nổi bật hay thích hợp thực sự đối với những mục đích nổi bật đang thay đổi này. Những mục đích sẵn có như vậy sẽ rất khác nhau tùy thời điểm và tình huống, khi mục đích của các chủ thể xuất hiện, phát triển, và thay đổi.

Vậy những ghi chép diễn dã dân tộc học không nên chỉ tường thuật bắt cứ các thuật ngữ địa phương nào có thể phát hiện trong một bối cảnh. Thay vào đó, ghi chép diễn dã về cơ bản nên nêu chi tiết hơn cách sử dụng thuật ngữ như vậy theo tình huống thực sự của các thành viên. Phần dưới đây sẽ đưa ra hai ví dụ mở rộng về việc làm thế nào nhà dân tộc học có thể nắm bắt được cách sử dụng có tính tương tác với các thể loại được các thành viên công nhận trong các ghi chép và những cách viết khác nhau.

### *"Kể chuyện" như là "dang làm"*

Các câu chuyện đều được kể vì các mục đích cụ thể. Thật vậy, người ta có thể kể câu chuyện để truyền tải và ủng hộ một diễn giải cụ thể về các sự kiện trong quá khứ, hay để xác định các mối quan hệ hiện tại nhằm định hình cho hành động tương lai. Vì thế, những câu chuyện nói “về” cái gì này phải chú ý đến thể loại ngôn ngữ, người kể nói với ai, mục đích rõ ràng hay tiềm ẩn, cũng như các ảnh hưởng khác thuộc về bối cảnh.<sup>24</sup>

Hãy xem đoạn ghi chép dưới đây, nói về sự việc xảy ra ở Zambia, khi Rachel Fretz chuẩn bị rời khỏi một ngôi làng của người Chokwe, nơi cô ấy và một trợ lý người địa phương tên là Mwatushi đã làm việc trong vài tuần. Cha của Mwatushi gọi vợ ông, con trai và nhà dân tộc học đến nhà mình để nói lời tạm biệt và cầu chúc tốt lành cho chuyến đi:

Chúng tôi chào nhau và sau đó nói về chuyện ra đi.... Ông ấy [người cha đồng thời là chủ nhà] nói là ông rất vui khi tôi đã đến ở đây và mãi đến hôm qua họ mới biết chúng tôi sẽ ra đi ngày hôm nay. Nếu biết trước thì họ đã gửi cho chúng tôi cái gì đó. Bây giờ họ chỉ có khoai lang và có thể lần sau tôi đến họ có thể cho tôi cái gì đó ngon lành hơn, chẳng hạn như con gà.

Sau đó ông bắt đầu kể. Giọng ông chuyển sang nhịp điệu kể chuyện và tăng dần tốc độ...

*“Một chindele (người nước ngoài/người da trắng) có hai kẻ hầu, khi về nước để kết hôn, anh ta đã để lại ngôi nhà và đồ đạc cho người hầu của mình trông coi*

<sup>24</sup> Các nhà nghiên cứu làm việc trong lĩnh vực liên ngành về “dân tộc học về cách nói” có mục tiêu ghi âm và miêu tả chi tiết những loại thể hiện khác nhau trong một cộng đồng. Sherzer (1983, 1992) lưu ý là những nghiên cứu như vậy không chỉ khảo sát phạm vi của sự thể hiện mà còn khảo sát các chức năng của chúng trong cộng đồng.

cho đến khi trở lại. Giờ đây, vì *chindele* đã đi lâu hơn họ mong đợi và vì thế một người hầu nói: "Hãy đi thôi, ông chủ không quay lại đâu." Nhưng người hầu kia nói: "Không, ông ta đã bảo chúng ta ở đây cho đến khi ông ta trở về." Người hầu đầu tiên đã ra đi, và khi người chủ quay trở lại, chỉ có một người hầu ở đó"

Ông chủ nhà ngừng lại: "À không, Tôi nhầm rồi. Cá hai người hầu đều ở đó cho đến khi vị *chindele* trở về. Ông ta trở về cùng với vợ và nói rằng: "Tôi rất hài lòng là các anh vẫn ở đây cho đến khi tôi trở lại, và do vậy, tôi sẽ tặng mỗi người một món quà nhỏ. Nó chỉ là một món quà nhỏ để các anh đem về làng cho vợ mình. Nó nhỏ do tôi đã dùng tất cả tiền của mình để lấy vợ, nhưng hãy nhận những bó cỏ nhỏ này như những món quà." Sau đó ông ta tặng cho mỗi người một bó cỏ.

Đi được nửa đoạn đường về nhà, một người nói: "À chúng ta có nhiều cỏ ở nhà rồi, vậy mà bây giờ tôi lại mang theo bó cỏ nhỏ này. Không, tôi không đem nó về đâu. Tôi sẽ vứt nó đi." Nhưng người đàn ông kia nói: "Không, tôi sẽ đem bó cỏ của tôi về làng." Sau đó họ đi tiếp.

Khi họ về đến làng, người đàn ông đưa cho vợ mình bó cỏ và nói: "Nó là một món quà nhỏ từ vị *chindele* vì tôi đã ở đó cho đến khi ông ta về. Đây, đem vào trong nhà đi." Rồi người vợ cất bó cỏ đi. Xé chiếu ngày hôm đó trời bắt đầu mưa, mái nhà bị dột, vì thế người đàn ông lấy bó cỏ và sửa mái nhà mình. Tối đó họ ngủ ngon.

Vào buổi sáng, người đàn ông kia - người đàn ông đã quăng bó cỏ của mình đi - thức dậy và nhìn ra ngoài cửa sổ. Ông gọi vợ mình và nói: "Đến xem nhà họ hàng mình kia, anh ấy đã sửa mái nhà bằng bó cỏ của vị *chindele*."

Họ nhìn thấy một căn nhà lớn với mái nhà và cửa sổ bằng thiếc, có rất nhiều phỏng. Họ thấy hai chiếc xe ở trong sân, một chiếc cho người đàn ông và chiếc kia cho người vợ, cô ấy vừa bước ra và mặc toàn quần áo tốt.

Sau đó, người đàn ông đã quăng bó cỏ đi nói rằng: "Vợ ơi, hãy quay trở lại con đường nơi tôi đã vứt bó cỏ đi để lấy cỏ về và chúng ta cũng sẽ có một căn nhà đẹp." Nhưng khi đi đến nơi đã quăng bó cỏ đi, họ thấy là bó cỏ đã bay tung và tất cả cỏ đều bị gãy."

Người cha (người kể chuyện) tiếp tục: "Vì thế, dù cho chúng tôi không có nhiều thứ để tặng cô - chúng tôi không có gì tặng cô đem về - chúng tôi tặng cô những từ khiêm tốn này để gìn giữ và đừng bỏ chúng đi: Cầu Thượng để ban phước lành cho cô và đem cô bình an về nhà. Cầu Ngài phù hộ cho cô ở nơi cô ở (sông)."

Sau đó ông ta nói: "Việc cô đem theo con trai tôi đi với cô là điều tốt. Nó phải làm mọi thứ cô bảo nó. Nếu cô gọi nó đi với cô, nó phải đi. Nếu cô bảo nó ở lại, nó sẽ ở lại. Cô sai bảo bất cứ điều gì, nó đều phải làm theo."

Cùng với những củ khoai lang ngọt ngào, câu chuyện này là một món quà, thay cho một con gà, để tặng nhà dân tộc học. Người cha ngụ ý món quà dường như nhỏ bé này, giống như bó cỏ trong câu chuyện, có thể chứa một giá trị phi thường nếu người nhận nó có thành ý.

Ngoài ra, câu chuyện là một *misende* (truyện ngụ ngôn), qua đó mọi người nói chuyện gián tiếp với nhau (Fretz 1994) và ở đây cũng đưa ra một bối cảnh để nghe cuộc đối thoại tiếp theo. Người cha sử dụng câu chuyện ngụ ngôn để nhập đề vào cuộc đối thoại về các mối quan hệ tương hỗ. Ông tiếp tục bằng cách khẳng định là Mwatushi, con trai ông, sẽ trợ giúp rất tốt cho nhà nghiên cứu và tuân theo các hướng dẫn của cô ấy một cách chính xác, nhưng nhà dân tộc học phải trở thành gia đình của cậu ấy ở ngôi làng xa xôi nơi cô ấy sinh sống:

“Vậy cô sẽ là người trông coi nó... Cô sẽ khuyên răn để nó sống cho tốt. Vì nó ở đó một mình [không có họ hàng trong làng nơi nhà nghiên cứu sống và làm việc], cô giờ là mẹ nó, cha nó, cô là ông bà nó. Cô là anh chị nó. Cô là người trông coi nó.”

Câu chuyện ngụ ngôn nói đến một nghĩa rộng của từ “người hầu”, cho rằng một người nào đó ở với vị *chindele* sẽ (và nên) được thưởng giống như người hầu trong câu chuyện đã làm đúng theo chỉ dẫn của chủ. Nhưng trong cuộc đối thoại sau đó, người cha cho là Mwatushi sẽ là “gia đình”, thậm chí sẽ gắn bó gần gũi và trung thành với nhà nghiên cứu hơn cả một “người hầu”; vì thế, người cha tiếp tục bằng cách nói thêm về công việc của Mwatushi đối với nhà nghiên cứu - cho rằng có lẽ anh ta sẽ đi một quãng đường rất xa cùng cô ấy. Khi đã thiết lập những mối quan hệ này, thì người cha yêu cầu một món quà mà nhà dân tộc học có thể sẽ tặng trong tương lai, khi cô từ Mỹ quay trở lại Zambia. Theo người Chokwe, những người có mối quan hệ thân mật không chỉ tặng nhau quà mà khi kính trọng nhau, họ còn đòi nhau quà và sự quý mến để thiết lập và củng cố một mối quan hệ tốt. Như là một dạng thức kính ngôn, câu chuyện ngụ ngôn nhẹ nhàng tạo ra một mở đầu cho những nhận xét và yêu cầu của người cha.

Tóm lại, câu chuyện ngụ ngôn - được nghe trong bối cảnh đó - củng cố và mở rộng ý nghĩa của những nhận xét và yêu cầu lịch sự về mối quan hệ

tương hỗ một cách tinh tế. Câu chuyện của ông không chỉ là một món quà tức thời và lời cầu chúc cho chuyến đi, mà còn mở rộng mối quan hệ đang có. Sự sáng tạo của người cha về các mối ràng buộc gia đình với nhà dân tộc học thật sự sẽ có lợi ích lâu dài cho cô ấy. Nhưng chỉ khi nhận diện cách kể chuyện như một *misende*, qua đó người cha thổ lộ với nhà dân tộc học một cách gián tiếp, thì cô ấy mới có thể thật sự nghe đúng những gì người cha đang nói.

### *Thuật ngữ của các thành viên trong tương tác hàng ngày*

Thông qua trải nghiệm trong việc mua bán để lấy hoa hồng, một sinh viên dân tộc học đã nhìn thấy những nhân viên kinh doanh “cướp khách hàng” bị đồng nghiệp gọi là “con rắn” hay “cá mập”, và thường chịu rất nhiều áp lực, bị trách móc, và trừng phạt vì hành vi của họ. Một nhà nghiên cứu thực địa sẽ chỉ đơn giản là dễ dàng chấp nhận những cách xác định các nhân viên kinh doanh này, cụ thể là “con rắn”, rồi sau đó đổi chiêu cách họ giúp khách hàng hay liên hệ với khách hàng như thế nào, so sánh với những người không bị gọi là “con rắn.” Nhưng nhà dân tộc học làm việc theo cách này sẽ đưa ra những miêu tả và phân tích đã bị cắt xén, chứ không phải những miêu tả và phân tích phức tạp, nhiều sắc thái về các mối quan hệ giữa những người làm việc trong bối cảnh này. Cụ thể, họ sẽ không trân trọng và ghi lại đầy đủ những quá trình có tính vi chính trị và tương tác, mà qua đó một số người xác định một số người khác là “con rắn” và cố gắng thuyết phục đồng nghiệp khác rằng đúng là như vậy. Họ sẽ không truy ra được đầy đủ những *kiến thức địa phương* phức tạp (Geertz, 1983) nhẫn nại đến bất cứ việc sử dụng thành thạo thuật ngữ nào của các thành viên trong những tình huống cụ thể.

Để minh họa cho tính sâu sắc và độ phức tạp có thể được đa dạng hóa bằng cách quan sát kỹ những cái khó hiểu về cách các thành viên thực sự sử dụng phân loại địa phương ra sao, hãy xem xét ghi chép điền dã sau đây do một nhân viên kinh doanh/nhà nghiên cứu viết. Cô đã làm việc như là một nữ nhân viên kinh doanh trong một cửa hàng thời trang phụ nữ cao cấp và đắt tiền, bản thân cô đóng một vai trò quan trọng trong cuộc tranh cãi ở nơi làm việc:

Tôi đang giúp một phụ nữ đi mua sắm với chồng, và tôi đã đưa bà ấy đến phòng thử đồ phía sau để thử rất nhiều quần áo. Bất cứ khi nào một khách hàng thử nhiều quần áo, thì tất cả các nữ nhân viên đều chú ý đến vị khách hàng đó và xem ai đang giúp bà ấy. Khi tôi đang thử đồ cho bà trong phòng thử đồ, người chồng phải chờ bên ngoài phòng thử. Hóa ra, người chồng đã yêu cầu Ellen đứng ở quầy cho xem một cái áo len dài tay dễ thương treo phía trên tủ đựng tiền. Đó là một cái áo hiệu Iceberg giá 710\$, có hình của Tweety và Sylvester được kết bằng hạt cườm. Người chồng liền nói với Ellen là ông ta muốn mua nó để tặng cho vợ và hãy gói nó trước khi vợ ông ta ra khỏi phòng thử. Ngay khi bước ra, tôi đã nhìn thấy Ellen ghi lại lần bán này. Tôi giận dữ. Tôi đang giúp người vợ và họ là một cặp. Nếu tôi giúp người vợ thì tôi cũng phải giúp người chồng. Ellen trả lời là cô ấy không biết tôi đang giúp người vợ ở đằng sau, khi tôi hỏi cô ta tại sao cô ta không gọi tôi ra giúp ông chồng. Tôi không tin cô ấy. Lần bán này giá trị quá lớn, đến nỗi cô ấy không thể bỏ qua được. Vì thế khi người vợ đi ra với đồng đồ mua trị giá 500\$, Pat và Jane, hướng về phía tính tiền, nhìn tôi như thể nói rằng họ không tin nổi là Ellen đã làm như thế... Ellen đã đánh cắp khách hàng của tôi và tất cả chúng tôi đều biết điều đó.

Tôi đứng trước mặt Ellen và nói là điều cô ấy làm là sai, hàm ý nói cô ấy là đồ con rắn. Cô ấy trở nên rất phòng thủ. Cô ấy nói: "Nghe tôi đi và tôi sẽ nghe cô nói". Sau khi nghe cô ấy nói, tôi bắt đầu nói nhưng cô ấy đã cắt ngang và bảo: "Đi gặp Sammie [người quản lý] đi!". Trong khi đó, cả Pat và Jane đều nói rằng tôi phải là người bán tất cả. Tôi đi lên tầng trên để nói với Sammie trước, và cô ấy hỏi tôi liệu tôi muốn bán hết hay chỉ bán một nửa. Tôi nói tôi tin là tôi xứng đáng được bán hết, nhưng tôi sẽ chia sẻ nếu cô ấy hiểu điều cô ấy làm là sai. Sau đó, Sammie nói với Ellen là cô ấy phải chia sẻ lần bán đó với tôi. Khi tôi đi đến chỗ Ellen và nói rằng thật không công bằng là cô ấy đã cắt đứt với tôi trước đó, thì cô ấy cắt đứt với tôi một lần nữa khi nói: "Chấm hết!"

Trước hết, hãy chú ý tính phiến diện rõ ràng của bản ghi chép điền dã này; tác giả không đứng ở vị trí trung lập của một bên không liên quan, mà rõ ràng là đang thể hiện bản thân mình như một trong hai nhân vật chính của câu chuyện. Bản miêu tả rõ ràng có tính chính trị ở chỗ nó "tạo ra vụ" Ellen "đánh cắp khách hàng của tôi". Lời buộc tội ít nhất đã bị Ellen cãi lại phần nào, ở lời trích dẫn tiếp rằng cô ta không biết "tôi đang giúp vợ ông ấy

ở đằng sau”, và rõ ràng là không muốn bỏ sót tiền hoa hồng.<sup>25</sup> Tác giả bỏ qua những khả năng này khi phác họa nền tảng cụ thể cho tuyên bố của mình: bắt cứ nhân viên bán hàng thành thạo nào cũng nên “biết” là chồng và vợ là “một cặp”, và đều sẽ chú ý đến một vị khách hàng tiềm năng đang thử rất nhiều quần áo; các bên liên quan khác trong bối cảnh diễn giải sự việc giống với tác giả; và nhân vật có thẩm quyền ở đó thật sự đã giải quyết cuộc mâu thuẫn theo cách công nhận tác giả đúng.

Tình huống được miêu tả trong bản ghi chép điền dã này cũng hướng sự chú ý đến việc làm có tính tương tác đã diễn ra khiến cho sự việc này được xác định và xem là “cướp khách hàng.” Trong khi cách kết thúc của sự việc này được những người khác trong bối cảnh xem là một ví dụ của việc “cướp khách hàng”, thì kết quả tuy không thể dự đoán nhưng đã xuất hiện như là những bộc lộ có tính tương tác, khi các bên khác nhau đưa ra những lời khẳng định và lý giải riêng của họ, yêu cầu và tìm kiếm sự ủng hộ của những người cùng làm việc. Nói chung, việc nhà dân tộc học nhìn xa hơn những cách sử dụng thuật ngữ đơn thuần của các thành viên như vậy là điều quan trọng để đánh giá đúng đặc tính vi chính trị ẩn dưới những quá trình này. Trong trường hợp “cướp khách hàng”, nếu tác giả là một nhà dân tộc học cẩn trọng thì hẳn sẽ đi xa hơn lời tuyên bố đơn thuần là người khác “cướp khách hàng” để xem *làm thế nào* các nhân viên bán hàng tuyên bố quyền sở hữu đối với các khách hàng cụ thể, các tuyên bố đó bị bỏ qua hay né tránh trong trường hợp nào và như thế nào, họ đã xác nhận và duy trì những tuyên bố như vậy ra sao, những tuyên bố và diễn giải mâu thuẫn nhau được thể hiện và giải quyết như thế nào.

Ngoài ra, cách giải thích này chỉ ra con đường để đánh giá đúng kiến thức cục bộ mở rộng cần có để đưa ra lời buộc tội thuyết phục về tội “cướp

<sup>25</sup> Bản ghi chép điền dã mập mờ về quan điểm của Ellen đối với những sự kiện này chỉ nói là “Tôi nghe cô ấy kêu” mà không tường thuật cụ thể những gì cô ấy đã nói để bảo vệ bản thân mình. Lời nói được tường thuật lại rằng cô đã không nhận ra tác giả đang giúp người vợ cho thấy là cô đã nhận ra sai lầm khi bán đồ cho người chồng, một vị trí mà có thể được cho là không phải “lươn lẹo” do cô ấy đã bán hàng “một cách không có chủ ý”. Cũng có khả năng cô ấy cho là mình đã bán một cách hợp pháp, là khách hàng thực sự “thuộc về” cô ấy vì anh ta đang mua hàng độc lập với vợ mình, hay bởi vì những việc bắt ngờ thực tế như việc tìm cách mua một món quà bất ngờ.

khách". Cụ thể, lời tuyên bố rằng một nhân viên bán hàng khác "cướp khách của tôi" được coi là cách hiểu của cả một hệ thống các thực hành địa phương về việc "tuyên bố các khách hàng là của mình". Ở một ví dụ khác, sinh viên dân tộc học này bắt đầu phác họa những thực hành nói trên như sau:

Khi đã hỏi người khách là liệu bà ta có muốn giúp đỡ không, bạn sẽ đứng sang một bên; nếu bắt cứ nữ nhân viên nào khác tiến về phía người khách, thì chúng ta có thể gọi tên người đó thật lớn. Khi cô ấy nhìn sang, chúng ta có thể chỉ về phía người khách, ra hiệu là chúng ta đã hỏi họ rằng họ có muốn giúp đỡ không rồi và hàm ý họ là khách hàng "của tôi". Đây là cách chúng tôi giữ những vị khách trung bình, những người từ ngoài bước vào.

Vì thế, "cướp khách" có nghĩa là một nhân viên bán hàng đã bỏ qua loại tuyên bố được khẳng định này. Thật vậy, cách giải thích về vụ cái áo hiệu Iceberg nhấn mạnh rằng người bị buộc tội "đã phải biết" là người khách hàng đã có chủ: "Bất cứ khi nào một khách hàng đang thử nhiều quần áo, thì tất cả các nữ nhân viên bán hàng đều chú ý đến vị khách này và xem ai đang giúp bà ta". Theo cách hiểu này, một thuật ngữ của các thành viên đã bao hàm, mã hóa cách hiểu và thực hành nội bộ cụ thể mà nhà dân tộc học muốn xác định và miêu tả.

Khi các nhà dân tộc học chú ý kỹ đến ý nghĩa của các thành viên, họ bắt đầu đánh giá xem người ta phải mất bao nhiêu "việc làm" có tính tương tác và chính trị để tạo ra các ý nghĩa. Khi đó, nhà dân tộc học sẽ học cách tìm hiểu một cách cẩn trọng các kiến thức cung cấp cho những tuyên bố ngầm hiểu đối với các sự kiện. Tuy nhiên, những mục đích và tuyên bố thường được ngầm hiểu này sẽ khiến cho chúng ta thấy rõ là các nhà nghiên cứu thực địa không thể xác định hoàn toàn ý nghĩa của các thành viên thông qua các cuộc phỏng vấn hay đặt câu hỏi phi chính thức. Các nhà dân tộc học phải phân biệt cách hiểu nội bộ, không chỉ đơn giản dựa trên những gì người ta nói mà phải thông qua cách "nói khi tương tác" của họ, tức là, họ phải chú ý đến những gì người ta làm trong mối quan hệ với những người khác để đưa ra các ý nghĩa cụ thể theo tình huống.

## CHỦNG TỘC, GIỚI, GIAI TẦNG VÀ Ý NGHĨA CỦA CÁC THÀNH VIÊN

Do cam kết với các ý nghĩa và trải nghiệm của các thành viên nên các nhà dân tộc học xem xét tính thích hợp của các yếu tố giới, chủng tộc, hay giai tầng (cũng như các đặc điểm hệ quả khác như tuổi, định hướng giới tính, khuyết tật...) đối với cuộc sống hằng ngày theo những cách rất khác với cách tiếp cận lý thuyết thông thường. Mặc dù giống với các nhà lý thuyết như thế, nhưng nhà dân tộc học có thể cho rằng đây là vấn đề quan trọng ngay từ đầu, nên luôn chú ý tìm hiểu về cuộc sống xã hội, tuy nhiên, cô ấy vẫn ưu tiên cách con người giải quyết các vấn đề về giới, tộc người và giai tầng như thế nào trong động thái của các tình huống, tương tác và điều kiện xã hội cụ thể.

Vị thế dân tộc học này về các vấn đề giới, tộc người và giai tầng đã bị chỉ trích ở một vài điểm. Một hướng phê bình cho rằng các lý thuyết có thể giúp cho nhà nghiên cứu thực địa vượt qua quan điểm giới hạn về các sự kiện cụ thể và sự hiểu biết của các thành viên về chúng, cho phép cô ấy viết về những sức mạnh xã hội khái quát hơn, vốn không cung cấp đầy đủ thông tin cho nghiên cứu dân tộc học. Một hướng phê bình khác cho là cách xử lý mang tính dân tộc học về giới, tộc người, hay giai tầng sẽ bị giới hạn nhỏ hẹp trong những quan sát theo lối kinh nghiệm: tức là, các miêu tả dân tộc học miêu tả những địa phương và tình huống cụ thể như thể chúng tách rời với những cấu trúc và sức mạnh xã hội có tính quyết định mạnh mẽ đến các sự kiện cụ thể và đời sống các cá nhân.

Dĩ nhiên, cả hai hướng phê bình đều nhấn mạnh những điểm mà cách tiếp cận dân tộc học về giới, tộc người và giai tầng khác với những cách tiếp cận lý thuyết bao trùm hơn. Khi cam kết với ý nghĩa và trải nghiệm của các thành viên, các nhà dân tộc học sẽ cảm thấy hấp dẫn hơn với điều mà Geertz (1983) gọi là các khái niệm “gần với trải nghiệm”, đối lập với khái niệm “xa với trải nghiệm”; vì thế, họ thường tập trung ưu tiên những ý nghĩa này hơn các lý thuyết và các quan điểm của nhà nghiên cứu có trước về nét nổi bật và nội dung của những đặc điểm cơ bản này. Khi coi trọng tính địa phương và tính đặc thù, các nhà nghiên cứu thực địa sẽ xem xét đời sống hằng ngày một cách tập trung, thay vì xem xét một cách sâu rộng ở những dạng tổng quát. Dĩ nhiên, nhà dân tộc học thích xem xét ảnh hưởng

trực tiếp của các cấu trúc xã hội hơn là thừa nhận tính thích hợp và các tác động của chúng ngay từ đầu. Thoạt đầu, cách tiếp cận “gắn với trải nghiệm” dường như tạo ra sự căng thẳng giữa tác phẩm miêu dân tộc học và các lý thuyết về tác động của những cấu trúc xã hội rộng lớn hơn. Tuy nhiên, một số căng thẳng rõ ràng này có thể suy giảm, thậm chí sẽ biến mất, nếu xem xét kỹ một vài cách thức mà các nhà dân tộc học có thể và nên nối kết giữa cam kết của họ với ý nghĩa của các thành viên và mối quan tâm của họ về giới, tộc người và giai tầng.

Cơ bản nhất, khi quan tâm nhiều về giới, tộc người, và/hay giai tầng, thì nhà dân tộc học nên cẩn thận lựa chọn một địa điểm để nghiên cứu, nơi anh ta mong đợi sẽ có một hay nhiều quá trình này đặc biệt nổi bật. Khi chọn địa điểm như vậy, nhà nghiên cứu nên tìm kiếm một bối cảnh không chỉ có sự đa dạng rõ ràng về giới, tộc người hay giai tầng, mà còn là nơi những vấn đề này làm cho các thành viên quan tâm. Ví dụ, lực lượng cảnh sát ngày càng tuyển dụng nhiều nữ và người dân tộc hơn, hay các trường học với các học sinh thuộc nhiều tộc người khác nhau. Ngoài ra, một nhà nghiên cứu có thể chọn nghiên cứu các sự kiện, mà qua đó các thành viên sẽ trực tiếp thể hiện những vấn đề này. Chẳng hạn, một nhà dân tộc học quan tâm đến các vấn đề giới có thể nghiên cứu những dịp người lớn tuổi dạy dỗ thế hệ sau xử sự như thế nào cho đúng với giới tính của họ. Ở nhiều xã hội, các nghi lễ thành đình rõ ràng tập trung vào việc hướng dẫn thanh niên về vai trò và trách nhiệm theo giới. Ở người Chokwe tại Zambia, những nghi lễ như *mwadi*, dành cho bé gái sau khi bắt đầu có kinh, và *mukanda*, dành cho các bé trai được cắt bao quy đầu, là các sự kiện quan trọng của làng cho thấy những thông tin cụ thể về kiến tạo giới.

Thật vậy, một nhà dân tộc học không chỉ có thể lựa chọn một bối cảnh và các sự kiện tập trung trực tiếp vào vấn đề giới, tộc người, hay giai tầng, mà cô ấy còn có thể xây dựng một dự án nghiên cứu thực địa thích hợp với một vấn đề lý thuyết xuất phát từ những mối quan tâm này. Chẳng hạn, để nghiên cứu sự khác biệt về giới, chủng tộc, và giai tầng trong việc nuôi dạy con cái, Lareau (2003) đã quan sát kỹ cuộc sống của sáu gia đình người da đen và sáu gia đình người da trắng của những đứa trẻ học lớp ba, tập trung vào sự khác biệt giữa gia đình nghèo, tầng lớp lao động và trung lưu. Frohman (1991, 1997) so sánh việc khởi tố những vụ hiếp dâm của văn

phòng luật sư quận tại một cộng đồng người da trắng trung lưu và một khu vực người thiểu số thu nhập thấp: trong khi các vụ ở khu của người da trắng trung lưu chủ yếu là “các vụ hiếp dâm ban ngày”, thì ở khu người thiểu số thu nhập thấp là buôn bán ma túy, mại dâm, hay hoạt động băng đảng. Các công tố viên ở cả hai văn phòng xử lý các vụ theo cách rất giống nhau, đó là chú trọng đến việc đánh giá độ tin cậy của nạn nhân và xây dựng các lý giải thuyết phục để tố cáo trình cho bồi thẩm đoàn.

Một khi đã ở trong bối cảnh, mỗi quan tâm đầu tiên của nhà dân tộc học nên là khám phá tầm quan trọng của giới, tộc người hay giai tầng đối với những người được nghiên cứu. Bước đầu tiên theo hướng này đòi hỏi phải chú ý thật kỹ tới bất cứ dịp nào mà người ta rõ ràng nói về và/hay hành động hướng đến nhau trên nền tảng tộc người, giới và/hay giai tầng. Chẳng hạn như, thay vì cho rằng tộc người lúc nào cũng là nguyên nhân tạo ra một hành vi hay sự kiện thì nhà miêu tả dân tộc học nên tìm cách miêu tả chi tiết bất cứ tương tác nào mà việc xác định tộc người trở thành một vấn đề đáng chú ý. Trong ghi chép điền dã dưới đây, một sinh viên dân tộc học miêu tả những gì đã xảy ra khi một giáo viên trung học ở trường dạy học sinh người Mỹ gốc Phi đưa ra tại một cuộc thảo luận về mối quan hệ giữa người da trắng và da đen trong một lớp học về lịch sử người Mỹ gốc Phi:

Tiếp theo cô B mời Dapo. Dapo nói là cậu ấy vừa mới chuyển đến vùng Valley, Southland Hills. Câu nói này khiến cho một vài tiếng “Ồ” nổi lên. Dapo cười toe toét. Cậu ấy nói là vùng cậu ấy chuyển đến là một “khu người da trắng sinh sống”. Một lần cậu ta đang đi xuống con đường cạnh nhà mình và ngang qua một cậu bé da trắng đang chơi đùa. Bố mẹ của đứa bé thấy Dapo liêm tóm đứa bé và lôi vào trong. Dapo gần như đang cười khi kể điều này. Cậu ấy nói với mọi người: “Tôi là người da đen, nhưng tôi đâu có định giết ai.” Một số học sinh cùng lớp phá lên cười và nói chuyện với nhau. Dapo tiếp tục: “Bố mẹ tôi là người lai... Họ đều (hạ giọng nói với người ngồi bên cạnh) là kiểu “bạn không thực sự là người da đen”. Các anh chị em họ tôi có mắt xanh, tóc vàng, tất cả đều thế...” Cậu ấy tiếp tục, giọng càng chắc chắn: “Tôi da đen. Tôi là một người da đen... Tôi tự hào là người da đen.”

Giải thích này truyền tải một số khía cạnh và mâu thuẫn về bản sắc tộc người có ý nghĩa đối với một học sinh trung học. Chẳng hạn, chúng ta thấy

những căng thẳng phức tạp tồn tại giữa những gì cha mẹ nói với cậu ấy ("Con không thực sự là người da đen") và cậu ta thật sự là ai đối với những người trong khu vực sinh sống và đối với lớp học này ("Tôi là người da đen").

Tuy nhiên, nhà dân tộc học khó có thể ghi nhận tầm quan trọng mà mọi người gắn cho giới, chủng tộc, hay giai tầng, bởi vì người ta không bao giờ đề cập đến chúng một cách trực tiếp. Ở một số dịp nào đó, một nhà dân tộc học có thể cảm thấy là người ta thường hành động hướng đến nhau theo cách "thể hiện giai cấp" hay "thể hiện giới"; tuy nhiên, họ có thể không chỉ rõ điều đó diễn ra như thế nào hay ghi lại những cảnh tượng, hành động cụ thể nói đến những đặc điểm kể trên một cách rõ ràng. Vì thế, có thể chúng ta sẽ cực kỳ khó xác định và khơi ra những vấn đề này khi viết các ghi chép điền dã. Trong các tình huống khác, một nhà nghiên cứu có thể mong đợi sẽ tìm ra rằng yêu tố giới, chủng tộc hay giai tầng là quan trọng, nhưng cuối cùng lại nhận ra là các thành viên không chú ý đến những yếu tố này. Trong trường hợp đó, nhà dân tộc học phải tiến xa hơn cách sử dụng những thuật ngữ thích hợp tìm được để quan sát có hệ thống hơn, nhằm xác định các dạng thức hoạt động phản ánh tính thích hợp của yếu tố giới, tộc người, hay giai tầng.

Chẳng hạn, trong nghiên cứu về hình thức kể chuyện ở một làng người Chokwe, Fretz luôn nói là "ai cũng có thể kể *yishima*". Và, thực vậy, ở đa số các làng, đàn ông, phụ nữ, người lớn và trẻ em kể chuyện khi ngồi quanh đống lửa gia đình. Nhưng trong nghiên cứu ở ngôi làng của vị tù trưởng cao nhất, sau buổi tối đầu tiên có một người phụ nữ kể chuyện trong *chota* (nhà lều lớn của vị tù trưởng), nhà nghiên cứu đã không thể kêu thêm người phụ nữ nào kể chuyện nữa. Tiếp tục quan sát và suy ngẫm, cuối cùng nhà dân tộc học nhận ra là không chỉ vị tù trưởng luôn độc chiếm việc kể chuyện, mà ông ta còn yêu cầu tất cả các cuộc kể chuyện phải diễn ra trong căn lều lớn của ông, đó là nơi đàn ông gặp gỡ và nói chuyện, còn phụ nữ nếu được mời chỉ tham gia ở dạng trao đổi và hát hò. Vì thế, những câu hỏi về vai trò của phụ nữ trong cuộc kể chuyện không cho thấy được tác động vị thế và giới của "quyền kể chuyện" trong nhà lều, bởi vì câu trả lời cho những câu hỏi này không được nối kết với cuộc kể chuyện mà với các yếu tố thuộc về mối quan hệ và tình huống. Chỉ có quan sát và so sánh liên tục giữa các tình

huống tương tự thì cuối cùng chúng ta mới có thể hiểu được một mạng lưới phức tạp gồm ảnh hưởng của tình huống, giới, và vị thế tác động lên bối cảnh.<sup>26</sup>

Vào những dịp khác, câu chuyện cụ thể của các thành viên là nơi bắt đầu hữu ích để tìm hiểu sâu hơn, nhằm tìm ra sự thích hợp của yếu tố tộc người, giới hay giai tầng trong các lĩnh vực rộng lớn hơn của đời sống địa phương. Chẳng hạn, một nhóm sinh viên thiết lập các mối quan hệ học hành giữa các sinh viên trong một trường học đa chủng tộc. Một trong những nhóm đó quay lại với câu chuyện về “các nhóm” khác trong trường học như sau:

Xung quanh bàn ăn trưa hôm nay, một nhóm những thanh niên chơi với nhau đang nói chuyện. Tôi nghĩ họ có thể giúp tôi hiểu các nhóm khác ở Central. Họ sử dụng rất nhiều thuật ngữ tôi đã nghe trước đó để nói về tụi nhỏ. Một thanh niên nói về “những người thức thời” và tôi có thể nhận ra ai đó thức thời như thế nào khi nhìn thấy họ. Một người khác nói có “những người chơi bóng”, là những người chơi bóng rổ, rồi có “những người đá bóng”, là những người chơi đá bóng, và sau đó là những người “đá” tất cả các nhóm. Rồi còn có “những nhóm bạn”. Họ nói nhóm bạn là một nhóm các sinh viên chơi với nhau và họ là như thế vì nó đem lại cho họ cảm giác thuộc về nhau. Một cậu da đen tiếp tục: “Chỉ là ngẫu nhiên khi tất cả mọi người trong nhóm tôi đều là người da đen.” Tất cả chúng tôi đều cười lớn. Cậu ấy tiếp tục: “Không, không, tất cả chúng tôi đều cùng sống trong một khu. Một trong số họ là con lai.” Sau đó thì lại có “nhóm bơi”, là những con nghiện, sử dụng quá nhiều thuốc đến nỗi mà mắt luôn đỏ ngầu, giống như đang bơi. Sau đó có nhóm “GCP”, Nhóm Thé Xanh (The Green Card Posse), họ tiếp tục: “Ô, những kẻ lung ướt” (từ mang nghĩa miệt thị để chỉ những người Mexico, đặc biệt là những người lao động nhập cư

<sup>26</sup> Trong ví dụ này, có khả năng sự hiện diện của nhà dân tộc học là phụ nữ ở căn lều của già làng lúc đầu khêu khích một người phụ nữ kể chuyện; cô ấy có thể bị khiển trách sau đó vì đã làm như thế; trong bất cứ trường hợp nào sau đó sẽ không có người phụ nữ nào kể chuyện ở vị trí đó nữa. Sự hiện diện mang yếu tố giới của nhà nghiên cứu thường sẽ có hệ quả trong bối cảnh thực địa, mặc dù thường theo những cách tinh tế mà chỉ có thể được xác định với sự quan sát kỹ càng dài ngày. Về những khảo sát về sự ảnh hưởng của yếu tố giới trong nghiên cứu thực địa, xin xem Camitta (1990); DeVault (1990); Hunt (1984); Lawless (1993); Mills (1990); Thorne (1993); Warren (2001); và Warren và Hackney (2000).

trái phép vào Mỹ - ND). Một người “dễ thương” mặc quần áo đẹp. Tôi hỏi, nếu cậu không có tiền mua quần áo đẹp thì có phải là cậu không dễ thương? Họ nói rằng có thể, nếu bạn có một tính cách tốt. Nhưng nếu tính cách của bạn giống như cách bạn ăn mặc thì quên đi. “Nơi này là một cuộc trình diễn thời trang.”

Ở đây, chúng ta thấy là các sinh viên đưa ra đủ các phân loại nội bộ khi phân biệt và xếp loại lẫn nhau. Một số trong đó có liên quan trực tiếp và rõ ràng đến tộc người, chẳng hạn “Nhóm Thủ Xanh.” Tộc người luôn được đề cập trực tiếp là có liên quan đến “các nhóm”, nhưng cụ thể nó liên quan như thế nào thì rộng hơn: một người xác định nhóm của cậu ta tất cả đều da đen; người khác tuyên bố rằng một số nhóm là “con lai”. Ngược lại, một người khác không coi tộc người là nền tảng cho việc hình thành nhóm. Cuối cùng, đa số các phân loại không được gắn rõ ràng với bất cứ tộc người cụ thể nào, chẳng hạn “những người chơi bóng”, “những người nghiên thuốc”, những người “dễ thương”. Một nhà dân tộc học trong bối cảnh này sẽ muốn tiếp tục và tìm cách xác lập yếu tố tộc người của các sinh viên được xác định là thuộc về một trong những thể loại nhóm khác nhau. Để tìm hiểu, nhà dân tộc học chủ yếu sẽ quan sát vị thế tộc người của các sinh viên gắn với mỗi thể loại, sau đó có lẽ sẽ nói chuyện với các sinh viên về những dạng thức tộc người quan sát được.

Một nhà dân tộc học cũng có thể sử dụng sự việc này như điểm bắt đầu để tìm ra những liên hệ giữa các loại sinh viên và vấn đề giới hay giai tầng. Đường như cuộc nói chuyện về việc hình thành nhóm chỉ xuất hiện trong số các cậu con trai; nhưng nhà nghiên cứu thực địa sẽ muôn tìm xem cụ thể là có nhóm nào trong những nhóm này có thành viên là nữ hay không, và hỏi những câu hỏi rộng hơn về sự hình thành các nhóm tương tự hay khác nhau ở các nữ sinh viên của trường. Ở đây, nhà dân tộc học nói riêng nên tìm ra những dạng thức mang yếu tố giới về sự phân tách và sự khác biệt, cũng như dạng thức của sự hội nhập, sự chồng chéo nhau giữa các sinh viên và hoạt động của họ.

Việc giải quyết những vấn đề về giai tầng xã hội sẽ phức tạp hơn, phụ thuộc vào bối cảnh văn hóa nơi nhà dân tộc học đang nghiên cứu. So với giới và tộc người, thì giai tầng là một khái niệm “xa với trải nghiệm” hơn là “gần với trải nghiệm” (Geertz, 1976). Kết quả là các nhà dân tộc học ít khi

bắt gặp các thành viên đang nói cụ thể về bản thân “giai tầng”. Nhưng người ta sử dụng một số thuật ngữ để đề cập đến các yếu tố hay thành tố của khái niệm giai tầng xã hội. Chẳng hạn, việc trực tiếp xác định “người dễ thương” là những người có quần áo đẹp là một kiểu “xếp loại” con người xuất hiện tự nhiên, phản ánh mối quan tâm về khái niệm giai tầng xã hội. Ngoài ra, những sinh viên này thảo luận về “tiền”, “quần áo đẹp” và trường học như là một “cuộc trình diễn thời trang”, cho rằng thu nhập của cha mẹ và cách tiêu xài dễ dàng thể hiện việc một người được phân loại như thế nào trong trường học. Vì thế, nhà nghiên cứu thực địa có thể hỏi tiếp và quan sát những vấn đề này để miêu tả những gì các sinh viên cho là “quần áo đẹp”, họ quan tâm đến điều gì khi phô bày chúng, những quần áo này và tiền để mua chúng có từ đâu, và sự khác biệt do chúng tạo ra trong việc chi phối các mối quan hệ xã hội ở trường học.

Các nhà dân tộc học từ lâu đã quan tâm đến tầm quan trọng của nền tảng chủng tộc/dân tộc, giới, hay giai tầng của nhà nghiên cứu đối với những gì anh ta có thể học hỏi và viết về ý nghĩa của các thành viên trong một bối cảnh.<sup>27</sup> Một số người cho rằng sự khác biệt về các đặc điểm nền tảng giữa nhà nghiên cứu với người được nghiên cứu là rào cản làm hạn chế mối quan hệ và sự tin tưởng, dẫn đến việc đối tượng nghiên cứu sẽ kiểm soát và kiểm duyệt những gì họ để cho nhà nghiên cứu thấy và hiểu (Riessman, 1987). Việc nghiên cứu theo kiểu “người ngoài” như vậy - các nhà nghiên cứu thuộc trường đại học nghiên cứu về người nghèo hay tầng lớp lao động, nhà nghiên cứu người da trắng nghiên cứu người da màu, hay nhà nghiên cứu là nam giới cố gắng tìm hiểu về đời sống của phụ nữ - cũng bị chỉ trích về nền tảng chính trị để thăng tiến nghề nghiệp của nhà nghiên cứu, trong khi lại làm sai lệch, một số người nói là bóc lột, cuộc sống của đối tượng nghiên cứu, và đôi lúc phơi bày các hoạt động bất hợp pháp nhưng quan trọng đối với sự tồn tại của một số nhóm người như vậy (Andersen, 1993; Baca Zinn, 2001; Duneier, 1999; Gearing, 1970; Young, 2008). Những mối quan tâm như vậy đã dẫn đến những khuyến nghị rằng việc nghiên cứu các nhóm ngoài lề xã hội chỉ nên

<sup>27</sup> Whyte (1955/1993) và Liebow (1967) đưa ra những thảo luận đầu tiên về những vấn đề này. Để tham khảo một tổng quan đầy đủ về thuận lợi và hạn chế của vai trò “người trong cuộc” và “người ngoài cuộc” dựa trên chủng tộc/tộc người, giới hay tuổi tác, xin xem Emerson (2001:116-23).

dành cho các thành viên của các nhóm đó thực hiện; “chiến lược phù hợp” này sẽ làm tăng khả năng tiếp cận và niềm tin, cũng như những kiến thức tích lũy được về các sắc thái của hành vi và ý nghĩa có thể viết ra về các thế giới xã hội này (Bhopal, 2001; Papadopoulos và Lees, 2002).

Tuy nhiên, nhà dân tộc học có thể thấy rằng cách tiếp cận này khá phiền toái cũng như bất lợi (Gunaratnam, 2003). Chẳng hạn như Myerhoff (1978), nghiên cứu về cộng đồng người lớn tuổi đã nghỉ hưu người Do Thái, cảm thấy phiền toái và tội lỗi về những đặc quyền đặc lợi trong cuộc đời của cô ấy khi là một phụ nữ trẻ người Do Thái có học, trong khi những người khác trong bối cảnh không được như vậy. Cô cảm thấy một gánh nặng tình cảm nặng nề khi phải miêu tả đầy đủ cuộc sống của họ. Khi nghiên cứu về các mối quan hệ hôn nhân trong các gia đình người Mỹ gốc Latin, Baca Zinn (2001) thấy rằng bản sắc Latin của mình không giúp cho cô tiếp cận được với các bà mẹ thuộc tầng lớp lao động, lúc đầu họ khá xa cách và ngờ vực và chỉ trở nên cởi mở khi biết là cô không có kỹ năng may vá, điều mà bất cứ người phụ nữ Mexico nào cũng biết. Họ đã chỉ cô cách may vá. Và Zavella (1996), dù là cùng thuộc một tộc người và cùng là tầng lớp lao động với những người phụ nữ làm nông mà cô nghiên cứu, nhưng vẫn gặp phải những khác biệt và sự hoài nghi sâu sắc do nền tảng giáo dục, vị trí ở trường đại học và các cam kết vị nữ mạnh mẽ. Vì thế, trong một số ví dụ, các nền tảng phù hợp có thể là nền tảng để loại trừ thay vì giúp tiếp cận mạnh mẽ với những khía cạnh quan trọng trong đời sống của các thành viên. Ngoài ra, nhà nghiên cứu, giống như những người họ nghiên cứu, có nhiều khía cạnh và nếu chỉ phù hợp với một đặc điểm thì có thể không đủ để hiểu và viết về lối sống của các thành viên (Aitken và Burman, 1999; Riessman, 1987). Cuối cùng, chúng tộc, giai tầng và giới không phải là những thuộc tính cố định và tự thể hiện ra, có ảnh hưởng đến sự tương tác có thể biết trước đó (Ahmed, 2000). Thay vào đó, chúng là các tính chất và thuộc tính được cấu trúc và thương thảo lẫn nhau. Ý nghĩa, tính nổi trội và giá trị của một đặc điểm nền tảng có thể khác nhau giữa nhà nghiên cứu và các thành viên, và giữa các thành viên khác nhau trong bối cảnh, tùy theo thời gian và tình huống khác nhau.

Thật vậy, thay vì làm tăng khả năng tiếp cận và sự hiểu biết đang phát triển rằng có thể viết ra những gì, thì các nền tảng phù hợp có thể khiến cho nhà nghiên cứu bỏ qua các vấn đề [đáng quan tâm] vì chúng quá quen

thuộc và là các khía cạnh đương nhiên của cuộc sống mà họ và các đối tượng nghiên cứu cùng chia sẻ; hay khi các thành viên lưỡng lự về việc tiết lộ các khía cạnh của đời sống xã hội với người bên ngoài, họ cũng có thể không nói về các chủ đề mà họ cho rằng nhà nghiên cứu, thành viên trong cộng đồng của họ, đã quá quen thuộc. Trong ghi chép dưới đây, Linda Shaw thể hiện tính phức tạp của việc tiếp cận trực tiếp với ý nghĩa của các thành viên, sử dụng chiến lược phù hợp trong nghiên cứu quan hệ tộc người, giữa những người Đài Loan mới di cư và các thành viên lâu năm người Latin và Anglo [người Mỹ không thuộc gốc Tây Ban Nha và Pháp - ND] của cộng đồng như sau:

Trong một số trường hợp, chiến lược khiến cho nền tảng của nhà nghiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu sẽ có tác dụng tốt, như khi các thành viên Anglo của cộng đồng dễ dàng nói chuyện với chúng tôi ở các cuộc họp của cộng đồng thành phố. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, chiến lược làm cho phù hợp này có những điều bất ngờ. Chẳng hạn, chúng tôi hy vọng Yen, với tư cách là một người nhập cư, có thể học hỏi cách các thành viên của cộng đồng đó thích nghi với trải nghiệm của những người di cư. Vì thế, khi cô ấy di chuyển khắp nơi và nói chuyện với họ thì chúng tôi quá bối rối khi biết họ từ chối lời yêu cầu nói về các trải nghiệm như một người mới đến của cô ấy. Thay vào đó, họ khuyên cô ấy làm thế nào để trở thành một người Mỹ hoàn toàn trong khi vẫn giữ được bản sắc người Hoa của mình. Trong suy nghĩ đầu tiên, chúng tôi cho rằng nỗ lực để có được lòng tin và mối quan hệ bằng cách làm cho các đặc điểm nền tảng phù hợp đã thất bại. Chỉ sau đó, chúng tôi mới hiểu là khi từ chối kể cho Yen nghe về trải nghiệm là người nhập cư mới, thật ra họ đang hướng dẫn cô ấy về cách để trở thành một người Mỹ tốt. Chúng tôi nhận ra là các thành viên của cộng đồng người Hoa thật sự đã mở lòng với cô ấy trên nền tảng đặc điểm tộc người. Nhưng họ đã làm điều đó một cách gián tiếp, bằng cách viện dẫn các thực hành văn hóa trong vấn đề hội nhập của một người Hoa mới đến vào xã hội Mỹ, nhưng từ chối nói trực tiếp về các khó khăn họ đã gặp phải.

Những phản ứng này cho thấy chúng ta phải đi xa hơn việc xem những khác biệt về giai tầng, tộc người hay giới đơn thuần như những rào cản cần phải giảm thiểu và vượt qua; thay vào đó, nhà dân tộc học có thể tập trung vào những đặc điểm và thuộc tính xã hội mà người ta xem là nổi bật trong mối quan hệ với nhà dân tộc học và vào những gì có thể học hỏi được từ

đáp ứng của họ đối với những khác biệt và tương tự này. Chẳng hạn nhà nghiên cứu dân tộc có các nền tảng đa dạng, khác nhau về giai tầng hay chủng tộc/tộc người sẽ được chào đón tại các bối cảnh nghiên cứu có thể học hỏi về các nguồn lực - hoặc vật chất hoặc xã hội - mà người ta có trong giá trị của bối cảnh đó. Hay những nỗ lực - dù thành công hay không - để được chấp nhận hay để các thành viên nói về các chủ đề cụ thể có thể cho thấy các nguyên tắc ngầm chi phối tư cách thành viên, việc gia nhập nhóm và thẩm quyền trong nhóm. Và cuối cùng, để giữ được bối cảnh tương tác, điều quan trọng mà các nhà dân tộc học cần nhớ là chủng tộc, giai tầng, giới (và ý nghĩa của chúng) - của cả nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu - không phải là các thể loại tĩnh và cố định; thay vào đó, chúng được xây dựng thông qua sự tương tác và có thể khác nhau theo thời gian khi các cảnh huống và nhân vật thay đổi trong một bối cảnh thay đổi (Morris, 2007).

Tóm lại, nhiều nhà dân tộc học giờ đây nhận ra là họ “luôn cùng lúc vừa là người bên trong, vừa là người bên ngoài” (Zavella, 1996:141). Những điều tương tự và khác biệt về chủng tộc/tộc người, giai tầng và giới không thể quyết định rõ ràng cách tiếp cận để viết về ý nghĩa của các thành viên giống như “thật ra, mối quan hệ thực địa gồm có các con người tổng thể, về mặt xã hội, được tạo thành như một tập hợp các đặc điểm thích hợp theo tình huống” (Emerson, 2001:122-23). Vì thế, các nhà dân tộc học không nên chỉ chú ý đến những sự khác biệt hay điểm giống nhau trong những vấn đề này, thay vào đó họ nên chú ý đến “vị trí xã hội của nhà nghiên cứu và người cung cấp thông tin”, các thương thảo đang diễn ra về sự tương đồng và khác biệt giữa họ (Zavella, 1996:140-41). Điều này đã khiến cho Gunaratman phải lập luận về giá trị của việc chuyển từ nhấn mạnh đến “sự tương đồng” sang nhấn mạnh đến cách thiết lập “sự kết nối” giữa nhà nghiên cứu và các thành viên của bối cảnh (2003:97). Tương tự, Duneier (1999, 2004) một nhà dân tộc học da trắng người Do Thái, thuộc tầng lớp trung lưu trên, tin rằng các khác biệt về chủng tộc, giai tầng và tôn giáo là sự khác biệt không thể vượt qua giữa nhà nghiên cứu và những người bán hàng rong người Mỹ gốc Phi mà anh ta nghiên cứu. Tuy vậy, anh ta có thể phát triển mối quan hệ công việc và đời sống thực tế với nhiều người trong số những người bán hàng rong này: Dù họ ngờ ngờ về động cơ của anh ta, với tư cách là một nhà nghiên cứu người Do Thái da trắng, nhưng vì lý do và

*mục đích của riêng mình*, họ đã chấp nhận sự hiện diện của nhà nghiên cứu, và như vậy anh ta đã tạo ra một sự tiếp cận, mặc dù đó chỉ là mối quan hệ phần nào với những công việc hằng ngày, theo thói quen và những gì đang diễn ra trong cuộc sống thường nhật của họ. Vì vậy, mục đích là cố gắng hiểu và viết về cách “một vị trí xã hội khác có thể có tác động sâu sắc đối với công việc của nhà nghiên cứu” (Duneiner, 1999:354).

Cuối cùng, nhà nghiên cứu da trắng trung lưu quan tâm đến sự bất tương xứng về giới, chủng tộc/tộc người và giai tầng cũng có thể theo đuổi một chiến lược rất khác: Họ có thể “nghiên cứu bên trên” (Nader, 1969), tập trung nghiên cứu những nhóm nổi trội thay vì những nhóm ngoại vi. Chẳng hạn như Katz (2001b:367-70) đã xác định sẽ “đi sâu phía sau các cảnh” trong “thế giới xã hội của tầng lớp tinh túy và được ngưỡng mộ”, thách thức của khoảng cách được tạo ra “bởi sự kính trọng và đặc quyền cục bộ” là một lý do nổi bật của điền dã dân tộc học. Theo cách này, nhà nghiên cứu dân tộc có thể xem xét các cách mà các chủ thể của tổ chức hay thành viên của các nhóm nổi trội tạo ra, ghi nhớ, và thách thức các mối quan hệ về giới, chủng tộc/tộc người, hay giai tầng trong các tương tác hằng ngày.

## CÁC SỰ KIỆN ĐỊA PHƯƠNG VÀ NGUỒN LỰC XÃ HỘI

Nhà nghiên cứu thực địa có thể vận dụng một số chiến lược khác nhau để cố gắng nối kết nội dung của các bối cảnh xã hội cách biệt, cũng như các khuynh hướng và dạng thức chung, chẳng hạn như sự không bình đẳng về chủng tộc/tộc người, giới, giai tầng và về các sự kiện địa phương, những kết quả cụ thể. Chẳng hạn Katz (1988b) cho rằng một điều rất quan trọng là đầu tiên phải hiểu được các thực tại mang tính tương tác và hiện tượng đã cung cấp “cận cảnh” cho các loại hành động tội phạm, thì mới có thể có được sự thích hợp và tác động của các yếu tố “nền tảng”, chẳng hạn như tộc người, giai tầng và giới. Và trong khi bản thân tác phẩm miêu tả dân tộc học không thể đưa ra sự tiếp cận trực tiếp với các nguồn lực cấu trúc quy mô lớn, thì nhà dân tộc học có thể xem các dạng thức, chẳng hạn về bất bình đẳng chủng tộc, giai tầng và giới như một phần của “địa thế mà dựa trên đó các tương tác diễn ra” (Devault, 1995), và nhắm đến việc viết các ghi chép dân

tộc học cho thấy được các dạng thức cấu trúc liên quan đến giới, chủng tộc và giai cấp được kiến tạo và tạo ra trong cuộc sống hằng ngày của xã hội. Để đạt được điều này, nhà dân tộc học cần phải tránh xem giới, tộc người/chủng tộc, và giai tầng như các biến hay nguồn lực được cụ thể hóa, tác động đến con người và các bối cảnh xã hội để “tạo ra” các kết quả như bất bình đẳng xã hội. Thay vào đó, chúng tôi khuyến khích nhà dân tộc học viết về “sự kiến tạo” nên giới (West và Zimmerman, 1987), tộc người/chủng tộc, giai tầng và tìm hiểu xem làm thế nào các dạng thức quy mô lớn liên quan đến giới, chủng tộc, và giai tầng được “vận hành” tức là tạo ra, tái sản xuất, duy trì, thách thức trong và thông qua các tương tác xã hội.

Để đạt được điều này, đầu tiên nhà dân tộc học cần phải tìm kiếm các kết nối cụ thể giữa bối cảnh với các ảnh hưởng xã hội bên ngoài.<sup>28</sup> Nhà dân tộc học nên viết về cách làm thế nào người ta tham gia vào việc phát biểu và hiểu về các mối liên hệ giữa họ với những thực thể và nguồn lực bên ngoài như vậy, nhưng nhà dân tộc học cũng không chỉ nên giới hạn trong những hiểu biết được các thành viên nhìn nhận. Chẳng hạn, nghiên cứu thực địa về người vô gia cư có thể bắt đầu bằng việc tìm hiểu xem những người sống trên đường phố hiểu và đương đầu với những điều kiện tồn tại hằng ngày của họ như thế nào, bao gồm việc họ nhìn nhận các mối quan hệ của họ với thế giới rộng lớn bên ngoài ra sao (chẳng hạn như, Snow và Anderson, 1993). Nhưng nhà nghiên cứu cũng nên quan sát mối liên hệ giữa những người vô gia cư này với những con người, cơ quan, thiết chế nào có mối liên hệ đều đặn với họ: chẳng hạn như hội truyền giáo, nhà nghỉ, và những nơi thịnh thoảng vẫn cho họ cư trú tạm; xếp hàng nhận khẩu phần ăn thường xuyên và những dàn xếp không chính thức với các nhà hàng như là nguồn cung cấp thực phẩm; mối quan hệ với cảnh sát tuần tra và cai tù; các tổ chức chăm sóc và nhân viên phúc lợi/cứu tế xã hội.<sup>29</sup> Và sau đó, nhà nghiên cứu

<sup>28</sup> Miêu tả dân tộc học của Dorothy Smith (2002, 2005) về thiết chế đã đóng một vai trò quan trọng trong việc tập trung sự chú ý của nhà dân tộc học vào mối quan hệ giữa các ảnh hưởng bên ngoài và cuộc sống hằng ngày. Trong khi chúng tôi nhấn mạnh việc làm thế nào các thành viên tham gia, thương thảo và tạo ý nghĩa cho các tương tác được thực hiện trong các điều kiện xã hội cụ thể, thì tâm điểm của Smith là về các cấu trúc xã hội và tổ chức mà chúng định hình được phản ánh trong hoạt động hằng ngày như thế nào.

<sup>29</sup> Nghiên cứu của Wiseman (1970) về việc những người nghiên cứu “làm một cuộc hành trình phục hồi” ở nhà mờ như thế nào vào những năm 1960 đã sử dụng một quy

(hay các nhà nghiên cứu khác) có thể hướng đến việc nghiên cứu những thiết chế, cơ quan này và các điều kiện tồn tại của chúng.

Một miêu tả dân tộc học cũng có thể nối kết với những quá trình xã hội rộng lớn hơn bằng cách quan sát con người và các bối cảnh khi chúng thay đổi theo *thời gian*. Chẳng hạn, nghiên cứu thực địa liên tục và lâu dài là điều cần thiết để hiểu thanh niên ở tầng lớp công nhân phản ứng và bị tác động như thế nào bởi những mối quan hệ của họ với trường học. Việc đưa thành tố thời gian vào nghiên cứu thực địa, trên thực tế rất khó thực hiện, cho phép nhà nghiên cứu miêu tả những cơ hội khác nhau trong đời sống và hiểu cách những cơ hội này được định hình và xác định như thế nào. Chẳng hạn, các nhà nghiên cứu thực địa thường xem xét “những nghề nghiệp có tính thiết chế” cụ thể (Goffman, 1961) và những yếu tố định hình chúng, tìm hiểu xem liệu những yếu tố này, bao gồm việc di chuyển qua các trường học, với các kết quả cuối cùng khác nhau ra sao, hay thông qua việc cảnh sát hay tòa án xử lý đối với các số phận khác nhau như thế nào. Hạn chế về “chiều ngang” của nhiều miêu tả dân tộc học có thể được cải thiện bằng cách quan sát trải qua những khoảng thời gian dài hơn, ghi lại những thay đổi sẽ không thể hiện rõ trong ghi chép không trải dài theo thời gian, vốn chỉ đưa ra một lát cắt của đời sống xã hội.

## **SUY NGÂM: SỬ DỤNG GHI CHÉP THỰC ĐỊA ĐỂ KHÁM PHÁ/ TẠO RA Ý NGHĨA CỦA CÁC THÀNH VIÊN**

Trong chương này, chúng tôi đã đưa ra các chiến lược viết các ghi chép điền dã miêu tả dân tộc học để thu thập và thể hiện ý nghĩa của các thành viên theo cách thức cặn kẽ và có cơ sở vững chắc. Các chiến lược này buộc nhà dân tộc học phải bỏ đi định kiến về việc xem điều gì là quan trọng để chú tâm đến những phương cách sắp xếp và diễn giải thế giới của các thành viên ở địa bàn

---

trình như vậy để khảo sát việc một loại người giống với những người vô gia cư tiếp xúc và di chuyển qua lại giữa “các thiết chế giúp đỡ” khác nhau như thế nào. Tương tự, Dingwall và các cộng sự (1983) nghiên cứu việc nhận dạng và xử lý những đứa trẻ bị bỏ bê và ngược dãi ở hàng loạt các thiết chế, từ phòng cấp cứu bệnh viện cho đến văn phòng nhi khoa, thanh tra sức khỏe, bảo vệ trẻ em, và các cơ quan dịch vụ xã hội, cho đến tòa án và các văn phòng quản chế.

nghiên cứu. Khi làm vậy, các nhà dân tộc học cho rằng ý nghĩa của thành viên có tính *hậu quả*, và cho rằng con người hành động như thế nào là dựa trên sự hiểu biết về thế giới xã hội địa phương của họ. Khi theo đuổi ý nghĩa của các thành viên, nhà dân tộc học bắt đầu bằng cách tìm hiểu xem các thành viên miêu tả, phân loại con người và các sự kiện như thế nào; họ cố gắng phân biệt các thuật ngữ, từ ngữ, cách phân loại và giải thích *của họ* [các thành viên - ND]. Nhưng tìm hiểu cách phân loại địa phương chỉ là bước khởi đầu; nhiệm vụ của nhà dân tộc học không chỉ là xác định các *thuật ngữ và cách phân loại mà các thành viên công nhận*, mà còn phải xác định các điều kiện, trong đó con người thực sự đưa ra và áp dụng những thuật ngữ như vậy trong sự tương tác với những người khác. Không có thuật ngữ hay sự phân loại nào tự áp dụng vào những tình huống thực tế, và người ta cũng không thể quyết định trước sự thích hợp của nó với những cảnh huống cụ thể. Vì thế, nhà dân tộc học không nên miêu tả khung cảnh xã hội bằng cách áp dụng những thuật ngữ và cách phân loại mà các thành viên công nhận trong những tình huống không liên quan đến cách áp dụng trên thực tế của các thành viên.

Một số hàm ý rút ra từ việc công nhận rằng nhà dân tộc học, người viết những ghi chép điền dã về ý nghĩa địa phương, nên định rõ các điều kiện, trong đó ý nghĩa của các thành viên được gợi ra và áp dụng. Đầu tiên, nhà nghiên cứu phải đưa vào những ghi chép điền dã đó không chỉ từ ngữ và cụm từ được lấy ra từ bối cảnh, mà còn phải miêu tả cụ thể các thành viên sử dụng những thuật ngữ đó trong hoàn cảnh tương tác thực sự nào. Những ghi chép điền dã có thể giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa của các thành viên sẽ tập trung theo cách tương tác hơn là nhận thức để ghi lại xem làm thế nào các thành viên *tạo ra ý nghĩa* thông qua sự tương tác với các thành viên khác của nhóm, và họ thực sự diễn giải và tổ chức các hành động của bản thân họ và của những người khác như thế nào.

Tiếp theo đây là một số gợi ý có tính phương pháp luận. Nhiều nhà dân tộc học thường cho rằng sự theo đuổi ý nghĩa của các thành viên tương đương với việc phỏng vấn người ta để hỏi xem điều gì là quan trọng đối với họ. Nhưng không phải vậy, các nhà dân tộc học cần thu thập dữ liệu có liên quan đến ý nghĩa của các thành viên không phải bằng cách tập trung vào cuộc nói chuyện của các thành viên đã bị tách khỏi bối cảnh, mà phải tập trung vào sự tương tác trong tình thế xuất hiện một cách tự nhiên, trong đó các

ý nghĩa địa phương được tạo ra và duy trì. Để viết ghi chép điền dã sao cho nắm bắt được ý nghĩa của các thành viên, vấn đề của nhà dân tộc học không phải chủ yếu chỉ là đặt câu hỏi, mà là phải suy ra những gì được người ta quan tâm từ những cách nói và hành động cụ thể của họ trong hàng loạt bối cảnh tự nhiên. Vì thế, phỏng vấn, đặc biệt là việc trực tiếp hỏi các thành viên xem những thuật ngữ nào có ý nghĩa với họ hay điều gì là quan trọng đối với họ, không phải là công cụ chủ yếu duy nhất để thu được ý nghĩa của các thành viên. Mà thay vào đó, quy trình đặc biệt là phải quan sát và ghi chép các cuộc nói chuyện và tương tác xuất hiện một cách tự nhiên. Thật vậy, có thể việc phỏng vấn các thành viên về cách sử dụng và ý nghĩa của những thuật ngữ và cụm từ địa phương cụ thể thực sự cũng hữu ích và quan trọng, nhưng mối quan tâm sâu sắc hơn của nhà nghiên cứu là cách sử dụng thực sự của những thuật ngữ này trong tình huống tương tác hằng ngày.<sup>30</sup>

Cuối cùng, tập trung vào cách sử dụng các thuật ngữ địa phương theo tình huống là một cách tương tác làm tăng tính nhạy cảm của nhà dân tộc học với những quá trình những đánh giá tình huống và diễn giải phức tạp, và tăng cường kỹ năng khắc họa cách sử dụng các phân loại địa phương của các thành viên. Cách phân loại của các thành viên không bất biến và siêu việt, mà gắn chặt với những tình huống cụ thể cho những mục đích khác nhau. Kiến thức địa phương mở rộng và kỹ năng có thể tạo ra những đánh giá cần thiết, liên quan đến cách sử dụng của các thành viên. Chẳng hạn như trong phỏng tập thể thao, những người chuẩn bị thực hiện một chương trình tập cụ thể đòi có một "giám thị" có thể quan tâm đến việc nhận biết và phân biệt giữa trải nghiệm và mức độ thành thạo của những người khác ở đó. Thật vậy, các huấn luyện viên có kinh nghiệm có thể nhìn là biết ngay mức độ luyện tập của người khác, trên cơ sở cách trình diễn và hoạt động của họ. Nói chung, muốn đánh giá sâu sắc hơn về các ý nghĩa địa phương, nhà nghiên cứu cần phải học hỏi về việc các thành viên thực sự đưa ra những đánh giá như vậy khi nào và như thế nào, họ dựa vào kiến thức nào để làm như vậy.

<sup>30</sup> Tuy nhiên, nhà nghiên cứu thực địa được khuyên rằng nên phỏng vấn cụ thể về các tương tác và các sự kiện, cả những cái họ đã quan sát trực tiếp và những cái diễn ra khi họ không có mặt; những phỏng vấn như vậy thường cho ra những lý giải ngắn gọn nhưng vô giá về các mối quan hệ và tương tác (xem Emerson, 2009) cũng như kiến thức về bối cảnh của những người khác về những sự kiện này.

## Chương 6

# Xử lý các ghi chép thực địa: mã hóa và ghi nhớ

Tại thời điểm nào đó - có lẽ sau vài tuần hay vài tháng viết các ghi chép điền dã - nhà dân tộc học cần rời khỏi địa bàn thực địa, chủ động dừng viết lách các ghi chép điền dã. Họ phải chuyển hướng sang hồ sơ văn bản đã có, tập trung biến tập hợp tài liệu này thành những trang viết đối thoại với các độc giả rộng lớn hơn bên ngoài. Những nỗ lực phân tích giờ đây trở nên mạnh mẽ, tập trung và toàn diện: nhà thực địa bắt đầu chặt lọc một cách có hệ thống từ các trang ghi chép điền dã và các ghi nhớ ban đầu trong quá trình đó, xem xét để xác định những mối liên hệ có thể xâu kết được để kể một câu chuyện (hay một số câu chuyện) về xã hội được quan sát. Mục tiêu cuối cùng là cho ra một phân tích chặt chẽ, tập trung vào một khía cạnh nào đó của đời sống xã hội đã được quan sát và ghi lại, một phân tích giúp người đọc có thể hiểu được, cho dù họ là những người không trực tiếp đến thế giới xã hội đang đề cập.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Các nhà khoa học xã hội định tính đã chú ý nhiều đến việc làm thế nào để có được, phát triển và chi tiết hóa các phân tích định tính về đời sống xã hội. Các công trình sau đưa ra các định hướng hữu ích để phân tích và đưa ra các quy trình đặc biệt để phát triển các khái niệm từ các dữ liệu ghi chép. Becker (1998, 2001) đưa ra một loạt "thủ thuật khái quát hóa" giúp cho chúng ta có "cách mở rộng tầm suy nghĩ, nhìn những cái khác mà chúng ta có thể nghĩ và hỏi đến, hay tăng số lượng ý tưởng khả hữu để giải quyết sự đa dạng của những điều đang diễn ra trên thế giới" (1998:7). Lofland và các cộng sự (2006: từ Chương 6 đến Chương 8) đã phác họa một loạt "chủ đề" khái niệm có thể có để phân tích các ghi chép điền dã, dữ liệu định tính và gợi ý làm thế nào để chi tiết hóa các chủ đề có liên quan và phát triển chúng thành các phân tích hoàn thiện hơn về các quá trình xã hội "chung" (xem thêm Prus, 1996). Corbin và Strauss (2008) đưa ra cách tiếp cận

Viễn cảnh khi phải tạo ra những phân tích cố kết, tập trung từ hàng đồng dữ liệu thực địa (mà giờ đây có thể lên đến vài trăm trang và hàng tá các ghi nhớ trong quá trình điền dã) đã làm các sinh viên choáng ngợp. Nhưng các nhà thực địa thấy rằng có thể xử lý nhiệm vụ này một cách hiệu quả nếu biết được một vài cách thức riêng biệt liên quan đến việc phân tích.

Đầu tiên, việc viết các ghi chép điền dã mở đường cho việc đọc chúng: nhà dân tộc học đọc qua tất cả các ghi chép điền dã như một tập văn hoàn chỉnh, tiếp nhận toàn bộ ghi nhận về trải nghiệm thực địa phát triển theo thời gian. Sau đó họ bắt đầu chọn lọc và chi tiết hóa những hiểu biết và phân tích ban đầu bằng cách suy ngẫm, phân tích kỹ lưỡng hơn về tập hợp các ghi chép điền dã rộng lớn này.

Thứ hai, nhà nghiên cứu kết hợp việc đọc này với các quy trình *mã hóa* có phân tích các ghi chép điền dã. Mã hóa dân tộc học bao gồm sự phân loại các ghi chép cụ thể theo từng dòng. Trong quá trình này, vị trí của nhà nghiên cứu đổi với các ghi chép có thay đổi: Các ghi chép, con người và các sự kiện họ nhớ lại, trở thành các đối tượng nguyên bản (mặc dù được nối kết với trí nhớ và các khả năng trực giác), được xem xét và nghiên cứu bằng một loạt các khả năng phân tích và tái hiện trong đầu.

Mã hóa phân tích định tính luôn tiến triển theo hai giai đoạn khác nhau. Trong *mã hóa mở*, nhà dân tộc học đọc các ghi chép điền dã theo từng hàng để xác định và hình thành bất cứ ý tưởng, chủ đề hay vấn đề nào họ đưa ra, dù cho chúng rất đa dạng và khác biệt. Trong *mã hóa tập trung*, nhà nghiên cứu thực địa phân tích chi tiết các ghi chép điền dã theo từng hàng dựa trên các chủ đề đã được xác định là mối quan tâm đặc biệt. Ở đây, nhà dân tộc học sử dụng một hệ nhỏ hơn các ý tưởng và sự phân loại khai hưu để đưa ra chủ đề chính và các chủ đề phụ cho tác phẩm miêu tả dân tộc học cuối cùng.

Việc đọc và mã hóa các ghi chép điền dã trên cơ sở từng hàng một làm cho nhà dân tộc học có nhiều ý tưởng, sự hiểu biết, và những mối liên hệ. Trong khi tiếp tục mã hóa và xem lại những ghi chép trước đó, nhà dân tộc

---

cập nhật với lý thuyết nền, tập trung vào việc xác định các đặc điểm và khía cạnh của các thành tố then chốt trong đời sống xã hội. Cuối cùng, Katz (2001b) đưa ra một số "tiêu chuẩn" cho khái niệm chung mà các nhà dân tộc học thường dựa vào và có thể liên quan đến, cùng với sự quan tâm về các phân tích dữ liệu thực địa.

học sẽ chi tiết hóa những hiểu biết này bằng cách viết các *ghi nhớ mã hóa* có tính lý thuyết hệ thống hơn (Strauss và Corbin, 1990). Những ghi nhớ này là kết quả và có sự liên hệ chặt chẽ với các hiện tượng, chủ đề và các phân loại được tạo ra trong quá trình đọc lại và mã hóa kỹ lưỡng các ghi chép điền dã. Sau đó, khi nhà điền dã cảm nhận rõ hơn về các ý tưởng hay chủ đề họ muốn theo đuổi, thì các ghi nhớ hướng đến đặc điểm tập trung hơn; chúng liên quan hay kết hợp với những cái trước đây là những dữ liệu riêng lẻ và các quan điểm có tính phân tích. Các *ghi nhớ* *hợp thành một hệ thống thống nhất* này cố gắng làm rõ, nối kết các chủ đề và các phân loại có tính phân tích.<sup>2</sup>

Các thực hành có tính phân tích mà chúng tôi trình bày trong chương này giống với phương pháp do các nhà xã hội học phát triển lấy cách tiếp cận “lý thuyết cơ sở” (grounded theory) để phân tích các dữ liệu định tính.<sup>3</sup> Những người nghiên cứu lý thuyết cơ sở ưu tiên cho việc có được “các phân loại phân tích trực tiếp từ dữ liệu, không phải từ các khái niệm hay giả thuyết định trước” (Charmaz, 2001:336-37). Họ cho rằng nếu nhà nghiên cứu giảm thiểu sự phụ thuộc vào các lý thuyết đã học hỏi và định trước thì anh ta dễ có khả năng phát triển các loại phân tích và lý thuyết mới trong dữ liệu của mình. Bằng cách thường xuyên so sánh đọc ngang các dữ liệu, nhà nghiên cứu có thể hình thành, điều chỉnh, và mở rộng các nhận định có tính lý thuyết để chúng phù hợp với các dữ liệu. Khi thực sự làm việc, nhà

<sup>2</sup> Một số nhà thực hành lý thuyết nền tảng hiện giờ tránh phân biệt rạch ròi giữa các loại mã hóa và ghi nhớ. Chẳng hạn, Corbin cho rằng trong khi ấn phẩm *Các vấn đề cơ bản trong nghiên cứu định tính* (Basics of Qualitative Research) xuất bản năm 1990 (Strauss và Corbin, 1990) bàn về các ghi chú về mã, ghi chú về lý thuyết và ghi chú về tổ chức như ba loại ghi nhớ riêng biệt, thì “chúng tôi giờ đây không muốn nghĩ đến các ghi nhớ theo một cách được cấu trúc”. Cô ấy giải thích: “Lý do là các nhà nghiên cứu mới vào nghề thường quá quan tâm đến việc “làm cho đúng”, đến nỗi họ thường mất đi dòng chảy sáng tạo của việc ghi nhớ. Cách người ta thực sự tạo ra các ghi nhớ mới quan trọng chứ không phải dạng thức của các ghi nhớ” (Corbin và Strauss, 2008:118). Chúng tôi tiếp tục phân biệt giữa các ghi nhớ trong quá trình, ghi nhớ về mã, và ghi nhớ hợp nhất, không phải trên cơ sở hình thức mà theo cách sử dụng chúng và phân bố thời gian khi phân tích các ghi chép điền dã.

<sup>3</sup> Những tác phẩm đầu tiên phát biểu về lý thuyết nền gồm có: Glaser và Strauss (1967); Schatzman và Strauss (1973) và Glaser (1978). Hiện nay có: Charmaz (2001, 2006); Corbin và Strauss (2008) và Strauss (1987). Đa phần nghiên cứu thực địa sử dụng các phương pháp lý thuyết nền đều xem xét cách chữa trị và trải nghiệm bệnh tật; đặc biệt nên đọc Biernacki (1986); Charmaz (1991); Corbin và Strauss (1988); và Glaser và Strauss (1965).

nghiên cứu bắt đầu bằng cách mã hóa dữ liệu theo những cách có hệ thống và chặt chẽ để có thể tạo ra những thể loại có tính phân tích. Họ tiếp tục chi tiết hóa, mở rộng, kết hợp các đặc tính và chiều kích của những thể loại này bằng cách viết các ghi nhớ có tính lý thuyết.

Hình thức đầu tiên của cách tiếp cận lý thuyết cơ sở đã xem việc phân tích như một hành động rạch ròi gần như độc lập với việc nhà nghiên cứu “phát hiện” lý thuyết trong các ghi chép điền dã và dữ liệu định tính khác. Cách tiếp cận này dường như mặc định là các khái niệm và thể loại phân tích đã ẩn chứa trong các ghi chép điền dã, đang chờ tới lúc xuất hiện và được nhà nghiên cứu khám phá. Nhưng những nhà thực hành theo cách tiếp cận lý thuyết cơ sở hiện nay tuy vẫn rất mặn mà với quy trình quy nạp, nhưng không còn nhấn mạnh đến việc “phát hiện ra” các lý thuyết (Charmaz, 2001:335); thay vào đó họ nhận ra là quá trình phân tích hiện hữu ở tất cả các giai đoạn nghiên cứu là khi nhà nghiên cứu bắt đầu quan sát, viết các ghi chép điền dã, mã hóa những ghi chép này thành những thể loại phân tích và cuối cùng là phát triển thành các nhận định lý thuyết rõ ràng. Theo nghĩa này, quá trình phân tích chính xác được miêu tả là vừa quy nạp và vừa diễn dịch, quá trình này có thể gọi là “quy diễn” (reductive) (Bulmer, 1979; Katz, 1988a). Quá trình đó giống như một người đồng thời vừa tạo ra câu đố lại vừa giải câu đố đó, hay giống như người thợ mộc thay đổi hình dáng một cánh cửa, rồi lại thay đổi hình dáng của khung cửa để có được cánh cửa hoàn mỹ hơn (Baldamus, 1972:295).

Trong chương này, chúng tôi phát triển một cách tiếp cận để phân tích các ghi chép điền dã dựa trên những ý tưởng này. Đầu tiên chúng tôi đưa ra những cách bắt đầu phân tích các ghi chép điền dã: đọc kỹ, mã hóa mở và viết các ghi nhớ ban đầu để hình thành và làm rõ các ý tưởng và kiến thức do việc tạo mã sinh ra. Sau đó, chúng tôi xem xét những quy trình hữu ích để có các phân tích cụ thể và chi tiết hơn: hợp thành từ việc mã hóa tập trung và viết các ghi nhớ. Khi thảo luận về việc đọc, mã hóa và ghi nhớ như là những bước riêng lẻ khi xử lý có phân tích các ghi chép điền dã, thì chúng tôi muốn nhấn mạnh là nhà nghiên cứu không nhất thiết phải gắn chặt với một quy trình tại một thời điểm hay thực hiện chúng theo bất cứ một trật tự cụ thể nào. Thay vào đó, họ có thể chuyển từ phần đọc tổng quát sang quy trình mã hóa chặt chẽ rồi đến viết các phân tích sâu, sau đó quay trở lại. Nói

cách khác, sau phần đọc là đến phần mã hóa và viết ghi nhớ giúp định hướng và tái định hướng sự chú ý đến các vấn đề và khả năng cần phải tiếp tục đọc lại hay đọc thêm các ghi chép điền dã.

## ĐỌC CÁC GHI CHÉP ĐIỀN DÃ NHƯ MỘT HỆ THỐNG DỮ LIỆU

Nhà dân tộc học bắt đầu tập trung phân tích và viết bằng cách đọc các ghi chép điền dã theo một phương cách mới, xem xét cẩn thận, hệ thống những gì đã quan sát được và ghi lại. Khi làm như thế, họ xem các ghi chép điền dã như một hệ thống dữ liệu, xem xét, trải nghiệm và nghiên cứu lại mọi thứ đã được viết ra, đồng thời tự giác tìm cách xác định các chủ đề, phương thức và biến thể khác nhau trong hồ sơ dữ liệu này.

Chúng tôi rất khuyến khích đọc từng hàng càng nhiều trang ghi chép điền dã càng tốt, ít nhất cho đến khi việc mã hóa dường như không còn tạo ra ý tưởng, chủ đề hay vấn đề gì mới. Việc đọc tổng thể các ghi chép và theo trình tự được viết ra sẽ có một số lợi ích sau đây. Đầu tiên, nhà thực địa có thể nhận thức được những thay đổi trong mối quan hệ giữa cô ấy với những người ở địa bàn nghiên cứu theo thời gian. Ví dụ, việc chuyển dần từ còn khoảng cách đến xác lập mối quan hệ có thể trở nên rõ ràng chỉ trong vòng vài tiếng đồng hồ đọc lại hồ sơ các sự kiện đã diễn ra trước đó nhiều tuần hay nhiều tháng. Thứ hai, nhờ xem lại hệ thống các ghi chép đã hoàn chỉnh mà nhà dân tộc học có được những kiến thức mới khi cô ấy thay đổi cách hiểu và diễn giải của bản thân về con người và sự kiện. Dựa trên những gì đã học hỏi được sau đó, những diễn giải và bình luận ban đầu giờ đây có thể trở nên ngày ngô hay không đúng. Sự tương phản giữa sự hiểu biết ban đầu và sự hiểu biết sau đó thường thể hiện rõ khi nhà nghiên cứu thực địa làm việc trong một nền văn hóa và ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ. Nhà nghiên cứu thực địa có thể cảm thấy các khái niệm và thuật ngữ xa lạ không có từ tương đương trong ngôn ngữ của mình. Các dạng thức và khuynh hướng được nhận ra khi đọc tất cả những ghi chép có thể đưa ra những diễn giải khác với diễn giải ban đầu về các hành động hay lời nói. Cuối cùng, làm việc với hệ thống các ghi chép điền dã hoàn chỉnh cho phép nhà

dân tộc học lần đầu tiên hiểu được, trong một khoảng thời gian khá tập trung, mọi thứ mà cô ấy đã quan sát và ghi chép được. Việc đọc tổng thể các ghi chép cũng giúp ích cho việc nhận ra các dạng thức và tiến hành các so sánh. Nhà nghiên cứu bắt đầu chú ý rằng một sự việc giống với những sự việc khác trong những ghi chép đã được xem qua trước đó như thế nào. Ngược lại, cô ấy cũng bắt đầu chú ý đến những khác biệt quan trọng giữa các sự việc trước đây được xem là giống nhau.

Để thực hiện cách đọc nhằm đến việc phân tích các ghi chép điền dã, nhà dân tộc học cần phải tiếp cận những ghi chép của mình như thể chúng do một người khác viết ra. Thật vậy, nhiều nhà thực địa thấy rất khó có được một khoảng cách xa lạ cần thiết để dễ phân tích những người mà cô ấy đã hòa nhập rất sâu sắc. Một số nhà thực địa cho biết họ lo lắng khi “xem xét dưới kính hiển vi” đời sống của những người mà họ đã có mối quan hệ sâu sắc và trong nhiều trường hợp là rất quan tâm. Đối với một số người, sự phân tích gần như là hành động phán bội; nhiều nhà thực địa cho biết sau khi đã ngừng viết ghi chép điền dã, họ đã mất hàng tuần hay hàng tháng trước khi có thể bắt đầu phân tích. Một số nhà nghiên cứu giải quyết sự mâu thuẫn nội tâm này bằng cách hợp tác làm việc với những người trong bối cảnh, thậm chí đôi lúc đồng tác giả với một người trợ lý địa phương.

Mặc dù sự phân tích thận trọng và tự giác cần có trong tác phẩm dân tộc học có thể làm tăng cảm giác xa lạ nhưng nó lại có ích nếu biết rằng việc hiểu “cái gì đang diễn ra” là một hoạt động mà các thành viên của bối cảnh đó tham gia vào, và là một trong những hành động được mong đợi của đời sống xã hội thông thường. Và đôi lúc cũng cần nhớ là mặc dù việc phân tích các dạng thức của đời sống xã hội ở thực địa của chúng ta thường hướng tới các độc giả và những mục đích bên ngoài địa điểm nghiên cứu, nhưng chúng ta cũng đang tìm cách để truyền tải một sự hiểu biết có tính trân trọng về thế giới và đời sống của những người được nghiên cứu.

## MÃ HÓA MỎ

Trong khi đọc các ghi chép điền dã một cách cẩn thận và kỹ lưỡng, nhà dân tộc học bắt đầu sàng lọc và phân loại những phân đoạn nhỏ của bản ghi chép điền dã bằng cách viết ra những từ và cụm từ để xác định, đặt tên cho các chiều kích và thể loại có tính phân tích cụ thể. Những mã như vậy có thể được viết ở bên lề của phần ghi chép điền dã liên quan, hoặc trên một trang giấy riêng (với sự đánh dấu nào đó để xác định vị trí của đoạn ghi chép điền dã được mã hóa), hay trong phần “nhận xét” của một số chương trình xử lý văn bản hay phần tử khóa trong một cơ sở dữ liệu văn bản. Khi mã hóa theo từng hàng như vậy, nhà dân tộc học xem xét tất cả các khả năng phân tích, cố gắng nắm bắt càng nhiều ý tưởng và chủ đề càng tốt trong thời gian cho phép, nhưng luôn gắn với những gì đã viết ra trong ghi chép điền dã. Nhà nghiên cứu làm như vậy mà không cần quan tâm đến việc làm thế nào hay liệu những ý tưởng, những thể loại cuối cùng có được sử dụng hay không, liệu những quan sát thích hợp khác có được thực hiện không, hay làm thế nào chúng khớp với nhau.

Về cơ bản, việc mã hóa các ghi chép điền dã theo cách này khác với cách mã hóa trong nghiên cứu định lượng. Với cách mã hóa định lượng, nhà nghiên cứu tiến hành suy diễn bằng cách xây dựng bảng hỏi với những thể loại lấy ra từ lý thuyết. Họ xếp các câu trả lời trong bảng hỏi vào những thể loại đã được định sẵn để quyết định tần suất của những sự kiện theo những thể loại này. Nghiên cứu định tính tiến hành quy nạp bằng cách viết các ghi chép điền dã phản ánh tầm quan trọng của các sự kiện và các trải nghiệm đối với những sự kiện này trong bối cảnh.<sup>4</sup> Mã hóa định tính là một cách mở ra những con đường để tìm hiểu: nhà nghiên cứu xác định, phát triển các khái niệm và những kiến thức phân tích thông qua việc xem xét cẩn thận và suy ngẫm về các dữ liệu ghi chép điền dã. Về cơ bản, cách mã hóa như vậy không hướng tới việc dán nhãn cho những đoạn hay mẫu dữ liệu để những gì “đi với nhau” có thể được gom vào một thể loại duy nhất; thay vào đó, nhà dân tộc học thực sự quan tâm đến các thể loại, nhưng không phải như một cách để phân loại dữ liệu mà là một cách để đặt tên, phân biệt và xác định nội dung có tính khái niệm và tầm quan trọng của

<sup>4</sup> Dĩ nhiên, nghiên cứu định lượng bao gồm các phân loại tương tự về việc tạo ra và trau chuốt các thể loại, tiêu biểu ở giai đoạn tiền kiểm nhưng không gọi đây là “mã hóa”.

những quan sát cụ thể. Tương phản với cách mã hóa trong định lượng, khi mã hóa trong định tính chúng ta đặt câu hỏi về các dữ liệu để phát triển, xác định, chi tiết hóa, và trau chuốt những kiến thức và các phân loại phân tích.

Trong một số trường hợp, nhà dân tộc học có thể sử dụng một trong những chương trình phần mềm phân tích dữ liệu định tính ngày càng tinh vi của máy tính (CAQDAS) để quản lý, mã hóa và phân tích dữ liệu. Nếu nhà dân tộc học đã có hàng trăm trang ghi chép điền dã và bản gõ băng, thì phần mềm mã hóa và truy xuất sẽ cung cấp nhiều cách hiệu quả để sắp xếp và quản lý các dữ liệu thực địa. Với một chương trình như vậy, nhà nghiên cứu thực địa có thể phân loại hay dán nhãn “các đoạn dữ liệu theo nội dung của chúng hay các nội dung quan tâm khác có trong chúng (mã hóa và lên danh mục)”, sau đó có thể thu thập hay truy xuất các đoạn dữ liệu đã được dán nhãn theo cách tương tự (Richards và Richards, 1994:446). Việc phân loại các dữ liệu thực địa thành những thể loại cố kết và tổng quát là điều thiết yếu khi phải làm việc với các hệ dữ liệu định tính khổng lồ. Các nhà nghiên cứu thực địa cũng có thể sử dụng các chương trình xây dựng lý thuyết tinh vi hơn (Fielding, 2001; Kelle, 2004; Weitzman và Miles, 1995) vốn không chỉ đơn thuần sắp xếp các dữ liệu đã được phân loại, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập luận và mã hóa thực sự. Những chương trình này tạo điều kiện cho nhà nghiên cứu đặt những mã cụ thể và chi tiết vào những phần ghi chép điền dã và phỏng vấn nào đó, để rồi nối kết những mã này với những mã và thể loại khác, và truy xuất tất cả các dữ liệu được ghi trong bất cứ mã nào. Các chương trình xây dựng - lý thuyết [xử lý] cũng cho phép nhà nghiên cứu thực địa tập hợp tất cả dữ liệu, mã, ghi nhớ và các phân tích hoàn chỉnh hơn trong một tập tin.<sup>5</sup>

Mặc dù rất hấp dẫn và có nhiều lợi ích tiềm năng (Corbin và Strauss, 2008; Fielding, 2001; Kelle, 2004), nhưng các chương trình phân tích định tính dựa trên máy tính cũng có một số giới hạn. Thứ nhất, nhà nghiên cứu thường phải tốn phí khởi động rất nhiều vì cần thời gian và công sức để nhập dữ liệu vào các định dạng phù hợp và phát triển cũng như xem xét các loại mã xuất hiện. Vì thế, các chương trình này không thuận tiện cho các sinh viên khi chỉ thu thập một lượng dữ liệu giới hạn cho các lớp học

---

<sup>5</sup> Corbin minh họa về việc sử dụng một trong những chương trình này, MAXQDA 2007, để phát triển và mở rộng các phân tích lý thuyết nền tảng về trải nghiệm của các cựu chiến binh trong chiến tranh Việt Nam; xem Corbin và Strauss, 2008.

nghiên cứu; trong trường hợp này, chúng ta nên sử dụng chương trình xử lý văn bản bình thường để sắp xếp các dữ liệu bằng cách đơn giản là tạo ra các tập tin mới sử dụng chức năng tô sáng và cắt dán để đưa vào các phân loại mã dưới dạng nhận xét bên lề. Thứ hai, thậm chí trong chương trình xây dựng lý thuyết, rất khó để chỉnh sửa các mã một khi đã được áp dụng vào các mẫu dữ liệu cụ thể, mặc dù những chỉnh sửa như vậy rất quan trọng. Thứ ba, các chương trình này có thể cuốn nhà nghiên cứu vào quy trình mã hóa có tính định hướng phân loại theo kiểu “làm cho nó phù hợp với một thể loại” có tính bề nổi; việc phân loại hời hợt này làm nhà dân tộc học không chú ý đến nhiệm vụ quan trọng là khi tạo ra các mã và thể loại mới, họ cần phải đọc đi đọc lại từng câu trong các ghi chép, suy nghĩ thật cẩn thận, sửa đi sửa lại các mã và thể loại trước đó. Corbin cảnh báo mối nguy hiểm này bằng phát biểu sau: “Máy tính có thể được sử dụng để mã hóa nhưng người phân tích phải hết sức cẩn thận để không rơi vào cái bẫy của việc chỉ chỉnh sửa các nhãn trên một mẫu giấy, sau đó đặt cả đống dữ liệu “thô” vào trong nhãn đó. Nếu nhà nghiên cứu làm như vậy, cuối cùng họ sẽ chỉ có một loạt khái niệm mà không có cái gì nói đến việc các dữ liệu đang nói lên điều gì. Thậm chí dù có máy tính nhưng nhà nghiên cứu vẫn phải dành thời gian để suy ngẫm các dữ liệu và viết các ghi nhớ” (Corbin và Strauss, 2008:163). Dù máy tính rất có ích nhưng chỉ bản thân nhà nghiên cứu mới có thể tạo ra, thay đổi và khái quát lại các diễn giải và phân tích.

Dù thực hiện bằng tay hay nhập dữ liệu bằng máy, thì cách mã hóa mở vẫn bắt đầu bằng việc nhà dân tộc học ngầm đặt câu hỏi về các mẫu dữ liệu ghi chép thực địa cụ thể. Khi đặt những câu hỏi như vậy, nhà dân tộc học dựa trên các nguồn lực đa dạng, gồm có sự trải nghiệm trực tiếp đời sống và các sự kiện trong bối cảnh; sự nhạy cảm với các định hướng và mối quan tâm của các thành viên; việc nhớ lại các sự việc cụ thể khác được miêu tả đâu đó trong các ghi chép; các chỉ dẫn và kiến thức được phát triển trong các nhận xét và ghi nhớ trong quá trình; trải nghiệm và kiến thức trước đó của một người có được trong các bối cảnh khác; các khái niệm và định hướng của chuyên ngành hay ngành khoa học của người đó. Không có gì là không liên quan!

Nhưng bí mật của mã hóa nằm ở chỗ biến các câu trả lời của những câu hỏi này thành một loại viết riêng biệt, đó là một từ hay một cụm từ ngắn có thể nắm bắt và báo hiệu cho những gì đang diễn ra trong một mẫu dữ liệu bằng cách nối kết nó vào một vấn đề phân tích khái quát hơn. Cách viết như

vậy nối kết chặt chẽ với các quá trình suy nghĩ và diễn giải mà nhờ đó nhà dân tộc học mới có thể “phát hiện ra” một mã để viết. Tiếp đến, việc viết ra các mã sẽ đưa một ý tưởng hay một khả năng trực giác thành một từ hay một cụm từ cụ thể khá súc tích, giúp kích thích, định hình, hạn chế suy ngẫm và suy nghĩ của nhà nghiên cứu. Mỗi quan hệ tương thuộc giữa suy ngẫm và viết lách được thể hiện phù hợp theo cách nói của John Forester (không có năm xuất bản), đó là “suy nghĩ bằng những ngón tay”.

Chúng tôi thấy các loại câu hỏi dưới đây hữu ích trong việc kiểm tra những ghi chép điền dã cụ thể:

- Người ta đang làm gì? Họ đang cố gắng đạt được cái gì?
- Chính xác họ làm điều này như thế nào? Họ sử dụng những phương tiện và/hay các chiến lược gì?
- Các thành viên nhắm đến, miêu tả và hiểu điều đang diễn ra như thế nào? Họ đưa ra những quan điểm nào?
- Tôi thấy cái gì đang diễn ra ở đây? Tôi đã học hỏi được gì từ những ghi chép này? Tại sao tôi lại đưa chúng vào?
- Những gì đang diễn ra ở đây giống và khác như thế nào so với những sự việc và sự kiện khác đã được ghi lại ở đâu đó trong ghi chép điền dã?
- Nội dung và tầm quan trọng rộng lớn hơn của sự việc, sự kiện này là gì? Nó là về trường hợp gì?

Những câu hỏi như thế phản ánh và thúc đẩy một số mối quan tâm đặc biệt có liên quan đến cách tiếp cận của chúng ta về miêu tả dân tộc học và viết ghi chép điền dã. Đầu tiên, những câu hỏi này ưu tiên *những quá trình* hơn là “nguyên nhân” hay “động cơ” tâm lý bên trong. Cụ thể, người ta ưu tiên cho những câu hỏi xác định cái gì đang diễn ra và theo trật tự nào, hơn là những câu hỏi “tại sao” xác định cái gì gây ra hay tạo ra một số hậu quả/kết quả. Theo nghĩa này, chúng tôi xem mã hóa mở như một phương cách để phát triển những diễn giải hay những chủ đề phân tích hơn là những giải thích có tính nguyên nhân.

Thứ hai, những câu hỏi này phản ánh sự nhạy cảm với những mối quan tâm, điều kiện và những ràng buộc có tính thực tiễn, mà các chủ thể gấp phải và giải quyết trong cuộc sống, hành động hàng ngày. Mỗi quan tâm tới những yêu cầu thực tiễn hay thực dụng đòi hỏi phải chú ý đến những cái

thường tình, thế tục, và đương nhiên hơn là chỉ chăm chú hay chủ yếu tìm kiếm những hành động, sự kiện kịch tính, hiếm có.

Thứ ba, những câu hỏi này có thể giúp xác định ý nghĩa và quan điểm của những người đang được nghiên cứu. Chúng tôi cố gắng đưa ra những câu hỏi để tìm ra việc các thành viên nhìn nhận và trải nghiệm các sự kiện như thế nào, tìm hiểu rằng họ xem cái gì là quan trọng và có ý nghĩa, khám phá việc họ quyết định, phân loại, phân tích, đánh giá các tình huống và hành động của bản thân và người khác như thế nào. Tuy nhiên, để tìm ra những vấn đề này, điều quan trọng đầu tiên cần phải làm rõ là trong những gì đã xảy ra thì nhà dân tộc học nhận thấy cái gì là quan trọng thông qua câu hỏi: "Tại sao mình đưa mục này vào trong ghi chép điền dã?". Điều quan trọng tiếp theo là phải đặt câu hỏi liệu có hay không và trên nền tảng nào mà các thành viên coi những sự kiện hay sự việc là có cùng tầm quan trọng. Những quy trình này khiến cho nhà dân tộc học biết đến những điều phức tạp có liên quan trong khi theo đuổi các ý nghĩa của các thành viên; nói cách khác, chúng nhắc nhở nhà dân tộc học là phải luôn viết các *diễn giải* của mình về những gì anh ấy/cô ấy cảm thấy là có ý nghĩa và quan trọng đối với các thành viên.

Cuối cùng, đặt những câu hỏi như vậy là cách đi xa hơn một sự kiện, hay một tình huống cụ thể được kể trong ghi chép điền dã, để xác định các khía cạnh hay vấn đề lý thuyết chung hơn. Như đã lưu ý ở phần trước, cách phân tích như vậy không phải là vấn đề của việc làm cho những điều quan sát được phù hợp với các thể loại phân tích đã thiết lập từ trước. Thay vào đó, nhà dân tộc học tham gia vào một quá trình phân tích tích cực, trong đó họ cố gắng xác định các dạng thức hay các thể loại chung do các sự kiện được miêu tả trong bản thân các ghi chép gợi ra. Một cách xử lý hữu ích ở đây là đặt câu hỏi rằng những điều quan sát hay sự việc hiện thời nào có liên quan như thế nào với các quan sát và sự việc khác. Việc so sánh chặt chẽ những sự việc và quá trình như vậy, chú tâm đến cả những điểm tương đồng lẫn dị biệt, thường có thể đưa ra những đặc điểm và các khía cạnh cốt yếu theo những cách cụ thể và chi tiết. Quá trình này dẫn đến việc xác định hay đặt tên cho những thể loại, trong đó ví dụ cụ thể này là "một trường hợp" giúp xây dựng các phân tích khái quát hơn.

Những câu hỏi như vậy sẽ dẫn đến các mã mà nhà dân tộc học viết ra bên lề ghi chép điền dã. Trong miêu tả dân tộc học của một sinh viên về công việc hướng dẫn đến chỗ ngồi, quá trình này được minh họa như sau:

Loại khán giả: đến trễ

Giữ các thành viên đến xem bên ngoài

Những người chờ đợi: giận dữ

Người đến trễ đòi sự ngoại lệ

Người quản lý can thiệp

Đỗ trách nhiệm

Làm dịu những người đến trễ

Làm cho mọi người bận rộn

Làm sao nhăng mọi người

Mỉm cười

Giảm thiểu sự chờ đợi

Những khán giả đi xem múa có xu hướng đến ngay lúc mở màn, vì thế chúng tôi phải giữ rất nhiều người bên ngoài. Ngày hôm nay cũng không khác gì. Tôi cho là chúng tôi đã có khoảng 50 người đang đợi bên ngoài sảnh từ số đầu tiên... Một người đàn ông bị chúng tôi giữ bên ngoài nổi giận. Anh ta đã vào bên trong nhưng lại đi ra ngoài vì lý do gì đó. Khi chúng tôi đóng cửa, anh ta bắt đầu kêu lên với người gác cửa. Anh ta nói là anh ta đã vào trong rồi - không giống như những người khác này là những người đến "TRỄ". Anh ta không đến trễ và không thể bị đối xử giống như họ! Người quản lý tòa nhà đi đến mỉm cười và giải thích cho anh ta biết bằng một giọng nhỏ nhẹ tại sao anh ta lại bị giữ bên ngoài - việc này do những vú công yêu cầu. Anh ta dịu xuống nhưng vẫn còn giận dữ. Anh ta chờ đợi và không nói lời nào, trừ lúc tôi đi đến. Tôi đi vòng quanh phát tờ chương trình để họ có thể đọc một cái gì đó và vì thế những người chỉ chỗ không phải phí thời gian làm điều đó khi những người này đi ngang qua cửa. Tôi cũng đi hỏi mọi người liệu có cần tôi cho họ biết họ sẽ đi lối nào để giúp người gác cửa bớt lúng túng hay không. Khi tôi đi đến chỗ người đàn ông này và hỏi liệu anh ta có muốn tôi nói cho anh ta cửa nào đi vào không, anh ta nói với giọng cáu bức là anh ta đã đi vào rồi và biết đi lối nào. Những người khác cũng giận dữ. Tôi chỉ biết mỉm cười và nói họ là chỉ vài phút thôi. Tôi nghĩ điều này sẽ làm dịu họ một chút bởi vì cái nhìn bức túc đã biến khỏi gương mặt họ.

Sinh viên dân tộc học này tập trung vào tình huống thực tế của những người chỉ chỗ ngồi, ngầm hỏi làm thế nào những người chỉ chỗ ngồi hiểu được hành vi và các sự kiện, và họ đã tương tác với nhau và với khách hàng ra sao để xoay sở các tình huống khó khăn. Cụ thể, mã “giữ các khán giả bên ngoài” và “làm dịu những người đến trễ” xác định một số quá trình cụ thể để giải quyết và xử lý những người đi trễ như những vấn đề của công việc thực tế. Nhà dân tộc học sau đó tự hỏi những người xếp chỗ ngồi đã làm những việc này như thế nào, dẫn đến một loạt các mã cụ thể hơn về việc “làm dịu”, chẳng hạn như “làm cho bận rộn”, “làm sao nhãng”, “mỉm cười” và “làm giảm thiểu sự chờ đợi”.

Các mã này bắt đầu xác định và chi tiết hóa một loạt các nét đặc thù có tính phân tích. Chẳng hạn, mã “đến trễ” dành cho một “loại khán giả” cụ thể; khi ghép mã “đến trễ” như là một “thể loại”, cô ấy khẳng định là đến trễ là một chuyện thường tình, hay xảy ra trong bối cảnh này và “đến trễ” là một trong những thể loại khách hàng. Khi xác định một loại khán giả, mã này đưa ra khả năng là cung hiện hữu các loại khách hàng khác, vì thế đưa đến câu hỏi rằng “những loại khách hàng” khác này có thể là ai. Ở đây, đó là một quá trình có tính biện chứng, bao gồm việc hỏi “trường hợp này là về cái gì?” hay “thể loại nào bao trùm hơn mà đây là một ví dụ?” Khi trả lời câu hỏi này, nhà nghiên cứu thực địa có thể dựa vào một loạt trải nghiệm và những loại kiến thức khác biệt: trải nghiệm của bản thân như là một người hướng dẫn chỗ ngồi, nhận thức của nhà nghiên cứu rằng giải quyết những người đến trễ là một vấn đề thực tế mà những người hướng dẫn chỗ ngồi thường gặp phải, trải nghiệm của bản thân như là người đến trễ trong một buổi biểu diễn, và hiểu rõ cách nghĩ theo kiểu xã hội học về việc chờ đợi là điều quan trọng để hiểu về sự khác biệt quyền lực (ví dụ, Schwartz, 1975).

Nhưng khi nghĩ là sẽ có những người đến trễ trong những buổi biểu diễn múa thì mã “những người chờ đợi giận dữ” phân biệt một loại khán giả, người đến trễ, là một nguồn phiền phức, cần quan tâm đặc biệt. Mã “người đến trễ đòi hỏi sự ngoại lệ” xác định cả những phản ứng mà người hướng dẫn chỗ ngồi phải giải quyết, những thể loại và nét đặc thù mà người đi trễ cụ thể này thể hiện. Các mã kế tiếp “người quản lý can thiệp”, “đỗ trách nhiệm”, “làm cho bận rộn” và “làm sao nhãng” xác định các dạng thức phụ của những phản ứng “hỗ trợ”. Những phản ứng này bao gồm cố gắng

của người quản lý để xoa dịu vị khách đang bức tức và nỗ lực của tác giả để làm cho đầu óc của các khán giả không nghĩ đến việc bị trễ nữa.

Do vậy, các mā lầy bắt cứ một sự kiện, sự việc hay đặc điểm cụ thể nào và làm cho nó có liên quan đến những sự kiện, sự việc hay các đặc điểm khác, rõ ràng phân biệt cái này với những cái khác. Bằng cách so sánh sự kiện này với những sự kiện khác “giống như vậy”, người ta có thể bắt đầu xác định *các khía cạnh* hay thể loại có tính phân tích chung hơn. Nhà nghiên cứu có thể làm điều này bằng cách đặt câu hỏi xem sự kiện thuộc về thể loại nào có tính khái quát hơn, hay bằng cách nghĩ về những tương phản cụ thể đối với sự kiện hiện thời. Chẳng hạn, phản ứng “giữ các khán giả bên ngoài” “sẽ kích thích sự quan tâm tới tình huống ngược lại (như “để cho những người đến trễ đi vào trong thời gian biểu diễn”), vì thế dẫn đến việc trông chờ xem các quan sát miêu tả sự việc này được xử lý như thế nào.

Mặc dù có nhiều mā được sử dụng ở đây bao gồm những mối quan tâm và những thuật ngữ cụ thể của các thành viên nhưng chúng tôi cũng thấy có sự chú ý đến ý nghĩa của các thành viên trong mā “khán giả đến trễ đòi hỏi sự ngoại lệ”. Mā này cố gắng nắm bắt đặc điểm riêng biệt thực sự mà vị khán giả này thể hiện khi tìm cách vào xem buổi biểu diễn - đó là một số người đến trễ, sau khi buổi biểu diễn đã bắt đầu, nhưng anh ta lại đến từ trước và hiện giờ đang muôn vào lại, vì thế anh ta “không trễ” và nên được đối xử khác với những người ở loại thứ nhất. Trong cách phản ứng của nhân viên, chúng ta thấy là thực tế đặc điểm này không thích hợp; đối với nhân viên, vấn đề ở đây không phải là việc xem xét tính công bằng và lẽ phải (“những người đến trễ thực sự” nên được đối xử khác với những người đã ra ngoài trong chốc lát và rồi quay trở lại), mà là sẽ diễn ra sự hỗn loạn nếu có ai đó được vào trong khoảng thời gian này.

Qua việc đọc từng hàng ghi chép điền dã ban đầu của mình, nhà nghiên cứu này bắt đầu giải thích các hoạt động làm việc theo trật tự xã hội của một người hướng dẫn chỗ ngồi cho các khán giả xem múa. Thông qua các ghi chép, cô ấy tiếp tục đặt câu hỏi: “Những người hướng dẫn chỗ ngồi hoàn tất công việc của mình bằng những quá trình nào?”. Và để trả lời, cô ấy sẽ đưa ra nhiều mā hơn; một số sẽ là các ví dụ tiếp theo hay những chi tiết về các mā trước đó, trong khi số khác sẽ đưa ra những chủ đề và mạch

phân tích hoàn toàn khác biệt. Chẳng hạn, khi đã mã hóa “những người chờ đợi: cáu giận”, ngầm chỉ sự giận dữ chỉ là một phản ứng trong thể loại chung về các phản ứng của khán giả, thì cô ấy có thể tiếp tục tìm kiếm các phản ứng khác. Cô ấy cũng có thể thắc mắc rằng: có phải lúc nào cũng xảy ra tình trạng như những điều đang diễn ra ở đây không? Trong những điều kiện nào thì nó xảy ra?

Tương tự, nhà nghiên cứu có thể xác định một trật tự hay tiến trình tự nhiên của các sự kiện hoặc các giai đoạn tạo thành hành động lớn hơn. Cô ấy có thể tiếp tục phát triển các chủ đề theo những mạch phát triển này bằng cách tiếp tục tìm kiếm những sự kiện được mong đợi hay thường xảy ra có vấn đề ở mỗi giai đoạn và các loại kỹ năng, thực hành được sử dụng để đối phó với chúng. Chẳng hạn, các chiến lược được ghi chú trong các mã “làm cho [các khán giả] bận rộn,” “làm sao nhăng”, và “mỉm cười” hàm chỉ là cô ấy tìm kiếm thêm các ví dụ để minh họa cho vấn đề chung về cách người hướng dẫn xoay sở, phản ứng, kiểm soát hay đối phó với các loại khán giả khác nhau.

Tóm lại, minh họa này cho thấy một số tính chất riêng biệt của việc mã hóa. Trong khi mã hóa định tính hướng đến độ tin cậy những người tạo mã khác nhau khi cùng phân loại một hệ dữ liệu giống nhau sẽ làm theo cùng một cách thì các nhà dân tộc học khi mã hóa cùng một hệ ghi chép điền dã sẽ làm rất khác nhau. Cụ thể, nền tảng chuyên ngành và mối quan tâm riêng biệt sẽ có ảnh hưởng sâu rộng đối với mã hóa phân tích: Các nhà nhân học làm việc với khái niệm văn hóa chẳng hạn có thể hình thành các thể loại phân tích khác với các nhà văn hóa dân gian quan tâm đến diễn xướng và những động thái của sự tương tác giữa người trình diễn và khán giả. Sự khác biệt về lý thuyết trong một ngành có thể tạo ra các đa dạng đặc trưng trong mã. Chẳng hạn, hai nhà xã hội học nghiên cứu các hộ gia đình có thể viết và mã hóa các ghi chép điền dã của họ theo những cách khá khác nhau (chúng tôi cho là, thậm chí cả khi họ thực hiện nghiên cứu trong cùng một bối cảnh); một người có thể tập trung việc mã hóa vào hậu quả của chính sách kinh tế, vào mối quan hệ gia đình và phân công lao động, người kia thì quan tâm đến những công việc vô hình của phụ nữ trong gia đình. Tóm lại, không có cách duy nhất và đúng đắn nào để mã hóa các ghi chép điền dã, bởi vì các nhà nghiên cứu dân tộc học cuối cùng sẽ quyết định cái nào trong

số các dạng thức và ý tưởng có thể có, bao gồm sự quan tâm và chú ý của thành viên, sẽ được chọn như là một tâm điểm.

### *Mã hóa mở như một quá trình*

Trong khi cách hữu ích nhất thường được dùng để bắt đầu mã hóa là tập trung vào một thuật ngữ trong các ghi chép - dù là thuật ngữ của nhà nghiên cứu hay của các thành viên - thì nhà nghiên cứu cũng sẽ tìm cách biến đổi thuật ngữ đó để nó đề cập đến một thể loại khái quát hơn. Tuy nhiên, ở một thái cực khác, sẽ không hữu ích khi dùng các thể loại chung như là các mã. Chẳng hạn, không thể áp đặt mã "kiểm soát xã hội" cho việc nhân viên lục soát phòng của các học viên để tìm các "tin liên lạc" và các hình thức kết bằng nhóm khác ở một trường cải tạo. Thể loại này quá rộng và không có liên kết cụ thể nào với các sự kiện và thực hành được miêu tả trong các ghi chép. Nhưng, một mã như "kiểm soát của các nhân viên - lục soát phòng" sẽ phân loại những hoạt động của các nhân viên này là một loại kiểm soát cụ thể và có lẽ kích thích nhà nghiên cứu quan tâm và xác định các dạng thức khác của mã "kiểm soát của các nhân viên".

Khi tạo mã mở, nhà dân tộc học cũng cố gắng tạo ra càng nhiều mã càng tốt, ít nhất là ở giai đoạn đầu mà không cần quan tâm đến việc chúng có thích hợp với các khái niệm đã có của ngành hay không hoặc tâm điểm lý thuyết chủ yếu để phân tích và sắp xếp chúng là gì. Cụ thể, không nên tránh các thể loại mã chỉ vì chúng không phù hợp với "tâm điểm" ban đầu của nhà nghiên cứu; tâm điểm này sẽ thay đổi khi nhà nghiên cứu đọc các ghi chép. Thay vào đó, tất cả các ý tưởng và khái niệm có thể được nối kết hoặc được tạo ra từ những ghi chép điền dã cụ thể, nên được xem như là các mối quan tâm có thể có, khuôn vào và thể hiện càng rõ ràng, dứt khoát càng tốt. Vì thế, bắt cứ thể loại mã cụ thể nào không nhất thiết phải có liên kết với những mã khác hay với những dữ liệu thực địa khác; có thể có sự hợp nhất các thể loại sau đó và người ta không nên bỏ qua hay coi nhẹ các mã hóa chỉ bởi vì chúng không đưa ra những viễn cảnh rõ ràng cho việc hợp nhất vào một tâm điểm quan trọng hay với các thể loại đang có khác.

Để minh họa, hãy xem xét mã mở dưới đây về một sự việc của một nhóm hỗ trợ cho những người chăm sóc các thành viên gia đình mắc bệnh Alzheimer.

Buồn phiền: mất trí nhớ;  
lái xe tệ

Bác sĩ không "giúp"  
Tim lòi khuyên

Gia đình gây áp lực lên bác sĩ

Kiểm tra y tế → không kết quả

Không dựa vào bác sĩ

Đi DMV

Không có med dx

Lời khuyên: va chạm với bác sĩ

Liệu pháp thực tế: lừa dối

Liệu pháp đề nghị sẽ không thực hiện được

"nói chuyện với"

Lucie nói là chồng cô ấy có sức khỏe tốt, ngoại trừ những triệu chứng như mất trí nhớ, lái xe tệ và nguy hiểm. Bác sĩ không làm gì được để ngăn ông ấy lái xe. Cô ấy hỏi: "Mọi người nghĩ sao?". Một số thành viên khác nói: "Đổi bác sĩ đi". Lucie giải thích là bác sĩ là bạn của gia đình. Con trai cô ấy đã nhấn mạnh với vị bác sĩ là việc lái xe của người cha là nguy hiểm và họ có thể bị dính dáng đến pháp luật. Vị bác sĩ đã làm kiểm tra catscan nhưng không có kết quả.

Pat, người lãnh đạo nhóm, đề nghị: "Cô tự làm đi". Cô ấy đề nghị Lucie đi đến DMV. Lou nói là cô ấy nghĩ có một luật mới quy định là bắt cứ ai bị đần độn, kể cả bệnh Alzheimer thì không được lái xe. Lucie nói: "Nhưng tôi không có tên trong đó. Đó là điều cản trở hành động. Tôi quá thất vọng."

Vic nói: "Không phải điều quan trọng đối với bác sĩ là bảo ông ta không lái xe sao?". Lucie nói: "Tại sao ông ta không làm như vậy? Có lẽ ông ta quá thẫn và không muốn bị dính líu". Lou: "Còn Nicholson thì sao? Ông ta là một chuyên gia tâm thần lão khoa". Những người khác đề nghị cô ấy giấu chìa khóa xe. Joey nói: "Cô cần phải nói dối ông ta". Lucie nói: "Tôi phải nói là tôi đã làm như thế". Joey bảo rằng: "Tất cả chúng ta đã làm vậy" ... Lucie nói về chìa khóa xe, anh ta [chồng Lucie - ND] biết là có một chùm thứ hai. Một người phụ nữ khác nói là cô ta đã nói với chồng mình và ông ta không lái xe nữa. "Tôi đã làm như vậy. Không có tác dụng". Một người nào đó nói: "cô cần phải tìm một bác sĩ tốt để chữa trị". Lucie: "Đó là điều tôi nghĩ". Những người khác trong nhóm đồng ý.

Thông qua những mā bên bì này, nhà nghiên cứu thực địa đã xác định một loạt vấn đề có liên quan lỏng lẻo với nhau (hay thậm chí không liên hệ với nhau):

- Các bệnh nhân Ahzheimer lái xe có thể nguy hiểm; những người chăm sóc tại gia đình có thể tích cực quản lý những ai khăng khăng tiếp tục lái xe;
- Chữa trị bằng thuốc có thể đóng một vai trò quan trọng trong nỗ lực của những người chăm sóc để quản lý các hoạt động của bệnh nhân;
- Những người chăm sóc có thể thất vọng về các bác sĩ, người không nhạy cảm với các mối quan tâm gia đình và không có gắng hỗ trợ họ;
- Các thành viên nhóm hỗ trợ có thể đưa ra những cách để vượt qua các trở ngại do bác sĩ gây ra;
- Các thành viên nhóm hỗ trợ có thể đề nghị các liệu pháp thực tế khác nhau giúp ngăn cản người bệnh Ahzheimer lái xe.

Một số mā này phản ánh các vấn đề mà nhà nghiên cứu thực địa quan tâm ngay từ lúc đầu: “những vấn đề” thực tế và con người đáp ứng với hay “liệu pháp” cho những vấn đề như thế (Emerson, 2008; Emerson và Messinger, 1977). Nhưng trong số những mā này, có nhiều mā chi tiết hay cụ thể hóa một khái niệm đã có sẵn trước đó theo những cách không có gì mới mẻ và bất ngờ, chẳng hạn xem “giáu chìa khóa” như là một liệu pháp thực tiễn cho việc lái xe gây nguy hiểm. Những mā khác xác định những vấn đề hoàn toàn bất ngờ; chẳng hạn như, các bác sĩ vừa như rào cản vừa như liên minh để có thể giải quyết những tài xế không đủ năng lực lái xe.

Ngay lúc nhà dân tộc học đọc xong toàn bộ hệ thống các ghi chép điền dã thì các thể loại và chủ đề của họ sẽ thay đổi về cơ bản. Nhiều thể loại sẽ bị bỏ đi khi nhà nghiên cứu tập trung và nhận thức về những cái khác, đó là các vấn đề đáng quan tâm và diễn ra thường xuyên hơn. Hơn thế nữa, quá trình tạo ra các mā có thể giúp làm rõ ý nghĩa hay nội dung của các ghi chép trước đó cũng như các mā sẽ xuất hiện trong tương lai, vì mā hóa định hình và có thể thay đổi cảm giác của nhà nghiên cứu thực địa về những gì các ghi chép “đã bao hàm” lúc đầu. Như một sinh viên nhận xét: “Bạn cảm thấy bạn biết rõ các ghi chép của bạn bởi bạn viết ra chúng, nhưng có điều là, bạn đã viết chúng cách đây quá lâu đến nỗi nó không còn khớp nữa.”

Nhiều sinh viên cho biết sự tiến triển đường như là một đặc điểm thường có của việc mã hóa mà lúc đầu có vẻ khiến chúng ta nản lòng và lúng túng:

Quá trình mã hóa, nó diễn ra một lần và sau đó diễn ra tiếp. Tôi kết thúc việc mã hóa hết lần này đến lần khác... Tôi phải vượt qua chuyện có thể tôi đã làm sai, hay tôi thực sự sẽ không tìm ra bất cứ thể loại tốt nào hay các sự việc sẽ không liên quan với nhau. Tôi phải vượt qua nỗi sợ khi nghĩ là sẽ không có gì ở trong ghi chép của tôi hết.

Mã hóa thực sự bất ổn, vì nó không đơn thuần là vấn đề "phát hiện" những gì có trong dữ liệu mà là kết nối sáng tạo hơn những sự kiện và quan sát cụ thể với những thể loại và vấn đề có tính phân tích chung hơn. Mặc dù các nhà nghiên cứu chắc chắn dựa trên những khái niệm của các chuyên ngành cụ thể và phát triển các mối liên kết, nhưng mã hóa giúp họ tập trung và bám sát vào dữ liệu hơn. Thông thường khi nhà nghiên cứu đã quen với các khái niệm và những mối quan tâm chủ yếu của ngành, họ sẽ nhanh chóng thấy được một đoạn dữ liệu sẵn có phù hợp với những điều đó như thế nào; nhưng có những lúc nhà nghiên cứu phải quay sang những bài viết cụ thể mà họ chưa từng đọc để tìm các khái niệm thích hợp. Khi có thời gian, việc thực hành và tiếp xúc rộng rãi hơn trong một chuyên ngành sẽ giúp nhà nghiên cứu có được sự tự tin để tạo ra những kết nối có tính phân tích, và việc mã hóa trở nên ít gây đe dọa và bất an hơn.

Cách tiếp cận có kết thúc mờ này có thể dẫn đến sự lo lắng ở các cấp độ khác nhau: Một số nhà nghiên cứu cảm thấy họ chưa bao giờ có thể tập trung đặc biệt cho một bài viết. Số khác thấy việc mã hóa theo từng hàng mắt thời gian và chán ngắt, muốn tập trung vào một số ít các chủ đề để đi nhanh mà không mất nhiều nỗ lực "uống công". Số khác vẫn thể hiện mối quan tâm với quy trình tìm kiếm để tạo ra rất nhiều mã khác nhau, mâu thuẫn với những gì họ đã được dạy về "logic" (ví dụ, lên kế hoạch cẩn thận trước) suy nghĩ và viết. Hãy xem xét bình luận của hai sinh viên sau đây:

Tôi không có bất cứ thể loại nào trước khi tôi bắt đầu. Tôi chỉ đang nhìn các ghi chép và ghi nhanh các mã xuống, nhưng không có vẻ là tôi đang thực hiện nó một cách logic.

Tôi xem qua hai hay ba tập hợp ghi chép, có quá nhiều chủ đề ngẫu nhiên, lặp lại và không có cái nào được sắp xếp theo tổ chức cả.

Nhưng cái khó ở việc điều khiển các ghi chép điền dã là các mā sē dẫn đến nhiều hướng khác nhau, lại thực sự là một điều tốt ở giai đoạn này; các mā như vậy sē cho chúng ta thấy vô số vấn đề và xu hướng có thể có. Đặc biệt ở giai đoạn đầu của việc tạo mā, chúng tôi thấy không nên theo những khuynh hướng này mà chỉ nên tập trung vào những chủ đề và chủ đề phụ cụ thể trong khi vẫn tiếp tục xem xét tỉ mỉ các ghi chép điền dã và tạo thêm các mā.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng thấy là việc liên tục tạo mā có thể gây ra một sự chán nản rất lớn khi các ý tưởng đã bắt đầu kết hợp lại thành một khối; việc tạo mā liên tục thực sự có thể làm mất đi khả năng tập trung cụ thể vào lúc mà lẽ ra nên có và cần thiết phải làm như thế. Vì thế, một chiến lược tạo mā mở *chọn lọc* là nhà điền dã sử dụng những quy trình này ở những thời điểm khác nhau và với những tập hợp ghi chép điền dã riêng biệt có thể sē thích hợp. Chẳng hạn, người ta có thể bắt đầu tạo mā mở một cách hệ thống, nhưng sau đó, khi xem xét kỹ hầu như toàn bộ các ghi chép điền dã thì sẽ mã hóa những phần ghi còn lại và tái mã hóa những ghi chép đã được mã hóa trước đó một cách chọn lọc, tập trung vào những sự việc “then chốt”, “phong phú”, hay “có tính biểu lộ”.

## VIẾT CÁC GHI NHỚ MÃ HÓA

Lấy cảm hứng từ việc mã hóa các ghi chép điền dã và việc đọc lại các ghi nhớ trong quá trình, nhà điền dã bắt đầu phát triển, lưu giữ và chi tiết hóa những ý tưởng này bằng cách viết các ghi nhớ mã hóa có tính lý thuyết (Strauss và Corbin, 1990). Trong khi nhà dân tộc học cố gắng đọc và mã hóa tất cả các ghi chép điền dã, anh ta có thể chuyển từ việc đang mã hóa sang viết ghi nhớ vào bất cứ lúc nào, tìm kiếm để đưa các ý tưởng và các kiến thức vào trang viết khi chúng xuất hiện. Anh ta cũng có thể đọc lại các ghi nhớ trong quá trình đó, bỏ đi một số trong khi điều chỉnh và chi tiết hóa các ghi nhớ khác bằng các quan sát và kiến thức có được từ việc mã hóa. Chúng tôi khuyến khích viết các ghi nhớ về càng nhiều ý tưởng, vấn đề và định

hướng càng tốt. Trong khi một số ý tưởng này phản ánh các mối quan tâm và kiến thức mà nhà thực địa có được khi đọc, thì các ý tưởng khác phát triển từ việc tái tham gia vào các khung cảnh và sự kiện được miêu tả trong ghi chép điền dã.

Một cách sử dụng ghi nhớ mã hóa là xác định và viết về các quá trình cốt lõi khắc họa những điều người ta nói và tương tác trong một bối cảnh cụ thể. Trong ghi nhớ dưới đây, một nhà thực địa trong chương trình điều trị cho những người đã làm nghề mại dâm trước đây dần dần nhận ra là những phụ nữ có liên quan đến chương trình luôn khắc họa các vấn đề của họ như là những người nghiện thuốc chứ không phải là những gái mại dâm. Sau đó, cô ấy sắp xếp ghi nhớ này xoay quanh cuộc nói chuyện của một cư dân để minh họa cho việc đặt sự ưu tiên điển hình này vào việc vượt qua các vấn đề của việc nghiện hút:

Việc được chấp nhận vào chương trình [điều trị - ND] dựa trên những đặc điểm nhận dạng bên ngoài của phụ nữ như là các cô gái mại dâm; tuy nhiên, đặc điểm nhận dạng được thể hiện ở nền tảng của chương trình phục hồi của họ thì lại là đặc điểm của những người nghiện hút. Khi thảo luận các hành vi xấu và các đặc điểm lệch chuẩn dẫn đến việc họ bị đưa vào trung tâm, các phụ nữ nói về sự nghiện ngập của họ biểu hiện ra bên ngoài như thế nào. Tương tác dưới đây là giữa Melinda, một cư dân 21 tuổi của trung tâm và tôi, nhà dân tộc học.

Tôi gật đầu đáp lại và Melinda nói: "Tôi rất mừng là đã tỉnh táo, giờ đây tôi hạnh phúc và không còn dùng ma túy nữa. Nhưng đối với tôi, ba mươi ngày đầu tiên dễ dàng hơn ba mươi ngày sau". Cô ấy nhìn xuống sàn và nói: "Tôi từng thức dậy và thấy bức mình, chán nản và cần phải dùng [ma túy]. Tôi chỉ sử dụng nó để vượt qua một ngày, vượt qua chuyện buồn phiền... chỉ để vượt qua một ngày làm việc". Cô ấy cười và nói với vẻ mặt nhăn nhó: "Tôi đã từng muôn vui vẻ đến nỗi tôi kiềm cớ với kẻ môi giới của tôi, tôi đã từng nói với hắn là đó là một ngày buồn té, chỉ để có thể vui vẻ."

Melinda bày tỏ lòng biết ơn đối với chương trình bằng cách thể hiện ý kiến tích cực về việc không say thuốc, và gián tiếp cho biết vai trò gái mại dâm chỉ là thứ yếu so với mong muốn được có và sử dụng ma túy. Melinda đặt vị trí quan trọng của vấn đề dùng thuốc hơn so với việc làm gái mại dâm khi nói: "Tôi đã từng muôn vui vẻ đến nỗi đi kiềm cớ với kẻ môi giới của tôi". Ở đây, chúng ta thấy Melinda đề cập đến mại dâm như là hành vi thứ yếu so với mong muốn

được dùng thuốc như thế nào. Theo cách này, Melinda đặt đặc điểm nhận dạng của mình là người nghiện thuốc như nét nổi bật trong lối sống trước đây của cô ấy. Cô ấy còn nói: "Trước đó, khi tôi gặp mẹ tôi, tôi thấy dễ chịu, và đây là lần đầu tiên tôi thấy không vui". Vai trò của cô ấy như là một người con gái và như là một gái mại dâm được đặt sau đặc điểm nhận dạng là người nghiện ma túy.

Ngoài ra, đặc điểm nhận dạng hiện thời của Melinda ở trung tâm cũng xoay quanh chuyện cô ấy có hay không không nghiện thuốc. Cô ấy nói: "Tôi vui vì tôi tinh táo... Nhưng đối với tôi, ba mươi ngày đầu tiên dễ dàng hơn ba mươi ngày tiếp theo". Ở đây, chúng ta thấy được làm thế nào thời gian của cô ấy ở trung tâm, hay thời gian "phục hồi", không liên quan gì đến việc khi nào cô ấy ngừng đi khách (mà chúng ta thấy đã kết thúc trước khi cô ấy lệ thuộc vào thuốc phiện); thay vào đó, thời gian này dựa trên "các ngày tinh táo" của cô ấy...

Cuối cùng, Melinda tiếp tục nhận diện mình như là một người nghiện hay ma túy vẫn là một vấn đề, khi cô ấy nói "ba mươi ngày đầu tiên dễ dàng hơn ba mươi ngày tiếp theo". Cô ấy đang ở tháng thứ hai của "việc phục hồi", và vì thế, nhấn mạnh rằng việc nghiện thuốc là một cuộc đấu tranh đang tiếp diễn. Vì thế, chúng ta thấy là việc nhận dạng một người nghiện được xây dựng và trình bày như là một "nhược điểm" quan trọng và có vấn đề nhất mà các phụ nữ trong trung tâm đang phải đấu tranh để chống lại.

Chú ý mục đích hạn chế của ghi nhớ phân tích này: Nó xem xét chi tiết một đoạn đối thoại để hình thành các cách một cô gái nhấn mạnh nhận dạng của cô ấy như là một người nghiện chứ không phải là gái mại dâm. Mặc dù nhà nghiên cứu trình bày điều này như một dạng thức chung của những người trong chương trình, nhưng cô ấy đã không nỗ lực đưa ra chứng cứ cho tuyên bố khái quát này, để xem xét "các trường hợp ngoại lệ". Đó là những phụ nữ xem mình là gái mại dâm, những tình huống cụ thể trong đó phụ nữ nhấn mạnh đến việc họ là gái mại dâm thay vì là người nghiện thuốc, v.v. Ngoài ra, cô ấy cũng không chịu định vị những lý do chung cho việc tại sao người ta lại thích nhận diện mình là người nghiện hơn là gái mại dâm, cũng như hàm ý sâu xa về các kết quả và số phận của các trại viễn trong chương trình này hay chương trình khác.

Nhà dân tộc học cũng có thể sử dụng ghi nhớ ban đầu để cố gắng nhận dạng và xem xét một dạng thức hay chủ đề chung xuyên suốt trong các sự việc hay sự kiện riêng rẽ. Theo mạch này, ghi nhớ dưới đây từ một nghiên

cứu về sự hỗ trợ và tương tác giữa các nhân viên tòa án (thư ký, người ghi âm, chấp hành viên), xem xét các dạng thức của việc “duy trì tính cộng đồng và tính nội bộ” trong tiến trình của tòa án:

Các ví dụ về “sự duy trì cộng đồng và tính nội bộ” có khuynh hướng xuất hiện trong suốt khoảng thời gian chết (thời gian nghỉ), vào những ngày thoái mái có ít việc và cũng là khi kết thúc các phiên xử trong ngày... Chẳng hạn như, sau phiên xử ngày hôm nay, tất cả người tham gia chủ động tìm sự tương tác ngoại trừ viên thẩm phán, người luôn rời khỏi phòng. Cách thức của họ bao gồm việc nhìn nhau, đi lại chỗ ngồi của nhau, nói đùa, và cắt ngang các cuộc nói chuyện. Theo cách này, thông tin có thể được chia sẻ và thể hiện quan điểm.

Loại tương tác này có thể được phân biệt với việc nói chuyện phiếm trong lúc giải lao của những người tham gia vào các sự kiện. Sự tham gia mạnh mẽ đồng nghĩa với việc có tính cộng đồng và nội bộ; sự tham gia yêu thương đương với việc nói chuyện phiếm, thể hiện qua sự tương tác ngắn và thiếu sự giao tiếp bằng cái nhìn và cảm xúc.

Ở đây, nhà nghiên cứu thực địa xác định dạng thức thường xuyên của việc nói chuyện, hành động sôi nổi và mạnh mẽ hơn giữa các nhân viên tòa án mà cô ấy đặt trong sự tương phản với những dịp mà tương tác ít có sự lôi kéo hơn (“nói chuyện phiếm”). Trong ghi chép của mình, cô ấy đưa ra một số quan sát ban đầu về việc *khi nào* dạng thức về sự liên hệ này sẽ xuất hiện (trong các cuộc nghỉ giải lao, vào những ngày xử nhẹ nhàng, v.v.), cũng như *về* việc dạng thức này bao gồm *cái gì* (chủ động tìm kiếm người khác, nói đùa, v.v.).

Tóm lại, việc tạo mã và viết ghi nhớ ban đầu đòi hỏi nhà dân tộc học phải thoát ra khỏi bối cảnh thực địa để xác định, phát triển, điều chỉnh các chủ đề và tranh luận có tính phân tích rộng lớn hơn. Trước đó, những nỗ lực này nên duy trì sự linh hoạt và cởi mở, khi nhà dân tộc học đọc, mã hóa và phân tích các ghi chép điền dã để thúc đẩy một loạt ý tưởng, nối kết và liên hệ mới. Tuy nhiên, cuối cùng nhà dân tộc học sẽ đi xa hơn những quy trình cởi mở có tính tổng thể này, để theo đuổi những chủ đề có tính phân tích và tập trung một cách sâu sắc hơn. Thoạt đầu, quá trình thu hẹp và tập trung này bao gồm việc chọn lựa một số ít các chủ đề cốt lõi mà nhà nghiên cứu sau đó sẽ theo đuổi thông qua việc mã hóa tập trung và ghi nhớ có tính hợp nhất.

## LỰA CHỌN CHỦ ĐỀ

Thông qua việc mã hóa và ghi nhớ ban đầu, nhà dân tộc học xác định nhiều ý tưởng và chủ đề hơn là những gì họ thực sự có thể theo đuổi trong một bài viết hay một chuyên khảo. Ở đây, họ phải quyết định những ý tưởng nào nên thăm dò tiếp và cái nào để qua một bên, ít nhất là trong chốc lát.

Nhà nghiên cứu thực địa có các cách khác nhau để lựa chọn chủ đề cốt yếu. Nhà dân tộc học có thể bắt đầu bằng việc mã hóa các ghi chép điền dã theo tiêu đề và chủ đề mà họ đã xác định và bắt đầu phát triển khi viết các ghi nhớ trong quá trình đó. Trong mã hóa mở, nhà dân tộc học có thể tìm hiểu chi tiết, đào sâu, trau chuốt hay loại bỏ các tiêu đề được phát triển trước đó. Nhưng do họ không bị bó buộc bởi phân tích ban đầu trước đó, nên mã hóa mở tạo cơ hội cho việc phát triển các chủ đề và kiến thức mới khi nhà dân tộc học xem xét toàn bộ các ghi chép của mình một cách tinh tường. Điều cần cân nhắc là phải dành ưu tiên cho những chủ đề đã thu thập được một số lượng đáng kể các dữ liệu và chủ đề phản ánh các dạng thức lặp đi lặp lại, tiềm ẩn của các hoạt động trong bối cảnh đang nghiên cứu. Nhà điền dã cũng có thể dành ưu tiên cho những gì dường như quan trọng đối với các thành viên, liệu nó có phải là cái họ cho là quan trọng, là cái nhìn có vẻ trên thực tế là quan trọng, hay là cái chiếm nhiều thời gian và công sức của họ. Chẳng hạn, một nhà nghiên cứu đang viết ghi chép điền dã khi thực tập ở văn phòng quản chế của một hạt, đã miêu tả quá trình sau:

Tôi đang xem qua [các ghi chép] và cứ suy nghĩ về mọi việc, chẳng hạn như chúng tôi làm tất cả công việc giấy tờ này, người ta phải ký cái này, cái kia và tôi bắt đầu có cảm giác về vấn đề lớn hơn rằng văn phòng giải quyết quá nhiều công việc giấy tờ như thế nào? Đến khi tôi xem qua nó, tôi thấy là “Ồ, rất nhiều lần chúng tôi giúp đỡ nhau giải quyết”. Một nhân viên tập sự sẽ nói tôi đã gặp khách hàng của bạn ngày hôm qua ở Hạ viện; đó sẽ tính như là một cuộc tiếp xúc thêm [một loại tiếp xúc phải được ghi chép trong công việc giấy tờ] cho bạn vì tôi đã gặp anh ta. Có những con đường tắt như thế. Có những báo cáo tóm tắt được gọi là “hàng quý”, tóm tắt cơ bản công việc ba hay bốn tháng trong một tờ giấy. Vì thế ba hay bốn việc như vậy là những chủ đề phụ của vấn đề lớn hơn này.

Khi xem xét những ghi chép của mình, nhà nghiên cứu này bắt đầu chú ý đến những nhiệm vụ khác nhau mà các nhân viên tập sự phải hoàn tất với độ nhạy cảm trong các điều kiện và những ràng buộc của công việc. Nhìn vào những gì các nhân viên quản chế thực sự làm với những ràng buộc cuộc và cơ hội thực tiễn do những tổ chức khác đưa ra - cảnh sát, bệnh viện, v.v. - tạo một khung sườn để gom lại những gì mà thoát đầu dường như là những nhiệm vụ riêng rẽ. Phát hiện ra những chủ đề thêm vào của loại này sẽ hướng dẫn cho việc đọc và mã hóa phần còn lại trong những ghi chép của cô ấy.

Nhà thực địa cũng phải xem xét một chủ đề được lựa chọn có thể liên hệ như thế nào với những chủ đề rõ ràng khác. Một chủ đề cho phép nhà nghiên cứu tạo ra những mối liên kết với những vấn đề khác được ghi chép trong dữ liệu sẽ hứa hẹn nhiều ích lợi. Tìm ra những cách mới để nối kết các chủ đề với nhau sẽ dẫn đến khả năng một số chủ đề này có thể được xem như không có liên hệ và nhiều khả năng bị bỏ qua nhưng thực sự lại có thể được sáp nhập trở lại như là "các chủ đề phụ" trong chủ đề khái quát hơn.

Trong quá trình xác định các chủ đề có nhiều triển vọng và cố gắng tìm ra những mối liên kết có thể có, nhà nghiên cứu thực địa trong chốc lát có thể mắt đi cảm giác tập trung và phải làm việc lại với các ý tưởng cho đến khi có thể làm rõ lại vấn đề. Một sinh viên nghiên cứu bằng nhóm xã hội ở một trường trung học công bắt đầu việc mã hóa với một cảm nhận rõ về những gì sẽ viết trong bài, nhưng đồng thời cũng nhận thấy sự thay đổi trong phương hướng của mình. Cô ấy thể hiện những quá trình này trong một cuộc phỏng vấn:

Đầu tiên, tôi nghĩ tôi sẽ giải thích như thế nào khi đối mặt với việc cắt giảm ngân sách, một người nào đó vẫn có thể giữ một chương trình, tiếp tục một chương trình ngoại khóa giống như chương trình này. Và sau đó khi lắng nghe các cách người giáo viên đó đã làm, tôi đi đến ý tưởng là thầy ấy phải làm mọi việc để giữ tất cả những đứa trẻ này làm bạn với nhau. Và sau đó tôi đã nghĩ, chờ đã, bản thân nó có thể là một chủ đề tổng thể. Có quá nhiều điều đang diễn ra. Làm thế nào tôi giải thích trong bài viết của mình các băng nhóm xã hội khác nhau có 110 đứa trẻ; có quá nhiều băng nhóm xã hội? Và sau đó tôi bắt đầu xem xét các mối quan hệ mà các học sinh có với nhau trong nhóm và ngoài nhóm.

Đó là điều khác thường nhất. Tôi làm hỏng bài viết của mình! Tôi càng mã hóa thì tôi lại càng làm hỏng bài viết của mình.

Cuối cùng, sinh viên này chuyển sự tập trung của mình từ sự khác biệt giữa các băng nhóm xã hội sang việc làm thế nào người giáo viên giữ được chương trình tiếp tục cả trong tình trạng cắt giảm ngân sách và các khuynh hướng phân chia của những băng nhóm khác biệt này. Điều được báo cáo tiêu cực là “làm hỏng bài viết của cô ấy” thật sự cho thấy một hướng mở với những ý nghĩa và con đường mới để kết nối mọi thứ với nhau.

Các sinh viên tham gia vào quá trình này thường nói về một chủ đề cụ thể “nhảy bổ vào họ” hay một cách khác, về điểm “tập trung” của tác phẩm miêu tả dân tộc học “đang dần biến mất”. Kinh nghiệm này quá mạnh mẽ và phổ biến đến nỗi cần phải nhắc lại hai vấn đề có liên quan chặt chẽ với nhau đã được nói đến từ trước. Đầu tiên, trong khi nhà dân tộc học thường trải nghiệm “một điều gì đó đang diễn ra trong các ghi chép” thì các ghi chép điền dã và ý nghĩa của chúng đều không phải là cái gì đó “nằm bên ngoài” được đưa vào sau khi chúng được viết ra. Thay vào đó, với tư cách là người viết ra các ghi chép từ lúc đầu, nhà dân tộc học đang tạo ra và phát hiện ý nghĩa của và trong các ghi chép ngay từ đầu. Những sự nhạy bén cụ thể đã dẫn đến việc viết về một số chủ đề này thay vì những chủ đề khác; những nhạy cảm này có thể xuất phát từ những cam kết và cảm nhận cá nhân, cũng như từ những kiến thức chuyên ngành của họ và các nghiên cứu của ngành và/ hay người dạy khóa học. Thứ hai, khi một nhà dân tộc học nghĩ là anh ấy có “một lượng thông tin đáng kể” về một chủ đề thì không phải là do có sẵn một điều gì đó trong dữ liệu; mà là do nhà dân tộc học đã diễn giải, tổ chức và đem những dữ liệu quy về một chủ đề.

Một khi nhà dân tộc học đã xác định hệ thống các chủ đề chính yếu để sau đó phân tích thì anh ấy có thể cảm thấy hữu ích khi phân loại các ghi chép điền dã dựa trên nền tảng những chủ đề này. Ở đây, nhà thực địa chia tập hợp các ghi chép điền dã thành những nhóm nhỏ hơn, dễ quản lý hơn, tập hợp vào một chỗ tất cả những phần nào có thể sẽ được quy vào một vấn đề cốt yếu. Quy trình phân loại hay truy xuất dữ liệu này về hình thức là nhóm các phần dữ liệu vào một chủ đề để dễ dàng khảo sát ý nghĩa của chúng hơn. Phân loại hay tập hợp vào một chỗ làm cho việc phân tích dễ

dàng hơn qua việc tập trung các ghi chép điền dã thích hợp vào một vấn đề đang nổi lên.<sup>6</sup>

Khi phân loại các ghi chép điền dã, kinh nghiệm là nên sử dụng các chủ đề có tính bao hàm, cho phép xác định theo các mã khác nhau nhưng có liên quan với nhau được nhóm lại. Chẳng hạn như trong nghiên cứu về việc chăm sóc của gia đình đối với những người bị bệnh Alzheimer, dựa trên các mã mở rộng của mình, nhà nghiên cứu quyết định mã “các thực hành quản lý” sẽ là một chủ đề cốt lõi. Các thực hành quản lý phải bao gồm tất cả những hành động mà người chăm sóc thực hiện để kiểm soát các tình huống và hành vi của người bệnh. Thể loại này chủ ý có sự bao hàm, và nó cho phép nhà nghiên cứu đưa vào những ghi chép điền dã có các mã rất khác nhau, bao gồm sự giám sát người bệnh liên tục; cảnh báo hay “nói chuyện với” người bệnh; và cố ý đánh lừa người bệnh để quản lý hành vi gây rối. Sự phân tích ở giai đoạn này vẫn còn sơ khởi, và ý nghĩa của bất cứ ghi chép điền dã nào đều có thể được chi tiết và thậm chí tái diễn giải quan trọng sau đó. Vì lý do này, nhà dân tộc học nên thoải mái gộp bất cứ đoạn trích ghi chép điền dã cụ thể nào vào trong các thể loại phức tạp.

Việc phân loại đòi hỏi sự di chuyển các dữ liệu theo những cách làm thay đổi trình tự kể chuyện của các ghi chép điền dã. Trong quá khứ, các nhà nghiên cứu thực địa thường cắt nhỏ bản photocopy các ghi chép điền dã của họ và xếp các mảnh này thành các tập hợp mà sau đó sẽ được liên tục sắp xếp lại khi bắt đầu quá trình phân tích. Một số chương trình vi tính giờ đây có thể thực hiện chức năng phân loại rất nhanh chóng và hiệu quả, mặc dù một số nhà nghiên cứu thực địa vẫn thích sự linh hoạt đem đến một cái nhìn khái quát về các ghi chép điền dã khi trải rộng trên một mặt bàn hay trên sàn nhà. Chúng tôi khuyến khích là dù sử dụng phương pháp nào thì nhà nghiên cứu cũng nên lưu một bản vào máy tính (có bản dự trữ) hay một bản in nguyên vẹn những ghi chép ban đầu để sử dụng sau này.

<sup>6</sup> Phân tích dữ liệu định tính đảo ngược trình tự các quy trình được áp dụng trong phân tích định lượng: Thay vì sử dụng những phân loại được thiết lập trước để phân loại, sau đó mới phân tích dữ liệu, thì nhà nghiên cứu lúc đầu phân tích dữ liệu bằng phương tiện mã hóa đầu tiên và sau đó chỉ việc phân loại nó. Vì thế, trong phân tích dữ liệu định tính, việc phân loại phụ thuộc vào việc phát triển và gọt giũa các phân tích; đúng hơn, đó là sản phẩm phụ của quá trình mã hóa, chứ không phải là sản phẩm chính của quá trình đó.

## MÃ HÓA TẬP TRUNG

Khi đã quyết định xong các chủ đề cốt lõi và có lẽ đã phân loại các ghi chép điền dã theo các chủ đề đó, thì tiếp theo, nhà dân tộc học sẽ chuyển sang mã hóa tập trung, tức là phân tích chi tiết theo từng hàng các ghi chép điền dã. Quá trình này bao gồm xây dựng và chi tiết hóa các chủ đề thú vị về mặt phân tích, cả bằng cách nối kết các dữ liệu ban đầu có thể không liên quan với nhau và bằng cách phác họa các chủ đề và đề tài phụ có thể làm rõ các khác biệt và sự đa dạng trong phạm vi một đề tài rộng lớn hơn.

Một ví dụ đó là nghiên cứu của nhà điền dã tập trung vào những người chăm sóc các thành viên gia đình bị mắc bệnh Alzheimer đã bắt đầu biết là *dấu hiệu bệnh* thường xuyên gắn với điều kiện và hành vi của người bệnh. Nếu phân loại tất cả các ghi chép điền dã về dấu hiệu bệnh (được nhận biết rộng rãi) thành một văn bản dài, nhà dân tộc học sau đó có thể đọc lại và mã hóa lại tất cả những tài liệu này trong quá trình phát triển một loạt các chủ đề phụ về *dấu hiệu bệnh*. Chẳng hạn, cô ấy đi đến việc phân biệt sự “vượt qua”, tức là những nỗ lực để ngăn chặn dấu hiệu bệnh không bị bộc lộ ra, với sự “che giấu”, tức là nỗ lực che đậy, bình thường hóa, hay phân tán sự chú ý khỏi hành vi có dấu hiệu bệnh rõ ràng. Cô ấy cũng nhận ra và mã hóa những tình huống trong đó người chăm sóc cộng tác với người bị bệnh Alzheimer để quản lý dấu hiệu bệnh, những tình huống trong đó người chăm sóc đi đến một loại “cầu kết” nào đó với những người khác để xin lỗi hay để quản lý sự việc có liên quan đến dấu hiệu bệnh và các tác động xã hội của nó.<sup>7</sup> Trong mã hóa tập trung, nhà nghiên cứu thường xuyên so sánh giữa các sự kiện, xác định các ví dụ mà có thể so sánh ở một khía cạnh này với khía cạnh khác, và vì thế, tạo ra những trường hợp tương phản hay đa dạng khác nhau. Khi nhà dân tộc học xác định sự đa dạng như vậy, anh ta sẽ đặt câu hỏi rằng trường hợp đó khác như thế nào và cố gắng xác định các điều kiện làm xuất hiện những đa dạng này.

Bằng cách phân nhỏ các ghi chép điền dã hay thậm chí chia thành các *mã phụ* (subcode), nhà dân tộc học phát hiện các chủ đề, đề tài mới và các

<sup>7</sup> Xem Blum (1991) về phần phân tích hoàn chỉnh của những vấn đề này và những vấn đề khác.

quan hệ mới giữa chúng. Việc mở rộng những cách thức mới để hiểu và làm cho các đoạn dữ liệu thích hợp với nhau giống như chúng tôi đã trình bày ở phần trước cũng được áp dụng vào sự mã hóa tập trung. Trong một số trường hợp, quá trình này tạo ra những vấn đề mới hay mở ra những đề tài mới phân tích theo một hướng hoàn toàn khác, và thậm chí có thể đòi hỏi phải suy nghĩ lại và tái xếp nhóm các ghi chép điên dã. Một nhà dân tộc học thường thuật:

Bạn vừa phát hiện và vừa tạo ra dạng thức [xếp nhóm - ND] khi tạo ra các phần - đó là các mã ban đầu - và các mã này bắt đầu cấu trúc và định hình việc các mã khác sẽ là cái gì và chúng sẽ phù hợp với nhau như thế nào. Bạn có một ghi chép và bạn tự nhủ với bản thân: “Ô, ghi chép này dường như thích hợp và tương tự với ghi chép đầu tiên, nhưng hơi khác và đó là những gì mình cho là sự đa dạng. Nhưng chúng dường như lại đi với nhau bằng cách nào đó”. Sau đó khi bạn tiếp tục đọc và có thể 15 trang sau đó sẽ phát hiện một cái gì dường như giống điều mà lúc này bạn cho rằng nó đi theo hay phù hợp với nhau. Bạn bắt đầu tìm các đoạn ăn khớp với nhau theo một cách nào đó. Đừng lo lắng là làm thế nào tất cả chúng sẽ ăn khớp trong một bài tổng thể, chỉ cần giữ chúng thích hợp với nhau, dù cho bạn không có các mối liên hệ giữa chúng. Mục đích là phải xác định cái gì đang diễn ra dù cho sau này bạn có sử dụng nó nữa hay không.

Một sinh viên khác đang nghiên cứu, thoạt tiên bị choáng ngợp bởi số lượng các mã ban đầu, đã nói: “Tôi cảm thấy có quá nhiều mã đến nỗi nó không logic lắm”. Nhưng sinh viên này đã kiên nhẫn cho đến khi cô ấy bắt đầu thấy có nhiều cái để phát hiện trong các ghi chép điên dã: “Trong những mã tổng thể hơn tôi có thể thấy điều đó như thế nào khi tôi phân nhỏ chúng, tôi có thể tách chúng thành những phân nhóm nhỏ hơn. Điều tôi cần làm là làm lại chúng”. Qua quá trình mã hóa tập trung, nhà dân tộc học bắt đầu nhận ra một dạng thức mà thoạt đầu giống như một đồng hồn độn các dữ liệu khó hiểu. Với sự mã hóa tập trung, nhà dân tộc học cũng có thể bắt đầu hình dung ra những cách khả hữu để tạo ra một luận điểm hay kể câu chuyện về một khía cạnh đời sống của con người trong bối cảnh đó.

Các sinh viên thường thể hiện sự lo lắng khi họ chỉ có một ví dụ về một loại sự việc hay vấn đề cụ thể. Họ lo lắng là chỉ viết về một ví dụ có thể làm

sai lệch phân tích của họ nếu nó phản ánh sự đáp ứng của chỉ một vài trong số nhiều người trong bối cảnh. Việc chỉ tìm thấy một ví dụ sẽ có vấn đề nếu mục đích của nhà nghiên cứu thực địa là phải công bố về tần suất hay tính đại diện. Nhưng tần suất chỉ là một khía cạnh của phân tích. Trong lúc nhà nghiên cứu thích thú khi có nhiều ví dụ về một đề tài hay chủ đề thì mục đích trong phân tích của nhà dân tộc học không phải là tính đại diện. Thay vào đó, nhà dân tộc học phải cố gắng xác định các dạng thức và sự đa dạng của các quan hệ và những cách mà thành viên hiểu và đáp ứng với những điều kiện và sự bắt ngờ trong bối cảnh xã hội. Việc “chỉ có một trường hợp” thường không có vấn đề gì.<sup>8</sup> Nhưng khi nhà dân tộc học may mắn tìm ra nhiều ví dụ hơn thì việc chú ý xem chúng giống nhau và khác nhau như thế nào là điều quan trọng. Những câu hỏi hữu ích cần có ở thời điểm này là: các ví dụ này giống và khác nhau như thế nào? Những điều kiện nào sẽ làm xuất hiện các khác biệt và các đa dạng?

## CÁC GHI NHỚ HỢP NHẤT

Khi nhà dân tộc học chuyển từ thu thập dữ liệu sang phân tích các ghi chép điền dã thì việc viết ra các ghi chép có tính hợp nhất mà chi tiết về các ý tưởng và bắt đầu nối kết hay ràng buộc các mā và các đoạn dữ liệu lại với nhau trở nên rất quan trọng. Một hướng tiếp cận với các ghi nhớ hợp nhất đó là xem xét các mối quan hệ giữa những ghi chép điền dã đã được mã hóa nào nối kết một loạt các quan sát riêng rẽ lại với nhau để khảo sát liên tục

---

<sup>8</sup> Tức là, khi bạn chỉ có một ví dụ hay trong trường hợp dữ liệu của bạn không ảnh hưởng nhiều đến những tuyên bố phân tích mà bạn có thể phát triển từ chúng. Điều quan trọng là lý thuyết hay việc đưa ví dụ vào có thích hợp hay không. Một sự việc bất thường duy nhất có thể tiết lộ những quá trình quan trọng nhưng ít khi quan sát được trong một bối cảnh cụ thể (Harper, 1992), hay phản ánh những vấn đề ít khi xuất hiện trong cuộc sống hằng ngày, nhưng lại là mối quan tâm sâu sắc của các thành viên. Tương tự, những tuyên bố ủng hộ cho quy trình xã hội học về “quy nạp có tính phân tích” khẳng định là tìm thấy một trường hợp tiêu cực *duy nhất* mâu thuẫn với giải thích lý thuyết mà nhà nghiên cứu đã phát triển cần có sự điều chỉnh giải thích hay hiện tượng được giải thích đó (Katz, 2001a). Theo cách này, lý thuyết phát triển mạnh và phức tạp hơn khi nhà nghiên cứu tìm kiếm và đưa những trường hợp tiêu cực như vậy vào trong phân tích của cô ấy.

hơn về một đề tài hay vấn đề. Một cách khác nữa là nhà nghiên cứu có thể sắp xếp và sửa lại các ghi nhớ và các ghi nhớ mã hóa đã viết ra trong quá trình làm việc, xác định một chủ đề hay vấn đề xuyên suốt trong một số ghi nhớ này và tập hợp các dữ liệu có liên quan với nhau.

Ở thời điểm này, nhiều nhà dân tộc học tiếp tục viết chủ yếu cho bản thân họ, tập trung chính vào dòng chảy suy nghĩ của họ trên giấy và duy trì mạch suy nghĩ, "việc ghi chú cái này" và "quan sát cái kia" tạo đặc điểm phong cách của một vài ghi nhớ mà chúng ta đã xem xét cho tới thời điểm này. Tuy nhiên, số khác thấy là việc bắt đầu viết cho các độc giả tương lai hình dung rõ trong đầu lại hữu ích. Đối với các nhà nghiên cứu này, những ghi chú có tính hợp nhất là cơ hội đầu tiên để bắt đầu phát triển các thông tin bối cảnh và nền tảng mà một độc giả không quen thuộc với bối cảnh sẽ cần biết để theo dõi các ý tưởng và các phát biểu quan trọng. Hình dung những độc giả tương lai này trong một ngành khoa học cụ thể khích lệ nhà dân tộc học viết theo phong cách mang tính phổ thông hơn, đó là trình bày các ý tưởng theo những thuật ngữ và ngôn ngữ gần giống với cách viết phân tích trong một văn bản cuối cùng. Đó là cố gắng đầu tiên để hình thành một ý tưởng chặt chẽ theo những cách sẽ hình thành một phần tác phẩm dân tộc học cuối cùng (xem thảo luận trong Chương 7). Vì vậy, những ghi nhớ như thế nghe có vẻ bóng bẩy hơn.

Những ghi nhớ có tính hợp nhất có thể xuyên suốt một loạt sự việc ghi chép điền dã, nối những sự việc này bằng những câu liên kết. Chúng ta sẽ xem xét ghi nhớ mở rộng dưới đây trong mã "che giấu để khắc phục" của các thành viên gia đình chăm sóc người bị bệnh Alzheimer để minh họa cho những quá trình này:

**Che giấu để khắc phục** bao gồm những nỗ lực để sửa chữa hành vi gây rắc rối khi nó xuất hiện. Những người chăm sóc tự làm để canh chừng các thành viên gia đình và cố gắng "làm cho mọi thứ suôn sẻ" ở những nơi công cộng. Chẳng hạn, Laura giải thích những gì cô ấy đã làm khi có mặt bạn bè:

Anh ấy có thể lấy cái ly ra khỏi cái đĩa và đặt nó ở nơi nào khác trên bàn. Và tôi sẽ nói: "Em nghĩ anh có lẽ nên lấy cái ly lại đây vì nó sẽ bị đổ, và sẽ dễ dàng hơn nếu anh để nó gần anh như thế này"... Tôi cố gắng làm cho mọi thứ êm đẹp.

Trong một trường hợp tương tự, Carol nhớ lại Ned đã làm cô bối rối như thế nào khi tháo bộ răng giả ra khi ở trong nhà hàng và cô ấy đã giải quyết điều này:

Tôi đứng dậy thật nhanh và đứng trước mặt anh ấy và nói: "Gắn răng anh vào miệng đi". Sau đó cô ấy giải thích với tôi: "Tôi cảm thấy tôi phải bảo vệ anh ấy. Điều gì sẽ xảy ra nếu người phục vụ đến?".

Trong phân đoạn đầu này, nhà dân tộc học nói kết hai sự việc riêng rẽ xuất hiện trong nhà hàng qua các chủ đề về "trông chừng" và "làm cho mọi thứ êm đẹp". Khi làm như vậy, những khác biệt giữa các sự việc, chẳng hạn, trong ví dụ đầu tiên, một việc bất lịch sự bị ngăn không cho xảy ra, trong khi trong ví dụ thứ hai, hành động bất lịch sự đã xảy ra nhưng đúng là đã "được che đậy" và sau đó điều chỉnh thuộc về những tương đồng này.

Nhà nghiên cứu sau đó tiếp tục một khía cạnh khác của việc che giấu để khắc phục, đó là xác định sự tương phản giữa che giấu phụ thuộc vào sự hợp tác của người bị bệnh Alzheimer với che giấu do người chăm sóc trực tiếp thực hiện:

Sự che giấu để khắc phục bao gồm việc phải dàn xếp sự hợp tác của cá nhân khi anh ta hay cô ta có khả năng làm thế. Chẳng hạn, Laura miêu tả chồng cô ấy trong một nhà hàng địa phương, cô ấy đã hướng dẫn như thế nào và điều khiển anh ấy vượt qua các nhiệm vụ ăn uống khác nhau ("giật dây" Pollner và McDonald – Wikler, 1985) và anh ta đã đáp ứng lại như thế nào. Miêu tả của cô ấy về sự tương tác của họ cho thấy cảm giác thực của những chi tiết nhỏ mà người chăm sóc phải tham gia:

Tôi nói: "Bây giờ xoay tròn thêm một chút để chân của anh ở dưới bàn và sau đó dịch qua để anh ngồi trước tấm lót bàn... Sau đó anh ấy để ly bia sát cạnh bàn thật nguy hiểm, tôi đặt lại ly bia... Và sau đó tôi phải sắp xếp mọi thứ... anh ấy lấy cái bánh ngô, và nó không đúng. Và nếu bắt cứ ai đang quan sát, họ sẽ nói, "Tsk, tsk" [tiếng kêu thể hiện sự không đồng ý - ND].

Trong khi Laura đề nghị những cách làm để khắc phục với William ở ví dụ trên, thì Tess trong một tình huống khác đã tự mình nỗ lực cứu chữa tình thế. Cô ấy miêu tả việc đi đến một nhà hàng tiệc đứng với một số đồng nghiệp, ở đó cô ấy cố gắng che giấu những sai lầm của cha cô để các đồng nghiệp ít chú ý:

Ông và tôi thường cùng đi dự các buổi tiệc đứng với nhau... và tôi trông chừng ông. Tôi để ông đi trước tôi để tôi có thể sửa chữa mọi thứ ông ấy xử lý không tốt. Ông thích lấy cái muỗng, bỏ một ít phô mai vào rau trộn, đặt muỗng vào đĩa ăn... và tôi lấy cái muỗng lại và đặt nó lại... tất cả đồng nghiệp của tôi ở đằng sau tôi...

Ở đây, nhà dân tộc học đưa ra một sự tương phản giữa hai đáp ứng khác nhau đối với những hành động có vấn đề của một người bệnh Alzheimer. Đầu tiên, cô chú ý tới việc xử lý của Laura đối với người chồng bằng các mệnh lệnh; khi làm như thế cô ấy nhìn thấy và đánh dấu một sự tương đương với khái niệm “giật dây” được khai triển trong một bài báo cô ấy đã đọc.<sup>9</sup> Thứ hai, cô ấy xem xét cách Tess quản lý cha của cô ấy bằng cách trực tiếp “thực hiện”. Cô ấy tiếp tục bằng cách xem xét các điều kiện trong đó một hay các dạng thức khác của việc che giấu để khắc phục có thể là:

Khi người bị bệnh Alzheimer ngày càng ít có khả năng cộng tác với người chăm sóc trong việc che giấu này thì người chăm sóc buộc phải kiểm soát tình huống hơn. Chẳng hạn, Carol nói: “Tôi sẵn sàng thực thi một uy quyền tuyệt đối hơn... Đây là cách sẽ phải thực hiện. Nói cách khác, đó là sự kiểm soát hoàn toàn.”

Khi tạo ra ghi nhớ này, tác giả vạch ra một sự tiến triển từ dạng thức nhẹ đến dạng thức tích cực và nghiêm khắc hơn của việc che giấu để khắc phục có khả năng xuất hiện khi căn bệnh tiến triển. Cô ấy kết thúc bằng cách tranh luận là sự tiến triển này cơ bản gồm sự kiểm soát đối với hành vi của người bị bệnh Alzheimer; cô ấy trích lời nói của một người chăm sóc phát biểu thoái mái nhu cầu của mình để giờ đây “kiểm soát hoàn toàn.”

Khi viết các ghi nhớ có tính phân tích và tích hợp về sự phân loại này, nhiệm vụ trọng tâm là phải phát triển các mối liên hệ lý thuyết giữa các đoạn trích trong ghi chép điền dã. Khi làm vậy, nhà dân tộc học gấp phải những lựa chọn phân tích khó khăn. Một vấn đề chính là việc quyết định

<sup>9</sup> Khi viết các ghi nhớ hợp nhất, như trong trường hợp này, có thể hữu ích khi chú ý các điều tương tự, các kết nối, hay sự khác biệt từ những khái niệm và kết quả của những tác phẩm và bài báo đã được xuất bản. Tuy nhiên, nên tập trung vào việc kết nối và chi tiết hóa những ý tưởng và các dữ liệu thực chứng trong ghi nhớ của bạn, tránh dành thời gian vào lúc này để giải thích sự liên quan và chi tiết về tính thích hợp của nó với chủ đề của bạn.

chủ đề nào sẽ được tập trung chính, gồm có các chủ đề phụ, và chủ đề nào sẽ bị loại bỏ hoàn toàn. Quay trở lại nan đề của người sinh viên đã “làm hỏng bài viết” trong khi tập trung và phân loại các ghi chép của mình: một chiến lược là phải chia bài viết ra thành các phần khác nhau, chẳng hạn như các vấn đề về chiến lược của giáo viên quản lý băng nhóm và về việc tự kết nhóm của các học sinh sẽ được phân tích như là các chủ đề. Một khả năng thứ hai là phải xem các chiến lược như những khía cạnh khác biệt của một chủ đề chung hơn. Ở đây, bài viết sẽ tập trung vào việc làm thế nào người giáo viên xoay xở để duy trì một chương trình ngoại khóa trước những sức ép từ suy giảm tài chính và nhiều nhóm khác nhau của các học sinh. Các chủ đề phụ cụ thể sẽ gồm có việc người thầy làm thế nào để cố gắng động viên bọn trẻ dành nhiều thời gian vào cuối tuần hay trong tuần, và làm sao ông ấy giải quyết căng thẳng và những mối quan tâm khác biệt giữa các nhóm học sinh khác nhau.

Việc quyết định làm thế nào để đóng khung một phân tích thường đòi hỏi phải lùi lại một bước, ra khỏi những chi tiết phân tích để trả lời những câu hỏi sau: Những câu hỏi bao quát hơn, rộng lớn hơn mà tôi đang trả lời là gì? Ví dụ một sinh viên đang nghiên cứu một trường học kiểu khác [trường học có chương trình học và phương pháp giảng dạy linh hoạt hơn và khác với giáo dục truyền thống - ND] có khả năng kết hợp chặt chẽ các chủ đề trong sự kiện dưới đây, bao gồm những thương thảo về việc dùng một cái ghế trong một cuộc họp toàn trường, khi cô ấy làm rõ câu chuyện cô ấy muốn kể:

Cái ghế ở ngay đó, và tôi ngồi đằng sau một nhóm thanh niên đang giữ chỗ, một cô gái lấy cái ghế này và đặt chân lên nó, một cậu thanh niên nói: “Nè, có người ngồi đó rồi”. Cô gái nói: “Ồ, có thể tôi chỉ dùng nó cho đến khi anh ta quay lại?”. Sau đó một giáo viên thực tập đi đến, và bạn có thể thấy người thầy này nhìn thấy cái ghế, người thầy nói: “Em có thể bỏ chân xuống được không?”. Cô gái nói: “Có người ngồi đó rồi”. Người thầy nói: “Thầy sẽ ngồi ở ghế này cho đến khi có người quay lại”, và sau đó người thầy ngồi xuống. Nhưng cậu thanh niên đầu tiên nói: “Xin lỗi, có người ngồi đó rồi”. Người giáo viên thực tập nói: “Tôi sẽ trả lại khi anh ta quay lại”. Người học sinh (ngồi ở ghế đó) quay lại, người giáo viên đứng lên và đi khỏi.

Tác giả đã tìm thấy trong những ghi chép điền dã này cách mà học sinh ở trường học thương thảo với nhau và với thầy giáo thực tập về chỗ ngồi. Nhưng khi cô ấy thấy sự việc đó và một vài sự việc như vậy là đáng quan tâm, có liên quan đến các mối quan hệ giữa học sinh với nhau và giữa học sinh với giáo viên thì cô ấy cố gắng làm thế nào nối kết những sự việc như vậy với hàng loạt chủ đề khác. Cô ấy quyết định ở thời điểm này là lùi lại và cố gắng liên hệ sự kiện này một cách rộng rãi hơn với những gì cô ấy biết và thấy thú vị về trường học. Chẳng hạn, cô ấy nghĩ về niềm kiêu hãnh mà cả học sinh và các thầy cô giáo ở một trường học công kiểu khác có trong đạo đức “quyết định dân chủ” và “quyền lực được chia sẻ”. Cô ấy so sánh điều này với nhiều trường học truyền thống khác, nơi mà các thầy cô giáo sẵn sàng dùng uy quyền. Với chủ đề khái quát hơn về sự tương phản này trong đầu, người học sinh thấy là, vào một số dịp, các giáo viên ở trường học kiểu khác này có thể không giữ hay chọn cách thực thi quyền hành mà thay vào đó là sự thương thảo hay chiều theo tuyên bố của học sinh về chỗ ngồi. Điều này khiến cho nhà dân tộc học thấy là cô ấy có thể nối kết những thương thảo về chỗ ngồi với hàng loạt sự kiện khác được quyết định theo những cách phi quyền hành. Cô ấy cũng bắt đầu tìm kiếm những tương phản trong chủ đề này và tìm kiếm các ví dụ về các vấn đề gần với việc thương thảo. Theo dòng phân tích này, sinh viên đó thấy rằng một điều ban đầu dường như chỉ là một sự việc tách biệt thường tình lại được liên hệ với những câu hỏi lớn hơn về quyền lực và quyền hành. Ở mức độ cơ bản hơn, việc tìm kiếm một khuôn khổ cho sự việc này giúp cô ấy không chỉ đưa lời tuyên bố của thầy giáo và học sinh đến với khái niệm “dân chủ” và “chia sẻ quyền lực” ở giá trị bề ngoài hay như những điều săn có, mà thay vào đó còn như là những thành tựu được tôn trọng một cách khác nhau trong bối cảnh đó.

Một lần nữa chúng ta thấy là không có cách duy nhất chính xác để tổ chức những chủ đề chính và chủ đề phụ. Một phần của việc quyết định chọn cách giải quyết nào phụ thuộc vào loại dữ liệu đã được thu nhận. Trong nghiên cứu về băng nhóm trường trung học, những loại ghi chép rất phong phú và chi tiết về các thể loại học sinh trong trường sẽ cho phép tập trung vào các nhóm học sinh. Nhưng nếu những quan sát như vậy bị thiếu, các nhóm phải chuyển từ vị trí trung tâm của bối cảnh và trở thành một

phản của bối cảnh với một điều gì đó khác chiếm vị trí nổi bật. Đối với những nhà dân tộc học thì việc thử, điều chỉnh, loại bỏ và xem xét lại một vài khả năng trước khi quyết định cái nào kể được câu chuyện tốt nhất là điều bình thường. Tương tự, ngay từ lúc đầu viết các ghi chép điền dã, các yếu tố từ việc một hệ thống có tính tổ chức sẽ có tính tổng thể như thế nào tới việc nó sẽ nhấn mạnh tốt đến đâu vào những mối quan tâm, sự ưa thích có tính lý thuyết và quan trọng sẽ ảnh hưởng đến những quyết định có tính tổ chức.

## **MỘT SỐ SUY NGÂM: ĐUA RA LÝ THUYẾT TỪ NHỮNG GHI CHÉP ĐIỀN DÃ**

Chương này đã phát triển một hướng tiếp cận cơ bản và có cấu trúc mở cho việc phân tích dân tộc học, một hướng tiếp cận quan trọng đối với việc xem xét một cách hệ thống và kỹ lưỡng các dữ liệu ghi chép điền dã nhằm đến việc khai quát càng nhiều ý tưởng, vấn đề, chủ đề và đề tài càng tốt. Thay vì xử lý theo kiểu quy nạp một lý thuyết giải thích các hiện tượng và cố tìm kiếm các ví dụ trong dữ liệu để minh họa hay bác bỏ nó thì dạng thức phân tích dân tộc học này di chuyển khắp nơi và xâu kết các đoạn ghi chép điền dã thành một loạt chủ đề và phần viết có tính phân tích liên tục hơn, tham gia mọi lúc “sự cận kề với những gì xảy ra trong thế giới thực mà cô ấy hay anh ấy đã nghiên cứu” (Charmaz, 2001:337) và với các ý nghĩa hằng ngày, nhấn mạnh các quan điểm, các mối quan tâm thực tế của những người đang sống và hoạt động trong thế giới này. Như một người phân tích, nhà dân tộc học luôn mở lòng với các khả năng, quá trình, vấn đề đa dạng và đôi lúc bất ngờ, vốn chỉ trở nên rõ ràng khi nhà nghiên cứu đắm mình vào các dữ liệu đã được viết ra.

Quá trình kết cấu mở này không có nghĩa là nhà điền dã hoàn toàn bỏ qua lý thuyết hiện tại và không có những định hình lý thuyết trước khi đọc các ghi chép. Tuy nhiên, nó cho thấy là đối với nhà dân tộc học, lý thuyết không chỉ đơn thuần nằm đó chờ sự tinh luyện khi các nhà phân tích kiểm chứng từng khái niệm dựa trên những sự kiện trong thế giới xã hội; các dữ liệu cũng không đứng ngoài như những đo lường độc lập về tính đầy đủ

của lý thuyết. Thay vào đó, những quan điểm, mối quan tâm và cam kết về lý thuyết của nhà dân tộc học đi vào mỗi giai đoạn viết có tính dân tộc học và ảnh hưởng đến những quyết định từ việc chọn lựa sự kiện nào để viết tới việc ưu tiên bối cảnh của thành viên nào. Quá trình này vì thế là một sự tương tác phản thân hay biện chứng giữa lý thuyết và dữ liệu mà từ đó lý thuyết đi vào mỗi thời điểm, định hình không chỉ sự phân tích mà còn cả việc các sự kiện xã hội được nhận thức và viết ra như các dữ liệu như thế nào ngay từ đầu.

Thật vậy, sẽ là sai lầm khi phân tách dữ liệu và lý thuyết thành hai thực thể riêng biệt, vì dữ liệu thì không bao giờ thuần túy là dữ liệu, mà chúng thâm đắm và được định hình bởi các khái niệm ngay từ đầu. Điều đã có đặc điểm là luôn có tính phân tích, vì các ghi chép điền dã luôn là sản phẩm của các quyết định dựa trên các khái niệm và diễn giải trước đó, và vì thế, chín muồi với các ý nghĩa và hàm ý phân tích. Do đó, việc phân tích các ghi chép điền dã không chỉ là vấn đề của việc tìm ra dữ liệu chứa đựng nội dung gì; thay vào đó, nhà dân tộc học tiếp tục lựa ra một số sự việc và sự kiện từ những dữ liệu ghi chép điền dã, dành ưu tiên cho chúng, và đi đến việc hiểu chúng trong mối quan hệ với các sự việc và sự kiện khác. Đôi lúc, những kiến thức này dường như “hiện ra” khi nhà dân tộc học xem lại các lý giải của mình về các sự kiện và hành động địa phương, như một phần của tổng thể rộng lớn hơn. Nhưng các nhà dân tộc học thường tranh trở khi đi tìm các chủ đề có tính phân tích chặt chẽ và có ý nghĩa trong dữ liệu của họ, gặp khó khăn khi phải thể hiện “tiếng nói dân tộc học” chủ động hơn. Như một sinh viên thể hiện trải nghiệm của mình:

Đầu tiên, tôi muốn bài viết xuất hiện thông qua các ghi chép với cảm giác nó có câu chuyện của chính nó, và tôi định kể câu chuyện của nó. Nhưng tôi phải thay đổi từ việc chỉ muốn nói về những gì xuất hiện trong các ghi chép chuyển qua việc phải có một cái gì vững chắc từ chúng, đó là các quan điểm của tôi, thay vì nghĩ nó ẩn chứa nơi nào đó trong các ghi chép.

Thay vì đơn thuần đi theo những gì dữ liệu kể ra, nhà điền dã làm cho những dữ liệu đó có ý nghĩa. Sự phân tích không phải là một vấn đề gì đó xuất hiện từ dữ liệu hay vấn đề của việc đơn thuần tìm ra cái gì ở đó; cơ bản

hơn, nó là một quá trình tạo ra những gì ở đó bằng cách thường xuyên suy nghĩ về nội dung của các sự kiện và ý nghĩa được ghi lại trước đây.

Tóm lại, trong nhiều trường hợp, khi mài mòn nghiên ngâm các ghi chép điền dã, nhà dân tộc học sẽ trải nghiệm việc đi đến một lý thuyết như là quá trình của “sự phát hiện”. Nhưng lý thuyết chỉ *dường như* nhảy ra khỏi dữ liệu và đập vào mắt nhà nghiên cứu; tia sáng kiến thức này xuất hiện chỉ do những cam kết phân tích trước đó của nhà nghiên cứu được đưa vào trong các ghi chép, những mối quan tâm và những định hình có tính lý thuyết mà nhà nghiên cứu đem vào trong việc đọc, và những mối liên hệ với “những sự kiện tương tự” được quan sát và viết ra. Vì thế, sẽ chính xác hơn khi nói là nhà dân tộc học tạo ra thay vì phát hiện lý thuyết. Họ làm như thế không chỉ đơn thuần ở giai đoạn cực điểm của việc đọc và phản ánh về những gì họ đã thấy và viết trước đó, mà còn trong suốt quá trình xem xét trước đó khi họ viết ra các ghi chép điền dã.

## Chương 7

# Viết một tác phẩm miêu tả dân tộc học

Khi chuyển từ ghi chép điền dã sang viết các văn bản miêu tả dân tộc học, nhà dân tộc học phải rời khỏi các mối quan hệ với quang cảnh ở địa phương và những người tham gia, rời khỏi những mối quan hệ và những ân tình cá nhân mà họ đã có ở thực địa. Giờ đây, tại bàn làm việc của mình, nhà nghiên cứu phải xem lại các ghi chép về trải nghiệm hằng ngày của các thành viên và định hướng lại các ghi chép điền dã để có thể phân tích, diễn giải và chọn lọc đưa vào bài viết, dành cho lượng độc giả rộng lớn hơn. Vì vậy, dù cùng lúc có hai sự nhận thức về các thành viên cộng đồng và độc giả bên ngoài, nhưng nó không được thể hiện ra khi nhà nghiên cứu đóng vai trò là người quan sát tham dự trên thực địa, chỉ giờ đây, khi nhà nghiên cứu viết một văn bản dân tộc học trau chuốt thì nhận thức này mới trở nên công khai và nổi bật.

Mặc dù các nhà nghiên cứu thực địa có thể hình dung về nhiều đối tượng độc giả khác nhau, nhưng đa phần họ viết cho những học giả khác.<sup>1</sup> Do được đào tạo ở một ngành khoa học cụ thể (như xã hội học, nhân học, hay văn hóa dân gian) nên nhà nghiên cứu thực địa thường dựa trên nền tảng đó và phát triển các ý tưởng chỉ có ý nghĩa trong thuật ngữ của ngành khoa học đó. Mặc dù các mối quan tâm của ngành đã định hình nhiều đẽ mục ghi chép điền dã, nhưng chỉ khi thực sự soạn thảo những văn bản dân tộc học, nhà nghiên cứu mới tự giác làm cho các quan sát và trải nghiệm quang cảnh địa phương cụ thể của mình được nói lên bằng các khái niệm và

<sup>1</sup> Tuy nhiên Richardson (1990) có thảo luận về việc viết bài dân tộc học cho các độc giả thông thường trong các sách thương mại có mức độ phát hành cao và cho các tạp chí lưu hành rộng rãi.

truyền thống của một ngành học thuật. Nhà dân tộc học, với tư cách là một tác giả, phải tái hiện thế giới cụ thể mà anh ta đã nghiên cứu (hay một lát cắt, một tính chất nào đó của nó) cho các độc giả vốn không biết gì về nó. Để làm được vậy, anh ta phải di chuyển liên tục giữa những sự kiện cụ thể được kể lại trong các ghi chép điền dã của mình với các khái niệm khái quát hơn trong mỗi quan tâm của ngành dân tộc học. Việc quan tâm quá mức đến khung thao tác và các khái niệm học thuật sẽ làm cho các sắc thái cuộc sống hằng ngày bị méo mó và lu mờ đi; nhưng nếu chỉ đơn thuần trình bày kiểu nói của các thành viên cộng đồng hoàn toàn theo cách của họ thì nhà nghiên cứu sẽ không viết được những văn bản phù hợp và gây được hứng thú cho giới độc giả học thuật.

Trong chương này, chúng tôi sẽ trình bày cách viết tác phẩm dân tộc hoàn chỉnh, có thể tìm cách sử dụng và cân bằng sự căng thẳng nói trên giữa các định đề có tính phân tích và ý nghĩa địa phương. Thay vì tạo ra một lập luận có tính phân tích chặt chẽ, ý này dẫn đến ý kia một cách logic, thì chúng tôi ủng hộ cách viết các tác phẩm dân tộc như là “những câu chuyện” có tính chất tường thuật (Van Maanen, 1988; Richardson, 1990). Các tác phẩm dân tộc học không phải là những mẫu chuyện hay câu chuyện theo nghĩa hư cấu, mà người viết sử dụng những truyền thống viết tiêu chuẩn (Atkinson, 1990) để từ những ghi chép điền dã “cấu trúc” thành một câu chuyện có thể thu hút sự quan tâm của độc giả. Nhà nghiên cứu sẽ đan dệt các phân tích cụ thể về các phần dữ liệu ghi chép điền dã riêng lẻ thành một câu chuyện tổng thể. Câu chuyện này được phân theo chủ đề một cách có phân tích, nhưng thường theo những cách khá lỏng lẻo; nó cũng lấy ghi chép điền dã làm trọng tâm, tạo ra một loạt đơn vị trích dẫn được tổ chức theo chủ đề và bình luận phân tích.

Chúng ta bắt đầu chương này bằng cách xem xét một loại kể chuyện dân tộc học đặc trưng mà chúng ta luôn cố gắng tạo ra - cái mà chúng ta gọi là một “câu chuyện có chủ đề”. Những câu chuyện có chủ đề này sẽ hợp nhất một vài chủ đề hay khái niệm phân tích, được nối kết bởi một chủ đề chung.<sup>2</sup> Sau đó chúng ta thảo luận về các bước thực hiện để tạo ra một câu

<sup>2</sup> Khái niệm của chúng tôi về kể chuyện theo chủ đề trong dân tộc học chủ yếu dựa vào Atkinson (1990:126-28) thảo luận về “các tự sự phân khúc” như dạng thức chung nhất

chuyện có chủ đề tập trung vào ghi chép thực địa. Các bước này bao gồm việc viết ra những phát biểu ban đầu về các chủ đề phân tích, sau đó chọn lựa, phát triển, sắp xếp thành chuỗi và hiệu đính các đoạn trích ghi chép điền dã để xây dựng một loạt đoạn trích và bình luận phân tích. Cuối cùng, ta sẽ thảo luận về cách viết phần giới thiệu và kết luận cần thiết để cho ra một bản thảo miêu tả dân tộc học hoàn chỉnh.<sup>3</sup>

## PHÁT TRIỂN MỘT CÂU CHUYỆN CÓ CHỦ ĐỀ

Khi mã hóa và viết các ghi nhớ, nhà dân tộc học bắt đầu tạo ra và chi tiết hóa các chủ đề phân tích. Và khi viết một văn bản miêu tả dân tộc học, người viết sẽ sắp xếp một số chủ đề đó vào trong một “câu chuyện” chặt chẽ miêu tả về cuộc sống và các sự kiện trong bối cảnh nghiên cứu. Một câu chuyện như vậy chỉ cần chọn lọc vài phần nhỏ trong toàn bộ hệ thống ghi chép điền dã, sau đó nối kết chúng thành một văn bản mạch lạc, đại diện cho một khía cạnh hay một phần nào đó của thế giới được nghiên cứu.

Viết một câu chuyện theo chủ đề hoàn toàn khác với việc viết nên một lập luận có tính phân tích, cả về quá trình hình thành văn bản lẫn cấu trúc của văn bản cuối cùng. Về mặt cấu trúc, trong văn bản trình bày một lập luận logic, tác giả đưa ra một chủ đề chính thức hay một vấn đề trong phần giới thiệu, như là điểm mốc để tranh luận, sau đó phát triển mỗi điểm phân tích bằng cách minh chứng một cách logic và rõ ràng cho chủ đề đã nêu.<sup>4</sup>

---

của “tác phẩm dân tộc học truyền thống”. Các tự sự phân khúc không phải là những sự kiện đơn tuyển, tái sắp xếp và hiện diện hằng ngày trong “các mối quan hệ phi thời gian và có tính mô hình” (1990:126). Atkinson so sánh những tự sự phân khúc như vậy với “những tự sự theo trình tự thời gian” có một “biên niên tuyển mở rộng về các sự kiện” (1990:126).

<sup>3</sup> Nhiều khuyến nghị của chúng tôi về việc viết tác phẩm dân tộc học cộng hưởng và thường dựa trên các ý tưởng và lời khuyên mà Becker (2007) đã phát triển cho cách viết khoa học xã hội nói chung. Thật vậy, chúng tôi khuyên tất cả nhà nghiên cứu thực địa đang chuyển sang quá trình viết các tác phẩm dân tộc học cuối cùng nên trực tiếp xem công trình của Becker ngay khi bắt đầu quá trình viết.

<sup>4</sup> Vì vậy, trong một tranh luận logic, chủ đề sẽ được phát biểu rõ ràng từ đầu, những quan điểm theo sau phát triển chủ đề đó, các bằng chứng minh họa và xác nhận các quan điểm đó. Richardson (1990:13) chú ý đến việc những tranh luận như vậy dựa vào “những mă khoa học logic” về sự lý giải và đại diện tương phản rõ ràng với các hình thức kể chuyện

Ngược lại, một câu chuyện dân tộc học phát triển thông qua sự kiểm chứng học thuật các minh chứng để cuối cùng đạt được ý tưởng then chốt. Chuyện kể theo chủ đề bắt đầu bằng việc đưa ra một ý chính hay chủ đề và sẽ vào chi tiết đầy đủ hơn về ý này trong suốt bài viết. Thật ra, nói chính xác hơn thì cách trình bày một chủ đề như vậy hiệu quả nhất là phát biểu đầy đủ ở cuối câu chuyện, trong phần kết luận của bài viết.

Ngoài ra, cấu trúc của câu chuyện dân tộc học hình thành nên từ một tiến trình theo thứ tự của các đoạn trích ghi chép điền dã. Các chi tiết trong ghi chép điền dã có vị trí như những phần cốt lõi của câu chuyện. Tức là, những chuyện kể theo chủ đề không sử dụng các ghi chép điền dã như những minh họa và ví dụ cho quan điểm đã đưa ra, mà như những thành tố để tạo nên và hình thành câu chuyện ngay từ đầu. Theo nghĩa này, ý tưởng chính sẽ phát triển từ quá trình mã hóa và chọn lựa các đoạn trích chứ không phải từ việc hình dung trước sự chọn lựa các ghi chép điền dã để đưa vào. Các đoạn trích trong một câu chuyện dân tộc học không phải là bằng chứng cho các quan điểm phân tích mà là cốt lõi của câu chuyện.

Về các quá trình viết, muốn phát triển một chuyện kể có chủ đề, chúng ta cần di chuyển tới lui thường xuyên giữa các sự việc đã được ghi chép cụ thể và sự phân tích ngày càng tập trung và chính xác hơn. Để thực hiện quá trình này một cách dễ dàng, chúng tôi không khuyến khích bắt đầu bằng một chủ đề dự kiến hay một giả thuyết đang được thao tác. Thay vào đó, chúng tôi đề nghị tác giả hãy tạm hoãn việc hình thành một chủ đề rõ ràng cho đến khi hoàn tất bài viết, nhờ vậy, trong quá trình viết, cô ấy sẽ có những khám phá về các dữ liệu và tiếp tục cân bằng giữa kiến thức phân tích của mình với nhu cầu cần gắn chặt với quan điểm của người địa phương. Chúng tôi đề nghị nhà dân tộc học nên phát triển một chuyện kể có chủ đề bằng cách nêu ra một chủ đề hay câu hỏi tổng thể. Một chủ đề sẽ nối kết sự quan tâm hay nhạy cảm mang đầy tính phân tích với những sự kiện xuất hiện trong bối cảnh. Chẳng hạn, “tộc người như một kiến tạo xã

---

được sử dụng trong đa số các tác phẩm dân tộc học như thế nào. Trên thực tế, các cam kết địa phương và cụ thể của các tác phẩm dân tộc học không tạo điều kiện cho các dạng thức tranh luận phân tích có tính quy củ cao trong những lĩnh vực khác của khoa học xã hội. Cũng nên xem thảo luận của Richardson và St. Pierre (2005:960ff) về các phong cách viết khoa học xã hội và dân tộc học thay đổi theo thời gian.

hỏi ở một trường trung học” và “sự tham gia của phụ huynh vào các cuộc điều trần ở phiên tòa xét xử vị thành niên” là những phát biểu về chủ đề kiểu như vậy.<sup>5</sup> Ở giai đoạn đầu này, những câu phát biểu chủ đề thường hướng tới một mối quan tâm hay hiện tượng, nhưng không đưa ra bất cứ vấn đề hay câu hỏi cụ thể nào và cũng không đưa ra một chính đề hay sự giải thích chính thức nào. Thay vào đó, một chủ đề hay câu hỏi xác định một sự tập trung rộng lớn hơn và giúp tác giả bắt đầu nối kết các ghi chép điền dã với nhau thành một chỉnh thể chặt chẽ.

Nói chung, chủ đề của câu chuyện dân tộc học sẽ kết hợp chặt chẽ một vài chủ đề phân tích cụ thể hơn, chẳng hạn khẳng định về các dạng thức chủ yếu, các quá trình hay quy tắc trong bối cảnh nghiên cứu. Ở đây, cách để phát triển một chủ đề là phải xem lại các mā và các ghi nhớ ban đầu, xác định những chủ đề thú vị hay thích hợp hơn các chủ đề khác trong ghi chép điền dã của một người. Về điểm này, chúng tôi khuyên nhà dân tộc học nên viết ra các cụm từ nói về các chủ đề cụ thể một cách rõ ràng. Ban đầu, nhà nghiên cứu không cần quan tâm đến việc quyết định xem các chủ đề này có liên hệ với nhau như thế nào, hay làm thế nào nối kết các chủ đề với nhau; việc viết lách ở giai đoạn này chỉ nhằm làm rõ và xác định các chủ đề có thể quan tâm. Nhưng một khi đã xác định được những chủ đề tiềm năng, nhà dân tộc học sẽ tìm cách nối kết vài chủ đề trong số đó với một chủ đề lớn, sau đó quyết định xem sẽ bỏ qua những chủ đề nào không thể liên kết với chủ đề lớn này.

Một cách khác, khi kết thúc việc mã hóa và viết ghi nhớ, nhà dân tộc học đã có một cảm giác rõ ràng hơn về một chủ đề chung thú vị và thống nhất. Sau đó, anh ấy nên viết ra chủ đề lớn này càng rõ ràng càng tốt, xem lại các mā hóa, ghi nhớ của mình và cả các ghi chép điền dã nguyên gốc để

<sup>5</sup> Mỗi một chủ đề trong số những chủ đề này có sự quan tâm lý thuyết liên quan đến các công trình nghiên cứu học thuật cụ thể; thực vậy, mỗi chủ đề có thể được hình thành nhờ hiểu biết rõ các công trình nghiên cứu như vậy. Chẳng hạn như chủ đề “Tộc người như một sự tạo dựng xã hội ở trường trung học” thể hiện sự quan tâm đến việc khảo sát các khía cạnh đặc biệt của người như được nhìn nhận và các học sinh trung học dựa vào đó để hành động. Tương tự, chủ đề “sự tham gia của cha mẹ vào các cuộc điều trần tại tòa án trẻ vị thành niên” thể hiện rõ ràng những vấn đề nêu ra về các yếu tố tác động đến kết quả các vụ xét xử ở tòa án vị thành niên. Nhưng không cần nói rõ về lý thuyết hay các công trình nghiên cứu ở thời điểm đó.

cố gắng xác định những chủ đề cụ thể hơn có thể giúp phát triển chủ đề lớn đó. Chẳng hạn, khi viết: “Tôi sẽ chỉ ra rằng phụ huynh có liên quan đến các quyết định của tòa án”, một sinh viên dân tộc học nghiên cứu về tòa án vị thành niên đã đặt câu hỏi để xem các bậc phụ huynh có thể liên quan đến các cuộc xét xử này theo những cách nào. Khi xem lại các mã hóa của mình, người sinh viên thấy có hai dạng thức nổi bật, một dạng thức là vị thẩm phán sử dụng phụ huynh như một nguồn thông tin về các trẻ vị thành niên, dạng thức còn lại là vị thẩm phán tìm cách giúp phụ huynh kiểm soát con cái của họ. Và anh ấy đã viết về hai chủ đề cụ thể này: “Vị thẩm phán đôi lúc dùng thông tin của phụ huynh chống lại trẻ vị thành niên và kết tội người đó” và “vị thẩm phán cũng có thể ủng hộ phụ huynh trừng phạt trẻ vị thành niên và vì thế đe dọa sẽ trừng phạt.”

Trong trường hợp nào cũng vậy, nhà dân tộc học sẽ di chuyển từ lui giữa chủ đề lớn và các chủ đề phụ, viết một phát biểu tổng quan liên hệ các chủ đề phụ với một chủ đề lớn và giữa các chủ đề phụ với nhau, và/hoặc phát triển những cụm từ rõ ràng cho mỗi chủ đề lớn được xác định. Mỗi quan hệ giữa các chủ đề phụ không cần phải chặt chẽ và hợp lý; trong “câu chuyện theo chủ đề”, các chủ đề phụ có thể kết hợp lỏng lẻo. Việc liên kết và sắp xếp các chủ đề phụ sẽ luôn đòi hỏi những thay đổi trong cách diễn đạt và khái niệm hóa. Rõ ràng một số chủ đề phụ có thể không “khớp” với những chủ đề khác và có thể phải bỏ đi. Thật vậy, ngay cả khi đã phát triển một kế hoạch tổng thể cho bản thảo đầu tiên, người ta cũng thường phải sửa đi sửa lại những câu phát biểu về các chủ đề cụ thể và mối liên hệ giữa chúng theo sự tiến triển của công việc và khi câu chuyện dân tộc học bắt đầu định hình.

Chúng ta hãy xem cách một sinh viên bắt đầu xây dựng câu chuyện có các chủ đề phụ xoay quanh chủ đề lớn là “tộc người như một kiến tạo xã hội”, trong bối cảnh nghiên cứu là một trường trung học công. Đầu tiên, anh ta viết chi tiết về chủ đề của mình: “Thông qua những tương tác của con người, “tộc người” thường xuyên được tái tạo và điều chỉnh trong một tình huống”. Sau đó, anh ta viết ra một số chủ đề phụ hay các vấn đề mà anh ta muốn giải quyết. Cuối cùng, để trình bày những chủ đề phụ này, anh ta làm theo trình tự dưới đây, tương ứng với năm phần cụ thể của bài viết - mỗi phần tập trung vào một chủ đề phụ:

1. Tổng quan về một số cách sử dụng tộc người khác nhau trong các trường học.
2. Học sinh nói đến và nhận dạng các nhóm xã hội và tộc người khác nhau, nhưng thành phần của nhóm là khác nhau.
3. Cách sử dụng tộc người da đen và cách các nhóm xã hội da đen duy trì ranh giới tộc người.
4. Người ta sử dụng quan điểm thẩm mỹ tộc người của dân tộc khác (việc người da trắng sử dụng các phong cách của người da đen), theo các định nghĩa có tính ranh giới.
5. Mâu thuẫn tộc người như một quá trình tạo ra các đặc trưng văn hóa.

Khi phát triển những chủ đề phụ này, nhà dân tộc học không làm gì khác ngoài việc đặt tên cho các tình huống khác nhau; cơ bản hơn, anh ta chỉ ra các đặc trưng và những liên kết giữa những hiện tượng có liên quan. Chẳng hạn với chủ đề các học sinh nói về và xác định “các nhóm xã hội và tộc người khác nhau”, nhà nghiên cứu không chỉ xem xét một loạt nhóm tộc người (và xã hội) mà còn giải quyết vấn đề bản sắc tộc người được quy gán cho người khác; trái lại, chủ đề làm thế nào “các nhóm xã hội da đen duy trì các ranh giới tộc người” sẽ bao gồm việc kiểm tra làm thế nào các thành viên trong nhóm thiết lập bản sắc tộc người của riêng họ. Tuy nhiên, người nghiên cứu cũng đưa ra những mối liên hệ quan trọng giữa các hiện tượng này; chẳng hạn khảo sát “việc người da trắng sử dụng các phong cách của người da đen” nói đến mối quan tâm về hiện tượng làm mờ đi và vượt qua các ranh giới tộc người, vấn đề này sẽ giúp chi tiết hóa và mở rộng mối quan tâm của người nghiên cứu về việc duy trì các ranh giới tộc người của người da đen.

Để chọn được một chủ đề chính và các chủ đề cụ thể, nhà dân tộc học phải chọn lựa cẩn thận. Thường trong bất kỳ bản thảo cụ thể nào, các nhà dân tộc học cũng thấy rằng họ đã đưa vào nhiều chủ đề hơn mức có thể. Về cơ bản, quá trình phát triển một câu chuyện là quá trình chọn lọc một số chủ đề thích hợp với các mối quan tâm của cá nhân và của ngành, nó xuất hiện nhiều lần trong một số ghi chép điền dã cụ thể. Khi chọn lựa chủ đề và các dữ liệu phù hợp, nhà dân tộc học chắc chắn phải bỏ qua các chủ đề và dữ liệu khác, ít nhất là trong bản thảo cụ thể đó.

Khi phát triển một chủ đề lớn và tập hợp các chủ đề cụ thể thành một câu chuyện, nhà dân tộc học nên nỗ lực kết hợp các giọng nói và các bối cảnh phức tạp với nhau. Để làm được như vậy, nhà nghiên cứu cần phải đặc biệt chú ý đến việc chọn lựa và đóng khung chủ đề chính và sau đó là các chủ đề phụ có liên quan với nhau, nhờ đó sẽ hoàn toàn ưu tiên đặt tên và phát triển một số giọng nói và bối cảnh nhất định, loại bỏ những giọng nói và bối cảnh khác. Chẳng hạn một sinh viên nghiên cứu về mối quan hệ giữa những người làm công trong gia đình và người chủ, ban đầu xác định “thuê mướn” là chủ đề chính trong tác phẩm dân tộc học của cô ấy. Nhưng chủ đề “thuê mướn” chỉ đóng khung các sự kiện từ quan điểm của người chủ, nhấn mạnh và ưu tiên mối quan tâm về việc tìm ra một người làm công “đáng tin” và “tin cậy được”. Chủ đề “thuê mướn” hoàn toàn bỏ qua người làm công và những thực hành của người làm công về việc “được thuê” hay “tìm việc làm”. Những chủ đề mang tính tương quan hơn - chẳng hạn “cảnh huống thuê mướn” sẽ đưa được vào bối cảnh của cả người chủ và người làm công.

Trong những phần sau, chúng tôi sẽ trình bày những cách đưa ghi chép điền dã vào văn bản dân tộc học. Dù công nhận là cam kết ban đầu với một chủ đề chính và một số chủ đề cụ thể sẽ cho biết về quá trình này, nhưng chúng tôi nhấn mạnh đến việc làm thế nào nhà dân tộc học chi tiết hóa, xác định và trích các ghi chép điền dã - mà có thể chỉ có mối liên quan lỏng lẻo với một chủ đề tổng quát - để phát triển thành một câu chuyện dân tộc học hoàn chỉnh.

## **CHUYỂN CÁC GHI CHÉP ĐIỀN DÃ VÀO VĂN BẢN MIÊU TẢ DÂN TỘC HỌC**

Atkinson (1990:103) cho là “sức thuyết phục” của một văn bản dân tộc học xuất phát từ “sự tương tác giữa việc minh họa bằng ví dụ cụ thể với sự bình luận có tính chất suy luận”. Chúng ta rõ ràng quan tâm đến việc tạo ra *những văn bản lấy ghi chép điền dã làm tâm điểm* - những câu chuyện gần gũi và có nhiều đơn vị ghi chép điền dã. Để tạo ra một văn bản như thế, nhà dân tộc học phải khái niệm hóa tính thích hợp của những sự việc ở địa

phương để chúng liên quan đến các vấn đề phân tích; nhưng đồng thời, nhà dân tộc học cũng phải duy trì sự nhạy cảm rằng việc tái sắp xếp này có thể làm sai lệch ý nghĩa của các phân loại thành viên như thế nào.

Để bắt đầu quá trình này, nhà nghiên cứu phải quay lại các ghi chép điền dã đã khơi nguồn câu chuyện nhằm tìm kiếm các đoạn trích có tiềm năng để phát triển thành một mạch truyện. Đầu tiên, nhà dân tộc học xác định các đoạn dữ liệu ghi chép điền dã, sau đó bình luận, diễn giải về những đoạn trích này; nhà nghiên cứu cũng phải biên tập từng đơn vị bình luận và đoạn trích để chi tiết hóa các phân tích và nhấn mạnh các ghi chép điền dã cốt lõi của câu chuyện. Cuối cùng, nhà nghiên cứu phải tổ chức những phân đoạn bình luận hay đoạn trích thành những phần cố kết mạch lạc của tác phẩm dân tộc học, tức là sắp xếp chúng theo một trình tự thế nào để tạo ra một mạch truyện lôi cuốn, dẫn dắt người đọc đi đến một sự hiểu biết đầy đủ hơn về con người và các vấn đề dã nêu.

### *Lựa chọn các đoạn trích ghi chép điền dã*

Với một chủ đề lớn và các chủ đề phụ trong đầu, nhà nghiên cứu thực địa có thể hệ thống lại toàn bộ các ghi chép điền dã đã được mã hóa để xác định những ghi chép điền dã cụ thể nào thích hợp nhất với các vấn đề chính yếu. Khi quay lại với những ghi chép được phân loại này, nhà nghiên cứu sẽ tạo ra được những *đoạn trích* ghi chép điền dã góp phần xây dựng câu chuyện dân tộc học đang dần thành hình. Chúng tôi sẽ đưa ra một số hướng dẫn lựa chọn các ghi chép điền dã nào để trích dẫn.

Vấn đề chọn lựa các đoạn trích ghi chép điền dã không chỉ đơn giản là “chọn ra các ví dụ thú vị nhất”. Thay vào đó, nhà dân tộc học sẽ có một loạt lý do để quyết định sẽ đưa vào văn bản cuối cùng các ghi chép điền dã nào. Chẳng hạn khi giới thiệu một bối cảnh, một nhà nghiên cứu thực địa có thể lựa chọn những ghi chép điền dã nào đó vì chúng thích hợp để minh họa cho những dạng thức xuất hiện nhiều lần của các hành vi hay tình huống điển hình trong bối cảnh đó. Tương tự, nhà nghiên cứu thực địa có thể lựa chọn các ghi chép điền dã để kể lại những sự việc đã xảy ra hay các mối quan tâm thường thấy. Những đoạn trích này có thể giới thiệu nhiều chủ đề phân tích cụ thể hơn hay xác định những biến thể nổi bật trong số những cái thông thường.

Nhà dân tộc học cũng chọn lọc các ghi chép điền dã vì tính khơi gợi và thuyết phục của chúng. Một đoạn trích có thể hấp dẫn nhờ miêu tả một giây phút hiểm hoi hay cảm động khi một người nào đó thể hiện nỗi thống khổ sâu sắc hay khi hai người đang chia sẻ một điều thương tâm nào đó. Một miêu tả ghi chép điền dã cũng có thể dễ dàng thu hút và thuyết phục độc giả nếu nó khiến họ hình dung ra các cảnh tượng, nghe được các giọng nói và xác định được ngay bối cảnh của nhà dân tộc học trong hành động đó. Nói chung, các đoạn trích miêu tả cận cảnh, miêu tả sinh động các hành động và giọng nói sẽ có thể đưa người đọc vào trong bối cảnh; những đoạn trích như vậy thường giúp các độc giả hình dung và trải nghiệm lại cảm giác về những gì nhà nghiên cứu đã quan sát được. Ngược lại, một đoạn trích “không đủ”, thiếu những chi tiết sống động thì không thể gây thuyết phục, vì nó phụ thuộc nhiều vào diễn giải của tác giả hơn là vào các cảnh tượng và âm thanh có thể giúp độc giả hình dung hay nghe thấy. Ngoài ra, các đoạn trích tường thuật cuộc đối thoại một cách tự nhiên thường cho thấy mối quan tâm của các thành viên một cách thuyết phục. Thông qua việc theo dõi những lời đối đáp trong một cuộc nói chuyện, độc giả có thể đưa ra sự diễn giải của riêng mình về lời nói của mỗi người. Qua các đoạn trích đối thoại như vậy, nhà dân tộc học có thể trình bày đặc tính được thương thảo của các tương tác - vì thế, nó cho thấy một quá trình hơn là chỉ một kết quả. Vì thế, một tác giả sâu sắc thường tìm những đoạn trích - đặc biệt với lời nói và hành động - cho thấy quan điểm và những mối quan tâm khác nhau của các thành viên.

Khi chọn lựa các đoạn trích có tính khơi gợi, nhà dân tộc học không cần phải có một ý tưởng phân tích chính xác trong đầu, nhưng với đa số các trường hợp, nhà nghiên cứu sẽ thấy rõ tầm quan trọng của việc phân tích trong những đoạn trích như vậy. Một nhà dân tộc học tin vào trực giác của bản thân sẽ cho rằng một bài viết cụ thể nào đó có tính biểu lộ, ngay cả khi vào lúc đó cô ấy không thể nói rõ ràng tại sao lại nghĩ như thế. Khi tiếp tục suy nghĩ về việc làm thế nào và tại sao một đoạn trích lại có tính khơi gợi, cảm động, hay gây ấn tượng mạnh, nhà dân tộc học có thể đưa ra một cách đánh giá mới và viết nên một câu chuyện chi tiết và sâu sắc hơn.

Khi xây dựng câu chuyện theo một chủ đề, nhà dân tộc học cũng cần đặc biệt tìm kiếm những đoạn trích minh họa cho các khái niệm và đưa ra

những cách chi tiết hóa hay xác định những khái niệm này. Việc tìm kiếm và lựa chọn các đoạn trích giúp làm rõ và tạo ra nội dung cho câu chuyện đang dần hình thành. Khi các nhà dân tộc học tìm kiếm những đoạn trích mới, họ sẽ tiếp tục làm rõ các ý tưởng và lần lượt xem xét lại những đoạn trích mà ban đầu họ đã bỏ qua. Những hoạt động này thường xảy ra cùng lúc: khi nhà nghiên cứu làm rõ một chủ đề hay khái niệm, thì đồng thời một ví dụ có liên quan được ghi nhận ở nơi nào đó trong các ghi chép điền dã cũng sẽ xuất hiện trong đầu họ ("Tôi nhớ một ví dụ khác của chuyện đó!") vì chúng có liên quan về mặt phân tích. Khi tìm ra và xem lại đoạn dữ liệu đó, nhà dân tộc học có thể tiếp tục điều chỉnh ý tưởng cốt lõi. Nhà dân tộc học có thể xem lại những đoạn trích khác mà lúc này anh ta cho là thích hợp trong các ghi chép điền dã và ghi nhớ ban đầu.<sup>6</sup>

Vậy, những nơi khởi đầu chủ yếu có thể là phần ghi chép tạo ra các măc cụ thiê và phần viết ghi nhớ về các chủ đề quan tâm hiện thời. Điều quan trọng hơn là phải quay trở lại những bản ghi chép điền dã (cùng với sự mã hóa và các ghi nhớ có liên quan) để xem lại chúng, trích dẫn những gì thích hợp. Chẳng hạn công trình nghiên cứu về việc phụ nữ nộp đơn xin lệnh của tòa án chống lại bạo lực gia đình tập trung tìm hiểu vai trò của một người bạn hay người ủng hộ thực hiện việc đó. Ghi chép điền dã sau đây đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp nhà dân tộc học nhận ra các khía cạnh quan trọng của quá trình này:

Julie Peters là khách hàng thứ năm. Cô ấy là người gốc Âu, hai mươi bốn tuổi, lấy một cảnh sát người gốc Âu. Anh ta chưa bao giờ đánh cô, nhưng cứ dí súng vào mặt cô và thường xuyên lớn tiếng ngược đãi. Julie đã đưa bạn của cô là Tina đi theo, người nói hết mọi điều giúp cô ấy. Có thể nói là Julie rất im lặng và lơ đãng. Tina nói là Julie thật sự "rối loạn" và theo nghĩa đen là đang rung tóc.

Julie: Tôi chỉ không muốn chồng tôi mất việc. Mọi người biết không, anh ấy là cảnh sát.

<sup>6</sup> Đây chính xác là những gì có trong quá trình suy luận phân tích, nơi người ta có thể điều chỉnh sự phân loại có tính khái niệm hay điều chỉnh những gì được giải thích, hoặc cả hai, để "hình thành mối quan hệ hoàn hảo giữa dữ liệu và sự lý giải" (Katz, 2001a:331). Tuy nhiên, cần chú ý là việc điều chỉnh các chủ đề hay phân loại khái niệm để làm cho phù hợp với các dữ liệu ghi chép điền dã có thể khiến cho các mã hóa trước đó không còn thích hợp nữa; thật vậy, các phân loại mã hóa ban đầu thường không duy trì được trong suốt quá trình viết.

Người hỏi: Tôi biết chị lo lắng cho chồng chị, nhưng hãy lo cho anh ta sau. Hãy lo cho bản thân mình trước.

Julie: Tôi biết, anh đúng.

Tina: Cô ấy đã nỗ lực rất nhiều để đến đây. Tôi phải kéo cô ấy đến. Cô ấy gọi cho tôi sáng nay, khóc lóc và tôi nói: "Vậy là đủ rồi, chúng ta đi thôi."

Cách người bạn giải thích về lý do khiến người vợ đến xin lệnh của tòa án bắt chồng mình là điển hình của một quá trình, mà qua đó người ủng hộ thúc đẩy "nạn nhân" đi tìm cách giải quyết bằng pháp luật. Cùng với các ghi chép điền dã trước đây có liên quan đến sự tham gia tích cực của người bạn trong việc nộp đơn xin lệnh bắt của tòa, ghi chép điền dã này tạo ra một đánh giá đối với "sự ủng hộ của người thứ ba" trong các cuộc gặp liên quan đến pháp luật và hành chính khác.

Nói chung, một đoạn trích có thể giúp thúc đẩy nhẹ trí nhớ, đưa ra các ví dụ hay các sự kiện "tương tự" khác, và vì thế, dẫn đến việc bắt đầu thu thập một nhóm các đoạn trích có cùng một chủ đề. Hay, nhà dân tộc học có thể bắt đầu xem lại các mā và các ghi chép điền dã một cách có hệ thống, tìm những đoạn trích nói về một "điều giống nhau". Sau đó, người ta có thể chú ý đến một dạng thức chung hay nắm bắt được một quy luật từ rất nhiều dữ liệu thực địa. Chẳng hạn trong nghiên cứu về phiên họp lấy lời khai nhân chứng về quá trình thử thách ở tòa án xét xử trẻ vị thành niên, nhà nghiên cứu thực địa quan sát được rằng các vị thẩm phán thường lấy ý kiến của phụ huynh về hành vi con cái của họ, như trong ví dụ sau:

Thẩm phán Smith trả lời [trẻ vị thành niên] với một giọng nhỏ nhưng cứng rắn: "Tôi nói với cậu phải đạt điểm tốt... Cậu chưa bao giờ có điểm tốt... Tôi cũng nói với cậu là phải nghe lời mẹ cậu". Sau đó, ông ta hỏi người mẹ: "Cậu ấy có nghe lời không?". "Không nghe lời. Khi tôi bảo nó đi học, nó không đi..." cô ấy trả lời trong khi nhìn người con trai của mình.

Bằng cách thu thập một số ví dụ như vậy, nhà dân tộc học có thể nhìn thấy những khía cạnh của một chủ đề và trau chuốt các diễn giải của mình về các đoạn trích cụ thể.

Để làm như vậy, một nhà dân tộc học có thể bắt đầu bằng cách nói đến *những khác biệt* giữa các ví dụ cô ấy đã quan sát được và viết ra. Lúc đầu, cô

Ấy có thể tìm các biến thể của một chủ đề hay dạng thức trong các ghi chép điền dã khác nhau. Chẳng hạn, với nghiên cứu về vai trò của bạn bè và những người ủng hộ trong các cuộc phòng vấn khi người nào đó nộp đơn xin lệnh bắt của tòa vì bạo hành gia đình, người ta có thể đi tìm các ví dụ mà trong đó, thứ nhất là, người ủng hộ tích cực tham gia vào cuộc phòng vấn, và thứ hai là, người ủng hộ nói ít và đóng vai trò phụ. Tương tự, người ta có thể tìm những đoạn trích cho thấy sự khác biệt khi các bậc phụ huynh trả lời câu hỏi của thẩm phán về hành vi sai trái của con cái họ. Vì thế, nhà dân tộc học có thể đặt đoạn trích, trong đó người mẹ của một cậu bé vị thành niên báo cáo là con trai của bà đã “không nghe lời”, gần với đoạn trích sau, trong đó người mẹ ủng hộ con gái mình ở một mức độ nào đó bằng cách cố gắng giảm nhẹ cách bà báo cáo về hành vi sai trái của cô con gái:

Một cô gái trẻ ngồi bên trái luật sư của mình. Người mẹ ngồi cuối phòng, trên một cái ghế gần cửa ra vào nhất. Thẩm phán Smith trực tiếp hỏi người mẹ là cô con gái đã xử sự như thế nào. Bà nói là bà không có vấn đề gì ở nhà “với cô ấy” nhưng ở trường thì là “một vấn đề.”

Xem xét những dạng thức khác trong một bối cảnh tương tự giúp cho nhà nghiên cứu thực địa có những so sánh xa hơn, nhờ đó những đoạn trích thêm vào sẽ trở nên thích hợp.

Ở vị trí thứ hai, nhà dân tộc học có thể chọn các đoạn trích có liên quan đến các khía cạnh sâu sắc. Tức là, anh ta sẽ tìm kiếm những ví dụ nào *tương phản với dạng thức được phát hiện trước đó*. Chẳng hạn trong phiên họp lấy lời khai về quá trình thử thách ở tòa án xét xử trẻ vị thành niên, nhà dân tộc học có thể lựa chọn một đoạn trích trong đó vị thẩm phán *không* hỏi ý kiến phụ huynh về hành vi sai trái của con bà. Những đoạn trích như thế sẽ bắt đầu cho thấy các cảnh huống đã định hình và giới hạn dạng thức tương tác được chú ý lúc đầu. Trong bối cảnh tòa án xét xử trẻ vị thành niên, điều này có thể xảy ra trong trường hợp phụ huynh đã mất uy tín ở khía cạnh nào đó, hay vì tòa tuyên án không bỏ tù bị cáo.

Trong quá trình này, nhà dân tộc học thực sự nên viết ra tất cả những khía cạnh, dạng thức hay những đặc trưng quan trọng. Mặc dù các cụm từ hay từ dùng để mã hóa một đoạn trích sẽ bao hàm một ý tưởng, nhưng suy nghĩ của tác giả thường khá mập mờ cho đến khi cô ấy thực sự viết nó ra

thành câu. Khi viết ra các ý tưởng, nhà dân tộc học sẽ phải tiếp tục nghiên ngâm các diễn giải của mình. Cuối cùng, cô ấy sẽ phải mài giũa các ý tưởng dự kiến thành những quan điểm được thể hiện rõ trong bài viết cuối cùng. Nhưng ở bước này, nhà dân tộc học cần cỗ gắng khảo sát đầy đủ các biến thể và các ngoại lệ trong chủ đề nghiên cứu. Cô ấy cũng cần nhắm đến sự phong phú và dòng chảy có tính kết cấu hơn là sự chặt chẽ về tính logic, còn việc định hình và dùng từ ngữ chính xác thì sẽ giải quyết sau.

Trong suốt quá trình này, nhà dân tộc học tiếp tục trau chuốt cảm nhận chung về bài viết dân tộc học đang hình thành. Thường thì cô ấy đã có ý tưởng chủ đạo rõ ràng cho tác phẩm của mình từ khá sớm - từ khi xác định một đề tài hay các chủ đề mã hóa. Một số nhà dân tộc học khác chỉ rõ ý tưởng chủ đạo khi chọn lựa các đoạn trích. Còn với một số tác giả khác, chỉ khi bắt đầu bình luận về những đoạn trích được chọn lọc thì họ mới tập trung vào ý tưởng chính. Tuy nhiên, cũng có khi đang viết phần giới thiệu, nhiều nhà dân tộc học đã dừng lại ở trọng tâm chính xác và phát biểu về chủ đề. Lúc đó, bằng cách viết ra một phát biểu dự kiến về ý tưởng chính yếu, nhà dân tộc học bắt đầu định hình trọng tâm của bài viết và cảm nhận về những gì câu chuyện dân tộc học sẽ nói đến. Nhưng ý tưởng trọng tâm dự kiến này không phải là một câu phát biểu chủ đề cố hữu - mà thường thay đổi trong suốt quá trình giải thích các ghi chép điền dã và sửa chữa các phần của bài viết. Một số nhà dân tộc học mới vào nghề thường cảm thấy không thoải mái với bản chất mơ hồ và hay thay đổi trong việc xác định trọng tâm của tác phẩm miêu tả dân tộc học. Nhưng điều quan trọng ở đây là tính không chắc chắn này chính là một khía cạnh quan trọng và thậm chí là cần thiết trong quá trình phân tích, và với sự kiên trì, nhà dân tộc học sẽ làm rõ được trọng tâm bài viết của mình.

### *Lựa chọn để diễn giải các ghi chép điền dã*

Với một câu chuyện trong đầu, một loạt đoạn trích ghi chép điền dã và những ghi nhớ ban đầu trong tay, tiếp đến nhà dân tộc học sẽ tạo ra các bình luận, phân tích chi tiết, để diễn giải mỗi đoạn trích và nối kết nó với những đoạn khác. Làm theo cách này - tạo ra một loạt phần viết kết hợp sự diễn giải có phân tích với các đoạn trích ghi chép điền dã - sẽ giúp xây dựng nên từng phần của một câu chuyện mạch lạc lấy ghi chép điền dã làm trung tâm.

Các nhà dân tộc học sử dụng hai chiến lược văn bản khác nhau để tạo ra và trình bày các đơn vị trích dẫn ghi chép điền dã và bình luận diễn giải. *Chiến lược hợp nhất* nối kết các diễn giải và đoạn trích; chiến lược này giúp tạo ra một văn bản có những giới hạn tối thiểu về không gian - chẳng hạn như lùi vào ở đầu dòng hay giãn dòng đơn - để xác định nơi nào kết thúc đoạn trích ghi chép điền dã và nơi nào bắt đầu diễn giải. Đoạn văn sau đây là một ví dụ về cách những người làm pháo hoa nghiệp dư - những người làm ra và đốt pháo hoa tự tạo và các thiết bị liên quan - kiểm nguyên vật liệu:

Loại chất nổ chất lượng cao thứ hai người làm pháo hoa dùng chủ yếu gồm có những thứ như thuốc nổ, các chất nổ dung dịch và chất nổ dẻo khác nhau được sử dụng trong quân sự và công nghiệp. Ở một số nơi nhất định, người ta cho biết là rất dễ kiểm được chất nổ. Tôi được biết là ở một bang lân cận, bắt cứ ai trên mươi tám tuổi với một "mục đích đúng đắn" đều có thể mua được thuốc nổ tại quầy. Trong cuộc nghiên cứu, Arnold, Russell và Hank đã đến bang đó, họ mua được tám que thuốc nổ và những thứ khác. Arnold nhận xét: "Chúng tôi chỉ vừa nói chúng tôi có một khu mỏ ở phía nam - nơi chúng tôi đang làm việc, và mục đích duy nhất chúng tôi có trong đầu là làm nổ nó [thuốc nổ], giống như bắt cứ ai sử dụng pháo hoa - chỉ vì mục đích giải trí". Anh ta tiếp tục cho biết là anh ta và những người khác tiến hành kích nổ số chất nổ [vừa mua - ND] ở một nơi xa xôi để tránh rủi ro khi vận chuyển số chất nổ đó qua ranh giới bang trở lại tiểu bang của họ.

Ở đây, nhà dân tộc học sử dụng các ghi chép điền dã như các minh họa hay "ví dụ" (Atkinson, 1990) cho một dạng thức được tuyên bố, chọn lựa và viết lại chúng để giải thích và khẳng định lại các tuyên bố đó. Kết quả là ghi chép điền dã và ý tưởng [của tác giả - ND] được hợp nhất thành một văn bản duy nhất và xuyên suốt, theo một giọng nói duy nhất. Người viết không đánh dấu sự khác biệt giữa các ghi chép điền dã được ghi lại trước đó với sự diễn giải hiện thời thông qua các kỹ thuật văn bản, thay vào đó, anh ta chỉ ra sự thay đổi thông qua những cụm từ chuyển ý như "chẳng hạn" hay "một tình tiết gây ấn tượng mạnh."

Ngược lại, về hình thức, *chiến lược đoạn trích* thường đánh dấu những đoạn trích ghi chép điền dã với phần bình luận và diễn giải đi theo bằng

cách lùi vào ở đầu dòng và/hay in nghiêng. Đoạn văn dưới đây là một phần trong tác phẩm dân tộc học về “những khó khăn mà các bệnh nhân tự kỷ trải nghiệm khi cố gắng hòa nhập vào cộng đồng xung quanh họ”. Tác giả bắt đầu đoạn văn với quan điểm phân tích là những người láng giềng thường xuyên đối xử với họ [những người tự kỷ - ND], “theo cách phân biệt”. Sau đó cô ấy đưa ra một đoạn trích để minh họa cho điều vừa nói:

Đôi lúc những người trong cộng đồng phản ứng một cách hòa nhập hơn với các khách hàng tự kỷ, mặc dù theo cách phân biệt. Ở một hàng chơi bowling địa phương, một người phục vụ ở quầy rượu cố gắng phục vụ John, nhưng thay vào đó lại tỏ vẻ bảo trợ cho anh ta:

Tôi đi với John đến chỗ chơi bowling để lấy cà phê của anh ấy. John hỏi người đàn ông đứng sau quầy bar là anh ta có “ly cà phê thật lớn” không. Người đàn ông đưa anh ta một ly cà phê và sau đó, khi John đi lại trả tiền, người đàn ông trả lại tờ đô la và nói: “Tôi quên sinh nhật anh năm ngoái, Chúc mừng sinh nhật”. John đút tờ đô la vào trong túi và nói “cảm ơn” với người đàn ông. Khi chúng tôi quay ra xe, John nói: “Đó chỉ là sinh nhật của tôi. Tôi phải làm rõ một vài điều”. John tiếp tục lặp lại những cụm từ này (để “nhắc nhở”) cho đến khi một tinh huống khác thu hút anh ta.

Mặc dù người phục vụ ở quầy rượu cố gắng tạo ra sự ủng hộ xã hội tích cực đối với John, nhưng lại đối xử với anh ấy theo cách kỳ thị. Trong khi John đang cố gắng “hòa hợp với” cộng đồng thì anh ta lại nhận được sự đối xử theo kiểu chặn anh ta ở bên ngoài. “Sự đối xử đặc biệt” của người phục vụ quầy rượu đối với John cho thấy anh ta xem John là “đặc biệt” khác biệt đang cần hay đáng được cho một cơ hội. Khi người pha rượu cố gắng làm một chuyện tốt, anh ta đã kỳ thị một người đang làm hết sức để có được chỗ đứng khiêm tốn nhất trong cộng đồng của mình.

Ở đây, ví dụ cụ thể đã làm rõ hơn phần phát biểu phân tích mà tác giả sử dụng như một câu chủ đề. Đoạn miêu tả trong ghi chép điền dã đã thuyết phục các độc giả qua sự phân tích của tác giả. Sau đó, thông qua phần bình luận có tính phân tích theo sau đoạn trích, nhà dân tộc học này mở rộng quan điểm ban đầu của mình bằng cách xem xét một vài đặc điểm của sự tương tác: John đang cố gắng hòa nhập, sự cung cố tích cực của người phục vụ quầy rượu, và tác động của sự kỳ thị tinh vi khi người phục vụ đối xử đặc biệt với John.

Ghi chép điền dã dễ dàng được nhận ra như là một đoạn trích vì nó lùi vào đầu hàng. Cách thiết kế bắt mắt này làm tăng sự tương phản tách biệt giữa đoạn phân tích và miêu tả. Nó cũng giúp tạo ra một đoạn đối thoại nổi bật, vì nhà dân tộc học nói bằng hai giọng khác nhau khi nhà điền dã miêu tả trải nghiệm trong đoạn trích và khi tác giả giải thích những sự kiện này cho độc giả.

Ngoài ra, bằng hình thức tách các đoạn trích ra khỏi phần bình luận, cách trình bày này đóng khung các đoạn trích ghi chép điền dã như phần giải thích được tạo ra trong quá khứ, gần với các sự kiện ở thực địa. Theo nghĩa này, nhà nghiên cứu định hình các đoạn ghi chép điền dã như “bằng chứng”, những gì “được ghi lại đầu tiên”, tương phản với phần diễn giải sau đó. Thật vậy, thông qua các đoạn trích rõ ràng, nhà dân tộc học như đang hướng đến độc giả và nói rằng: “Đây là những gì tôi đã nghe và quan sát được, và đây là những gì mà giờ đây tôi đang suy nghĩ.”

Nhiều nhà dân tộc học thể hiện sự ưu tiên đối với lựa chọn này hay lựa chọn khác và sử dụng nó xuyên suốt văn bản săn có.<sup>7</sup> Nhưng họ cũng có thể sử dụng cả chiến lược hợp nhất và trích đoạn ở những chỗ khác nhau cho những mục đích viết khác nhau. Phong cách hợp nhất giúp việc trình bày các dữ liệu thực địa trơn tru và tập trung vào chủ đề hơn. Nó cho phép tác giả truyền tải nhiều ý tưởng theo một phong cách súc tích và tập trung, vì người viết phải biên tập lại nhiều phần ghi chép điền dã ban đầu không thích hợp với vấn đề hay lập luận sắp tới. Ngoài ra, phong cách viết hợp nhất đặc biệt phù hợp hơn với việc trình bày các ghi chép điền dã dài và liên tục: Những đoạn trích dài và trực tiếp từ các cuộc phỏng vấn hay các phân đoạn mở rộng với những cảnh huống nền tảng phức tạp có thể được kể lại như một câu chuyện đang tiếp diễn.<sup>8</sup> Vì lý do đó, chiến lược này làm cho việc sử dụng liên tục ngôi thứ nhất trở nên dễ dàng hơn, và nhờ đó, sẽ giúp khuyến khích kiểu kể chuyện linh hoạt và có tính phản thân hơn. Cuối cùng, chiến lược hợp nhất còn hữu ích trong việc gom các quan sát và

<sup>7</sup> Các ví dụ về việc các tác phẩm dân tộc học phụ thuộc vào các chiến lược hợp nhất, xin xem Berger (1981), Desmond (2007), Diamond (1992), và Thorne (1993). DeVault (1991), Emerson (1989), Irvince (1999), và Lareau (2003) cũng sử dụng nhiều chiến lược trích dẫn.

<sup>8</sup> Rất khó để xử lý các sự việc hay các phân đoạn dài theo phong cách đoạn trích, cần phải chọn hoặc để các trích đoạn rất dài, hay ngắn đoạn tùy ý thành một loạt các đơn vị chép nhỏ hơn.

những sự kiện rải rác trong bản ghi chép điền dã lại với nhau để tạo ra một tổng thể chặt chẽ về một vấn đề hay dạng thức.

Ngược lại, chiến lược đoạn trích duy trì các miêu tả và chi tiết trước đó mà không cần biên tập nhiều, về một nghĩa nào đó là để cho người đọc tự thấy “nền tảng” của các phân tích và diễn giải. Bằng cách phân biệt về hình thức giữa phần ghi chép điền dã và phần phân tích, phong cách đoạn trích khuyến khích người đọc đánh giá những nền tảng, cách xây dựng và tính xác thực của các diễn giải được đưa ra. Rõ ràng là chiến lược này phụ thuộc mạnh mẽ vào tác động tu từ khi trình bày các đoạn trích ghi chép điền dã như là “bằng chứng” được thu thập từ trước và có lẽ là độc lập với sự diễn giải cuối cùng. Cuối cùng, chiến lược đoạn trích cho phép trình bày tối đa những chi tiết không được giải thích và đặc tính của các sự kiện quan sát được trên thực địa. Các nhà dân tộc học không cần và thực tế là không thể nói rõ mọi khía cạnh của các đoạn trích ghi chép điền dã mà họ đưa vào bài viết. Thay vào đó, họ thường để cho các cảnh huống nói thay. Các đoạn trích như vậy hàm chứa nhiều hơn những gì nhà dân tộc học chọn để thảo luận và phân tích, chúng làm cho các văn bản dân tộc học có tính sâu sắc và cấu trúc. Thật vậy, những đặc tính hay chi tiết chưa khảo sát này giúp cho độc giả ngầm hiểu về những cảnh tượng hay sự kiện được miêu tả và phân tích. Trong chiến lược này, các đoạn trích mang tính khơi gợi cũng như thuyết phục, vì thế chúng nổi lên như những phần nổi bật, tâm điểm và quan trọng trong câu chuyện dân tộc học.

Dù khác biệt về phong cách và những điều khác, nhưng chiến lược hợp nhất và trích đoạn văn bản đều có mục đích chung là liên kết các phần ghi chép điền dã với phần bình luận phân tích. Theo nghĩa này, cả hai chiến lược đều bao gồm việc viết ra những đơn vị chặt chẽ kết hợp phần phân tích với các dữ liệu thực địa. Giờ đây chúng tôi sẽ nói đến những quá trình viết cụ thể để tạo ra những đơn vị đoạn trích - bình luận như vậy.

### *Tạo ra những đơn vị đoạn trích - bình luận*

Muốn tối đa hóa sự tương tác giữa ý tưởng phân tích và đoạn trích thì một bình luận phân tích lấy ghi chép điền dã làm trung tâm sẽ có thể giúp ích. Nó tập trung sự chú ý thông qua một *quan điểm phân tích*; minh họa và

thuyết phục bằng một đoạn trích miêu tả được giới thiệu bằng *thông tin định hướng* thích hợp; khám phá và phát triển các ý tưởng thông qua những *bình luận* dựa trên các chi tiết của đoạn trích. Chúng tôi sử dụng thuật ngữ *đơn vị* *đoạn trích* *bình luận* để nói đến thành tố cơ bản của cách viết dân tộc học. Trong một số ví dụ, tất cả các thành tố này có thể kết hợp thành một đoạn văn duy nhất được xây dựng xung quanh một phần dữ liệu thực địa cụ thể, nhưng ở những ví dụ khác thì cần phải có thêm một số đoạn văn để có thể giải thích đầy đủ về đoạn trích. Chúng ta sẽ xem các nhà dân tộc học viết những đơn vị trích dẫn như vậy sử dụng chiến lược đoạn trích như thế nào; tuy nhiên, chúng tôi phải nói rằng chiến lược hợp nhất thường cũng chỉ hơi khác về quy trình.

Chúng ta sẽ xem đơn vị đoạn trích bình luận hoàn chỉnh sau đây từ một tác phẩm dân tộc học về một trường trung học giáo dục thường xuyên mở rộng, dành cho học sinh đồng tính cả nam lẫn nữ [store-front school là trường dành cho những người không học được ở trường trung học phổ thông bình thường vì một số lý do nào đó]. Trường có chương trình dạy học linh hoạt hơn, gắn với gia đình và công việc - ND]. Dưới đây là một đoạn văn giới thiệu chủ đề của phần này - các học sinh khéo léo làm suy yếu quyền lực và vai trò của giáo viên bằng cách “tinh dục hóa” các trao đổi - tác giả đã trình bày và diễn giải một ví dụ điển hình của việc “tinh dục hóa”. Sau đó, anh ấy chuyển sang đơn vị viết này:

#### **Quan điểm phân tích**

Hơn thế nữa, học sinh đôi lúc định vị bản thân chúng là có quyền lực hơn các giáo viên bằng cách tinh dục hóa các nhận xét hướng dẫn của giáo viên. Đoạn trích dưới đây là giữa Michael, giáo viên phụ đạo, và Mark, một học sinh:

#### **Thông tin định hướng**

#### **Đoạn trích**

Ngay khi Michael rời khỏi phòng, sau khi trao đổi với Chris, thầy ấy quay lại nhìn Mark và nói: “Đi với thầy, Mark”. Mark, lúc này đang bò đồ vào ba lô của mình, đã quay lưng

lại với Michael và nói: "Em không muốn đi với thầy". Trong khi nói, cậu ấy hơi nhìn về phía Chris và mỉm cười. Tất cả những người khác [học sinh] đều cười.

### Bình luận phân tích

Có vài khía cạnh đặc biệt quan trọng trong đoạn trích này. Đầu tiên là trình tự các nhận xét xuất hiện. Mệnh lệnh của người thầy, "Đi với thầy", là chức năng quyền hành của người thầy với tư cách giáo viên và sự tình dục hóa sau đó của Mark là một thách thức đối với uy quyền này. Thứ hai, Mark không chỉ bác bỏ uy quyền của thầy giáo mà còn đao lộn và tiếp tục củng cố vị thế của mình bằng cách xem lời nói của Michael như là một lời tuyên bố tình dục. Về cơ bản, Mark đã định vị bản thân là người có quyền lực hơn trong hai "đối tác tiềm năng" bằng cách từ chối "lời dụ dỗ" của giáo viên. Cuối cùng, việc thực hiện hành động này trước mặt các học sinh khác đã tác động rất lớn đến kết quả của sự tương tác. Khi các học sinh khác cười vì lời nói của Mark, họ hiểu yếu tố tình dục trong lời nói của cậu ấy nghĩa là thầy Michael không thể bỏ qua khía cạnh tình dục khi có thể nếu chỉ có thầy ấy và Mark. Nói cách khác, tiếng cười của các học sinh khiến cho yếu tố tình dục trong lời nói của Mark trở nên thật hơn và có vẻ tự đắc đối với vai trò giáo viên của Michael.

Tác giả bắt đầu phần này bằng *quan điểm phân tích* là học sinh có thể tinh dục hóa các mệnh lệnh của giáo viên như là một cách để tự xác định bản thân và chống lại họ. Phát biểu này không chỉ nối kết các ý tưởng ở các đoạn trước, nhờ đó đóng góp cho chủ đề của phần này và cho toàn bộ câu chuyện của tác phẩm dân tộc học; mà nó còn “hướng dẫn” người đọc biết được tác giả định đọc và diễn giải đoạn trích đó như thế nào để hướng sự chú ý đến một số đặc điểm nào đó của đoạn trích.

Theo sau quan điểm phân tích, tác giả đưa ra thông tin định hướng bằng một câu ngắn đóng vai trò như cầu nối cho đoạn trích. Thông tin này xác định những đặc điểm chính trong bối cảnh qua danh tính và vai trò. Vì tác giả đã miêu tả cấu trúc tự nhiên và những thông lệ hằng ngày trong ngôi trường nhỏ này, nên anh ấy có thể mặc định là độc giả sẽ hiểu rằng hành động diễn ra trong một lớp học. Anh ta cũng mặc định là độc giả có thể hiểu được tầm quan trọng của các sự kiện sắp được nhắc đến mà không cần biết chính xác sự việc đó diễn ra vào lúc nào trong ngày, hay phải biết chính xác những điều liên quan đến cuộc chạm trán giữa giáo viên phụ đạo và một học sinh khác, Chris. Tuy nhiên, trong nhiều tình huống, tác giả cần định hướng rõ cho người đọc về bối cảnh và những hành động trước đó có liên quan đến sự việc sắp được kể. Theo sau câu định hướng này, tác giả trình bày *đoạn trích* của mình với hình thức lùi vào đầu hàng.

Cuối cùng, nhà dân tộc học thảo luận về sự tương tác được miêu tả trong đoạn trích ở phần *bình luận phân tích* mở rộng, làm cho sự việc đó trở nên phù hợp với chủ đề của anh ấy: đầu tiên, lời nhận xét của Mark đại diện cho một sự thách thức đối với uy quyền của giáo viên; thứ hai, việc Mark kết thúc sự thách thức này bằng cách tái khuôn định mệnh lệnh của người giáo viên một cách có tương tác như là một lời đề nghị tinh dục, biến đổi các vai trò tương ứng của họ một cách không nghiêm túc; và cuối cùng, với các học sinh là khán giả của cuộc nói chuyện, tiếng cười của họ khẳng định và làm kịch tính thêm ý nghĩa của lời nói đã được tinh dục hóa của Mark, làm cho sự việc này trở thành một thách thức tự đắc đối với uy quyền của Michael.

Trong các bình luận phân tích, các nhà dân tộc học kề tiếp cho độc giả những gì nằm trong ghi chép điền dã mà họ muốn độc giả thấy. Khi viết các bình luận phân tích, những câu hỏi sau có thể giúp ích cho bạn, chẳng hạn như: Hàm ý của những sự kiện hay cuộc trò chuyện được kể trong đoạn

trích là gì? Có thể rút ra và khám phá được những sắc thái gì? Nội dung của cảnh tượng này có gì liên quan đến các vấn đề phân tích được đề cập trong bài viết? Thật vậy, các tác giả dân tộc học thường bình luận như thế khi khám phá ra sự căng thẳng giữa ý tưởng tập trung và phần ghi chép điền dã có tính kết cấu chặt chẽ và ít rõ ràng hơn. Chẳng hạn, thay vì chỉ xem xét kết quả, họ có thể khảo sát đặc điểm đã được thương thảo của sự tương tác (ví dụ, biến đổi một mệnh lệnh thành một lời đề nghị tình dục; xem các học sinh khác đóng vai trò là khán giả).

Mặc dù các nhà dân tộc học có thể viết ghi chép điền dã ở thời quá khứ hay hiện tại nhưng họ thường viết các quan điểm phân tích ở “thời dân tộc học”. Theo truyền thống này, sự việc được kể lại trong đoạn trích được miêu tả theo trình tự thời gian và có tính chất lịch sử, ngược lại, phần bình luận phân tích không có tính lịch sử và có thể khái quát.<sup>9</sup> Thực vậy, phần phân tích chắc chắn sẽ khái quát hóa những cá nhân cụ thể, những tương tác duy nhất và những sự kiện địa phương ở một mức độ nào đó. Nhưng sự trừu tượng hóa này không bao giờ đi chệch hướng quá xa, bởi vì phần bình luận luôn gắn chặt với các đoạn trích ghi chép điền dã. Sự cụ thể hóa và những động thái có tính tương tác, quá rõ ràng và sinh động trong đoạn trích sẽ giúp trung hòa các kiến thức trừu tượng.

Khi viết một đoạn trích có tính bình luận, nhà dân tộc học phải xem xét kỹ lưỡng các chiến lược viết của mình để kiểm tra xem ý tưởng và phần miêu tả có cùng cố lẩn nhau hay không. Trong một tác phẩm dân tộc học lấy ghi chép điền dã làm trung tâm, có một áp lực sáng tạo hiện hữu giữa quan điểm phân tích và đoạn trích minh họa; nhà dân tộc học kể câu chuyện thông qua cả đoạn trích và lời bình luận, và vì thế, các ý tưởng và chi tiết có tính chất miêu tả phải cùng cố cho nhau. Một đoạn trích không chỉ đầy mạnh một chủ đề hay một khái niệm; nó còn phải *thuyết phục* người đọc tin là cách diễn giải cụ thể của nhà dân tộc học và một câu chuyện tổng thể hơn đã được chứng minh. Ngược lại, nhà dân tộc học cũng nên đảm bảo

<sup>9</sup> Một số nhà phê bình cho rằng viết các ý tưởng phân tích theo “thời hiện tại dân tộc học” tạo ra một cảm giác sai lầm rằng các hành động liên tục đó không có tính lịch sử. Fabian (1983), khảo sát những vấn đề này khi nghiên cứu các khái niệm về thời gian và lịch sử tiềm ẩn trong nghiên cứu nhân học. Chúng tôi cho rằng những trích đoạn và bình luận ghi chép điền dã được đưa vào rõ ràng đã đặt việc thảo luận vào trong những khoảng thời gian, nơi chốn và các điều kiện xã hội cụ thể.

rằng quan điểm phân tích có thể cung cấp các chi tiết của đoạn trích. Thường thì khi kiểm tra tính thích hợp của ghi chép điền dã và phần bình luận, nhà dân tộc học phải sửa lại phần bình luận để làm cho nó gần gũi hơn với đoạn trích. Trong một vài trường hợp, sự điều chỉnh này làm thay đổi phần bình luận phân tích nhiều đến mức nó sẽ không còn thích hợp với chủ đề của phần đó; kết quả là, toàn bộ phần đoạn trích - bình luận có thể bị bỏ đi, ít nhất vào lúc này, cho đến khi nó rõ ràng là thích hợp hơn.

Có thể sự không nhất quán giữa ý tưởng và phần chi tiết miêu tả xuất phát từ sự căng thẳng giữa quan điểm tiềm ẩn trong đoạn trích và quan điểm được thể hiện bởi phần phân tích. Để tăng tính thuyết phục, các bối cảnh của quan điểm phân tích và phần miêu tả phải phù hợp với nhau. Chẳng hạn, một sinh viên dân tộc học đang nghiên cứu về nơi cải tạo trẻ vị thành niên muốn hướng câu chuyện dân tộc học vào những phản ứng của trẻ vị thành niên với uy quyền của các nhân viên. Tuy nhiên, hãy xem xét đoạn trích dưới đây và bối cảnh trình bày:

Các cậu con trai ngồi trong phòng tập thể với những gương mặt vô cảm. Một cậu con trai người gốc Tây Ban Nha gác chân lên một trong những cái ghế nhựa, và cô nói cậu ấy là bỏ chân xuống. Cậu ấy bỏ chân khỏi cái ghế và sau đó cô đi về phía tiền sảnh. Một vài phút sau đó, khi quay lại phòng kiểm soát, cô ấy thấy là cậu con trai lại bỏ chân lên ghế và cô đã gọi cậu con trai vào phòng kiểm soát. Cậu ấy vừa đi vừa cười toe toét. Cô ấy hỏi tại sao lại bỏ chân lại trên ghế, cậu bé nhún vai và nhìn xuống đất. Sau đó cô ấy nói với cậu bé là khi cô ấy nói cậu phải làm cái gì thì tốt hơn hãy làm như thế. Cô ấy bảo cậu con trai đó đi ra ngồi ở phòng tập thể.

Mặc dù lúc đầu tập trung vào “những cậu con trai đang ngồi trong phòng tập thể”, nhưng đoạn trích này đã nhanh chóng chuyển từ quan điểm của một người quan sát vô danh về những hoạt động của các cậu con trai sang những hành động của cán bộ quản giáo có nhiệm vụ duy trì sự kiểm soát trong bối cảnh này. Điều này mâu thuẫn với mục tiêu tập trung phân tích hoạt động của các cậu bé và phản ứng của chúng với uy quyền của người lớn.<sup>10</sup>

<sup>10</sup> Tuy nhiên, đoạn trích này có thể được sử dụng một cách hiệu quả để miêu tả những hành động và những mối quan tâm thường ngày của cán bộ quản giáo, một sự tập trung thích hợp khiến cho nhà dân tộc học khẳng định mạnh mẽ hơn rằng mình là một nhân viên.

Sự phù hợp giữa đoạn trích ghi chép điền dã và quan điểm phân tích nên được xem như một phần tiến trình của toàn bộ câu chuyện dân tộc học. Tác giả không chỉ nên nghĩ về việc viết một quan điểm phân tích để phát triển chủ đề của phần này, mà còn phải nghĩ về việc làm thế nào để đoạn trích này và phần bình luận đi kèm có thể thuyết phục người đọc thông qua sự tương tác của các chi tiết ghi chép điền dã và ý tưởng, nhờ đó thúc đẩy câu chuyện diễn ra. Khi viết các đơn vị đoạn trích - bình luận, không nên để quan điểm phân tích kiểm soát đoạn trích quá mức khi nhấn mạnh các đặc điểm của nó; bản thân đoạn trích - như đã được xây dựng trước đó - ràng buộc những quan điểm phân tích khả hữu của tác giả và cách trình bày chúng. Ở một khía cạnh, câu chuyện có chủ đề sẽ tiến triển thông qua sự lặp đi lặp lại ngày càng tăng. Mỗi đơn vị [đoạn trích - bình luận - ND] vừa lặp lại chủ đề, nhưng đồng thời thông qua những gia tăng nhỏ [sự lặp đi lặp lại - ND] này, vừa đưa vào thêm một vài ý tưởng và cái nhìn thoáng qua về con người. Cái nhìn lặp đi lặp lại về chủ đề của từng phần từ các góc độ khác nhau giúp người đọc hiểu sâu hơn.

Cuối cùng, nhà dân tộc học nên xem xét hàm ý của các phần bình luận - đoạn trích được đưa vào câu chuyện dân tộc học để có thể phát triển thêm những đơn vị như vậy. Thực vậy, Katz (1988:142) cho là những tác phẩm dân tộc học được gọt giũa khéo léo có "đặc tính giống như trang web", nó cho phép các độc giả sử dụng dữ liệu được đưa ra để cung cấp cho một quan điểm nhằm xác nhận hay bác bỏ những quan điểm khác. Tác giả dân tộc học khi đã nhận biết được khả năng xác nhận hay bác bỏ thì nên nhạy bén với nội dung các đặc điểm chưa được xem xét của các đoạn trích ghi chép điền dã khác và các bình luận phân tích cho những tuyên bố lý thuyết hiện thời.

Tóm lại, nhà dân tộc học không nên để cho một lý thuyết hay một chính đe có trước quyết định tuyệt đối việc phân tích các đoạn trích ghi chép điền dã như thế nào. Thay vào đó, nhà dân tộc học cần di chuyển tới lui giữa việc mã hóa, các đoạn trích tiềm năng, và các quan điểm phân tích để làm cho chúng cùng thúc đẩy câu chuyện diễn ra. Quá trình đó khắc sâu mối cảng thẳng sáng tạo giữa các đoạn trích và phần phân tích, giúp cung cấp cho câu chuyện và làm người đọc hiểu sâu hơn về thế giới mà câu chuyện thể hiện.

### *Biên tập các đoạn trích*

Khi viết một đơn vị đoạn trích bình luận, nhà dân tộc học cần tái cấu trúc đoạn trích đó cho phù hợp. Nhà nghiên cứu sẽ bắt đầu bằng cách xem lại phần ghi chép điền dã gốc để quyết định những phần nào nên được đóng khung và di chuyển đi để tạo thành một đoạn trích. Quyết định này bao gồm việc xác định rõ trước là đoạn trích đó chính xác sẽ bắt đầu từ đâu và kết thúc ở đâu. Nói chung, việc giữ lại, thay vì cắt bỏ một phân đoạn ghi chép điền dã dài là một điều cần phải thận trọng trong những lần cắt đầu tiên này, vì tác giả có thể xóa đi những phần không liên quan sau đó.

Nhà dân tộc học tiếp tục xem xét và biên tập những đoạn trích ban đầu này khi chi tiết hóa một bình luận diễn giải. Thật vậy, chúng tôi khuyến khích nên biên tập đầy đủ một đoạn trích như một phần của quá trình viết một đơn vị đoạn trích - bình luận. Vì tác giả đang đắm chìm trong các chi tiết của đoạn trích và các khả năng phân tích khác nhau của đoạn trích nên đây là khoảng thời gian phù hợp nhất để đánh giá xem phần nào của ghi chép điền dã phù hợp hay không phù hợp với những vấn đề này. Sự phản ánh gần gũi liên quan đến đoạn trích như vậy có thể thúc đẩy nhà nghiên cứu đi đến những kiến thức mới và những điều chỉnh có tính phân tích. Khi xây dựng một đơn vị đoạn trích - bình luận, tác giả thường điều chỉnh quyết định của mình về nơi bắt đầu và kết thúc đoạn trích. Nhà dân tộc học cũng có thể quyết định đưa ra quan điểm của mình một cách thuận lợi hơn bằng cách rút ngắn đoạn trích và đưa ra các chi tiết nền tảng như là thông tin định hướng trong phần viết trước đó.

Quyết định biên tập này phụ thuộc vào mục đích đưa đoạn trích vào (ví dụ, muốn đưa ra một chi tiết sống động) và phụ thuộc vào cả các vấn đề mà phần bình luận phân tích theo đuổi. Nhưng khi biên tập các đoạn trích, các nhà dân tộc học cũng cần phải xem xét một số tiêu chuẩn chung hơn, bao gồm *độ dài, tính thích hợp, dễ đọc, dễ hiểu, và tính ẩn danh của các thông tin viên*.

Một đoạn trích nên được sắp xếp theo một *độ dài thích hợp*. Không nên để cho nó quá lan man chỉ vì phần miêu tả hay lời nói thú vị; người đọc sẽ cảm thấy khó duy trì được sự chú ý và ham thích nếu đoạn trích kéo dài hàng trang và các ghi chép điền dã không ngắt đoạn. Nếu không thể xóa bớt thì nhà dân tộc học có thể tách đoạn trích ban đầu thành nhiều đơn vị riêng rẽ, nhỏ hơn, và viết phần bình luận diễn giải cho mỗi đơn vị.

*Tính thích hợp* là mối quan tâm trọng yếu khi biên tập các đoạn trích ghi chép điền dã. Nếu cho là thích hợp thì nhà điền dã phải cân nhắc tính chất nào quan trọng đối với các phần miêu tả đã đưa ra và tính chất nào đóng góp cho chủ đề của phần đó, hay quan điểm phân tích của đơn vị đó. Vì thế, một nhà dân tộc học thường bắt đầu bằng cách đánh dấu những đặc điểm nào là quan trọng đối với sự tương tác và đặc điểm nào thể hiện quan điểm đã đưa ra. Sau đó, cô ấy có thể xem xét các phần dữ liệu xen vào và suy nghĩ xem những phần nào có thể xóa đi và phần nào cần giữ lại để tạo ra sự tiếp nối cho câu chuyện, hay tạo ra cảm giác về cảnh tượng và bối cảnh. Sau đó, theo các tiêu chuẩn biên tập đọc lướt trong một đoạn trích, cô ấy sẽ thay thế những phần đã xóa bằng những hình e-lip. Các nhà dân tộc học nên đặc biệt quan tâm đến việc biên tập các đoạn thoại phỏng vấn, không nên xóa các câu hỏi của bản thân họ. Vì những câu hỏi này sẽ định hình câu trả lời đưa ra, nên phải được giữ lại như là bối cảnh cho những lời đối đáp của cá nhân được phỏng vấn.

Chúng ta sẽ xem xét các quyết định của Rachel Fretz trong đoạn trích và cách biên tập các ghi chép điền dã để đưa vào bài viết về người Chokwe kể các câu chuyện lịch sử (*kulweza sango*) ở vùng Tây Bắc Zambia. Cô ấy quan tâm đến việc vận dụng những cách kể chuyện truyền thống phổ biến khi kể các câu chuyện lịch sử về những sự kiện diễn ra cách đây chưa lâu.<sup>11</sup> Cô ấy tập trung vào trường hợp người Chokwe kể về Mushala, một nhân vật chính trị nhiều tham vọng, thất bại trong việc tranh giành quyền lực hợp pháp và đã trở thành lãnh đạo của một nhóm lính sống ngoài vòng pháp luật, thường khủng bố người dân. Cuối cùng, quân đội chính phủ đã đến khu vực này truy lùng Mushala và giải thoát cộng đồng khỏi những cuộc bồ ráp của ông ta. Một số người đã chứng kiến những sự kiện này và những người khác đã nghe kể lại nhiều lần; thỉnh thoảng họ đưa ra những lời nhận xét và những điều họ biết trong quá trình kể chuyện. Nhà điền dã ghi âm lại

<sup>11</sup> Vấn đề này được thể hiện qua phân tích của Okpewho (1992:183-203) về “những truyền thuyết lịch sử”. Okpewho cho là khi kể về các sự kiện xuất hiện trong quá khứ gần đây, người kể chuyện sẽ tạo ra một câu chuyện mà những người nghe, một số người trong đó có thể là những nhân chứng, chấp nhận là sự thật. Tuy nhiên, người kể chuyện sử dụng những công cụ văn phong rõ ràng và những truyền thống kể chuyện để kể lại sự kiện; kết quả là “những truyền thuyết lịch sử” nghe rất giống với “những truyền thuyết thần thoại”, là những câu chuyện mà không ai được chứng kiến.

buổi kể chuyện và những nhận xét của khán giả; trong ghi chép điền dã của mình, cô ấy chủ yếu viết về các cảnh huống của cuộc kể chuyện, các thành viên gia đình trình bày và phản ứng của họ sau buổi tối đó và ngày hôm sau. Cô ấy bắt đầu phân tích bằng việc lắng nghe đoạn băng và đọc lại ghi chép điền dã mở rộng dưới đây:

Chúng tôi hỏi bác John là ông có biết gì về các sự kiện liên quan đến Mushala hay không. Bác ngừng một chút và trả lời: "Vâng, tôi biết rất rõ". Bác bắt đầu nói chậm lại bằng một giọng nghiêm trang. Bác kể về cách Mushala săn đuổi người Chokwe và người Lunda ở vùng này: về việc đốt các ngôi làng, giết gia súc, về việc dân làng phải trốn vào các bụi rậm và sông ở đó. Bác kể chuyện khoảng một tiếng rưỡi. Trong suốt thời gian đó, cả gia đình ngồi tại chỗ, rất yên lặng. Bác Don tham gia vào nhóm, nhưng ngồi ở cạnh lò than riêng của mình; Jerald, cháu trai của bác, đi đến ngồi cùng bác. Thỉnh thoảng mới có người nhận xét. [Nghe băng] Tôi chú ý đây là một khung cảnh rất truyền thống, mọi người ngồi bên đống lửa: một người ông, hai người cậu bên họ mẹ, và các cháu trai của họ. Ngoại trừ vợ của Joe là Kianze, một cô gái trẻ đi cùng tôi và tôi, còn lại tất cả đều là đàn ông [Đa số phụ nữ đang ngồi bên đống lửa trong nhà bếp kể đó và cũng đang lắng nghe rất chăm chú.]

Trước khi đêm tàn, hai người phụ nữ, tên là Nyalona và Kalombo, băng qua con đường đi về nhà. Và Nyakalombo, người bà, đi vào trong để ngủ. Mwatavumbi (người ông) đang gật gà gật gù và khi thức giấc, ông cũng đi ngủ. Chỉ còn bác John đang kể chuyện: khi ngồi ở đó, tôi chú ý là bác dùng các hiệu ứng kịch tính và các quy tắc hội thoại khi kể chuyện để đưa cốt truyện lên đến đỉnh điểm và kết thúc bằng việc Mushala bị giết chết.

Khi bác kết thúc, mọi người vẫn ngồi yên lặng một lúc. Tôi nói: "Cám ơn bác" và sau đó họ bắt đầu nói, Frank, Chesster và bác Don nói chuyện, mỗi người thêm vào phần hiểu biết của mình về các sự kiện. Don hỏi anh trai của mình là bác John một câu và bác ấy kể thêm: cha của bác biết về Mushala. Bác còn nói về Chilombo, một người hàng xóm có dính dáng đến những sự kiện đó (Chilombo là người đàn ông ăn mặc sang trọng và đeo cà vạt đến đây vào một ngày nọ, nói bằng tiếng KiChokwe với tôi gần chỗ *chisambwe* [nhà lều nơi đàn ông và khách ngồi]. Ông ta hỏi tôi có đến làng của ông ấy hay không vì ông ấy có những câu chuyện muốn kể. Tôi nói tôi sẽ đến vào lúc nào đó. Giờ đây, ngày hôm nay, Jerald nói là cậu ấy gặp ông ta ở thị trấn và ông ta hỏi cậu ấy sao tôi không đến như đã hứa. Jerald nói là ông ấy - Chilombo - đã chờ tôi. Lần tới!)

Vào cuối buổi ghi âm kể chuyện, Mwatushi yêu cầu mọi người nói tên của mình. Thậm chí sau khi đã tắt máy thu, mọi người vẫn ngồi đó và nói chuyện một lúc lâu hơn, đúng là bị mê hoặc bởi những sự kiện khích động. Khi chúng tôi băng qua đường để trở về làng, Mwatushi, bác John, Chester, Jerald, Kianze, và tôi đã nói suốt về điều này. Họ nói với tôi (và đã chứng minh) dân làng đã băng qua đường bằng cách đi ngược lại như thế nào, để dấu chân cho thấy họ đường như đi theo hướng ngược lại để đánh lạc hướng các binh lính.

Phải mất rất lâu tôi mới có thể ngủ được, trong đầu tôi cứ vang lên bài hát "Kanda uliya mwana, kanda uliya. Kaakwiza akuloe". ["Đừng khóc con ơi, đừng khóc; chúng sẽ đến bắn con đó"]. Đây là bài hát do người Chokwe hiện nay biên soạn, những người đã vượt sông để thoát khỏi cuộc chiến ở Angola, chủ đề trước đó của cuộc nói chuyện tối hôm đó]. Tôi cảm thấy cứ như có người đang ẩn mình trong bụi cây để trốn binh lính. Tất cả chúng tôi dậy rất muộn vào sáng hôm sau.

Vào trưa nay, Mwatushi nói là chính vợ của Mushala đã giao nộp ông ta cho binh lính chính quyền vì bà ta thấy là trước sau gì ông ta cũng sẽ giết gia đình và cả làng của bà ta. Khi bà gần sinh, họ gọi một bà đỡ đến ở với bà trong bụi rậm. Sau khi sinh con, một ngày khi Mushala đi khỏi, bà quyết định bỏ trốn với bà đỡ và chạy đến gặp bốn người lính. Bà nói với họ bà là ai, và rằng bà sẽ cho họ biết ông ta đang trốn ở đâu. Bà cũng nói với họ về bùa mê của ông ta và họ sẽ tránh được những bùa mê này nếu họ ở trần, nhưng họ mặc cỡ, vì thế bà ấy cởi bỏ hết quần áo và tất cả bọn họ đi bộ trên đường mà không mặc quần áo. Sau đó họ đến một ao nước, và bà ấy nói phải tắm ở đây để ông ta không thể thấy họ đang đi đến. Sau đó họ nghe Mushala đến và họ lùi vào bụi rậm. Ông ta đeo súng trên vai. Ông ta đi qua người lính thứ nhất - người này đang run lên vì sợ và không thể di chuyển được. Ông ta đi qua người lính thứ hai, anh ta cũng đang run lên vì sợ và không di chuyển được. Sau đó người lính thứ ba bắn thẳng vào mắt rồi vào ngực ông ta. Mushala cố gắng bước đi, nhưng không thể. Ông ta ngã xuống. Sau đó tất cả bọn họ đi đến và đâm ông ta bằng lưỡi lê. Và đó là cách ông ta đã chết. Vì vậy Mwatushi đã kể câu chuyện có các sự kiện này.

Khi suy nghĩ về ghi chép điền dã mở rộng này, tác giả đã thấy được các vấn đề cần phân tích trong hai đoạn được tô đậm. Đoạn thứ nhất đưa ra khả năng là, như một phần đối đáp trong câu chuyện, người ta có thể diễn lại một số hành động nào đó; các liên tưởng đó đa số xảy ra khi một chi tiết trong bối cảnh hiện thời gợi cho họ nhớ lại những sự kiện đau buồn đã từng

diễn ra tại đó.<sup>12</sup> Câu chuyện về Mushala đã gợi cho người nghe ký ức về những ngôi làng bị bỏ hoang, những bụi cây xung quanh nơi họ ẩn nấp và con đường người ta phải băng qua khi thỉnh thoảng họ phải quay lại làng lấy đồ tiếp tế. Để phát triển một đoạn trích - bình luận, tác giả phải chọn lọc và biên tập lại lời kể về việc trình diễn việc đi ngược để đánh lừa binh lính của Mushala:

Khi chúng tôi băng qua con đường để trở về làng, ... [chúng tôi] tiếp tục nói về câu chuyện. Họ nói với tôi (và chứng minh) dân làng đã băng qua con đường băng cách đi ngược như thế nào, để dấu chân của họ cho thấy như họ đi theo hướng ngược lại để đánh lạc hướng binh lính [của Mushala].

Cô ấy giới thiệu đoạn trích bằng cách nói là mọi người đang đi về nhà vào buổi tối hôm đó sau khi nghe kể chuyện, vì thế cô ấy không cần đưa thông tin này vào trong đoạn trích. Cô ấy cũng xóa đi những cái tên cụ thể của người nói, chỉ giữ lại tên thật của Mushala, bởi vì ông ta là một nhân vật của công chúng, một quy tắc trích dẫn chung trong các ghi chép điền dã; cô ấy cũng dùng một ngoặc vuông để làm rõ rằng đó chính là binh lính của Mushala chứ không phải binh lính của chính quyền, những kẻ đó đang tìm cách hành quyết người dân nên họ phải đi lại một cách giấu diếm.

Đoạn thứ hai đưa ra ý tưởng mọi người kể lại chi tiết và định hình các sự kiện để phù hợp với những kiểu kể chuyện quy ước. Trong một cuộc nói chuyện thông thường vào ngày hôm sau, Mwatushi rút ra một số các quy tắc kể chuyện tương tự để kể lại chi tiết việc Mushala bị giết như thế nào: việc sử dụng bùa phép để tàng hình (và không bị tấn công), việc lặp đi lặp lại ba lần nỗ lực giết kẻ hung ác, mà chỉ lần cuối cùng mới thành công.

Bà nói với họ [những người lính của chính quyền] về bùa phép của ông ta [Mushala] và họ sẽ tránh được những bùa mê này nếu họ không mặc đồ, nhưng

<sup>12</sup> Ý tưởng này xuất hiện một phần do thảo luận của Young (1988:121-58) về những mối liên kết giữa quang cảnh và sự kể chuyện khơi gợi ra. Cô ấy cho thấy có những câu chuyện liên quan đến những bức họa trên đá nào đó của người Zuni mà người ta thường kể khi họ đi ngang qua chúng. Trong một thể loại liên tưởng tương tự, câu chuyện lịch sử của người Chokwe khuyên khích người nghe cảm nhận quang cảnh có sự liên kết với câu chuyện; vào thời điểm được miêu tả ở đây, họ đóng lại quá khứ của câu chuyện và trình bày cái hiện thời, diễn lại việc theo dõi những bước chân đi ngược.

họ mặc cỡ, vì thế bà ấy cởi bỏ hết quần áo và tất cả họ không mặc quần áo đi bộ trên đường. Sau đó họ đến một ao nước, bà ấy nói phải tắm ở đây để ông ta không thể thấy họ đang đi đến. Sau đó họ nghe Mushala đến, và họ lùi vào bụi rậm. Ông ta đeo súng trên vai. Ông ta đi qua người lính thứ nhất - người này đang run lên vì sợ và không thể di chuyển được. Ông ta đi qua người lính thứ hai, anh ta cũng đang run lên vì sợ và không di chuyển được. Sau đó người lính thứ ba bắn thẳng vào mắt rồi vào ngực ông ta. Mushala cố gắng bước đi, nhưng không thể. Ông ta ngã xuống. Sau đó tất cả bọn họ đi đến và đâm ông ta bằng lưỡi lê. Và đó là cách ông ta đã chết.

Khi biên tập đoạn này, tác giả không đưa vào lý do tại sao người vợ lại phản bội Mushala, vì chúng không liên quan trực tiếp đến sự bàn thảo về các quy tắc kể chuyện. Nhà nghiên cứu cũng tránh biên tập bất cứ phần nào trong cách diễn đạt lời kể này; cô ấy muốn giữ lại trình tự và các chi tiết mà Mwatushi kể càng nhiều càng tốt. Cô ấy đưa lời giải thích vào trong ngoặc và quyết định xem thông tin cơ bản nào có thể tạo ra hiệu quả nhất nếu đưa vào đoạn trích.

Khi chuẩn bị đoạn trích ghi chép điền dã cho văn bản cuối cùng, nhà dân tộc học luôn phải làm nhiều việc khác hơn, chứ không chỉ đơn thuần xóa đi các phần không cần thiết trong một ghi chép điền dã; cô ấy còn phải tập trung và đào sâu thêm các chi tiết trong phần đã biên tập. Tiếp theo chúng ta sẽ xem cách Linda Shaw (1988) làm việc khi miêu tả những dạng thức mượn và trả giũa những người ở trung tâm dành cho người bị tâm thần. Phần ghi chép điền dã gốc không chỉ dài hơn mà còn chi tiết hơn phần ghi chép điền dã đã được biên tập.

### **Phần ghi chép điền dã gốc:**

Tôi đi vào phòng ăn để xem có món ăn nhẹ nào ở đó không và bắt gặp Marie đang nói chuyện rất giận dữ với Michelle về việc Michelle bảo Reid không cho cô ta mượn tiền. Michelle trả lời rằng cô ta không bảo Reid là đừng cho Marie mượn tiền, mà chỉ nói anh ta không nên cho ai mượn tiền, anh ta nên giữ tiền cho mình. Marie muốn biết Michelle nghĩ cô ấy là ai khi bảo mọi người đừng cho mượn tiền, [và muốn Michelle biết là - ND] cô ấy không xin xỏ mà luôn trả tiền lại cho bạn bè. Cuộc tranh cãi diễn ra như vậy và có vẻ leo thang khi Marie buộc tội Michelle là cố gắng gây phiền nhiễu, còn Michelle tự bảo vệ mình bằng cách nói rằng cô ấy không làm bất cứ chuyện gì gây tổn hại đến Marie. Sau đó,

Mic, thành viên duy nhất đang ngồi ở bàn, nói điều gì đó - không thể nhớ chính xác là gì, dường như định làm xoa dịu cuộc tranh cãi, nhưng lại gây hiệu ứng khiến cho Marie chuyển sang nói về Patsey, là bạn gái của Mic, và tại sao cậu ấy lại có bạn gái quá béo như vậy. Mic bảo vệ mình, nói là Patsey không quá béo, và dù gì họ cũng chỉ hẹn hò.

Vào giữa cuộc nói chuyện chuyển sang chủ đề khác này, Michelle đứng dậy và rời khỏi phòng ăn. Sau đó Marie quay sang tôi và hỏi có ai ở Vista không hồi mượn tiền không. Tôi đồng ý là có khá nhiều người. Cô ấy nói là Michelle là người mới, chỉ mới ở đó một tháng, cô ấy có quyền gì mà đi khắp nơi nói mọi người đừng cho Marie mượn tiền, trong khi đó là điều mọi người ở đây thường làm. Cô ấy nói tiếp: "Michelle là người mới. Đợi cho đến khi cô ta ở đây thêm một thời gian nữa. Cô ta cũng sẽ làm như vậy". Marie tiếp tục nói là cô ấy luôn giúp đỡ bạn bè khi họ cần. Cô ấy nói về việc đã đưa cho Earl và Kara toàn bộ số tiền hoàn trả tiền mua hàng [của Marie - ND] tháng trước vì họ hết sạch tiền và cô ấy cảm thấy thương họ.

#### **Phần ghi chép điền dã được biên tập:**

Ở phòng ăn sau bữa tối, tôi gặp Marie đang giận dữ buộc tội Michelle, một người mới, là đã bảo Reid, một cư dân khác, đừng cho cô ta mượn tiền. Michelle khăng khăng là cô ta chỉ để nghị Reid giữ tiền cho mình và không cho *bắt cứ ai* mượn tiền, chứ chưa từng để cập đến Marie. Marie muốn biết Michelle nghĩ Marie là ai khi nói mọi người đừng cho cô ta mượn tiền; cô ấy không xin mà luôn trả tiền lại cho bạn bè. Cuối cùng Michelle đứng dậy và rời khỏi phòng ăn. Sau đó Marie quay sang tôi, nói là có ai ở Vista không mượn tiền không. Tôi đồng ý. Cô ấy nói Michelle là người mới, chỉ mới ở Vista có một tháng; cô ấy có quyền gì mà đi khắp nơi nói mọi người đừng cho Marie mượn tiền, trong khi đó là điều mà mọi người ở đây thường làm? Cô ấy tiếp tục: "Michelle là người mới. Hãy đợi cho đến khi cô ta ở đây thêm một thời gian nữa. Cô ta cũng sẽ làm như thế". Marie nói thêm là cô ấy luôn giúp đỡ bạn bè khi họ cần; cô ấy đã đưa Earl và Kara toàn bộ số tiền hoàn trả tiền mua hàng tháng vừa rồi vì họ hết sạch tiền và cô ấy thấy thương họ.

Tác giả đưa phần ghi chép điền dã này vào tác phẩm dân tộc học để nói về một chủ đề lớn là sự phụ thuộc lẫn nhau và sự hợp tác giữa những người sống trong trung tâm. Tác giả đặc biệt chọn phần ghi chép điền dã này để minh họa cho quan điểm đó là vì các cư dân ở đây có ít tiền và ít nguồn hỗ

trợ nên họ phải dựa vào việc hỏi mượn tiền hay những vật dụng cần thiết khác từ những người khác sống cùng khu nhà khi hết. Trong đoạn trích này, chúng ta thấy những người trong khu nhà này cảm thấy căng thẳng như thế nào khi những nguồn này bị đe dọa. Khi biên tập đoạn trích này, tác giả giữ lại lời nói gián tiếp ở dạng gốc và theo đúng trật tự đó. Cô ấy giữ lại những phần ghi chép điền dã nói đến điều cơ bản của việc tham gia vào hệ thống trao đổi và biên tập những câu và cụm từ miêu tả những hành động không liên quan đến vấn đề này (Mic và bạn gái của cậu ấy). Tác giả đưa vào những khía cạnh trong cuộc nói chuyện mà Marie dùng để chứng minh, theo quan điểm của cô ấy, là mình đã tham gia vào trong hệ thống trao đổi (đưa cho những người khác), vì thế cô ta có quyền đòi hỏi điều ngược lại ở họ. Cuối cùng, tác giả đưa vào lời giải thích của Marie là chỉ có người bên ngoài, những người chưa được trải nghiệm đầy đủ nhu cầu cần đến người khác mới ngờ về sự tham gia vào hệ thống trao đổi này. Vì vậy, tác giả biên tập phần ghi chép điền dã, bỏ đi một số phần miêu tả nhưng giữ lại những câu và cụm từ nào trực tiếp đào sâu khía cạnh đó. Cuối cùng, việc biên tập bao gồm sự cân bằng tinh tế giữa nỗ lực giữ bản chất của những điều các thành viên đã nói và làm, trong khi vẫn có thể hướng sự tập trung của độc giả vào những đoạn hội thoại cung cấp rõ ràng và thuận lợi nhất cho câu chuyện nhà dân tộc học đang cố gắng kể.

Biên tập không phải là một nhiệm vụ dễ làm và đơn giản. Một mặt, việc rút ngắn và biên tập sao cho rõ ràng sẽ làm cho toàn bộ câu chuyện dân tộc học diễn ra được suôn sẻ: Những đoạn trích quá dài sẽ khiến cho độc giả bị sa lầy vào những chi tiết không liên quan. Mặt khác, việc trích dẫn một cách cô đọng hay chọn lọc luôn hàm chứa rủi ro là tác giả có thể bỏ đi các chi tiết thể hiện con người và hành động của họ một cách thuyết phục hơn, bỏ mất những chi tiết sống động và phức tạp trong ghi chép điền dã gốc.

Đôi lúc, nhà điền dã gặp phải những vấn đề là một đoạn trích quá “phong phú”, chứa những dữ liệu liên quan đến vài chủ đề khác nhau. Không nên sao chép lại đoạn ghi chép điền dã đó ở nhiều phần trong bài viết cuối cùng bởi vì độc giả sẽ nhanh chóng chán ngấy những phần lặp lại không cần thiết. Thay vào đó, cách giải quyết là xác định rõ ràng các chủ đề phân tích khác nhau trong đoạn trích, sau đó sử dụng những chủ đề này để chia nhỏ đoạn trích ra thành hai đơn vị độc lập, hoặc nếu không thể làm

nhiều vậy, thì để thảo luận các khía cạnh khác nhau của đoạn trích theo trình tự. Hãy xem xét một ví dụ từ nghiên cứu về những người giúp việc và chủ của họ, trong đó đoạn trích dưới đây ban đầu được sử dụng để minh họa cho các đánh giá đạo đức của người giúp việc về hành vi bảo quản nhà cửa của chính những người chủ:

"Bà ấy chưa bao giờ lau chùi phòng tắm, và tôi không thể nào lấy được các vết cáu bẩn, mà đó đâu phải là phòng tắm vòi hoa sen được lót gạch như vậy đâu. Và chúng tôi sử dụng sản phẩm tốt, nhưng tôi nói với cô ấy, "cô để đó qua đêm". "Khiến cho nó quá bẩn..." Thật vậy, khi tôi bỏ làm ở nhà người phụ nữ đó (ha ha) tôi đã nói, "tôi sẽ để nó như thế này" [để lại một miếng kem Comet ở bồn] và bà ấy phải rửa sạch nó ngày hôm sau."

Khi xem lại đoạn trích này, nhà dân tộc học quyết định bỏ câu nói cuối của người giúp việc rằng cô ấy đã khéo léo khiến cho người chủ tự mình hoàn tất việc lau dọn như thế nào khỏi đoạn trích, thay vào đó, sử dụng nó ở một phần tiếp theo về những cách phản kháng và xoay chuyển tình thế của những người lau chùi nhà cửa đối với người chủ.

Các nhà dân tộc học thường xóa đi phần bình luận phản thân mà họ đưa vào trong phần ghi chép điền dã gốc. Thay vì giữ lại những suy nghĩ ban đầu này trong phiên bản ghi chép điền dã sẽ trình bày trong tác phẩm dân tộc học hoàn chỉnh, nhà dân tộc học có thể đưa vào bất cứ sự hiểu biết hữu ích nào trong phần thảo luận phân tích sau đoạn trích đó. Tuy nhiên, nhà nghiên cứu thường chi tiết và cụ thể hóa những vấn đề phân tích đến mức phần bình luận trước đó sẽ trở nên dường như quá đơn giản hay không được phát triển, vì vậy chúng ít được sử dụng. Ngoài ra, do tác giả là người viết, chọn lọc, biên tập và sắp xếp các đoạn trích nên cô ấy đã có một giọng nói thiên vị. Những đoạn trích tràn ngập các giải thích của nhà thực địa có vẻ giả tạo và trở nên thật sự thừa thãi trong tác phẩm dân tộc học cuối cùng.<sup>13</sup>

<sup>13</sup> Tuy nhiên, trong một số tình huống, nhà nghiên cứu có thể đưa sự phân tích hay bình luận khác có trong các ghi chép điền dã nguyên gốc vào trong bản văn cuối cùng một cách hiệu quả. Người ta có thể đưa vào phần bình luận kiểu này như là một đoạn trích độc lập để kịch tính hóa việc làm thế nào một sự hiểu biết lý thuyết ban đầu mở đường cho sự hiểu biết hoàn thiện hơn sau này. Hay nhà nghiên cứu thực địa có thể sử dụng phần bình luận

Người viết theo phong cách dân tộc học sẽ biên tập để làm cho các đoạn trích dễ đọc hơn bằng cách sử dụng những quy tắc tiêu chuẩn về dấu câu, chính tả và ngữ pháp. Để cho rõ ràng, cô ấy nên đặc biệt quan tâm đến việc sửa lại những câu mơ hồ và các thay đổi khó hiểu về thời gian trong các phần của đoạn trích ghi chép điền dã không phải là trích dẫn trực tiếp. Tuy nhiên, tác giả cũng nên bảo thủ [giữ nguyên trích dẫn - ND] khi biên tập các đoạn trích trực tiếp, cẩn thận cân bằng giữa nhu cầu của người đọc về tính rõ ràng với cam kết đưa ra một diễn giải chính xác về những từ ngữ mọi người đã dùng. Các nhà dân tộc học quan tâm đặc biệt đến việc gìn giữ và truyền tải phương ngữ, thành ngữ và các nhịp điệu ngôn từ. Ngay cả những lời nói không lưu loát của cá nhân - bắt đầu câu chuyện không chính xác, ngưng nói, và lặp lại - cũng cần được xử lý cẩn thận. Vì nhiều lý do, để đưa ra phần hội thoại dễ đọc (đặc biệt từ bản gõ băng), tác giả cần biên tập rất nhiều chỗ không lưu loát như vậy.<sup>14</sup> Nhưng trong một số tình huống, tác giả có thể đặc biệt muốn giữ lại những ngôn từ đó để diễn tả tình trạng cảm xúc hay tâm trạng của người nói. Chẳng hạn, việc giữ lại từ “và - và - và” trong đoạn trích sau cho biết sự do dự, bối rối của người nói khi anh ta nói về “căn bệnh tâm thần” của mình với nhà nghiên cứu:

“Tôi có khả năng ngoại cảm. Tôi có thể thực sự nghe được suy nghĩ trong đầu người khác...”. Anh ta nói anh ta muốn có thể nói cho mọi người nhưng... “họ lại

---

ghi chép điền dã ban đầu để hình thành hay giới thiệu chủ đề một đoạn của tác phẩm dân tộc học cuối cùng. Chẳng hạn như, một sinh viên dân tộc học nghiên cứu cách người vô gia cư sử dụng thư viện công cộng như thế nào bắt đầu một đoạn có tựa đề “Các tài liệu thư viện như là những mặt nạ” theo cách này: “Đây là quan sát tôi có lúc đầu: “Có điều gì đó tôi luôn thắc mắc về “những người vô gia cư”, những người ngồi cả ngày ở thư viện của chúng tôi. Tôi thắc mắc, khi họ nhìn vào những trang giấy với sự trống rỗng diễn hình, liệu họ đang thực sự đọc, hay chỉ đơn thuần nhìn xuống trong khi suy nghĩ của họ tập trung vào một nơi chốn hoàn toàn khác trong một khoảng thời gian hoàn toàn khác.”

<sup>14</sup> Xem xét phần trích gốc được gõ băng tóm tắt đã được biên tập viên tạp chí cho là “khó hiểu” và bán được biên tập cuối cùng được in (Emerson và Pollner, 1988:193) (phần trong ngoặc đơn hoặc là đầy đủ hoặc là nghe được một phần).

Bản gốc: “cảm giác của anh về sự ché giấu đó ở đây là về gì () các hình thành khác dường như. Có phần nào mà anh nghĩ là ừm, ừm () chỉ nói cách, cách, cách anh biết (chúng ta đang) kéo nó, khỏi - khỏi mục đích? Ông”

Được biên tập: “Cảm giác của anh về sự ché giấu đó như thế nào?... Có phần nào mà anh nghĩ là, chỉ nói cách, cách, cách anh biết, chúng ta đang kéo nó, ra khỏi mục đích?”

chỉ tăng liều thuốc của tôi... Dù cho tôi có uống thuốc như thế nào đi nữa, không gì có thể làm mất đi khả năng ngoại cảm của tôi. Và - và - và - không phải vì tôi. Bởi vì ý Chúa Jesus quyết định cho tôi."

Ngoài ra, việc biên tập sẽ làm cho các đoạn trích trở nên *dễ hiểu* hơn với người đọc. Tác giả phải làm rõ bất cứ sự ám chỉ nào chẳng hạn như danh tính, nơi chốn, các thủ tục phụ thuộc vào những tham chiếu không có trong ghi chép điền dã. Cô ấy có thể làm rõ như vậy khi định hướng người đọc đến với đoạn trích, hay ngắn gọn hơn, với những vấn đề ít trọng tâm thì có thể đưa vào một phần giải thích nhỏ đặt trong ngoặc. Chẳng hạn, tác giả có thể xác định vị thế ở địa phương của những người có tên trong đoạn trích (ví dụ, "số khác [tất cả các sinh viên]"), hay làm rõ ý nghĩa của lời nói trực tiếp chưa được rõ ràng trong bối cảnh đó (ví dụ, "mục đích duy nhất chúng tôi có trong đầu là phải tắt [ngòi nổ]"). Lúc này, nhà dân tộc học một lần nữa phải đảm bảo rằng tất cả các chi tiết đều chính xác; việc hiểu sai thông tin thực tế hay các thuật ngữ địa phương sẽ nhanh chóng khiến cho độc giả nghĩ là nhà dân tộc học này không đáng tin cậy. Thật vậy, chỉ một vài lỗi nhỏ cũng có thể làm giảm đi độ tin cậy của toàn bộ câu chuyện.

Cuối cùng, một đoạn trích phải bảo vệ được con người, các thiết chế và cộng đồng được nghiên cứu bằng cách *ẩn danh*. Vì thế, khi hoàn tất phần biên tập, nhà dân tộc học nên thay đổi tất cả tên họ và những dấu hiệu nhận diện, chẳng hạn như những chi tiết cá nhân nổi bật trong các miêu tả. Các tác giả thường tạo ra các biệt danh nói lên những đặc tính được khơi gợi (ví dụ, bản sắc tộc người) từ danh tính gốc.<sup>15</sup> Chúng tôi không khuyến khích sử dụng kiểu viết tắt tên để xác định nhân vật, vì cách xác định tối thiểu này khiến người ta khó nhớ được giới tính, thiếu các đặc điểm giúp liên tưởng, nên người đọc không thể nhớ đến nhân vật đó trong các đoạn trích khác.

<sup>15</sup> Tuy nhiên, trong tác phẩm miêu tả dân tộc học về những người bán sách dạo trên đường phố New York, Duneier (1999:347 - 48) làm theo cách của các nhà báo khi đưa ra tên thật của những người được nghiên cứu (với sự đồng ý của họ), cho thấy là cách làm này khiến cho việc miêu tả trở thành "một tiêu chuẩn về bằng chứng cao hơn". Các nhà văn hóa dân gian thường đưa tên thật của người kể chuyện vào tác phẩm, để mong ghi nhận sự sáng tạo của họ. Khi hợp tác nghiên cứu, nhà thực địa cũng nêu tên những người trợ giúp và đồng tác giả. Tuy nhiên, khi người ta nói đến những vấn đề nhạy cảm - chẳng hạn như nói về các vấn đề chính trị, tôn giáo và lịch sử - đa phần các nhà dân tộc học thay đổi tên những người họ nghiên cứu, như Rachel Fretz đã làm trong ghi chép điền dã Mushala.

## 326 VIẾT CÁC GHI CHÉP ĐIỀN DÃ DÂN TỘC HỌC

*Sắp xếp các đơn vị đoạn trích - bình luận trong một phần viết*

Với sự định hướng của một khung sườn tổng quát, nhà dân tộc học luôn sắp xếp tác phẩm dân tộc học theo từng phần bắt đầu bằng những tiêu đề. Mỗi phần thường trình bày một chủ đề, có lẽ sẽ được chia thành một vài chủ đề phụ nhỏ hơn. Một phần viết được hình thành từ một loạt các đơn vị đoạn trích - bình luận. Chẳng hạn, một phần trong tác phẩm dân tộc học nói về trường trung học đồng tính nam và nữ có tựa đề là "Tình dục hóa cuộc nói chuyện" được hình thành từ những đơn vị sau:

### **Đơn vị 1**

*Quan điểm phân tích:* "những lời bóng gió tình dục" là một phương tiện các học sinh dùng để tình dục hóa cuộc nói chuyện với thầy cô và khi nói về các giáo viên.

*Đoạn trích:* khi biết giáo viên hai mươi bảy tuổi, một học sinh nhận xét rằng: "tôi đã làm tình với một người hai mươi tám tuổi thật là gớm."

### **Đơn vị 2**

*Quan điểm phân tích:* các học sinh tình dục hóa phản ứng của họ, đặc biệt với các chỉ thị của giáo viên.

*Đoạn trích:* một học sinh phản ứng với mệnh lệnh của giáo viên, "đi với thầy", như một lời đe nghị có tính chất tình dục.

### **Đơn vị 3**

*Quan điểm phân tích:* trong một số tình huống, giáo viên không bỏ qua sự thách thức ẩn ý bằng những lời nói tình dục hóa này, mà họ đáp trả theo những cách có thể tái khẳng định vị trí của họ.

*Đoạn trích:* giáo viên trả lời học sinh - người vừa chế nhạo rằng "tìm lười tôi đi", khi bị yêu cầu nhà miếng kẹo cao su ra - "Thầy không muôn, thầy chắc nhiều người đã làm như vậy rồi."

### **Đơn vị 4**

*Quan điểm phân tích:* Trong một số ví dụ, bản thân các nhân viên cũng sử dụng lời nói có liên quan đến tình dục theo những cách hàm ý giữ uy quyền cho họ.

*Đoạn trích:* Khi một học sinh từ chối đề nghị giúp đỡ môn toán từ nhà nghiên cứu, một nhân viên nói rằng: "Tiếp tục đi, cậu đã hỏi về anh ấy trước đó rồi mà."

Trong phạm vi một phân đoạn, nhà dân tộc học sắp xếp các đơn vị để phát triển một chuỗi ý tưởng, làm cho các dữ liệu và việc phân tích ghi chép điền dã càng lúc càng phức tạp, để câu chuyện tạo ra một sự hiểu biết sâu sắc hơn về chủ đề đó. Trong ví dụ trên, hai đơn vị đầu tiên tập trung vào cách nói chuyện tình dục hóa của học sinh, đơn vị thứ ba thêm vào sự phức tạp khi các giáo viên đáp trả lại cách đó và đơn vị cuối cùng xem xét những vấn đề tinh tế hơn, khi một nhân viên của trường khởi xướng cách nói như thế.

Để giúp người đọc theo dõi được tiến trình của các ý tưởng từ đơn vị này đến đơn vị khác, tác giả nên đưa ra một *sự chuyển ý rõ ràng* hơn nối kết ý tưởng chính của đoạn văn hiện thời với ý tưởng của những đoạn văn trước. Trong một số trường hợp, nhà nghiên cứu tạo ra một *sự chuyển ý* khá dễ dàng, chỉ cần một câu giới thiệu cho đoạn văn bắt đầu đơn vị mới đó. Chẳng hạn, tác giả viết về chủ đề “tình dục hóa cuộc nói chuyện” trên đã đưa câu chuyện ý vào trong đơn vị thứ ba:

Mặc dù, như trong đoạn trích trước, đôi lúc các giáo viên không đáp trả các nhận xét có tính tình dục hóa của học sinh, nhưng không lúc nào cũng vậy...

*Sự chuyển ý* này đề cập lại đoạn trích phía trước, chú ý một đặc điểm là giáo viên phản ứng không rõ ràng với cách nói tình dục hóa của học sinh. Ngược lại, đặc điểm đáng ghi nhận ở đoạn trích sau được sử dụng để giới thiệu điểm tập trung của đơn vị hiện thời: người giáo viên đã trả lời như thế nào với cách nói chuyện như vậy.

Trong các ví dụ khác, khi quan điểm phân tích trong một đơn vị sau đưa ra một vấn đề rất khác với vấn đề của đơn vị trước đó, thì tác giả không nên chỉ dựa vào một câu chuyển ý có tính chất giới thiệu. Thay vào đó, tác giả nên sửa lại *đơn vị trước đó* để dự đoán rõ ràng ý tưởng của đơn vị sau. Chẳng hạn như, việc chuyển ý sang đơn vị hai của phân đoạn “Tình dục hóa cuộc nói chuyện” sẽ là:

Hơn thế nữa, các học sinh đôi lúc định vị là họ có nhiều quyền lực hơn giáo viên bằng cách tình dục hóa các mệnh lệnh hướng dẫn của các giáo viên...

Câu này tập trung vào việc học sinh tình dục hóa như là một cách phản ứng đặc biệt với “các mệnh lệnh hướng dẫn”. Tuy nhiên, trong đơn vị đầu tiên,

tác giả không xem xét các dạng thức tương tác đặc biệt giữa giáo viên và học sinh, trong đó có các nhận xét tình dục hóa. Việc phản ứng bằng cách tình dục hóa các mệnh lệnh có thể khiến cho độc giả cảm thấy hơi bối rối: Các học sinh có phản ứng theo cách tình dục hóa với những kiểu nói chuyện khác của giáo viên, chẳng hạn như những yêu cầu lịch sự hay những câu hỏi chung chung? Vì vậy, tác giả nên sửa lại phần thảo luận ở đơn vị một để cung cấp nhiều bối cảnh hơn cho các dạng thức khác sắp xuất hiện.

Ngoài việc quyết định trật tự của các đơn vị, tác giả cũng phải viết phần giới thiệu và kết luận cho từng phân đoạn. Phần giới thiệu nên nêu kết chủ đề của phân đoạn với chủ đề chung của tác phẩm và cũng nên thảo luận bắt cứ đặc điểm chung nào của chủ đề đó cần có để hiểu và đánh giá đúng ý tưởng của các đơn vị khác theo sau. Chẳng hạn, tác giả đã giới thiệu phân đoạn “tình dục hóa cuộc nói chuyện” bằng một đoạn quan sát nói về việc các học sinh thường tình dục hóa các cuộc đối thoại trong bối cảnh nào và “tình dục hóa là hậu quả của mối quan hệ quyền lực giữa đội ngũ nhân viên và học sinh”, để nối kết phần này với chủ đề chính của bài viết. Trong đoạn văn kế tiếp, anh ta đã lập luận là “những ám chỉ tình dục” đưa ra một dạng thức tình dục hóa, một dạng thức “đặc biệt hữu ích cho các học sinh vì chúng mơ hồ [và] gián tiếp” cho phép [các học sinh có thể - ND] chối bỏ hàm ý liên quan đến tình dục.

Cuối cùng, trong phần kết luận cho phân đoạn, tác giả cố gắng rút ra hàm ý của các đoạn trích và những bình luận phân tích đối với chủ đề chính của phân đoạn. Anh ta cũng có thể đề cập đến việc vấn đề này sẽ liên hệ với chủ đề của phân đoạn tiếp theo như thế nào.

## **TAO RA MỘT VĂN BẢN MIÊU TẢ DÂN TỘC HỌC HOÀN CHỈNH**

Tùy thuộc vào thời gian, nhà dân tộc học có thể chỉnh lại các đơn vị và phân đoạn một số lần, thay thế những đoạn trích được chọn lựa ban đầu bằng những đoạn trích mới, trau chuốt phần bình luận phân tích và những phần chuyển ý, tái sắp xếp các đơn vị trong một phân đoạn và/hoặc xếp lại những phân đoạn trong tác phẩm dân tộc học tổng thể. Mặc dù có ấy cảm thấy vẫn

còn những chỗ cần phải thay đổi và chỉnh sửa, nhưng ở một thời điểm nào đó, có ấy phải ngừng việc chỉnh sửa và tiếp tục viết để biến phần văn bản đang có thành một văn bản dân tộc học hoàn chỉnh, bao gồm đặt tựa cho tác phẩm, viết phần giới thiệu nói kết đề tài và chủ đề chính với những nghiên cứu khác, miêu tả bối cảnh và các phương pháp và đưa ra một kết luận tổng quát cho tác phẩm.

### *Giới thiệu tác phẩm dân tộc học*

Tựa đề và phần giới thiệu của tác phẩm dân tộc học là phương tiện đầu tiên để người đọc hướng tới văn bản. Tựa đề và phần giới thiệu không chỉ giúp độc giả biết rằng họ có thể mong đợi gì ở tác phẩm dân tộc học này, mà còn đưa ra gợi ý về những mối quan tâm có tính phân tích và trọng yếu của tác giả.

Tựa đề có tính dân tộc học phải truyền tải được cho người đọc chủ đề chung và tác phẩm nghiên cứu về những con người nào, trong bối cảnh nào, nghiên cứu hành động hay quá trình nào một cách chính xác. Chẳng hạn:

“Hành vi uống được nghi lễ hóa trong hệ thống tín ngưỡng”

“Những động thái có tính tương tác của tộc người ở một trường trung học đô thị”

“Chờ chết: Một nghiên cứu dân tộc học về nhà an dưỡng”

Tuy nhiên, thay vì chỉ nói lên chủ đề chung, tác giả có thể cố gắng truyền tải chủ đề phân tích trừu tượng hơn của một tác phẩm dân tộc học thông qua tiêu đề. Atkinson (1990:76) lưu ý rằng các nhà dân tộc học thường nói một cụm từ có vấn đề “khái quát” trừu tượng với một cụm từ nói đến chủ đề chung và bối cảnh hành động “địa phương” cụ thể bằng dấu hai chấm:

“Các hệ thống quyền lực: Uy quyền và kỷ luật ở một cơ sở dành cho các nhóm thanh niên”

Cuối cùng, nhà dân tộc học có thể dựa vào các thuật ngữ hay những cụm từ của các thành viên địa phương như những yếu tố chủ yếu của tựa đề:

“Những động thái của sự ghét bỏ: sự lanh đạm với hệ thống”

“Những đứa trẻ sống trong thế giới nhỏ bé của riêng chúng: Khung diễn giải ở một trung tâm phục hồi nhân phẩm.”

Trong đoạn văn đầu tiên của phần giới thiệu tác phẩm dân tộc học, nhiều tác giả đã mở đầu bằng cách gây chú ý. Họ có thể sử dụng một sự việc trong các ghi chép điền dã để tập trung vào chủ đề hay miêu tả ngắn gọn những hướng tiếp cận chung với chủ đề. Tiếp đến, tác giả sẽ giới thiệu rất ngắn gọn về chủ đề và vị trí nghiên cứu của mình như một cầu nối để trình bày chính đề của anh ấy. Trong một câu chuyện theo chủ đề, tác giả viết một “chính đề có chủ đề” giải thích điểm tập trung của bài viết và sắp xếp các chủ đề sẽ khảo sát. Theo nghĩa đó, chính đề không phác họa ra các bước phát triển trong câu chuyện dân tộc học hay báo trước các kết luận sẽ có ở cuối bài. Thay vào đó, chính đề sẽ làm cho câu chuyện diễn ra. Cuối cùng, tác giả đưa ra cái nhìn tổng quát về bài viết bằng cách trình bày những phát biểu có chủ đề cho mỗi phần sau đó.

Chẳng hạn, tác giả của một bài viết dân tộc học về chủ đề “Những động thái có tính tương tác của tộc người ở một trường trung học đô thị” bắt đầu bằng việc hướng người đọc đến với chủ đề của anh ta.

Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thường cho rằng tộc người là một thể loại sẵn có. Con người thuộc về những nhóm khác biệt với những thực hành văn hóa duy nhất. Chúng ta nói rằng tổng thống Mỹ là người da trắng, mà thuật của một dân tộc ở châu Phi là phù thủy Azande, nhạc rap là nhạc của người da đen, Cinco de Mayo là ngày nghỉ của người Mexico, v.v. Chúng ta cho là mình đang miêu tả những gì tồn tại một cách khách quan. Chúng ta đơn giản nói rằng đó là “những sự kiện tự nhiên” của thế giới. Nếu chúng ta biết nhiều hơn về tộc người như một thể loại, thì đó thường là do các mâu thuẫn. Một tờ báo tường thuật là một cô gái “da đen” bị một chủ tiệm người Hàn Quốc bắn và một nhóm “quyền lực da trắng” đang diễu hành qua một khu của “người Do Thái”. Chúng ta hỏi rằng điều này diễn ra như thế nào? Làm sao các dân tộc khác nhau có thể hòa hợp được? Nhưng chúng ta vẫn hàm ý là có tồn tại những khói tập hợp định vị con người và họ có văn hóa riêng biệt.

Trong đoạn văn giới thiệu này, tác giả đã chỉ ra là khi nói chuyện về tộc người, người ta thường cho rằng những thuật ngữ xác định tộc người chỉ để cập một cách mơ hồ đến “những tập hợp người” xuất hiện tự nhiên và riêng biệt. Trong đoạn văn kế tiếp, anh ta làm rõ vị trí phân tích của mình đối với tộc người:

Những gì chúng ta bỏ qua trong diễn ngôn hàng ngày là tộc người với tư cách là “công trình xã hội”: Người ta xác định rằng một con người, nơi chốn hay sự vật có một “đặc điểm” nào đó, thông qua một động thái tương tác về sự bao hàm hay loại trừ. Quá trình này tạo ra cái mà Barth gọi “những ranh giới” trong tương tác (1969). Những ranh giới này không phải là ranh giới khách quan mà là chủ quan, chúng thường xuyên được tái tạo, tái khẳng định, thương thảo, thậm chí bác bỏ. Vì thế, trong cuộc sống hàng ngày, tộc người là một hiện tượng xuất phát từ những tình huống cụ thể.

Nhà nghiên cứu đề nghị không nên xem tộc người như một “sự kiện” sẵn có một cách khách quan, mà phải xem nó như một sản phẩm của “công trình xã hội”, ví dụ như của những thương thảo địa phương có tính tương tác về sự bao hàm và sự loại trừ. Bằng cách trích dẫn một nhà nghiên cứu khác, nhà nghiên cứu cho thấy rằng vấn đề này cũng thu hút sự chú ý của những học giả khác, và hàm ý rằng “góc độ mới” của anh ta sẽ đóng góp một thảo luận học thuật.

Tiếp theo, tác giả sẽ chứng minh chủ đề của mình đầu tiên bằng cách xác định con người và bối cảnh nghiên cứu, sau đó xác định loại dữ liệu anh ta sẽ dựa vào:

Trong bài này, tôi sẽ xem xét tộc người và các nhóm tộc người ở một trường trung học đô thị tại Nam California. Đoạn trích ghi chép diễn dã miêu tả những quá trình người ta sử dụng yếu tố tộc người trong cuộc sống hàng ngày.

Tiếp đến, tác giả trình bày luận điểm chung về tộc người, một phát biểu diễn giải về tộc người “được tái tạo và điều chỉnh” theo tình huống:

Tôi cho là thông qua sự tương tác của con người, “tộc người” được duy trì bằng cách thường xuyên được tái tạo và điều chỉnh trong một tình huống. Trong các tình huống và thông qua sự tương tác sau đó, “công trình xã hội” này sẽ tạo ra những đơn vị nhóm người cụ thể riêng biệt, tái tổ chức như những nền văn hóa, biểu tượng, nét đặc sắc và những vật thể cụ thể. Vì vậy, bài viết này là một nghiên cứu về việc con người “quy cho và được gán cho” (Garfinkel, 1967) như thế nào.

Cuối cùng, tác giả kết thúc phần giới thiệu này bằng một tổng quan về lập luận của mình, miêu tả ngắn gọn ý chính cho mỗi phần tiếp theo (xin xem “Phát triển một tường thuật có chủ đề” ở trên).

Trái với cách giới thiệu bắt đầu bằng việc đưa ra một ý tưởng phân tích và sau đó xác định những gì được nghiên cứu, một số nhà dân tộc bắt đầu bằng việc miêu tả hay quan sát dựa trên các ghi chép điền dã thực sự. Theo sau phần trình bày những chi tiết cụ thể, nhà dân tộc học xác định một vấn đề phân tích chung hơn mà sự việc này thể hiện. Chẳng hạn, nhà dân học đã nói ở trên có thể bắt đầu bằng việc miêu tả một trường hợp đặc biệt rõ ràng về “công trình xã hội” góp phần cho việc tái tạo và duy trì một bản sắc tộc người cụ thể: một ví dụ cực đoan hay kịch tích về một sinh viên da trắng ăn mặc, nói năng, hay hành động như người da đen. Sau đó nhà nghiên cứu có thể chuyển sang việc xác định vấn đề phân tích được phản ánh trong đó hay có thể minh họa bằng sự việc này.<sup>16</sup>

#### *Nối kết nghiên cứu này với nghiên cứu khác*

Các nhà dân tộc học thường nối kết sự diễn giải của họ với những mối quan tâm học thuật rộng lớn hơn của ngành như một phần của giới thiệu (hay trong một phần đoạn ngay sau nó). Theo cách đó, họ mời gọi độc giả xem xét nghiêm túc các chủ đề sẽ được thảo luận. Ở điểm này, tác giả lại nghĩ về những độc giả mục tiêu để chọn lựa từ ngữ và những ý tưởng quen thuộc với họ.

Chẳng hạn, bài viết về tộc người này dành cho các nhà xã hội học, vì thế thảo luận về khái niệm “tộc người” được các nhà xã hội học sử dụng. Trong mỗi đoạn, tác giả nói lên một đặc điểm nào đó của vấn đề nghiên cứu về tộc người. Mặc dù thảo luận về nghiên cứu của các học giả khác, nhưng tác giả chỉ đưa ra những ý tưởng về vấn đề tộc người nào mà anh ta sẽ nói trong phần thân bài sau đó. Trong phát hiện của mình, anh ta đưa ra các ý tưởng phân tích và những đoạn trích ghi chép điền dã để cung cấp đến các vấn đề đó:

Marger (1991) chú ý là các nhà xã hội học phân loại các nhóm tộc người dựa trên ba tiêu chí: các đặc điểm văn hóa độc nhất, ý thức cộng đồng và sự quy gán. Đầu tiên, các nhóm tộc người có một số đặc điểm hành vi duy nhất nào đó mà khiến họ khác với dân tộc khác. Thứ hai, các nhóm tộc người thể hiện một ý thức cộng đồng giữa các thành viên. Có “chúng ta” thì hầu như phải có “bọn

---

<sup>16</sup> Chiến lược này có thể được sử dụng để giới thiệu chủ đề của một phần trong tác phẩm miêu tả dân tộc học.

họ”, điều đó dẫn đến sự hình thành các ranh giới tộc người phân biệt người bên trong với người bên ngoài. Thứ ba, vị thế tộc người hầu như luôn được quy gán, tức là luôn có được từ khi sinh ra. Khi trình bày những đặc điểm này, Marger nhấn mạnh một tiêu chí được cho là khách quan về tộc người. Các tộc người thường được xem như những tập hợp riêng biệt có thể được nghiên cứu trong mối quan hệ với nhau. Cách tiếp cận này là điển hình trong rất nhiều nghiên cứu về chủng tộc và mối quan hệ tộc người ở Mỹ. Vì thế nó sẽ được dùng để phân tích các dữ liệu nhân khẩu học cho bài viết này.

Không may là trong khi cách tiếp cận này cung cấp thông tin cho những nghiên cứu vĩ mô về xã hội, thì nó lại dẫn đến sự sao nhãng nhận thức chủ quan và những đặc điểm năng động của tộc người trong cuộc sống hằng ngày. Nó làm giảm tầm quan trọng của việc làm thế nào “bản sắc tộc người là một đặc điểm về bản sắc mà con người tự có và được sử dụng, lại sẵn sàng cho việc sử dụng bằng cách tham dự vào một cuộc tương tác và phụ thuộc vào sự thể hiện, sự hạn chế, sự lôi kéo và sự khai thác” (Lyman và Douglas, 1973). Trong cách tiếp cận này, tộc người là một nguồn lực sẽ được sử dụng khi sáng tạo chiến lược và duy trì cái tôi...

Vì mục đích của nghiên cứu này, một tộc người được định nghĩa như “một nhóm tham chiếu do con người viện ra. Họ là những người xác định bản thân họ và được những người khác xác định là chia sẻ một phong cách lịch sử chung” (Royce, 1982). Vì vậy, một tộc người là một tiểu văn hóa với những biểu tượng, phong cách và các dạng thức. Mặc dù không giống như các tiểu văn hóa khác nhưng tư cách thành viên trong nhóm tộc người có được là nhờ quy gán.

Các đoạn văn trên nêu tắt những vấn đề đặc biệt về nghiên cứu tộc người. Khi giới thiệu các nghiên cứu khác, tác giả không cố gắng đưa ra một tổng quan về tất cả những hướng tiếp cận khả hữu đối với chủ đề tộc người. Anh ta chỉ chọn ra những công trình và ý tưởng nào cung cấp bối cảnh cho nghiên cứu riêng của mình. Vì thế, tác giả này hoàn toàn có thể chứng minh được rằng nghiên cứu của mình thích hợp với các nhà xã hội học khác, đối tượng độc giả mục tiêu mà anh ta hướng tới.

Tóm lại, nhà dân tộc học không xem xét lại “lịch sử nghiên cứu vấn đề” theo chủ đề, cũng không đơn thuần trích một vài công trình của người khác. Thay vào đó, anh ta cẩn thận chọn lựa các nghiên cứu cung cấp bối cảnh cho những phát hiện mới và chi thảo luận những ý tưởng nào nhấn mạnh phân tích của anh ta.

### *Giới thiệu bối cảnh và các phương pháp*

Trước khi thực sự bước vào tác phẩm dân tộc học, các tác giả thường giới thiệu bối cảnh và các phương pháp của họ để giúp người đọc hiểu rõ hơn. Bối cảnh và các phương pháp có thể được thảo luận trong các phần riêng biệt hoặc giới thiệu chung trong phần nói về các chủ đề.

Khi miêu tả *bối cảnh*, nhà dân tộc học sẽ định hướng cho người đọc về nơi chốn, con người và các tình huống được xem xét chi tiết trong tác phẩm. Sự miêu tả này sẽ giúp người đọc hình dung được các đặc điểm tự nhiên và xã hội của bối cảnh. Nó cũng miêu tả tổng quan về những cá nhân quan trọng và về các quy trình hay quá trình trung tâm đối với nội dung của tác phẩm; chẳng hạn, phần tổng quan về các cá nhân có thể chỉ ra sự khác biệt giữa các thành viên cơ hữu và các thành viên tự nguyện trong một nhà chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng, hay giữa các nhà quản lý và những người đi vận động bỏ phiếu trong một ủy ban hoạt động chính trị; các quy trình hay quá trình sẽ nói về việc các cử tri tham gia vào chương trình và theo suốt chương trình như thế nào, những trách nhiệm nghề nghiệp cơ bản nào cần có và có lẽ là tổ chức tổng thể của việc vận động bỏ phiếu đến tận nhà.

Khi đưa ra một cái nhìn tổng quan về bối cảnh, con người trong bối cảnh đó và các lệ thường của nó, phần thảo luận cũng nên dự đoán và nhấn mạnh các đặc điểm cụ thể của bối cảnh để làm trọng tâm cho các phân tích sau đó. Chẳng hạn, một nhà dân tộc học, viết về bản chất và hậu quả của việc các nhân viên phân loại hay *dán nhãn* những đối tượng của một nhà mờ cho người vô gia cư, đưa ra phần giới thiệu có hai hướng cho bối cảnh. Đầu tiên, anh ta trình bày các loại người mà nhà mờ tìm kiếm:

Công việc thực địa của tôi được thực hiện ở một nhà mờ khẩn cấp dành cho người vô gia cư ở vùng thị trấn Los Angeles. Nhà mờ có sức chứa 54 người, nhưng căn nhà chỉ có trung bình khoảng 35 người vào thời điểm tôi ở đó. Dịch vụ chủ yếu của nhà mờ là cung cấp thức ăn và nơi ở cho những người hoàn toàn nhẫn túi. Trong nhà mờ, "các đối tượng", như cách các nhân viên thường gọi, cũng được hỗ trợ tìm kiếm nhà ở và giải quyết các thủ tục an sinh xã hội. Nhóm người mà nhà mờ hướng đến được cho là "những người vô gia cư mới"; tức là những người chỉ mới mất nhà cửa và bị quăng ra đường gần đây. Điều

này tương phản với những người được các nhân viên gọi là “những người vô gia cư thường xuyên” hay “những người nhảy nhà mờ”, tức là những người đã sống ngoài đường được một khoảng thời gian và những người chuyển từ nhà mờ này sang nhà mờ khác mà không có ý định tìm một nơi ở ổn định hơn...

Tiêu chí chung khác để được nhận vào nhà mờ là họ sẽ nhận bất kỳ loại đối tượng nào, ngoại trừ nam giới độc thân. Họ là một trong số những nhà mờ giải quyết cho các gia đình vô gia cư có con, một việc khiến họ rất tự hào. Trong thực tế, nhóm khách hàng vượt trội là một phụ nữ và vài trẻ nhỏ.

Sau đó, tác giả giới thiệu các nhân viên tiên phong mà tác giả sẽ xem xét các thực hành công việc hằng ngày của họ:

Đội ngũ nhân viên thích hợp nhất với các nhiệm vụ điển hình trong nhà mờ là sáu nhân viên hỗ trợ chương trình. Sáu nhân viên này gồm bốn phụ nữ da đen tuổi xấp xỉ ba mươi và bốn mươi, một phụ nữ da trắng trẻ hơn mới tốt nghiệp cao đẳng gần đây và một nam sinh viên trường dòng hai mươi mốt tuổi. Không ai trong số sáu người đó được đào tạo về công tác xã hội, có lẽ một phần là do lương của nhân viên hỗ trợ chương trình rất thấp. Các nhân viên này dành phần lớn thời gian làm việc trong văn phòng, nơi nhìn ra phòng khách ở tầng hai của nhà mờ. (Tầng thứ nhất có các văn phòng của nhà mờ, trong khi tầng ba là phòng của các đối tượng). Lịch làm việc mỗi ca trực chỉ có một nhân viên, ngoại trừ một giờ đồng hồ ở giai đoạn chuyển ca.

Anh ta tiếp tục bằng cách miêu tả các nhiệm vụ thường nhật của các nhân viên hỗ trợ chương trình: trả lời điện thoại, xét duyệt các đối tượng, giữ sổ sách, v.v.

Nhà dân tộc học có thể chuyển trực tiếp từ miêu tả về các đặc điểm quan trọng như vậy sang phần tổng quan về cách cô ấy đi vào bối cảnh và bản chất của sự tham dự đó. Ở đây, nhà dân tộc học tóm tắt những gì cô ta thực sự làm để tiếp cận và tìm hiểu về các sự kiện, vấn đề được xem xét trong suốt tác phẩm dân tộc học. Khi làm như vậy, điều quan trọng là phải giải thích rằng cô ta ban đầu tiếp cận với bối cảnh như thế nào và ở mức độ nào, làm sao những người trong bối cảnh có thể hiểu được điều nhà nghiên cứu đang làm và/hay đang quan tâm và các thành viên khác nhau của bối cảnh phản ứng hay đối xử với cô ấy như thế nào.

Nói chung, việc xem xét các bước hay giai đoạn khác nhau trong nghiên cứu, chẳng hạn như sự phân biệt giữa các quá trình thâm nhập ban đầu, làm quen với bối cảnh và người tham gia trong đó, và tham gia lâu dài hơn, là điều hữu ích. Ví dụ, nhà dân tộc học làm việc trong một trung tâm sức khỏe tâm thần cộng đồng xem lại quá trình làm quen của mình, từ những khuyến khích ban đầu để tham dự vào một vài hoạt động thường lệ dưới sự giám sát của các nhân viên, thông qua việc quan sát và kiểm tra khả năng của cô ấy khi làm việc với các bệnh nhân bị tâm thần nặng, đến giai đoạn cuối cùng là có trách nhiệm thực hiện các cuộc họp cộng đồng với bệnh nhân.

Khi trình bày *các phương pháp*, nhà dân tộc học sẽ tìm cách miêu tả các khả năng thay đổi sự tham gia và cách họ nhận thức về những thuận lợi và ràng buộc về vai trò của mình trong một bối cảnh cụ thể. Chẳng hạn, nhà dân tộc học ở trung tâm sức khỏe tâm thần cộng đồng đã phân tích những khả năng trong vai trò của cô ấy như sau:

Vị thế của tôi là của một “người thực tập tự nguyện”. Khi mới đến đây, tôi không chắc vị trí/vị thế này đòi hỏi những gì. Khi gia nhập vào đội ngũ nhân viên và hòa nhập với vai trò một nhân viên, tôi đã nhận ra vai trò của mình là một nhân viên có vị trí thấp. Tôi không có quyền lực hay đặc quyền của một nhân viên cơ hữu. Chẳng hạn, mặc dù tôi được khuyến khích tham gia vào các cuộc họp xét chọn trường hợp, nhưng các nhân viên không xem xét đến “hiểu biết” của tôi trong các quyết định của họ.

Một phân tích như vậy yêu cầu nhà dân tộc học phải suy ngẫm về các loại tương tác và những sự kiện cụ thể mà cô ấy đã hay không được tiếp cận. Chẳng hạn, một sinh viên dân tộc học đã miêu tả rằng vai trò của cô ấy trong một cộng đồng hoạt động chính trị vị nữ đã định hình, phân định ranh giới sự tiếp cận của cô ấy với những điều quan sát được về các tương tác quan trọng trong cuộc vận động bầu cử chính trị như thế nào:

Vai trò của tôi không gì hơn một người quan sát thụ động. Tôi là một người đi vận động bỏ phiếu, vì thế phải đi ra ngoài cùng với đoàn người và vận động bỏ phiếu ít nhất một lần một tuần. Nhưng tôi cũng tham gia một phần vào công việc quản lý khi họ chuẩn bị cho tôi giữ vị trí người quản lý địa bàn vào mùa hè.

Việc này giúp tôi có được vị trí lý tưởng để xem xét những gì các nhà vận động bỏ phiếu đang cảm nhận và suy nghĩ, đồng thời cũng giúp tôi tiếp cận được với thông tin mà những người đi vận động bỏ phiếu không thể tiếp cận. Tuy nhiên, việc này cũng khiến tôi bị hạn chế ở chỗ đôi lúc những người đi vận động tranh cử sẽ xem tôi là nhà quản lý, và vì thế sẽ ít tin cậy tôi. Điều này rõ ràng đã trở thành một vấn đề khi tôi phải hành động trên cương vị người quản lý (chẳng hạn như huấn luyện lại) hay khi những vấn đề trở nên phân cực và người ta phải theo quan điểm của nhà quản lý hoặc theo quan điểm của những người đi vận động bỏ phiếu... [Ngoài ra] rất khó đi xuống địa bàn để quan sát như một nhà nghiên cứu, bởi vì tôi phải ở đó với cương vị người quản lý, và tôi là người có uy quyền chứ không phải là một đồng nghiệp.

Cuối cùng, khi trình bày và phân tích các phương pháp và những hàm ý của chúng thì việc đưa vào những đoạn trích thực địa để minh họa và ủng hộ cho các quan điểm chính là một điều hữu ích. Chẳng hạn, tác giả của nghiên cứu về trung tâm sức khỏe tâm thần cộng đồng đã trình bày những ghi chép điền dã sau: ghi chép đầu tiên cho thấy đặc điểm của một “phép thử” mà cô ấy dính dáng đến với tư cách là một thành viên của đội ngũ nhân viên trong tuần đầu tiên ở trung tâm, ghi chép thứ hai minh họa cho vai trò “nhân viên thông thường”:

Tôi đang chơi bóng bàn với một bệnh nhân thì thấy Cathy, một nhân viên, chỉ David đi về hướng tôi. David đi đến chỗ tôi và nói: “Xin chào. Tôi là tổng thống và tôi ra lệnh cho cô phải đi đến đường ống dẫn dầu Alaska để cứu thế giới và chị của tôi ở Kansas. Cô phải làm điều này, đây là nhiệm vụ của cô đối với đất nước. Cô phải cứu thế giới”. Nhìn sang góc bên, tôi thấy Cathy và một nhóm các nhân viên đang cười khúc khích. Tôi đáp: “À, David, tôi xin lỗi nhưng nhiệm vụ đó quá lớn đối với tôi”. David trả lời: “Cô phải cứu thế giới”. Sau đó anh ta bỏ đi. Cathy đến chỗ tôi và nói: “Anh ta thực sự điên phải không?”. Cô ấy cười. “Đừng lo. Anh ta là người điên nhất mà chúng tôi có ở đây.”

---

Hôm nay, chúng ta sẽ có những đề cử cho chính phủ do bệnh nhân thực hiện. Các bệnh nhân đang đề cử những bệnh nhân khác cho chức vụ tổng thống và phó tổng thống. Norman (một bệnh nhân) đề cử tôi cho chức vụ phó tổng thống. Arlene (người trị bệnh tâm lý bằng nghệ thuật) bước ra và nói với Norman: “Không thể đề cử Karina. Cô ấy là một nhân viên nên không thể đề cử được.”

Trong khi những thảo luận về bối cảnh và tính phức tạp của nghiên cứu thực địa nhấn mạnh đến những đặc điểm và quá trình trọng tâm đối với các phân tích dân tộc học tiếp theo, nhưng chúng có thể cũng làm tăng thêm độ tin cậy cho văn bản cuối cùng.<sup>17</sup> Những miêu tả này cho phép người đọc đánh giá xem liệu nhà dân tộc học có tiếp cận với các thể loại và tính chất của các quan sát cần có để giữ vững những lập luận phân tích sau đó hay không. Dựa vào những thông tin nền tảng này, người đọc có thể cho rằng tác giả đáng tin cậy và có nhiều thông tin. Thật vậy, các nhà dân tộc học có thể chọn những đoạn trích ghi chép điền dã nói về những việc họ tham gia một cách chính xác để hoàn toàn thuyết phục độc giả là “tôi ở đó và trực tiếp trải nghiệm điều này”.

### *Viết kết luận*

Các văn bản dân tộc học hoàn chỉnh luôn kết thúc bằng phần suy ngẫm và làm rõ chi tiết thêm chủ đề đã được nêu ra trong phần giới thiệu của bài viết. Vì thế, trong số những phần cuối cùng thì phần kết luận tự nhiên được nối kết với phần giới thiệu một cách phức tạp.<sup>18</sup> Thường thì phần kết luận sẽ xem xét hàm ý của các vấn đề lý thuyết và/hay những gì được nêu ra trong phần giới thiệu của bài viết. Trong một bài viết dân tộc học, cách diễn đạt chủ đề ở phần giới thiệu hướng độc giả vào ý tưởng chính, nhưng thường ý tưởng này có thể không được miêu tả rõ ràng như phần trình bày kết luận của chủ đề. Trong khi phần giới thiệu chuẩn bị cho độc giả hiểu về các điểm phân tích và những đoạn trích tiếp theo thì phần kết luận sẽ nối kết với các ý tưởng chính xác hơn, bởi vì nhờ phần kết luận, độc giả có thể đọc được toàn bộ câu chuyện dân tộc học và thẩm thấu những chi tiết của các đoạn

<sup>17</sup> Thực vậy, Altheide và Johnson (1994:485) cho là “đánh giá và truyền tải quá trình tương tác qua đó nhà nghiên cứu có được trải nghiệm nghiên cứu và thông tin” cung cấp những thành tố cốt lõi của “logic” hay “đạo đức” nền tảng của nghiên cứu dân tộc học.

<sup>18</sup> Thực vậy, Becker (2007:50) trích lời khuyên sau đây từ Everett Hughes để viết về những phần giới thiệu sau cùng: “Những phần nhập đề được cho là để giới thiệu. Làm thế nào bạn có thể giới thiệu một điều gì đó mà bạn chưa viết? Bạn không biết nó là cái gì. Viết ra đi và sau đó bạn có thể giới thiệu nó”. Bản thân Becker (2007:55) khuyến khích cách làm cụ thể sau theo kiểu này: “Lúc bạn đi đến phần cuối của bản thảo, bạn luôn tìm ra bạn có cái gì trong đầu. Đoạn văn cuối của bạn cho bạn thấy phần nhập đề phải có cái gì, bạn có thể quay lại và đặt nó vào, sau đó có những thay đổi nhỏ trong những đoạn văn khác mà tâm điểm tập trung mới tìm thấy đòi hỏi phải như vậy.”

trích ghi chép điền dã của nó. Nói cách khác, tác phẩm dân tộc học đã kể một câu chuyện mà chỉ có thể được thấu hiểu bằng cách đọc lại tiến trình các ý tưởng phân tích và các đoạn trích ghi chép điền dã. Mỗi một phần viết có chủ đề, các quan điểm và phần bình luận về các đoạn trích sẽ giúp người đọc đi xa hơn, hướng tới phần kết luận, khi chủ đề đã được làm cho hòa hợp tinh vi hơn.

Để viết phần kết luận, nhà dân tộc học nên xem lại câu chuyện đã hoàn chỉnh, cần chú ý đặc biệt đến khung sườn của câu chuyện trong phần giới thiệu. Trong đa số các trường hợp, việc viết một phần *tóm tắt* những phát hiện và chủ đề chính của bài viết là một điều hữu ích. Thường thì phần tóm tắt này nên nói lại chủ đề của bài viết và sau đó, bằng những câu ngắn gọn, súc tích, đưa ra những đề nghị làm thế nào mỗi phần thúc đẩy hay đóng góp cho chủ đề này. Trong một số trường hợp, nhà dân tộc học có thể chọn sử dụng phần tóm tắt để bắt đầu kết luận. Trong những trường hợp khác, nhà dân tộc học có thể đi thẳng vào những vấn đề khác mà không cần phần tóm tắt. Tuy nhiên, ngay cả khi người ta không có định lấy phần tóm tắt để làm kết luận thì việc viết một phần tóm tắt cũng là điều hữu ích; nó buộc tác giả phải chuyển từ những vấn đề chi tiết trong các ý tưởng hay những phần cụ thể sang xem xét lại cấu trúc toàn bộ và mạch viết của bài. Kết quả là một quan điểm cấu trúc về những cam kết ban đầu của tác phẩm dân tộc học được so sánh với những gì nó thật sự đạt đến: Một quan điểm khiến cho người viết suy nghĩ về một vài hàm ý rộng lớn hơn của nó.

Dù cho tác giả có tóm tắt hay không thì phần kết luận cũng phải đề cập đến chủ đề của bài viết. Nhà dân tộc học có thể làm như vậy theo ít nhất là ba cách: (1) mở rộng hay điều chỉnh chủ đề theo những dữ liệu đã được khảo sát; (2) nối kết chủ đề với một lý thuyết nào đó chung hơn hay vấn đề hiện thời có liên quan đến lịch sử nghiên cứu vấn đề; và/hay (3) đưa ra một *bình luận* lớn về chủ đề đó, các phương pháp hay giả định đi cùng với nó. Tác giả có thể áp dụng chỉ một trong những lựa chọn này, hay có thể đan quyện hai hay thậm chí cả ba lựa chọn trong phần kết luận dài và chi tiết hơn.

Để minh họa cho lựa chọn thứ nhất, chúng ta sẽ xem xét vài phần kết luận của nghiên cứu dân tộc học về việc những người chăm sóc người bị bệnh Alzheimer tại gia xoay xở như thế nào với những dấu hiệu bệnh đi cùng

với điều kiện này. Phần giới thiệu cho nghiên cứu này đã nhấn mạnh khái niệm của Goffman (1971) về "nguyên tắc thông tin gia đình", đó là các thành viên gia đình muốn giữ kiến thức về các dấu hiệu bệnh (các thông tin đáng ngờ) trong gia đình, để ngăn không cho người ngoài biết. Trong phần kết luận, tác giả quay lại vấn đề này, cho rằng khi bệnh nặng hơn thì sẽ có một sự thay đổi mạnh mẽ trong việc gia đình đề cao nguyên tắc thông tin này:

Người chăm sóc bệnh nhân Alzheimer sẽ cố gắng thông đồng với thành viên gia đình càng lâu càng tốt, tiếp tục chịu đựng theo nguyên tắc thông tin gia đình hết mức có thể và hạn chế tiết lộ thông tin ban đầu với người thân và nhân viên y tế. Tuy nhiên, có thể đến lúc người chăm sóc nhận ra là bà ấy hay ông ấy không thể dựa vào người bệnh Alzheimer để nhận thức về cái gì không đáng tin, chưa nói đến việc khuyến khích hay có thể thông đồng khi cố gắng che đậy hoặc giảm thiểu sự lúng túng. Vì thế, việc kiểm soát thông tin trong nội bộ gia đình có khuynh hướng mở đường cho người chăm sóc kiểm soát mối quan hệ giữa các cá nhân và tương tác trực tiếp hơn.

Người chăm sóc bệnh nhân ngày càng phụ thuộc vào các thực hành quản lý khác nhau để kiểm soát cá nhân, cả trong phạm vi gia đình cũng như bên ngoài. Và khi người bị bệnh Alzheimer không thể tiếp tục chơi trò thông đồng nữa thì những người chăm sóc dần dần đi đến việc liên minh với những người bên ngoài, phơi bày những thông tin đáng ngờ.

Ở đây tác giả cho là người chăm sóc người bệnh trong gia đình lúc đầu luôn tìm cách tôn trọng nguyên tắc thông tin gia đình, và để làm được vậy cần phải có sự hợp tác từ người bệnh Alzheimer. Khi không còn dựa vào sự hợp tác như vậy được nữa, người chăm sóc sẽ càng lúc càng vi phạm nguyên tắc bằng cách tiết lộ thông tin đáng ngờ cho những người bên ngoài để tranh thủ sự giúp đỡ của họ trong việc quản lý bệnh nhân. Theo cách này, tác giả nhấn mạnh trong phần kết luận rằng các phát hiện của cô ấy đã điều chỉnh khái niệm của Goffman như thế nào, bằng cách chỉ ra những điều kiện ẩn chứa trong hoạt động của nguyên tắc thông tin gia đình trước đây không được chú ý và đánh giá đúng những loại tình huống có thể dẫn đến việc các thành viên gia đình vi phạm nguyên tắc này.

Một cách khác để các tác giả có thể mở rộng phát biểu chủ đề là phát triển những mối liên kết lý thuyết giữa các thành tố riêng biệt của chủ

đề. Chẳng hạn, khi giới thiệu cho phần nghiên cứu các bệnh nhân ở một trung tâm dành cho bệnh nhân tâm thần, chủ đề có tính chất giới thiệu nhầm vào hai khuynh hướng mâu thuẫn nhau trong trung tâm: sự phụ thuộc của bệnh nhân vào các nhân viên và khả năng các bệnh nhân gây ảnh hưởng tích cực đến quan điểm của các nhân viên về họ. Trong phần kết luận, tác giả sử dụng những phân tích cụ thể hơn về những mối quan hệ để nêu kết rõ ràng những khuynh hướng mâu thuẫn này như các phần của một vòng luẩn quẩn đang diễn ra. Các bệnh nhân cảm thấy bị tổn thương bởi quyền lực của các nhân viên và có thể đáp ứng bằng cách cố gắng xây dựng niềm tin và thiện chí với họ. Để làm điều này, họ tham dự vào việc chữa trị và các hoạt động do nhân viên khởi xướng. Kết quả là họ có được sự ủng hộ và bảo vệ của nhân viên nhưng vì thế cũng trở nên phụ thuộc trực tiếp hơn vào các nhân viên, người "bảo trợ" họ. Vì vậy, phân tích này nêu hai dạng thức mà ban đầu xuất hiện riêng rẽ và thực sự mâu thuẫn nhau, hướng tới một kết quả mia mai, qua đó hành động của các bệnh nhân với mục đích làm giảm sự tổn thương và phụ thuộc vào nhân viên lại đi đến kết cục là thắt chặt thêm sự phụ thuộc đó. Trong lựa chọn này, tác giả kể một câu chuyện dân tộc học tiến triển từ một chủ đề lúc đầu nhấn mạnh các khuynh hướng mâu thuẫn, thông qua một thảo luận sâu về các quan điểm phân tích với những đoạn trích thích hợp, cuối cùng đi đến một kết luận đan xen hai hướng mâu thuẫn này với nhau.

Thứ hai, một kết luận có thể cố gắng nêu kết chủ đề của tác phẩm dân tộc học với những vấn đề được nêu ra trong lịch sử nghiên cứu tương ứng của ngành. Trong nghiên cứu về việc chăm sóc người bệnh Alzheimer tại nhà, theo sau các đoạn văn được trích ở trên, tác giả nêu kết sự tương phản giữa việc thông đồng với người bị bệnh Alzheimer, việc thông đồng với người bên ngoài và một vấn đề chung hơn trong xã hội học về sự lách laced: Khi nào các thành viên gia đình *chấp nhận*, chịu đựng và tiếp tục canh chừng một thành viên trong gia đình trong một loại điều kiện hay hành vi có dấu hiệu bệnh nào đó; khi nào họ quay lại, loại trừ, và hoàn toàn *từ bỏ* thành viên gia đình này? Vấn đề này đã được nói đến trong một bài báo có tựa đề là "Hướng đến một nghiên cứu xã hội học về sự chấp nhận: Khía cạnh khác của việc nghiên cứu về sự lách laced" (Toward a Sociology of Acceptance: The

Other Side of the Study of Deviance) (Bogdan và Taylor, 1987) mà tác giả đã trích dẫn khi phát triển tranh luận của cô ấy:

Nhận thức hai giai đoạn này của việc quản lý dấu hiệu bệnh của người chăm sóc, sự thông đồng với người bị bệnh Alzheimer, một sự sắp xếp lại và thông đồng với người bên ngoài cho phép sự hợp nhất giữa lý thuyết xã hội học về sự chấp thuận và lý thuyết về sự từ chối (Bogdan và Taylor, 1987).

Ở đây, tác giả đưa ra khả năng thống nhất các lý thuyết xã hội học về việc tại sao và bằng cách nào người ta chịu đựng những người lệch lạc với những lý thuyết về việc tại sao và bằng cách nào người ta loại trừ và chối bỏ những người lệch lạc. Những phản ứng này không nhất thiết phải là những tiến trình hành động chồng lại và thay thế cho nhau; một số hình thức loại trừ phát triển một cách chính xác bởi sự cam kết sâu sắc và mãi mãi đối với việc chăm sóc người khác, trong điều kiện những thành viên gia đình phải chịu khổ sở, người chăm sóc không còn có thể “dựa vào” họ để quản lý tình huống một cách khoan dung. Tác giả lập luận rằng sự thống nhất giữa việc chấp thuận và chối bỏ thường xuyên được nhấn mạnh trong cảm giác yêu ghét lẫn lộn của người chăm sóc khi phải có những hành động chối bỏ hoàn toàn đối với người bệnh Alzheimer:

Nhiều người chăm sóc bệnh nhân bị phiền nhiễu vì phải có sự kiểm soát ngày càng nhiều đối với các thành viên gia đình của họ. Về việc điều khiển con người cũng như sử dụng sự cưỡng ép thân thể, họ đã đưa ra những nhận xét như: “Tôi ghét cái giọng cằn nhằn của tôi”. Hay khi một người chăm sóc nói về việc kiểm soát vợ mình: “Tôi không có quyền.”

Theo cách này, khái niệm chấp nhận cũng được mở rộng để bao gồm việc chối bỏ những hành động lưỡng lự kết hợp với sự tiếc nuối sâu sắc.

Sự lựa chọn thứ ba khi viết một kết luận là ngừng lại, lui lại, và suy ngẫm về tác phẩm dân tộc học khi đưa ra một *bình luận lớn* về các phương pháp, nhận định, tinh thần chung, hay các kết luận. Khi nghiên cứu đời sống của các cư dân ở trung tâm dành cho bệnh nhân đã từng bị tâm thần, tác giả không chỉ nói đến các mối quan hệ giữa nhân viên và người bệnh mà còn xem làm thế nào những người bệnh liên hệ và phát triển những mối

liên kết xã hội và có tính ủng hộ quan trọng với nhau. Một phần của tác phẩm này tìm hiểu cách các bệnh nhân thường xuyên trao đổi những đồ vật nào đó với nhau - thuốc lá, thức ăn, ít tiền bạc. Tác giả cho là những trao đổi này và những mối quan hệ họ liên tục tạo ra và duy trì sẽ giúp các bệnh nhân giải quyết tình trạng thiếu thốn triền miên. Tuy nhiên, trong phần kết luận, cô ấy đã suy nghĩ đến việc tìm hiểu ban đầu về "các chiến lược" trao đổi của bệnh nhân này đã trình bày một quan điểm "quá duy lý hóa" và có tính diễn trò về những trao đổi như thế nào. Cô ấy lập luận là quan điểm này cần phải được bổ sung bằng sự nhận thức sâu sắc về chất lượng chăm sóc và xúc cảm, cũng đặc trưng cho những trao đổi này như vai trò của sự trao đổi đối với việc nuôi dưỡng một cảm giác về sự chia sẻ và cộng đồng giữa một số bệnh nhân. Việc phân tích chiến lược và sách lược trước đó có khuynh hướng làm lu mờ và sai lệch những quá trình quan trọng này.

Trong tất cả những hướng tiếp cận để viết một kết luận, nhà dân tộc học quay lại vấn đề xác định và viết ra một dạng thức rõ ràng và chi tiết về tính thích hợp của một số trải nghiệm, những quan sát, hiểu biết của tác giả về phong cách sống của người khác để độc giả có thể hiểu. Nhưng bằng cách tiến hành theo phương thức giữ các ghi chép điền dã ở vị trí trung tâm của quá trình phân tích, nhà dân tộc học thường có thể đạt đến sự thấu hiểu và đưa ra những liên hệ không hoàn toàn phù hợp với những giải thích và lý thuyết hiện có trong ngành. Chủ đề được gọt giũa, chính xác hơn là được trình bày trong phần kết luận, sẽ có khả năng ưu tiên quan điểm các thành viên, cho thấy cái gì là thú vị (và có tầm quan trọng về lý thuyết) đối với đời sống ở địa phương mà có thể thuyết phục các độc giả hàn lâm. Vì thế, một chủ đề rõ ràng trong phần kết luận không chỉ trình bày những trải nghiệm của các thành viên mà nhà dân tộc học đã nhìn và nghe thấy, mà còn tiếp tục làm rõ những vấn đề đã biết, hay đưa ra một bối cảnh hoàn toàn mới.

## SUY NGÂM: GIỮA CÁC THÀNH VIÊN VÀ CÁC ĐỘC GIẢ

Khi tạo ra một tác phẩm dân tộc học cho một lượng độc giả rộng lớn hơn, các nhà điền dã thường bị giằng co bởi mâu thuẫn giữa việc trình bày một

thế giới bản địa nào đó và các ý nghĩa của nó, với việc làm cho cáac kinh nghiệm của riêng họ ở thế giới đó nói lên những mối quan tâm räät khää nhau của những độc giả hàn lâm. Khi tạo ra một câu chuyện dân tộc họ hoàn chỉnh, nhà dân tộc học hướng tới yếu tố sau một cách tự ý thứỨc; k<sup>t</sup> thường xuyên quay trở lại với các bản ghi chép điền dã và những k<sup>y</sup> ý niênn liên quan được những ghi chú này gợi lên, anh ta/cô ta sẽ nhớ đến y yếu t<sup>i</sup> đầu tiên.

Trong khi mối quan hệ cho và nhận trên thực địa tiếp tục định hình những hiểu biết của nhà dân tộc học, thì tác phẩm dân tộc học hoàn chỉnh là phiên bản của nhà dân tộc học về những điều đã xảy ra và những sự kiện. Đa số các quy tắc dân tộc học cho phép tác giả đại diện cho những người khác (và kinh nghiệm với họ) như những gì cô ấy cho là tốt nhất.. Theo nghĩa này, nhà dân tộc học công khai chấp nhận và thực thi đặc lợi c<sup>c</sup> có tính uy quyền đó. Ngay cả khi nhà dân tộc học yêu cầu các thành viên đọc những phần viết hay nhận xét về những phân tích nào đó, thì họ cũng có lời nói cuối cùng về cả bản thân văn bản lẫn mức độ đánh giá của các thành viên về văn bản đó (xem Bloor, 1988; Emerson và Pollner, 1988; Richardson, 1992). Dù cho nhà dân tộc học luôn nỗ lực hết mình để tham dự, học hỏi về ý nghĩa của các thành viên và sự phản thân trong việc thể hiện các thực tại của những người khác, thì văn bản cuối cùng vẫn trình bày một câu chuyện khá suôn sẻ, được xác định và kiểm soát chủ yếu bởi tác giả.<sup>19</sup>

Theo thời gian bắt đầu từ thực địa và trải dài qua việc viết bài, nhiều dân tộc học phát triển một quan điểm phức tạp về các trải nghiệm thực địa.. Tuy

<sup>19</sup> Một số nhà dân tộc học chống lại những đặc điểm này của các dạng thức kể chuyện truyền thống. Chẳng hạn như Atkinson (1992:40) xem xét các cách viết dân tộc học, nhưng cố gắng tránh "miêu tả dân tộc học đơn luân... chỉ có tiếng nói ưu tiên duy nhất của một người kể chuyện" hoặc bằng cách tạo ra các văn bản rời rạc (gỡ băng các cuộc đối thoại giữa nhà dân tộc học và người cung cấp thông tin, như Dwyer 1982) hay bằng các văn bản đa thanh (polyphonic) dùng để đại diện cho từ ngữ và cách suy nghĩ thực sự của những người được nghiên cứu, thông qua các trích dẫn mở rộng (Crapanzano, 1985; Stacy, 1998). Các nhà dân tộc học khác đã cố gắng vượt qua văn bản dựa trên cách kể chuyện truyền thống bằng cách viết theo nhiều thể loại văn chương khác nhau, gồm có thơ (Richardson, 1992), kịch (McCall và Becker, 1990; Mulkey, 1985) và câu chuyện hư cấu (Wolf, 1992). Muốn tham khảo tổng quan chung về những nỗ lực này, xin xem Atkinson (1992), và Emerson (2001:306-11, "các truyền thống miêu tả dân tộc học và các văn bản thực nghiệm").

nhiên, văn bản dân tộc học đưa ra một bối cảnh bao trùm hơn cả của chính bản thân anh ta tại thời điểm viết. Chỉ khi diễn giải của người đọc khác với diễn giải của nhà thực địa thì mới xuất hiện rõ ràng nhiều cách để diễn giải một hệ thống ghi chú. Nhưng việc nghĩ về nhiều khả năng diễn giải khác nhau khi viết có thể khiến người viết bị bó buộc, khiến họ không thể kể được bất cứ câu chuyện nào. Vì vậy, một tác phẩm dân tộc học chỉ được có cái nhìn của tác giả về những trải nghiệm thực địa. Và vì có quyền kiểm soát văn bản nên tác giả sẽ có một giọng nói thẩm quyền khi viết.

Tuy nhiên, nhà dân tộc học đôi lúc tạo ra những cái nhìn thoáng qua không chú ý về đời sống hằng ngày của những người khác. Độc giả có thể nhận thức những điều mà nhà dân tộc học không định nói ra. Thật vậy, sự tham gia của độc giả vào việc tạo ra văn bản có thể là một thuận lợi có tính hai mặt trong các tác phẩm dân tộc học được xây dựng dựa trên những đoạn trích ghi chép điền dã. Một mặt, độc giả sẽ tham gia trực tiếp hơn vào những khung cảnh xã hội được miêu tả, nhờ thế, họ theo đuổi mạch truyện một cách thuyết phục. Hơn nữa, họ cũng có thể săn sàng đánh giá sự phân tích được đưa ra, ít nhất là phiên bản do tác giả trình bày, và có được những hiểu biết khác nhau từ các ghi chép điền dã.

Vì thế, khi chọn những ghi chép điền dã cho những hiệu ứng hoa mỹ cũng như cho những chức năng biểu thị và khái niệm, một nhà dân tộc học luôn cố gắng hình dung trước những khả năng diễn giải khả hữu của độc giả. Nhưng các độc giả cuối cùng lại hiểu theo cách của mình, mặc dù nhà dân tộc đã viết phần ghi chú, chọn lựa và sắp xếp chúng trong văn bản. Thậm chí, những ghi chép điền dã gốc được gắn ngay trong phần phân tích, cho phép bất cứ độc giả nào cũng có thể lắng nghe thật kỹ giọng nói của các thành viên, trải nghiệm thay cho những hành động của họ và hình dung ra những diễn giải khác. Cuối cùng, dường như độc giả vẫn có tiếng nói của riêng mình.

## Chương 8

# Kết luận

Trong những chương trước, đầu tiên chúng ta đã xem xét những quá trình mà qua đó, nhà nghiên cứu thực địa biến trải nghiệm và sự quan sát trực tiếp thành ghi chép điền dã. Sau đó, chúng ta xem xét các cách sử dụng ghi chép điền dã để phát triển và kể một câu chuyện miêu tả dân tộc học, xem xét một loạt quy trình dùng để xây dựng các văn bản lấy ghi chép điền dã làm trung tâm. Trong chương cuối này, chúng tôi muốn đưa ra một số suy ngẫm xa hơn về việc học cách viết, sử dụng các ghi chép điền dã như thế nào, và về một số hàm ý rộng lớn hơn của quá trình đó đối với nghiên cứu dân tộc học.

Như chúng ta đã thấy, khi viết các ghi chép điền dã, nhà dân tộc phải lựa chọn một số cách viết cụ thể; thông qua lựa chọn này, cô ấy biến những trải nghiệm và quan sát thành văn bản và dữ liệu. Rõ ràng là có nhiều lựa chọn về cách viết liên quan đến việc quyết định viết *cái gì* để ghi chép và miêu tả nỗ lực thực tế của những người chăm sóc bệnh nhân Alzheimer tại gia đình, các dạng thức phân bố tộc người và chủng tộc trong một sân chơi, hay sự tham gia của độc giả vào hoạt động kể chuyện ở một làng người Zaire. Nhưng các lựa chọn cũng bao gồm những quyết định phức tạp về việc *làm thế nào* để viết ra những gì đã quan sát và trải nghiệm. Như chúng tôi đã nhấn mạnh, viết các ghi chép điền dã không chỉ đơn thuần là vấn đề đưa những chi tiết quan sát được vào bài viết. Thay vào đó, nhà dân tộc học phải dựa vào một loạt truyền thống viết lách để chủ động tạo ra những nhân vật và cảnh huống trên trang giấy, để miêu tả các hành động và ngôn ngữ một cách kịch tính, và để truyền tải hiệu quả ý nghĩa của các sự kiện giống như những người có liên quan đến chúng nhận thức.

Đĩ nhiên, nhà dân tộc học không thể luôn lựa chọn một cách hữu thức; bởi vì nhiệm vụ trực tiếp là đưa những phần miêu tả và lý giải vào trong trang viết nên các tác giả có kinh nghiệm có thể sử dụng những kỹ năng và lựa chọn mà không cần phải suy nghĩ một cách hữu thức. Nhưng chúng tôi tin là nhận thức về việc lựa chọn càng tăng thì sẽ càng có nhiều lựa chọn, như vậy chất lượng tổng quát của nghiên cứu dân tộc học sẽ tăng lên. Đầu tiên, nhận thức ngày càng gia tăng về việc viết sẽ giúp các nhà dân tộc học tạo nên những ghi chép điền dã phong phú, đa dạng và hữu ích hơn. Khi nhận thức được và sử dụng thông thạo các quy tắc viết một cách hiệu quả, nhà dân tộc học có khả năng nắm bắt những chi tiết quan trọng, tạo ra một sự tưởng tượng sống động và đưa ra những miêu tả nhiều sắc thái về các cuộc nói chuyện và những sự kiện. Nhà nghiên cứu thực địa sẽ linh động hơn nhiều khi lựa chọn cách viết. Anh ấy sẽ biết và vận dụng những hiệu ứng khác nhau của việc viết ở ngôi thứ ba như một đối trọng với ngôi thứ nhất, của việc miêu tả một cảnh hay sự kiện từ các quan điểm cụ thể hay khác nhau và của việc viết ra lời nói của những người khác theo lối nói trực tiếp hay gián tiếp, như các lợi thế của mình.

Nhưng thêm vào đó, nhận thức ngày càng tăng về việc lựa chọn cách viết cũng có thể khiến cho nhà dân tộc học càng chú ý hơn đến các chi tiết khi đang ở thực địa. Việc hình dung lại các cảnh tượng khi được viết có thể giúp nhà nghiên cứu làm việc tốt hơn. Với kiến thức về việc lựa chọn cách viết, anh ta sẽ điều chỉnh phong cách cho phù hợp với những đặc điểm của hành động và cuộc trò chuyện thể hiện trong bài viết. Hơn thế nữa, một nhà nghiên cứu sẽ lựa chọn các quan điểm khác nhau trong cách viết để khỏi bị nhầm lẫn giữa quan điểm riêng của mình với những quan điểm của người khác; vì vậy, anh ta sẽ có thể nhận diện và tái hiện giọng nói của các thành viên một cách đầy đủ hơn.

Ngoài ra, sự nhạy cảm với việc lựa chọn cách viết khi xây dựng một văn bản cuối cùng lấy ghi chép điền dã làm trung tâm cũng giúp nhà nghiên cứu thực địa tạo ra những câu chuyện dân tộc học hấp dẫn và lôi cuốn hơn. Chẳng hạn, tác giả có thể sử dụng phong cách phù hợp để đáp ứng với những giọng nói từ thực địa và cả giọng nói của các độc giả hàn lâm được hình dung ra trước. Cô ấy nhận ra là mình phải dịch và diễn giải giọng nói của các thành viên ra thành ngôn ngữ phân tích của các độc giả mục tiêu để

nói lên những vấn đề, lý thuyết và mối quan tâm có thể hấp dẫn họ. Vì vậy, khi tạo ra một văn bản cuối cùng lấy ghi chép điền dã làm trung tâm, nhà dân tộc học đưa vào những đoạn trích tường thuật tiếng nói của các thành viên nhưng với nhận thức là mình đang kiểm soát và sắp đặt sự hiện diện của chúng; cô ấy tái cấu trúc và sắp xếp lại lời nói, việc làm của các thành viên vào câu chuyện dân tộc học. Nhờ nhạy cảm với những mối quan tâm và ý nghĩa của các thành viên, cô ấy có thể trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ trình bày lại những ý nghĩa này chẳng hạn, làm cho chúng “thú vị” hay “thích hợp” hơn với mối quan tâm của độc giả mục tiêu. Kết quả là, trong một tác phẩm dân tộc học xuất sắc, người đọc có thể nghe hai hệ thống tiếng nói này hòa điệu hay ít nhất là không tạo ra những âm thanh trái tai. Tác phẩm miêu tả dân tộc học nên đưa ra một phương tiện, mà qua đó có thể cất lên những tiếng nói từ thực địa, theo những cách đặc trưng của chúng; và đồng thời, tác phẩm dân tộc học cũng nên nói theo ngôn ngữ của người đọc, nói lên các vấn đề, lý thuyết, và những mối quan tâm của họ.<sup>1</sup>

Trong tất cả những phương cách này, việc nhận thức ngày càng tăng về sự chọn lựa cách viết cho phép tác giả có được những đánh giá sâu sắc về sức mạnh và các hàm ý của việc viết một câu chuyện. Nhà dân tộc học sẽ nhận ra là anh ấy không chỉ đơn thuần đang ghi lại những sự kiện được chứng kiến; mà hơn thế nữa, thông qua cách viết của mình, anh ta đang chủ động tạo ra thực tại và các ý nghĩa. Khi viết các ghi chép điền dã, anh ta không chỉ đơn thuần gìn giữ những giây phút đó ở dạng văn bản, vì anh ta đang định hình những giây phút quan sát được thành những khung cảnh, nhân vật, cuộc đối thoại và những hành động lần đầu tiên được kể lại. Mà

<sup>1</sup> Một vấn đề với tác phẩm dân tộc học truyền thống là tính một mặt của sự sắp xếp này: vì các tác phẩm dân tộc học được viết ra và lưu hành hầu như chỉ trong giới độc giả hàn lâm nên những người mà cuộc sống và tiếng nói đã được miêu tả ít khi có một cơ hội để đọc và phản ứng một cách công khai với việc họ được thể hiện như thế nào. Một số nhà nghiên cứu thực địa (chẳng hạn như Bloor, 2001; Emerson và Pollner, 1988, 1992; Handler, 1985; Tedlock, 1979) giờ đây chủ trương đem những lý giải dân tộc học quay trở lại với những người mà cuộc sống của họ thể hiện, chủ yếu không phải để làm cho các lý giải đó “có giá trị”, mà để mở ra cuộc đối thoại chủ động giữa các thành viên và nhà nghiên cứu về ý nghĩa và những lý giải được đưa ra. “Cuộc đối thoại” như vậy không phải nhằm đến sự đồng ý hay sự thống nhất mà để nhấn mạnh những khác biệt chắc chắn sẽ đánh dấu những mối quan tâm của các nhà dân tộc học và những người mà họ đã đại diện (xem Emerson và Pollner, 1992:95-96).

sau đó, khi làm việc lại với các ghi chép điền dã và chuyển chúng vào câu chuyện dân tộc học cuối cùng, anh ta không chỉ đơn thuần kể lại câu chuyện đã xảy ra; thay vào đó, anh ta cấu trúc lại “những gì đã xảy ra” để minh họa cho một dạng thức hay đưa ra một quan điểm. Chắc chắn là khi diễn giải các ghi chép điền dã của mình cho những độc giả không biết gì về thế giới đó, anh ta đã kiến tạo nên một phiên bản của các sự kiện. Vì thế, trong lúc viết và phân tích các ghi chép điền dã, nhà dân tộc học - với tư cách là tác giả - ngày càng gia tăng nhận thức về vai trò và trách nhiệm của mình khi kể chuyện về những người anh ta nghiên cứu, vì anh ta đang miêu tả lại thế giới hằng ngày của họ.<sup>2</sup> Khi làm như thế, anh ta liên tục được nhắc nhở rằng hành động viết tạo ra ý nghĩa và kiến thức như thế nào.

Theo nghĩa này, nhận thức về việc lựa chọn cách viết sẽ tạo ra sự đánh giá về *tính phản thân* của nghiên cứu dân tộc học. Tính phản thân bao gồm việc nhận ra tác phẩm về một thực tại không chỉ đơn giản phản ánh thực tại mà nó còn là sự sáng tạo hay tái hiện lại như thật những gì nó miêu tả. Vì thế “khái niệm về tính phản thân nhận ra là các bài viết không chỉ đơn giản là tường thuật rõ ràng một trật tự độc lập của thực tại. Thay vào đó, bản thân các văn bản có liên quan đến việc “tạo dựng thực tại”” (Atkinson, 1990:7).

Các phân tích quan trọng về miêu tả dân tộc học tập trung vào tính phản thân (chẳng hạn như Clifford và Marcus, 1986; Atkinson, 1990; Van Maanen, 1988) có khuynh hướng nói lên cấu trúc tu từ hay những giả định chính trị và văn hóa được ngầm hiểu về những tác phẩm dân tộc học hoàn chỉnh, xem xét việc nhà dân tộc học đại diện cho một nền văn hóa khác, phát triển một dòng phân tích cụ thể, tạo ra một tranh luận thuyết phục hay một câu chuyện lôi cuốn trong một xuất bản phẩm như thế nào. Tuy nhiên, bản thân những phân tích này cũng bộc lộ những giới hạn quan trọng vì chúng hoàn toàn miêu tả các tác phẩm dân tộc học cuối cùng như những kiến tạo gốc và không bị giới hạn, hoàn toàn được tạo ra nhờ những nỗ lực

<sup>2</sup> Johnson và Altheide (1993:105) đã tóm tắt những nhu cầu mâu thuẫn này bằng cách cho là nhà dân tộc học/tác giả phải tìm cách “định vị bản thân mình so với các chủ đề, để chấp nhận uy quyền với trách nhiệm của nó, khả năng sai lầm, những giới hạn, và kể câu chuyện “của bạn” về chủ đề, làm rõ là bạn “có định kiến” trong cách lý giải qua sự tập trung, chọn lựa, miêu tả và diễn giải cụ thể về các tài liệu”.

lớn lao của nhà dân tộc học để phù hợp với trải nghiệm trên thực địa. Mặc dù các tác phẩm dân tộc học đã gọt giũa một phần được chọn lọc từ những ký ức và suy ngẫm về trải nghiệm thực địa, nhưng chúng còn chủ yếu dựa vào những ghi chép điền dã về thực tại được trải nghiệm đó. Các tác phẩm dân tộc học cuối cùng ít khi là những tác phẩm lớn được xây dựng hoàn toàn bằng các tác phẩm gốc, mà thường là những dự án được xây dựng vội vàng, kết hợp chặt chẽ và bị ràng buộc bởi các phần ghi chép điền dã trước đó. Các quá trình có tính tái hiện, qua đó các phần ghi chép điền dã được chọn lọc (hay bỏ qua), được nối kết với nhau, điều chỉnh lại theo một giọng điệu nhất quán và hợp nhất với nhau để tạo ra một phong cách tu từ được nhận diện rõ ràng, ít hay không được quan tâm. Theo cách này, đa số các phân tích phản thân bị bỏ qua hay đặt ra bên lề những ghi chép điền dã khi xây dựng các bài viết dân tộc học hoàn chỉnh, và vì thế, bỏ qua vai trò của các ghi chép điền dã trong khi chủ động tiến hành tạo dựng một văn bản dân tộc học trau chuốt.

Những phân tích quan trọng như vậy không chỉ bỏ qua việc sử dụng các ghi chép điền dã khi viết các bản văn dân tộc học cuối cùng, mà còn bỏ qua các quá trình trước đó khi nhà dân tộc học thực sự tạo ra bản ghi chép điền dã đầu tiên. Tuy nhiên, sự biến chuyển đầu tiên từ các trải nghiệm và quan sát thực địa thành các văn bản viết bao gồm sự tái dựng có tính hệ quả và sâu sắc của thực tại xã hội, cũng như việc tạo ra các tác phẩm dân tộc học trau chuốt và đầy đủ. Sự gia tăng nhận thức về các đặc tính phản thân trong văn bản dân tộc học nhìn chung đã được thúc đẩy mà không chú ý gì đến các thực hành viết hằng ngày tạo ra những gì sẽ được xem là dữ liệu dân tộc học.

Để lấp bớt khoảng trống giữa phân tích phản thân và thực hành phản thân, người ta phải xem xét kỹ lưỡng và chính xác xem các nhà dân tộc học đã bắt tay viết các ghi chép điền dã như thế nào: làm thế nào họ tạo ra, xử lý và cuối cùng là tập hợp những ghi chép điền dã thành các văn bản được dự kiến dành cho các đối tượng độc giả rộng lớn hơn. Theo những khía cạnh quan trọng, việc miêu tả con người, các sự kiện và cảnh vật trong ghi chép điền dã đã tạo ra dạng thức và bản chất cụ thể cho những vấn đề này đối với người viết. Sau cùng, người viết không chỉ đơn giản là ngồi xuống và trực tiếp đưa vào bài viết một điều gì đó đã hình dung sẵn trong đầu. Mà

thay vào đó, anh ta phải tạo nên các miêu tả của mình: phải quyết định bắt đầu ở đâu, cái gì đặt trước và cái gì đặt sau, đưa vào cái gì và bỏ qua cái gì. Trong khi viết, anh ta sẽ quyết định trình bày quan điểm của ai, điều gì là quan trọng về một con người hay sự kiện và điều gì không quan trọng, có thể bỏ qua. Những quyết định này thậm chí sẽ trở nên rõ ràng hơn đối với các độc giả sau này, những người vốn không được tiếp cận độc lập với thực tại nằm đằng sau và định hình cho tác phẩm. Sau đó, từ quan điểm của độc giả, văn bản về lối sống của một dân tộc đã tạo ra thế giới đó như một hiện tượng.

Ở những chương trước, chúng tôi đã nhấn mạnh một vài lựa chọn về cách viết cụ thể giúp nêu bật sự chú ý về đặc điểm phản thân của nghiên cứu dân tộc học. Thứ nhất, chúng tôi ủng hộ việc viết các ghi chép điền dã, điều này giúp độc giả thấy và nghe được tiếng nói của nhà dân tộc học, vì những tương tác của nhà dân tộc học trên thực địa định hình việc viết lách của cô ấy. Theo cách này, các quá trình tạo ra văn bản dân tộc học có thể được gìn giữ và cung cấp cho người đọc: "Phản thân đang cấu trúc các sản phẩm giao tiếp để độc giả thừa nhận rằng người tạo ra, quá trình xử lý và sản phẩm là một tổng thể chặt chẽ" (Myerhoff và Ruby, 1982:6). Nhưng khi viết như vậy nhà dân tộc học phải nhắc nhở bản thân là những gì cô ấy biết và những gì được nói đến trong đó đã xuất hiện vào một dịp cụ thể và được định hình bởi các phương pháp của bản thân cô ấy và phương thức tham gia.

Thứ hai, chúng tôi khuyến khích viết các ghi chép điền dã theo những cách có thể nắm bắt và thể hiện được ý nghĩa của các thành viên - các bối cảnh, sự hiểu biết, các mối quan tâm và tiếng nói của những người được nghiên cứu. Để thực hiện điều này một cách hiệu quả, tác giả phải hiểu rõ là cô ấy thực sự đang đại diện cho ý nghĩa của các thành viên, tạo ra, nói như Geertz (1973), "ý nghĩa của các ý nghĩa", hay "diễn giải về những diễn giải."

Nhưng có vẻ là vấn đề sẽ xuất hiện khi chúng ta nhận ra là ý nghĩa của các thành viên không phải là những điều gì đó nằm trong là chính bản thân họ, mà chúng đại diện cho điều gì đó: Tại sao nên ưu tiên cho ý nghĩa của các thành viên hơn bất cứ sự tái hiện (miêu tả) nào khác mà một nhà dân tộc học có thể có? Một lần nữa, ở đây, chúng tôi cho là các ghi chép điền dã và những tác phẩm dân tộc học hoàn chỉnh chắc chắn và không thể tránh khỏi

việc bị con người, sự trải nghiệm, quan điểm và các ưu tiên lý thuyết của nhà dân tộc học dàn xếp. Nhưng quan điểm và những ưu tiên lý thuyết của nhà nghiên cứu không chỉ đơn giản được đưa ra trước; chúng bị định hình và ảnh hưởng bởi những mối quan hệ giữa anh ấy với những người trong thế giới xã hội mà anh ấy đang cố gắng tìm hiểu. Với tư cách là người tham dự có một vị trí trong bối cảnh địa phương và tham dự ở mức độ nào đó với những con người trong đó, nhà nghiên cứu là một phần của thế giới được nghiên cứu chứ không phải là một nhà quan sát trung lập, tách rời. Quá trình hình thành các mối quan hệ với những người cụ thể đưa nhà dân tộc học vào hệ thống ý nghĩa của họ, những hệ thống mà họ phải học hỏi và hiểu biết, chứ không phải chỉ để được chấp nhận vào trong xã hội đó. Nhà dân tộc học càng hòa mình vào thế giới xã hội của người khác thì anh ta càng đưa những giả định riêng của bản thân - những cách thức riêng để tạo ra và gán ý nghĩa cho các sự kiện và hành vi - đối với những thách thức trong cuộc sống hằng ngày của các thành viên. Vậy, những ghi chép điền dã của nhà dân tộc học bao gồm việc miêu tả và suy ngẫm về những ý nghĩa có được và được tạo dựng thông qua quá trình tham gia vào các mối quan hệ với những gì được nghiên cứu. Vì thế, các ghi chép điền dã phản ánh những hiểu biết có được thông qua việc dấn thân vào logic thế giới xã hội của những người khác, một logic phần nào cấu tạo nên những lăng kính mà nhà dân tộc học dùng để xem xét và tìm hiểu thế giới đó. Cuối cùng, những gì anh ta chắc chắn viết sẽ là phiên bản của anh ta (được thông tin bằng lý thuyết, những mối quan tâm và những ưu tiên khác nữa) về phiên bản của họ. Nhưng những phiên bản do một nhà dân tộc học tạo ra sẽ được thương thảo và sắp xếp theo quan điểm, logic và cấu trúc trong thế giới của các thành viên cũng như thế giới của nhà nghiên cứu. Vì vậy, thông qua mối quan hệ với những người khác, nhà nghiên cứu cần có khả năng đánh giá và tìm hiểu về những tương tác theo thuật ngữ của các thành viên chứ không chỉ bằng thuật ngữ của riêng anh ta.

Phản thân là điều quan trọng đối với việc làm sao để hiểu được thế giới của người khác cũng như đối với việc làm sao để hiểu được công trình nghiên cứu. Tính phản thân, khi được áp dụng để tìm hiểu về thế giới của người khác, giúp chúng ta thấy những thế giới này như đã được định hình chứ không phải qua các biến hay cấu trúc đứng bên trên, tách biệt với con

người, mà thay vào đó là như các hệ thống ý nghĩa được thương thảo và tạo dựng trong và thông qua các mối quan hệ. Vì thế, khi được áp dụng một cách tự giác đối với bản thân chúng ta, với tư cách là những nhà nghiên cứu, thì lǎng kính phản thân sẽ giúp chúng ta thấy được và trân trọng việc làm thế nào để cách hiểu của bản thân chúng ta về thế giới của những người khác không và không bao giờ là những miêu tả từ bên ngoài những thế giới này. Thay vào đó, những thế giới này phải được hiểu và tạo dựng nên từ bên trong và thông qua các mối quan hệ với những người được nghiên cứu. Vì thế, trong việc rèn luyện lǎng kính phản thân cho bản thân chúng ta, chúng ta phải hiểu được công trình của riêng chúng ta cũng nhiều như hiểu về những người chúng ta nghiên cứu.